

YÊN TỬ CÚ SĨ  
TRẦN ĐẠI SỸ

ANH HÙNG ĐÔNG-A  
DỰNG CỜ  
BÌNH MÔNG

còn chuyện lịch sử



## **Cáo lỗi:**

Thuật giả trân trọng cáo lỗi với độc giả hai điều.

Suốt 50 hồi, bộ Anh Hùng Đông A Dựng Cờ Bình Mông có nhiều vấn đề, nhiều chi tiết đã nói tới, đã giảng giải, đã chú thích. Thế nhưng quý vị lại thấy nó xuất hiện trong những bài phụ lục, hoặc phụ đính là tại sao? Xin thưa, những bài phụ lục là những bài diễn văn, những bài tham luận, hoặc những bài giảng. Vì tính cách độc lập của nó, nên thuật giả phải chú giải, hoặc trình bày rõ ràng. Rồi khi xuất bản bộ AHDA-DCBM, cho in vào. Mong độc giả xí xá bỏ qua cho. Như quyển 3, hồi 27 đã trích dẫn gia phả con cháu Trần Ích Tắc chép về các con vua Lý Anh-tông. Thế mà trong bài phụ lục, cuối quyển 3, trong bài "Nguyên-tổ hai giòng họ Lý tại Hàn-quốc" cũng lại trích dẫn đoạn gia phả trên. Hoặc quyển 1, hồi thứ nhất, đã thuật vụ ông Trần Định Nhân, hậu duệ đời thứ 27 Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc bị mất chức. Thế nhưng khi viết bài "Đi tìm dấu vết về ba cuộc bình Mông, của tộc Việt thế kỷ thứ XIII", tôi lại nhắc đến lần nữa. Không phải là cố ý hay sơ xuất, mà vì bài phụ lục, là bài diễn văn khai mạc niên khóa 1998-1999 tại viện Pháp-Á, có tính cách độc lập.

**Một cái nhìn tổng quát về  
Ba cuộc chiến thắng Mông-cổ  
thế kỷ thứ XIII của dân tộc Việt-Nam.**

**Giáo-sư Pape Varella**

Viện-trưởng viện Pháp-á

Chuyển ngữ : **Tăng Hồng Minh**, tiến sĩ văn chương.

1. Viện Pháp-á xin trân trọng trình bầy với quý độc giả bộ lịch sử tiểu thuyết mang tên: **Anh hùng Đông-A** thuật ba giai đoạn chiến thắng quân Mông-cổ của dân tộc Việt-Nam vào thế kỷ thứ 13.

Anh-hùng Đông-A có hai đoạn:

a- Đoạn mở đầu mang tên : **Dựng-cờ bình Mông**. mà độc giả đang có trên tay.

Trọn bộ gồm 5 quyển, mỗi quyển trên dưới 500 trang, tổng cộng 2566 trang.

b- Đoạn thứ nhì mang tên : **Gươm thiêng Hàm-tử**.

Bộ này dự trù sẽ được xuất bản vào cuối năm 2000.

Tác giả là Bác-sĩ Trần Đại-Sỹ, giáo sư trưởng khoa Sinologie của viện Pháp-á.

2. Sở dĩ viện Pháp-Á giúp đỡ, cung cấp tài liệu, trợ giúp giáo sư Trần trong việc biên tập này, vì ba nghi vấn lớn của lịch sử, mà ông có khả năng làm sáng tỏ.

– Một là, như lịch sử chép, quân Mông-cổ chinh phục, chiến thắng toàn bộ các nước từ Á sang Âu, rồi đặt nền cai trị đến mấy trăm năm. Thế nhưng vó ngựa thép Mông-cổ bị chặn lại tại Việt-Nam và Nhật-bản. Mông-cổ bị hai dân tộc này đánh bại. Đối với Nhật-bản, thắng Mông-cổ thì dễ hiểu, bởi quân Mông-cổ sống trên vùng Thảo-nguyên, họ chỉ có kỵ binh, dùng cung tên, và chưa từng biết thủy chiến. Khi đánh Nhật-bản, quân số của họ ít, lại phải bỏ ngựa đi thuyền. Khi đổ bộ lên Nhật-bản, họ bị dân Nhật đông gấp bội, quen thủy tính, thuộc địa thế, đón chờ trên bờ, đổ ra đánh. Họ bị bại là lẽ đương nhiên. Thế nhưng khi đánh Việt-Nam, họ bị bại đến ba lần. Lần đầu 10 vạn quân, lần thứ nhì, và thứ ba, mỗi lần 50 vạn quân. Địa thế Việt-Nam họ quen thuộc, lại thuận tiện. Biên giới Hoa-Việt liền với nhau. Đường thủy, đường bộ đều dễ dàng. Cả hai bên cùng dùng bộ chiến, thủy chiến. Cho đến nay, các nhà Mông-cổ học, các nhà sử học cũng không hiểu trong cuộc chiến tranh này, người Việt đã dùng vũ khí gì ? Dùng chiến thuật gì mà thắng Mông-cổ vẻ vang như thế ?

– Hai là, truyền thống của Mông-cổ, mỗi khi bị bại tại một mặt trận nào, không bao giờ họ chịu nhịn. Họ sẽ dốc quân nghiêng nước sang trả thù, cho đến lúc đạt được chiến thắng toàn bộ mới thôi. Khi Mông-cổ sang đánh Việt-Nam lần thứ nhất là năm 1258, là lúc mà họ cực thịnh. Họ đã chiếm đến 9/10 lãnh thổ Trung-quốc, toàn bộ các nước Á-châu như Kim, Liêu, Tây-hạ, Thổ-phồn, Cao-ly, Tây-tạng, Afganistan, Hồi. Họ cũng đã chinh phục toàn bộ các nước vùng Trung-Đông, các nước Âu-châu như Đức, Hung, Ba-lan, Tiệp-khắc, Liên-sô. Rồi khi họ sang đánh lần thứ nhì (1284-1285) và ba (1287-1288), là lúc họ chiếm trọn Trung-quốc. Có thể nói, bấy giờ quân của họ đông gấp nghìn

quân Việt. Thế sao, sau ba lần bị bại, họ lại im lặng chịu nhục, không diệt hết dân Việt như họ đã làm tại các nước Trung-Đông, Âu-châu ?

– Ba là, theo các bộ chính sử Trung-quốc như Sử-ký Hán-thư, Ngũ-đại sử, Đường-thư, Tống-sử, Nguyên-sử thì người Việt giỏi thủy chiến. Khi đánh nhau với Trung-Quốc, dưới sông, trên biển, bao giờ họ cũng thắng. Sự thực ra sao ? Người Việt có thể lặn dưới nước hàng giờ (120 phút ngày nay) như sử Trung-quốc chép không ? Tất cả các trận đánh lớn với Mông-cổ, mà người Việt toàn thắng đều là thủy chiến : Đông-bộ đầu, Tây-kết, Hàm-tử, Chương-dương, Bạch-đằng. Yếu tố nào người Việt lại giỏi thủy chiến như vậy ?

3. Trong phần 1, tức *Dựng-cờ bình Mông*, giáo-sư Trần Đại-Sỹ đã khởi mốc thời gian từ thời vua Anh-tông triều Lý (1157), để độc giả thấy rõ, vì lý do gì, mà một triều đại đang huy hoàng như vậy, bị xụp đổ dễ dàng? Dân chúng mau chóng quên dư vang chiến thắng đánh Tống, bình Chiêm của triều Lý? Tuy là tiểu thuyết, nhưng tác giả đã tìm ra được những bí ẩn lịch sử, bị chôn vùi theo thời gian :

– Trải suốt 4 nghìn năm lịch sử, Trung-quốc luôn coi Việt-Nam là một phần lãnh thổ của họ. Họ gọi Việt-Nam là quận Giao-chỉ. Họ phong cho các vua Việt là Giao-chỉ quận vương. Trong khi các vua Việt cứ xưng là hoàng đế, có niên hiệu riêng. Nước Việt vẫn xưng là Đại-Việt. Trò chơi này kéo dài đến 4000 năm. Vậy thì do đâu Trung-quốc lại công nhận Việt-Nam là một nước, mang tên An-Nam, công nhận vua Việt là An-Nam quốc vương ?

– Suốt 23 năm qua, các giáo sư nhân chủng học Tây-phương đưa ra nhận xét : Từ năm 1975, có cuộc di cư vĩ đại của người Việt ra ngoại quốc. Họ ra nước ngoài với hai bàn tay trắng. Thế nhưng chỉ sau mấy năm, họ đã có chỗ đứng thực vững chắc trong mọi lãnh vực, hơn dân bản sứ rất nhiều. Trẻ Việt trong các trường học, gần như chúng đều là những học sinh ưu tú. Rồi kết luận : Người Việt vốn thông minh hiếu học, nhưng trình độ giáo dục khoa học, kỹ thuật Việt-Nam quá thấp. Họ lúng túng trong cái nhỏ hẹp của lãnh thổ. Khi ra hải ngoại, họ như đại bàng tung cánh trên bầu trời. Ngược lại, giáo sư Trần Đại-Sỹ thì cho rằng, sở dĩ người Việt được như thế, vì họ có một chủ đạo vững chắc. Ông đã chứng minh được điều đó: Trong cuộc sưu khảo, ông tìm ra hai tộc Lý tại Đại-hàn, từng là thuyền nhân vào thế kỷ thứ 12 và 13. Đây là hai trường hợp điển hình. Hai giòng họ này là thuyền nhân tới Hàn quốc vào năm 1150 và 1226 (**1**). Khi tới Hàn-quốc, các thuyền nhân này mau chóng trở thành những nhân vật kiệt xuất trong văn học, trong chính trị, quân sự. Tổng thống Lý Thừa-Văn trước đây là con cháu của thuyền nhân năm 1226. Hiện tại cả Nam lẫn Bắc-hàn, bất cứ trong lãnh vực nào, giòng họ Lý, gốc thuyền nhân cũng trội hơn các tộc khác. Giáo sư Trần Đại-Sỹ kết luận: Sở dĩ người Việt chiếm được ưu thế như vậy là do họ có một chủ đạo, gần nghìn năm trước họ đã hơn người, chứ không phải đến bây giờ.

4. Sang phần thứ nhì của bộ Anh hùng Đông-a là *Gươm thiêng Hàm-tử*, tác giả thuật lại hai chiến cuộc lớn nhất của Việt-Nam với Mông-cổ. Khác với lần thứ nhất, quân số Mông-cổ chỉ có 5 vạn, còn 5 vạn là hàng binh Đại-lý. Người chỉ huy là Thái-sư Ngột-lương Hợp-thai (**2**). Lần này Hoàng-đế Hốt Liệt sai Thái-tử Thoát Hoan, cùng những

danh tướng tài ba nhất, mang tới 50 vạn quân. Kết quả, Thoát Hoan phải bỏ chạy, hãi hước là vị trù quân Mông-cổ phải chui vào ống đồng, mới thoát chết. Đến lần thứ ba, cũng quân số 50 vạn người. Cho rằng vì Việt-Nam giỏi thủy chiến, Hốt Tất Liệt đã gửi hạm đội ưu tú nhất, gồm 5 vạn người, toàn người Trung-hoa. Kết quả, lại bị phá trong trận thủy chiến Bạch-đằng. Kỳ diệu thay!

Xin mở cái ngoặc ở đây, khi nghe giáo sư Trần Đại Sỹ giảng về trận Bạch-đằng cho sinh viên; dù tôi đã được xem video chiếu địa thế Bạch-đằng, song chúng tôi cũng không tin cho lắm. Hè năm 1998, tôi cùng giáo sư Henri Pontalet, được giáo sư Trần Đại Sỹ dẫn sang Việt-Nam, quan sát tại chỗ địa thế Bạch-đằng cùng cư dân sống trên thuyền ở vịnh Hạ-long, chúng tôi mới thực sự tin (**3**)

5. Chắc quý độc giả muốn biết, chúng tôi đã giúp gì? Bằng phương tiện gì ? Để giáo sư Trần Đại Sỹ có thể hoàn thành một công việc nghiên cứu ngoài chuyên môn của ông ? Xin thưa, nếu ông không là một bác sĩ y khoa thì ông không thể nào thực hiện được công việc nghiên cứu này.

Vốn có cái sở học uyên thâm về học thuật Đông-phương thụ đắc của tiền nhân. Từ năm 1976, ông làm việc cho Ủy-ban y học Pháp-Hoa (Commité Médical Franco-Asiatique), viết tắt là CMFA. Lúc đầu, ông là thông dịch viên, rồi tổng thư ký, rồi trưởng phái đoàn. Mỗi năm ông theo phái đoàn Pháp sang Trung-quốc trao, tức giảng dạy ; đổi túc học. Trong những dịp như vậy, ông thu xếp để có thời giờ vào các thư viện, viện bảo tàng khắp các tỉnh phía Nam Trung-quốc, nghiên cứu về lịch sử Hoa Việt. Thành công lớn. Ông đã công bố trong những tác phẩm của ông, 34 quyển, với 13 ngàn trang.

Đặc biệt khi sưu khảo tài liệu viết bộ Anh-hùng Đông-a này, ông không dựa vào Ủy-ban y học Pháp-Hoa được nữa. Vì vùng nghiên cứu không phải là lãnh thổ Trung-quốc. Cho nên chúng tôi quyết định trợ cấp cho ông : Phí khoản chuyên chở, ẩm thực, cư trú, máy móc, nhân viên, thông dịch. Ông đã đi gần khắp lãnh thổ Mông-cổ, Bắc-Hàn, tới tất cả những vùng mà Mông-cổ chinh phục từ Á, sang Âu. (**4**)

Quân Mông-cổ do tướng Triết Biệt cùng vương tử Truật Xích đã dùng một con đường băng qua núi cao Borohoso Shan (Ba-la-khoa hiệp sơn), Tien Shan (Thiên-sơn) 7000 thước giữa mùa đông tuyết phủ, lạnh - 30 độ C ; để đánh vào hậu quân của hoàng đế Ala-Ed Din Mohammed. Một số các sử gia không tin rằng quân Mông-cổ có thể thực hiện được cuộc tiến quân này. Giáo-sư Trần Đại Sỹ lại tin là có. Để giải quyết nghi vấn, ông đã thử đi con đường này, cũng vào mùa Đông. Kết quả, ông thành công. Nhưng trong cuộc di chuyển này, một tai nạn suýt nữa ông cùng bốn đồng nghiệp, hai hướng dẫn viên, ba nhân viên kỹ thuật, ba thông dịch viên, bảy nhân viên phục dịch bị chết ...đói. Cũng may phái đoàn có máy truyền tin liên lạc, rồi trực thăng đã tiếp tế lương thực. (**5**)

Vậy viện Pháp-á trân trọng giới thiệu với quý độc giả đoạn đầu bộ Anh hùng Đông-a, mang tên Dựng cờ bình Mông, và nhiệt liệt khen ngợi giáo sư Trần Đại-Sỹ về tài năng, nhất là về sự cống gắng phi thường của ông.

Paris ngày 8 tháng 12 năm 1998.

**Giáo-sư Pape Varella.**

Viện trưởng viện Pháp-Á,  
kiêm trưởng khoa Việt-học.

## **Chú giải**

(1) *Vua Lý Nhân-tông không có hoàng nam. Niên hiệu Hội-tường Đại-khánh thứ 8 (1117), tháng 10, nhà vua nhận con trai của các hầu: Sùng Hiền, Thành Khánh, Thành Quảng, Thành Chiêu, Thành Hưng làm con nuôi. Khi vua băng, truyền ngôi cho con Sùng Hiền hầu là Lý Dương Hoán (1127), tức vua Lý Thân-tông. Năm 1138, vua Thân-tông băng, trong khi Thái-tử Thiên Tộ mới có 3 tuổi, triều thần nghị tôn con của Thành-Quảng hầu là Kiến Hải vương Lý Dương Côn, đã 24 tuổi, thông minh, tài trí, nhân từ lên làm vua. Nhưng cuối cùng bọn Từ Văn Thông, Đỗ Anh Vũ nhất định theo di chiếu lập Thiên Tộ lên ngôi, tức vua Lý Anh-tông. Tuy việc đã qua, nhưng sinh mẫu nhà vua là Cảm Thánh thái hậu, mới 22 tuổi, thấy con của các hầu Thành Khánh, Thành Quang, Thành Chiêu, Thành Hưng là mối lo, bà mưu với tình nhân là Đỗ Anh Vũ, vu cáo cho các hầu mưu phản, rồi sai quân vây bắt cả nhà đem giết. Bấy giờ Kiến Hải vương đang là Đô-đốc thủy quân, trấn ở Đồn-sơn được mật báo. Ông đem tông tộc xuống hạm đội, trốn sang Cao-ly xin kiều ngụ. Còn ba hầu Thành Khánh, Thành Chiêu, Thành Hưng, bị giết cả nhà. Số người chết lên tới hơn năm nghìn! Lý Dương Côn trở thành nguyên tổ của một tộc Lý tại Đại-hàn.*

Năm 1226, dưới triều Trần, vì sợ Trần Thủ Độ "nhổ cỏ phải nhổ tận rễ", con út của vua Lý Anh-tông là Thái-sư thượng trụ quốc, Khai-phủ nghị đồng tam tư, Trung-vũ quân tiết độ sứ, Thượng-thư tả bộ xạ, lĩnh Đại Đô-đốc, Kiến Bình vương Lý Long Tường, lại đem toàn bộ tông tộc 6 nghìn người xuống hạm đội lưu vong, rồi cũng trôi dạt tới Cao-ly, nay là Đại-hàn. Ông là nguyên tổ của tộc Lý thứ nhì tại Hàn-quốc.

Được sự trợ giúp tài chính của viện Pháp-á, giáo sư Trần Đại-Sỹ đã sang Đại-hàn, cả Nam lẫn Bắc, nghiên cứu về hai giòng họ Lý. (Xin xem phụ lục AHDA quyển 3, Nguyên-tổ họ Lý tại Hàn-quốc).

(2). Tất cả các bộ sử như ĐVS KTT, VSL, TS, MCMS đều không chép khi Ngột-lương Hợp thai đem quân đánh Đại Việt lĩnh chức gì. Duy ANCL, Lê Tắc chép y lĩnh chức Thái-sư. Lê Tắc với Ngột-lương Hợp-thai sống đồng thời, nên giáo sư Trần Đại-Sỹ tin Lê hơn, chép y lĩnh chức Thái-sư. Chúng tôi cũng tin như vậy.

(3). Trên vịnh Hạ-long, hiện nay có hảng trăm nghìn ngư dân sống bằng thuyền. Họ rất giỏi thủy tinh. Trẻ con ba tuổi đã biết bơi. Từ sáu bảy tuổi cho đến...trăm tuổi, dù sóng gió, dù thuyền nhỏ, họ có thể đi lại như trên đất liền, mà không sợ bị say sóng, không sợ bị ngã. Theo những ngư dân kể lại với chúng tôi và giáo sư Trần Đại Sỹ thì tổ tiên họ sống trên biển như vậy từ thời lập quốc. Tôi đã được họ biểu diễn: Tung mây bé trai từ 4 tới 6 tuổi xuống biển. Ngay lập tức các bé trai nổi lên, bơi như con cá voi, miệng cười khúc khích, đùa vui với nhau. Hồi với sắc dân đó, tuyển họ vào thủy-quân, thì thủy quân nào thăng nổi họ!!!

(4). Phái đoàn gồm có : Trưởng phái đoàn, giáo sư Trần Đại Sỹ, trưởng khoa Sinologie (Pháp). Giáo-sư Henri Pontalet, Mông-cổ học (Pháp). Kỹ-sư Jean Marc Zimmemann, địa chất học (Thụy-sĩ). Giáo-sư Shikata John (Hoa-ky) nhân chủng họ. Kỹ-sư Mac Frederick (Úc) Khí tượng học. Phái đoàn đã đi

qua các nước : Trung-quốc (*Nội-mông*, *Tân-cương*, *Tây-tạng*), *Mông-cổ*, *Liên-sô*, *Irak*, *Iran*, *Syrie*, *Afghanistan*, *Thổ-nhĩ-ky*, *Ba-lan*, *Tiệp-khắc*, *Hung-gia-lợi*, *Bảo-gia-lợi*, *Ba-tư*, và *Đức*. Tổng cộng chuyến đi nghiên cứu này là 48 ngày, với phí tổn là một triệu bảy trăm ba mươi nghìn USD.(1.730.000 USD).

(5) Sự kiện này xảy ra như sau: Hướng đạo viên nói rằng, thời gian đi ngựa để vượt qua rặng núi kia là 16 ngày. Vì vậy phái đoàn chỉ mang theo lương thực 20 ngày. Thế nhưng trong khi đi, phái đoàn dừng lại dùng máy trắc nghiệm độ cao, độ dày của tuyết, tìm kiếm những vũ khí nằm dưới lớp đất. Thành ra tới ngày thứ 18 thì hết lương, mà bấy giờ phái đoàn đang ở đỉnh cao nhất của núi. Trở lại, hay đi tới cũng phải mất hơn mười ngày. Phái đoàn dùng máy truyền tin cầu cứu, ba ngày không kết quả, vì bão tuyết. Phái đoàn đã phải nhịn đói sang ngày thứ nhì, thì may mắn thay, một phi cơ hàng không bay qua, nhận được tín hiệu cầu cứu. Viên phi công trưởng mới báo xuống đất. Và trực thăng được sử dụng để chở thực phẩm tiếp tế. Trong khi tiếp cứu cho phái đoàn của giáo sư Trần Đại Sỹ, chúng tôi lo lắng cho ông, lên ruột vì ông, thì khi về Paris an toàn, ông còn nói bướng: **Số Tử-vi của tôi không bao giờ bị chết đói. Đúng là Việt-Nam dị nhân!**

**Đi tìm dấu tích về  
Ba cuộc bình Mông tộc Việt  
thế kỷ thứ XIII**

Phần này, tôi viết cho độc giả trẻ, muốn tìm nguồn tài liệu về Mông-cổ, về ba cuộc chiến tranh Việt-Mông. Xin các vị cao minh bỏ qua, chẳng nên bận tâm.

Các bạn trẻ thân.

Tôi viết những giòng này dành cho các bạn. Hy vọng rằng nó sẽ giúp các bạn những bước đầu tìm hiểu về Mông-cổ. Nhất là hướng dẫn các bạn đi tìm tài liệu, cách sử dụng tài liệu về ba cuộc bình Mông của người Việt.

### **1. Giàu lòng yêu nước, nghèo nàn thư tịch.**

Cuộc kháng chiến chống Nguyên-Mông của dân tộc Việt Nam vào đầu thế kỷ thứ 13 thực là vĩ đại. Thế nhưng, cho đến nay, những thư tịch biên chép quá ít, quá sơ lược. Nếu các bạn mở bất cứ bộ sách viết về Mông-cổ bằng tiếng Anh, Pháp, Đức nào ra cũng thấy ghi rằng: Mông-cổ thắng khắp từ Á, sang Âu, đặt ách cai trị. Chỉ bại duy nhất tại Việt-Nam và Nhật-bản. Thế nhưng khi các bạn mở kho tàng lịch sử Việt-Nam ra, thì hối ơi! Đại-Việt sử ký toàn thư (ĐVSHTT), Việt sử lược (VSL), Khâm-định Việt sử thông giám cương mục (KĐVSTGCM), chỉ dành đâu mươi mười lăm trang chép lại mà thôi. Các sách sau này, chỉ mô phỏng của ba bộ trên, rồi vẽ rồng, vẽ rắn thêm vào. Đau đớn thay, mô phỏng luôn cả những cái sai lạc của người xưa.

### **2. Đi tìm di thư tiền nhân**

Bộ sách ghi chép đầy đủ các chiến thắng Mông-cổ, được soạn thảo ngay sau cuộc chiến, mang tên Trung-hưng thực lực. Trong đó những người có công đều được ghi danh, và vẽ hình, nay không còn . Hai bộ Bình-thư yếu lược, Vạn-kiếp tông bí truyền thư của Hưng Đạo vương không tìm ra vết tích.

Đến đây chắc các bạn đặt câu hỏi: Thế tại sao, hiện người Việt đang lưu hành bộ Bình-thư yếu lược, được dịch sang Việt- ngữ? Thưa đây là người sau ngụy tạo.

Ba bộ sách trên, tôi biết rằng năm 1407, Trương Phụ đã cướp mang về Kim-lăng. Hồi Bát-quốc đánh nhà Thanh vào cuối thế kỷ thứ 19, chiếm Kim-lăng. Trong 8 đoàn quân đó, có hai đoàn thuộc nước trình độ văn hóa cực cao là Nhật-bản và Pháp. Hai đoàn quân này đã mang về nước khá nhiều sách. Trong đó có những sách mà Trương Phụ cướp từ Đại Việt. Tôi đặt nghi vấn: Biết đâu trong số sách mà Pháp, Nhật mang đi chả có ba bộ sách trên? Vì vậy tôi gắng công đi tìm.

Đầu tiên, tôi tìm trên đất Trung-quốc.

Trong thời gian theo phái đoàn trao đổi y học Pháp-Hoa (1976-1999), hễ có dịp là tôi vào những thư viện Trung-quốc mò mẫm. May ra! Nhờ vào vị thế khi thì là thông dịch viên, khi thì là giảng viên, khi thì là tổng thư ký, gần đây là trưởng phái đoàn. Đoàn của tôi là đoàn trao, tức giảng dạy tại các đại học y khoa. Tôi nghiêm nhiên trở thành quý

khách của Trung-quốc, nên không bị kỳ thị, không bị nghi ngờ. Hơn nữa được quý mến, nên thư viện nào tôi muốn vào, đều được chiều theo ý. Đầu tiên tôi tìm ở các thư viện trung ương, thư viện cấp tỉnh của 5 tỉnh cực Nam Trung-quốc là Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu, Hồ Nam. Không thấy! Kiên chí, tôi mò xuống thư viện cấp huyện, thư viện các đại học Văn-khoa, đại học Sư-phạm. Biết tăm! Tôi biết rằng tại thư viện Bộ-chỉ huy Quân-sự năm tỉnh cực Nam và thư viện Bộ Tư-lệnh ba quân khu mà lãnh thổ tiếp giáp với Việt-Nam là nơi tàng trữ tất cả tài liệu nghiên cứu về chiến tranh Hoa Việt. Tôi xin vào nghiên cứu, thì bị từ chối theo kiểu ngoại giao «Đây là tài liệu quá chuyên môn dành cho những sĩ quan tham mưu nghiên cứu. Ông là thầy thuốc. Ông có đọc cũng không hiểu gì». Không nản! Tôi biết rằng cổ, kim; Đông, Tây, các bà đều thích đẹp; và công bà bao giờ cũng mạnh hơn lệnh ông. Tôi vận động ân huệ của các bà mà tôi ngoại giao bằng lột da mặt, cắt mắt, làm mũi cao, làm môi trái đào, lấy mỡ bụng. Thành công. Tôi được vào tất cả các thư viện trên mò mẫm. Thế nhưng, tôi vẫn không tìm ra tông tích ba bộ sách của tổ tiên. Đau thực! Tuy không tìm ra, nhưng tôi cũng được đọc mấy bộ sách quý, có tính cách tài liệu như:

- Nam Việt, Âu Lạc tác chiến khảo lược. Sở nghiên cứu, Sở tác chiến, Bộ Chỉ-huy quân sự tỉnh Quảng Tây biên tập. Nội dung nghiên cứu về cuộc chiến tranh giữa Triệu Đà và Thục An Dương vương.
- Đông Hán, bình Giao-chỉ khảo lược. Sở nghiên cứu, cục Tác-chiến, bộ Tổng Tư-lệnh quân đội Nhân-dân, Trung-quốc. Nội dung nghiên cứu về những trận đánh của vua Trưng với Mã Viện.
- Tam thế Bạch-đằng nghiên cứu. Sở nghiên cứu, Cục Tác-chiến, Bộ Tư-lệnh Hải-quân Trung-quốc. Nội dung nghiên cứu ba trận Bạch-đằng về thời vua Ngô, vua Lê và thời Trần. Phụ đính có luận về trận Hàm-tử, Chương-dương, Tây-kết.
- Quách thị Nam chinh, là bộ nhật ký hành quân của Quách Quỳ, tướng tư lệnh đội quân Tống sang đánh Đại Việt năm 1077.
- Triệu thị chinh tiễn Giao-chỉ ký, nhật ký hành quân của Triệu Tiết, tướng phó tư lệnh quân đội Tống sang đánh Đại Việt năm 1077.
- Nguyên triều chinh tiễn An-Nam khảo bì, sở Nghiên-cứu, Cục Tác-chiến, Bộ Tổng tư-lệnh quân đội Nhân-dân Trung-quốc. Nghiên cứu về ba cuộc Mông-cổ sang đánh Đại-Việt.
- Minh đại, chinh tiễn An-Nam lược khảo. Sở Nghiên -cứu, Cục Tác-chiến, Bộ Tổng Tư-lệnh quân đội Nhân-dân Trung-quốc. Nội dung nghiên cứu về những trận đánh giữa quân Minh do Trương Phụ, Mộc Thạch chỉ huy đánh Hồ Quý Ly, và những trận đánh của vua Lê Thái-tổ với Liễu Thăng, Vương Thông.
- Càn Long chinh Nam nghiên cứu khảo bì. Sở Nghiên-cứu, Cục Tác-chiến, Bộ Tổng Tư-lệnh quân đội Nhân-dân Trung-quốc. Đây là tài liệu dài nhất, tổng cộng 320 trang A4. Nội dung nghiên cứu về nguyên do thất bại của Tôn Sĩ Nghị. (Các bạn nên nhớ, 320 trang chữ Hán, nếu dịch sang Việt ngữ phải 900 trang. Nếu sang Anh, Pháp ngữ còn dài hơn nữa).

## **Xin lưu ý các vị điểm sách của Trung-quốc, Việt-Nam, Pháp.**

Khi điểm đến phần này xin các vị trình bày rõ ràng một chút. Tôi chỉ là thày thuốc, say mê nghiên cứu lịch sử để viết tiểu thuyết. Tuy được đọc nhiều tài liệu, nhưng tôi quyết giữ tư cách của một nhà ngoại giao, trung thành với lời thề tại Đại-học y khoa Paris. Nhất là không phản những vị đã ban ân cho tôi được vào thư viện đặc biệt để nghiên cứu. Tôi chưa từng tiết lộ, hiện không tiết lộ, và sau này dù dao kẽ cỏ, dù súng chỉ ngực tôi cũng không tiết lộ những gì có hại cho Trung-quốc, cho các thân chủ, cho các bạn của tôi.

Cũng nên nói ở đây: Khác với các sử gia Trung-quốc, khi viết về Việt-Nam, luôn gọi là Giao-chỉ, Nam-man, An Nam, rồi dùng những từ lăng nhục. Các sĩ quan Trung-quốc khi soạn những tài liệu trên đã bình luận rất vô tư. Việt có sở trường, sở đoản gì thì nói thực. Những lời bình luận rất chính xác. Tại Trung-quốc không tìm thấy, tôi vẫn không nản chí. Tôi lại bỏ sang Nhật-bản, mò vào đủ các thư viện, mà cũng tuyệt vô âm tín. Trong thời gian này, giáo sư Trần Kinh Hòa (1914-1997), của đại học Soka cũng từng cố gắng tìm kiếm, mà...hời ôi! Vô ích. Như vậy là mất vĩnh viễn rồi. Tiếc thay! Buồn thay!

### **3. Trở về với nguồn thư tịch nghèo nàn**

Tôi đành trở về với bộ ĐVSHTT. Nhưng bộ này chép quá sơ sài về ba cuộc kháng Nguyên-Mông, thì làm sao có thể dựng lại chi tiết các trận đánh? Ấy là không kể Ngô Sĩ Liên đã có những sai lầm quan trọng như:

- Thuyền lương của Trương Văn Hổ bị đắm trong trận Bạch-đắng.
- Nguyễn Khoái bắt được Áo Lỗ Xích.
- Thoát Hoan cũng bị bắt.

Biết rằng ĐVSHTT có nhiều sai lầm, tôi đi tìm bộ KĐVSTGCM. Bộ này do Quốc-sử quán triều Nguyễn soạn (1859). Các sử gia triều Nguyễn đã tham khảo thư tịch Trung-quốc như:

- Nguyên sử của Tống Liêm đời Minh.
- Nguyên sử loại biên tức Tục hoằng giản lục của Thiệu Viễn Bình đời Thanh.
- Nguyên sử bị vong lục của Vương Quang Lỗ đời Minh.
- Nguyên sử kỷ sự bản mạt của Trần Bang Chiêm.

Nhưng KĐVSTGCM cũng vấp vào những sai lầm:

Trận Vân-đồn xảy ra vào tháng 12 niên hiệu Trùng-hưng thứ 3 (5-1 tới 2-2-1288) khi thủy quân Nguyên tiến vào nước ta.

Lại chép lầm rằng:

Trận Vân-đồn xảy ra vào tháng giêng năm Trùng-hưng thứ 4 (3-2 tới 2-3 năm 1288) lúc Ô Mã Nhi đem chiến thuyền đi đón Trương Văn Hổ.

Nghĩa là sai lệch một tháng, sai lầm về vị trí trận đánh.

Sự sai lầm này, khiến các sử gia gần đây viết bằng chữ quốc ngữ cũng sai theo. Mà thảm thay, cho đến nay, tôi nêu ra, chưa chắc thiên hạ đã chịu phục thiện.

Khi vua Lê khởi binh, muốn cho có chính nghĩa, đã tôn một người con cháu vua Trần là Trần Cảo lên làm vua. Lúc thành đại nghiệp thì đem giết chết. Sau đó giết tất cả những công thần, nguyên là con cháu nhà Trần, truy lùng giòng dõi nhà Trần rất gắt. Sử ghi, Lê Lợi giết Tả-tướng quốc Trần Nguyên Hãn, một nhân vật uy tín bậc nhì sau nhà vua, chỉ vì ông là cháu của Trần Nguyên Đán. Vì vậy trong suốt thời gian nhà Lê trị vì (1458-1779) không một văn gia nào dám chép những chiến công của ba cuộc kháng Nguyên-Mông. Mãi tới triều Nguyễn, mới có những sử gia soạn:

- *Trần đại vương bình Nguyên thực lục.*
- *Vạn yên thực lục.*
- *Trần triều thế phả hành trạng.*
- *Trần gia điển tích thống biên.*

Hầu hết những bộ này chỉ mô phỏng ĐVSKTT, VSL, ANCL hoặc những huyền sử, những di sử, những gia phả.

#### **4.Tìm tư liệu trên bia đá, minh**

Một trong những nguồn tài liệu tuy rời rạc, lẻ tẻ, nhưng nếu đem khai thác, ta cũng tìm ra được nhiều điều cần thiết. Đó là bia đá, mộ chí, các bài minh khắc trên những quả chuông. Tại viện Khoa-học Xã-hội Hà-nội, có những bản văn:

- Bia công chúa Phụng Dương, vương phi Chiêu Minh đại vương Trần Quang Khải, do Lê Cung Viên soạn năm 1293, có nói tới việc rút lui của triều Trần ra khỏi Thăng-long năm 1285.
- Bài minh khắc trên quả chuông Thông-thành quán tại Bạch-hạc năm 1321. Bài minh có nhắc đến cuộc chiến đấu của Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật trong cuộc kháng chiến lần thứ nhì. Quả chuông này do chính vương trông coi đúc.
- Bia chùa Hưng-phúc, khắc năm 1324 phát hiện tại huyện Quảng-xương, tỉnh Thanh-hóa. Nội dung có nói đến cuộc kháng chiến của dân chúng xã Yên-duyên, trấn Thanh-hóa, chống Toa Đô năm 1285.

#### **5. Tìm trong các gia phả**

##### **5.1. Tại Đại-hàn**

Nếu bia đá, minh chỉ cho những tài liệu rời rạc, thì những bộ gia phả cổ, do chính người đương thời, hoặc con cháu nhiều đời chép nối tiếp... lại cho tôi những chi tiết rất quan trọng.

Tháng 8 năm 1980, khi đi trong phái đoàn Pháp, dự đại hội y khoa tại Hàng-châu, tôi được tiếp xúc với phái đoàn Bắc-cao. Trong phái đoàn có bác sĩ Lý Chiếu Minh ở Hùng-xuyên (Hunchon) và bác sĩ Lý Diệp Oanh ở Thuận-xuyên (Sunchon), từ cuộc gặp gỡ này, tôi được đọc Tiêu-sơn truyền phả hay Hoa-sơn phả. Sách chép tay của con cháu Kiến Bình vương Lý Long Tường tại Phú-lương giang, quận Khang-linh (Ong Nin Gun), tỉnh Hoàng-hải (Hwang-hac), Bắc Triều-tiên. Kiến Bình vương Lý Long Tường là thuyền nhân Đại Việt, đến Cao-ly năm 1226.

Năm 1983, tôi được gặp ông Lý Gia Trung, hậu duệ của Kiến Hải vương Lý Dương Côn, thuyền nhân Việt lưu lạc tại Cao-ly năm 1150. Dịp này tôi được đọc Tinh-thiện Lý thị tộc phả của hậu duệ của Kiến Hải vương.

Hai gia phả này cung cấp cho tôi ít nhiều liên quan đến Mông-cổ, Đại Việt. (Xin đọc bài Nguyên-tổ hai giòng họ Lý tại Hàn-quốc, phụ lục quyển 3, Anh-hùng Đông-a dựng cờ bình Mông).

## 5.2. Tại Trung-quốc

Hồi sinh tiền, phụ thân tôi có nói rằng: Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc, bội anh, phản cha, hại nước, đầu hàng Mông-cổ. Nay hậu duệ rất đông, sống ở Trường-sa. Sau này có dịp, nên sang...nhận họ. May mắn, tháng 8 năm 1990 , tôi làm trưởng phái đoàn Pháp, sang trao, tại đại học y khoa Trường-sa với đề tài Giải phẫu bằng Laser. Trước khi đi nửa tháng, tôi cho đăng trên tờ báo địa phương một đoạn:

*"Giáo sư Trần Đại-Sỹ trưởng khoa Sinologie tại đại học Paris, muốn liên lạc với hậu duệ của Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc, để tìm hiểu về một giai đoạn lịch sử Hoa-Việt thế kỷ thứ 13. Xin liên lạc với ca sĩ Trần Diệu Nghi địa chỉ như sau..."*

Báo đăng liên tiếp 7 ngày. Khi tôi đến, thì Diệu Nghi trao cho tôi 18 bức thư của 18 người, họ đều nhận là trưởng của các chi. Các chi sống rải rác ở Trường-sa, Hồ-nam, Linh-lăng, Quế-dương, Liễu-châu. Nhưng họ cải chính rằng Nguyên-tổ của họ là Trần Ích Tắc thì đúng, song tước không phải là Chiêu Quốc vương, mà là An Nam quốc vương. Tôi giật mình, chợt nhớ lại: Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc hàng Mông-cổ được Nguyên Thế-tổ Hốt Tất Liệt phong cho làm An Nam quốc vương (1285).

Tôi muốn đến tận nơi, để gặp 18 chi. Tính chung việc di chuyển đi 18 nơi, trong 5 tỉnh, tôi phải vượt ít nhất 8 nghìn cây số, mất rất nhiều thời gian, sức lực. Bác sĩ Varella Pascale đại diện CEP (Coopérative Européenne Pharmaceutique) đề nghị tôi làm một việc giúp CEP. CEP sẽ đài thọ ẩm thực, cư trú, di chuyển cho 72 người về một khách sạn lớn nhất trấn Nhạc-dương hội họp. Như vậy vừa làm lợi cho kinh tế Pháp, vừa thân mật, vừa tiết kiệm được sức lực. Không phải vì tôi tiếc tiền, mà sợ kiệt sức, hơn nữa muốn làm lợi cho kinh tế Pháp, tôi đồng ý.

Tôi viết thư mời đại diện 18 chi về trấn Nhạc-dương, bên hồ Đông-dình. Tổng số người lên tới 90. Các bạn trẻ thử tưởng tượng xem, tự nhiên 90 người cùng một giòng họ, kéo nhau về chiếm hết các phòng trong khách sạn hạng sang, mà người trả tiền lại là một bà Đầm, rồi bầy biện tể lễ, ăn uống linh đình...Công-an địa phương điên đầu lên, theo dõi, báo cáo, đặt câu hỏi rắc rối đến như thế nào? Nhà cầm quyền địa phương vùng Nam Trường-giang thường dị ứng (allergy) với những cuộc họp họ hàng quá đông như vậy. Song họ biết nước Pháp không có gì thù nghịch với Trung-quốc. Tôi lại hoạt động y học tại Trung-quốc trải 15 năm, luôn đem lại sự giao hảo, trao đổi rất tốt đẹp giữa Pháp và Trung-quốc; nhất là hòa giải những bất đồng ý kiến nhỏ giữa phái đoàn Pháp và các đại học Trung-quốc. Vì vậy không ai nghi ngờ gì cả. Để tỏ ra mình quang minh chính đại, tôi mời ông Bí-thư đảng bộ Cộng-sản Trường-sa tới...tham quan.

Đại diện các chi cùng tôi đem phả ra đối chiếu, để chỉnh đốn những chỗ sai lầm. Truy gia phả, họ tìm ra ông Trần Định Nhân là thống tôn, cháu đời thứ 27 của Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc. Ông Nhân hiện là viên chức cao cấp của Trường-sa. Trong 18 gia phả, có hai phả rất chính xác, giống hệt nhau. Đoạn chép từ Triệu-tổ Phương Chính hầu Trần Tự Minh, tể tướng triều An Dương vương đến cháu đời thứ sáu Chiêu Quốc vương giống nhau không sai lấp một chữ. Như vậy chứng tỏ cả hai cùng sao từ một phả gốc. Hai phả giống nhau đó là:

- Trần-gia Bắc-tông chính phả. Của chi bốn tại xã Lãnh-thủy, thị xã Trường-sa, tỉnh Hồ-Nam, Trung-quốc.
- Chiêu-Quốc di hậu lục. Của chi 2 tại trấn Nhạc-dương, tỉnh Hồ-Nam, Trung-quốc.

Quan trọng nhất là phần từ Mục-tổ hoàng đế Trần Tự Kinh (1103) đến Trần Nhân-tông (1293) do chính Trần Ích Tắc chép. Đương thời vương là người có văn tài xuất chúng, nên vương ghi rất chi tiết, văn phong hoa dạng muôn ngang với văn của Tư-mã Thiên trong Sử-ký. Nhờ đó, mà tôi thu thập được nhiều chi tiết cực kỳ quý báu về cuộc chiến tranh Mông-Việt. Điều đáng tiếc là lúc nào vương cũng coi Đại-Việt như một quận của Trung-quốc, dùng niên hiệu của các vua Trung-quốc. Khi sử dụng tài liệu của vương phải rất thận trọng.

Tiếc rằng, sau cuộc họp đó, giữa tôi với ông Trần Định-Nhân có những đụng chạm lớn, đưa đến không nhìn mặt nhau. Nguyên do, chúng tôi chuyển phả từ cổ văn ra Bạch-thoại, rồi dự trù cho in đoạn từ Triệu-tổ Trần Tự Minh (257 trước Tây-lịch) tới hết triều Trần (1400). Bài tựa do tôi viết. Tôi viết bằng cổ văn. Sau đó sẽ dịch sang Việt-ngữ. Bài tựa tôi dùng câu đầu của Lê Quý Đôn trong Đại Việt thông sử:

"Ngã Đại Việt vi văn hiến chi bang,  
Thượng vi thiên tử,  
Hạ vi thần thứ".

Nghĩa là:

Nước Đại Việt ta là nước văn hiến. Trên có vua, dưới có thần dân. Ông Định Nhân sửa là:

"Ngã đích Trung-quốc, thị vi Hoa-hạ văn hiến đích đại bang".

Nghĩa là:

Nước Trung-quốc ta là nước lớn, văn hiến Hoa-hạ".

Văn sửa là văn Bạch-thoại, ngớ ngớ, ngắn ngắn.

Rồi đoạn sau:

"Tự Định, Lê, Lý, Trần, đinh lập nhất phương.

Hào kiệt, anh hùng, liệt nữ thời thời trấn quốc, dũng Bắc-phương tề vị nhi lập."

Nghĩa là:

Tự Định, Lê, Lý, Trần, đứng riêng một cõi. Hào kiệt, anh hùng, liệt nữ đời đời giữ nước, với Bắc-phương ngang vai cùng đứng.

Ông đài sửa thành:

"Tự Định, Lê, Lý, Trần gai đê đầu quy phục Thiên-triều,

*Niên niên tu cống, xưng thần, đắc vũ lộ ân sủng, sắc phong vi vương”.*

Nghĩa là:

Tử Đinh, Lê, Lý, Trần đều cúi đầu quy phục Thiên-triều. Hằng năm tu cống, xưng thần, được ban ơn mưa móc, phong cho tước vương.

Tôi không đồng ý, dĩ nhiên tôi không bỏ tiền ra in. Ông Trần Định Nhân cũng giữ luôn bản thảo, không trao lại cho tôi. (Độc giả yên tâm, tôi hứa sẽ có đầy đủ bản sao các phả này trước cuối năm 2000. Bằng cách nào? Với số người hồn tạp trên dưới 5 vạn của giòng Chiêu Quốc, tôi chỉ cần bỏ ra dăm ba nghìn đô cho một người nào đó, họ sẽ sao chụp cho tôi ngay).

Năm sau, 1991 tôi lại cầm đầu phái đoàn CEP đi Trưởng-sa. Lần này trong phái đoàn còn có bác sĩ Trần thị Phương-Châu, giòng Hưng-Hiến vương, con thứ ba Hưng Đạo vương. Thời gian tháng 8, trùng vào ngày giỗ Thái-tổ Trần Thừa. Tôi rủ ông Trần Định-Nhân cùng các chi giỗ chung. Dĩ nhiên tài chánh do tôi với Châu đài thọ. Ông Nhân từ chối, nhưng các chi khác lại đồng ý. Để tỏ cho các bạn Pháp, Trung-quốc biết, chúng tôi tuy mang Pháp-tịch, tuy được trọng đãi, nhưng chúng tôi không quên nguồn gốc. Tôi nhờ một nhà hàng lớn ở Nhạc-dương làm cỗ, rồi mời phái đoàn Pháp, cùng chính quyền Nhạc-dương, Trưởng-sa đến dự. Ông Định Nhân đi trong phái đoàn chính quyền Trưởng-sa. Số người tham dự lên tới 457 người, gồm 90 người là khách. Còn lại là Trần tộc. Giữa bữa tiệc, ông Nhân đứng lên phát biểu ý kiến: Răng đất Việt-Nam từ xưa là lãnh thổ Trung-quốc. Răng hiện nay, và mãi mãi cũng vẫn là của Trung-quốc. Răng mảnh đất Việt-Nam hiện bị thế lực quốc tế tách khỏi tổ quốc như Hương-cảng, như Đài-loan. Răng tương lai sẽ phải trở về với tổ quốc. Lập tức ông bị cử tạ (phái đoàn Trung-quốc) la ó, phản đối. Sau vụ này ông bị mất chức, rồi trở thành chủ quán cà phê ở Tương-Âu, ngoại ô Trưởng-sa. Từ đấy, dù có nhiều dịp gặp lại, mà tôi với ông không nói chuyện riêng với nhau.

### **5.3. Tại quốc nội**

Nếu khi sưu khảo tại Đại-hàn, tại Trung-quốc tôi gặp may, thì tại Việt-Nam tôi không gặp may. Bản phả mà tôi có dễ dàng là bản Trần tông ngọc phả. Sách chép tay của giòng Hưng Vũ vương, con trưởng Hưng Đạo vương, tại Hải-hậu, Nam-định. Bộ phả này chép từ Hưng Đạo vương cho tới năm 1920. Song quá giản lược. Năm 1978, một người học trò thân tín của tôi là bác sĩ Trần thị Phương Châu có đem bộ Trần gia di phả. Sách chép tay của giòng Hưng Hiển vương, con thứ ba của Hưng Đạo vương, tại Bát-tràng đến để so vai, xem ai lớn, ai nhỏ, rồi nhờ tôi dịch sang tiếng Việt dùm. Cuốn phả này thuật hành trạng của Hưng Hiển vương tỷ mỉ. Căn cứ vào đó, tôi rút ra được rất nhiều chi tiết về cuộc bình Mông thứ nhì và thứ ba. Bộ phả thứ ba là bộ Trần gia ngọc phả, sách chép tay thư viện Khoa-học xã hội. Tôi tham khảo dễ dàng. Bộ phả thứ tư mà tôi được đọc là bộ Trần đại tộc chính phả của giòng Hưng Nhượng vương, con thứ nhì của Hưng Đạo vương. Nguyên vào năm 1995, tôi gặp ông Trần Quốc T. tại Hà-nội. Ông là hậu duệ đời thứ 27 của Hưng Đạo vương. Như vậy ông ngang vai với tôi. Chúng tôi nhận họ. So gia phả, ông phải gọi tôi bằng anh. Ông trao cho tôi bộ phả này, nhờ dịch dùm. Đây là bộ

sách chép tay của giòng Hưng Nhượng vương tại Cổ-am. Lập tức tôi dịch, đọc vào băng cassette cho ông. Tôi mất 3 tuần để làm công việc dịch thuật. Tôi dặn ông chép lại, đánh máy. Năm sau tôi trở về sẽ hiệu đính. Nhờ bộ này, tôi mới biết rõ Hưng Nhượng vương không phải là Tuệ Trung thượng sĩ, như tôi lầm từ trước đến giờ. Cũng nhờ phả này tôi biết rõ hành trạng của Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản. Hầu không tử trận như ĐVSKT ghi sơ lược, mà hoăng năm 1348. Cũng năm 1995, nhân hành hương tại đền thờ Hưng Nhượng vương ở Cửa Ông, thuộc tỉnh Hạ-long, một vị giữ đèn có đặt câu hỏi với tôi rằng: Vương hoăng khi còn đang trấn thủ Bắc-cương, thì táng tại đây. Sau đó vương phi về Cổ-am sống, thì khi hoăng cũng táng tại Cổ-am. Tại sao lại có mộ của vương và vương phi táng song song nhau?

Nhân trong phái đoàn của tôi có kỹ sư địa chất Jean Marc Zimmermann, lập tức ông đem máy Scaner ra dò, thì chỉ thấy có một quan tài. Sự kiện này dường như ban trị sự báo cáo lên cấp trên. Cũng do đó một nữ tín chủ thấy xung quanh mộ tiêu điều quá, bỏ tiền ra xây một thềm rộng, đẹp. Hai mộ chỉ còn một mà thôi. Không biết có phải do xây lại bị động mồ, hay vì nguyên cớ nào, mà trong năm 1996-1997-1998, hậu duệ của vương...nhiều người bị tù, bị mất chức, bị chết. Họ đổ thừa tại tôi Scaner nên mới có vụ xây lại gây tai nạn. Hè năm 1998, tôi tới thăm ông Trần Quốc T. để xin sao chụp bộ gia phả, cùng hiệu đính bản dịch. Ông khai chiến với tôi, đòi tôi phải bồi thường 100 nghìn đô. Tôi trình bầy rằng tôi chỉ làm scaner thôi. Còn xây thềm, bỏ hai mộ cũ, xây mộ mới là chính quyền. Nhưng ông nhất định bắt đền tôi. Ông quy chụp tôi là Việt-gian, là tay sai của C.I.A, là Ngụy Sài-gòn, là Bành-trướng Trung-Quốc... cử về Việt Nam để yểm phá đất linh. Nếu tôi không là ông thầy dạy võ, nếu tôi đi một mình thì có lẽ đã mất mạng.

## 6. Tìm trong kho tàng Trung-quốc

### 6.1. Chính sử

Nếu sử Việt nghèo nàn, chép văn tắt bao nhiêu, thì sử Trung-quốc chép về cuộc chiến tranh Mông-cổ , Đại Việt lại nhiều vô cùng, đa dạng vô cùng. Tuy vậy, để giúp các bạn có thể nhìn rõ hơn, đỡ mất thời giờ hơn, tôi chỉ đưa ra những bộ thực sự có giá trị, hơn nữa là bộ sách nguyên thủy. Còn những bộ sau chỉ mô phỏng từ bộ nguyên thủy thì tôi bỏ qua.

Trung-hoa có 24 bộ chính sử, chép về 24 triều đại lớn. Các bộ này chép theo nguyên tắc của Tư Mã Thiên trong bộ Sử-ký. Nội dung phân ra: Bản kỷ chép các đời vua. Thê gia, chép các vương, hầu có tính cách cha truyền, con nối. Liệt truyện chép tiểu sử các bà vợ vua, các quan, các nước ưng quanh, cùng những nhân vật nổi tiếng dù là gian thần, trộm cướp. Biểu, bảng liệt kê các sự kiện theo thời gian. Chí, chép văn học, quan chế, thiền văn, lịch số v.v.

Thường các bộ này do một cơ quan về sử của triều đại sau, chép về triều đại trước. Như sử quan triều Nguyên, soạn bộ Tống-sử. Sử quan triều Minh soạn bộ Nguyên-sử. Các cơ quan sử này, mỗi thời mang một tên khác nhau. Tác giả ít khi là một người.

Bộ chính sử chép về Mông-cổ và triều Nguyên, do sứ thần triều Minh là Tống Liêm, Vương Vỹ vâng lệnh Minh Thái-tổ soạn năm 1369. Cái đáng trách là bộ Tống-sử, do sứ thần triều Nguyên, một triều đại mà dân Trung-quốc gọi là Hung-nô, Thát-dát, rợ phương Bắc... soạn; lại rất vô tư, rất chi tiết, rất đầy đủ. Còn bộ Nguyên sử, do sứ thần Minh triều soạn lại luộm thuộm, thiếu sót, sai sự thực nhất trong 24 bộ chính sử. Nguyên do chỉ vì phải hoàn thành trong vòng một năm. Lại nữa, các sứ thần triều Minh không biết chữ Thổ-phồn là chữ lúc đầu Mông-cổ sử dụng. Họ lại không biết tiếng Mông-cổ vốn là tiếng đa âm, trong khi tiếng Trung-quốc là tiếng đơn âm. Thành ra những tài liệu mà triều Nguyên để lại ở sứ quán Bắc-kinh trở thành vô dụng.

Trong Nguyên sử, ta có thể tìm thấy những sử liệu liên quan đến chiến tranh Nguyên-Mông với Đại-Việt:

- Bản kỷ đệ tam, Hiển-tông kỷ, quyển 3.
- Bản kỷ đệ tứ, Thẽ-tổ kỷ, quyển 4.
- Liệt truyện 96, An-nam, quyển 209,
- Liệt truyện 97, Chiêm-thành, quyển 210.

Truyện các văn thần, võ tướng liên quan đến Đại-Việt như:

- Liệt truyện 8, Tốc Bất Đài, Ngột-lương Hợp-thai, quyển 121.
- Liệt truyện 15, A Truật, A Lý Hải Nha, quyển 128.
- Liệt truyện 16, Lai A Bát Xích, Lý Hăng, quyển 129.
- Liệt truyện 18, Áo Lỗ Xích, quyển 131.
- Liệt truyện 20, Toa Đô, quyển 133.v.v.

Vì Nguyên sử thiếu sót, luộm thuộm, nên sau này đời Minh, Thanh và cả Dân-quốc có nhiều bộ sử ra đời, bổ sung, hiệu đính như:

#### *Về đời Minh.*

- Nguyên sử tục biên của Hồ Túy Trung.
- Nguyên sử bị vong lục của Vương Quang Lỗ.
- Nguyên sử kỷ sự bản mạt của Trần Bang Chiêm.

#### *Về đời Thanh*

Về đời Thanh, nhiều sử gia viết về Mông-cổ, cũng dễ hiểu. Vì các sử gia đời Minh muốn viết những sự thực không đẹp của Minh Thái-tổ trong cuộc chiến Minh-Nguyên phải e dè. Lý do khác là, tổ tiên của nhà Thanh chính là Kim Ngột Truật nhà Kim. Mà Kim gốc từ bộ lạc Nữ-chân, một bộ lạc trong vùng Thảo-nguyên như Mông-cổ. Họ hiểu nhiều ngôn ngữ, phong tục Mông-cổ

- Nguyên sử loại biên của Thiệu Viễn Bình.
- Bổ Nguyên sử thị tộc biểu, Bổ Nguyên sử nghệ văn chí, Nguyên sử thập di, của Tiền Đại Hân.
- Nguyên sử bản chứng, của Uông Huy Tổ.
- Nguyên sử tân biên, của Ngụy Nguyên.
- Nguyên sử dịch văn chứng bổ, của Hồng Quân.
- Mông-Ngột nhi sử, của Đỗ Kỷ.

- Tân Nguyên sử, của Kha Thiệu Mẫn.

Một bộ sử, mà khi nói đến tác giả, tôi muốn lơm giọng, đó là bộ An Nam chí lược của Lê Trắc (Có sách chép là Lê Tắc). Y nguyên là môn khách của Chương-hiến hầu Trần Kiện. Y cùng Kiện đầu hàng Nguyên năm 1285. Cũng nên nhắc ở đây, Kiện là con trai của Tĩnh-quốc vương Quốc Khang. Khi An-sinh vương phi tức công chúa Thuận Thiên có thai ba tháng, thì bị Trần Thủ Độ ép đem vào cung làm hoàng hậu của vua Trần Thái-tông. Cái thai đó sau sinh ra Quốc Khang. Quốc Khang không phải là con vua, nên tuy là anh cả mà không được truyền ngôi. Ngôi vua truyền cho em là Thái-tử Hoảng, tức vua Thánh-tông. Sau khi hàng Nguyên, bọn Trần Kiện được Thoát Hoan đưa về Trung-quốc. Hưng Đạo vương cho phục binh giết Kiện và bộ thuộc. Trắc thoát chết, mang xác Kiện về gò Ôn-khâu táng. Y được Nguyên trọng dụng. Thời gian ở Nguyên, y viết bộ An Nam chí lược. Nội dung, y đứng trên cương vị thần tử Trung-quốc, luôn bóp méo lịch sử Việt. Tuy vậy trong bộ sử này chép lại rất nhiều điều trọng đại ba cuộc bình Mông của Đại Việt. Tôi xin căn dặn các bạn trẻ trước: Khi sử dụng An Nam chí lược phải hết sức thận trọng.

## 6.2. Phả, bia đá, minh.

Nhiều vô cùng. Có một kho tàng vĩ đại, viết về nhưng tiểu tiết, những truyện lặt vặt, những nhân vật nhỏ bé mà các sử gia bỏ qua. Đó là những cuốn địa phương chí, nhân vật chí của những xã, những huyện thuộc Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam. Những cuốn này cho tôi nhiều chi tiết rất quý trong việc tìm hiểu về thời gian Mông-cổ cai trị Trung-quốc, về ba cuộc xâm lăng Đại Việt. Hiện những tập sách nhỏ này nằm rải rác ở các thư viện trung ương Liễu-châu, Côn-minh, Quảng-châu hoặc tại thư viện Đại-học văn khoa, hoặc thư viện cấp huyện, thậm chí cấp xã. Trong khi tiếp xúc với các giáo sư sử học, nhân chủng học, và ngay cả những vị có trọng trách về văn hóa của ba tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam như:

Quảng Đông: Quảng-châu, Kỳ-giang, Dương-giang, Đài-sơn, Phật-sơn.

Quảng Tây: Liễu-châu, Nam-ninh, Ngọc-lâm, Hợp-phố, Khâm-châu, Long-châu.

Vân Nam: Côn-minh, Khai-nguyên, Văn-sơn, Điền Bắc, Khúc-tĩnh.

Các vị ấy cũng không hề biết rằng trong thư viện thống thuộc mình lại có những cuốn sách như vậy. Các vị ấy còn khuyên tôi chẳng nên chú ý đến những tiểu tiết nhỏ nhặt. Họ đâu có biết rằng những cái nhỏ bé ấy, nó như những viên gạch, tôi dùng để xây lâu đài vĩ đại. Giáo sư Chung Vũ Ninh gọi tôi là con mọt sách lớn nhất mà ông gặp.

Dưới đây tôi chỉ đưa ra tên những tập quan trọng mà thôi.

- Đại-lý di hậu lục, Vô danh, Minh. Thuật trận đánh của Đoàn Hưng Trí với Ngột-lương Hợp-thai, y bị bắt.

- Di tộc kỷ sự bản mạt, Vương Doãn, Minh. Chép về tộc Di ở Vân Nam, cuối sách dành ra 15 trang nói về số phận 5 vạn quân Đại-lý theo Ngột-lương Hợp-thai sang đánh Đại Việt.

- Khúc-tĩnh nhân vật chí, Vô danh, Minh.. Chép tiểu sử một số nhân vật vùng Khúc-tĩnh, Vân Nam. Trong đó có 7 người theo Mông-cổ đánh Đại Việt bị giết.

- Diên Bắc chư thần chí, Đoàn Đại, Minh. Chép sự tích 25 thần ở Diên Bắc, Vân Nam. Trong đó có tới 9 thần vào thời Mông-cổ cai trị.
- Thát-đát cảo lục, Võ Doãn Cương, Minh. Chép những thống khổ của dân chúng vùng Quảng Tây phải gánh chịu trong ba cuộc chiến tranh Mông-Việt.
- Mông-thát di hận, Uông Huy, Minh. Chép những thống khổ của dân chúng vùng Quảng Đông, Quảng Tây trong thời gian bị Mông-cổ cai trị. Trong đó có ba lần đánh nhau với Đại Việt.
- Đại-lý cổ sự lục, Uông Kinh, Minh. Chép những truyện kỳ lạ tại triều đình Đại-lý trong khoảng 1200-1257. Có chép cuộc chiến tranh giữa Mông-cổ với Đại-lý.

Và hằng trăm sách lặt vặt khác.

Nếu thời Tống đã có bộ Tống triều công thần bi ký, đã giúp tôi khi viết Nam-quốc sơn hà, thì đời Nguyên, những loại bi ký lại rải rác, hiếm hoi. Vì các văn gia Trung-nguyên coi người Mông-cổ là thứ rợ Thát-đát, chỉ biết cướp bóc hãm hiếp, mà không có văn hóa, nên khi các danh nhân Mông-cổ chết, ít được soạn bi ký kỷ niệm. Những bài bi ký này, chính tác giả đã đưa vào thi hay văn tập của mình:

Diêu Toại (1238-1314) trong Mục-am tập có bài ký nói về:

- Sứ giả Nguyên là Trương Đình Tân, đến Đại Việt năm 1269.
- A-lý Hải-nha (Ariq Qaya), tướng tấn công Đại Việt năm 1285.
- Trong bài Dĩnh-châu vạn hộ Để công thần đạo bi, có đề cập tới chiến cuộc Mông-cổ với Chiêm, Việt.

Tô Thiên Tước (1294-1352) trong Nguyên triều danh thần sự lược, có bi ký của:

- A Truật (Aju), con trai Ngột-lương Hợp-thai, cầm quân đánh Đại Việt năm 1258 do Vương Văn soạn.
- Khac Kha Sun do Lưu Mẫn Trung soạn.

Cũng Tô Thiên Tước, trong Từ khê văn cảo, có bia chép về Lý Thiên Hạo, một tướng thủy quân Nguyên, bị bắt trong trận Bạch-đằng năm 1288.

Bia trước đền Ôn Đức, thờ viên Thiên-phu trưởng tiếp viện lương thực cho Ngột-lương Hợp-thai năm 1258, bị giết. Bia này do tôi phát hiện tại xã Kiến-thủy, huyện Khai-nguyên, tỉnh Vân Nam.

### **6.3. Những chi tiết vụn vặt giá trị khác.**

Một tài liệu, không phải là sử, được biên soạn vào đời Nguyên, mang tên Hoàng triều kinh thế đại điển, tác giả là Triệu Thế Diên và Ngu Tập soạn vào năm 1330-1331, dưới sự kiểm soát của Thân-vương Mông-cổ Đắc-khan Khác-kha-sun (Darqan Qarqasun). Sách này hiện chỉ còn lại một chương đầu, in trong bộ Vĩnh-lạc đại điển. Nội dung nói sơ đến cuộc chiến tranh với Đại Việt, Chiêm-thành, các sự kiện được ghi rõ ngày, tháng, năm.

Một vài bài ký sự, thơ phú thù phụng của những sứ thần Mông-cổ qua Đại Việt, cũng ghi lại đôi ba nét về thời cuộc. Đó là các bộ:

- An Nam hành ký của Từ Minh Thiện.
- Trần Cương Trung thi tập của Trần Phu.

## **7. Tìm trong kho tàng Âu-Phi**

Quân Mông-cổ từng đánh phá các nước Trung Đông và hầu hết các nước châu Âu, rồi đặt nền cai trị đến mấy trăm năm. Thế nhưng trong Nguyên sử, chỉ dành đâu có mấy trang nói về cuộc ra quân kinh thế hấy tục này. Đương thời sử gia các nước bị tai vạ đều ghi chép rất tỷ mỉ. Trong cuộc sưu tầm, tôi tìm thấy những bộ sử lớn của các nước sau đều tường thuật về biến cố này: Iran, Irak, Syrie, Afghanistan, Hung-gia-lợi, Ba-lan, Nga-sô, Tiệp-khắc, Đức, Áo. Những nước thoát khỏi ách này gồm Pháp, Ý, Anh, Tây-ban-nha, Bồ-đào-nha. Trong các bộ sử đó, thì bộ sử biên niên của nhà sử học Iran là Allah Rasid ud-Din (1247-1318) có giá trị nhất. Trong bộ sử này, có nói qua về vụ Thoát Hoan bị Đại Việt đánh bại.

Sang thế kỷ thứ 18-19-20, nhờ Đông Tây thông thương, các sử gia Âu-Phi tham khảo thư tịch những nước Á-châu, họ viết về Mông-cổ rất chi tiết. Song không sách nào nói đến ba cuộc bình Mông của Đại Việt cả. Họ chỉ lược vài giòng, với nghi vấn: Mông-cổ bại ở Nhật-bản và Việt-Nam. Vì sách quá nhiều, tôi chỉ lựa những bộ thực sự có giá trị, ghi trong phần tài liệu đính kèm. Các bạn có thể mua về đọc.

## **8. Văn đề tên của người Mông-cổ**

Trong khi viết 11 quyển về thời Lĩnh Nam, 19 quyển về thời Tiêu-sơn, tôi chưa bao giờ gặp khó khăn về vấn đề tên của nhân vật. Những tên trong 30 quyển trên, hầu hết là tên Trung-quốc, Đại Việt, rất dễ dàng cho tôi. Thảng hoặc gặp những tên Ấn-độ, Chiêm-thành, thì tôi cứ dùng tên Hán-Việt mà tiền nhân đã dùng, rồi ghi cạnh đó tên phiên âm bằng tiếng Phạn như :

Tỳ Ni Đa Lưu Chi (Vinitaruci)

Tăng-giả Nan-đà (Samvananda)

Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma)

Sạ Đầu (Jaya Sinhavarman II)

Bây giờ, tôi gặp khó khăn khi viết tên người Mông-cổ. Từ thủa còn thơ, tôi học sử, gọi tên người Mông-cổ bằng tên phiên âm Hán-Việt trong Nguyên-sử in đời Thanh, riết rồi thành quen. Khi tôi vào tuổi 13-14, học sử Thế-giới bằng tiếng Pháp, tôi gặp tên Mông-cổ mà người Pháp phiên âm, làm tôi bàng hoàng như:

Thành-cát Tư-hãn là Gengis Khan.

Tốc Bất Đài là Sūbōdai.

Mộc Hoa Lê là Muqali.

Mông Kha là Mōngka.

Thế nhưng, mỗi khi có dịp đọc một quyển sách có liên quan đến Mông-cổ, tôi lại mất thì giờ rất nhiều thời giờ quy những tên trong sách ra tên Hán Việt quen biết. Vì các tác giả người Anh, Mỹ, Pháp, Đức, Ý, họ phiên âm theo tiếng nước họ. Rồi ngay trong một nước, mỗi tác giả lại phiên âm khác nhau. Lôi thôi! Rắc rối!

Tại sao?

Nguyên thủy, Mông-cổ chỉ là một tộc nhỏ trong vùng Thảo-nguyên. Họ sống theo chế độ lều trại, không văn hóa, không có chữ viết. Khi chinh phục Thổ-phồn, Thành-cát Tư-hãn mới dùng văn tự nước này làm văn tự Mông-cổ. Lúc đánh đế quốc Khwarezm, Mông-cổ lại dùng văn tự Ả-rập. Lúc Hốt Tất Liệt đặt nền móng cai trị ở Yên-kinh, họ lại dùng Hán-văn. Đến năm 1288, Mông-cổ dùng tới 16 văn tự khác nhau. Mỗi nước phiên âm tên Mông-cổ theo ý họ. Ngay trong cùng một nước, mà mỗi người tùy ý phiên âm riêng. Cái phức tạp là ở chỗ đó.

Trước 1201, Mông-cổ cũng như các bộ tộc ở vùng Thảo-nguyên, cứ sau trận đánh với nhau, thì bên thắng bắt tất cả đàn ông của bên bại làm nô lệ. Còn vợ, con gái của kẻ thù, bắt làm tỳ thiếp cho mình. Sau khi thắng bộ tộc Nãi-man, một bộ tộc văn minh, Thành-cát Tư-hãn bỏ lệ ấy. Ông sát nhập hai bộ tộc làm một, cho người Nãi-man được sống bình đẳng như người Mông-cổ. Sự rộng lượng này đưa Mông-cổ trở thành nước lớn. Vì vậy, từ đấy, khi đánh đến đâu, ông tuyển người địa phương bổ xung tổn thất. Ông dùng người địa phương làm tướng. Cho nên, trong quân Mông-cổ có nhiều tướng gốc Á-rập, Âu-châu, Thổ-phồn, Tây-hạ, Thát-đát, Cao-ly, Trung-quốc. Lại còn những tên Thánh của Hồi-giáo, Thiên-chúa giáo...Tên của họ, đổi với chúng ta ngày nay cũng đã rắc rối rồi, huống hồ hối đó!

Vì vậy có tình trạng mạnh ai, người ấy phiên âm. Nói đâu xa, gần đây, Paris thành Ba-lê, Moscou thành Mạc-tư-khoa. California thành Gia-châu, Canada thành Gia-nã-đại. Montesquieu thành Mạnh Đức Tư Cưu. Karl Marx thành Mã Khắc Tư.

Năm 1976, khi tôi mới làm việc cho Ủy-ban trao đổi y học Pháp-Hoa (Tên cũn cơm là Commité médical Franco-Chinois, viết tắt là CMFC). Trước những danh từ, mà chưa ai dịch, hoặc dịch nhưng chưa thống nhất, tôi cứ sáng tác bừa ra. Lúc đầu, nhiều anh em viết sách kêu trời, vì họ đã dịch rồi. Nay họ phải đổi lại. Tỷ như Rhum des foins, người bị chứng này khi hoa nở thì bị dị ứng mũi, mắt. Tôi dịch là hoa khai thế lệ. Nghĩa là hoa nở, nước mắt nước mũi chảy. Tiền trả xa lộ, bao năm đã dịch là xa lộ phí, tôi dịch là tiền mãi lộ. Tiền eo-phe tại Hoa-kỳ, tiền RMI tại Pháp tôi dịch là tiền chẩn bần. Địa danh Chamonix tôi dịch là Đại-lang sơn tuyết phong. Tổng-thống Clinton, tôi dịch là Kha-lâm-tông. Thuốc Viagra tôi tương đối là Uy-nhi-cương có nghĩa là uống Viagra vào, thì cái nở cứng lên, hùng dũng. Trước sau dịch từ Hoa-văn ra Pháp-văn và ngược lại, tôi đã sáng tác ra gần 700 từ. Thế mà, bây giờ những từ đó, trở thành chính thức.

Trở lại những tên Mông-cổ. Cái gã con trai Tốc Bất Đài, nguyên soái Mông-cổ đánh Đại Việt lần thứ nhất vào năm 1258, Nguyên-sử chép là Ngột-lương Hợp-thai, Ngột-lương Cáp-thai. ĐVSHTT chép là Ngột-lương Hợp-đài. ANCL chép là Ngột-lương Cáp-đài. Thông-giám tập lâm chép là Ô-đặc-lý Cáp-đạt. Hịch tướng sĩ của Hưng Đạo vương lại là Cốt-đài Ngột-lang. Bột-lan Hợp-đáp-nhi, Nguyên sử chép là Bột-lỗ Hợp-đáp-nhi; ANCL chép là Lý-la Hợp-đáp-nhi, Sách-la Cáp-đáp-nhi.

Lối phiên âm này, vào thời Nguyên, Minh đã hỗn loạn như thế. Sang thời Thanh, năm 1781, vua Càn Long cho thành lập một ủy ban, soạn bộ Liêu, Kim, Nguyên tam sử ngữ giải. Vì tổ tiên của nhà Thanh là Kim Ngột Truật. Mà Kim vốn gốc là bộ lạc Nữ-chân, một

trong các tộc thuộc vùng Thảo-nguyên như Mông-cổ. Cho nên ủy ban phiên âm các tên trong Liêu-sử, Kim-sử, Nguyên-sử thành âm Mãn-thanh, ghi bằng Hán-văn. Thế là...rồi loạn càng thêm rối loạn. Lộn tùng phèo hết. Ngột-lương Hợp-thai được đổi thành Ô-lan Cáp-đạt, A-lý Hải-nha thành A-nhĩ Cáp-nhã. Bản in Nguyên-sử mà tiền nhân dạy tôi, là bản in đã sửa đổi theo phiên âm Càn Long. Mãi tới năm 1978, khi theo Ủy-ban trao đổi y học Pháp-Hoa sang Hồ Bắc, tôi đọc bộ Nguyên-sử cũ, mới bật ngửa ra cái sự khác nhau. Trong dịp này nhờ điều trị cho giáo sư sử học Cao Toàn An, tôi được ông giảng giải chi tiết về sự phiên âm này. Tôi như người mù được mở mắt về vấn đề phiên âm.

Bởi vậy khi đọc sử Trung-quốc giai đoạn này rất dễ lầm lẫn. Ông Hoàng Thúc Trâm trong tác phẩm Trần Hưng Đạo lầm rằng A Truật, A Châu là hai người khác nhau. Thực ra A Truật là phiên âm đời Minh. Còn A Châu là phiên âm đời thanh. Trần Trọng Kim trong Việt Nam sử lược lược lầm Tích-lệ-cơ-ngọc thành Tích-lệ và Cơ-ngọc. Nhà sử học Nhật-bản Yamamoto Tatsuto lầm Hòa-lễ-hoắc-tôn thành Hòa-lễ và Hoắc-tôn. Các dịch giả bộ KĐVSTGCM của viện Sử-học Hà-nội cắt I-lặc-cát-đại thành Y-lặc và Cát-đại.

Vậy trong hai bộ tôi viết về thời bình Mông này, sẽ phiên âm ra sao? Theo sách Anh? Nhưng sách Anh nào? Theo sách Pháp? Nhưng sách Pháp nào? Tôi nhận ra cách phiên âm của các nước châu Âu tuy khác biệt nhau, nhưng đại lược giống nhau. Chỉ cần biết tên đó do một nước phiên âm, khi gặp tên đó do nước khác phiên âm cũng đoán ra. Như Thành-cát Tư-hãn, họ phiên âm là Gengis Khan, Cjensitan, Chsgengista... Còn trong sách của tôi, tôi nghĩ: Thôi thì dầu sao tôi cũng từng là người thông dịch Pháp-Hoa trong 24 năm, tôi tự quyết định lấy. Quyết định này đặt trên căn bản sao cho giới trẻ Việt, dù ở trong nước, hay ở hải ngoại không bị lầm lẫn, dễ dàng nắm được vấn đề khi đọc sách Việt, khi đọc sách Trung-quốc hay sách Anh, Pháp, Đức! Nguyên tắc đó là:

1. Dùng tên phiên âm của Nguyên-sử, mà lịch sử Việt từng dùng. Tên này quen với người Việt. Không cần biết tên đó phiên âm thời Nguyên-Minh hay Càn Long. Sau đó chú giải một trong cách phiên âm của Tây-phương. Tỷ như khi nói tới Triết Biệt, tôi giữ nguyên, rồi chú giải ngay cạnh hoặc bên dưới là Jäbä. Hốt Tất Liệt chú giải cạnh là Qubilai. Ngột-lương Hợp-thai chú giải cạnh là Uryangqadai.

2. Ngược lại khi chép những tên, mà sử Việt không nói tới, Nguyên sử có nói tới, tôi dùng tên phiên âm Nguyên-sử. Như sông Onon, tôi chép là Long-lý hà, rồi chú giải cạnh. Như tên một thành ở biên giới Mông-cổ, Tây-hạ, Nguyên-sử gọi là Lực-cát-lý doanh, tôi vẫn giữ nguyên, nhưng chú giải cạnh là Wolohai.

3. Những tên người, đất chỉ xuất hiện ở Mông-cổ, hoặc Tây-phương, Trung Đông, mà Nguyên sử không nói tới, tôi tự phiên âm, rồi chú giải phiên âm của Tây-phương bên cạnh.

Hy vọng, với tuổi trẻ hiếu học, với những bước đầu tôi đi qua, để lại; các bạn dễ dàng tìm hiểu về Mông-cổ, tìm hiểu về trang sử anh hùng của tộc Việt ta trong ba lần bình Mông.

*Paris ngày 19 tháng Chạp, năm Mậu Dần.*

*Nhăm ngày 4 tháng 2 năm 1999.*

## Một đoạn ngắn gia phả họ Trần

Dịch nghĩa

Từng nghe rằng:

Thấy muôn núi trùng trùng, điệp điệp mà xét đến tột cùng ngọn núi Tu Di (1). Xem thấy sông lạch mênh mông mà suy tận cùng đến tinh tú. Thế nên nhà phải có gia phả, cũng như nước phải có sử sách, đó là điều thật không thể thiếu vậy?

Xưa, các triều đại của nhà Ngu, nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu, sự liên quan trong giòng họ mỗi đời đều thấy rõ.

Giòng dõi họ Trần nhà ta, nguồn gốc từ Mân-châu (2) trước chọn đất An-sơn (Nay thuộc huyện An-hưng, tỉnh Khánh-an), sau di xuống làng Túc-mặc. Ông tổ tên Hồng-Phúc (3), nhờ tích đức, lũy nhân, nên tiếp nhận được thế đất Thái-đường (Nay thuộc xã Thái-đường, huyện Hưng-nhân, tỉnh Thái-bình).

Ngôi đất ấy, sách Phong-thủy gọi là

"Liên hoa kết nhụy, dĩ nhan sắc đắc thiên hạ"(4)

Về sau, quả nhiên đức Trần Thái-tông (Thuộc chi thứ trong họ) được họ Lý truyền vị, lên ngôi báu, trải 14 đời vua. Nếp nhà nhân hậu, con cháu phồn vinh, thịnh vượng. Há bảo rằng : Không thể lường máy tạo, khó tính nổi mệnh trời, đầy dẫy sóng cuồn cuộn, để đạt thành sự nghiệp từ ngàn xưa đến ngàn sau.

Kế đến, giòng họ dời về cư ngụ tại phường Hà-khổu, đất Hà-thành, cũng đời đời gìn giữ nếp nhà, nên hàng sĩ phu, quan lại, nay chính là họ Đặng-Trần đó. (5)

Chi trưởng họ nhà ta, trung hiếu nề nếp, kính giữ thần chức. Thời kỳ nhà Trần đang thịnh thì nếp nhà vinh hiển, cùng gánh vác chia sẻ lẽ hưng suy của Xã Tắc....(6)

陳宗玉譜

蓋聞觀萬山之稠疊公究極乎彌彌觀眾水之浩  
漫要推窮於星宿故家之有譜猶國之有史誠不  
可闕也古來處夏商周世系具可贖已我

陳源派來自閩州前卜葬于安山今慶安省  
安興縣後移居于

卽墨我

祖洪福公積德累仁接得太堂地臘島今在太平省談曰

蓮花結藥當以色得天下後我

陳太宗

我族  
次支果受李禪

登寶位歷傳十四帝仁厚傳

家螽斯衍慶不謂莫測者機難忱者命濶眼波濤  
已成終古事矣後散居于河城之河口坊亦世守  
家規間登仕錄今鄧陳姓是也惟我長支忠孝  
傳家恪守臣職當我陳盛時亦世蒙顯秩興國  
匹休迨黎祖時我六世孫陳國模守義不屈

### Chú giải

(1) Tu-di, ngọn núi không có trên địa cầu. Thấy thuật trong kinh Phật. Ở đây, ý muốn nói: Nguồn gốc của các ngọn núi trên thế gian.

(2) Thời An Dương vương, vùng Nam-hải bị Triệu Đà chiếm, Phương-chính hầu Trần Tự Minh, di gia thuộc xuống vùng Giao-chỉ.

(3) Hồng Phúc là tên thụy của Trần Tự Kinh, sau được truy tôn là Mục-tổ hoàng đế (1103-1190).

(4) Nghĩa là hoa sen kết thành nhụy. Nhờ nhan sắc mà được thiên hạ. Ý chỉ con gái Nguyên-tổ Trần Lý là Trần thị Kim Dung, kết hôn với vua Lý Huệ-tông, mà cháu là Trần Cảnh được Lý Chiêu-hoàng tuyển làm chồng, rồi được nhường ngôi.

(5) Khi bị giặc Hồ Quý Ly cướp ngôi. Con cháu các vua Trần phiêu bạt khắp nơi, trốn tránh. Đổi họ thành Đặng, khi họ Hồ bị quân Minh bắt, một số đổi ra họ Đặng Trần.

(6) Chi trưởng chỉ con cháu An-sinh vương Trần Liễu với các vị Hưng-ninh vương Trần Quốc Tung, Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn, Vũ Thành vương Trần Quốc Doãn.

族譜記讀

東山之陽旭日煌煌根深派引盛傳美敷  
 瑶枝瓊幹奕襯書香風雄海表雨潤粉鄉  
 蘭增裕蔭桂籍騰芳福田利益仁宅安康  
 球圖書寶蘋葦詩章於今為烈振古有光  
 步降具矣在上在旁假如入戶思乎登堂  
 義深追遠溯自天長於皇玉譜鼎夏檄商

程國公古庵白雲阮先生 拜讀

&

**Bài tán của Trình Quốc-công Nguyễn Bình Khiêm,  
khi đọc gia phả Trần tộc.**

*Phiên âm*

Đông-sơn chi dương,  
 Húc nhật hoàng hoàng,  
 Căn thâm phái dẫn.  
 Thịnh truyền mỹ chươơng,  
 Liên chi quỳnh cán,  
 Dịch tự thư hương.  
 Phong hùng hải biểu,  
 Vũ nhuận phân hương.  
 Lan giai dụ ấm,  
 Quế tịch đắng phương.  
 Phúc điền lợi ích,  
 Nhân trạch an khang.  
 Cầu đồ thư bảo,  
 Tần vi thi chươơng.  
 Ư kim vi liệt,  
 Chấn cổ hữu quang.  
 Trắc giáng cụ nhĩ,  
 Tại thượng, tại bàng.  
 Ái như nhập hộ,  
 Tư hồ đăng đường.

*Dịch*

Âm phủ non Đông,  
 Mặt trời rực rõ,  
 Rễ sâu lan tỏa.  
 Nền thịnh sáng hồng!  
 Gốc quỳnh liền cành,  
 Thư hương tiếp nối,  
 Gió hùng biển cả.  
 Mưa nhuận thôn trang,  
 Thềm lan ôm ấp,  
 Vườn quế ngát hương.  
 Phúc điền sinh lợi,  
 Nhân trạch an khang.  
 Đồ thư quý báu,  
 Thi chươơng thơm lừng.  
 Nay vẫn rạng rõ,  
 Nguồn sáng chấn hưng.  
 Trắc giáng đã đủ,  
 Ở trên, ở dưới,  
 Phảng phất vào cửa,  
 Suy niệm đăng đường.

Nghĩa thâm truy viễn,  
Tổ tự Thiên-trường.  
Ô! Hoàng ngọc phổi,  
Đỉnh Hạ, đôn Thương.

**Trình Quốc-công,**  
*Cổ-am Bạch vân Nguyễn tiên sinh bái tán*

Nghĩa sâu truy xa,  
Tử cung Thiên-trường.  
Ôi ! Hoàng ngọc phổi,  
Đỉnh Hạ, đôn Thương

**Trình Quốc-công Bạch-vân**  
*tại làng Cổ-am bái tán.*

## Chú giải

(1). Hưng-Đạo vương có bốn vương tử, đều là đại tướng lập nhiều công trong cuộc chống Mông-cổ lần thứ nhì và ba. Cả 4 đều được phong vương, có thái ấp riêng: Hưng-Võ vương, Hưng-Nhượng vương, Hưng-Hiển vương, Hưng-Trí vương. Cho đến nay, dù mất nhiều công sựu tầm, tôi cũng không tìm ra di duệ của Hưng-Trí vương. Bài tán này, tôi thấy trong hầu hết các gia phả thuộc giòng Hưng-Võ, Hưng-Nhượng, Hưng-Hiển vương. Không biết Trình Quốc-công Nguyễn Bỉnh Khiêm đã làm năm nào?

(2). Non Đông để chỉ núi Thái-sơn, ý nói công đức sinh thành của tổ tiên. Nhưng sườn non Đông ở đây có nghĩa: Sườn có nghĩa là chữ phụ. Chữ phụ với chữ Đông thành chữ Trần.

(3) Thiên-trường, tên một trấn, nơi phát tích của giòng họ Trần. Nay thuộc Nam-định và Thái-bình.

(4) Đỉnh Hạ, nhà Hạ bên Trung-quốc, khi thống nhất thiên hạ, đã đúc chín cái đinh tượng trưng cho chín châu, để ở kinh đô, tỏ rõ quyền đế vương. Đôn Thương: Nhà Thương nối tiếp nhà Hạ, đúc chín cái đôn, để chín cái đinh của nhà Hạ lên trên, tượng trưng nhà Thương kế tục nhà Hạ, làm chủ thiên hạ.

Toàn ý câu này muốn nói, triều Trần do đức mà được Thiên-hạ.

**Thư tịch về Mông-cổ,  
và ba cuộc bình Mông của tộc Việt,  
thế kỷ thứ XIII.**

**Sách Việt ngữ.**

So sánh với sách Trung-quốc, Nhật-bản, Cao-ly hay bất cứ các sách Tây-phương, thì sách báo Việt-ngữ viết về ba cuộc bình Mông quá ít, quá sơ lược. Tuy nhiên tôi cũng ghi vào đây.

- Chu Thiên, Chỗng quân Nguyên, Sở học liệu, Bộ Văn-hóa giáo dục VNCH, Đại Nam California, USA tái bản.
- Đào Duy Anh, Lịch-sử Việt-Nam, Sở học liệu, Bộ Văn-hóa giáo dục VNCH, Đại Nam, California, USA tái bản.
- Đào Duy Anh, Tài liệu về cuộc kháng chiến của nhà Trần đã ngăn chặn sự bành trướng của Mông-cổ xuống Đông Nam Á, Nghiên cứu lịch sử, số 12, Hà-nội tháng 9 năm 1962.
- Đào Duy Anh, Tìm các đèo Khâu-cấp và Nội-bàng trên đường dụng binh của Trần Hưng Đạo. Nghiên cứu lịch sử số 66, Hà-nội tháng 9 năm 1964.
- Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm, Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên-Mông thế kỷ thứ XIII. Nhà xuất bản Khoa-học xã hội Hà-nội 1975.
- Nguyễn Ngọc Thụy, Về con nước thủy triều trong trận Bạch-đằng năm 1288, Nghiên cứu lịch sử số 63, Hà-nội tháng 6 năm 1964.
- Nguyễn Văn Dị, Văn Lang, Nghiên cứu về trận Bạch-đằng năm 1288, Nghiên cứu lịch sử số 49, Hà-nội tháng 4 năm 1963.
- Phạm Ngọc Phụng, Tìm hiểu chiến thuật, chiến lược thời Trần Lê, Hà-nội 1963.
- Trần Hà, Xung quanh trận Bạch-đằng năm 1288, Nghiên cứu lịch sử số 46, Hà-nội tháng 1 năm 1963.
- Trần Huy Liệu, Kỷ niệm 675 năm trận chiến Bạch-đằng, Nghiên cứu lịch sử số 50, Hà-nội tháng 5 năm 1963.
- Trần Trọng Kim, Việt-Nam sử lược, Sở học liệu, Bộ Văn-hóa giáo dục VNCH, Đại Nam, California, USA tái bản.
- Văn Tân, Bàn thêm về nguyên nhân khiến cho cuộc kháng chiến chống quân Mông-cổ hồi thế kỷ thứ 13 đi đến thắng lợi. Nghiên cứu lịch sử số 66, 67 tháng 9-10 năm 1964.

**Sách chữ Hán**

Đây là loại sách viết bằng chữ Trung-quốc, nhưng tôi gọi là sách chữ Hán, để phân biệt với sách do người Trung-quốc viết. Chữ Trung-quốc, trong quá khứ, tổ tiên ta đã dùng làm văn kiện, thi cử mấy nghìn năm, được gọi là chữ Hán đã quen. Một vài bộ, do họ Lý tại Đại-hàn, gốc là con cháu Lý Dương Côn, Lý Long-Tường sang kiểu ngụ, đã viết,

nhưng khi viết, họ đứng trên danh nghĩa người Việt, cũng được ghi vào mục này. Nói nôm na ra mục này ghi: Sách chữ Trung-quốc do người Việt viết.

Tuy nhiên khi viết bộ An-Nam chí lược, Lê Tắc đã đứng trên lập trường là thần tử nhà Nguyên; con cháu Chiêu-quốc vương Trần Ích-Tắc khi chép gia phả, cũng luôn coi mình là người...Trung-quốc; vì vậy những sách ấy được ghi vào mục tài liệu Trung-quốc.

Sách chữ Hán do người Việt viết tuy nghèo nàn, nhưng lại là tài liệu rất quan trọng trong cuộc kháng chiến chống quân Mông-cổ của tổ tiên ta xưa.

Một số lớn sách, chép về các anh hùng, không mấy quan trọng mà tôi đã ghi chú ngay dưới các sự kiện, thì không chép vào đây.

- Cao-ly sử, thư viện quốc gia Hán-thành, Đại-hàn.
- Chiêu-Quốc di hậu lục. Sách chép tay của con cháu Chiêu-Quốc vương Trần Ích-Tắc, tại trấn Nhạc-dương, tỉnh Hồ-Nam Trung-quốc.
- Đại-Nam nhất thống chí, bản Tự-Đức, chép tay.
- Đại-Việt sử ký toàn thư, Trần Kinh-Hòa chủ giải, Đông-kinh đại học, Đông-dương Văn-hóa nghiên cứu sở xuất bản, niên hiệu Chiêu-hòa thứ 59.
- Đại-Việt sử ký, đời Tây-sơn.
- Khâm-định Việt-sử thông giám cương mục, Quốc-sử quán triều Nguyễn, bản in 1881.
- Nam-sử tập biên, của Vũ Văn Lập. Bản chép tay của thư viện Khoa-học xã hội Hà-nội.
- Tiêu-sơn truyền phả. Sách chép tay của con cháu Kiến Bình vương Lý Long Tường tại Phú-lương giang, quận Khang-linh (Ong Nin Gun), tỉnh Hoàng-hải (Hwang-hac) , Bắc Triều-tiên.
- Tinh-thiện Lý thị tộc phả. Bản chép tay của thư viện quốc gia Hán-thành, Nam Hàn.
- Trần gia di phả. Sách chép tay của giòng Hưng Hiển vương tại Bát-tràng.
- Trần gia ngọc phả, sách chép tay thư viện Khoa-học xã hội Hà-nội.
- Trần gia điển tích thống biên. Sách chép tay của thư viện Khoa-học xã hội Hà-nội.
- Trần Hưng Đạo vương cựu tích. Sách chép tay của thư viện Khoa-học xã hội.
- Trần Kiến-trung thực lục hay Vạn-yên thực lục. Sách chép tay của thư viện Khoa-học xã hội, Hà-nội.
- Trần đại tộc chính phả. Sách chép tay của giòng Hưng Nhượng vương tại Cổ-am.
- Trần đại vương bình Nguyên thực lục, bản chép tay của thư viện Khoa-học xã hội Hà-nội.
- Trần tông ngọc phả. Sách chép tay của giòng Hưng Vũ vương tại Hải-hậu, Nam-định.
- Trần triều thế phả hành trạng. Sách chép tay của thư viện Khoa-học xã hội Hà-nội.

- Trần vương truyện khảo, của Trần Duy Vôn 1931, sách chép tay của thư viện Khoa-học xã hội, Hà-nội.
- Trần-gia Bắc-tông chính phả. Sách chép tay của con cháu Chiêu-Quốc vương Trần Ích-Tắc tại xã Lãnh-thủy, thị xã Trường-sa, tỉnh Hồ-Nam, Trung-quốc.
- Việt-sử tổng vịnh, bản in đời Tự-Đức bản in đời Tự-Đức 1874).

## Tài liệu Trung-quốc

Nguồn tài liệu này quá phong phú, nhưng lại quá phức tạp. Nếu chép hết, có lẽ tới vài nghìn bộ. Ở đây tôi chỉ ghi tên những bộ, hội đủ điều kiện sau:

- Có giá trị nhất, nguồn gốc rõ ràng.
- Có tàng trữ tại các thư viện lớn, hoặc thư viện các đại học tại Hoa-kỳ, Pháp, Canada, Anh, Đức, Đông-kinh, Hán-thành và thư viện Khoa-học xã hội Hà-nội.
- Có giá trị nguyên thủy. Tỷ như cùng một sự kiện, một tác giả chép rồi có nhiều tác giả khác lấy làm căn cứ viết các bộ khác, thì tôi chỉ ghi tên bộ nguyên khởi.
- Có liên hệ tới cuộc chiến Nguyên-Việt.
- Những bộ sử, mà tác giả viết vào thời gian 1949 tới 1998, trong tinh thần Marxism, Léninisme, Maoisme không mấy trung thực, tôi không ghi vào đây. Tuy nhiên một vài bộ do các cơ sở quân đội soạn có giá trị cao. Các bộ này được dùng làm tài liệu tham khảo cho các sĩ quan chỉ huy tham mưu, cho các trưởng quân sự cao cấp, tuy rất khô khan, nhưng lại có nhiều giá trị về tình báo, về chiến thuật, chiến lược, tôi cũng ghi vào đây.
  - An-Nam chí lược, của Lê Trắc, Trần Trung-Hòa chủ giải, Đông-kinh đại học, Đông-dương văn hóa nghiên cứu sở xuất bản, niên hiệu Chiêu-hòa thứ 59.
  - An-Nam chí nguyên, của Cao Hùng Trưng, Cẩm-chướng thư cục Thượng-hải, 1921.
  - Bình Tống lục, của Lưu Mẫn Trung, đại học Văn-khoa Triết-giang, 1978.
  - Chân-lạp phong thổ ký, Chu Đạt-Quan trong bộ Cổ kim đồ thư tập thành. Trung-hoa thư cục xuất bản, 1973.
  - Chiêu-bổ tổng lục, Thủ-sơn các tùng thư.
  - Chư phiên chí, của Triệu Nhữ-Quát, Đông-kinh đại học, Đông-dương văn hóa nghiên cứu sở xuất bản, niên hiệu Chiêu-hòa 54.
  - Hắc-thát sự lược, của Bành Đại-Nhã và Từ Đỉnh, đại học văn, khoa Giang-tô 1970.
  - Hoa-di dịch ngữ, bản trong Hàm-phàn lâu bí níp.
  - Kinh thế đại điển tư lục, bản trong Nguyên-văn loại.
  - Kinh thế đại điển, bản trong Vĩnh-lạc đại điển.
  - Liêu Kim Nguyên sử ngữ giải, soạn năm 1781, bản của Giang-tô thư cục.
  - Mông-ngột-nhi sử, của Đỗ Kỳ, 1934.
  - Mông-thát bị lục, của Triệu Hồng, bản trong Mông-cổ sử liệu từ chủng hiệu chúa của Vương Quốc-Duy, viện nghiên cứu Thanh-hoa học hiệu.

- Mục-am tập, của Diêu Toại, bản của đại học sư phạm Bắc-kinh 1979.
- Đại-lý hành ký, của Quách Tùng-Niên, Kỷ-văn trai tùng thư.
- Đào-viên học cổ lục, của Ngu Tập-Nguyên, Cẩm-chướng thư cục Thượng-hải 1924.
- Đảo di chí lược, của Uông Đại-Nguyên, bản của Cổ-học vựng san 1911.
- Nguyên hành tinh thừa tướng bình chương chính sự niên biểu, của Ngô Đình-Nhiếp trong Nhị thập ngũ sử bổ biên.
- Nguyên đại bách thoại bí tập lục, nhà xuất bản Khoa-học xã hội, Bắc-kinh 1955.
- Nguyên đại Vân-nam sử địa tùng khảo, của Hạ Quang-Nam, Trung-hoa thư cục Bắc-kinh xuất bản 1976.
- Nguyên điển chương, bản niên hiệu Quang-tự, 1908.
- Nguyên sử bản chứng, của Uông Huy-Tổ, nhà xuất bản Khoa-học xã hội, Bắc-kinh 1978.
- Nguyên sử bị vong lục, của Vương Quang-Lỗ, nhà xuất bản Khoa-học xã hội, Bắc-kinh 1978.
- Nguyên sử dịch văn chứng bổ, của Hồng Quân, Quảng-nhã thư cục 1900.
- Nguyên sử kỷ sự bản mạt, của Trần Bang-Chiêm, Thương-vụ ấn thư quán Hương-cảng 1973.
- Nguyên sử loại biên, của Thiệu Viên-Bình, nhà xuất bản Khoa-học xã hội Bắc-kinh, 1978.
- Nguyên sử nghệ văn chí, của Tiêu Đại- Hân, nhà xuất bản Khoa-học xã hội Bắc-kinh, 1978.
- Nguyên sử ngoại di truyện địa lý khảo dị, của Đinh Khiêm, nhà xuất bản Khoa-học xã hội Bắc-kinh 1978.
- Nguyên sử đồng danh lục, của Uông Huy-Tổ, Quảng-nhã thư cục.
- Nguyên sử tân biên, của Ngụy Nguyên, Cẩm-chướng thư cục Thượng-hải 1920.
- Nguyên sử, Tống Liêm tổng biên tập, Trung-hoa thư cục xuất bản.
- Nguyên Thánh vũ thân chinh lược, bản của Đông-kinh đại học, không rõ năm xuất bản.
- Nguyên thị tộc biểu, của Tiêu Đại-Hân, nhà xuất bản Khoa-học xã hội, Bắc-kinh 1978.
- Nguyên triều bí sử, tân dịch bản của Chu Ngân-Danh, đại học sư phạm Trường-sa 1980.
- Nguyên triều chinh tiễn An-Nam khảo bị, sở Nghiên-cứu, Cục Tác-chiến, Bộ Tổng tư-lệnh quân đội Nhân-dân Trung-quốc.
- Nguyên triều danh thần sự lược, của Tô Thiên-Tước, đại học văn sử Thượng-hải 1979.
- Nguyên văn loại, của Tô Thiên-Tước, Thương-vụ án thư quán 1958.

- Quách-thị Nam chinh, con cháu Quách Quỳ, bản photocopie của Bộ Chỉ-huy quân sự tỉnh Quảng-Tây.
- Tân Nguyên-sử, của Kha Thiệu-Mân, đại học Văn-sử Giang-tô, 1977.
- Thành-cát Tư-hãn Tây-chinh khảo lược, Sở Nghiên-cứu, Cục Tác-chiến, Bộ Tư-lệnh quân khu miền Tây Mông-cổ, 1960.
- Thiên Nam hành ký, của Từ Minh-Thiệu, đại học Văn-sử Vân-nam 1976.
- Triệu thị chinh tiễu Giao-chỉ ký, con cháu Triệu Tiết, bản photocopie của Bộ Chỉ-huy quân-sự tỉnh Quảng-Tây.
- Tục tư trị thông giám, của Tất Nguyên, Trung-hoa thư cục 1966.
- Vân-Nam chí lược, của Lý Kinh, đại học Văn-sử Vân-Nam 1976.
- Việt kiệu thư, của Lý Văn Phượng, bản chép tay của thư viện Khoa-học xã hội Hà-nội, và đại học Văn-sử Quảng-châu 1982.

## **Nguồn tài liệu tiếng Tây-phương**

- **Tài liệu gốc Mông-cổ thế kỷ XIII-XVII**
  - Altan Debter (Livres d'Or), source introuvable du XIII<sup>o</sup> siècle (le début de sa rédaction pourrait remonter à 1225) sur l'histoire de la lignée de Gengis-Khan, gardée dans le Trésor de l'Etat. La source chinoise Sheng-Wu T'sin – Tseng Lu en dérive ainsi que la source arabo-perse de Rasid ud-Din.
  - Monggol-un Ni uca Tobcian (Histoire Secrète des Mongols), probablement écrite en caractères ugur en 1228 (perdue) et en caractères chinois vers 1240; traduite en chinois en 1370 sous le titre Yüan-ch'ao pi-shi. Suivant les versions:
    - du texte mongol Monggol-un ni ucaa tobci'an, de E. HAENISCH, Die Geheime Geschichte der Mongolen, Leipzig 1949; P. PELLIOT, Histoire Secrète des Mongols, Paris 1949; M. OLSUFIEVA, Storia Segreta dei Mongoli (version italienne du texte reconstitué par l'universitaire russe SERGEJ KOZIN), Milan 1973;
    - du texte chinois Yuan-tch'ao pi-chi (extraits), de E. HAENISCH, Untersuchungen über das Yüan-ch'ao pi-shi, die Geheime Geschichte der Mongolen, Leipzig 1937.
  - Cinggis-Qahan-u Hujahur (Les origines de Gengis-khan), rédigé en 1228, faisant peut-être partie de l'Altan Dëbtér, incorporé à l'Histoire Secrète.
  - Altan Tobci (Histoire d'Or), chronique anonyme datant peut-être de 1604. D'après la version de C. R. Bawden (in «Göttinger Asiatische Forschungen», I), Wiesbaden 1954.
  - Altan Tobci (Histoire d'Or), chronique rédigée en 1667 environ par le prince Lubdzandandzin, descendant de Dayan-Khan. D'après la version de E. Haenisch, Die letzten Feldzüge Cinggis Han's und sein Tod (in «Asian Major», IX), Leipzig 1933.

- Cahan-Tëuqë (Histoire blanche), chronique du XIII<sup>o</sup> siècle concernant le culte de Gengis-Khan, attribuée à Qubilä-Khan. Version de Zamca-rano, the Mongol chronicles of the Seventeenth Century (in «Gütt. Asiat. Forschungen», III); N. Pallisen, Die alte Religion der Mongolen und der Kultus Tschingis-Chan's (in «Numen»), Leiden 1956.
- Ssanang-Ssetsen Chung-tajsi, Ěrdény-yin tobci (l'histoire précieuse), saga mongole de 1662. D'après la version de I. J. Schmidt, Geschichte der Osst-Mongolen und ihres Fürstenhauses, St. Petersburg 1829.
- **Tài liệu Mông-cổ thế kỷ XVIII-XIX**
  - Isibaldan, Ěrdény-yin ériqë (La couronne de joyaux), chronique khalkh de 1835.
  - Jimbadorji, Bolur Toli (Le miroir de cristal), chronique de 1834-1837. Les trois sources de la version raccourcie de W.Heissig (in «Monumenta linguarum Asiae Maioris»), Copenhag 1958-1961-1962.
  - Lomi (descendant de Dayan-Khan), Mongol Borjihid oboy-un tēuqë (Histoire du clan des Mongols Borjigin), chronique de 1732-1735. Rasipungsuy, Bolur ériqë (La Couronne de cristal), chronique de 1774-1775.
  - – Les deux sources de la version de W. Heissig (in «Monumenta Serica»), Peiping 1945-1946.
  - Sirégétü-Güosi Dharma, Altan kürdün mingyan gëgësütü bicig (Le livre de la roue d'or aux mille rayons), chronique de 1739.
- **Những tài liệu khác**, tuy ngắn, nhưng khá quan trọng, rải rác trong các tạp chí Tây-phương ghi ở cuối phần này. Trong đó có các bài:
  - Yëqë Mongyol ulusun ün-düsün-u altan tobci (Histoire d'Or des origines de l'Empire des Grands Mongols), rédigée en 1765 par le lama (?)
  - Mërgën-gëgën, Subut ériqë (La couronne de perle),
  - Cinggis-un tēuqë (Histoire de Gengis),
  - Cinggis qahan-un auriyangui sastir (Esquisse d'une histoire de Gengis-khan),
  - Tayji Cinggis qahan-un tēuqë (Histoire du noble Gengis-khan),
  - Kûkû Tuy (Batnière bleue) [des Mongols bleus au temps de Gengis],
- **Tài liệu Mãn-châu**
  - Ian Gurun-i Suduri (Histoire des trois royaumes) ou des trois dynasties Liao, Kin e Yüan, rédigée en langue tartare vers 1646 sur l'ordre de l'empereur mandchou Shun-shi, et subdivisée comme suit:
    - \* Tai-Liao Gunrun-i suduri (Histoire du grand règne Leao), dans la version de M. Conon von der Gabelentz, Geschichte der Grossen Tai-liao, St. Petersburg 1877. Du texte chinois Liao-shi (Annales Leao), voir les versions partielles de De Mailla, op. Cit., C. Visdelou, Histoire de la Grande Tartarie, Maestricht 1780; E. Bretschneider, Karakhitai (in «Mediaeval researches», cit.).

- \* Aïssin Gurun-i suduri (Histoire de l'empire des Kin), version de C. De Harlez, Histoire de l'Empire de Kin ou Empire d'Or, Louvain 1887.
- \* Dais Yuwan Gurun-i suduri bithe (Histoire de l'empire des grands Mongols), dans la version partielle de C. De Harlez, Manuel de la langue mandchoue, Paris 1884. Pour cette source, cf. le texte chinois de Yüan-shi (Annales Mongoles).
- Kuke Sudur (Chronique bleue) (des origines impériales de la grande dynastie Yüan), rédigée en 1840 par INJANASI et WANGCUNBALA. Dans la version raccourcie de W. HEISSIG, Über die Kuke sudur (in «Monumenta Serica», VIII) et dans la traduction partielle de O. LATTIMORE, The Mongoles of Manchuria, Boston 1934.
- **Tài liệu Tây-tạng**
  - JIGS-MED NAM-MK'A, Hor chos byun (1818), dans la version de G. HUTH, Geschichte des Buddhismus in der Mongolei, Strasbourg 1902.
  - GÜÜSI DGELIGS NORBU, Qad-un tēuqē (Histoire des Rois), rédigées dans la seconde moitié du XVIII<sup>o</sup> siècle.
- **Tài liệu ARABO-PERSANES thế kỷ XIII-XIV**
  - AL-BEIDGAWY ABD ALLAH, Anwar at-tanzil (Perles de l'Histoire) (XIII<sup>o</sup> siècle).
  - AL-JUZJANI ABU 'UMR-I-'USMAN, Tabaqat-i-Nasiri (1260), dans la version de H. G. RAVERTY, A general history of the Muhammadan Dynasties of Asia (in «Bibliotheca Indica»), Londres 1881.
  - AL-MARRAKUSY ABD AL-WAHID, al-Kawakib ou al-Rasad (XIII<sup>o</sup> siècle) extraits in PETIS DE LA CROIX, op. bibl.
  - AN-NUWAIRI, Nihayt al-arab (Le but ultime) (XIV<sup>o</sup> siècle).
  - EL-KAZHANI ABD ALLAH, Zubdet el-Tawarikh (1303). «Rasid ud-Din a dignement dépouillé le malheureux Abd Allah el-Kazhani. Il a tout bonnement fait recopier son ?uvre et s'est contenté de la signer lorsqu'elle a été terminée et a refusé de lui verser la somme qu'il lui avait promis» écrit E. Blochet p. 144-145 et 151-152) dans son commentaire à la version de Rasid ud-Din.
  - EL-NESAWI MOHAMMED, K'amil ut-Tawarikh (L'Histoire vraie) (1231-1241), suivant la version de O. HOUDAS, Histoire du Sultan Djelal ed-din Mankobirti prince du Kharezm par Mohammed en-Nesawi, Paris 1895.
  - IBN AL-ATHÝR IZZ AD-DIN, Al-K'amil fi't-Tawarikh (La somme des histoires) (1233), extraits, par BARBIER DE MEYNARD, Histoire des Atabecs de Mosul (in Recueil des Historiens des Croisades, H. O., II), Paris 1872-1906; et in M. D'OHSSON LE BARON, op. bibl., et BARTHOLD, op. bibl.
  - JUWAYNI ALA-AD-DIN'ATA-MALIK, Tawarikh-i-Fahangusa (Histoire du conquérant du monde (1257-1260), suivant la version de G. R. SCARCIA, Gengis-Khan, Il Conquistatore del mondo, Milan 1962.

- QAZWINI ABDOLLAH MUSTAWFI, Tawarikh-i guzida (Histoire choisie), (XIV<sup>e</sup> siècle).
  - RASID ED-DIN FADL ALLAH, Djami at-tawarikh (Annales Historiques) (1303), qui a puisé lui-même dans Juwaini et dans le Livre d'Or mongol. Dans les versions de M. D'OHSSON LE BARON (extraits), ?uvre bibliographique dérivée des sources (Cf. ci-dessous); E. QUATREMERE, Histoire des Mongols de la Perse écrite en persan par Raschid-Eldin, Paris 1836; E. BLOCHET, Introduction à l'histoire des Mongols de Fadl Allah Raschid ed-Din, Leyden-London 1910.
  - WASSAF ABDULLAH BEN FAZLOLLAH DE SCIRAZ, Tajziyato'l-amsar (Sivision des contrées) (1302-1312), extraits in M. D'OHSSON LE BARON, op. bibl.
- **Tài liệu ARABO-PERSANES th  k  XV-XVI**
- *Abulcayr, Fateh name Tawarikh el-Osman (Le livre de l'histoire d'Osman)* (XVI<sup>o</sup> siècle) extraits dans *Petis de la Croix*, op. bibl.
- *Al-Makrizi Taki-Eddin Ahmed, Kitab as-suluk fi ma'rifa tawarikh al-muluk* (Introduction à la connaissance de l'histoire des rois) XV<sup>o</sup> siècle, dans la version incomplète de : E. Blochet, *Histoire d'Egypte*, Paris 1908. E. quatremère, *Histoire des Sultans Mamlouks de l'Egypte*, Paris 1845.
- *ez-Zemji Moayn ed-din Mohammed d'Esfizar, Rawzat ul-ennat,, fi evsaf medinet il Herat* (Les jardins xélestes, ou description de la ville de Hérat) (XVI<sup>o</sup> siècle) extraits par Barbier De Meynard (in *Journal Asiatique*, 1860).
- *Hâfiz-Abrû, Zubfat et-Tawarikh* (Crème de l'histoire) (XV<sup>o</sup> siècle) dans la version raccourcie de K. Bayani, *Chronique des Rois Mongols en Iran*, Paris 1936.
- *Khondemir o khwandamir, Habib us-siyar* (L'ami des biographies) (XVI<sup>o</sup> siècle) extraits de L. Bouvat, *Empire Mongol*, Paris 1927, et *Histoire des Khan Mongols et de la Transoxiane* (in J. A., 1852).
- *Mirkhond ou Mirkhwand, Rawzat us-Safa* (Jardin de Pureté) (XV<sup>o</sup> siècle), traduit de l'anglais par E. Lamairesse, *Jardin de Pureté*, Paris 1894. De l'original Vie de Djenghiz-Khan, Paris 1841 (texte persan) et *Histoire des Samanides*, Paris 1845 (texte persan traduit par M. Defrémy).
- *Sheref-ed-Din Ali Yazdi, Zafer-name* (Le livre de la victoire) (1424), dans la version de *Petis de la Croix*, Delf 1727.
- **Tài liệu ARABO-LATINES**
  - Abul-Pharakio Gregorio sive Bar Hebraeus (XIII<sup>o</sup> siècle, écrit en syriaque), *Historia Orientalis*, Oxoniae 1672; *Chronicon Syriacum*, etc., Lipsiae 1789.
  - Abul Fesa Ismayl ibn Ali al-Ayyubi (xiii-xiv<sup>o</sup> siècles) *Annales Muslemici arabice et latine*, Hafniae 1789.
  - Butrus ubn ar-Rahib (xiii<sup>o</sup> siècle) *Chronicon Orientale*, Parisiis 1685.
- **Tài liệu ARMÉNO-GEORGIENNES**

- *Haython ou Hethum (xiii-xiv<sup>o</sup> siècles) Liber Historiarum partium Orientis sive passagium Terrae Sanctae, Haganoae 1529* (Cf. aussi *la version italienne, in Rmusio, op. bibl.*).
- *Guiragos o Kirakos (xiii<sup>o</sup> siècle), Chronique d'Arménie, extraits traduits par M. Ed. Dulaurier, Les Mongols, d'après les historiens arméniens (in journal Asiatique, 1858).*
- *Vartan (xiii<sup>o</sup> siècle) Histoire universelle (de la création du monde à 1269 après J.-C.) extraits traduits par M. Ed . Dulaurier, op. cit. (in J. A., 1860).*
- *Pour les sources arméniennes, cf. aussi Bibliothèque Historique Arménienne, et plus particulièrement Choix et extraits des historiens arméniens par M. Ed. Dulaurier, Paris 1856-1859; Recueil des historiens des croisades, Documents arméniens, Paris 1839.*
- *Pour les sources géorgiennes, cf. Chronique géorgienne, trad. par M. Brosset jeune, Paris 1831.*

### Tài liệu Nga-sô

- Vladimirskij Serapion, archimandrite des Grottes (xiii<sup>o</sup> siècle), auteur de cinq sermons; d'après M Gorlin, Sérapion de Vladimir, prédicateur de Kiev (in Revue de Etudes Slaves, XXIV), Paris 1948.
- Le Dit de la ruine de la terre russe (xiii<sup>o</sup> siècle, d'après Gorlin (in Byzation, XXII), Paris-Bruxelles 1953.
- Chronique de Halic-Volinia (xiii<sup>o</sup> siècle, d'après D. Cizevkij, Über den Stil der Galizish Volinischen Chornik (in Südost-Forschungen, XII) Munich 1954.
- Zadonscina (L'épopée de Don) (xv<sup>o</sup> siècle), d'après A. Mazon, La Zadonscina: réhabilitation d'une ?uvre (in Revue des Etudes Slaves, XVIII), Paris 1938, et J. Blankoff, Les présages dans le Dit d'Igor et la Zadonxcina ((in Annuaire de l'Institut de Philologie et d'Histoire Orientales et Slaves, XV), Bruxelles 1960.
- Karamzin, M., Histoire de l'Empire de Russie, d'après les textes originaux des anciennes Annales russes; traduits par St. Thomas et Jaufret, Paris 1819/26.
- Tài liệu Tây-phương vùng Địa-trung hải
- Bongarsius, J., Gesta Dei per Francos, sive Orientalium Expeditorum et Regni Francorum Hierosolimitani Historia a variis illius aevi Scriptoribus literis tradita,
- Joinville, Jean sire de, Histoire de Saint Louis, IX nom, roi de France, Paris 1668.Hanoviae 1611.
- Rogerii, Miserabile Carmen, super destructione Regni Hungariae per Tartaros facta (in "Monumenta Germaniae Historica, XXIX), Hannoverae 1892.
- Simon de Saint-Quentin, Histoire des Tartares (Historia Tartarorum), publiée par J. Richard, Paris 1965.

## Tài liệu chính yếu sử dụng

- Barthold, F. w., Turkestan down to the Mongol invasion, Oxford 1928.
- Bazin, A., Le siècle des Youén, Paris 1850.
- Bretschneider, E., Mediaeval researches from Eastern Asiatic Source, Londres 1888.
- Cahun, L., introduction à l'histoire de l'Asie. Turcs et Mongols des origines au 1405, Paris 1896.
- Deguignes, M. J., Histoire générales des Huns, des Turcs, des Mongols, et des autres Tartares Occidentaux (ouvrage tiré des Livres Chinois et des Manuscrits Orientaux de la Bibliothèque du roi), Paris 1756.
- D'Ohsson, C. le Baron, Histoire des Mongols, depuis Tchinguiz-Khan jusqu'à Timour Bey ou Tamerlan, La Haye 1834.
- Douglas, R. K., The life of Fenghiz-Khan, translated from the Chinese, Londres 1877.
- Grousset, R., L'Empire Mongol, Paris 1941.
- Hammer-Purgstall, Geschichte der Goldenen Horde in Kiptschak, Pesth 1840.
- Harlez, C. J. De, La Religion nationale des Tartares orientaux, avec le Rituel Tartare de l'empereur K'ien-Long (d'après les textes indigènes), Bruxelles 1887.
- Herbelot, baron d', Bibliothèque Orientale ou Dictionnaire universel contenant généralement tout ce qui regarde la connaissance des Peuples de l'Orient, Maestricht 1776.
- Moule, A. C., Christians in China before the years 1550, Londres 1930.
- Petis de la Croix, père, Histoire du grand Genchizcan. Premier Empereur des Anciens Mongols et Tartares (traduite et compilée de plusieurs Auteurs et de Voyageurs Européens), Paris 1711.
- Iстория великих Генчизана и его преемников, первых императоров Монголов и Тартаров (edizione italiana di F. Pitteri), Venise 1737.
- Visdelou, C. e Galand, A., Bibliothèque Orientale (supplément à celle de D'Herbelot), Maestricht 1780.
- Vladimirtsov, B. J., Cingis Khan, Paris 1948.
- Le régime social des Mongols. Le féodalisme nomade, Paris 1948.

## Tài liệu sử địa thời Trung-cổ

- Abul feda Géographie (traduite de l'arabe en français et accompagnée de notes et d'éclaircissements par M. Le Bon Mac Guckin de Slane), Paris 1840-1848.
- Descriptio Chorasmiae et Mawaralnahrae, Londini 1650.
- Barbaro, G., Suoi viaggi alla Tana e in Persia (cf. Ramusio).
- Bergeron, P., Voyages faits principalement en Asie dans les xii-xiii-xiv-xv<sup>o</sup> siècles, La Haye 1735.

- Edrisi, Géographie d'E. (traduite de l'arabe en français d'après deux manuscrits de la Bibliothèque du Roi et accompagnée de notes par P. Amédée Jaubert), Paris 1836-1840.
- Jean du Plan Carpin, Voyage chez les Tartares (Historia Mongalorum) par G. Pullè, Milan 1956.
- Guillaume de Rubrouck, Itinerarium ad partes orientales.
- Fra Ladislao, Relatio de Tartaria aquilonari (an 1287) (in Biblioteca bio-bibliografica della Terra Santa e dell'Oriente Francescano, III), Quaracchi 1925.
- Odoric de Pordenone, Chronica ex Codice Bibliothecae Vaticanae nunc prium edito (in Monumenta Historica ad Provincias Parmensem et Placentinam pertinentia, III), Parmae 1855.
- Jean de Mandavilla, I viaggi di (Ouvrages de vulgarisation) Bologne 1870.
- Hiouen-Thsang, Histoire de la vie de H.-T., et de ses voyages dans l'Inde depuis l'an 629 jusqu'en 645 par Hoë-li et Yen-Thsong (trad. du chinois par Stanislas Julien), Paris 1853.
- Holder-Egger, De invasione Tartarorum fragmentum Carmina de Regno Ungariae destructo par Tartaros (in Monumenta Germaniae Historica, XXIX), Hannoverae 1892.
- Ibn Battuta, I viaggi di I. B. par Gabrieli, Florence 1961. Rihla (Journal de route).
- Interiano, G., Della vita de' Zichi altrimenti Circassi (Cf. Ramusio). Itinéraires russes en Orient (trad. pour la Société de l'Orient Latin par Mme B. De Khitrowo), Genève 1889.
- Mas'udi, Les Prairies d'Or (trad. Barbier de Meynard et Pavet de Courteille; revue et corrigée par C. Pellat), Paris 1962-1965.
- Palladius, G. H. Eps., De Gentibus Indiae et Bragmanibus, Londini 1668.
- Marco Polo, Il Milione (texte en langue du xviii<sup>e</sup> siècle L'Ottimo), par le comte G. B. Baldelli Boni, Florence 1827; par E. Camesasca, Milan 1965.
- Ramusio, G. B., Della navigationi et viaggi, Venise 1563, 1554, 1565.
- Rusticiano da Pisa, I viaggi di Marco Polo descritti da R. da P. (traduits et illustrés par V. Lazari, par L. Pasini), Venise 1847. Sinica Franciscana, vol. I: Itinera et relationes fratrum minorum saeculi XIII et XIV, par P. Anastasius Van den Wyngaert OFM) Quaracchi 1929.
- T'sersteven A., I precursori di Marco Polo (I due Maometani, Giovanni del Pian del Carpine, Guglielmo di Rubruk), Milan 1960.

### Tài liệu tổng quát

- Abu-I-Ghzi: Histoire des Mongols et des Tartares, publiée, traduite et annotée par le Baron Desmaisons, St. Petersbourg 1874.

- Almeyda, Manuel d', *Historia general de Ethiopia a alta ou Preste Foam*, etc., Coimbra 1660.
- Auril, P., *Voyage*, etc., avec une description de la Grande Tartarie, Paris 1692.
- Belloni, G. (militaire italien), *Storia dei Tartari*, Milan 1825.
- Blake R-Frye R.: History of the Nation of the Archers (the Mongols) by Grigor of Akane, Harvard Journal of Asiatic Studies vol 12 Dec. 1949. N° 3-4.
- Bretschneider E.: Mediaeval Researches from Eastern Asiatic Sources, London 1888.
- Chavannes E.: Inscriptions et pièces de chancelleries chinoises er l'époque mongole. *T'oung Pao* 1904, 1905, 1908.
- Chy Fa Hian, Foe Koue ki ou relation des Royaumes Bouddhiques: Voyage dans la Tartarie, dans l'Afghanistan et dans l'Inde exécuté à la fin du iv<sup>e</sup> siècle, tr. Du chinois par M. Abel Rémusat, Paris 1836.
- Cleave F. W.: The Sino-Mongolian Inscription of 1362 in Memory of Prince Hindu, Harvard Journal of Asiatic Studies vol 12, June 1949, pp.2-93.
- Cleaves F. W.: The Sino-Mongolian Inscription of 1338 in Memory of Jinguntee HJAS vol 14, June 1951, pp. 1-104.
- Coedès G.: Les états hindouisés d'Indochine et d'Indonésie Paris 1948.
- D'Ohsson C.: Histoire des Mongols depuis Tchinguiz-khan jusqu'à Timour-bey ou Tamerlan, La Haye-Amsterdam 1834-1835.
- Dalla Persia all'India, attraverso il Belucistan, Milan, 1912.
- Feer, L., La puissance et la civilisation mongoles au troisième siècle, Paris 1867.
- Finot L.: Les inscriptions du Cirque de Mi-son, BEFEOI 1904.
- Gaubil P.A.: Histoire de Gentchiscan et de toute la dynastie des Mongous, ses successeurs, conquérant de la Chine, Paris 1739.
- Grenard, F., *Gengis-Khan*, Paris 1935.
- Grousset R.: L'Empire des steppes, Paris 1939.
- Grousset R.: L'Empire Mongol (1re phase), Paris 1941.
- Grousset, R., *Le Conquérant du Monde*, Paris 1944.
- Haenisch E.: Mangol-un niuca tobca'an (Yuan-ch'ao pi-shi). Die geheime Geschichie des Mongolen, Leipzig 1937.
- Haenisch E.: Worterbuch zu Manghol-un niuca tobca'an, Leipzig 1937.
- Hambis L.: Le chapitre CVII du Yuan-che. Les généralogies impériales Mongoles dans l'histoire chinoise ancienne de la dynastie Mongole, Leyden 1945.
- Harlez C. de: Histoire de l'Empire de Kin ou Empire d'Or (Aisin gurun-i suduri bithe), trad. Du mandchou, Louvain 1887.
- Howorth, Sir H., *History of the Mongols from the IX to the XIX century*, Londres 1876-1888.

- Hubert E.: La fin de la dynastie de Pagan BEFEO IX, 1901
- Laet, J. De, De Imperio Magni Mogolis, sive India vera commentarius, Lugduni Batavorum 1631.
- Lamb, H., Genghis-Khan, New-York 1956.
- Martinius, M., De Bello Tartarico Historia, Amstelodami 1655.
- Maspéro G.: Le Royaume de Champa, Paris – Bruxelles 1928.
- Minuccio Minucci, Storia inedita dei Tartari (De Tartaris), écrite en 1598 par M. M. Arcivescovo di Zara, par A. Marani (d'après les Annali del Liceo-Ginnasio Mamiani), Rome 1967.
- Mosheim, J. L. von, Historia Tartarorum Ecclesiastica, Helmstadii 1741.
- Parker, E. H., A thousand years of the Tartars, Londres 1895.
- Pauthler C.: Le livre de Marco Polo, Paris 1865.
- Pelliot P.: Les Mongols et la papauté, Revue de l'Orient-chrétien, XXIII, 1-2 et XXIV, 3-4, Paris 1922-1924.
- Pelliot P.: Mémoires sur les coutumes du Cambodge de Tcheou Ta-kouan. Oeuvres posthumes de Paul Pelliot III, Paris 1951.
- Pelliot P.: Notes sur l'histoire de la Horde d'or. Oeuvres posthumes de Paul Pelliot II, Paris, 1950.
- Pelliot P.-Hambis L.: Histoire des campagnes de Gengis-Khan, Cheng-wou ts'in-cheng lou, traduit et annoté, T.I, Leiden, 1951.
- Percheron, M., Sur les pas de Genghis-Khan, Paris 1956.
- Poucha P.: Die geheime Geschichte der Mongolen als Geschichtsquelle und Litteraturdenkmal, Praha, 1956.
- Prawdin M.: L'empire mongol et Tamerlan, Paris, 1937.
- Rashid-ed-Din: Djami et Tévarikh, ed. Par E. Blochet, t. II., Contenant l'histoire des empereurs mongoles successeurs de Tchinkkiz Khogan. Gibb Memor. Ser. XVIII.
- Ratchnevsky, P., Un code des Yüan, traduction, introduction et note, avec préface de P. Pelliot, Paris 1937.
- Schmidt S. J.: Geschichte der Ost-Mongolen und ihres Furstenhauses verfasst von Ssanang Ssetsen Chungtaidschi der. Ordus, St Petersbourg, 1829.
- Steven H., Trans-Himalaja, Mailan 1910.
- Vladimirtsov B.: Gengis-khan, trad. par. M. Carsow, Paris, 1948.
- Vladimirtsov B.: Le régime social des Mongols. Le Féodalisme nomade, trad. Par Michel Carsow, Paris, 1948.
- Yamada N.: Ghenko-The Mongol Invasioon of Japan, London, 1916.
- Yule, H.: The book of Marco Polo, edited by H. Cordier London, 1921.

### **Báo chí, tập san.**

- Acta Orientalia Academiae Scientiarum Hungariae, Budapest.

- Asia Major, Leipzip.
- Asiatic researches, Calcurta-Londres.
- Bibliochecha Orientalis, Leiden.
- Bulletin of the School of Oriental and African Studies, Londres.
- Byzantion, Patris-Bruxelles.
- Gōttlinger Asiatische Gorschungen, Wiesbaden.
- Journal Asiatique, Paris
- Monumenta Serica, Peiping.
- Numen, Leiden.
- Orientalia Suecana, Uppsala.
- Oriens, Leiden.
- Revue de l'Orient de Chrétien, Paris.
- Revue des Etudes Slaves, Paris.
- T'oung Pao, Leiden.

# Q U YỀN I

*Từ rừng núi miền Đông Hoa-kỳ xa xôi...*

**Yên Tử Cử Sĩ**  
**Trần Đại Sỹ**  
*nói về tổ tiên anh hùng*

## Nhìn người trẻ hôm nay, mà hy vọng ngày mai.

Câu chuyện bắt đầu vào lúc hoàng hôn ngày 31 tháng 8 năm 1996, tại một căn nhà bằng gỗ nằm trong rừng, ngoại ô thành phố Louisville, tiểu bang Tennessee, Đông-Nam Hoa-kỳ. Căn nhà này là một trong hơn trăm trại được dùng làm trại hè Vẽ-nguồn, mang tên thánh Gióng tức Phù-Đổng thiên vương. Đây là khu rừng, mà người ta đã khử cỏ độc, làm đường đi, dựng trại bằng gỗ thô sơ; lại bắt điện, ống dẫn nước, hơi đốt, điện thoại... để cho những người thích sống với thiên nhiên, có nơi nghỉ ngơi.

Ngôi xung quanh tôi, gồm mười tám người, lớn nhất ba mươi mốt tuổi, nhỏ nhất mười bảy tuổi. Họ là một nhóm nhỏ trong số 450 người trẻ Việt, từ 11 tiểu bang tụ về. Có người gọi tôi là thầy, có người gọi tôi là bác. Trong gần năm trăm người trẻ ấy, hầu như họ đều là tinh hoa của tộc Việt trên đất Hoa-kỳ. Trình độ cao nhất Ph.D, bác sĩ y khoa, dược sĩ, trình độ thấp nhất là năm cuối cùng bậc trung học. Dưới con mắt tôi, tương lai, một số trong những người này sẽ là tinh hoa của Hoa-kỳ, và biết đâu lại có những tinh hoa nhân loại? Chỉ gặp nhau có mấy ngày, mà tình yêu giữa tôi và họ nảy sinh. Nói truyện với họ, tôi không phải giữ gìn, ý tứ. Họ nói với tôi như nói với cha, với anh. Tôi yêu họ như đức Thích-Ca, như chúa Giê-su, như Khổng-tử yêu đệ tử. Họ kính tôi như người trên trong gia tộc. Giữa chúng tôi: Người lớn tuổi muốn đem tất cả hiểu biết của mình cho người trẻ. Người trẻ muốn tìm ở người đi trước những gì mình chưa có hay không có.

Những người trẻ ấy: Họ tuy sinh ở đất Việt, hưởng thụ văn hóa Việt, nói tiếng Việt; nhưng hoàn cảnh đưa họ vào một cuộc sống mới, nói một ngôn ngữ mới, hưởng một nền giáo dục mới, hành động trong một văn hóa mới. Họ tụ hội nhau bốn ngày, để nối thâm tình trong nguồn gốc con Rồng, cháu Tiên; để tìm hiểu thêm về nguồn gốc mình: để biết thêm về năm ngàn năm văn hóa của tộc Việt.

Tôi là người khách duy nhất đến từ Paris. Khác với họ, tôi đã trải qua tất cả những thăng trầm lịch sử tộc Việt trong năm mươi năm dài mà đất nước rung động. Qua mấy chục năm nghiên cứu lịch sử, tôi ngẫm ra rằng, tinh hoa của các vĩ nhân Việt hầu như đều phát tiết từ thời còn trẻ; tình yêu dân tộc, tình yêu đất nước đều biểu hiện ra rất sớm. Tôi nhìn những người trẻ xung quanh tôi với những hy vọng... ước vọng... Tất cả các trại viên đều lễ độ với người lớn, dẫu nhiên với tôi. Họ gọi tôi bằng bác, hoặc bằng thầy.

Một người hỏi tôi:

– Thưa thầy, tại sao thầy lại dùng danh từ Tiêu-sơn để chỉ triều Lý, và danh từ Đông-a để chỉ triều Trần?

– Huyền sử nói rằng, nhờ ngôi mộ ông thân sinh ra vua Lý Thái-tổ táng vào thế đất linh ở núi Tiêu-sơn, mà họ Lý làm vua trong hơn hai trăm năm. Vì vậy các văn gia thường dùng chữ Tiêu-sơn để chỉ triều Lý, để chỉ thời gian họ Lý làm vua. Cũng tương tự, người ta dùng chữ Đông-a để chỉ triều Trần, thời gian họ Trần làm vua; vì trong Hán-tự, đông với chữ a ghép lại thành chữ Trần.

Một người khác hỏi tôi:

– Cháu đã đọc bộ Nam-quốc sơn-hà của bác, thuật chiến công hiển hách nhất của tộc Việt; ban nãy bác nói rằng, sau giai đoạn cực thịnh này, thì triều Lý sẽ tàn và triều Trần bắt đầu. Thưa bác, ai đã làm cho triều Lý suy tàn, và suy tàn từ bao giờ?

Tôi nhắm mắt lại để nhớ những gì đã đọc, rồi khoan thai kể ...

## Hồi thứ nhất

### Nguồn gốc họ Trần

Trời trăn Thiên-trường, vào tiết tháng chạp, đang mưa phùn, gió bắc, lạnh buốt, cái lạnh xé da, cắt thịt; tự nhiên mây quang, mưa tạnh, nắng chói chang, ấm áp. Dân chúng đổ xô ra đường, người người chen nhau; xe, ngựa tấp nập, để sắm Tết.

Từ trong một trang trại lớn, ba người đàn ông, một già, hai trung niên khoan thai rảo bước, ngắm nhìn dân chúng. Mỗi người dân gặp ba người đều cung cung, kính kính chắp tay chào:

- Kính chào Trần lão, nhị thiếu tiên sinh.
- Thưa ba tiên sinh.
- Kính cụ ạ! Kính hai ông ạ.

Ba người cứ phải luôn luôn đáp lễ. Có người ba vị chỉ chào lại rồi đi. Cũng có người, ba vị hỏi thăm đôi điều:

- Thế nào cụ lễ Ôn, vụ mùa năm nay mấy mẫu nếp của cụ trúng to. Cụ vui lòng chứ?
- Đa tạ Trần lão tiên sinh. Nhờ lão tiên sinh cho mượn không mười công trâu cùng cho tiền mua mấy chục gánh phân, nên mới trúng mùa, mà trong nhà tôi có đồng ra đồng vào.
- Ông hương Hoạt, nghe nói mấy trăm chậu quất của ông năm nay đều kết trái sai lăm phải không? Tết đến nơi rồi, đã bán hết chưa?
- Đa tạ Trần nhị tiên sinh. Nhờ Trần nhị phu nhân dạy cho cách tia cà, bón phân, mà năm nay tôi được mùa quất.

Đó là ba cha con. Người cha tên Tự-Kinh, chưởng môn nhân phái Đông-a, một phái võ người đông, thế mạnh bậc nhất Đại-Việt. Năm nay, ông đã đi vào tuổi bẩy mươi nhưng nhờ nhiều đời tiền nhân luyện tập võ nghệ nên ông vẫn còn khỏe mạnh như thời trai tráng, tinh thần linh mẫn. Hai người con của ông, một người tên Trần Tự-Hấp, một người tên Trần Tự-Duy, cả hai tuổi xấp xỉ ba mươi. Tự-Hấp, Tự-Duy đều thành hôn với sư muội đồng môn.

Tự-Hấp cùng vợ tên Anh-Hoa, là sư huynh sư đệ đồng môn; thường hành hiệp giúp đời, nay đây, mai đó, ít khi có nhà. Còn Tự-Duy với vợ là Lưu Kim-Huệ thì ở nhà giúp đỡ cha điều hành môn phái, phụng dưỡng song thân. Nay nhân cuối năm, Tự-Hấp cùng vợ được thư cha gọi về quê khẩn cấp để ăn Tết, và họp môn phái, quyết định một việc tối quan trọng. Nơi họp, như thường lệ, là chiếc du thuyền của môn phái đậu trên bến Vy-hoàng.

Cũng như các buổi họp khác, môn phái bao giờ cũng giữ bí mật, chư đệ tử âm thầm từ các nơi tề tựu tại du thuyền trước, rồi cha con Tự-Kinh rủ nhau xuống sau, giả đi một vòng phạm vi của môn phái, thăm dò cho biết sự tình.

Nguyên sáng tổ của phái Đông-a xuất thân là một chú bé thợ săn mồ côi ở núi Tiêu-sơn, thuộc lộ Kinh-Bắc tên Trần Tự-Viễn. Chú thợ săn mồ côi ấy, vô tình học được Thiên-công chính tông từ ngài Pháp-Hiền rồi nhân bắt chước những thế võ của hổ, mà chẽ ra hổ quyên; nhân xem chim ưng bắt rắn, rắn chống lại, mà chẽ ra Ưng-xà quyên... cùng các chiêu thức, mà trở thành tổ sư của ngoại công phái Tiêu-sơn. Sau đó, ông di về Thiên-trường lập ra phái Đông-a. Vì vậy võ lâm Đại-Việt mới nói: Nội công phái Đông-a xuất ra từ phái Tiêu-sơn, ngoại công phái Tiêu-sơn phát ra từ phái Đông-a. Trong suốt bao nhiêu năm, phái Đông-a bao giờ cũng phải nhường bước cho phái Tiêu-sơn, là nơi

phát xuất của vua Lê Đại-hành, vua Lý Thái-tổ. Trải 700 năm, đến đầu thời Lý (1010 – 1077) thì trong phái này ra một thiên tài võ học lỗi lạc là Trần Tự-An; ông đã đào tạo ra những đại cao thủ làm lèn sự nghiệp kinh thiên động địa như: Thiên-trường ngũ kiệt; Côi-sơn tam anh; Khai-quốc Minh-tử, Anh-văn, Linh-cảm quốc mẫu Thanh-Mai; Mộc-tồn vọng thê hòa thượng Thông-Mai; Kinh-Nam vương Tự-Mai. Từ đấy phái Đông-a trở thành Thái-sơn Bắc-đầu Lĩnh-Nam cho đến nay.

Kể từ sau cuộc kháng Tống, mỗi khi bổ nhiệm quan lại trong khu vực Nam Thăng-long, cho tới cố đô Trường-yên, bao giờ triều đình cũng cử những đệ tử của phái Đông-a. Trong vùng này, phái Đông-a tổ chức cai trị dân chúng như một quốc gia riêng: Thuế nhẹ, không có nạn cường hào, không có tệ tham quan, khuyến khích nông tang, mở mang trường học. Vì vậy, dân chúng các nơi tụ về ngày càng đông, hóa cho nên trải 80 năm, phạm vi ảnh hưởng của phái này cực rộng.

Tới bờ sông, ba cha con xuống du thuyền lớn đang đậu ở đó, trên mũi thuyền có chữ Đông-a thực lớn. Nhìn cột buồm treo lá cờ thêu hình con chim ưng xòe cánh bay giữa đám mây, Tự-Hấp nói với em:

– Nay chú hai, vùng Thiên-trường này nhờ thế lực của phái Đông-a nhà mình, mà có an ninh, quan lại không dám những lạm, cho nên dân chúng sung túc, ấm no. Chứ các vùng khác thì dân khổ cơ hồ muốn sống không nổi, muốn chết cũng không xong. Nào quan lại tham ô, nào cường hào áp chế, nào trộm cướp như rươi. Bởi vậy có nhiều thuyền buôn họ cũng thêu cờ có hình chim ưng của nhà mình, rồi kéo lên để dọa bọn trộm cướp.

Tự-Duy hỏi:

– Thế họ có bị chúng khám phá ra không?

– Hồi đầu chúng tưởng thực, mỗi khi chúng thấy kỳ hiệu của mình thì tránh xa. Nhưng vì có những người mạo danh vụng về, để cho một vài bọn cướp biết, chúng chém giết tàn nhẫn vô cùng. Chính vì vậy, có lần anh đi trên thuyền, cho kéo kỳ hiệu lên, chúng tưởng rằng giả, chúng định đánh cướp.

Tự-Duy bật cười:

– Vậy anh chị có giết chúng không?

– Khi thấy chúng hối lỗi van xin, anh tha cho chúng. Nhưng chị đánh cho mỗi tên một chiêu Bức mạch, rồi hẹn chúng phải mua hai nghìn đấu gạo phát cho người nghèo, bấy giờ chị mới giải Bức mạch nội lực cho.

Ba cha con xuống thuyền. Đây là một con thuyền lớn, thời bấy giờ gọi là thuyền đinh.

Thuyền đinh thời Lý thường dài khoảng bốn trượng đến mười trượng (8 m tới 20 m) Thuyền có ba tầng, tầng thấp nhất là đáy thuyền, chia làm nhiều khoang, các khoang ngăn cách nhau bằng những vách gỗ kiên cố, mục đích để lõi thuyền bị thủng, nước chỉ tràn vào ngăn vỡ mà thôi. Mỗi khoang đều có cửa sổ để tát nước. Những khoang này dùng để chứa các chum (lu) đựng nước ngọt khi vượt biển, hoặc lương thực, than, củi đun. Tầng giữa chia làm hai phòng khác nhau, đây là nơi sinh hoạt chính của người đi thuyền. Tầng trên cùng, thực ra chỉ là cái chòi cho thuyền trưởng, tài công lái thuyền. Thuyền có nhiều phu chèo. Phu chèo ngồi trên sàn. Nhưng đa số những di chuyển của thuyền đều dùng sức đẩy vào buồm.

Con thuyền đinh của chưởng môn nhân phái Đông-a thì không dùng thuyền phu, đầu bếp, tài công, tỳ nữ là người ngoài. Tất cả các công việc trên du thuyền này đều là đệ tử trong môn phái đảm trách.

Viên thuyền trưởng tên Tô Trung-Sách tuổi còn trẻ, y mở cửa thuyền cúi rạp người xuống:

– Xin kính thỉnh sư phụ, nhị vị sư huynh.

Tự-Hấp vỗ vai y:

– Tô tiểu sư đệ, hối này dung quang chú khác thường quá. Anh thực là đoảng, năm trước chú cưới vợ đúng lúc anh đang ở Trung-nghuyên, thành ra không dự được. Hôm nay anh phải uống với chú mười chung để chuộc lỗi.

– Đa tạ sư huynh. Năm trước tuy sư huynh không về, nhưng sư tỷ cũng gửi cho đệ đôi vòng bích ngọc. Vợ đệ thích lắm.

Ba cha con theo sự hướng dẫn của Trung-Sách vào trong khoang thuyền chính. Trong khoang đã có năm nam, hai nữ ngồi đó từ bao giờ. Cả bảy người đều đứng dậy cung tay:

– Tham kiến sư phụ.

Tự-Kinh vẫy tay:

– Các con ngồi xuống đi, miễn lễ.

Tự-Kinh có hai con trai là Tự-Hấp, Tự-Duy, và năm nam đệ tử, hai nữ đệ tử. Hai nữ đệ tử chính là vợ của Tự-Hấp, Tự-Duy.

Tự-Kinh với hai con trai, hai con dâu, năm đệ tử cùng ngồi quanh cái án thư lớn.

Trung-Sách gọi tỳ nữ đem hoa quả ra, cùng pha trà. Tự-Kinh chỉ chiếc ghế cuối bàn cho Trung-Sách:

– Con ngồi đó đi. Con tuy là đệ tử út của ta, nhưng năm nay tuổi đã trên ba mươi, thì mọi truyện trong môn phái con cũng phải tham dự để biết.

– Đa tạ sư phụ.

Tự-Kinh thấy trong khoang thuyền có năm nữ tỳ, mặt ông hơi cau lại hỏi Tự-Duy:

– Con! Hồi đầu tháng mười một, bố đã dặn con rằng : Tất cả lực điền, bộc phụ, tỳ nữ, mã phu trong trang, con cho họ về quê nghỉ ăn Tết từ rằm tháng Chạp, tới rằm tháng Giêng. Bố cũng nhắc nhở rằng trong dịp này con vẫn phát lương cho họ đầy đủ, tặng thêm cho một tháng lương; đặc biệt cấp thêm ít tiền đi đường, cùng cho mỗi người ít đấu gạo nếp tía là sản phẩm đặc biệt của Thiên-trường. Nay sao trong thuyền này còn tới năm tỳ nữ?

– Thưa bố, năm con bé này không phải là tỳ nữ bình thường. Nguyên nhà chúng nghèo, bị bán làm tỳ thiếp cho bọn khách thương. Bọn khách thương định đem về Trung-nghuyên làm kỹ nữ. May mắn thay, dọc đường gặp anh chị Tự-Hấp giải thoát rồi cho về với gia đình. Nhưng năm con bé này không dám về, sợ bọn khách thương kiện cáo với quan nha bắt bớ bố mẹ chúng. Anh chị mới gửi chúng về ẩn tại trang nhà mình. Do vậy tuy Tết đến, chúng nhớ nhà nhưng cũng không dám về.

– Các con hành xử như thế thì đúng với hiệp nghĩa, nhưng không đủ đức nhân.

Anh em Tự-Hấp, Tự-Duy cùng đứng dậy cung tay:

– Chúng con xin nghe lời giáo huấn của phụ thuân.

– Này Tự-Hấp con! Tự hậu, nếu con gặp trường hợp tương tự, sau khi ra oai cho bọn khách thương rồi, thì con phải hỏi xem chúng mua người mất bao nhiêu tiền? Con bồi hoàn cho chúng, rồi đưa bọn con gái khốn nạn này về với cha mẹ. Như vậy, có phải mình vừa có cái hiệp, vừa có cái nhân không?

– Dạ, con xin ghi lời dạy dỗ của phụ thân.

Ông gọi năm tỳ nữ:

– Các con lại đây!

Năm tỳ nữ cung kính chắp tay đứng trước Tự-Kinh. Ông chỉ vào cái ghế dài:

- Các con ngồi đó đi.

Ông ôn tồn hỏi:

- Tết đến nơi rồi, các con có nhớ nhà không?

Lập tức mắt cả năm đứa đều ênh êch những nước như muối khóc:

- Thưa lão gia chúng con đều nhớ nhà, nhưng muôn ngàn lần chúng con không dám về thăm cha mẹ. Vì sau khi tiểu lão gia cứu chúng con ra, bọn khách thương vu vạ rằng chúng con bỏ trốn rồi thưa lên quan. Trong khi đó thì bố mẹ chúng con lại thưa rằng chúng đem bọn con về Trung-nguyên. Cho nên quan nha đang truy lùng bọn con dữ lắm. Nếu như bây giờ bọn con trở về thăm nhà, thì bố mẹ chúng con bị lôi thôi to.

Dù là chưởng môn nhân một môn phái nức tiếng Hoa-Việt, dù từng hành hiệp trên năm mươi năm, Tự-Kinh rơm rớm nước mắt bảo vợ chồng Tự-Hấp :

- Tự-Hấp, Anh-Hoa! Bố thấy năm trẻ này khuôn mặt thanh tú, lại lâm cảnh khốn nạn. Các con nên nhận chúng làm con nuôi, rồi gắng công dạy dỗ chúng, sau đó ta kiếm chỗ gả chồng cho chúng, chẳng là điều nhân ư?

Tự-Hấp, Anh-Hoa cúi đầu:

- Chúng con xin tuân lời phụ thân.

Năm tỳ nữ nghe cha con Tự-Kinh đối thoại thì mừng chiết kẽ. Bởi danh tiếng phái Đông-a cực lớn, chỉ cần được làm người dân trong trang thô, thì một là không có nhà sẽ được cấp nhà, hai là không có ruộng sẽ được cấp ruộng, ba là không bao giờ bị cường hào ác bá ức hiếp, bốn là không bao giờ bị quan lại nhũng lạm. Bây giờ được làm con nuôi của con cả chưởng môn, bỗng chốc trở thành một đại tiểu thư, thì đến năm mươi chúng cũng không tưởng tượng nổi.

Năm người đến trước Tự-Kinh quỳ gối lạy bốn lạy:

- Nội tổ.

Lại lạy vợ chồng Tự-Hấp:

- Nghĩa phụ, nghĩa mẫu.

Tự-Kinh vuốt tóc năm thiếu nữ:

- Các cháu ơi! Tại sao các cháu lại dùng tiếng Nội tổ, Nghĩa phụ, Nghĩa mẫu mà không dùng tiếng Ông nội, bố mẹ? Lại nữa, con thì là con, chứ không có cái việc phân chia con đẻ, con nuôi. Vậy thì cũng không còn cái gì là nghĩa phụ, nghĩa mẫu nữa.

Năm thiếu nữ hành bốn lễ với vợ chồng Tự-Duy:

- Chúng cháu ra mắt chú thím.

Anh-Hoa chỉ các sư đệ:

- Các con mau hành lễ với các sư thúc đi.

Năm thiếu nữ lại hành lễ:

- Chúng cháu ra mắt chư vị sư thúc.

Tự-Kinh vui vẻ nhìn năm đứa cháu nội mới, ông suy nghĩ một lát rồi nói:

- Bây giờ ông đặt tên cho bốn cháu. Các cháu nhớ, từ ngày hôm nay các cháu đều mang họ Trần đấy nhé.

Ông chỉ vào thiếu nữ lớn tuổi nhất:

- Dáng người cháu thanh thoát, giống như chim anh vũ, ông cho cháu mang tên Hoàng-Anh.
  - Ông chỉ vào thiếu nữ da trắng mịn:
  - Ông đặt cho cháu tên là Bạch-Hạc.
  - Ông chỉ vào thiếu nữ có mái tóc đen dài óng mượt :
  - Ông đặt cho cháu tên là Huyền-Mi.
  - Ông chỉ vào hai thiếu nữ còn lại:
  - Ông thấy cháu ríu rít như con sẻ, vậy thì tên cháu là Thanh-Tước. Còn cháu, cháu nhỏ nhất, nhẹ nhàng như chim yến, da dẻ hồng hào, ông cho cháu tên là Hồng-Yến.
- Trong khi cha con, ông cháu nói truyện thì con thuyền dương buồm cõi sóng đi dọc con sông Phú-lương (Hồng-hà).
- Tự-Kinh bảo Tô Trung-Sách:
- Trước khi chúng ta bàn truyện đại sự, con nên kiểm soát lại một lượt. Tường có mạch, bức vách có tai.
- Trung-Sách đứng dậy đi một vòng các khoang, sàn thuyền bánh lái, rồi trở vào:
- Trình sư phụ, hoàn toàn an ninh.
- Tự-Kinh đưa mắt nhìn các con, các đệ tử một lượt rồi lên tiếng:
- Nhân dịp cuối năm ta cho triệu hồi các con về đây trước là để ăn tết, hai là để kiểm điểm lại tình hình Đại-Việt ta.
- Ông bảo Tự-Hấp:
- Trước hết con hãy trình bầy tình hình triều đình ra sao đã.
  - Thưa bối, tình hình triều đình thực nát bét, nếu không có gì thay đổi, e chỉ mấy chục năm nữa thì đất nước này sẽ loạn to. Đại-Việt ta sẽ cứ phải cúi đầu trước Trung-nguyên và lùi bước trước Chiêm-thành.
  - Con hãy tóm lược tình hình kể từ khi vua Nhân-tông băng hà đến giờ cho bối nghe.
  - Sau khi ta thắng Tống, bọn Quách Quỳ, Triệu Tiết dẫn tàn quân về nước; triều đình mau chóng tổ chức, kiến thiết lại đất nước (1077). Do vậy dân giàu nước mạnh. Phía Nam, Chiêm tiến công. Phía Tây, Lão-qua tuân phục. Phía Bắc Tống phải nể sợ. Đất nước trải qua 50 năm cường thịnh. Niên hiệu Thiên-phù Khánh-thọ nguyên niên (Đinh Mùi 1127) nhà vua băng, miếu hiệu là Nhân-tông. Trước đây nhà vua không có hoàng nam, nuôi con của trai của các hầu Sùng-Hiền, Thành-Khánh, Thành-Quảng, Thành-Chiêu, Thành-Hưng làm con nuôi. Bấy giờ người con của Sùng-Hiền hầu là Dương-Hoán, do phu nhân Đỗ thị sinh ra, lên làm thái tử. Bởi Dương-Hoán thông minh, lanh lợi. Thái-tử Dương-Hoán nguyên là thánh tăng Từ Đạo-Hạnh thác sinh.
- Tự-Kinh muốn cho các cháu nuôi cảm thấy là cháu thực sự, chứ không phải là tỳ nữ, ông hỏi chúng:
- Có cháu nào biết về sự tích này không?
- Hồng-Yến lễ phép:
- Thưa ông cháu biết ạ.
  - Cháu kể ông nghe thử?
  - Nguyên thánh tăng Từ Đạo-Hạnh rất thân với Sùng-hiền hầu. Một hôm hầu than với ngài là hầu không có con trai, ngỏ ý muốn đi cầu tự. Ngài hứa giúp, rồi dặn hầu rằng: Khi nào phu nhân trở dạ thì báo cho ngài biết. Đến ngày phu nhân trở dạ, cứ đau bụng hoài mà không sinh. Hầu nhớ lời dặn,

vội cho người phi ngựa báo cho ngài. Ngài bèn tắm rửa rồi vào hang núi hóa thân, xuất hồn nhập vào thai nhi. Bấy giờ phu nhân mới sinh. Xác của ngài hiện vẫn còn ở hang Thạch-thất, núi Sài-sơn.

Tự-Kinh khen:

– Cháu tôi giỏi quá. Được rồi Tự-Hấp tiếp đi.

– Đúng lúc vua Nhân-tông băng, thì bên Trung-nghuyên xảy ra biến cố: Một bộ tộc phía Bắc Trung-nghuyên cường thịnh, thành lập nước Kim. Kim liên minh với Tống đánh chiếm nước Liêu. Liêu bị diệt, Kim vi ước, thuận thế tràn vào Trung-nghuyên chiếm vùng đất của Liêu đã lấn của Tống trước kia đã dành, mà còn tiến quân đánh Tống. Người Kim chiếm Biện-kinh, bắt vua Huy-tông, Khâm-tông đem về Bắc. Một hoàng tử, em của Khâm-tông tên Triệu Cầu vượt sông Trường-giang, xuống Nam-kinh, họp quân tái lập triều Tống, võ lâm gọi là triều Nam Tống.

Tự-Duy hỏi:

– Bấy giờ các văn thần võ tướng Đại-Việt đâu mà không nhân dịp này chỉ cờ lên Bắc, tái chiếm lãnh thổ thời vua Hùng, vua Trưng?

– Một là, trong triều đang có tang vua Nhân-tông. Hai là, các tướng giỏi thời Anh-vũ Chiêu-thắng người thì chết, kẻ thì quá già, nên không ai bàn tới. Ba là, vua mới lên ngôi tuổi chưa quá 12, nên triều đình chỉ biết an phận. Nhà vua lên ngôi, bị ác tật, được Minh-Không đại sự trị khỏi, nhưng chỉ làm vua được có 11 năm thì băng hà, miếu hiệu là Thần-tông. Thái tử Thiên-Tộ, mới ba tuổi lên ngôi vua (Sau khi băng, miếu hiệu là Anh-tông). Chiêu-Hiếu thái-hoàng thái hậu là Đỗ thị (Vợ Sùng-hiền hầu, mẹ Thần-tông), Cảm-Thánh hoàng thái hậu họ Lê (vợ vua Thần-tông) làm phụ chính. Tất cả những suy đồi của triều đình bắt đầu từ hai người đàn bà này.

Thuật đến đây, Tự-Hấp thấy gương mặt phụ thân hiện ra nét buồn, ông vẩy tay cho con ngừng lại, mắt ông nhìn về cuối giòng sông. Một lát sau, ông cắt tiếng trầm trồ :

– Từ trước đến nay, sư phụ với các con cùng không muốn nói đến việc ấy. Thôi, con bỏ qua đi. Người ấy bây giờ ẩn thân ở bên Trung-quốc, xa lánh mọi người. Ta chẳng nên nói tới làm gì.

– Dạ.

Các đệ tử cùng ngơ ngác nhìn nhau, tự hỏi : Không biết việc vua Thần-tông băng, đã xảy ra việc gì, mà khiến cho sự phụ nhớ tới là buồn lòng. Còn người ấy là ai ? Có liên hệ gì với sư phụ ?

Đại đệ tử của Trần Tự-Kinh là Quách Tử-Minh hỏi:

– Sư đệ, gốc tích hai người đàn bà này ra sao?

– Chiêu-Hiếu thái-hoàng thái hậu họ Đỗ, là chính phi của Sùng-hiền hầu, sinh ra vua Thần-tông. Khi vua Thần-tông lên ngôi, thì Sùng-hiền hầu được tôn làm thái thượng hoàng, rồi phụ chính, vì vậy bà không thể can dự vào chính sự. Nay con bà là vua Thần-tông băng, cháu nội mới ba tuổi lên ngôi vua; con dâu bà là Cảm-Thánh hoàng thái hậu mới hai mươi tuổi, lại xuất thân trong gia đình tiểu lại, nên bà có cớ xen vào việc triều chính.

Tự-Hấp ngừng lại cho mọi người theo kịp rồi tiếp:

– Còn truyện Cảm-Thánh hoàng thái hậu thì hơi dài giòng. Nguyên khi Thần-tông lên ngôi, tuy tuổi mới mươi ba, nhưng mẹ là Chiêu-Hiếu hoàng thái hậu đã tuyển cho một lúc hơn chục bà vợ ở lứa tuổi mươi đến mươi ba. Trong những phi tần đó, thì con gái Lê Xương xinh đẹp hơn hết, lại được lòng Chiêu-Hiếu hoàng thái hậu, nên bà muốn lập làm hoàng hậu. Nhưng triều thần phản đối, vì cha cô chỉ là một chức quan quá nhỏ. Hơn nữa Lê thị là người thất học, nói năng thô lỗ cộc cằn, không

xứng với ngôi mẫu nghi thiên hạ. Vì vậy bà chỉ có thể phong cho Lê thị làm Minh-Bảo phu nhân. Bất đắc dĩ bà phải phong con gái của Điện-tiền chỉ huy sứ Lý Sơn làm Lệ-Thiên hoàng hậu. Hơn năm sau, Lý Sơn được thăng chức Phiêu-ky thượng tướng quân rồi đổi đi trấn ở Bắc-cương. Một đêm, Lệ-Thiên hoàng hậu không bệnh mà băng, bấy giờ bà mới mười sáu tuổi. Ngự y nói rằng, bà bị cảm mạo mà qua đời. Nhưng ngõ-tác khâm liệm hậu thì biết rằng bà bị đánh một Huyền-âm chưởng vào đầu. Sau khi Lệ-Thiên hoàng hậu băng, thì Minh-Bảo phu nhân được phong làm Cảm-Thánh hoàng hậu.

Tự-Kinh hỏi :

– Có chắc là Huyền-âm chưởng không ? Ta tưởng từ khi Trường-bạch song hùng chết rồi, thì chưởng này bị tuyệt tích, mà nay lại thấy xuất hiện ở Hoàng-thành ! Kể cũng lạ.

Anh-Hoa khẳng định :

– Thưa bối, chính mắt con đã được thấy di thể Hoàng-hậu. Thân thể bà chưng phình lên, da xám đen, người lạnh như băng.

– Các con nghĩ sao?

Đệ nhị đệ tử của Tự-Kinh tên Vũ Tử-Mẫn là người uyên thâm Nho học, mưu trí trùm hoàn vũ, ông ứng lời sư phụ:

– Huyền-âm chưởng nguyên là võ công của phái Trường-bạch bên Trung-nghuyên. Kể từ khi Trường-bạch song hùng bị Phò-mã Thân Thiệu-Thái đánh bại, tổ phụ xin phò mã tha mạng sống cho họ, rồi giam lỏng trong trang Thiên-trường nhà ta. Cho đến khi hai ông qua đời, con thì còn thơ, đệ tử thì không có. Sao chưởng này lại có thể lưu truyền được? Việc này ta phải điều tra cho ra manh mối, băng không, thì phái Đông-a nhà ta mang tiếng không ít.

Mọi người đều gật đầu đồng ý. Vũ Tử-Mẫn tiếp :

– Theo đệ tử nghĩ, Lệ-Thiên hoàng hậu bị ám toán, do việc tranh quyền trong nội cung họ Lý. Đây là việc của triều đình, mà từ thái-hậu cho tới nhà vua đều nhắm mắt bỏ qua, thì mình cũng không nên can thiệp vào. Muốn tìm ra thủ phạm, thì ta chỉ việc đặt câu hỏi: Lệ-Thiên băng thì ai được hưởng lợi là biết ngay.

Tự-Kinh gật đầu tỏ ý công nhận Tử-Mẫn có lý. Ông nhắc con:

– Tự-Hấp tiếp đi.

– Lý Sơn nghe tin con gái bị ám toán, ông từ Bắc-cương về triều xin điều tra nội vụ. Thái-hoàng thái hậu triệu ông vào cung ban yến, an ủi. Nhưng ngay đêm đó trở về, ông mửa ra máu mà chết, người nhà cáo với triều đình rằng ông bị đầu độc.

Tự-Kinh lắc đầu:

– Quá lầm rồi, con tiếp đi.

– Thái-tử Thiên-Tộ lên ngôi vua, lấy hiệu là Đại-Định (sau là vua Anh-tông), phong cho em trai của Chiêu-Hiếu thái-hoàng thái-hậu tên Đỗ Anh-Vũ làm Cung-điện lệnh tri nội ngoại sự. Thế là triều đình có ông vua còn bế ngửa ngồi trên, hai bà thái hậu cầm quyền ở trong, và một ngoại thích ở ngoài chuyên quyền.

Tự-Kinh hỏi :

– Đỗ Anh-Vũ xuất thân từ đâu ?

– Y là ngoại đồ của phái Tiêu-sơn. Sư phụ của là Khánh-Hỷ đại sư, thủ tọa Vạn-Hạnh đường.

Đệ tam đệ tử của Tự-Kinh là Cao Tử-Đức hỏi:

– Sư huynh, đệ đã đọc tất cả thư tịch về quan chế Đại-Việt cũng như Trung-nghuyên, chưa từng nghe nói đến chức Cung-điện lệnh tri nội ngoại sự bao giờ cả. Chức này là chức văn hay võ? Cao hay thấp hơn thượng thư?

– Đấy, mỗi loạn từ cái chức này sinh ra. Nguyên Đỗ thái hoàng thái hậu muốn thu trọn quyền, bà cần có một người nắm cả văn lẫn võ thân tín ở bên cạnh. Chức này phải cao hơn tể tướng, trong khi Anh-Vũ chức quá nhỏ, không thể phong cho y được. Vì vậy bà mới nặn ra cái chức quái gở là Tri nội ngoại sự, tức được quyền can thiệp cả trong nội cung lẫn triều đình. Từ đấy mọi quyền hành, đều do Anh-Vũ ban phát cả, hóa cho nên, dưỡng tử của vua Nhân-tông là Thân Lợi mới nổi loạn. Bốn trong mười hai hiệu Thiên-tử binh theo Thân Lợi, nội chiến trong hai năm thì Thân Lợi bị diệt. Sau cuộc nội chiến, bốn hiệu binh theo Thân Lợi tan rã, tám hiệu khác theo triều đình bị hao hụt quá nửa. Anh-Vũ cho giải tán Thiên-tử binh, y tuyển mấy nghìn cấm binh gọi là Phụng-quốc vệ để giữ kinh thành mà thôi.

Cử tọa đều lắc đầu, tỏ vẻ lo lắng.

Tự-Kinh than:

– Mười hiệu Thiên-tử binh là mười đạo binh được Khai-Quốc vương cùng các anh hùng thời vua Thái-tông, Thánh-tông bỏ ra biết bao nhiêu tâm huyết tổ chức, huấn luyện; từng bình Chiêm, phạt Tống, bao năm qua... phút chốc do hai mụ đàn bà thất học mà tan rã. Ôi! Thực đau đớn thay. Con tiếp đi.

– Niên hiệu Đại-định thứ tám (Đinh Mão, 1147), nhà vua đã 12 tuổi, nhân cơ thể suy nhược, quan thái y tâu thái-hoàng thái hậu cho nhà vua tập võ, hầu thân thể khỏe mạnh. Thái-hoàng thái hậu cử một hoàng thúc tên Lý Long-Vũ dạy nhà vua. Nhà vua luyện võ được sáu tháng thì nổ ra vụ Anh-Vũ tư thông với Cảm-Thánh Lê thái hậu. Nhà vua ra lệnh bắt Anh-Vũ đem chém, nhưng võ sĩ không ai tuân chỉ, vì chúng đều là chân tay y. Nhà vua hô Long-Vũ bắt y. Long-Vũ phải đánh tới hơm mươi chiêu mới hạ được y. Y chạy thoát sang ẩn ở cung Quang-tử của thái-hoàng thái hậu. Thái-hoàng thái hậu ban chỉ triệu nhà vua với Long-Vũ vào cung Quang-tử, an ủi rằng : Cái vụ y tư thông với Lê thái hậu là do người ta bịa đặt, rồi xin nhà vua tha cho Anh-Vũ. Nhưng ngay ngày hôm sau, Anh-Vũ giả chiếu chỉ vua, sai cấm binh giết cả nhà Long-Vũ. Từ đấy thái-hoàng thái-hậu ban chỉ cấm không cho các hoàng tử, công chúa, cung nga tập võ. Lại có chỉ rằng, tự hậu khi tuyển thái giám, cung nga, thì những người biết võ không được dự. Tháng mười một năm ấy, thái hoàng thái hậu bắt quả tang Anh-Vũ tư thông với Cảm-Thánh Lê thái hậu. Ngay đêm đó, thái-hoàng thái hậu băng, Anh-Vũ cáo với triều đình rằng bà bị cảm mạo mà qua đời. Nhưng thực ra bà bị đánh một Huyền-âm chưởng.

Tô Trung-Sách hỏi:

– Như vậy thì chính Đỗ Anh-Vũ đã giết chị mình rồi! Cái người xử dụng Huyền-âm chưởng hẳn có liên hệ với Anh-Vũ. Tôi giết thái-hoàng thái-hậu thực không nhỏ, thế các quan đâu mà không chặt đầu y đi cho rồi. Không lẽ họ đều cúi đầu chịu câm nín ư?

– Các quan đều sợ uy quyền của Anh-Vũ nên đành ngậm miệng. Chỉ có người ấy là dám lên tiếng mà thôi. Người ấy dự định giết Anh-Vũ, mà không muốn chạm tới Cảm-Thánh thái hậu. Người ấy cho rằng dù sao Cảm-Thánh thái hậu cũng là người của tiên đế, và là mẫu nghi thiên hạ. Anh-Vũ được tin này, y cầu cứu với Cảm-Thánh thái hậu. Cảm-Thánh thái hậu sai người phục kích định hại người ấy.

Giữa lúc người ấy gặp nguy nan, thì phụ thân dẫn tôi với Tự-Duy đi qua. Người hiển lộ bản lanh, cứu người ấy thoát chết. Người ấy bỏ hết mọi sự, đem tông tộc sang Trung-nguyên ẩn thân. Sau đó ba năm, Anh-Vũ chuyên quyền quá đáng, nên các quan mới họp nhau, mưu trừ y. Niên hiệu Đại-định thứ mươi một (Canh Ngọ, 1150) các quan tổ chức cuộc binh biến giết Anh-Vũ, nhưng bất thành.

Tự-Duy lắc đầu:

– Tổ chức binh biến làm gì? Chỉ cần khi vào triều, một người nào đó thí cho y một mũi kiếm là xong. Em chắc cuộc binh biến không thành.

– Đúng thế! Điện tiền đô chỉ huy sứ Vũ Đái, hỏa-đầu đô Quảng-vũ là Lương Thượng-Cá, hỏa-đầu đô Ngọc-giai là Đồng-Lợi, nội-thị đô-tri là Đỗ Aát; mưu với Trí-Minh vương Lý Long-Dũng, Bảo-Minh hầu Lý Long-Can, Bảo-Thắng hầu Lý Long-Hiền, phò mã Dương Tự-Minh. Ước định xong xuôi, Vũ Đái đem quân đến cửa Việt-thành, đánh đuổi bọn cầm quân của Anh-Vũ, giải vây cho nhà vua, rồi tâu hết tội trạng Anh-Vũ. Nhà vua ban chỉ bắt Anh-Vũ. Anh-Vũ bị bắt trói ở hành lang tả Hưng-thánh, giao cho quan đình-úy tra xét. Cảm-Thánh thái hậu sai người đem vàng bạc đút lót cho Vũ Đái, Đàm Dĩ-Mông, Nguyễn Dương. Nguyễn Dương thấy các đồng liêu nhận vàng thì kinh hãi nói rằng : « Các ông với tôi mưu trừ kẻ ác, mà các ông ăn hối lộ, e rằng chúng ta không thoát khỏi tay Anh-Vũ với dâm phụ đâu; chi bằng ta cứ tung quyền giết y đi cho rồi », nói dứt cẩm giáo đâm Anh Vũ.

Đệ ngũ đệ tử của Tự-Kinh là Trần Tử-Giác lắc đầu:

– Không xong rồi. Khi mọi người đều ăn của đút thì họ sẽ cản Nguyễn Dương ngay.

– Đúng vậy!

– Đô tả Hưng-thánh là Đàm Dĩ-Mông, nhảy vào dùng kiếm gạt giáo của Dương, ngăn rằng: « Điện-tiền bảo tội Anh-Vũ đáng chết, nhưng phai đợi chỉ dụ của hoàng thượng đã ». Thế là hai người thi diễn cuộc đấu. Võ công Mông thua Dương xa. Vũ Đái rút kiếm nhảy vào tiếp Mông. Dương biết đấu không lại hai người, như vậy đại cuộc đã hỏng rồi. Y đánh liền hai chiêu như vũ bão, rồi nhảy lui lại chỉ tay vào mặt Vũ Đái:

– Mày với tao mưu đại sự cứu nước, nhưng mày tham vàng trổ mặt, rồi mày sẽ chết về tay gian phu dâm phụ. Mày nên đổi tên là Vũ Cút cho đúng.  
Nói dứt, Dương nhảy xuống giếng tự tử chết.

Vũ Tử-Mẫn lắc đầu:

– Đệ không tin Nguyễn Dương nhảy xuống giếng tự tử. Vì các giếng trong thành Thăng-long đều không sâu lắm, trong khi Nguyễn là một cựu võ quan thủy quân, làm sao y có thể chết đuối? Có lẽ y bị giết thì đúng hơn. Xin sư huynh tiếp cho.

– Nhà vua sai giam Anh-Vũ lại, rồi đem ra xét xử. Đêm hôm ấy, thái hậu khóc lóc với nhà vua, hôm sau nhà vua cử ra mấy đại thần thuộc phe đảng Anh-Vũ để xét xử y. Y chỉ bị cách hết chức tước, bắt đi làm ruộng công ở xã Nhật-tảo, ngoài thành Thăng-long. Tiếng là bị đầy, nhưng thái hậu mật đem y ẩn vào Hoàng-cung, để gian dâm. Y bấy mưu cho thái hậu, cứ nay lập đàn cầu phúc, mai lập đàn cầu phúc, rồi xin nhà vua ban chỉ ân xá cho người có tội một hai bậc. Vì vậy chỉ mấy tháng sau, Anh-Vũ được trở lại giữ chức Thái-úy phụ chính như xưa. Trước đây, y đã bị người dưới quyền phản, mà hút mất mạng. Bây giờ, y sai chân tay đi tuyển bọn vong mạng, bọn tử tù thành lập đội Phụng-quốc vệ bảo vệ dinh thự, vợ con, rồi đem bọn này thay thế cấm quân canh phòng Hoàng-cung. Trước kia,

mỗi khi nhà vua cần ban chính lệnh thì đem ra triều nghị, rồi ban chiếu chỉ. Böyle giờ y bàn với thái hậu, tự soạn chiếu chỉ rồi bảo nhà vua ký. Nhà vua chỉ biết tuân theo.

Tự-Kinh than:

- Thế thì y thành thái thượng hoàng rồi. Böyle giờ y tha hồ trả thù. Còn cái ông vua thì chỉ là con chó cho y sai khiến mà thôi.
- Quả như phụ thân luận. Y ban chiếu kể tội bọn Vũ Đái tự tiện đem quân vào cung, rồi sai bắt giam vào ngục. Y lại sai đem những người đó ra xử. Trí-Minh vương bị giáng xuống tước hầu, Bảo-Ninh hầu xuống tước minh tự, Bảo-Thắng hầu xuống tước phụng chức. Oan uổng nhất là giòng Thành-Khánh hầu, Thành-Quảng hầu, Thành-Chiêu hầu, Thành-Hưng hầu, không can dự vào vụ này mà cũng bị giết cả nhà.

- Ủa! Sao vậy?

- Chỉ vì những vị này có con được vua Nhân-tông nhận làm nghĩa tử. Böyle giờ Đỗ thái hậu sợ rằng con các vị ấy có thể được đưa lên ngôi vua. Nên bà ta ra tay trừ khử. Gia tộc các hầu Thành-Khánh, Thành-Chiêu, Thành-Hưng bị giết tổng cộng lên tới hơn hai nghìn người.

- Thế còn Thành-Quảng hầu? Tại sao ông ta không bị giết?

- Ông ấy qua đời rồi. Con Thành-Quảng hầu là Kiến Hải vương Lý Dương Côn làm Đại Đô-đốc Thủy-quân, đóng tại Đồn-sơn. Không biết sao, khi Đỗ hậu bàn với Anh-Vũ, thì một thái giám là người thân của hầu nghe được. Đang đêm, y bỏ trốn ra Đồn-sơn báo cho người biết. Người bèn cùng mấy trăm gia thuộc, lấy năm chiến thuyền, trốn đi. Cho đến nay cũng không biết hầu ẩn ở đâu... Còn bọn nội thị Đỗ At năm người bị cõi ngựa gỗ. Hỏa đầu đô Ngọc-giai là Đồng-Lợi và tám người bộ hạ bị chém ở chợ Tây-giai. Điện-tiền đô chỉ huy Vũ Đái và hai mươi thủ hạ bị chém đầu bêu ở bên sông. Phò-mã Dương Tự-Minh và ba mươi thủ hạ bị đầy lén vùng Bắc-cương. Ngoài ra còn hơn ba trăm người có dính dáng vào vụ hạ bệ Anh-Vũ năm trước, đều bị đi làm ruộng công điền ở Nhật-tảo. Vài tháng sau Anh-Vũ giả chiếu chỉ giết hết.

Thanh-Tước hỏi:

- Thưa bồ, hình phạt cõi ngựa gỗ ra sao? Bắt cõi ngựa gỗ như con ngựa thồ ở đền Phù-đổng Thiên-vương thì có gì là đau đớn đâu?

Cử tọa cười ầm lên, làm Thanh-Tước xấu hổ. Bà Anh-Hoa bẹo má con:

- Để mẹ giảng cho con biết. Cõi ngựa gỗ là hình phạt do Đỗ Anh-Vũ chế ra, cực kỳ tàn bạo. Tôi nhân bị lột quần áo, chỉ còn cái khố, rồi dùng giây mây trói vào tấm ván theo thế nằm ngửa; lại dùng đinh đóng bàn chân, bàn tay dính vào ván.

Thấy năm đứa con gái nuôi nhăn mặt, rùng mình Tự-Hấp đưa mắt nhìn chúng, rồi mỉm cười, ngụ ý: Còn hơn thế nữa. Ông đưa mắt cho vợ, bảo giảng tiếp:

- Tôi nhân bị rước đi rao khắp kinh thành cho dân chúng xem. Cuộc rao này như sau: Cho một đội hình binh đánh chiêng trống đi trước, bốn hình binh khiêng tấm ván đi theo trong thế lộn ngược, đầu xuống dưới, chân lên trên. Mỗi khi tới chỗ đông người, thì người đội trưởng cầm loa đọc bản án cho dân chúng nghe. Ngoài ra, cái đội này còn có một thằng hề, quần áo diêm dúa, mặt bôi xanh, bôi đỏ, tay xách thùng phân đi theo. Mỗi khi tôi nhân đau đớn kêu gào, thì nó lại làm trò, diễu cợt cho khán giả cười. Nếu như tôi nhân chửi rửa vua hay Anh-Vũ, thì thằng hề múc một gáo phân tạt vào mặt.

Anh-Hoa tiếp lời chồng:

– Không những y gian dâm với thái hậu, mà y còn cưỡng dâm các cung nga khác. Để phòng trường hợp bị ám toán bất ngờ, y ép vua ban chiếu bắt bọn hoạn quan cung nào ở cung ấy không được vào những cung khác, kẻ nào phạm thì bị giết. Bọn Phụng-quốc vệ canh giữ mà để người khác vào cung, cũng bị giết. Chiếu ban ra, các thân vương, đại thần tụ hội nhau chỉ chích dữ lăm. Thái-hậu với y kinh hãi, vội ban chiếu: Cấm bách quan trong triều không cho đi lại nhà các thân vương, trong cung không được hội họp quá ba người; ai trái lệnh thì giết.

Cử tọa bật lên tiếng thở dài.

Tự-Kinh hỏi :

– An-Vũ làm nhiều điều ác như vậy, mà sư phụ y là Khánh-Hỷ đại sư đâu, không ngăn cấm y ?

– Khánh-Hỷ đại sư viên tịch đã lâu rồi !

– Ay à !

Tự-Kinh than :

– Ngài viên tịch trong trường hợp nào ?

– Ngài từ Tiêu-sơn về Thăng-long vân du Chiêu-thiền tự. Đang đêm bị kẻ lạ đánh trộm một Huyền-âm chưởng. Ngài đau đớn đến chết đi sống lại trong 49 ngày rồi viên tịch. Triều đình cũng như phái Tiêu-sơn phái rất nhiều người đi điều tra, mà cũng không ra manh mối.

Tự-Kinh lắc đầu :

– Thôi Anh-Hoa tiếp đi.

Anh-Hoa tiếp:

– Anh-Vũ lại sợ chính bọn Phụng-quốc vệ làm phản, y ép vua ban chiếu: Các Phụng-quốc vệ phải cất vũ khí vào kho, nếu có chiếu chỉ mới được lấy ra; ai không có lệnh mà tự tiện lấy ra thì bị xử tử. Ai không có nhiệm vụ mà qua lại hành lang chứa vũ khí thì bị phạt tám mươi trượng.

Tự-Kinh thở dài hỏi:

– Năm nay Đại-định hoàng-đế tuổi đã trên hai mươi, không lẽ ông không biết năm lấy quyền?

– Thưa, một là ông không được tập võ. Hai là ông bị bà, rồi mẹ áp đảo riết rồi ông trở thành cục bộ, chỉ biết ăn với ngủ. Ba là từ vệ sĩ, cho tới thái giám, cung nga, đều là người của Anh-Vũ, nên ông ta đành bó tay.

– Ông ta đã có hoàng nam chưa?

– Thưa có rồi, hoàng trưởng tử năm nay đã bẩy tuổi, tên là Long-Xưởng, cực kỳ thông minh, được phong thái-tử. Bốn tuổi thái-tử học văn với quan Thái-phó Hoàng Nghĩa-Hiền, là một túc nho, lại thanh liêm, chính trực. Năm tuổi lâu thông Thi, Thư, và hiểu rõ quốc sử. Dường như quan thái-phó muốn huấn luyện cho thái-tử có chí khí như Khai-quốc vương. Tin này đến tai Anh-Vũ. Anh-Vũ sợ tương lai thái-tử trở thành người có tài; đến tuổi mười hai, mười ba được mở phủ đệ riêng, ắt sẽ quy tụ anh hùng; thì y sẽ khó sống. Vì vậy, y tâu riêng với thái-hậu. Từ đấy, mỗi khi quan thái-phó giảng sách cho thái-tử, thì thái-hậu ngồi sau màn nghe. Vì vậy thái-phó chỉ dám giảng thơ, văn mà thôi. Nhưng thái-tử cũng không vừa, thường tìm cách trốn ra nhà thái-phó để học thêm. Việc này thái-hậu chưa biết.

Cao Tử-Đức hỏi:

– Sư huynh! Thê sinh mẫu của thái-tử là ai?

– Là Chiêu-Linh hoàng hậu. Hậu họ Vũ, con quan An-vũ kinh lược sứ Thanh-hóa. Ông là một đại cao thủ phái Mê-linh. Hậu là người tính tình ôn nhu, văn nhã, có phong thái mẫu nghi thiên hạ; học một biết mười, văn chương quán thế, lại luyện chút ít võ nghệ với phụ thân. Khi hậu nhập cung, ông có gửi một nữ cao thủ giả làm bộc phu, với mười tám đệ tử giả làm cung nữ theo hầu hậu, đêm đêm luyện võ cho hậu. Khi hậu thấy thái-tử bị thái-hoàng thái hậu, rồi thái-hậu cấm luyện võ, hậu âm thầm truyền thụ võ nghệ cho con. Chính hậu giảng sách cho thái-tử. Có thể nói, kiến thức thái-tử hầu hết do hậu truyền cho. Trong Hoàng-cung, duy có cung Chiêu-linh là Đỗ Anh-Vũ với hai bà thái hậu kiêng nể một chút.

Tự-Kinh gõ tay lên án thư, rồi thở dài:

– Từ lâu rồi phái Đông-a nhà ta không lý gì đến việc triều đình. Nhưng nay có ba việc ta không thể nhắm mắt. Một là vụ Lý Sơn bị đánh thuốc độc, i hoàng hậu bị ám toán. Hai vụ Lý Long-Vũ bị giết cả nhà. Ba là vụ Huyền-âm chưởng tái xuất giang hồ. Lý Sơn, Long-Vũ là cháu bốn đời Khai-Quốc vương, như vậy ông với chúng ta có tình huyết tộc, so vai vế ta phải gọi người bằng anh. Hai người lại là đệ tử duy nhất của phái Đông-a hiện làm quan tại triều. Nay hai ông với con gái bị bọn ngoại thích hại, ta không thể nhắm mắt làm ngơ. Ta mà làm ngơ, thì bọn ngoại thích sẽ thừa thế lấn tới, riết rồi chúng ta không còn chỗ đứng trong thiên hạ nữa. Còn việc Huyền-âm chưởng tái xuất giang hồ, thì ta phải tích cực. Từ khi Trường-bạch song hung chết tại trang chúng ta, thì chưởng quái ác này tuyệt tích. Nay tự nhiên có người xử dụng, thì ta phải tìm cho ra ác nhân, rồi tiêu diệt chúng, để trừ đi mối lo cho võ lâm.

Ông suy nghĩ một lúc rồi nói:

– Đất nước này sở dĩ còn là do công lao của biết bao tiên nhân đã hy sinh xương máu, đã đổ mồ hôi ra xây dựng. Chúng ta không thể để cho điêu tàn trong sớm tối. Chúng ta là con cháu Ưng-sơn song hiệp, Mộc-tồn hòa thượng, chúng ta phải ra tay, cứu sự nghiệp của vua Hùng, vua An-Dương, vua Trưng. Còn sự nghiệp của triều Lý, thì để họ lo lẩy. Khi đức của họ đã suy đồi, phước khí hết, dù ta có cứu cũng vô ích. Ta biết rõ Đại-định hoàng-đế tuổi đã trên hai mươi, nhưng bị mẹ, cùng phe đảng Anh-Vũ khống chế mà vô lực: Phụng-quốc vệ, quân đội, thái giám, cung nữ trong tay chúng. Vậy trước mắt chúng ta có ba việc lớn phải làm. Một là, cứu vãn sự an nguy của xã tắc. Hai là, trừ gian diệt bạo. Ba là, xây dựng lại những gì đã mất. Nhưng tuyệt đối không can dự vào việc hoàng tộc triều Lý. Ta phải đi gấp chưởng môn nhân Ngũ-đại môn phái Đại-Việt để bàn việc về những việc này.

– Nhưng thưa bố...

Anh-Hoa tiếp : Các phái, Mê-linh, Tản-viên đều có sự.

– Con nói ? ! ? ! ? !

– Chưởng-môn phái Mê-linh là sư thái Nghi-Hòa không rõ đi đâu mất tích, các đệ tử thì còn trẻ, thành ra ba tuyệt kỹ trấn môn là Long-biên kiếm pháp, Nội công Âm-nhu, Không-minh tâm pháp bị thất truyền. Đại đệ tử của người là sư thái Nghi-Ninh tạm lên thay thế. Đại hiệp Đặng Phi-Sơn cũng mất tích trong trường hợp tương tự, thành ra Ngũ-tuyệt kỹ của phái Tản-viên là Phục-ngưu thần chưởng Dương-cương, Âm-nhu, Lĩnh-Nam chỉ pháp, Vô-ngã tướng Thiền-công, Tán cốt lạc phách tiêu hồn chưởng bị thất truyền. Ngôi chưởng môn bị bỏ trống. Năm năm trước, phái Tản-viên tổ chức đại hội ước định rằng : Tạm cử Tôn Đức-Hòa quyền chưởng môn. Sau này bất cứ ai biết sử dụng hoặc tìm được Ngũ-đại tuyệt kỹ, thì sẽ được tôn làm chưởng môn thực thụ.

Tự-Kinh than :

- Hai phái Tản-viên, Mê-linh sở dĩ được võ lâm Hoa-Việt tôn là môn phái lớn, vì có các tuyệt kỹ trấn môn bí mai mật, thì môn phái trở thành một bang hội nhỏ, chưởng môn thành vô quyền. Hỗng.
- Ông trầm tư một lát rồi tiếp :

- Dù gì ta cũng vẫn phải tôn kính họ. Ta sẽ gặp họ để bàn quốc sự.

Các đệ tử đều ngạc nhiên về quyết định của Tự-Kinh. Bởi từ xưa đến giờ, ông thường chủ trương, rũ áo đứng ngoài mọi sự của xã tắc, dù đệ tử nhiều lần xin ông can thiệp vào các biến cố bất lợi cho đất nước. Thế mà bây giờ ông lại đổi hẳn thái độ.

Ông tiếp:

- Các con ngạc nhiên về quyết định của ta phải không? Đâu có gì lạ! Trước nay ta không cho các con xuất chính, ra làm quan, vì ta nghĩ: Các con là những người hiệp nghĩa, dọc ngang trên đồi, mà chỉ vì mấy đấu gạo, đem thân cho những tên ngu xuẩn sai bảo, cho những con đàn bà không đáng giá ba đồng xu chửi bới, ra luôn, vào cúi. Nay ta vẫn giữ cái chí đó. Ta quyết định cứu nước bằng con đường hiệp nghĩa, như Ưng-sơn song hiệp như Mộc-tồn hòa thượng.

Các đệ tử cùng chắp tay:

- Tuân lệnh sư phụ.

- Vậy sau tết này, chỉ mình Trung-Sách ở nhà trông coi trang ấp là đủ. Còn các con, hãy đem đệ tử chia nhau mỗi người một vùng, đi lại trên giang hồ, tru diệt bọn tham quan, bọn cường hào ác á, bọn bất trung bất hiếu. Tất cả do Tự-Hấp điều động.

Thình lình thuyền phu vào cúi rạp người xuống, nói với Tự-Kinh:

- Trình thái sư phụ, có một xác chết bị trói trôi trước thuyền, xin thái sư phụ phát lạc.

Tự-Kinh ra lệnh:

- Vớt lên, rồi đem về bến mua quan tài mai táng, cho ấm áp thân thể người ta.

Nói rồi ông cùng chư đệ tử lên sàn thuyền. Thuyền phu tung xuống chiếc giây, chiếc giây cuốn lấy nửa thân mình tử thi, y giật mạnh sợi giây, tử thi bay bổng lên cao. Tự-Hấp vung tay một cái, tử thi bay ngang hơn trượng rồi rơi xuống sàn thuyền nhẹ nhàng như cầm đặt xuống vậy.

Mọi người đều chạy lại xem: Tử thi bị trói thành năm khúc, bằng năm sáu sợi dây thừng, trong tư thế hai tay buông xuôi.

Phạm Tử-Tuệ là thầy thuốc, ông rút kiếm đưa một nhát, cả năm sợi dây đều đứt một lượt, ông vạch quần áo nạn nhân ra xem xét: Đó là một người đàn ông tuổi khá lớn, miệng bị nhét đầy dẻ, trên người không có một vết thương, chứng tỏ sát nhân nhét dẻ vào miệng nạn nhân để không thể kêu cứu, rồi đem quăng xuống sông. Nạn nhân chết vì ngập thở,

Tò mò Tử-Tuệ án tay vào ngực nạn nhân, thấy còn hơi ấm, ông vận nội lực dồn chân khí vào ống-mạch, thình lình tim nạn nhân đập trở lại. Ông reo lên:

- Y chưa chết.

Ông rút trong bọc ra một hộp kim, lấy kim châm lên huyết Nhân-trung, nạn nhân á lên một tiếng lớn, rồi mở mắt ra. Tử-Tuệ gọi rồi rít:

- Nạn nhân bị ngâm dưới nước lâu quá, lạnh công hết chân tay. Mau mở cửa khoang thuyền, lấy quần áo khô thay cho người ta, rồi đốt lửa lên để sưởi ấm.

Nói rồi ông bồng nạn nhân vào một khoang nhỏ cùng với mấy thuyền phu cấp cứu. Lát sau nạn nhân đã tỉnh táo hẳn. Tử-Tuệ dẫn nạn nhân ra hành lễ với sư phụ.

Tự-Kinh an ủi nạn nhân:

– Tôi nghiệp quá! Ông là ai? Năm nay niên kỷ bao nhiêu? Tại sao ông lại bị trôi sông?

Người đàn ông đó định hành đại lễ, thì Tử-Tuệ sẽ để tay lên vai ông, rồi nói:

– Ông vừa mới chết hụt, sức khỏe chưa bình phục hẳn, không nên đa lễ.

Người đàn ông đó nói bằng một giọng thanh thoát nhở nhẹ:

– Tôi họ Đoàn tên Thông, năm nay sáu mươi ba tuổi, quê ở lộ Hồng-châu, làm thầy địa lý.

Tự-Hấp bật lên tiếng á, rồi hỏi:

– Phải chăng thầy tự là An-Dương, đã mươi đời làm thầy địa lý. Thầy từng được triều đình mời về Thăng-long để an vị xây một số cung điện không? Dường như đó là hành cung Ngự-thiên; điện Thụy-quang; hai gác Ánh-vân, Điện-phú; cửa Thanh-hòa; hai thềm Nghi-phượng, Ngọc-Lan; đình Thủởng-hoa; hồ Kim-liên; cầu Minh-nguyệt?(1)

– Vâng, đúng thế.

Trong khi Đoàn Thông nói thì Tử-Tuệ vẫn cầm tay ông ta để dồn chân khí vào.

– Thầy tiếp đi.

Tử Tuệ nhắc: Rồi tại sao thầy lạ bị trôi sông?

– Nguyên khi tôi xem đất, định hướng, biệt mạch, thì được đặt dưới quyền quan Cân-chính điện thuyết thư Nguyễn Cỗ, là người được chỉ định chỉ huy xây cất các công trình trên. Trong lúc trà dư tửu hậu, tôi có kể cho ông nghe về những bí mật của thuật Phong-thủy Đại-Việt, trong đó có thể đất Thái-đường. Thể đất này không những phát để vương, mà còn được thánh nhân giáng thể, mạnh đến nỗi thiên hạ bất khả đương.

Trong năm đệ tử của Tự-Kinh, thì Tử-Đức là người rất giỏi về Tử-vi, Nhâm-độn, bói Dịch và Địa-lý (Phong-thủy); ông hỏi:

– Chắc Nguyễn Cỗ xin thầy để cốt tổ tiên vào đấy, hầu sau này con cháu thành thánh, thành để vương, phải không?

– Vâng!

– Rồi thầy không chịu, nên bị Nguyễn Cỗ trôi sông chứ gì?

Tử-Đức nói tiếp:

– Nhưng phúc nhà thầy to lớn, do vậy thầy gặp chúng tôi cứu mà thoát chết!

– Thưa, không phải vậy. Việc như thế này, trước khi để xương của thân phụ Nguyễn Cỗ, thì ông ta hỏi tôi rằng với thể đất như vậy, tại sao tôi không để xương cốt tổ tiên tôi vào đó? Tôi trả lời: Nếu thầy địa lý nào cũng có thể tự để lấy phần mộ tổ tiên mình, thì cái nghề này sẽ tuyệt diệt, vì chỉ cần để mộ xong, ít năm sau trở thành giàu có rồi... giải nghệ.

Tử-Đức tán thành:

– Tôi hiểu. Phàm khi gặp thể đất tốt, muốn táng mộ tổ tiên vào đấy, thì phải xem lại phúc đức tam căn, ngũ đại nhà mình, liệu có xứng với địa vị tương lai không đã. Bằng bất xứng, thì chẳng những hồn phách tổ tiên bị nguy hại, mà con cháu còn bị liên lụy nữa. Có phải thế không?

– Dạ, đúng thế.

Bạch-Hạc hỏi:

– Thưa thầy, tam căn, ngũ đại là gì vậy?

Đoàn Thông thấy Bạch-Hạc còn nhỏ tuổi, ông ta độ chừng nàng là tiểu thư con của ân nhân cứu mạng, nên ông ta lễ phép trả lời:

– Thưa tiểu cô nương, đó là phải xét cái ân, cái phúc, cái đức của ngũ đại nhà mình. Ngũ đại là đời cụ, đời ông, bản thân mình cùng anh em mình, con mình, cháu mình. Các câu hỏi thuộc tam căn là: Ân đức có đủ trải ra ở đất nước không? Gia đạo có hòa hợp với hương đảng (làng xóm) không? Bản thân, gia nhân có hòa mục, trên dưới có tôn ty không?

Đoàn Thông ngừng lại một lát để thở rồi tiếp:

– Trở lại với ông Nguyễn Cỗ, tôi có hỏi ông về ngũ đại tam căn, ông cứ thực thà trình bầy. Sau khi nghe qua, tôi thấy giòng họ nhà ông không đủ phúc đức hưởng cái thế đất Thái-đường phát để vương, nảy sinh thánh hiền này. Bởi chỉ nguyên việc ông a dua với Đỗ Anh-Vũ cũng đủ thất đức di hại tới con cháu ít nhất năm đời, thì còn đâu là đức nữa mà hưởng? Nhưng tôi không giám nói thẳng ra. Trong khi ông cứ nài ép. Tôi đành nhận lời.

Tự-Kinh hỏi:

– Ông ta có hứa tạ cho thầy bao nhiêu vàng, bạc không?

– Dạ có. Ông hứa rằng sau khi để mộ xong, ông sẽ tạ mười nén vàng (100 lượng ngày nay). Ông còn nói: Tương lai, được thiên hạ, sẽ cắt đất phong vương cho tôi. Thế rồi công việc bắt đầu. Nhưng sau khi tôi cải táng mộ ông thân sinh ra Nguyễn Cỗ, đem táng vào thế đất Thái-đường xong, thì ông sai gia nhân trói tôi lại, nhét đẻ vào miệng mà nói rằng: Từ đời vua Lý Thái-tông, vì sợ dân chúng táng mồ mà tổ tiên vào thế đất phát để vương, rồi tranh giang sơn nhà Lý, nên trong triều thường ban chỉ nhắc các quan địa phương: nếu ở đâu thấy có thế đất để vương thì phải tâu về triều; triều đình sẽ sai người đến ếm đi. Nay ông để mồ mà cho giòng họ Nguyễn của tôi, mà tin này lộ ra ngoài, thì chẳng những mồ mà ấy sẽ bị đào lên, mà còn bị giết cả nhà. Vì vậy tôi phải giết ông để phi tang. Sau đó ông sai gia nhân ném tôi xuống sông. Khi ném họ quên gỡ cái túi hành lý đeo trên lưng tôi, nên tôi chỉ bị trôi lèn bênh, bị ngập nước mà không chết ngay. Giữa lúc tôi sắp chết vì lạnh, vì ngập nước thì gặp chư vị ân nhân cứu mạng.

Quách Tử-Minh hỏi:

– Theo như thầy biết, thì trong nước Đại-Việt ta, hiện nay, giòng họ nào đủ ngũ đại, tam căn hưởng thế đất Thái-đường?

Đoàn Thông đáp ngay:

– Theo như kiến thức nông cạn của tôi thì có ít nhất năm giòng họ. Trong năm giòng họ này, thì giòng họ Trần ở Hải-ấp, thuộc trấn Thiên-trường đứng đầu. Nhưng người trưởng tộc là đại-hiệp Trần Tự-Kinh lại không muốn cho con cháu mình làm đế, làm vương.

Nghe Thông nói, Tự-Kinh giật mình hỏi:

– Này thầy, vì lý do nào mà nhà thầy lại cho rằng giòng họ Trần ở Thiên-trường xứng đáng nhất?

– Thưa, vì gần hai trăm năm nay, sấm đã truyền rằng, họ Trần sẽ kế họ Lý làm vua cõi trời Nam.

Vũ Tử-Mẫn hỏi:

– Bài sấm đó ra sao, mong thầy đọc cho chúng tôi nghe thử?

Đoàn Thông móc một tấm thẻ đồng trong túi ra đọc:

– Về thời vua Lê Long-Đĩnh (1005-1009) vào một ngày không mưa, tự nhiên có tiếng sấm nổ, rồi sét đánh vỡ đôi cây gạo ở châu Cổ-pháp ra. Mảnh gỗ giữa cây gạo có chữ, chép một bài sấm như sau:

*Mộc căn diểu diểu,*

*Mộc biểu thanh thanh.*

*Hòa đao mộc lạc,*

*Thập bát tử thành.*

*Đông-a nhập địa,*

*Dị mộc tái sinh.*

*Chấn cung xuất nhật,*

*Đoài cung ẩn tinh.*

*Lục thất niên gian,*

*Thiên hạ thái bình.*

Nay tôi xin giảng:

Mộc căn diểu diểu nghĩa là gốc cây kia héo, để chỉ triều Lê sắp hết vận số như cây mà rẽ bị héo. Mộc biểu thanh thanh, là cành cây xanh xanh. Khi gốc héo, mà cành lại mọc xanh, thì có nghĩa là vua mất ngôi, mà ngôi đó lại thuộc về bầy tôi. Câu này ứng với vua Lê ngoại triều sắp băng, và người thay thế là bầy tôi.

Hòa đao mộc lạc, chữ hòa, chữ đao, chữ mộc là chữ Lê, lạc là rơi uống; vậy câu này có nghĩa nhà Lê hết số.

Thập bát tử thành, chữ thập, chữ bát, chữ tử là chữ Lý; câu này chỉ người bầy tôi thay vua Lê họ Lý, sau ứng với Tả-thân vệ điện tiền chỉ huy sứ Lý Công-Uẩn.

Đông-a nhập địa, nghĩa là giòng họ Đông-a sẽ lên thay họ Lý. Chữ Đông với chữ A thành chữ Trần.

Anh-Hoa hỏi:

– Thế còn các câu sau?

– Thưa phu nhân, kẻ hèn này chưa giải nổi. Xét như sấm truyền thì tương lai giòng họ Trần sẽ lên thay họ Lý, vì vậy tôi mới quyết tặng thế đất Thái-đường cho đại hiệp Trần Tự-Kinh.(2)

Nghe Đoàn Thông luận, tất cả mọi người trong thuyền đều đưa mắt nhìn Tự-Kinh.

Cao Tử-Đức hỏi:

– Từ hơn năm trăm năm nay, thế thế lưu truyền rằng có thế đất Thái-đường, đã bị Cao Biền yểm đi mất rồi, nhưng nào có ai tìm ra nó đâu? Thế đất ấy ra sao?

Đoàn Thông cúi đầu, chắp tay vái Tự-Kinh cùng các đệ tử của ông rồi nói:

– Thông này đã xuống quỷ môn quan, được các vị cứu sống, thì dù gan, dù ruột cũng xin dãi bầy với các vị.

Lão móc trong bọc ra mấy cái thẻ đồng, trên khắc chằng chít đầy chữ, rồi nói:

– Niên hiệu Hàm-thông thứ tư, đời Đường Ý-tông (Giáp Thân, 864), quan thái-sử lệnh tâu rằng tại Giao-châu có nhiều thế đất phát để vương, chiếu hào quang lên đến trời, tương lai có thể nảy sinh ra chúa thánh, tôi hiền. Nhà vua cùng quần thần triều nghị rồi quyết định: Giao-châu xưa nay là đất rồng nằm hổ phục; thời Đông Hán đã nảy sinh ra vụ chị em nhị Trưng cùng 162 anh hùng nổi dậy làm nghiêng ngửa Trung-nghuyên. Bây giờ các thế đất phát để vương chiếu sáng như vậy thì phải mau ếm đi, băng không, thì tương lai Trung-nghuyên khó mà chống nổi. Nhà vua bèn sai Cao Biền

(713-756) sang làm đô-hộ tổng quản kinh-lược, và ban dụ rằng: « Giao-châu hiện có nhiều thế đất vượng đế vương, khanh sang ếm hết đi, rồi vẽ bản đồ tâu về cho trẫm xem ». Biền đến đất Việt, thấy thế đất nào có linh khí thì ếm hết; duy núi Tân, vì thánh Tân quá linh, y ếm không xong mà hút bỏ mạng. Sau khi hoàn tất, Biền vẽ bản đồ tường thuật chư sự thành bộ sách Cao Biền di cảo tâu về triều. Bộ sách này, sau lọt vào tay tể tướng Cao Hoài-Đức đời Tống Thái-tổ. Vua Thái-tổ sai chép ra làm nhiều bản trao cho Khu-mật viện, Bình-bộ, Lễ-bộ, mỗi nơi một bộ. Nguyên bản thì cất trong ngự thư phòng, truyền cho các vua kế vị. Trong sách có nói đến thế đất Cổ-pháp phát tích ra triều Lý trên hai trăm năm và ngôi đất Thái-đường. Đến đời vua Nhân-tông, thì Kinh-Nam vương...

Cao Tử-Đức đưa mắt nhìn sư phụ, như ngỏ ý xin phép rồi nói:

– Giai thoại này chúng tôi có biết: Vương lấy trộm được bộ Cao Biền di cảo, đem về Đại-Việt. Chính vì vậy mà hai thánh tăng Đạo-Hạnh, Minh-Không mới căn cứ vào đó mà biết rõ vụ Cao đem linh khí Đại-Việt bỏ vào bụng ba mươi sáu con trâu, chôn ở núi Thái-sơn... rồi mang trở về. Nhưng ngay đương thời, hai thánh tăng Đạo-Hạnh, Minh-Không cũng không tìm thấy cái đất Thái-đường ở đâu. Người ta cho rằng lâu ngày, thế đất này đã bị tiêu tan rồi.(3)

Đoàn Thông tiếp:

– Thế đất Cổ-pháp thì do bồ tát Định-Không triệt yểm, mà nhà Lý chiếm được thiên hạ. Còn thế đất Thái-đường thì chưa ai triệt yểm được cả. Cái thế đất Thái-đường này sở dĩ không ai tìm được, vì trải qua hơn bốn trăm năm, long mạch đã di chuyển đi, nên không ai biết nó ở đâu. Bởi trong sách Cao Biền chép rằng nó ở dãy núi Tổ-sơn, trên vùng Tam-đảo, dần dần trong hơn trăm năm nó di chuyển xuống vùng Cổ-bi ngoại ô Thăng-long. Trăm năm sau nữa, nó di chuyển tới xã Kê-châu, Cai-xá (Nay thuộc Hưng-yên). Hơn trăm năm sau nữa, nó di chuyển đến xã Phượng-trà (Nay thuộc Nam-hà). Cuối cùng, khi hai thánh tăng Minh-Không, Đạo-Hạnh xây tháp Phổ-minh, thì nó bị linh khí ở tháp kêu gọi nên di về ngay gần trang Thiên-trường. Tới đây, nó gặp trở ngại vì Cao Biền yểm. Nếu như không có ai đem xương cốt táng vào, cùng gỡ yểm ra, thì nó sẽ chết. Nhưng, hồi tiên phụ còn tại thế, người kiên nhẫn, mà tìm ra vết tích; rồi đến đời tôi, tôi đã tìm ra trọng vẹn.

Đoàn Thông móc trong bọc ra một trực lụa, trên vẽ bản đồ bằng sơn, nên tuy bị ướt, mà không bị mờ, lão chỉ vào bản đồ:

– Đây, huyệt nằm chỗ này, ngay cạnh Hải-ấp, trông ra sông Phú-lương (nay thuộc Mỹ-lộc, Nam-định). Kia là cửa sông Tuần-vàng, phía sau có núi Voi-phục. Hai bên huyệt có hai hàng gò đồng đá đất. Hình những gò bên trái này giống như nghiên, như bút, như mực, tức văn quan chầu. Hình những gò bên phải như hình mười tám loại vũ khí, tức võ quan chầu. Chỗ huyệt là thổ phúc tàng kim tức cái chỗ đất như cái bụng dấu vàng, ngồi ở phương Càn trông sang phương Tốn.

Lão tấm tắc nói một mình:

– Tiếc thực là tiếc, huyệt nằm gần ngay tổng đường phái Đông-a. Phải chi cụ Trần Tự-Kinh chịu cho con cháu làm thánh, làm để thì để ngay vào đây. Nếu để trúng toàn vẹn thì nó chính là thế đất:

*Phấn đại đương mi chiếu,*

*Yên hoa đối diện sinh.*

*Dĩ nhan sắc khuynh quốc*

*Đắc thiên hạ thái bình.*

(Son phấn chiếu giữa mi,

Mây, hoa sinh trước mặt,  
Dùng nhan sắc nghiêng nước,  
Lấy thiên hạ thái bình.)

Tử-Đức gật đầu công nhận lời Thông nói đúng. Ông hỏi:

– Trong Cao Biền di cảo, y chép về thế đất này, rồi tâu lên vua Đường như sau: Thần dĩ trúc lộ lập tự yểm chi . Nghĩa là đất này thần đắp một con lộ trồng trúc mà yểm. Thế con đường trúc đó đâu?

Đoàn Thông chỉ vào bản đồ:

– Chính là chỗ này.

Tự -Hấp nhăn mặt:

– Đây là rừng tre, chứ có phải con đường trồng trúc đâu?

– Thưa đại hiệp, hồi xưa khi Biền trồng, thì nó chỉ là con đường nhỏ. Nhưng trải qua hơn bốn trăm năm, nay nó trở thành rừng.

Cao Tử-Đức tự chửi thầm:

– Hồi ơi, bấy lâu mình cứ lên vùng Tam-đảo tìm thế đất , có ngờ đâu sau hơn bốn trăm năm nó đã di chuyển về đây.

Ông hỏi:

– Nay, theo thầy thì long huyệt chạy từ Tam-đảo về. Thế thì hồi đó huyệt đâu có ở đây, mà Biền trồng trúc để yểm?

– Thưa đại hiệp vẫn đề như thế này. Khi Biền khám phá ra long huyệt, thì y cũng tìm ra con đường mà rồng sẽ chuyển thân. Y đoán trước nó sẽ tới đây, nên yểm để rồng không còn đường đi, rồi sau ít năm sẽ mắc kẹt vào rễ tre mà chết.

Tất cả cử tọa đều kinh hãi, vì thế đất nằm ngay trong phạm vi Thiên-trường, mà Nguyễn Cố với Đoàn Thông đào bới, để mộ, khá ồn ào, sao không ai chú ý?

Tự-Kinh đưa mắt nhìn Tô Trung-Sách như phiền trách: Con thay ta trông nom, cai quản trang Thiên-trường mà sao cái vụ Nguyễn Cố, Đoàn Thông đến để mộ, phá rừng lại không biết?

Trung-Sách biết ý sư phụ, ông trình:

– Cách nay hơn tháng, có lái buôn tới hỏi mua hết rừng tre. Họ nói rằng sẽ chặt hết tre, cùng đào cả gốc đi. Con thấy cái rừng này xưa nay tối vô ích, chim cò tụ về làm tổ, gây hại cho việc chăn nuôi trống tia, con định phá đi từ lâu. Nay có người mua, lại còn chặt tre, đào gốc dùm, nên con đã bán với giá rẻ. Nào ngờ, Nguyễn Cố mua để táng mộ...

Đoàn Thông chắp tay vái Tự-Kinh:

– Xin lão gia thứ lỗi, chính tiểu nhân đã bầy ra mưu này, để có thể phá thế yểm độc của Cao Biền.

Lão lại cầm thẻ đồng lên đọc:

– Đây, nguyên văn đoạn Biền chép về thế đất này như sau:

*Khí mạch chỉnh nguyên dương,*

*Lục long bàn khuất khúc.*

*Thất đấu hiện châu trang,*

*Điệp điệp lai hòa án,*

*Điều điều lai tụ đường.*

*Hỏa hổ tắm cương lũng,*

*Tê đường vọng đại giang.*

*Tả hữu biên loan bão,*

*Chu tước thị đích tàng,*

*Tam cấp càn khôn định,*

*Đốc sinh đại thánh hiền,*

*Tam bách dư niên tộ,*

*Phúc cơ hưởng thọ khang.*

(Mạch khí chính nguyên dương,

Rồng đất nắm che kín,

Bẩy sao chầu chiếu sang,

Lớp lớp cùng tới án.

Chuyển chuyển cùng tụ đường.

Hỏa, hổ chầu bảo vệ.

Phía trước thấy đại giang.

Phải, trái chim loan vọng,

Chu tước ẩn ở trong.

Ba bậc càn khôn định,

Sẽ sinh đại thánh hiền.

Ba trăm năm đất ấy,

Phúc, lộc lại thọ khang.)

Đoàn Thông có vẻ mệt mỏi lǎm rồi, y nhìn Trần Tự-Kinh:

– Hối ơi! Thiên mệnh an bài, cơ trời khó biết! Khi tìm thấy, tôi định đi Thiên-trường tìm đại hiệp Trần Tự-Kinh để dâng cho giòng họ Đông-a. Nhưng nay sự thế đã như thế này thì thực là mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên. Trước đây ngôi đất Cổ-pháp, các thiền sư Tiêu-sơn canh giữ hơn trăm năm, để tìm người phúc đức mà ban cho. Chung cuộc, ông thân sinh ra vua Lý Thái-tổ đi làm ruộng về, mệt quá, nằm nghỉ tại đây, rồi hóa, mà hưởng, lập ra nhà Lý trên hai trăm năm. Còn thế đất Thái-đường, tôi định dâng cho giòng họ Đông-a, sau lại về Nguyễn Cő. Nguyễn Cő giết tôi mà không thành, thì ra trời dành thế đất này cho các vị. Nay tôi xin dâng cho các vị.

Tự-Duy hỏi:

– Ông đã đem thế đất Thái đường cho Nguyễn Cő, đã táng xương cha Nguyễn vào rồi, thì ông có cho chúng tôi, e cũng vô ích.

Đoàn Thông cười bí hiểm:

– Khi sắp để mộ cho Nguyễn Cő, tôi thấy con mắt ông ta luôn hiện ra nét xảo quyết, nên tôi có phục sẵn một cơ mưu để phòng khi bị họ trở mặt thì còn có cách đối phó.

Tự-Hấp hỏi:

– Mưu ấy như thế nào?

– Sau khi để huyệt xong, tôi dặn Nguyễn Cő rằng « Kiểu đất này sau tất phát đế, phát vương, nảy sinh thánh nhân, thì phải chăm lo để phòng cẩn thận. Vậy nội trong một trăm ngày, nếu thấy mưa gió, sấm sét thì xem trên mộ có gì lạ không? Nếu lành ít, dữ nhiều thì phải dời mộ đi ngay ».

Cao Tử-Đức ngồi nhởm người dậy:

– Tôi biết rồi. Phàm khi để môt vào huyệt phát đế vương, thì sau ba ngày, xương cốt bắt đầu thông với long mạch; đất trời giao hội mà có mưa gió, sấm sét. Nếu ta nhân đó làm cái gì quái dị trên môt, ắt Nguyễn Cố sợ mà dời môt đi nơi khác. Bấy giờ ta đem xương cốt giòng họ khác táng vào. Có phải vậy không?

– Quả đúng thế.

Nói đến đây Đoàn Thông quá mệt mỏi, người lắc lư. Phạm Tử-Tuệ vội vực ông ta vào khoang thuyền, truyền đắp chăn, cho nằm nghỉ.

Ngoài khoang thuyền, Tự-Kinh suy nghĩ một lúc rồi nói:

– Các con ạ! Giòng họ Trần nhà ta vào thời Hồng-bàng, sinh sống ở vùng Khúc-giang, quận Nam-hải, nay thuộc lộ Quảng-đông. Đến thời vua An-Dương, tổ Trần Tự-Minh giúp vua dựng nghiệp, được phong tước Phương-Chính hầu, giữ chức tể tướng. Sau Nam-hải bị Tân chiếm, tổ mới di đến vùng Thiên-trường này mà lập nghiệp. Về thời Bắc thuộc, ngôi mộ của Khai-tổ Tự-Viễn để vào thế đất Hổ phục, Ưng phi, cho nên từ mấy đời nay chúng ta đều được hưởng Vương bá vi vương, bá bá vi bá nhi quyền khuynh thiên hạ, nghĩa là vua chẳng phải vua, bá chẳng phải bá, mà quyền nghiêng thiên hạ. Từ hồi ấy đến giờ, đời nào nhà ta cũng hưởng cái uy đó. Chỉ duy thời Thuận-thiên (1010-1028), tổ Tự-Mai vì làm phò mã Tống, để bảo vệ đất Việt mà phải xuất chính làm quan. Về cuối đời, người hối hận đã bỏ ra bao nhiêu năm ngồi trên mình ngựa mà chung cuộc cũng trắng tay. Vì vậy người có di chúc cho con cháu rằng sau này không nên vì chút công danh mà tranh dành với đời. Bây giờ Đoàn Thông muốn tặng ta thế đất này, ta chỉ nên tạ ông ta rồi bảo vệ tính mạng ông ta mà thôi. Đổi với triều Lý ta sẽ dùng hết lực bảo vệ ngôi vua cho họ.

Năm đại đệ tử, hai con trai, hai con dâu, một đệ tử út của Tự-Kinh cùng đưa mắt nhìn nhau, rồi Quách Tử-Minh hướng sư phụ nói bằng giọng tha thiết:

– Sư phụ! Khi mệnh trời đã an bài, thì chẳng nên từ chối. Con thấy khí số họ Lý sắp hết rồi, ta có giúp, e cũng uổng phí tâm cơ mà thôi. Kìa, Gia-cát Vũ-hầu, thân là nho sĩ, mà lặn lội sáu lần xuất Kỳ-sơn, cuối cùng mưa ra máu chết ở Ngũ-trượng nguyên. Gần đây, bọn Hàn Thế-Trung, Ngô Giới, Ngô Lân, Nhạc Phi đem hết tài trí ra giúp Triệu Cầu lập lại nhà Nam Tống, cuối cùng đi đến kết quả là Hàn Thế-Trung bị cách; anh em họ Ngô phải bỏ quan đi ẩn; Nhạc Phi với con bị giết; đầu, thân thể đem phơi nắng phơi mưa cho dân chúng xem, cho ruồi bọ đục khoét. Xin sư phu chẳng nên bỏ ra ngoài thiện ý của Đoàn Thông.

Tự-Kinh xua tay :

– Nếu các con đã nghĩ vậy, thì ta nên đem người ấy về làm vua, thì đất nước này lại hùng mạnh như thời vua Thánh-tông, Nhân-tông ngay. Nhưng nếu đem người ấy về, thì cái ông Đại-Định hoàng đế phải chết, điều mà người ấy không muốn.

Cha con thầy trò cùng bàn luận phân vân chưa dứt, thì Đoàn Thông từ trong khoang thuyền bước ra, ôm thẹp lạy Tự-Kinh. Tự-Kinh phất tay một cái, kinh lực nhu hòa đỡ ông ta, khiến ông ta không quỳ được. Đoàn ngồi xuống cạnh Tự-Kinh, nói bằng giọng tha thiết:

– Thì ra ngài là đại hiệp Tự-Kinh, chưởng môn phái Đông-a đấy. Còn các vị đây đều là cao đồ cả. Hèn chi phong thái khác thường. Từ nãy đến giờ, Thông này được nghe những lời nghị luận của các vị, trong lòng càng phục thêm. Như tôn ý của đại hiệp, thì đại hiệp không muốn cho con cháu phát đế vương, thì cũng dễ thôi. Bởi thế đất Thái-đường này vốn lưỡng tính; một là phát đế vương, hai là

thánh nhân giáng thế. Vậy thì thế này: tiểu nhân xin để mộ lệch đi một chút, thì không phát đế vương nữa, mà chỉ có thánh nhân giáng thế. Như vậy hẵn đại hiệp vui lòng?

Cao Tử-Đức thấy trong khi nói, con mắt Đoàn Thông thoáng một nét giáo hoạt, ông nghĩ thầm:

– Ta cứ yên lặng xem y định làm gì? Tính mệnh y, cùng gia quyến đang bị Nguyễn Cő đe dọa, hoàn toàn trông vào sự che chở của chúng ta, chắc y không thể hại chúng ta.

Nghĩ vậy, ông ngồi im.

Tự-Kinh nghe Đoàn Thông nói, thì mừng chi siết ke. Ông đứng dậy chắp tay xá Đoàn Thông ba xá:

– Xin đa tạ nhà thầy. Kinh này không muốn cướp thế đất của Nguyễn Cő. Vậy chỉ khi nào Nguyễn Cő tự di chuyển mộ ông thân sinh của y đi, thì Kinh này mới đồng ý táng mộ thân phụ vào đó. Kinh này xin hứa trước với thầy hai điều: Một là ngay sau khi an vị ngôi mộ, dù thành, dù bại, Kinh này cũng xin tạ thầy ba mươi nén vàng. Hai là môn phái Đông-a xin đón gia quyến thầy về sống trong trang Thiên-trường; dù Nguyễn Cő, dù vua Lý cũng không thể đụng đến cái lông, cái tóc gia quyến thầy.

Ông đưa mắt cho con trưởng là Tự-Hấp:

– Cái việc vợ chồng con với Vũ Tử-Mẫn, Phạm Tử-Tuệ đi Thăng-long điều tra nên để ra tết. Bây giờ con hãy cùng sư đệ Cao Tử-Đức tiếp Đoàn tiên sinh, lo đem gia quyến tiên sinh về trang mình hầu bảo vệ.

Đến đây, thuyền đã cập bến, đợi mọi người đều lên bờ, trong thuyền chỉ còn mấy đệ tử làm thuyền phu, Tự-Hấp hỏi Cao Tử-Tuệ:

– Sư đệ nghĩ sao?

Tử-Tuệ nói với Đoàn Thông:

– Đoàn tiên sinh, cái vụ chỉ an mộ cho thánh nhân giáng sinh, mà không phát đế vương, tôi e không thể thực hiện nổi. Dường như tiên sinh có gì dấu diếm sư phụ tôi. Mong tiên sinh giải cho.

Đoàn Thông chắp tay vái dài:

– Đại hiệp thực minh mẫn. Trong khi tiểu nhân nói với lão đại hiệp, tiểu nhân thấy trán của đại hiệp chau lại rồi mỉm cười thì biết rằng đại hiệp đã hiểu ý tiểu nhân rồi.

– Tôi thử nói ý tiên sinh xem có đúng không nhé. Tiên sinh nghĩ: Thế đất quý như thế mà bỏ thì uổng quá. Chi bằng tiên sinh dõi sư phụ tôi rằng để lệch đi một chút, sẽ không phát đế vương, mà nảy sinh thánh nhân, sự thực tiên sinh để đúng huyệt. Sư phụ tôi đâu có biết gì? Sau đây mấy chục năm, khi mọi sự ứng nghiệm thì cả sư phụ tôi với tiên sinh đều đã ra người thiên cổ rồi. Phải không?

– Quả như đại hiệp đoán.

Tự-Hấp hỏi:

– Bây giờ chúng ta phải làm gì?

– Tôi an mộ cho nhà Nguyễn Cő đã hai ngày. Nội đêm nay thì xương với long mạch sẽ bắt đầu nỗi với nhau, trời đất giao thoa, sấm chớp phát sinh. Vậy ngay tối nay, đại hiệp sai người lấy tô mộc nấu ra trộn lẫn với bột giả làm máu. Lại sai đem chín cái búa đồng chờ sẵn. Khi sấm chớp nổ trên trời thì sai người đem nước tô mộc đổ lên mộ nhà Nguyễn Cő, đem mấy cái búa đồng này cắm xung quanh. Khi trời sáng, Nguyễn Cő sai người ra thăm mộ thấy xung quanh đầy máu, lại có búa đồng thì y tưởng đâu mình làm ác, bây giờ trời đánh vào mồ mả ông cha. Như vậy y kinh hoàng, tất di chuyển cốt cha y ra khỏi thế đất. Sau đấy ít ngày ta mời lão đại hiệp tới thăm, thì thấy huyệt trống không. Lão đại hiệp tất vui lòng cho cải táng cốt tiền nhân an vào.

Cao Tử-Đức hỏi:

- Nguyễn Cỗ có biết tuồng chữ của ông không?
- Thưa y biết. Ý đại hiệp muốn?!?!
- Để trị cái tội Nguyễn Cỗ vô ơn bạc nghĩa, ăn cháo đá bát... Ông đã để mộ cho nhà y, mà y giết ông, ta phải dọa làm y chết khiếp một bửa cho bõ ghét.

Đoàn Thông mừng chi siết kể, y hỏi:

- Thưa đại hiệp dọa như thế nào?
- Bây giờ tôi đưa cho ông tấm ván nhỏ, ông viết lên đấy một bài văn, kiện y ở cửa trời. Tôi sẽ đem miếng ván để lên mộ cha y. Khi y thấy máu, thấy búa đã kinh hãi, nay lại thấy tờ sớ kiện lên trời, chắc y sợ đến té đái vãi phân ra.

Đoàn Thông mừng chi siết kể, y cầm bút viết liền, rồi trao cho Tử-Đức. Tử-Đức xem xong, bật cười:

- Thế nay, sáng mai gia nhân Nguyễn Cỗ đem về cho y, cùng báo cáo tự sự, thì y đến chết khiếp.(4)

#### **Ghi chú của thuật giả:**

(1) *Việc xây các cung điện trên, chép trong ĐVSKTT, Lý kỷ, Anh-tông kỷ, niên hiệu Đại-Định thứ 19, Mậu Dần, DL. 1156.*

(2) *Sự thực nghĩa các câu ấy như thế này: Dị mộc tái sinh nghĩa là một cây mới kỳ lạ tái sinh để chỉ kế tục nhà Trần là nhà Lê. Chấn cung xuất nhật nghĩa là vùng Đông mặt trời mọc, để chỉ nhà Mạc thay nhà Lê. Đoài cung ẩn tinh nghĩa là phương Tây có ngôi sao ẩn để chỉ nhà Tây-sơn sẽ nối tiếp. Lục thất niên gian, thiên hạ thái bình là trong vòng 6+7= 13 năm nữa sẽ có thái bình.*

(3) Tôi đã thuật về hai vụ này:

Chi tiết về ngôi mộ phát tích ra triều Lý, xin đọc Anh-hùng Tiêu-sơn, do Xuân-thu Hoa-kỳ xuất bản. Chi tiết về việc hai thánh tăng Đao-Hạnh, Minh-Không, trâu vàng v.v. xin đọc Nam-quốc sơn hà do Đại-Nam Hoa-kỳ xuất bản.

(4) *Phan Huy-Chú trong Lịch-triều hiến chương loại chí, có nhắc đến việc Cao Biền yểm các thế đất linh của Đại Việt cùng viết bộ Cao Biền di cảo. Tôi đã tra tìm hầu hết các thư viện Thương-hải, Bắc-kinh, Trường-sa, nhưng không tìm ra bộ này. Trong khi đó tại Đài-loan, Hương-cảng lại xuất hiện tới bảy bản khác nhau, do bảy người chú giải. Những người chú giải này đa số đều là thầy địa lý cả. Các ông thầy này đều nói rằng bản của mình là do gia truyền. Nhưng tôi đọc kỹ, thì thấy có rất nhiều điều nghi ngờ như: Văn phong là văn đời Minh, đời Thanh hoặc văn thời Dân-quốc; những điều nói về Việt-Nam thì hầu hết sai. Do vậy tôi không tin rằng đó là chính bản.*

*Hồi này thuật nguồn gốc viễn tổ của Hưng-Đạo vương. Tôi phôi hợp quốc sử, gia phả của tiền nhân để lại cũng như gia phả của con cháu Trần Ích-Tắc hiện sống tại Trường-sa, thì sau này các vua Trần truy phong cho tổ tiên như :*

1.Mục-tổ hoàng-đế Trần Tự-Kinh (1103-1190)

2.Ninh-tổ hoàng-đế Trần Tự-Hấp (1132-1210)

3.Nguyên-tổ hoàng-đế Trần Lý (1151-1215)

4.Khai-vận, Lập-cực, Hoằng-nhân, Ứng-đạo, Thuần-chân, Chí-đức, Thần-vũ, Thành-văn, Thùy-dụ, Chí-hiếu hoàng-đế Trần Thừa, miếu hiệu Thái-tổ (1183- 1234)

5.An-sinh vương Trần Liễu miếu hiệu Hiển-Hoàng (1210-1251)

6.Thái-sư, Thương-phu, Thương Quốc

**Nói với tuổi trẻ tộc Việt:**

**Đối với tộc Việt chúng ta, không thể lực đi ngược với ý dân nào có thể tồn tại lâu dài, không cá nhân tàn bạo nào mà không bị sức mạnh của quần chúng đập tan.**

## Văn tại trại hè Võ-nguồn 1996.

Ngày 31 tháng 8.

Câu chuyện tới đây thì ngừng lại, vì trời đã về khuya. Rừng núi Louisville chìm vào bóng đêm. Xung quanh chúng tôi, tiếng dế nỉ non, thỉnh thoảng vọng lại tiếng chim ăn đêm. Mười tám người trẻ vẫn chưa muộn chấm dứt, chưa muộn đi ngủ.

Tôi mỉm cười:

– Lịch sử anh hùng của tộc Việt, nói không bao giờ hết, viết không bao giờ cùng. Mười năm sau, trăm năm sau, nghìn năm sau, biết đâu con cháu chúng ta, cũng như con cháu của anh em chúng ta ở trong nước, sẽ có dịp hội ngộ với nhau. Việc của chúng ta, là phải tự nhắc nhở, nhắc nhở người thân, nhắc nhở con cháu rằng: Đừng quên nguồn gốc Việt của mình, quyết không để một người trở thành Trần Định-Nhân. Ta có thể mang quốc tịch Hoa-Kỳ, Canada, Trung-quốc, Pháp, Ý, Đức nhưng ta vẫn thuộc tộc Việt, vẫn là con Rồng, cháu Tiên.

Một cháu gái, dáng người thanh nhã, mềm mại hỏi:

– Cảm ơn thầy. Thưa thầy, thầy vừa thuật sơ lược về nguồn gốc của họ Trần, cũng như những yếu tố làm cho triều Lý suy vong. Thầy cũng cho chúng con một bài học rằng phải tránh vết xe xấu của bọn vong quốc, bọn con cháu Trần Ích-Tắc, mà nguyên do chính là bậc cha mẹ thiếu cái tự hào về nguồn gốc anh hùng của tổ tiên. Nay giờ, con lại muốn thầy thuật tiếp cho chúng con nghe vụ Đỗ Anh-Vũ. Về sau y chết già? Chết bệnh? Hay bị triều đình giết?

Nhin những con mắt sáng long lanh, tỏ ra thần thái tinh anh, lòng tôi ngùn ngụt yêu thương những người trẻ hôm ấy, mà có lẽ chỉ chúa Jésus, đức Thích-ca Mâu-ni, đức thánh Khổng là có thể yêu đệ tử hơn mà thôi.

Tôi trả lời:

– Y bị giết, bị xẻ tung miếng thịt mệt... Y bị cởi ngựa gỗ. Sự việc như sau...

Trong căn nhà gỗ không một tiếng động, tôi thuật tiếp:

– Trong ĐVSKTT, quyển tư, phần Lý kỷ, Anh-tông kỷ, niên hiệu Đại-Định thứ 11, bên Trung-nghuyên là niên hiệu Thiệu-Hưng thứ 20, đời vua Cao-tông (Canh-Ngọ, DL.1150) có chép đầy đủ tội ác của Đỗ Anh-Vũ. Nhưng khi chép về cái chết của y lại rất sơ sài. Y không chết về tay vua Anh-tông, vì Anh-tông là ông vua khờ. Mà y chết về tay Chiêu-Linh hoàng-hậu, vợ vua Anh-tông, về tay thái-tử Lý Long-Xưởng, con đầu lòng của vua Anh-tông, về tay những anh hùng vô danh thảo dã. Hồi thịnh thời, khi giết người, y chế ra những hình cụ, những phương pháp man rợ; thì khi bị trừng phạt, y lại nhận lĩnh chính những hình cụ, phương pháp mà y đã chế ra. Đúng như tục ngữ Việt nói: Gieo gió thì gặt bão, gậy ông lại đập lưng ông; hoặc mỉa mai hơn giáo Tâu lại đâm Chết. Còn Chiêu-Linh hoàng-hậu, thái-tử Long-Xưởng, thì cả hai đều là những anh hùng cuối cùng của họ Lý, của triều đại Tiêu-sơn.

## Hồi thứ hai **Côi Sơn Song Ưng**

Niên hiệu Đại-Định thứ mười chín (Mậu Dần, 1158)  
đời vua Anh-tông triều Lý của Đại-Việt,  
bên Trung-nguyên nhằm niên hiệu Thiệu-Hưng thứ 28  
đời vua Cao-tông nhà Tống,  
ngày 15 mùa Thu, tháng 8.

Cái tin quan quan Kiểm-hiệu Thái-sư, Phụ-quốc đại tướng quân, lĩnh Càn-nguyên điện đại học sĩ, Long-thành tiết độ sứ, Khai-phủ nghị đồng tam ty, Nghĩa-dũng quốc công Đỗ Anh-Vũ cùng cả nhà bị võ lâm đột nhập dinh giữa tiệc Trung-thu, rồi xử tử tận số, làm rúng động kinh thành Thăng-long. Khắp đế đô, người ta tụ năm, túm ba lại mà bàn tán. Quan phủ thừa Thăng-long là Tô Hiển-Thành đích thân vào cung xin chỉ dụ của nhà vua, rồi lấy vũ khí trong kho ra, đem phát cho đội Phụng-quốc vệ, dẫn tới bao vây dinh Thái-sư, để điều tra.

Nhà vua truyền thiết đại triều, nghe tâu trình về vụ này. Tuy năm nay vua đã hai mươi ba tuổi, nhưng Cảm-Thánh hoàng thái hậu cũng buông rèm ngồi thính chính. Quần thần ngạc nhiên khi thấy thái-tử Long-Xưởng mới tám tuổi, cũng được nhà vua cho đứng cạnh ngai vàng, dường như để hiểu rõ một biến cố quan trọng.

Đúng giờ Mão, bách quan tề tựu đông đủ, ba hồi chuông trống, ban nhạc tấu bản Nguyên-thọ:

*Minh minh thiên tử,  
Vạn dân sở vương.  
Hiển hiển lệnh đức,  
Như Khuê, như Chương,  
Tuyên chiêu nghĩa vận,  
Trường phát kỳ tướng.  
Thiên tích thuần hổ,  
Thánh thọ vô cương.*

Dịch:

Vua ta sáng suốt,  
Vạn dân ngược nhìn,  
Đức tốt rùng rực,  
Như ngọc Khuê, Chương,  
Tuyên, gọi nghĩa trọng  
Điểm lành tứ phương.  
Trời ban phúc lớn,  
Thánh thọ vô cương.

Một đại thần minh hạc xương mai, tóc bạc phơ bước ra phủ phục tâu:

– Thần Lưu Khánh-Đàm, Đặc-tiến Thiếu-sư, Đồng-bình chương sự, Trung-vũ quân tiết độ sứ, Tả Kim-ngoại đại tướng quân, Khu-mật viện sứ, lĩnh Chiêu-văn quan đại học sĩ, giám tu quốc sử, Đăng-châu quốc công, kính tâu.

Nhà vua ban chỉ:

- Thiếu-sư bình thân.
- Đêm qua, quan thái-sư Đỗ Anh-Vũ cùng gia thuộc hơn năm mươi người bị thích khách đột nhập vào dinh, xử cõi ngựa gỗ chín người, giết chết tám mươi ba người ; giữa lúc đang ăn tết Trung-thu. Vì vậy thần xin thiết đại triều để phủ thừa Thăng-long tâu trình.

Tiếng thái-hậu từ sau màn khóc nức nở hỏi:

- Khánh-Đàm! Có biết thích khách là ai không?

Bách quan nghe thái-hậu hỏi một lão thần đáng tuổi ông, tuổi cha bằng lời lẽ khiêm nhã, thì trong lòng nảy ra mối khinh rẻ, chửi thầm: Phường vô học, bất thuật.

- Thần xin để phủ thừa Thăng-long tâu.

Một võ quan bước ra quỳ gối:

- Thần Thái-tử thiếu-bảo, Uy-viễn đại học sĩ, Khu-mật viện sứ, lĩnh Bình-bộ thượng thư kiêm phủ thừa Thăng-long, Chinh-viễn đại tướng quân, Nam-trực hầu, Tô Hiến-Thành kính tâu.

Nhà vua vẫy tay:

- Thái bảo bình thân.

– Canh năm vừa qua, một gia nhân của phủ Thái-sư tới phủ thần cáo rắng, quan Thái-sư với tám người bị võ lâm cho cõi ngựa gỗ, còn lại toàn gia bị giết lúc giờ Hợi. Thần vội vã cùng các bộ khoái tới điều tra. Sau đây là kết quả.

Hiến-Thành cầm tờ biểu lên đọc:

- Vào đâu giờ Hợi, Thái-sư cùng thê, thiếp, gia thuộc, gia tướng đang ăn tết Trung-thu ngoài sân, thì có ba người đàn ông, một người đàn bà tuổi trung niên với hơn ba chục thiếu niên nam nữ xuất hiện. Chỉ không đầy một khắc, họ điểm huyệt tất cả trên trăm người, chia nhau ra lục soát trong dinh, còn sót người nào thì điểm huyệt người đó, rồi đem xếp thành hàng giữa sân.

Lại-bộ thượng thư Đỗ An-Di hỏi :

- Xin Thiếu-bảo tâu rõ hơn một chút. Bởi Thái-sư là đệ tử của đại-sư Khánh-Hỷ phái Tiêu-sơn, bản lĩnh đâu phải tầm thường, mà thích khách điểm huyệt dễ dàng như vậy ? Lại nữa, tùy tòng cũng như gia thuộc của Thái-sư nếu không là những đệ nhất cao thủ, thì cũng là những võ tướng. Tôi nghe cạnh Thái-sư có Nùng-sơn tam anh, Tô-lịch nhị tiên. Vậy họ đâu ? Sao thích khách lại lông hành như chỗ không người ?

Tô Hiến-Thành đáp :

- Thưa thượng thư, đêm qua Nùng-sơn tam anh, Tô-lịch nhị tiên phải chầu hầu thái-hậu nên vắng mặt. Hơn nữa, võ công của đám thích khách quá cao cường. Người nào cũng như người nào, họ chỉ đánh có một chiêu lại hạ một cao thủ của Thái-sư. Riêng Thái-sư thì bị một người đàn bà hạ. Thị đánh chiêu thứ nhất, Thái-sư bật tung lại sau ba bước. Thị đánh chiêu thứ nhì, Thái-sư ngã ngồi xuống. Thị vung tay điểm huyệt Thái-sư, rồi túm tóc ngài ném ra giữa sân .

Các võ quan cùng bật lên tiếng úi chà tỏ vẻ kinh ngạc.

Thái-tử Long-Xưởng gật đầu:

- Đám người này bản lĩnh phải kinh thế hải tục lăm mới có thể hành sự quang minh, lối lạc như vậy.

Các quan giật mình, nghĩ thầm:

– Cái ông vua con này khen sát nhân quang minh lối lạc, thì ít ra cũng vui mừng khi Thái-sư Anh-Vũ bị giết.

Thái-hậu hỏi:

– Này Tô Hiến-Thành, trong dinh Thái-sư lúc nào cũng có một đội Phụng-quốc vệ. Thế bọn này đâu? Các quan lại bất mãn về cách xưng hô của Thái-hậu. Đúng ra bà phải nói: Này quan Thái-bảo, cho đúng với ngôn từ của vị mẫu nghi thiên hạ, thì bà lại gọi tên ra, là điều cực kỳ thô lỗ.

Nhưng Hiến-Thành vẫn khom người xuống:

– Tâu thái-hậu, cách đây hai ngày, quan địa phương báo về rằng có một bọn du thủ, du thực đem mây chục hình nộm, trên hình nộm đề tên Thái-sư với... với... trói dính bụng vào nhau.

Đến đây Tô Hiến-Thành im bặt.

Thái hậu gắt:

– Với ai? Người là Bình-bộ thượng thư mà sao nói ấp a, ấp úng như chó ăn vụng bột vậy? Đồ ăn nợ! Bị nhục mạ, mặt Tô Hiến-Thành tái đi, nhưng ông vẫn bình tĩnh đáp:

– Tâu, với ... với tên thái-hậu.

Cả triều đình đều bật lên tiếng ồ kinh ngạc.

Nhà vua hỏi:

– Chúng đem hình nộm thái-hậu với Thái-sư làm gì?

– Tâu, chúng treo ngược lên cây, dùng tên bắn xuyên qua ngực. Chúng lại buộc vào hình nộm mảnh vải có chữ : Kẻ nào gỡ hình nộm đem đi, sẽ bị chặt tay . Vì vậy hoàng nam các thôn, xã không ai dám gỡ. Thái-sư phải sai đội Phụng-quốc vệ lén đường gỡ hình nộm, cùng truy lùng thủ phạm. Hóa cho nên dinh thự chỉ có gia tướng, thân binh, số người không làm bao, nên sát nhân mới dễ dàng hành sự.

Thái-tử Long-Xưởng nở một nụ cười:

– Tâu phụ hoàng, thần nhi đoán rồi, chắc chắn đám người giết Thái-sư với đám người treo hình nộm là một. Họ biết rằng muôn lợt được vào phủ Thái-sư , thì phải tìm cách đưa đội Phụng-quốc vệ rời dinh của người. Vì vậy, họ mới bẫy ra cái vụ treo hình nộm. Vô tình Thái-sư mắc mưu... Thôi, Thái-bảo tâu tiếp vụ án dinh Thái-sư đi.

Nhà vua gật đầu tỏ ý ngợi khen thái-tử thông minh. Quần thần thấy vụ án sát nhân đến gần trăm người chết ngay giữa Thăng-long, hơn nữa người bị giết lại là một quan đầu triều; thế mà dường như nét mặt nhà vua có vẻ hân hoan hơn là ưu tư.

Hiến-Thành tiếp:

– Viên thủ lĩnh cầm bản án đọc lên kể tội Thái-sư cùng những người trong gia thuộc, cuối cùng tuyên án: Chín người bị cõi ngựa gỗ; hai mươi ba người bị khoét hai mắt, cắt gân chân tay, cắt lưỡi; năm mươi người bị chết chém. Ngược lại bọn người nghèo phải bán thân làm nô bộc, có tới ba mươi sáu người được cấp vàng, bạc, châu báu, rồi cho về quê làm ăn. Mỗi người này đều được cấp một bản án, tuyên rằng : Được miễn làm gia nô cho họ Đỗ. Nếu như quan lại, phú gia nào gây rắc rối với họ sẽ bị khoét hai mắt, chặt hai chân, hai tay.

Thái-tử gật gật đầu mỉm cười, dường như tỏ vẻ thích thú:

– Thưa Thái-bảo , thế nạn nhân bị xử tại chỗ sao?

– Tâu điện hạ vâng. Những người bị án tử hình, thì họ chém đầu ngay. Những người bị khoét mắt, cắt chân tay cũng bị hành hình trong dinh. Sau khi hành hình, họ đem thuốc băng bó vết thương cho nạn nhân, vì vậy không nạn nhân nào chết cả. Còn chín người bị cõi ngựa gỗ, thì họ đem chín tấm ván ra, trói chín người bằng dây mây, mỗi người vào một tấm ván, dựng ngược tấm ván lên xe. Sau đó họ cho người dong xe ra chín địa điểm khác nhau.

Thái hậu hỏi:

– Chín địa điểm đó ở đâu?

– Tâu, tại năm cửa thành, Văn-miếu, chùa Một-cột, đền thờ Trưng-vương, đền thờ Linh-Nhân hoàng thái hậu. Tại mỗi địa điểm này, họ bắc loa gọi dân chúng tới thực động, rồi tuyên đọc bản án nạn nhân. Cuối cùng mới cho xẻo từng miếng thịt.

Thái-hậu nguyên rủa, khóc thút thít:

– Thái sư bị...bị... xẻo thịt sao? Hu...hu... Người có đau đớn lắm không? Chúng xẻo thịt Thái-sư ở địa điểm nào?

– Tâu, ở Văn-miếu.

– Trời ơi! Tiên sư cha bọn quan quân đâu, mà để cho bọn ác nhân hoành hành như vậy? Còn người ! Người là phủ thừa Thăng-long, người chui ở trong váy con đĩ nào, mà cái vụ giết Thái-sư ôn ào như thế, phải đợi cho đến khi gia nhân phủ Thái-sư báo, người mới biết?

Nghe thái-hậu văng tục, nhục mạ đại thần, hầu hết các quan đều rùng mình than thầm: Hỡi ơi, mấy chục năm qua, người đàn bà tham dâm, thất học này cùng tên Đỗ Anh-Vũ cầm quyền, mà mình cứ phải cúi đầu nghe lệnh thì nhục nhã quá. Các quan đều tưởng Tô Hiến-Thành bị xỉ nhục thế ắt sẽ tái mặt, rồi từ quan lui về điền dã.

Nhưng không ai ngờ, mặt Hiến-Thành vẫn tươi tỉnh:

– Tâu thái-hậu, chính Thái-sư ban lệnh rằng: Phàm điều quân từ một ngũ (Năm người) trở lên phải có lệnh của ngài. Vì vậy, ngay trong kinh thành, cũng không có quân tuần phòng ban đêm. Một chiếu chỉ khác của hoàng thượng ban ra rằng: Bất kể cầm quân, Phụng-quốc vệ đều phải cất vũ khí vào kho, khi có chiếu chỉ mới được lấy ra. Do vậy , các đô thống chỉ huy Cấm-quân, tuy có nghe báo vụ này mà không tập hợp được quân. Ví dù có tập hợp được quân, thì cũng không có vũ khí để đánh đuổi sát nhân.

Thái-tử an ủi Tô Hiến-Thành:

– Thiếu-bảo không cần biện luận! Đây là những tôn sư võ lâm. Khi họ đã ra tay, thì dù ngay thời đức Nhân-tông, binh lực hùng mạnh, luật nước nghiêm cẩn, cũng khó phòng. Tôi biết rất rõ rằng, Thiếu-bảo là Bình-bộ thượng thư, tài trí có, nhưng chân tay bị bó thì làm gì được? Xưởng này đọc trong Thái-tổ thực lục, Thái-tông kỷ sự, Thánh-tông di sự... đều chép rằng thời đó, mỗi khi có trộm cướp thì chỉ cần hoàng nam, hoàng nữ cũng đủ sức đánh dẹp. Ngay như quân Tống, sức mạnh nghiêng trời lệch đất, mà muốn đánh vào một làng có trăm hoàng nam, cũng phải hơn ngàn người. Thế nhưng nay, gian nhân không biết là ai, nhiều ít thế nào, chúng chỉ để mấy chữ rằng ai gõ hình nộm sẽ bị chặt tay; cũng khiến hoàng nam sợ đã đành, mà đến quân địa phương cũng không dám đụng đến. Như vậy là cái phong khí Đại-Việt suy đồi rồi. Suy đồi từ đâu? Do ai? Các vị dư biết!

Thái-hậu quát:

– Ranh con chưa ráo máu đầu, mày biết gì mà xen vào việc quốc gia đại sự? Mày nên nhớ, tuổi mày còn nhỏ, lại chưa mở phủ đệ riêng, chức tước chưa có, mà ngoác mồm ra giữa triều đường ư? Bị bà mắng, Thái-tử đành đứng im.

Thiếu-sư Lưu Khánh-Đàm lên tiếng:

– Tân thái hậu, thái-tử tuổi tuy nhỏ, nhưng nhờ hưởng cốt nhục của chư vị tiên đế, nên thông tuệ khác thường. thái-tử chưa có chức tước, chưa mở phủ đệ riêng, nhưng thái-tử là hoàng trưởng tử thì vẫn là trừ quân. Thần dám xin thái-hậu để thái-tử được dự bàn trong buổi triều hội này.

Thái-hậu định lên tiếng bác lời Lưu Khánh-Đàm, nhưng bà chợt nhớ ra ông là cố mệnh đại thần thời vua Nhân-tông, nên đành im lặng.

Thái-tử nhìn các quan, rồi tiếp:

– Vào thời đức Thánh-tông, Nhân-tông khi Ưng-sơn song hiệp, Mộc-tôn vọng thê hòa thượng, mỗi khi lên án, xử tội ai, thì đều để lại tín hiệu. Vậy hung thủ có để tên lại không?

– Tân, trên bản án có vẽ hình hai con chim ưng đang bay trên hai ngọn núi. Như vậy người chủ trương cuộc thảm sát này là Côi-sơn song ưng.

Cả triều đình đều rúng động. Các quan thanh liêm chính trực thì hiện ra nét hân hoan không bút nào tả xiết. Ngược lại bọn phe đảng của Anh-Vũ thì mặt nhìn mặt, vừa hốt hoảng, vừa kinh hoàng.

Thái-hậu hỏi bằng giọng run run:

– Côi-sơn song ưng là ai vậy?

Tô Hiến-Thành tỏ vẻ luống cuống, ông đưa mắt nhìn quan Thái-phó Hoàng Nghĩa-Hiền.

Theo Lý triều hội điển sự lệ, thì Hoàng Nghĩa-Hiền là thầy của nhà vua, khi vào chầu được ngồi, khi tâu không phải xưng tên. Nhưng ông bị Đỗ Anh-Vũ với hoàng-thái hậu chèn ép, nên không được hưởng ân huệ này. Ông bước ra tâu:

– Thần Dao-thụ thái-phó, Khai-phủ nghị đồng tam tư, Thượng thư tả bộc xạ, Khu-mật viện sứ, Nam-quốc công Hoàng Nghĩa-Hiền kính tâu.

Nhà vua tuyên chỉ:

– Xin thầy bình thân.

– Tân thái-hậu, từ hơn hai năm nay, trong võ lâm Đại-Việt xuất hiện một cặp vợ chồng tuổi khoảng ba mươi đến bốn mươi, võ công cực kỳ cao siêu. Hai người ẩn hiện như thiên thần, thiên tướng, chuyên cứu khốn phò nguy, mà không bao giờ xưng tên. Nhưng mỗi khi hành hiệp, hai người để lại một tấm thẻ, trên khắc hình hai con chim ưng xòe cánh bay ngang qua hai ngọn núi. Vì hai người xuất hiện lần đầu ở Trường-yên, nên người ta gọi là Côi-sơn song ưng (Ghi chú: Côi-sơn là tên một ngọn núi ở Trường-yên nay thuộc Ninh-bình). Từ hồi ấy đến giờ, Côi-sơn song ưng qua lại, dọc ngang trên giang hồ, giết không biết bao nhiêu bọn gian thần tặc tử, bọn đạo tặc, bọn mĩ quốc cầu vinh. Cho đến nay, mỗi khi bọn gian nghe đến tên Côi-sơn song ưng là kinh hồn động phách.

Nhà vua chau mày hỏi:

– Côi-sơn song ưng hành sự như vậy, mà sao các trấn không tâu về cho trẫm hay? Lạ thực.

– Tân bệ hạ mỗi vụ xảy ra, đều có biểu tâu về, nhưng... nhưng... nhưng Thái-sư đọc xong thì truyền rằng sẽ diện tâu với bệ hạ. Nào ngờ Thái-sư lại dấu diếm.

Thái-tử tâu:

– Từ bấy lâu nay, Thái-sư bưng bít không tâu lên phụ hoàng biết bao nhiêu sự trọng đại đã đành, mà người còn cấm không cho ai nhắc những chuyện đó trong Hoàng-thành nữa. Thần nhi chỉ là đứa trẻ tóc còn đỏ, mà cũng nghe biết rất nhiều về Côi-sơn song-ưng nữa là...

Thái-hậu quát lên:

– Long-Xưởng, gần đây tao thấy mày có những hành vi, ngôn từ luôn luôn tỏ ra bất kính với Thái-sư. Dù sao Thái-sư cũng lớn hơn mày đến ba bậc, mà mày lại dám xung chòng với người ư?

Thái-phó Hoàng Nghĩa-Hiền can thiệp:

– Tâu thái-hậu, những điều thaiù-tử nghị luận đều đúng với đạo lý cả. Xin thái-hậu bớt nỗi lôi đình.

Nhà vua tuyên chỉ:

– Xưởng nhi hãy kể ra một vài vụ án, mà Côi-sơn song-ưng xử để trẫm tường.

Thái-tử khoan thai thuật:

– Vụ án thứ nhất, thần nhi xin kể là vụ Song-ưng xử bọn bán trâu cái sang Quảng-Tây.

« ... Nguyên từ thời đức Thánh-tông, khi Linh-Nhân hoàng thái hậu tiến cung, người tâu rõ tệ trạng giết trâu, bán trâu sang Trung-nguyên. Đức Thánh-tông ban chỉ phạt rất nặng tội giết trâu, bán trâu; nên chỉ ít năm sau số trâu trong nước dư thừa để cầy cấy, chuyên chở. Lệnh này cho đến nay vẫn còn hiệu lực. Thế nhưng, tình trạng hương đảng lỏng lẻo, nên dân chúng vẫn giết trâu mỗi khi hiếu hỷ. Bọn trộm trâu vẫn hoành hành, chúng trộm trâu đem lên mạn ngược bán sang Tống. Khổ hơn nữa, chúng chuyên bán trâu cái. Trong những bọn buôn trâu này, quan trọng nhất là tên Đèo Hiệp, thủ lĩnh một động người Nùng. Chúng dựa vào thế Đỗ Thái-sư, nên quan nha địa phương không ai dám động đến chúng.

Một nông dân nghèo quê ở Hồng-châu, tên Chu Kim, vì không có trâu cầy, phải đi thuê của một phú gia. Ngày đêm đó, trâu bị trộm bắt. Chủ trâu bắt đèn, Chu Kim không có tiền đèn. Chủ trâu đi trình quan. Quan xử: Vợ chồng Chu Kim phải bán mình cho phú gia, thay trâu cầy ruộng. Vợ chồng Chu Kim biết rõ trâu bị trộm bán cho Đèo Hiệp. Hai vợ chồng tìm đến đàn trâu của y, thì thấy con trâu ấy. Nhưng Đèo Hiệp lấp liếm rắng, trâu đó của y. Chu Kim gọi phú gia đến để nhận trâu. Đèo Hiệp không cho, y bảo trâu đó của y mua từ lâu rồi. Việc đưa lên quan. Quan sợ thế lực của Đèo Hiệp, xử cho y thắng, truyền đánh Chu Kim ba mươi bẩy vè tội cáo gian. Quá uất ức, Chu Kim thắt cổ chết. Việc tới tai Song-ưng. Song-ưng cùng đệ tử xuất hiện giữa ban đêm, bắt huyện lệnh, lý dịch mang loa gọi dân chúng đến xem xử kiện. Song-ưng gọi chủ trâu với Đèo Hiệp, rồi chỉ vào con trâu tang vật bảo rắng:

– Trâu nào cũng có tên, phàm khi chủ gọi thì trâu sẽ rống lên rồi chạy đến. Böyle giờ hai người đứng trước bầy trâu, lên tiếng gọi trâu. Nếu như ai gọi, mà nó lên tiếng rồi chạy lại, thì là trâu của người đó.

Quả nhiên, Đèo Hiệp gọi, trâu không ứng tiếng. Còn khi chủ trâu gọi, thì trâu rống lên rồi phóng tới trước mặt.

Song-ưng tuyên án:

– Đèo Hiệp buôn lậu trâu qua biên giới, theo Hình-thư thì bị phát vãng 10 năm, tái phạm thì bị chém ngang lưng. Nếu như buôn từ mười con trở lên thì bị giết cả nhà, tang vật bị tịch thu. Đây mi buôn lậu nhiều lần, buôn hàng đòn trâu, vậy thì phải giết cả nhà. Nhưng trong hình thư có khoản cho phép dùng tiền chuộc tội. Vậy, nay tao cho mày được chuộc tội. Nhà mày gồm một vợ với hai đứa con, tao

cho mà y chuộc mạng mà năm trăm lượng vàng, vợ mà ba trăm lượng, mỗi đứa con hai trăm lượng. Tổng cộng một nghìn hai trăm lượng. Mày ức hiếp Chu Kim, để đến nỗi nó phải tự tử chết, mà y phải đền mạng nó ba trăm lượng nữa. Tất cả bầy trâu của mà y đều bị tịch thu. Đấy tao xử như vậy đấy, nếu mà y không chịu, thì tao chặt đầu cả nhà mà y ngay tại đây.

Dĩ nhiên Đèo Hiệp chịu.

Song-ưng xử đến viên huyện lệnh:

– Mày là mệnh quan của triều đình, đáng lẽ thấy bọn bán trâu qua biên giới thì phải bắt giam, đem xử tội. Đây mà làm lơ, như vậy là có mắt như mù. Khi Chu Kim đến kiện, đáng lẽ phải truyền bắt giam đứa trộm trâu, truyền trả trâu cho chủ... thì mà y xử ức, che dấu cho kẻ gian, như vậy, hai tay mà vi luật. Nay tao xử chặt hai tay, khoét hai mắt mà y.

Tuyên án xong, Song-ưng cho thi hành ngay tại chỗ. Sau vụ án này, nạn trộm trâu, bán trâu sang Trung-nghuyên ở vùng biên giới chấm dứt ».

Nhà vua than:

– Hỡi ơi! Vụ án lớn như vậy, mà trẫm không biết gì! Số vàng mà tên Đèo Hiệp nộp phạt là một nghìn hai trăm lượng, Song-ưng lấy ba trăm lượng bồi thường cho Chu Kim, vậy còn chín trăm lượng với bầy trâu đâu?

– Tâu, Song-ưng đem số vàng đổi thành bạc, đem chuộc những người con gái trong vùng, bất hạnh phải bán mình làm nô bộc cho nhà giàu, rồi gả cho những người con trai nghèo không có tiền cưới vợ. Còn bầy trâu, thì chia cho nông dân nghèo.

– Như vậy Song-ưng là quan Hình-bộ thượng thư tư rồi. Hoàng nhi hãy thuật thêm vụ nữa.

– Vụ thứ nhì mà thần nhi biết là vụ Song-ưng xử bọn cướp biển ở Hải-Nam xâm nhập vùng Tiên-yên. « ...Thời đức Nhân-tông về trước, luật Tống-Việt định rõ rằng: Khi ngư nhân nước nọ muốn sang lãnh hải nước kia đánh cá thì phải có phép của phủ huyện địa phương. Ngư nhân Hải-Nam tự kết thành bang, mang tên Hải-Nam điếu ngư gọi tắt là bang Hải-ngư. Song là loại cá vừa ngon, lại vừa bổ huyết. Ngư nhân Tống đánh nhiều quá, nên gần đây lãnh hải Tống không còn loại cá này nữa. Họ tràn sang lãnh hải Việt mà đánh. Lúc đầu họ xin phép; mỗi ngày, không cần biết họ đánh được bao nhiêu, một thuyền phải nộp thuế năm chỉ bạc. Thông thường, quan huyện Tiên-yên cho phép hai trăm, đến ba trăm thuyền nhập nội. Từ hai chục năm nay, quan huyện Tiên-yên tham của đút, nên mỗi ngày cho phép từ năm trăm tới một nghìn thuyền Tống vào. Đấy là thuyền nhập cảnh chính thức, chứ thực ra có hàng mấy ngàn thuyền nhập lậu. Bọn Hải-ngư dựa thế quan huyện Tiên-yên, chúng đuổi hết ngư nhân Việt khỏi ngư trường. Vì thế nên ngư dân Việt không còn đất sống nữa, họ cùng nhau kiện lên quan. Nhưng quan không xử thì chớ, mà hễ người nào thưa thì khi ra khơi, đàn ông bị bọn Hải-ngư giết chết, đàn bà thì chúng hãm hiếp rồi quăng xuống biển. Thuyền, lưới, chúng cướp luôn. Như vậy rõ ràng quan huyện Tiên-yên đã báo cho bang Điếu-ngư biết.

Ngư dân Việt khổ khôn cùng, đành nằm trong làng chài mà khóc với nhau. Nhiều gia đình chết đói. Một ngày kia có hơn trăm người đến làng chài tập trung trai tráng lại dạy võ, cùng phương cách đánh nhau trên biển. Rồi trăm võ sĩ đó bảo họ cứ ra khơi đánh cá, sẽ được bảo vệ. Khi đoàn thuyền Việt vừa ra ngư trường, thì bị bọn Hải-ngư vây đánh. Lập tức trăm võ sĩ ra tay, họ tung mình sang thuyền bọn Hải-ngư, thoảng một cái họ đã điểm huyệt hầu hết ngư dân Tống. Trận chiến ngày đầu không ai chết, bị thương cả. Ngư dân Việt kéo hơn năm trăm thuyền Tống, hơn hai nghìn tù mang về

làng chài. Sang ngày thứ hai, thứ ba cũng tương tư. Bọn thủ lãnh bang Hải-ngư thấy ngàn rươi thuyền của mình ra đi không về, chúng kéo đại lực lượng đi tìm. Có ngư dân Tống biết truyện báo cho chúng biết. Chúng cho rằng quan huyện Việt làm truyện này, chúng kéo nhau vào cửa biển Tiên-yên, rồi nhập huyện đường lý luận với quan huyện. Giữa lúc ấy, có ba người đàn ông, một người đàn bà với hơn trăm võ sĩ xuất hiện. Họ nhanh chóng điểm huyệt huyện lệnh, thân binh cùng với bang Hải-Nam điếu ngư. Một người kéo lá cờ có thêu hình hai con chim ưng đang bay qua đỉnh núi. Họ cho triệu tập tất cả ngư dân Việt, Tống lại rồi xử tội: Huyện lệnh với bang chúa, phó bang chúa Hải-ngư bị chặt hai chân, hai tay, khoét hai mắt. Ngư dân Tống nào có giấy phép nhập cảnh thì được tha về, kẻ nào không có giấy phép thì phải nộp phạt số bạc bằng sáu mươi ngày thuế chính thức, và cấm tuyệt không cho vào lãnh hải Đại-Việt đánh cá nữa.

Cuối cùng Song-ưng tuyên án:

– Kể từ nay, bất cứ ngư dân Việt nào nhập lãnh hải Tống, hay ngược lại ngư dân Tống nào nhập lãnh hải Việt, mà không xin phép sẽ bị chặt một tay, tái phạm sẽ bị chặt hai tay, khoét hai mắt.

Số bạc ngư dân Tống nộp phạt thì Song-ưng trao cho những gia đình bị bọn Hải-ngư giết hại.

Từ đấy bọn quan lại vùng Tiên-yên cho tới ngư dân hai bên đều nhất nhất tuân theo phép nước Đại-Việt ».

Thái-hậu hé lén:

– Như vậy là loạn to rồi. Đời thủa nhà ai, bọn cướp lại lộng hành đến như thế được? Chúng công khai hành hình mệnh quan của triều đình, mà triều đình toàn một lũ ăn hại, không biết giữ quốc pháp. Sá gì hai tên cướp Côi-sơn song-ưng, chúng công khai làm phản, mà không ai trị nổi!

Thiếu-sư Lưu Khánh-Đàm biện luận:

– Tâu thái-hậu, những vụ Song-ưng xử như vậy có đến hàng trăm, hàng nghìn. Khi một vụ xảy ra, các quan địa phương thượng biểu về triều, thần cho xét lại chi tiết, tâu lên hoàng thượng. Nhưng Thái-sư bảo để Thái-sư giải quyết, nên chi, chính hoàng thượng cũng không biết gì, thì chư vị đại thần làm sao mà can thiệp vào? Vả lại, mỗi vụ Song-ưng xử, đều căn cứ vào bộ Hình-thư, trùng trọng bọn bất trung, bất hiếu, bọn đạo tặc, bọn tham quan... thì đâu có thể bảo rằng Song-ưng là đồ phản tặc?

Thái-tử tiếp lời Thiếu-sư:

– Thưa thầy, theo như Xưởng nghĩ, thì dường như Song-ưng là hai vị đại hiệp không muốn xuất đầu lộ diện, hết lòng phù trợ cho bản triều, chứ không hề có ý phản bội.

Sau khi nghe thái-tử thuật hai vụ án do Côi-sơn song-ưng xử, nhà vua tuyên chỉ cho Thiếu-sư Lưu Khánh-Đàm:

– Xin Thiếu-sư lục sao lại tất cả những tấu trình về các án do Song-ưng đã xử, rồi đem cho trẫm ngự lâm.

Tô Hiến-Thành hỏi Thái-phó Hoàng Nghĩa-Hiền:

– Thưa quan Thái-phó, không biết Song-ưng thuộc môn phái nào?

– Lão phu là văn quan nên không rõ vụ này. Xin để quan thống-lĩnh Phụng-quốc vệ trả lời.

Một võ quan bước ra quỳ tâu:

– Thần đô thống Đàm Dĩ-Mông, thống lĩnh Phụng-quốc vệ xin kính tâu: Vì võ công Song-ưng quá cao, nên khi ra tay diệt trừ trộm cướp thì chỉ đánh một chiêu đã khiến đối thủ chết rồi. Do thế không

ai biết Song-ưng thuộc môn phái nào? Có người đoán già rằng Song-ưng là người thuộc phái Sài-sơn, bởi chưởng môn phái này là Lê Thúc-Cẩn với vợ là Ngô Lan-Chi có nhiều hành vi quái dị, đi đâu cũng mang theo đàn chim ưng năm con. Lại cũng có người cho rằng, Côi-sơn song ưng là Trần Tự-Hấp với vợ là Bùi Anh-Hoa thuộc phái Đông-a.

Nhà vua hỏi quan Thái-phó Hoàng Nghĩa-Hiền:

– Thưa thầy, thầy là người có qua lại với Trần Tự-Kinh, thầy thấy vụ này ra sao?

Hoàng Nghĩa-Hiền bước ra tâu:

– Thần không tin Côi-sơn song ưng là Trần Tự-Hấp. Bởi Tự-Hấp là con trưởng của đại hiệp Trần Tự-Kinh chưởng môn phái Đông-a. Mà Tự-Kinh là người ôn nhu, nhân từ bậc nhất Đại-Việt, đến giết con gà, con vịt ông còn không nỡ nữa là giết người hàng loạt như vậy. Tự-Hấp là người con chí hiếu, chắc y không thể làm trái với chủ trương của cha.

Tô Hiến-Thành nhăn mặt:

– Thưa Thái-phó, hay là một trong các đệ tử của Tự-Kinh?

– Không! Không thể là đệ tử của ông được. Ông có năm đệ tử được võ lâm tặng cho mỹ danh Đại-Việt ngũ tuyệt. Một là Quách Tử-Minh, chưởng lực tuyệt cao. Hai là Vũ Tử-Mẫn, văn chương tuyệt thế. Ba là Phạm Tử-Tuệ, y học tuyệt minh. Bốn là Cao Tử-Đức, tử vi, nhâm độn, địa lý, bói dịch tuyệt trần. Năm là Trần Tử-Giác tiền thủ tuyệt diệu. Ngoài ra, ông còn nhận thêm một đệ tử út là Tô Trung-Sách. Cả hai con trai, hai con dâu, sáu đệ tử... võ công, đạo đức nức tiếng thiên hạ. Chắc chắn họ không dám làm những gì trái ý sư phụ.

Hình-bộ thượng thư Trần Trung-Tá tâu :

– Thần Nam-sơn hầu Trần Trung-Tá, Tả gián-nghị đại phu, lĩnh Hình-bộ thượng thư kính tâu. Để có thể tìm ra Côi-sơn song ưng, ta không nên bỏ một ai mà không nghi ngờ cả. Xét chung, bản lĩnh Song-ưng cao như vậy, thì phải thuộc về ngũ đại môn phái. Như quan Thái-phó luận thì Song-ưng không thể là người phái Đông-a. Vậy còn lại bốn phái là Mê-linh, Sài-sơn, Tản-viên, Tiêu-sơn... đều phải nghi cả. Phái Tiêu-sơn là nơi xuất thân của Thái-sư, và các đại cao thủ đều là chư tăng. Mà cao tăng phái Tiêu-sơn đều có lòng quảng đại, từ bi, hỷ xả. Vậy Song-ưng không thể là người phái này.

Thái-hậu hỏi:

– Hay là người của phái Tản-viên ?

– Tâu Thái-hậu, cũng không phải.

Hiển-Thành phân giải : Vụ án dinh Thái-sư không thể là người phái này. Bởi hôm qua là ngày đại hội của phái Tản-viên ở Tản-lĩnh, để làm lễ tuyên phong tân chưởng môn Cao Đức-Hòa. Các cao thủ với chư đệ tử đều ở trên Tản-lĩnh cả.

Thái-tử Long-Xưởng hỏi Trung-Tá :

– Vậy chỉ còn lại người của phái Mê-linh, Sài-sơn. Đại-phu cho rằng phái nào đáng nghi nhất ?

– Từ ngày thành lập đến giờ, phái Mê-linh giữ vững tinh thần thời Lĩnh-Nam là không bao giờ can thiệp vào việc đời, việc võ lâm. Đệ tử phái này chỉ can thiệp khi bị ngoại xâm mà thôi. Còn phái Sài-sơn, thì năm mươi năm qua đệ tử phái này chuyên vân du thiên hạ hành y đạo cứu người, không lý gì đến chính sự, cũng như chuyên phái trái của võ lâm.

Long-Xưởng bật cười :

– Rút cuộc ta vẫn không tìm ra căn cước Song-ưng.

Thái-hậu hỏi Tô Hiến-Thành :

- Này Tô Hiến-Thành. Người có cách nào tìm ra Côi-sơn song ưng để trả thù cho Thái-sư không?
- Tüm thái hậu, điều này không khó. Hiện phái Đông-a người nhiều, thế mạnh. Cao thủ của họ có mặt khắp nơi. Bây giờ nhân cái vụ Côi-sơn song ưng giết cả nhà Thái-sư, ta cứ đổ diệt cho phái Đông-a. Như vậy tự nhiên phái này phải sai người điều tra, rồi công bố cho võ lâm biết Song-ưng là ai. Sau đó ta đem quân về làng của chúng, bắt cả nhà Song-ưng cõi ngựa gỗ trả thù cho Thái-sư.

Hoàng Nghĩa-Hiền phản đối:

- Từ hơn trăm năm qua, thời nào phái Đông-a cũng có những nhân tài kiệt hiệt phò tá triều đình. Cho đến nay, uy đức của Quốc-trưởng Tự-An, Kinh-Nam vương Tự-Mai, Quốc-mẫu Thanh-Mai, Mộc-tồn hòa thượng, vẫn còn sáng chói trong tâm trăng họ. Ta không thể, không nên làm chuyện gắp lửa bỏ bàn tay như vậy.

Thái-hậu hừ một tiếng rồi ban chỉ cho nhà vua:

- Hoàng nhi! Kế này của Tô Hiến-Thành hay thực! Hoàng nhi hãy dùng đi. Sá gì bọn vai u thịt bắp Đông-a. Nếu cần, ta đem quân về Thiên-trường làm cỏ bọn này cũng cứ được đi. Ta cần tìm ra Côi-sơn song ưng, rồi đào mồ, cuốc mả mười đời tổ tiên chúng lên, đổ xuống hố phân. Còn ba họ nhà chúng, sẽ cho cõi ngựa gỗ.

Thái-tử Long-Xương trách Tô Hiến-Thành :

- Từ ngày bản triều lập nền chính thống đến giờ, tuy trải qua nhiều năm thăng trầm khác nhau. Nhưng đời nào cũng dùng đức từ bi, hỷ xả của đức Thể-tôn, dùng nhân nghĩa của Khổng-Mạnh cai trị dân. Nay triều đình có trăm quan đều thuộc loại văn mô, vũ lược... mà ta không tìm ra cẩn cước Côi-sơn song ưng, thì hỏi sao có thể tìm ra bọn gian tế, bọn mãi quốc cầu vinh, bọn gian thần tặc tử ? Thái-bảo hiện là Bình-bộ thượng thư, nắm binh quyền trong tay, nhân lực có hàng chục vạn, quyền hành bao trùm Đại-Việt. Thái-bảo phải dâng những lời trung nghĩa, nhân đức lên cho đấng quân phụ, chứ có đâu phủi tay, rồi đổ oan cho môn phái Đông-a. Tin này lọt ra ngoài, thì uy tín triều đình còn gì nữa ? ! ? ! ?

Bị một thiếu niên dùng chính đạo khiển trách giữa triều đình, mặt Hiến-Thành tái xanh. Ông cúi đầu :

- Thần hơi có đôi chút nóng nổi.

Nghe cháu đàm hạch một đại thần bằng đạo lý, thay vì vui mừng, thì mặt thái-hậu tái xanh. Ba quát:

- Câm cái mõm chó lại. Bằng không bà sẽ vã vào miệng bây giờ. Được, nội trong ba năm mà mi không tìm ra Côi-sơn song ưng, thì ta sẽ truất mi xuống làm thường dân, xóa tên trong ngọc diệp. Thôi ta hồi cung.

Thấy mẹ lui về cung, nhà vua như thoát được cái ách, ngài tuyên chỉ:

- Tô thái bảo! Thể bản án Côi-sơn song ưng buộc tội Đỗ Anh-Vũ đâu, xin Thái-bảo đọc lên cho triều đình cùng nghe.

Thấy nhà vua gọi tên của Đỗ Anh-Vũ ra, thay vì gọi là Thái-sư, triều thần không ngạc nhiên. Vì hai chục năm qua, y tư thông với Thái-hậu, áp chế nhà vua, mà nhà vua không làm gì được.

Thấy Hiến-Thành tỏ vẻ ngần ngừ, Long-Xưởng thúc:

- Tôi biết trong bản án ăn có nhiều điều đại bất kính với triều đình. Nhưng này Thái-bảo, dù là bất kính, nhưng sát nhân đã dán khắp kinh thành, thì dân chúng đều biết rồi, vậy ta còn dấu diếm các đại thần làm gì?

Bất đắc dĩ Tô Hiển-Thành phải trình ra một mảnh vải lớn viết đầy chữ. Nhà vua trao cho quan Thái-phó Hoàng Nghĩa-Hiền:

– Xin thầy đọc lên để triều đình cùng nghe.

Hoàng Nghĩa-Hiền cầm mảnh vải đọc:

Côi-sơn song ưng, cáo tri với triều đình, võ lâm, hương đảng Đại-Việt.

Nước Đại-Việt ta, trải qua 88 đời vua Hùng, vua An-Dương, vua Trưng, đã định lập ra một nước văn hiến, có luật pháp, có kỷ cương. Các triều đại gần đây như Đinh, Lê, tuy không lâu dài, nhưng cũng có những năm thịnh trị, luật lệ, phép tắc càng nghiêm hơn, mà phong hóa càng rực rõ.

Kể đến đức Thái-tổ, ứng lòng trời, thuận lòng người lập ra bản triều, dùng đức từ bi hỷ xả của đức Thế-tôn mà cai trị dân. Kể tới đức Thái-tông, Thánh-tông, Nhân-tông... lại dùng Nho làm giềng mối dạy dân, luôn theo lễ nghi của thánh hiền.

Kể từ khi đức Thần-tông băng, quyền vào tay hai con đàn bà ngu xuẩn, được tôn phong cái gọi là Chiêu-Hiếu thái hoàng thái hậu, Cảm-Thánh hoàng thái hậu... đã làm giềng mối xã tắc hỗn loạn, mà kỷ cương, luân thường bị phá bỏ. Đỗ thị trao toàn quyền cho đứa em là Đỗ Anh-Vũ, một ác nhân, văn không thông, binh không biết cầm quân. Trong suốt hai mươi năm qua, hai con đàn bà ngu dốt lăng loàn này, với tên Đỗ Anh-Vũ đã gây ra không biết bao nhiêu tội ác, nay chỉ nêu ra những tội chính:

Một là, chúng ám hại Lê-Thiên hoàng hậu, rồi lại đánh thuốc độc giết chết quan Tả Kim-ngoại đại tướng quân, Vinh-quốc vương Lý Sơn, là thân phụ của Lê-Thiên hoàng hậu. Theo bộ Hình-thư thì phải giết cả nhà.

Hai là, Anh-Vũ tư thông với Cảm-Thánh hoàng thái hậu, làm ô uế noái cung. Theo bộ Hình-thư thì phải giết cả nhà.

Ba là, giả chiếu chỉ sát hại Chiêu-Hòa vương Lý Long-Vũ, vì vương tuân chỉ của hoàng đế bắt Anh-Vũ về tội thông dâm với Cảm-Thánh hoàng thái hậu. Theo Hình-thư thì phải tội lăng trì cùng giết cả họ. Bốn là, sát hại Chiêu-Hiếu thái hoàng thái hậu. Theo bộ Hình-thư thì phải giết cả ba họ.

Năm là, giả chiếu chỉ, giáng truất các hoàng thân Trí-Minh vương, Bảo-Ninh hầu, Bảo-Thắng hầu. Lại sát hại các đại thần Nguyễn Dương, Vũ Đái, Đỗ Aát, Đồng-Lợi và gia thuộc. Theo Hình-thư thì phải giết ba họ.

Sáu là, chúng áp chế vua, giải tán mười hai hiệu Thiên-tử binh là mười hai cây cột chống xã tắc. Theo Hình-thư thì phải tội giết ba họ.

Chúng ta đã điều tra rõ chính phạm, tòng phạm, nay kết án theo Hình-thư: Tám tên chính phạm với Anh-Vũ cho cõi ngựa gỗ. Tất cả vợ, con y đều bị khoét hai mắt, cắt gân tay chân, cắt lưỡi. Các gia nhân ác độc thì bị chém ngang lưng.

Niên hiệu Đại-Định thứ mười chín, mùa Thu tháng tám, ngày rằm.

Nhà vua nghe đọc xong thì mỉm cười:

– Trước đây, ác nhân Đỗ Anh-Vũ hoành hành, mà trẫm chịu bó tay. Đêm đêm, trẫm thường khấn các vị tiên để sao cho Ưng-sơn song hiệp, Mộc-tồn hòa thượng sống lại để trừ khử chúng dùm. Nay nhờ anh linh tiên để phù hộ, mà bọn này bị Côi-sơn song ưng giết, thực là may mắn cho xã tắc. Böyle giờ chư khanh với trẫm hãy xây dựng lại những gì thời đức Thái-tổ, Thái-tông, Thánh-tông, Nhân-tông đã làm.

Thái-tử Long-Xưởng hô:

– Các võ sĩ đâu?

Mười tám người mặc y phục dân dã, tuổi còn rất trẻ, dáng người nhỏ bé, từ ngoài dạ lên, rồi vào điện cúi đầu:

– Xin chờ chỉ dụ của bệ hạ.

Đô-thống Đàm Dĩ-Mông là người chỉ huy Phụng-quốc vệ kinh ngạc vô cùng, vì trong mười tám người, không có người nào y quen mặt cả. Hơn nữa, các Phụng-quốc vệ không được mang vũ khí, mà nay họ đều cầm kiếm.

Thái-tử quát:

– Bắt tất cả bọn gian thần ngay tức thời.

Mười tám người cùng dạ lên một tiếng, rồi ra tay. Các quan thuộc đảng của Anh-Vũ bị điểm huyệt, rồi bị trói. Khi võ sĩ bắt Đàm Dĩ-Mông, y phát chiêu chống trả. Một võ sĩ chỉ đánh có ba chiêu, y đã bị điểm ngã. Mông khiếu oan:

– Tâu bệ hạ, thần vô tội. Nếu thần có tội, thì tội đó do thái-hậu ban cho.

Y quay lại nói với đám võ sĩ:

– Thì ra các người là những cao thủ phái Mê-linh đấy!

Nhà vua truyền chỉ với Thái-phó Hoàng Nghĩa-Hiền:

– Kể từ lúc này, thầy phụ trách chư sự Thượng-thư lệnh, hủy bỏ tất cả luật lệ, hình phạt tàn bạo do Anh-Vũ đặt ra. Chúng ta trở lại với thời đức Nhân-tông. Truy phong, phục hồi chức tước cho tất cả những người bị y hại, phàm tài sản sung công thì trả cho oan chủ. Tài sản của Anh-Vũ, thì tịch thu tận số sung công. Lại giao cho bộ Hình xét tội trạng phe đảng của y, đem xử cho nghiêm chính pháp.

Nhà vua tuyên chỉ cho Thiếu-sư Lưu Khánh-Đàm:

– Thiếu-sư là cố mệnh đại thần từ đời đức Nhân-tông, nay xin thay thế Anh-Vũ, lĩnh Thái-sư, quản Khu-mật viện, lĩnh Phụ-quốc thái-úy, mau mau phục hồi Khu-mật viện, cùng chỉnh đốn lại các hiệu Thiên-tử binh.

Khánh-Đàm lĩnh mệnh.

Nhà vua gọi một võ quan:

– Tả lãnh vệ thượng tướng quân.

Võ quan ấy bước ra tâu:

– Thần, Phí Công-Tín, Tả lãnh vệ thượng tướng quân, thống lĩnh hiệu binh Kinh Bắc, tước Trung-dũng bá xin chờ chỉ dụ của bệ hạ.

– Trẫm phong khanh lên hàm Thiếu-bảo. Trong khi chờ đợi thiết lập lại cấm-quân, thị-vệ, trẫm giao cho khanh giữ chức Điện-tiền chỉ huy sứ. Khanh hãy đem hiệu binh Kinh Bắc về để bảo vệ Hoàng-thành. Thôi bãi triều!

Nhạc tấu bản Long-hồi:

*Kỳ nghi bất thắc,  
Túc ung hòa minh,  
Tỷ tập hy vụ thuận hối,  
Thọ khảo thả ninh,  
Lệnh văn bất dĩ,*

*Duật tuấn hữ thanh.*

*Thiên-tử vạn niên,*

*Phúc lộc lai thành.*

Dịch:

Cung đình chính lễ,

Đầy đủ hòa minh,

Phúc tốt sáng rực,

Thọ bền an ninh.

Thanh truyền vô tận,

Tốt bền dài lâu.

Thiên tử vạn năm,

Phúc lành đến mãi.

Đại-Định hoàng-đế dắt tay thái-tử Long-Xưởng hồi cung. Tới cung Chiêu-Linh, hoàng hậu ra đón.

Vừa thấy hậu, nhà vua nắm lấy tay:

– Hậu thực là Linh-Nhân hoàng thái hậu tái thế. Những gì hậu luận bàn cùng trẫm đã diễn ra không sai một chút nào. Có điều Xưởng nhi mẫn tuệ khác thường, trẫm là cha, mà không biết, thực đáng trách. Bây giờ ác nhân chết rồi, hậu với trẫm có rất nhiều việc phải làm, để tái phục hồi những gì từ thời đức Nhân-tông, nay đã mất.

Chiêu-Linh hoàng hậu truyền cung nữ dâng trà cho nhà vua. Hậu tâu:

– Từ hồi bản triều ngự chính thống đến giờ, đều có lệ: Khi một hoàng tử sinh ra, lập tức được phong chức tước, rồi khi đã trên mười tuổi thì cho mở phủ đệ riêng, để có thể thiết lập Đông-cung quan, phụ giúp phụ hoàng thi hành chính pháp. Nay Xưởng nhi tuy mới tám tuổi, nhưng thông tuệ khác thường, học một biết mười, thiếp cũng xin bệ hạ ban chỉ cho Xưởng nhi mở phủ đệ, hầu phụ giúp bệ hạ trong dịp phục hưng này.

– Hậu luận đúng. Ngay ngày mai, trẫm sẽ ban chỉ phong chức tước cho Xưởng nhi, còn việc mở phủ đệ riêng, thì chưa thể, vì Xưởng nhi mới tám tuổi.

Long-Xưởng thấy cha mẹ khen mình, thì xen vào:

– Tâu, thần nhi nghĩ, trên đời này không ai có thể phụ giúp phụ hoàng đắc lực, trung thành, tận tụy bằng mẫu hậu. Phụ hoàng nên học theo đức Thánh-tông dùng Linh-Nhân hoàng thái hậu, mà dùng mẫu hậu như một đại học sĩ, để hôm sớm cùng nhau luận bàn quốc sách. Nay thần nhi chưa được mở phủ đệ riêng, thì thần nhi xin chầu hầu phụ hoàng sớm tối để học phép trị dân, thì cũng như mở phủ đệ riêng vậy.

Nhà vua xoa đầu Long-Xưởng:

– Được, phụ hoàng sẽ làm như con tâu.

Ngự trù dọn cơm lên. Người điều khiển cung nga thái giám dâng cơm là một cung nữ câm, nhưng không điếc. Nhà vua liếc nhìn ả: Mặt bị méo, lưng bị gù, sau cổ gồ lên cái bướu, nhưng da trắng mịn, môi hồng, minh hạc, xương mai chân tay dài, lưng ong ngực nở, dáng đi thướt tha. Nhà vua nhìn ả như muốn hỏi lý lịch. Hoàng-hậu tâu :

– Đó là một đứa con gái bất hạnh, cha làm thầy lang ở Gia-lâm. Thỏa nhở nó cũng được học chữ, lầu thông Thi, Thư. Năm mười tuổi chẳng may bị trúng gió, mặt bị méo, lưng bị gù, rồi mọc ra cái bướu.

Cha nó thương tình dạy cho nó nghề tẩm quất. Thứ thiếp của Lại-bộ thượng thư Đỗ An-Di là Trịnh Nam-Phương đem tiền mua về làm tỳ nữ. Khi em của thượng thư là Đỗ Thụy-Châu tiến cung thọ hoàng ân phong Thực-phi thì mang nó theo. Thiếp thấy nó cần cù, chăm học, lại có tài tẩm quất thì thương lắm. Thực-phu dâng cho thiếp. Ngoài tài tẩm quất ra nó còn có tài nấu nướng. Bất cứ món nào của Trung-hoa, của Đại-Việt nó đều biết làm. Vì vậy thiếp cho nó trông coi việc ẩm thực trong cung Chiêu-linh. Thiếp đặt tên nó là Á-tỳ (người đầy tớ câm).

Tuy tài năng nhà vua bình thường, nhưng ngài lại có con mắt tinh đời trong việc tuyển giai nhân. Ngài mỉm cười với hậu :

– Thực đáng thương, mà cũng thực đáng tiếc. Giả như mặt nó không bị méo, lưng nó không bị gù, thì nó thực là một giai nhân phải làm nhà vàng cho ở. Kìa, hậu nhìn xem, cặp chân dài, cái lưng ong, ngực nở dáng đi mềm mại thế kia, thì trong hậu cung chỉ có Giai-phi Chế-bì La-bút là sánh được mà thôi.

Nhà vua ngồi ăn với hoàng-hậu, thái-tử .

Nhà vua hỏi:

– Này hậu, đêm qua, hậu cho trẫm biết chi tiết cái tin ác nhân Anh-Vũ bị giết cả nhà. Rồi hậu xếp đặt mọi chuyện. Trong lúc khẩn cấp, trẫm nhất nhìt nghe lời hậu mà thành công. Nay trẫm có thắc mắc: Tin đó, cuối canh năm phủ thừa Thăng-long mới biết, mà sao canh ba hậu đã biết mà tâu với trẫm? Lại nữa, hậu kiểm đâu ra mười tám võ sĩ bản lĩnh thực không tẩm thường, mau chóng bắt gọn phe đảng ác nhân Đỗ Anh-Vũ, bằng không thực khó mà kiểm chế được chúng.

Hoàng-hậu chưa kịp trả lời, thì thái-tử Long-Xưởng đã chỉ ra cây hoa ngọc lan ngoài sân, trên đó có đôi chim ưng đang rỉa lông:

– Tâu phụ hoàng, chính Côi-sơn song-ưng đã sai chim ưng báo cho mẫu hậu biết, để mẫu hậu chuẩn bị kịp.(1)

Đêm qua, lúc đầu canh ba, Chiêu-Linh hoàng hậu, cùng thái-tử Long-Xưởng đánh thức nhà vua dậy báo cho biết một biến cố quan trọng: Toàn gia ác nhân Đỗ Anh-Vũ đã bị Côi-sơn song-ưng xử tử tại gia. Đội Phụng-quốc vệ duy nhất được mang vũ khí, không còn ở Thăng-long nữa. Đây là dịp may có một không hai để nhà vua nắm lấy quyền hành. Nhà vua nhìn quanh cung Chiêu-Linh, thấy có đội võ sĩ, mặc y phục thị vệ, lưng đeo bảo kiếm, khí thế rất hùng tráng, càng ngạc nhiên.

Trước một tin quan trọng, dồn dập như vậy, tuy mừng nhưng không biết phải phản ứng ra sao, nhà vua hỏi hậu:

– Bây giờ trẫm phải làm gì?

– Ngay sáng mai, bệ hạ phải làm ba việc. Một là cái tin Anh-Vũ bị giết, thì quan Thái-phó Hoàng Nghĩa-Hiền sẽ xin thiết đại triều để nghe phủ thừa Thăng-long tâu trình kết quả điều tra. Chắc chắn thái-hậu sẽ buông màn thính chính. Thái- hậu có tuyên chỉ gì chăng nữa, bệ hạ cũng cứ ừ hự cho qua. Đợi khi người hồi cung rồi, bấy giờ bệ hạ mới hành động. Hai là, các quan trong triều hiện chia ra làm ba loại. Loại một, gồm những vị trung lương, có tài lưỡng đống, không chịu theo phe đảng Anh-Vũ, như Thái-phó Hoàng Nghĩa-Hiền, Thiếu-sư Lưu Khánh-Đàm... Khi những vị này tâu gì, nói gì, bệ hạ luôn mỉm cười, ban lời khuyến khích sau đó lấy tất cả chức tước quyền hành của Anh-Vũ với phe đảng của chúng trao cho họ. Loại hai, là những người vốn có tài, có đức, nhưng vì muốn có quyền, muốn yên thân, a dua theo ác nhân... loại này bệ hạ nên vuốt ve, an ủi, để họ giữ lòng trung,

nhưng không trao cho quyền hành gì khác. Loại ba, là loại a dua theo phe đảng của ác nhân, thì đa số bị Song-ưng giết tại nhà Anh-Vũ rồi. Bọn còn lại, bệ hạ hô võ sĩ kiềm chế tức khắc, rồi trao cho bộ Hình xử theo luật. Ba là, hiện bệ hạ không có thị vệ, ngự lâm quân để giữ Hoàng-thành, phòng Thăng-long. Vậy ngay bây giờ, bệ hạ ban mật chỉ cho tướng quân Phí Công-Tín, cấp tốc đem đạo binh Kinh-Bắc về Thăng-long; sao cho trong lúc thiết triều, thì đạo quân đó bao vây dinh thự phe đảng ác nhân, kiềm chế vợ con chúng để phòng bất trắc.

Nhà vua mừng lắm, cầm bút viết mật chỉ cho Phí Công-Tín liền, rồi trao cho hoàng-hậu. Hoàng hậu gọi một cung nữ thân cận, nguyên là đệ tử đồng môn của phái Mê-linh, được đưa vào cung từ lâu, tên Khánh-Mỹ, đưa thẻ bài cho nó rồi dặn:

– Sư muội cầm mật chỉ này, vượt cửa Đan-phượng, rồi tìm đến dinh Phí tướng quân trao cho người. Nhắc lại, tính mệnh sư muội có thể mất chứ mật chỉ này không thể để lọt ra ngoài.

Nhà vua vẫn lo lắng:

– Thông thường khi trẫm thiết triều thì có một đội Phụng-quốc vệ của Anh-Vũ ứng trực canh phòng. Nay đội đó bị Anh-Vũ đưa lên vùng Tản-viên, trẫm không có võ sĩ để bắt bọn phe đảng của y, làm sao bây giờ? Mà ví dù đội đó có ứng trực chăng nữa, khi trẫm ban chỉ bắt phe đảng Anh-Vũ, chúng cũng không tuân. Hậu có nhớ trước đây, trẫm từng truyền chúng bắt Anh-Vũ, mà chúng bắt tuân, đến nỗi trẫm phải nhờ Chiêu-Hòa vương Lý Long-Vũ không?

– Thiếp đã trù liệu cả rồi.

Hậu chỉ vào đội cung nữ trong võ phục thị vệ: Đây là những nữ cao thủ, mà thiếp đã đưa vào cung từ lâu. Một người có thể địch trăm người. Suốt đêm nay họ ứng trực tại đây để bảo giá. Sáng mai, khi bệ hạ lâm triều, họ sẽ ứng trực ngoài điện Càn-nghuyên. Khi bệ hạ cần bắt một gian thần nào, bệ hạ cứ hô một tiếng họ sẽ tuân chỉ thi hành ngay.

Thế rồi buổi thiết triều diễn ra đúng như Chiêu-Linh hoàng hậu ước tính. Phe đảng Anh-Vũ bị bắt gọn vẹn. Cuộc dẹp loạn thành công, không tốn một mũi tên, không đổ một giọt máu. Bây giờ nhà vua đã nắm trọn quyền hành. Ngài đưa mắt nhìn hoàng hậu, long tâm nghĩ thầm:

– Hỡi ơi, trước đây ta chỉ biết rằng hậu là người xinh đẹp, ôn nhu văn nhã, ta tuyệt không ngờ hậu lại có tài thao lược đến như thế. Chính ngay thái-hậu, Anh-Vũ, thường ngày gặp hậu, thường ngày qua cung Chiêu-Linh, mà cũng không biết tới những gì hậu chuẩn bị. Nhưng tại sao hậu lại quen biết với Côi-sơn song-ưng, kể cũng lạ. Ta phải từ từ tìm hiểu mới được.(2)

Thình lình, một người bịt mặt từ trên nóc cung nhảy xuống như con chim đại bàng, chụp nhà vua.

Nhà vua kinh hãi, la lên một tiếng, đành nhắm mắt chờ chết.

Hồi còn niên thiếu, nhà vua có học võ với Chiêu-Hòa vương Lý Long-Vũ. Nhưng sau sáu tháng, xảy ra vụ Anh-Vũ thông dâm với thái-hậu, nhà vua truyền thị vệ bắt y, nhưng tất cả thị vệ đều là người của y, nên chúng không tuân chỉ. Ngài xin vương bắt y. Vương phải đánh trên trẫm hiệp mới bắt được. Vương điểm huyệt y, trao cho nhà vua. Nhưng y được thái hậu ân xá. Ngay hôm sau, y giả chiếu chỉ, sai Phụng-quốc vệ giết Long-Vũ. Kể từ đấy, để đề phòng trường hợp tương tự xảy ra cho người tình, thái hậu cấm nhà vua tập võ. Cho nên hôm nay, bị thích khách dùng hổ trảo chụp, kình lực mạnh vô cùng, nhà vua chỉ biết dùng hai tay ôm đầu, nhắm mắt chờ chết.

Hoàng hậu quát lên một tiếng, bà phát chưởng tấn công vào thích khách, khiến y bỏ nhà vua quay về tự cứu mình. Quả nhiên, thích khách nhảy lùi ba bước để hóa giải kình lực của hậu, rồi phát chiêu đỡ. Bopor một tiếng, cả hoàng hậu lẫn thích khách đều bật lui lại sau ba bước. Thích khách khen:

– Võ công Mê-linh! Khá lắm!

Nói rồi y đánh một chiêu thẳng vào ngực bà, cử chỉ cự kỳ khẩn. Hoàng hậu dùng tay trái gạt tay đối thủ, tay phải đấm thẳng vào mặt y. Y trầm người xuống tránh đòn rồi vọt mình lên cao. Ở trên cao, y dáng thẳng xuống một chưởng. Hoàng hậu xuất chiêu Kình-ngư thẳng thiên trả đòn. Hai người quấn lấy nhau giao đấu.

Các cung nga, thái giám đều dương mắt lên nhìn cuộc giao đấu, trong khi Á-tỳ cầm thanh củi tạ nhảy đại vào phang thích khách túi bụi.

Long-Xưởng đứng ngoài truyền lệnh cho thái giám:

– Các người không có vũ khí, thì vào bếp lấy dao, lấy củi ra vây lấy thích khách.

Nói dứt Long-Xưởng lấy thanh Thượng-phương bảo kiếm của phụ hoàng nhảy vào vòng chiến.

Vừa lúc đó có, tiếng viên thái giám phòng kính sự hô lớn:

– Thánh giá thái-hậu giá lâm!

Nhà vua, Long-Xưởng vội hành lễ.

Mặt Cảm-Thánh thái-hậu lạnh như tiền:

– Các người bình thân.

Phía sau bà có hai thái giám, một mập, một gầy; hai cung nữ giống nhau như hai giọt nước. Thấy năm người không hành lễ với nhà vua, hoàng hậu; thái-tử chất vấn:

– Các người tên là gì? Nhập cung từ bao giờ? Các người có biết đây là đâu không, mà vô lễ đến như vậy?

Mặt bọn chúng lạnh như tiền, tất cả đều cười nhạt, tỏ ý khinh rẻ.

Thái-hậu nhìn hoàng-hậu giao chiến với thích khách bất phân thắng bại, bà hất hàm cho viên thái giám gầy:

– Thắng Ba vô dụng quá. Thắng Hai ra tay đi thôi.

Thắng Hai dạ một tiếng rồi chắp tay lại như lễ Phật, rồi xỉa vào giữa hoàng hậu với thích khách. Bùng một tiếng, cả hoàng hậu, lẫn thích khách cùng bật lui lại ba bước mới đứng vững. Thích khách cười nhạt rồi khoanh tay lại đứng sau thái-hậu, thái độ ung dung coi khinh mọi sự.

Cử chỉ của thắng Hai, thắng Ba khiến cho nhà vua, hoàng-hậu, thái-tử biết rằng chúng là người của thái-hậu sai tới.

Thái-hậu quắc mắt nhìn Long-Xưởng, rồi vung tay tát nó một cái. Long-Xưởng trầm người xuống tránh khỏi.

Một cung nữ, bật lên tiếng ủa, rồi nói:

– Đây là thân pháp Mê-linh.

Thái hậu lại vung tay túm tóc Long-Xưởng. Long-Xưởng thụp người xuống, rồi lộn một vòng, y đã tránh được thế chụp của thái-hậu.

Cung nữ lại lên tiếng:

– Cũng vẫn là thân pháp Mê-linh.

Thái-hậu quát:

- Mi...Mi có đứng im không?
- Tâu tổ mẫu, thần nhi không có tội gì!

Thái-hậu hất hàm ra lệnh:

- Thắng Ba, kiềm chế nó.

Tên thích khách cúi đầu:

- Tuân chỉ thái-hậu!

Thấp thoáng một cái, y đã lặng người tới cạnh Long-Xưởng. Tay phải vung ra, y túm cổ áo Long-Xưởng, nhắc bổng lên ; tay trái điểm huyệt nó, đem đến trước mặt Thái-hậu, rồi ném xuống nền cung.

Nhà vua, hoàng-hậu cùng quỳ gối:

- Xin mẫu hậu mở từ tâm tha tội cho Xưởng nhi.

Thái-hậu ngồi xuống chiếc long-ỷ, tuyên chiêu:

- Các người bình thân.

Thinh lình hai bàn tay hoàng-hậu lạnh ngắt, xám đen, sưng lớn, rồi đau đớn khủng khiếp. Hậu nghiến răng để khỏi bật thành tiếng rên la.

Thái-hậu chỉ vào mặt Long-Xưởng hỏi hoàng-hậu:

- Ta hỏi các người: Trước đây ta đã ban chỉ cấm ngặt các hoàng tử, công chúa, cung nga, thái giám tập võ; lại cũng cấm tuyển nữ quan, cung nga, thái giám biết võ. Vậy thắng này đã học võ với ai? Học ở đâu?

- Tâu mẫu hậu, Xưởng nhi có học mấy cái múa của một tên Phụng-quốc vệ cho thân thể mạnh khỏe mà thôi.

Mặt thái hậu càng cau có, khó coi:

- Mấy cái múa! Rõ ràng võ công của nó là võ công Mê-linh. Ta hỏi mi, thắng Phụng-quốc vệ đó tên gì, ở hỏa đầu nào?(3)

Hoàng hậu luống cuống:

- Tâu...Tâu...

Long-Xưởng bình tĩnh trả lời:

- Tâu, hài nhi học với mẫu hậu. Mẫu hậu là đệ tử phái Mê-linh, nên võ công của hài nhi là võ công Mê-linh, thì có chi lạ?

Thái-hậu chỉ mặt hoàng-hậu:

- À, thì ra thế, mi là đệ tử phái Mê-linh đấy. Giỏi! Mi nhập cung kể đã mười năm dư, ta là chúa Hoàng-thành, trong Hoàng-thành có một đại hành gia mai phục, mà ta không biết gì! Kể ra bản lĩnh che dấu của mi cũng cao siêu đấy chứ! Ta có lời khen mi. Quân này to gan thực!

Long-Xưởng biện luận:

- Tâu thái hậu, Mê-linh là một danh môn chính phái. Thời Thuận-thiên vua bà Bình-Dương từng làm chưởng môn, rồi Linh-Nhân hoàng thái hậu cũng là đệ tử của phái này. Mẫu hậu có học võ công Mê-linh, thì thái hậu phải vui mừng mới phải chứ? Có đâu lại coi như một trọng tội?

Thái hậu vung tay tát Long-Xưởng một cái, rồi chỉ tay vào hoàng-hậu:

- Câm cái mõm lại. Mi còn mở miệng ra, thì lập tức ta phế cái ngôi vị hoàng-hậu của con mẹ mi, dĩ nhiên mẹ bị phế thì con bị truất. Ta sẽ lập hoàng-hậu, thái-tử mới. Mi có hiểu không?

Bà quay lại nói với nhà vua:

– Còn hoàng nhi! Hôm nay, người cho đọc bản án của Côi-sơn song ưng lên giữa triều đình để làm nhục ta, làm nhục thái sư. Mi làm nhục ta thì còn có thể tha thứ được, chứ mi làm nhục thái sư thì không thể tha thứ cho mi.

Bà bật lên tiếng khóc, chỉ vào hoàng-hậu:

– Từ sáng đến giờ, ta cứ thắc mắc mãi rằng: Cái vụ Song-ưng giết cả nhà thái sư, mà tại sao mi lại biết trước ta? Ngay cái việc mi mật tổ chức đội thị vệ, do ai giúp mi; chứ cái mă như mi, thì không thể làm được. Böyle giờ ta mới biết là do con này!

Từ khi lên ngôi, nhà vua bị mẹ lấn quyền, áp chế đã lâu. Mỗi khi bà mắng, chửi, không cần biết có lỗi hay không; bà bắt nhà vua phải cúi đầu, ngậm miệng, không được biện luận. Riết rồi thành quen. Böyle giờ bị bà kết tội, ngài chỉ biết im lặng chịu trận.

Bà hô lớn:

– Đem chúng ra!

Một đội võ sĩ giải 18 người bị trói từ phía sau cung đi ra. Thoáng nhìn, hoàng-hậu phát run, bởi đó là 18 võ sĩ của phái Mê-linh gửi giúp hậu, bấy lâu nay tiềm ẩn ở trong cung. Vừa rồi chính đội này đã giúp hậu bắt hết gian đảng của Anh-Vũ tại triều. Không hiểu bằng cách nào, bà đã chuyển bại thành thắng, bắt trọn đám này.

Thái-hậu nói với nhà vua:

– Mi tưởng với mấy thế võ mèo cào của con vợ mi, với mấy cái bị thịt, nó đem vào trong cung, mà có thể khống chế được ta u? Khó lắm.

Đến đây hoàng-hậu đau đớn quá, bà cúi gập người lại, bật lên tiếng rên :

– Ái! Đau. Ái...

Bọn thằng Cả, thằng Hai, thằng Ba, và hai cung nữ theo hầu thái-hậu nhếch một nụ cười nửa miệng, tỏ vẻ khoan khoái.

Thái-hậu cười nhạt :

– Mi đã luyện võ, hẳn mi biết rằng tại sao mi đau đớn như vậy chứ ?

– Ái! Tâu... Tâu dường như là Huyền-âm chưởng.

– Đúng vậy.

Nhà vua với hoàng-hậu phát run. Thái-hậu gằn từng tiếng :

– Chỉ vì ta khinh thường hai đứa mi, mà mi thành công trong chốc lát sáng nay. Nhưng ta chỉ việc trở bàn tay một cái là mọi sự lại đâu vào đó. Ta đã ban chỉ cho Phí Công-Tín đem quân trở về Kinh Bắc rồi. Ta lại thả tất cả các quan bị bắt hôm nay, và ban chỉ rằng tự hậu họ không thống thuộc cái gọi là triều đình của mi nữa, mà trực thuộc cung Cảm-Thánh của ta. Mi hiểu không?

– Dạ.

– Việc thái sư qua đời rồi ta bỏ qua. Böyle giờ ta cho mi chọn một trong hai con đường.

– Xin mẫu hậu tuyên chỉ.

– Con đường thứ nhất, mi phải tuân theo ba điều. Một là, kể từ nay, mọi sự trong Hoàng-thành này, hoàn toàn do ta làm chủ. Tuyệt đối mi với hoàng-hậu không được xen vào. Hai là, mi phải ban chỉ thu nhặt hài cốt thái sư với gia đình đem chôn cất tử tế; lại tuyệt đối không cho bất cứ hoàng tử,

công chúa, cung nga, thái giám luyện tập võ nghệ. Ba là, những gì ta làm cho ích quốc, lợi dân, triều đình phải tuân theo, không được chống đối.

Bà chỉ tay vào mặt hoàng-hậu :

– Nếu mi tuân thì ta sẽ cho nó thuốc giải. Bằng không, nó sẽ đau đớn cùng cực trong 49 ngày rồi chết.

Thấy nhà vua còn trì nghi, thái hậu nỗi giận chỉ vào hoàng-hậu với Long-Xưởng:

– Con đường thứ nhì là, nếu như mi không tuân, thì ta sẽ ban chỉ phế mi xuống, lập một người khác lên thay. Mi tưởng trong thế gian này, chỉ mình mi làm vua được sao? Dĩ nhiên khi mi bị phế, thì ta cũng phế y thị xuống làm cung nữ, rồi cũng phế thằng nhóc con xuống. Mi biết đấy, đất không hai mặt trời, nước không hai vua... Sau đó cái gì sẽ xảy ra thì bọn mi tự đoán lấy!

Nhà vua đành cúi đầu:

– Thần nhi xin tuân chỉ mẫu hậu.

Thái-hậu đứng dậy hô:

– Ta đi thôi.

Ba thái giám, hai cung nữ nhìn nhà vua, hoàng-hậu; cười nhạt, rồi theo thái-hậu rời cung Chiêu-Linh.

### **Ghi chú của thuật giả.**

(1) ĐVSKTT, Lý kỷ Anh-tông kỷ, chép về vua Lý Anh-tông như là một người nhu nhược, lén ngôi vua khi còn bế đứa. Tất cả giáo dục của nhà vua đều do bà là Chiêu-Hiếu thái hậu họ Đỗ, mẹ là Cảm-Thánh phu nhân họ Lê, trông coi. Mà khốn thay, hai bà vốn tham dâm, ngu độn, hủ lậu, ích kỷ. Đỗ thái hậu chỉ biết có họ hàng nhà mình, trao quyền cho đứa em ác độc, bất tài. Lê thị, đã thất học, lại dâm đãng, không biết đến vận mệnh của xã tắc, cũng chẳng đoái hoài tới sự nghiệp triều Lý, chỉ biết có tình nhân Đỗ Anh-Vũ. Bà đang tâm sát hại không biết bao nhiêu người. Bị bà, rồi mẹ, rồi Anh-Vũ kiềm chế, hóa cho nên nhà vua trở thành người đàn độn, ù lỳ. Nhà vua biết rõ Anh-Vũ tiếm quyền, mẹ áp chế, nhưng không biết làm sao thoát ra.

May mắn thay, nhà vua được bà vợ chính là Chiêu-Linh hoàng hậu, vốn thông minh, có học, có chí khí; lại được con trưởng là thái-tử Long-Xưởng, mẫn tiệp, đa năng ở cạnh... phò tá, nên sự nghiệp triều Lý còn kéo dài thêm được bốn mươi năm nữa.

(2) Sự việc này ĐVSKTT, Lý kỷ, Anh-tông kỷ chép giản dị:

Niên hiệu Đại-Định thứ 19, Mậu-Dần (DL.1157); Tống, Thiệu-Hưng năm thứ 28, mùa Thu, tháng 8, Đỗ Anh-Vũ chết. Sai Thiếu-bảo Phí Công-Tín tuyển dân đinh, định các hạng, và lấy người sung vào việc thờ kính ở sơn lăng. Chỉ độc giả Anh-hùng Đông-a mới biết rõ chi tiết mà thôi.

(3) Hỏa đầu là một đơn vị thuộc Phụng-quốc vệ, do Đỗ Anh-Vũ đặt ra, tương đương với ngày nay là tiểu đoàn.

Hồi thứ ba  
**Đền thờ vua Trưng**

Niên hiệu Đại-Định thứ 21, đời vua Anh-tông của Đại-Việt,  
bên Trung-nguyên là niên hiệu Thiệu-Hưng thứ 30,  
đời vua Cao Tông đời Nam Tống  
(Canh Thìn DL. 1160)



Hình chụp đền thờ vua Trung, nay tọa lạc tại quận Hai Bà Trưng, Hà-nội



Tượng thờ nữ đại công thần từ trái sang phải:

1. Bà Hoàng Thiều Hoa,
2. Bà Phùng Vĩnh Hoa,
3. Bà Trần Quốc,



## Tượng thờ vua Trung

Theo hội điển sự lệ của triều Lý, thì hằng năm nhà vua sẽ ban đại yến cho hoàng tộc vào các ngày đản sinh, ngày kỵ của năm vị tiên tiên đế, năm vị hoàng hậu; ngày lễ Càn-nghuyên (sinh nhật của vua); các ngày tết Nguyên-dán, Hàn-thực, Trung-nghuyên, Trung-thu. Lại ban tiểu yến vào ngày đầu của tiết khí. Mỗi năm có 24 tiết khí, nên có 24 buổi tiểu yến. Cộng chung là 39 buổi.

Theo luật cung đình thời Lý, thì mỗi tiết khí đến, trăm vạn loại chim muông, hoa quả nảy nở, quan Thái-sử lệnh thuộc bộ Lễ sẽ ban lệnh cho các vùng tiến phuong vật cho nhà vua. Mỗi vùng sẽ dâng những đặc sản mà vùng khác không có, hoặc có nhưng kém phẩm chất. Các vị An-phủ sứ, Tuyên-vũ sứ vùng ấy, sẽ dâng thời trân của vùng mình lên Thiên-tử. Như trấn Đông-triều, sẽ dâng Đông trùng hạ thảo (1) vào tiết Tiểu-hàn. Trấn Thiên-trường dâng chuối thơm vào tiết Đông-chí. Trấn Trường-yên dâng rươi vào tiết Hàn-lộ. Những buổi ban yến này mục đích để nhà vua và hoàng tộc thắt thêm tình thân huyết tộc. Từ khi Đỗ Anh-Vũ chuyên quyền, thì lệ này bãi bỏ.

Năm nay, Đỗ Anh-Vũ bị giết rồi, nhà vua nghe lời khuyên của thái-tử Long-Xưởng, ngài tuyên chỉ tái thiết lệ cũ. Buổi ban yến đầu tiên nhằm tiết Hàn-lộ. Khác với mọi năm, năm nay gió hanh may tới trễ, mà mùa rươi lại tới sớm. Quan An-vũ sứ trấn Trường-yên vội sai ngựa lưu tinh phi như bay, đem về dâng cho nhà vua hơn một yến, loại rươi thực lớn. Viên thái giám phụ trách ty Thượng-thiện tiếp nhận rươi rồi bắt tay vào làm yến rươi tức thì. Yến rươi gồm có năm món chính: Chả rươi, mắm rươi, rươi xào, rươi chưng, rươi hấp.

Hoàng-hậu thân dẫn cung nga, mang mỗi loại một bát lớn, đến cung Cảm-Thánh dâng cho thái-hậu, rồi ban chỉ triệu hoàng tộc vào cung Long-hoa để cùng hưởng món thời trân. Tuy nói rằng hoàng tộc, chứ thực ra chỉ bản thân, vợ, con, cháu của: Các hoàng tử, các tước vương, công, hầu, các công chúa, phò mã mới được hưởng đặc ân này mà thôi. Sau buổi yến, hoàng-hậu sẽ ban vàng, ngọc, lụa cho con cháu trong hoàng tộc mới ra đời trong năm.

Theo luật lệ của các triều đại Việt xưa, ngoài hoàng-hậu ra, nhà vua còn có nhiều bà vợ, mang chức tước khác nhau. Số các bà vợ này không nhất định. Ít thì vài, ba chục, nhiều có thể tới ba nghìn. Đại-Định hoàng-đế tuy bị bà nội, mẹ đẻ, Anh-Vũ áp chế, tạo ngài thành một người trì nghi, không chí khí, không quyết đoán, u lì, chỉ biết hưởng thụ. Nhưng trời ban cho nhà vua cái đặc ân là việc phòng the thì ngài rất khỏe. Ngoài hoàng hậu ra, ngài có sáu bà phi là Thần-phi, Quý-phi, Thục-phi, Đức-phi, Hiền-phi, Giai-phi; khoảng hơn hai chục bà ở vai thấp hơn như Tu-dung, Tu-nghi, Phu-nhân. Đây là các bà Việt. Ngài cũng nạp thêm con gái của các động trưởng vùng Bắc-cương, các thiếu nữ người Lào, người Chàm. Theo TTCTBK thì ngài rất thích con gái người Chàm. ĐVSKT chép: Niên hiệu Đại-Định thứ 15, mùa Đông, tháng mười (Giáp-Tuất, DL. 1154) vua Chiêm là Chẽ-bì La-bút dâng con gái, nhà vua thu nạp và phong ngay làm Nam-phương phu nhân, lại ban cho hiệu là Chiêu-đức huyền quân (Nàng tiên có nhiều đức) sau thăng lên Giai-phi. Giai-phi là người đẹp nhất trong hậu cung, nàng lại lâu thông Thi, Thư, đàn ngọt hát hay nên được nhà vua sủng ái nhất. Ngoài ra ngài còn hàng mấy chục bà ở bậc Tu-dung, Tu-nghi, Phu-nhân đều có cung riêng. Trong những cung ấy, các bà có thái giám, cung nga hầu hạ. Tuy các cung nga làm nhiệm vụ hèn hạ, nhưng bất cứ lúc nào, nhà vua thấy một cung nga... coi ngon mắt, thì vẫn có thể đem về chỗ ngủ riêng của mình để ngự. Chỗ ngủ riêng của nhà vua gọi chung là tẩm cung. Tẩm cung của các vua nhà Lý là cung Long-thụy (Long là rồng, thụy là ngủ). Khi một cung nga, được vua ngự, thì gọi là được ban hồng-ân. Thường, một cung nga sau lần được ban hồng-ân, nhà vua sẽ ban chế thăng chức cao hay thấp tùy ý. Lại ban chỉ xây cung điện riêng cho ở, cấp thái giám, cung nữ hầu hạ. Cho nên nhà vua có rất nhiều con. Long-Xưởng có cái may là hoàng nam đầu tiên, lại do hoàng-hậu sinh ra, nên được phong làm thái-tử. Sau Long-Xưởng, nhà vua còn có thêm ba hoàng tử, chín công chúa nữa. Trong mười hai người em đó, không có người nào cùng mẹ với Long-Xưởng.

Biết rằng mình là con cả, lại là trừ quân, sau này phụ hoàng băng hà rồi, sẽ nối ngôi vua; nên Long-Xưởng hết sức lễ độ với các bà phi, cũng như chăm sóc các em, để tạo một hòa khí trong hoàng tộc. Nó nghĩ: Khi mình lên ngôi vua rồi, thì tất cả tài vật trong thiên hạ đều là của mình. Vì vậy nó không cần giữ bất cứ vật gì làm của riêng. Mỗi khi được phụ hoàng, mẫu hậu ban thưởng, hoặc được các quan dâng cho cái gì, Long-Xưởng lại họp các em, rồi chia đều, không phân biệt lớn nhỏ, nam nữ. Hóa cho nên trong ba em trai là Long-Minh, Long-Đức, Long-Hòa, không người nào tỏ ý ganh ty, kèn cựa với anh. Đó là điều hiếm có trong lịch sử các nước Á-châu.

Tuy nhiên, hằng ngày, Long-Xưởng sủng ái nhất là công chúa Đoan-Nghi, con của thần-phi Bùi Chiêu-Dương sinh ra. Đoan-Nghi nhỏ hơn Long-Xưởng hai tuổi, cực kỳ thông minh, lại ôn nhu văn nhã. Anh em gần nhau như bóng với hình.

Các bà phi khác đã chuẩn bị cho các con y phục chỉnh tề, sau đó tất cả cùng dùng xe tới cung Chiêu-Linh để cùng đi với Long-Xưởng dự yến. Long-Xưởng hành lễ với các bà phi, rồi hướng vào các em:  
– Hôm nay là ngày rằm tháng mười. Phụ-hoàng ban yến tại cung Long-hoa. Vậy anh nhắc các em về lễ nghi lần nữa.

Rồi Long-Xưởng dặn dò các em thực kỹ nghi thức triều yết phụ hoàng, mẫu hậu, khi hành lễ với các thân vương, cung cách đối đáp với các thế tử, quận chúa, công tử, tiểu thư... thực chi tiết.

Mọi việc xong xuôi, nó chia cho các em đi trên ba xe. Xe của Long-Xưởng có ba em trai, trong khi có hai xe phải chờ đến chín công chúa, với ba nhũ mẫu. Thấy xe có Đoan-Nghi hơi chật, nó nảy ra ý đem bớt Đoan-Nghi sang xe mình. Nó lại trước Bùi thần phi, cung tay:

– Hài nhi xin thần-phi để Đoan-Nghi đi cùng xe với hài nhi, cho vui.

Thần-phi nắm tay Long-Xưởng, rồi nói bằng lời cảm động:

– Chắc thái-tử mới đọc bộ sách nào hay, định giảng cho Đoan-Nghi hẵn! Thái-tử cứ tự tiện. Anh dạy em, thì là điều cha mẹ đều mong ước.

Hai chiếc xe rầm rộ lên đường đi, Đoan-Nghi hỏi anh:

– Nay! Anh Long-Xưởng ơi! Hồi xưa, mình có ba bà thái tổ cô anh hùng, trấn ngự biên cương phải không? Các ngài là những ai vậy?

Để thử trí nhớ các em, Long-Xưởng hỏi Long-Minh:

– Long-Minh trả lời cho Đoan-Nghi đi.

Long-Minh vuốt má Đoan-Nghi:

– Con bé ngoan ngoãn, mít ướt nhất Đại-Việt nghe cho rõ nhé. Ba vị ấy đều là công chúa con đức Thái-tông. Vị thứ nhất là công chúa Bình-Dương!

– À, em biết rồi! Ngài là Quan-thế-âm phân thân giáng thế, phải không?

Long-Minh bật cười:

– Phải, mà không phải.

– Tại sao? Phải thì là phải, không thì là không, chứ có đâu vừa phải, lại vừa không!

– Nghe đã nào! Phải, vì hành trạng của ngài giống Quan-Aâm, nên người đương thời suy tôn ngài như vậy. Không, vì ngài là người trần như chúng ta.

– Vị thứ nhì, thứ ba là ai?

Long-Minh lại đáp:

– Vị thứ nhì là công chúa Kim-Thành. Vị thứ ba là công chúa Trường-Ninh. Ba vị cùng ba phò mã, suốt đời trấn ngự biên cương mấy chục năm.

– Thế sao mẹ kể, đức Thánh-tông cũng có ba công chúa anh hùng đánh Tống. Các vị là những vị nào?

– À, ba vị đó chúng ta phải gọi là tổ cô. Công chúa thứ nhất là Thiên-Thành, trấn ngự Bắc-biên. Công chúa thứ nhì là Động-Thiên, rất giỏi thủy chiến. Ngài tuẫn quốc trận Phú-lương. Công chúa thứ ba là Thiên-Ninh tuẫn quốc trận Như-nguyệt.

Đoan-Nghi reo lên:

– Em biết công chúa Thiên-Ninh rồi, ngài là bà chúa kho chứ gì? Hồi đầu năm em theo mẹ đi Kinh-Bắc lễ đền thờ ngài. Em có khấn xin vay ngài một chuỗi ngọc trai. Thế mà nay đã là tháng mười, em vẫn chưa thấy gì!

Long-Xưởng vuốt tóc Đoan-Nghi:

– Có, ngài khen em ngoan, học giỏi, nên ngài không cho vay, mà ban thưởng cho em luôn.

Đoan-Nghi ngửa hai bàn tay ra:

– Đâu? Ở chỗ nào?

Long-Xưởng móc trong bọc ra cái hộp bằng bạc, rồi mở hộp. Trong hộp có một chuỗi ngọc trai năm vòng. Nó đeo vào cổ em:

– Đây chứ đâu!

Đoan-Nghi chắp tay hướng lên trời:

– Đa tạ tổ cô đã ban cho con.

Long-Hòa vốn ít nói, từ đầu đến cuối nó ngồi im, bây giờ mới lên tiếng:

– Đoan-Nghi phải tạ ơn anh cả mới đúng!

Nguyên trước đây sứ thần Lão-quá sang triều cống, họ cũng đem một ít lễ vật dâng cho Thái-tử. Nhân Long-Xưởng nghe Thần-phi nói chuyện với hoàng-hậu rằng: Hôm đi lễ đền bà chúa kho, Đoan-Nghi có khấn xin vay một chuỗi ngọc trai. Long-Xưởng ghi vào dạ. Hôm nay nó mang ra tặng em gái. Đoan-Nghi nhắc lại lời Long-Hòa:

– Đa tạ anh cả.

Long-Xưởng tát yêu em gái:

– Anh cứ mong mình có thực nhiều ngọc, ngà để tặng cho các em gái. Anh lại mong học được nhiều điều mới lạ để dạy lại cho các em trai.

Xe đã tới điện Long-hoa.

Một thái giám phụ trách kính sự hô lớn:

– Kính thỉnh chư vị điện hạ vào cung.

Lễ nghi tất.

Liếc mắt nhìn trong cung Long-hoa, Long-Xưởng nói với các em:

– Vì ác nhân Đỗ Anh-Vũ ép phụ hoàng ban chỉ sát hại Chiêu-Hòa vương Lý Long-Vũ, giáng truất Trí-Minh vương Lý Long-Dũng, Bảo-Ninh hầu Lý Long-Can, Bảo-Thắng hầu Lý Long-Hiền, phò mã Dương Tự-Minh, cho nên những lần dự yến trước, thì người trong phủ này đều không được dự. Bây giờ ác nhân đã bị tru diệt, nên các vị đều hiện diện. So trong ngọc diệp, anh em chúng ta đều dưới vai các người. Vậy chúng ta phải tới đưa lời vấn an cho phái đạo.

Bốn anh em cùng đứng dậy, tới bục dành cho thân nhân Chiêu-Hòa vương, chắp tay hướng thế tử, quận chúa con vương hành lễ. Nó dùng ngôn từ bình dân:

– Bọn chúng cháu xin vấn an các cô, các chú.

Chiêu-Hòa vương có bốn con trai, năm con gái, đều đã thành gia thất. Thế tử lớn nhất là Lý Long-Cẩn vội đáp lễ:

– Không dám! Xin các vị điện hạ chẵng nên hạ thể. Hôm nay đây, ác nhân đã đền tội, chúng ta được hưởng huyết nhục trùng phùng là vui rồi.

Thế là mọi người lại bàn luận quanh vụ Đỗ Anh-Vũ bị giết cả nhà. Thế tử Long-Cẩn than:

– Côi-sơn song ưng tưởng đâu làm một mẻ quét sạch lũ hôi tanh họ Đỗ, không ngờ lại để cho bọn tay sai cùng hung cực ác lọt lưới.

Long-Xưởng kinh ngạc:

– Chúng là những đứa nào vậy?

– Sở dĩ Anh-Vũ hoành hành là ý có thái-hậu sủng ái, và bọn Nùng-sơn tam anh, Tô-lịch nhị tiên võ công cao thâm không biết đâu mà lường... làm tay sai. Cuộc ra tay của hoàng-hậu, quét sạch bọn hôi tanh trong triều sở dĩ thất bại là do bọn này lọt lưới mà ra.

\_!?!?

– Nùng-sơn tam anh là Vương Nhất, Cao Nghị và Đỗ Anh-Hào. Anh-Hào là con của Đỗ Anh-Vũ, nhưng không rõ mẹ chúng là ai. Còn Tô-lịch nhị tiên vốn họ Lê, cháu của thái-hậu. Cả năm đứa này cùng học võ với một đại tôn sư. Có người bảo võ công chúng ba phần giống Hoa-sơn bên Trung-quốc, bảy phần giống Đông-a của Đại-Việt. Hiện các võ quan trong triều không ai địch nổi một trong năm tên này.

Nghe Long-Cẩn nói, Long-Xưởng nhớ lại ba người đàn ông và hai người đàn bà theo thái-hậu đến cung Chiêu-Linh đàn áp nhà vua hồi tháng tám. Một chút ánh sáng ló dạng chiếu vào bóng đêm của Hoàng-cung.

Long-Xưởng hỏi:

– Sao chú biết rằng, trong các võ quan tại triều, không ai địch lại chúng?

– À truyện này xảy ra hồi thái-tử còn thơ, nên không biết. Trong dịp tết Trung-thu, thái-hậu cho mời tát cả các võ quan có võ công cao, các thị vệ, các đô đầu vào cung Cảm-Thánh dự tiệc. Thái hậu ban chỉ cho các quan: Ai chịu được của Nùng-sơn tam anh, Tô-lịch nhị tiên hai mươi chiêu thì được thăng hai trật. Ai chịu được mươi chiêu thì được thăng một trật. Ai chịu được ba chiêu thì được tặng một nén vàng.

– Thế kết quả ra sao?

– Hầu hết các võ quan, thị vệ, không ai chịu được quá ba chiêu. Chỉ có ba người đoạt giải mà thôi. Người thứ nhất là đô thống Lưu Khánh-Bình đấu ngang tay với Cao Nghị. Sau đó Bình được thăng lên hàng tướng quân. Người thứ nhì là Tô Hiến-Thành đấu với Cảm-Linh, y chịu được trên trăm hiệp, cũng được thăng hai trật. Người thứ ba là Đàm Dĩ-Mông, đấu với Cảm-Chi y chịu được sáu chiêu, được thưởng hai nén vàng.

Đến đó viên thái giám kính sự hô:

– Hoàng-thượng, hoàng-hậu, chư vị quý phi giá lâm.

Mọi người im lặng quỳ gối.

Nhà vua cùng hoàng-hậu, bốn bà phi vào cung Long-hoa. An tọa rồi, nhà vua tuyên chỉ:

– Miễn lễ!

Mọi người về chỗ ngồi.

Từ khi lên ngôi vào lúc ba tuổi đến giờ, nhà vua chỉ biết ăn, ngủ... Mọi sự do bà nội, rồi mẹ với Đỗ Anh-Vũ quyết đoán hết. Bất cứ nhà vua nói gì, đưa ý kiến gì, cũng bị các bà quát mắng, sau đó bác bỏ. Riết rồi ngài thành cục bột, khi có sự không biết nói gì, làm gì. Hôm nay là ngày đầu tiên, sau hơn hai chục năm lên ngôi, nhà vua được ngồi chủ vị một buổi yến hội như thế này. Nhà vua tỏ ra luống cuống, ngài đưa mắt cho hoàng-hậu. Hoàng-hậu biết ý nhà vua, vội thay ngài ban dụ. Trong dụi, đại ý nói nhân mùa rươi mới, nhà vua muốn hoàng tộc cùng hội nhau dự yến. Bởi hơn hai chục năm qua, bị ác nhân Anh-Vũ kiềm chế ngài, rồi giết hại tôn thất, khiến hoàng tộc phân hóa, nghi ngờ, thù hận lẫn nhau. Bữa yến hôm nay, để nối lại tình ruột thịt.

Thế rồi các thân vương, công chúa, phò mã cùng đưa lời chúc tụng nhà vua.

Trí-Minh vương vốn đã nghe đã biết ông anh mình chỉ làm vua cho có danh vị. Ngược lại, ông nghe nói, cũng như trực tiếp tìm hiểu về đứa cháu mình là Long-Xưởng. Nào là cực kỳ thông minh. Nào là khoan hòa, nhân từ. Ông hy vọng vào Long-Xưởng rất nhiều. Nhân dịp này, ông muốn thúc nhà vua cho lập Đông-cung triều để Long-Xưởng sớm dự vào việc triều chính. Ông tâu:

– Tâu hoàng-huynh! Từ khi đức Thái-tổ nhà ta lập nghiệp rồng, ngài đã phong cho đức Thái-tông làm Khai-Thiên vương, cho ở Đông-phủ để dự vào chính sự. Lại nữa, khi đức Thái-tông vừa lên ngôi đã phong cho đức Thánh-tông làm Khai-Hoàng vương, cho ra ở Đông-cung. Nay thái-tử Long-Xưởng, tuổi tuy còn nhỏ, nhưng thông tuệ khác thường, lại có đức độ, hành sự không khác Quốc-phụ (2) khi ưa. Xin hoàng huynh khẩn phong chức tước cho thái-tử, và lập Đông-cung triều, để thái-tử quen với chính sự.

Nghe em tâu, nhà vua gật đầu:

– Trẫm sẽ ban hành chiếu chỉ như hoàng đệ tâu.

Sau buổi hội yến đó, thì hơn tháng sau có chiếu chỉ ban ra phong chức tước cho thái-tử, gồm cả chức văn lẵn võ:

Thái-sư, Thượng-trụ quốc, khai phủ nghị đồng tam tư, Phụ-quốc thượng tướng quân, Lĩnh-Nam tiết độ sứ, Hiển-Trung vương.

Nhưng vì thái-tử còn nhỏ, nên nhà vua không thể vượt luật cho mở phủ đệ riêng. Ngược lại nhà vua dùng Chiêu-Linh hoàng hậu, với thái-tử như những đại học sĩ làm việc bên cạnh.

Sau hơn hai năm trôi qua, thái-tử đã lớn, nên được cho mở phủ đệ riêng, cho ra ở Đông-cung ngoài thành, cùng lập Đông-cung triều.

Phủ đệ của Đông-cung được xây dựng vào đời đức Thái-tổ (Nhâm-Tý, DL.1012), niên hiệu Thuận-Thiên thứ ba. Nguyên bấy giờ vua Lý Thái-tổ mới lên ngôi, lòng dân chưa an; luật pháp, kỷ cương chưa vững. Ngài ban chiếu cầu hiền, rồi sai xây cung Long-đức ngoài thành cho con trưởng là Khai-Thiên vương ở, để tiếp xúc với sĩ dân trong nước, và hiểu dân tình. Tuy nhiên cung Long-đức không phải là Đông-cung, vì Khai-Thiên vương chưa được lập làm trừ quân.

Sau khi Khai-Thiên vương lên ngôi, tức vua Lý Thái-tông, ngài phong cho con trưởng là Khai-Hoàng vương Nhật-Tông làm Đông-cung thái tử, cung Long-đức đổi thành Đông-cung. Lúc thái-tử Nhật-tông đủ mười tuổi, được cho ra ở đây, làm phủ đệ riêng, tiếp xúc với sĩ dân.

Rồi thái-tử Nhật-tông lên nối ngôi, tức vua Thánh-tông. Bởi nhà vua chưa có hoàng nam, nên Đông-cung bị bỏ không một thời gian dài. Tới khi vua Thánh-tông băng, thì thái-tử Càn-Đức mới bẩy tuổi, chưa được mở phủ đệ riêng. Đông-cung vẫn không có chủ. Thái-tử Càn-Đức lên ngôi, sau là vua Nhân-tông. Vua Nhân-tông không có con trai, ngài nuôi con của em là Sùng-hiền hầu tên Lý Dương-Hoán, lập làm thái-tử.

Niên hiệu Thiên-phù Duệ-vũ thứ 6 (Ất-Tỵ DL. 1125), vua cho thái-tử Dương-Hoán ra ở Đông-cung.

Niên hiệu Thiên-phù Khánh-thọ nguyên niên (Đinh-Mùi, DL. 1127), vua Nhân-tông băng, thái-tử Dương-Hoán lên nối ngôi, sau là vua Thần-tông. Bấy giờ vua Thần-tông cũng chưa có hoàng nam, một lần nữa Đông-cung lại vô chủ.

Niên hiệu Thiên-Thuận thứ 4 (Tân Hợi, DL. 1131), vua Thần-tông âm thầm ra ngoài kinh thành thăm dân cho biết sự tình. Trong dịp này, nhà vua gặp một thiếu nữ bán hoa, sắc nước hương trời tên Hồng-Hạnh. Nhà vua say mê Hồng-Hạnh, rồi đón về, phong làm tu dung. Năm sau, ngày 1 tháng 5 năm Nhâm Tý, tu dung Hồng-Hạnh sinh hoàng tử Thiên-Lộc. Nhà vua lập làm thái-tử, tước phong Minh-Đạo vương. Vì sinh hoàng nam, tu-dung Hồng-Hạnh được thăng lên thần-phi. Điều này làm Thái-thượng hoàng (Sùng-hiền hầu) và Chiêu-Hiếu hoàng thái hậu (Đỗ phu nhân, vợ Sùng Hiền hầu) không vui, vì Hồng-Hạnh là con nhà dân dã.

Niên hiệu Thiên-chương Bảo-tự thứ 6 đời vua Thần-tông (Mậu Ngọ, DL. 1138), tuy thái-tử Thiên-Lộc mới 7 tuổi, nhưng cũng được cho ra ở Đông-cung. Tháng bẩy năm đó, vua không khỏe. Biết rằng mình sắp băng, mới gọi tham-tri chính sự (Phó tể tướng) Từ Văn-Thông vào để viết di chiếu cho thái-tử Thiên-Lộc nối ngôi. Cảm-Thánh hoàng hậu muốn tranh ngôi vua cho con mình là hoàng tử Thiên-Tộ, mới cùng hai bà phi Nhật-Phụng và Phụng-Thánh đem vàng ngọc đút cho Từ Văn Thông và dặn rằng khi nhà vua bảo viết chiếu thì báo cho ba bà biết. Quả nhiên khi vua sai viết chiếu, Thông cầm bút chắp chờ, rồi mật báo cho ba bà. Ba bà vào khóc rằng: «Bạn thiếp nghe rằng người xưa lập con nối ngôi thì lập con đích chứ không lập con thứ. Thiên-Lộc là con của một tu dung, xuất thân dân dã. Nếu cho Thiên-Lộc nối ngôi, thì e người mẹ sẽ tiếm lẩn sinh lòng ghen ghét làm hại, thì mẹ con thiếp tránh sao khỏi hại». Vì thế nhà vua xuống chiếu lập Thiên-Tộ lên làm vua, dù bấy giờ mới 3 tuổi (tức vua Anh Tông). Nhà vua lên ngôi được hai ngày thì Chiêu-Hiếu hoàng thái hậu, Cảm-Thánh thái hậu đuổi Thiên-Lộc ra khỏi Đông-cung. Từ đấy Đông-cung tiếp tục bỏ trống cho đến nay (1160) đã hai mươi ba năm.

Bây giờ thái-tử Long-Xưởng đã mươi tuổi, chư đại thần chiếu luật lệ xin cho ở Đông-cung, lập Đông-cung triều. Nhà vua chưa kịp ban chỉ, thì đã gặp sự phản đối của thái-hậu.

Nguyên sau khi Anh-Vũ bị giết, phe đảng họ Lê thuộc giòng họ của thái-hậu, giòng họ Đỗ của Anh-Vũ...sợ bóng sợ gió Côi-sơn song ưng, chúng không dám dự vào việc triều chính nữa. Kể từ khi lên ngôi đến nay là 25 năm, lần đầu tiên nhà vua nắm lại được một số quyền hành. Trong suốt hai năm qua, được các lão thần như thái-sư Lưu Khánh-Đàm, Thái-phó Hoàng Nghĩa-Hiền, các thân vương như Trí-Minh vương Lý Long-Dũng, Bảo-Minh hầu Lý Long-Can, Bảo-Thắng hầu Lý Long-Hiền hết sức phò tá, nên Đại-Việt đã có kỷ cương.

Công việc chỉnh đốn lại thực bận rộn. Nào tái tổ chức mươi hai hiệu Thiên-tử binh, hiệu kị binh Phù-Đổng, hiệu Ngưu-binhh Hoa-lư, đoàn thị vệ. Nào giảm cung nga, thái giám, giảm chi tiêu nội cung. Nào chỉnh đốn lại hệ thống làng xã, tái phôi trí hệ thống kiểm soát trâu bò. Cấm hẳn việc giết trâu, bò, dù là quốc lễ. Hóa cho nên chưa đầy hai năm, mà dân chúng no đủ, phong hóa được phục hưng. Bề ngoài, ai cũng tưởng nhà vua làm, nhưng thực ra, nhà vua chỉ làm theo lời khuyên của đại thần, thân vương, hoàng-hậu, thái-tử.

Thấy những thay đổi của triều đình, bọn tay chân của thái-hậu gì mà không biết rằng: Nhà vua chỉ là cục bột, mọi sự ngoài triều do các quan, mọi sự bẽ trong do thái-tử. Vì hoàng-hậu bị thái-hậu kiềm chế bằng độc chưởng Huyền-âm, mỗi tháng bà phải đến cung Cảm-Thánh xin thái-hậu ban thuốc giải, nên bà đóng vai mũ ni che tai, ngớ ngớ ngắn ngắn. Bà muốn làm gì, khuyên nhà vua làm gì, lại rỉ tai Long-Xưởng. Bọn gian cứ tưởng những gì Long-Xưởng tâu xin nhà vua làm là của thái-tử. Vì vậy chúng càng sợ Long-Xưởng. Chúng nghĩ: Bây giờ, với tài trí ấy mà thái-tử mở Đông-cung triều, thì thực là nguy cho chúng. Chúng tâu xin thái-hậu bác bỏ việc này. Nhưng trước những luật lệ, điển chế của triều đình, thái-hậu đành nhượng bộ.

Tuy nhượng bộ, mà bà vẫn không chịu thua. Bà không để hoàng-hậu cũng như thái-tử tuyển cung nga, thái giám, thị vệ, bộc phụ, mã phu cho Đông-cung . Bà dành quyền tuyển người cho cháu. Đó là cái khăn để che dấu việc chuyên quyền, chứ thực sự bà đem người của bà từ cung Cảm-Thánh sang. Quan trọng nhất là chức thái-tử mật thư tinh sự, bà bổ nhiệm cháu gọi bằng cô tên Lê Du vào chức này. Du tuổi đã trên năm mươi. Chức thái-tử mật thư tinh sự rất quan trọng, tương đương với

ngày nay là đỗng lý văn phòng. Với chức mật-thư tinh sự, Du coi hết văn thư, Du còn cai quản hết những người phục thị riêng cho Đông-cung như thị vệ, cung nga, thái giám, thân binh, bộc phụ, mã phu và cả nhũ mẫu của thái-tử nữa. Chức thứ nhì là trưởng-sử, để ghi chép tất cả những gì xảy ra trong Đông-cung. Thái hậu bổ nhiệm Đỗ Anh-Hạc, cháu gọi Đỗ Anh-Vũ bằng chú, y thoát chết trong vụ Côi-sơn song ưng xử mắng năm trước. Còn trưởng toán thị vệ, bà bổ nhiệm thằng Ba, tức Đỗ Anh-Hào, con của Anh-Vũ. Y chính là tên thích khách mà bà sai đến kiềm chế nhà vua hai năm trước. Thế là nhất cử, nhất động của thái-tử, bọn này đều mệt tấu cho thái-hậu hết. Đông-cung trở thành một nhà tù giam lỏng Long-Xưởng.

Nhưng có một người, bà không có quyền thay thế, ví dụ bà có quyền thay thế, bà cũng không thể thay thế, đó là vú Loan, người nuôi sữa của thái-tử.

Luật định ra từ thời vua Thái-tổ về việc tuyển vú cho các hoàng tử, công chúa như sau: Khi một hoàng tử, công chúa sinh ra, thì hoàng-hậu tuyển chọn lấy một phụ nữ trẻ, vợ của chức quan nhỏ, có sức khỏe, không bệnh tật, tâm tính lương thuần; đang nuôi sữa cho con, phong làm nhũ mẫu.

Nhũ mẫu của công chúa được hưởng bổng bằng trưởng toán cung nga, hàm tối tứ phẩm. Nhũ mẫu của hoàng tử, hưởng bổng bằng Lễ-nghi học sĩ, hàm tối tam phẩm. Sau ba năm, nhũ mẫu được ban thưởng rất nhiều vàng bạc, lại cấp ruộng cho, rồi trả về với gia đình. Còn như vì lòng hiếu kính với người con sữa, nhũ mẫu muốn ở lại trong cung, thì vẫn được cấp ruộng, lại cũng vẫn được hưởng bổng như khi còn nuôi sữa. Người con của nhũ mẫu được phong chức nghĩa đệ hay nghĩa muội của công chúa, hoàng tử.

Nhũ mẫu của Long-Xưởng họ Chu tên Thúy-Loan, con của một võ quan nhỏ là Chu Minh, giữ chức sứ trưởng trong hiệu binh địa phương Thiên-trường. Năm mười sáu tuổi, vú được gả cho một võ quan cấp tá-linh làm việc tại Khu-mật viện tên Tăng Quốc. Năm mười bảy tuổi vú sinh đứa con đầu lòng, là Tăng Khoa. Tăng Khoa vừa đầy tháng thì vú được tuyển làm nhũ mẫu cho Long-Xưởng. Vú phải mượn người nuôi sữa cho con, để nhập cung. Tuy phải xa chồng, xa con, nhưng vú được hoàng-hậu cực kỳ sủng ái. Vú ở trong một phòng trang trí sang trọng tại cung Chiêu-Linh, nuôi ăn như những công chúa, hoàng tử. Vú cũng có thái giám, cung nữ hầu hạ. Chiêu-Linh hoàng hậu luôn ban thưởng vàng bạc cho vú vào dịp đầy tháng, đầy năm của Long-Xưởng. Cứ hai ngày, vú được về thăm chồng một lần.

Khi hết hạn ba năm, vú Loan xin ở lại phục thị thái-tử. Năm nay vú mới hai mươi bảy tuổi, nhưng địa vị, uy tín của vú rất lớn, vì tâm tính hiền hậu, hay giúp đỡ người. Bây giờ thái-tử được phong tước vương, ra ở Đông-cung, các quan chiếu luật, xin thăng vú lên chức thái-tử thượng thiện, tước Nhu-mẫn, Đoan-duệ phu nhân. Cái chức thái-tử thượng thiện tuy không lớn, nhưng rất quan trọng. Với chức vụ này, vú cai quản kho lẫm, tài vật, điều khiển việc nấu nướng, y phục của Đông-cung. Đứa con sữa của vú là Tăng Khoa được phong tước thái-tử nghĩa đệ, được tự do ra vào Đông-cung, được vào học ở trường Quốc-tử giám. Chồng của vú được thăng lên hàng tướng quân. Cả nhà vú được vào ở hẵn trong Đông-cung.

Gia đình vú chỉ vỏn vẹn có bốn người, gồm hai vợ chồng, với Tăng Khoa, thêm một con ở bằng tuổi Khoa tên Nhài, mà vú mua về mấy tháng trước. Nguyên con Nhài là con một thầy lang ở Gia-lâm. Năm trước mẹ nó chết, dì ghẻ đánh đập nó quá tàn nhẫn. Hàng xóm thương tình xin cho nó làm con ở nhà vú. Vú không muốn chiếm đoạt con của người, vú gấp bối nó xin mua. Bố nó bán cho vú với

giá năm lạng bạc. Từ khi về với vú, con Nhài rất chăm chỉ, vừa ngoan, vừa hiền, nó lại chịu khó học, nên cũng đọc thông văn tự. Nó được mọi nết, chỉ phải một tội là mặt nó rõ chằng chịt, rất khó coi. Năm nay nó đã mười bẩy tuổi, cái tuổi mà hoa chớm nở. Con nhài trổ mã, chân tay dài, thân hình nảy nở. Ngực nở, lưng tròn dáng đi nhẹ nhàng, tiếng nói trong mà ngọt như cam thảo.

Theo hội-diển sự lệ triều Lý, thì khi một người được tuyển vào hậu cung, Đông-cung, thì Khu-mật viện phải điều tra lý lịch. Khu-mật viện cho người sang Gia-lâm tìm thầy lang điều tra thì biết rằng thầy là người chất phác, ngoan dân. Kết quả con Nhài được tuyển làm người phụ nấu bếp cho vú Loan. Long-Xưởng dùng nó làm người hầu cận thân tín.

Vì vậy, tuy bị người của Cảm-Thánh thái hậu bao vây, nhưng Long-Xưởng vẫn còn bốn người thân tín là vợ chồng vú Loan với đứa em sữa Tăng Khoa, con Nhài. Bề ngoài thì Tăng-Khoa học văn, chơi đùa với thái-tử, chứ thực ra nó là con thoi đem tin tức của thái-tử cho thái-sư Lưu Khánh-Đàm, Thái-phó Hoàng Nghĩa-Hiền. Nhất là nó thông báo cho Thái-tử biết những gì xảy ra ở kinh thành. Ngoài ra, trong những giờ học, Long-Xưởng được trò truyện với các em trai, em gái.

Ngay hôm hoàng-hậu bị trúng Huyền-âm độc chưởng của thằng Hai. Trong khi bà đau đớn đến chết đi sống lại, thì Long-Xưởng nhắc:

– Thần nhi nghe nói: Khi Linh-Nhân hoàng thái hậu còn tại thế, tự tay người chế ra một cái áo. Lúc nào người cũng mặc cái áo đó bên mình. Sau khi đức Nhân-tông lập hoàng hậu, người trao áo đó cho, và dặn rằng: «Trọn đời ta, khi thì giúp đức Thánh-tông trị nước, để người bình Chiêm. Khi thì thính chính, phù tá hoàng nhi. Ta đã đem tất cả tâm huyết ra chế thành cái áo này. Nay con là hoàng-hậu, ta truyền cho con. Cái áo này, khi mặc vào có thể giúp cho mẫu nghi thiên hạ giữ được chính đạo, phò tá thiên tử. Ào lại có khả năng chống được tất cả độc tố trong thiên hạ. Con hãy giữ lấy, sau này, đời đời chỉ truyền cho các hoàng hậu mà thôi». Vậy cái áo ấy đâu?

– Khi được phong làm hoàng hậu, mẹ được thái-hậu trao cho cái áo ấy. Mẹ đã mặc thử, thì không thấy gì lạ cả. Mẹ lại đem ra nghiên cứu, thì chỉ thấy lớp ngoài bằng lông hồ cừu, lớp giữa bằng lụa, lớp trong cùng bằng gấm. Không có chữ hay đồ hình gì cả.

Bà lấy cái áo ấy trao cho Long-Xưởng:

– Đây, di vật đó đây. Con vốn thông minh. Vậy con hãy đem về nghiên cứu xem, biết đâu trong đó không có di thư, mật kế gì để lại cũng nên.

Long-Xưởng nhận áo, đem về, nhờ nhũ mẫu dùng dao nhỏ tách lơ lụa, gấm, da ra, rồi vạch từng cái lông, tìm từng nút chỉ cũng không thấy gì lạ. Một lần chán nản, vương gục đầu xuống án thư ngủ thiếp đi. Ngủ một giấc, vương giật mình thức dậy, vô ý tay đụng phải bát nước trà tươi, làm nước đổ lên lên lớp da. Vương vội lấy khăn lau nước, thì thấy lớp da lờ mờ hiện lên những giòng chữ li ti chép tất cả võ công mà Linh-Nhân hoàng thái hậu đã học được: Võ công Đông-a, Chu-sa Nhật-hồ độc chưởng, nội công Âm-nhu, Không-minh tâm pháp, Long-biên kiếm pháp cùng võ công căn bản của phái Mê-linh. Vương tỉnh ngộ, nghĩ thăm:

– Thì ra xưa kia, Linh-Nhân hoàng thái hậu đã dùng một thứ mực đặc biệt chép mật thư trong lớp da này. Muốn đọc được, thì phải dùng nước trà tươi đổ lên, chữ mới hiện ra.

Vương đóng cửa, đem nước trà bôi lên khắp lớp da, rồi chép ra giấy.

Vương nghĩ thăm:

– Mẫu hậu ta là đệ tử của phái Mê-linh, tuy nhiên bản lĩnh của người không được làm bao. Ta học lại mấy chiêu của người, thành ra vô dụng. Ta nghe, gần đây chưởng môn phái Mê-linh là Nghi-Hòa sư thái bị ám toán, viên tịch thình lình. Võ phẩy của phái Mê-linh bị mất, nên các tuyệt học thất truyền. Nên từ đấy, võ công phái này không còn nổi danh như xưa. Nay ta vô tình có được di thư này. Ta âm thầm luyện thành, rồi thình lình ra tay thanh toán bọn Nùng-sơn tam anh, Tô-lịch nhị tiên, giải vây cho phụ hoàng, cho mẫu hậu.

Sợ rằng trong lúc vô tình, bị người của thái-hậu khám phá ra, Long-Xưởng học thuộc tất cả di thư, rồi nhờ nhữ mẫu may các lớp da, lụa, gấm lại như cũ. Từ đấy vương đóng cửa âm thầm luyện di thư. Trong khi bě ngoài không chú ý gì đến luyện võ cả.

Trước hôm thiết Đông-cung triều lần đầu, hoàng-hậu đã dặn dò thái-tử phải tối cẩn thận trong hai vấn đề: Một là tỏ ra thực nhân từ, yêu dân như yêu con. Hai là phải làm nhu nhược, ba phải; các quan bàn gì, thì chỉ ậm ừ, không quyết đoán, để dò ý xem người nào của thái-hậu, rồi sau đó tìm lấy những người tâm huyết, trung thành mà dùng.

Ngày lễ Thượng-nguyên, 15 tháng giêng, niên hiệu Đại-Định thứ 21 (Canh Thìn, DL.1160), phủ thái-tử thiết Đông-cung triều lần đầu tiên. Tuy Long-Xưởng được thiết Đông-cung triều, tức là bắt tay vào những việc chăm lo cho toàn dân, là điều mà thái-tử ước mơ, chờ đợi từ mấy năm nay... Nhưng trong lòng người thiếu niên ấy lại nặng trĩu lo âu. Bởi nếu cứ nhìn bě ngoài của chính sự, ai cũng tưởng mọi sự tốt đẹp. Nhưng trong thực tế, thì quốc sản khánh kiệt, triều đình xung đột với cung Cảm-Thánh. Các quan thì chia làm hai, một nửa xu phụ thái-hậu, một nửa theo triều đình. Cái trở ngại lớn lao nhất của nhà vua cho tới thái-tử là: Bên cung Cảm-Thánh, thái hậu muốn làm gì thì làm. Bà không cần đến đạo lý, điển chương, luật lệ.

Nguyên trước đây, bà cùng với Đỗ Anh-Vũ áp chế nhà vua, không coi luật lệ, kỷ cương ra gì. Hai người tự tuyển cung nga, thái giám, thị vệ, mà không cần đến triều đình. Riết rồi các quan không còn tuân chỉ nhà vua, chạy theo xu phụ y với thái-hậu. May sao, Côi-sơn song-ưng giết Anh-Vũ cùng với chân tay thân tín của y, hoàng-hậu cho bắt bọn quan lại phe đảng còn lại... Nhưng bọn quan lại này, được đội võ sĩ riêng của thái-hậu giải thoát, rồi đặt chúng trực thuộc cung Cảm-Thánh.

Tuy được thoát nạn, nhưng chúng cũng biết rằng, mình sống bám theo thái-hậu là ở ngoài vòng pháp luật. Nếu một mai, nhà vua dành được quyền, hay Thái-hậu băng thì ba họ nhà chúng sẽ bị tru diệt. Chúng cũng nhìn thấy: Nhà vua tuy nhu nhược, nhưng Thái-tử lại cực kỳ thông minh; mai này nhà vua băng hà, thì không biết những thảm khốc nào sẽ đến với chúng? Trước cái thế nguy đó, một liều ba bẩy cũng liều, chúng xui Thái-hậu: Hiện Thái-hậu lâm cảnh cõi cọp rồi, dù người không muốn giết cọp, nhưng bước khỏi lưng cọp, e bị cọp cắn. Đám quan lại theo Anh-Vũ, không thuộc họ Đỗ cũng thuộc họ Lê là họ của hậu. Nay Đỗ Anh-Vũ chết, thì nhà vua sẽ nhân đó giết ba họ Anh-Vũ, rồi không chừng giết ba họ nhà hậu nữa. Vậy nhân người của Anh-Vũ còn lại, đang gặp đường cùng, Thái-hậu phải chiêu mộ chúng, với anh em nhà hậu, rồi thiết lập trong cung Cảm-Thánh như một triều đình riêng biệt.

Thái-hậu nghe theo. Bà đưa vào cung rất nhiều đàn ông, mà trong luật cung đình, thì tại Hoàng-thành không cho bắt cứ người đàn ông nào vào, nếu không phải thái giám. Bà công khai chiêu mộ bọn đầu trộm, đuôi cướp; lập thành năm đội thị vệ riêng, ba đội nam, hai đội nữ. Đám thị vệ dần dần đông tới mấy trăm người, do ba cao thủ võ lâm Vương Nhất, Cao Nghị, Đỗ Anh-Hào chỉ huy. Bà

ban cho ba tên này mỹ danh là Nùng-sơn tam anh. Cả triều đình không ai biết căn cước chúng ra sao. Cái đêm Anh-Vũ bị giết, thì cả ba đang ở trong cung Cảm-Thánh, nên thoát nạn. Bà còn lập hai đội nữ thị vệ do hai cung nữ tên Cảm-Linh, Cảm-Chi, cháu gọi bà bằng cô, chỉ huy; đó chính là hai cung nữ đã hộ vệ bà đến cung Chiêu-Linh áp đảo nhà vua. Thái-hậu lại luôn luôn ban chỉ trực tiếp cho các quan. Đa số các chỉ dụ đó đều trái ngược với những điều triều đình đã nghị sự.

Lúc đầu, khi có những chỉ dụ của cung Cảm-Thánh ban ra trái luật, các đại thần trì nghi, tâu lại xin ý kiến nhà vua. Nhà vua tuyên chỉ: Khi có chỉ dụ của thái hậu, cứ việc thi hành, không cần tâu lại. Dần dần cung Cảm-Thánh trở thành một triều đình với uy quyền mênh mông tuyệt đối. Một số các đại thần quay ra xu phụ với thái hậu, tuy nhiên chúng vẫn pháp phồng sợ bóng, sợ gió Côi-sơn song ưng, bằng không chúng đã xui Thái-hậu phế nhà vua xuống, rồi lập một áu quân lên thay.

Theo hội điển sự lệ của triều Lý, thì mỗi tháng nhà vua thiết đại triều hai lần vào ngày mùng một và mười răm, thiết tiểu triều vào ngày mùng mười và hai mươi. Khi thiết tiểu triều, thành phần gồm có Tam-công là Thái-sư, Thái-phó, Thái-úy; Tể-tướng, lục bộ thượng-thư, quản Khu-mật viện, tổng-trấn Thăng-long, đại đô-đốc thống lĩnh thủy quân, và những quan lại chuyên môn sẽ bàn đến trong buổi đình nghị. Khi thiết đại triều, thành phần cũng như trên, thêm các thân vương, thống-lĩnh kỵ binh, thống lĩnh ngưu binh, thống lĩnh mười hai hiệu Thiên-tử binh, các An-phủ sứ, Tuyên-vũ sứ.

Dù thiết đại triều, hay tiểu triều thì cũng nghị những vấn đề đại cương. Khi nhà vua lập thái-tử, mỗi tháng thái-tử thiết Đông-cung triều bốn lần vào ngay ngày hôm sau thiết đại và tiểu triều. Đông-cung triều chỉ để thi hành, hoặc kiểm soát việc thi hành những việc triều đình đã nghị, đã ban ra.

Đông cung triều gồm có các quan như triều đình, nhưng thêm chữ thái-tử ở đầu. Như triều đình có Thái-sư, Thái-phó, Thái-bảo, thì Đông-cung triều có Thái-tử thái-sư, Thái-tử thiếu-sư, Thái-tử thái-bảo... Thông thường các Đông-cung quan cũng kiêm luôn những chức vụ khác của triều đình. Long-Xưởng không hy vọng gì vào các Đông-cung quan vì họ đều là chân tay của thái-hậu. Biết thế, Long-Xưởng mời thêm các vị trong hoàng tộc như Trí-Minh vương, Bảo-Thăng hầu, Bảo-Minh hầu vào Đông-cung quan, nhưng dặn riêng rằng khi nghị sự thì các vị này cứ út, cạc cạc để cho chân tay của thái-hậu tin rằng các ông chỉ là cái bị thịt. Rồi sau đó nếu có ý kiến gì, thì mật tấu cho Long-Xưởng bằng đường dây của vú Loan, của Tăng Khoa.

Khi thiết triều Đông-cung, thì chỉ có ba hồi chiêng trống, chứ không cử nhạc. Thái-tử từ trong bước ra.

Lễ quan hô:

– Thái-tử giá lâm.

Tất cả các quan đều quỳ gối hành đại lễ. Duy ba người là Trí-Minh vương Lý Long-Dũng là chú vua; quan Thái-phó Hoàng Nghĩa-Hiền, quan Thái-sư Lưu Khánh-Đàm cùng các thầy của thái-tử nên miễn mọi lễ nghi.

Thái-tử cung tay đáp lễ với các quan.

Lễ quan hô:

– Bình thân.

Các quan đứng làm hai hàng, văn bên trái, võ bên phải. Trí-Minh vương, Thái-sư, Thái-phó thì được ngồi.

Thái tử vái Trí-Minh vương:

– Hài-nhi xin vân an thúc phụ.

– Đa tạ điện hạ, thần vân an.

Thái-tử lại vái Thái-sư, Thái-phó, đưa ra lời vân an bằng ngôn từ bình dân:

– Con xin vân an hai thầy.

Nhin Thái-phó Hoàng Nghĩa-Hiền, thái tử vui vẻ:

– Thưa thầy, nhìn sắc diện thầy, con thầy dường như thầy có điều gì cao hứng lắm thì phải?

– Đúng như điện hạ phán, thần vui mừng, vì hôm nay là ngay đầu tiên điện hạ thiết triều; bắt đầu một kỷ nguyên mới.

Long-Xưởng nói với các quan:

– Chư vị đây đều là những người văn mô, vũ lược, lại có tấm lòng son với xã tắc. Hôm nay, các vị cùng Xưởng này họp tiểu triều. Xưởng mong các vị đừng tiếc công dạy dỗ. Điều khiến Xưởng ăn không ngon, ngủ không yên là sao kiến thiết Đại-Việt ta thành một nước hùng mạnh, dân chúng hạnh phúc như thời vua Hùng, vua Trưng xưa, hay như thời các vị tiên đế báu triều.

Lại quay sang nói với Hoàng Nghĩa-Hiền:

– Thưa thầy! Chương trình nghị sự hôm nay gồm có những gì?

– Khải, thứ nhất, nghị chi tiết việc dựng đền thờ vua Trưng ở phường Bố-cái. Thứ nhì, nghị việc chi dụng của hậu cung. Thứ ba, nghị việc tuyển thiện nhân cho Đông-cung. Về vụ thứ nhất xin để quan Lễ-bộ thượng thư tâu.

Một đại thần bước ra:

– Thần Chu An-Thái, Thái-tử thiếu-sư, Tiên-Dung điện đại học sĩ, Đăng-châu hầu, Lễ-bộ thượng thư, xin kính khải.

– Xin đại học sĩ bình thân.

– Do chỉ dụ của thái-tử, truyền thiểm bộ kiểm thể đất linh lập đền thờ vua Trưng. Sau hơn nửa tháng, thần tìm ra khu đất, mà lúc ngài thăng giặc tại Long-biên, đã lập đàn tế Quốc-tổ. Khu đất này xứng đáng lập đền thờ ngài.

– Như vậy hẵn đại học sĩ đã tìm được di tích gì từ thời Lĩnh-Nam còn sót lại chăng?

– Khải, khi lập đàn tế Quốc-tổ, vua Trưng sai lấy đá trắng ở núi Tản-viên tạc bốn cái cột dài. Sau khi tế, hai cột được đưa về kinh đô Mê-linh, nay không biết ở đâu. Hai tảng còn lại để ở cửa thành Long-biên. Lúc Bắc-bình vương Đà KỲ cùng vương phi sắp phá vòng vây chạy về Cổ-loa, người truyền đem hai tảng đá linh chôn vào chỗ kín. Hậu nhân không biết hai tảng đá đó chôn ở chỗ nào. Trong khi thần tìm đất linh xây đền, thần thấy bờ sông ở phường Bố-cái có ánh sáng chiếu lên, thần sai đào chỗ ấy, thì tìm ra hai cái cột đá linh thời Lĩnh-Nam.

Long-Xưởng rót một chung cam thảo trao cho An-Thái:

– Đại-học sĩ hành sự mẫn cán, mau chóng, thực xứng đáng làm con cháu của vua Trưng, nên anh linh ngài mới đưa khanh tới chỗ chôn báu vật. Khanh hãy uống chung nước này lẩy giọng.

An-Thái uống hết chung trà rồi dâng sơ đồ vẽ đền, gồm có ba gian chính điện, hai dãy ngang mỗi dãy ba gian nữa. Bên dưới ghi rõ chi phí xây cất, thời gian khởi công, thời gian hoàn tất. Long-Xưởng đọc qua, không thấy mục ghi số tiền công khổ phải chi, thì ngạc nhiên:

– Khanh cho biết tổng số công khổ phải chi ra là bao nhiêu?

– Khải điện hạ, trải qua tất cả các triều đại, mỗi khi xây, hoặc tu bổ đền thờ Nhị-thánh thì không bao giờ công khố phải chi cả. Thủ tục như sau: Triều đình ban chỉ dụ cho bộ Lễ tìm địa điểm, hoặc dân chúng xin lập tại địa điểm nào. Bộ Lễ sẽ thể theo ý dân, vẽ đồ hình, rồi tâu lên. Dân chúng họp nhau, tìm người đức hạnh, có uy tín bầu lấy ban kiến tạo. Bấy giờ mới quyên giáo thập phuong, lấy tiền xây cất.

– Có bao giờ tiền thập phuong cúng, mà không đủ để xây cất không?

– Khải, việc này chưa từng xảy ra. Chỉ nguyên lính của ngài với chư tướng cúng, cũng dư thừa rồi.

Long-Xưởng kinh ngạc:

– Lính của ngài? Ngài tuẫn quốc đã 1117 năm rồi, mà lính của ngài còn sống ư?

Thái-phó Hoàng Nghĩa-Hiên biết vấn đề này ông chưa giảng cho Long-Xưởng, nên Long-Xưởng không biết. Ông vội xen vào:

– Khải, nguyên sau khi vua Trưng cùng chư tướng tuẫn quốc rồi, các ngài hiển linh, thường nhập vào những người có phúc trạch, để phán lời ích quốc, lợi dân. Trong ngôn từ bình dân, người ta gọi những người được các ngài nhập đồng là lính. Hằng năm, vào đầu tháng hai, trên toàn quốc mở hội Mê-linh, tất cả lính của các ngài đều trẩy hội Hát-giang hầu bóng. Hoặc không trẩy hội Hát-giang được thì hầu ở những am điện địa phuong. Những lính của các ngài, thường khá giả, nên họ cúng rất hậu. Tiền xây cất dư thừa, công khố không phải đạ thọ. Có điều sau khi lập đền thờ, thì cần ruộng, đất, lấy lợi hoa mầu, ấy mới là điều cần thiết, mà triều đình phải chu toàn.

Long-Xưởng vui vẻ:

– Thưa thầy, con được hưởng bổng của tước đại vương đã hai năm, nhưng vẫn ở trong cung với mẫu hậu. Lương, tiền, hoa lợi hai trăm mẫu ruộng kim điền, hoặc là con phát cho kẻ khó, hoặc là con tặng cho võ lâm, hào kiệt. Vậy con có quyền dùng ruộng được phụ hoàng ban cho, cúng vào đền của ngài không?

– Khải thái-tử, đúng luật thì không được, nhưng lệ thì được. Lệ này có vào thời đức Thánh-tông. Bấy giờ Linh-Nhân hoàng thái hậu mới tiến cung, còn ở chức phu nhân. Đức Thánh-tông ban cho ngài một trăm mẫu kim điền. Ngài đã cúng vào chùa Báo-ân hai mươi mẫu. Từ đấy việc hoàng tộc dùng ruộng đất phong cúng vào đền chùa thành lệ.

Long-Xưởng hỏi Chu An-Thái:

– Theo đại học sĩ, thì việc hương khói đền thờ vua Trưng, phải cần hoa lợi bao nhiêu mẫu kim điền?

– Khải, khoảng hai mẫu.

Long-Xưởng tuyên chỉ cho Mật-thư tỉnh sự Lê Du:

– Lê tỉnh sự, hãy làm thủ tục, để cô gia cúng vào đền thờ vua Trưng mười mẫu kim điền.

Việc nghị sự xây đền vua Trưng đã xong. (3)

– Bây giờ nghị tới việc chi tiêu của nội cung. Thần xin để Thái-tử thiêm-sự khải.

Một văn quan bước ra:

– Thần Thái-tử thiêm sự, lĩnh Hộ-bộ tham tri Văn Đức-Ý xin khải.(4)

– Trong hai năm vừa qua, việc chi dụng của nội cung lên quá cao. Cao nhất kể từ khi bản triều lập chính thống. Hiện quốc sản, công nho trống rỗng, đến nỗi hai tháng qua, binh tướng các lộ chưa được phát bổng. Vì vậy buổi thiết triều hôm qua, đình thần nghị tìm cách giảm chi nội cung, và giao

cho Đông-cung triều nghị chi tiết, nên giảm chi ở cung nào? Giảm người? Giảm mua sắm? Hay tăng thuế?

Thái-tử xua tay:

– Cô gia thấy giữa hai việc giảm chi với tăng thuế, thì ta nên chọn việc giảm chi. Xưa, thời Thuận-Thiên, đức Thái-tổ cai trị trong mười tám năm, mà không hề tăng thuế, trái lại tha thuế đến sáu năm. Tính chung, cứ hai năm, thì tha thuế một năm. Cái ân đức trải khắp lê dân đó, mới khiến triều đình bảo dân nhảy vào nước, vào lửa, họ cũng tuân. Do thế, nên Đại-Việt ta, Nam bình Chiêm, Bắc đánh Tống. Nay ta không tha thuế được, thì cũng đừng tăng thuế...

Thái-tử hỏi Đức-Ý:

– Bây giờ khanh cho biết, tại sao trong hai năm qua, chi tiêu nội cung lại quá cao? Cung nào tăng? Ai chuẩn cho tăng? Phần dự trữ quốc sản đâu, mà binh tướng không được phát bổng?

– Khải, trong hai năm qua, tại tất cả các cung không xây cất thêm, không tuyển thêm người. Nhưng chi phí tăng là tăng ở cung Cảm-Thánh.

Nghe nói đến cung Cảm-Thánh, các quan đều đưa mắt nhìn nhau đầy bối rối.

– Tăng như thế nào?

Thái-tử hỏi: Tăng người? Tăng xây cất hay tăng chi tiêu?

– Khải, tăng cả ba. Thứ nhất, thái-hậu tuyển ba đội thị vệ nam, hai đội thị vệ nữ. Thứ nhì, thái-hậu bổ nhiệm hơn trăm quan chức các loại. Thứ ba, thái-hậu tăng sổ cung nga, thái giám lên gấp mười lần. Lại nữa thái-hậu cho xây cất dinh thự, doanh trại cho các tân quan, tân thị vệ.

Thái-tử hỏi các quan:

– Chư khanh nghĩ sao? Muốn giảm chi ở cung Cảm-Thánh thì cô gia bất lực mất rồi. Từ hơn hai năm nay, bất cứ việc gì liên quan tới cung Cảm-Thánh, thì từ phụ hoàng cho đến mẫu hậu đều không dám mó tay vào cái tổ ong bầu này. Chư khanh tính xem, ta có thể giảm chi ở các cung khác không? Hà! Nhất định cô gia không cho tăng thuế.

Thái-phó Hoàng Nghĩa-Hiền bàn:

– Chỉ dụ của thái-tử tỏ ra là đãng trù quân nhân đức. Nhưng nếu không tăng thuế thì lấy gì để chi dụng? Còn giảm chi ư? Thần xét kỹ, các cung, các điện đều tiết giảm chi tiêu tới mức thấp nhất rồi, không thể giảm hơn được nữa. Bây giờ Văn Thiêm-sự hãy tâu chi tiết về các khoản chi dụng năm qua tại cung Cảm-Thánh, rồi đình nghị để tìm lối thoát.

Văn Đức-Ý xuất ra một tập sách mỏng, rồi tâu:

– Vào thời Linh-Nhân hoàng thái hậu, cung Ý-Lan chỉ có một đội cung nữ, một đội thái giám, mỗi đội mười hai người, và một đội thị vệ mười tám người. Ngoài ra bộc phụ, mã phu, ngự trù mười tám người nữa. Cộng sáu mươi người. Hiện nay tại cung Linh-Cảm, thì cung nữ, thái giám đều có mười đội. Tăng 216 người. Tính chung, nuôi ăn, cư trú, trả bổng, y phục, mỗi người một tháng ba lượng vàng. Cộng một năm tăng 7776 lượng. Muốn có số vàng này thì phải thu thuế mười vạn mẫu ruộng loại nhất đẳng kim điền.

Các quan đều ngao ngán đưa mắt nhìn nhau.

– Chư đại thần của triều đình là 72 vị. Trong khi các quan chức của cung Cảm-Thánh hơn trăm vị. Thái-hậu ban chỉ phát bổng cho chư quan cung Cảm-Thánh cao hơn các quan của triều đình rất nhiều. Người nào cũng có nghi vệ như xe, ngựa, lính hầu. Chi phí cho hơn trăm quan của cung Cảm-

Thánh còn cao hơn tổng cộng chi phí của triều đình với Đông-cung quan. Tính đổ đồng, năm vừa qua, chi cho các quan cung Cảm-Thánh là một vạn hai nghìn lượng vàng. Muốn có số vàng này thì phải thu thuế mười lăm vạn mẫu ruộng loại nhất kim đắng điền.

Các quan đều suýt xoa, về số chi kinh khủng này.

Đức-Ý tiếp:

– Về ba đội thị vệ nam, hai đội thị vệ nữ, quân số hơn năm trăm người. So với thời Linh-Nhân hoàng thái hậu, tăng 508 người. Theo quan giao của triều đình, thì thị vệ hưởng bổng bằng tam phẩm. Nhất đắng thị vệ bằng nhất phẩm. Lại phải mua sắm vũ khí, xe cộ, lừa ngựa, y phục, doanh trại y dược... trăm thứ tốn kém. Tổng chi hằng năm của năm đội thị vệ này còn cao hơn năm hiệu Thiên-tử binh nữa. Nếu cộng tất cả chi phí của cung Cảm-Thánh lại, thì bằng chi phí của cả triều đình, nội cung và mười hai hiệu Thiên-tử binh. Nghĩa là bằng một nửa tổng chi phí toàn quốc. Hai năm qua, phần chi thì thêm, mà phần thu thì vẫn thế, nên quốc sản khánh kiệt, kho đụn trống rỗng, tình trạng thực nguy vô cùng.

Long-Xưởng hỏi:

– Khanh nói nguy, là ý thế nào?

Thái-phó Hoàng Nghĩa-Hiên biết học trò mình chưa được giảng về vấn đề này ông đỡ lời Đức-Ý:

– Khải thái-tử, nguyên vào thời đức Thánh-tông, khi ngài bình Chiêm, bấy giờ Linh-Nhân hoàng thái hậu còn là Ỷ-Lan thần phi, hậu thay vua nhiếp chính. Thái-hậu thấy rõ cái họa Chiêm-thành, cái ách Trung-quốc, bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra chiến tranh. Mà chiến tranh thì chi tiêu tốn kém vô cùng. Lỡ ra khi chiến tranh xảy ra thành lình thì lấy đâu ra để chi dụng? Vì vậy thái-hậu cho thiết lập một quốc khố dự trữ gấp rưỡi số chi hàng năm trên toàn quốc. Hóa cho nên mấy chục năm qua, quốc khố luôn luôn duy trì tình trạng đó. Nhưng trong hai năm qua, chi tiêu quá nhiều, thành ra quốc khố dự trữ hết sạch. Giả như thành lình quốc gia hữu sự thì lấy đâu ra để chi dụng? Vì vậy Văn Thiêm-sự mới khải rằng nguy...

Thái-tử thiếu bảo Tô Hiến-Thành khải:

– Từ xưa đến giờ, chư sự nội cung thì triều đình không thể, không nên bàn đến. Thời đức Thánh-tông, khi Linh-Nhân hoàng thái hậu đưa ra quốc kế giảm chi nội cung, Thái-sư Lý Đạo-Thành cùng các đại thần đều từ chối nghị sự. Sau đích thân đức Thánh-tông phải phụ trách công việc này. Nay trên thái-tử còn hoàng-thượng, hoàng-hậu, cao hơn còn có thái-hậu. Khi triều đình nghị sự việc gì, mà cung Cảm-Thánh bác bỏ, thì cũng đành bó tay. Vậy liệu Đông-cung triều nghị sự rồi có thi hành được không? Nên thần xin thái-tử diện tấu với hoàng-thượng về việc này thì hơn.

Thái-tử than thầm:

– Cái ông Tô này tương đối có tài cầm quân, minh hy vọng vào ông để có thể thanh toán bọn đầu trâu mặt ngựa đang ẩn thân ở cung Cảm-Thánh. Không ngờ ông cũng chỉ là thứ ngu trung mà thôi. Ta phải tìm người khác trợ giúp mới hy vọng.

Thế là vấn đề giảm chi nội cung đành gác lại.

Long-Xưởng buồn vô hạn, trong tâm thiếu niên này nảy ra những bất mãn:

– Mình muốn cho dân giàu, nước mạnh, nhưng phụ hoàng thì bị thái-hậu kiềm chế. Mà thái-hậu là người thất học, chuyên nghe lời bọn vô lại xúi dục. Làm sao bây giờ?

Thái-tử thở dài hỏi quan Thái-phó:

- Thưa thầy bây giờ đến vấn đề gì?
  - Vấn đề nghị sự thứ ba hôm nay là tìm thiện nhân cho thái-tử. Nguyên vào thời đức Thái-tổ, niên hiệu Thuận-Thiên thứ 3 (1012), ngài phong cho đức Thái-tông tước Khai-Thiên vương, truyền ra ở cung Long-đức ngoài thành, với ý muốn cho đức Thái-tông hiểu dân tình, cùng tiếp hào kiệt, kết nạp nhân tài. Nay thái-tử được phong chức tước, được lập làm trừ quân, lệ này được tái lập.
- Thái-tử hiểu ý ông thầy, trong lòng thiếu niên nghĩ thăm:
- Đất nước mình không thiếu gì những anh tài, những hào kiệt có lòng son với xã tắc. Ta nhân việc cũ, tiếp xúc với dân, mà khuất thân cầu hiền, thì cái phong khí thời đức Thái-tổ, Thái-tông có cơ phục hưng.
  - Vậy bây giờ ta phải làm gì?

Thái-tử hỏi: Thầy dậy cho biết phải làm việc gì trước? Việc gì sau?

Thái-sư Lưu Khánh-Đàm khải:

- Xin thái-tử ban chỉ cầu hiền tài, rồi sai in thành nhiều bản gửi xuống tận xã ấp. Hằng ngày, thái-tử tiếp võ lâm, kẻ sĩ, lắng nghe những lời ngay thẳng của họ. Lại ra sức khuất thân chiêu hiền đãi sĩ như Khai-Quốc vương trước đây, thì chẳng mấy chốc nhân tài sẽ xuất hiện.
- Đấy là đại cương. Nhưng chi tiết, phải chiêu mộ ai trước?
- Về võ, đầu tiên phải cầu là tổ chức đại hội võ lâm. Từ thời Đinh, mỗi năm vào ngày 15 tháng tám là ngày giỗ Bắc-bình vương Đào Kỳ với vương phi Phương-Dung, võ lâm tổ chức đại hội tại Lộc-hà, Hội-phụ. Nhưng từ sau khi đức Thần-tông băng, Đỗ thái hậu nhiếp chính, người nghe lời Anh-Vũ, nghi ngờ võ lâm, rồi ban chỉ bãi bỏ. Kể từ đấy phong khí luyện võ trong nước không còn nữa. Nay thái-tử ban chỉ tái tổ chức giỗ Bắc-bình vương, lại mở khoa thi tuyển người tài, cho làm tướng. Như vậy nhân tâm đều hướng về triều đình, võ lâm đều theo gió mà quy phục.

Thái-tử cung tay hướng Thái-phó Hoàng Nghĩa-Hiền:

- Xin thầy cho soạn chỉ cầu hiền, tổ chức giỗ Bắc-Bình vương cùng thi võ. Chư sự nhất nhât chiếu theo những gì thời đức Thái-tổ đã làm.

Thái-phó tiếp:

- Về việc thái tử luyện võ thì cần phải khéo léo một chút. Thái-hậu là chúa Hoàng-thành, người từng ban chỉ cấm tất cả phi tần, cung nga, thái giám luyện võ. Trước kia thái tử ở trong Hoàng-thành thì bị chi phổi bởi lệnh này. Nay thái-tử ra ở Đông-cung. Đông-cung nằm ngoài Hoàng-thành, trong Đông-cung có nhiều phòng luyện võ từ thời đức Thái-tổ để lại. Vì vậy thái-tử có thể dùng các phòng này, rồi tuyển gia sư luyện võ cho thân thể khỏe mạnh.

Đến đó buổi thiết triều chấm dứt.

Lễ quan hô:

- Thái-tử hồi cung. Bãi triều.

### **Ghi chú của thuật giả:**

- (1) Đông-trùng hạ thảo: Tên một vị thuốc, thường biến thể từ côn trùng sang thảo mộc, và ngược lại. Nhưng thực ra đây là một loại thực vật tên khoa học là *Cordyceps sinensis* ký sinh vào loại côn trùng tên khoa học là *Hepialus armoricanus* Oberthur. Về mùa Hạ thì cây mọc lên như cỏ. Về mùa Đông thì cây tàn, trùng lớn lên.

Vị thuốc này thường thấy ở Tứ-xuyên, Thanh-hải, Cam-túc, Tây-tạng bên Trung-quốc. Ở Việt-Nam thường thấy ở vùng biên giới phía Bắc.

Chủ yếu tác dụng: Nhập vào các kinh phế, thận. Theo y học Trung-quốc, Đông-trùng Hạ-thảo dùng để trị các bệnh phổi, thận.

Về bệnh phổi: Ho ra máu, suyễn do hư chứng, mồ hôi trộm.

Về bệnh thận: Nam bất lực sinh lý, di tinh, đau ngang thắt lưng. Phụ nữ không thụ thai do hư nhược (Infertilité).

Ngoài ra còn dùng để phụ trợ giúp bệnh nhân phục hồi sức khỏe, sau thời gian dài bị bệnh.

Từ khi có Viagra, thì Đông-trùng Hạ-thảo trở thành đắt vô cùng. Bởi Viagra chỉ có tác dụng làm dẫn nở mạch máu, để máu chạy xuống...cây gậy thần của quý ông. Nhưng nếu thận của quý ông nó...mệt mỏi, hoặc nó đã đi vào tuổi cổ lai hy (70) thì tuy dùng Viagra, cây gậy thần dựng dậy, nhưng làm hoài mà nó...nó không ra thì sao? Thảng hoặc nó có ra, nhưng chỉ một hai lần, rồi khô, thì đâu có sướng? Vì vậy chúng tôi (Cơ sở nghiên cứu tổng hợp y học Âu-Á) phải cho Viagra hết hôn với Đông-trùng Hạ-thảo.

(2) Quốc-phụ đây để chỉ Khai-quốc vương Lý Long-Bồ, con thứ nhì của vua Lý Thái-tổ. Ngài là cột trụ của triều vua Thái-tổ, Thái-tông, Thánh-tông. Xin đọc Anh-hùng Tiêu-sơn, Thuận-Thiên di sử, Anh-hùng Bắc-cương, Anh-linh thần võ tộc Việt và Nam-quốc sơn hà của Yên-tử cư-sĩ.

(3) Việc này ĐVSKTT, Lý kỷ, Anh-tông kỷ chép giản dị như sau:

«...Canh Thìn, niên hiệu Đại-Định năm thứ 21, Tống Thiệu-Hưng năm thứ 30 (DL.1160), mùa Xuân tháng giêng, làm đền thờ Hai Bà ở phường Bố Cái...»

Huyền sử nói rằng, Hai Bà nhảy xuống sông Hát-giang tự tử. Anh linh hóa thành tượng đồng, đến thời Lý thì trôi đến bờ sông Hồng ngoại thành Thăng-long, chiếu hào quang sáng rực, rồi báo mộng cho dân chúng biết. Dân chúng ra chỗ ấy thì thấy hai tượng đồng, bèn vớt lên rồi xin triều đình cho lập đền thờ. Nhân đó đặt tên xã ấy là Đồng-nhân (Nay là phường Đồng-nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà-nội). Đến đời Lê bấy sông có đền tọa lạc bị nước xói lở, dân chúng lại di chuyển đến đến xã Đại-tử. Vào thời Gia-long (1818) đất lại bị lở đền di chuyển đến địa điểm hiện nay.

Chỉ đọc giả Anh-hùng Đông-a mới được biết chi tiết việc này mà thôi. Nếu đọc giả muốn hành hương đền này thì cứ về Hà-nội, đi xe đến quận Hai Bà Trưng, sẽ thấy đền tọa lạc cạnh Viên-minh tự. Viên-minh tự là nơi mà thuật giả có nhiều kỷ niệm thời thơ ấu. Bởi bản sự trụ trì tại đây. Trước kia thì chùa do sư ni trụ trì, đền do thủ túc trông coi riêng. Từ sau khi bản sự trụ trì thì ngài kiêm luôn. Năm 1993, thuật giả trở lại viếng đền chùa, chỉ gặp sư cô Đàm Vinh là vai sư địệt của thuật giả. Sư cô dẫn thuật giả thăm đền, chùa cùng tháp của bản sự.

Độc giả muốn thêm về ngôi đền này có thể tìm trong các thư tịch sau.

### Bảng chữ Hán:

- ĐVSKTT Lý kỷ, Anh-tông kỷ.
- Đại-việt địa dư chí.
- Hà-nội địa dư chí.
- Thăng-long cổ tích khảo.,
- Hà-nội sơn xuyên phong vực.
- Các tỉnh địa dư chí.

- *Bắc Thành địa dư chí lục,*
- *Bắc-kỳ giang sơn cổ tích bị khảo,*
- *La-thành cổ tích vịnh.*

**Bằng chữ Việt: của Yên-tử cư sĩ gồm ba bộ.**

- *Anh-hùng Lĩnh-Nam,*
- *Đông-dình hổ ngoại sứ,*
- *Cẩm-khé dì hận.*

*đều do Nam-á Paris xuất bản.*

(4) Như vậy Ý linh hai chức vụ. Chức vụ Đông-cung quan là Thái-tử thiêm sự, tương đương với ngày nay là bộ trưởng phủ Tổng-thống hay Thủ-tướng. Chức vụ của triều đình là Tham-tri bộ hộ, tương đương với thứ trưởng bộ Tài-chánh.

**Hồi thứ tư**  
**Nhin về phương Bắc,**  
**Chinh đốn phương Nam.**

Khi vua Lý Thái-tổ lên ngôi vua, ngài đã thiết lập các Kinh-diên quan để dạy các hoàng tử. Thông thường mỗi hoàng tử đều có nhiều Kinh-diên quan giảng dạy. Nhà vua, đôi khi là hoàng hậu sẽ chọn một trong các Kinh-diên quan, làm thầy chính cho mỗi hoàng tử. Thầy của Thái-tử được gọi là Thái-tử thái phó. Khi Thái-tử lên ngôi vua, thì ông thầy riêng này trở thành một đại thần phụ chính, giữ chức Thái-phó, hay Thái-sư, uy quyền bao trùm triều chính. Ông là cố vấn cho vua mọi vấn đề, được miễn mọi lễ nghi: Không phải quỳ tâu, không phải xưng tên, chức tước, được ngồi ghế.

Đại-Định hoàng-đế lên ngôi vua, mới ba tuổi, nên chưa có Kinh-diên quan, dĩ nhiên không có Thái-phó. Đỗ Anh-Vũ không hề dạy nhà vua, văn dốt, vũ rát, cũng cứ được phong làm Thái-sư. Khi nhà vua bắt đầu học chữ, thì hai đại thần là Thái-úy Lưu Khánh-Đàm, Thượng-thư bộ Lễ Hoàng Nghĩa-Hiền được cử làm Kinh-diên quan. Năm nhà vua mười lăm tuổi thì Hoàng Nghĩa-Hiền mới được phong chức Thái-phó. Còn Lưu Khánh-Đàm thì vẫn chỉ là Thái-úy. Hai đại thần vẫn chưa được hưởng cái danh dự: Khi thiết triều được ngồi, không phải xưng tên họ, không phải quỳ gối.

Trước đây, khi Đỗ Anh-Vũ còn sống, mỗi khi một Kinh-diên giảng quan nhập cung giảng sách cho Thái-tử, thì y sai một người ngồi dự thính, nói rằng đó là sứ giả của Thái-hậu, quan sát việc thị giảng. Nếu Kinh-diên giảng quan là Hoàng Nghĩa-Hiền, Lưu Khánh-Đàm thì chính Anh-Vũ hoặc Thái-hậu ngồi nghe. Nếu hai ông giảng kinh, sách, thơ, văn thì không sao. Còn mỗi khi hai ông giảng về chính sự cổ kim của Đại-Việt, của Trung-quốc, thì Thái-hậu bắt ngừng ngay. Vì vậy hai ông chỉ giảng về văn thơ mà thôi. Từ ngày Anh-Vũ bị giết, hai ông mới được tự do giảng bất cứ điều gì mà hai ông muốn.

Hôm nay, sau buổi thiết Đông-cung triều đầu tiên, Long-Xưởng nói với Lưu Khánh-Đàm:

– Thưa thầy, hôm qua con đọc bộ Dụng binh yếu chỉ, của công chúa Thánh-Thiên có nhiều chỗ không hiểu. Xin thỉnh thầy vào cung khai sáng cho con.

Các quan ra về. Riêng Khánh-Đàm theo Thái-tử vào Đông-cung. Một đoàn thái giám, cung nữ theo sau. Biết chúng theo dõi mình, nhưng Long-Xưởng coi thường. Vương ban chỉ cho vú Loan:

– Xin u (tiếng bình dân để chỉ mẹ đẻ, mẹ nuôi, vú nuôi sữa) dạy con Nhài mang rượu, hoa quả vào thư phòng, để con vừa học, vừa dâng cho quan Thái-sư.

Hai thầy trò vào ngự thư phòng, chủ khách phân ngôi xong, vương mở cuốn Dụng binh yếu chỉ ra, để trước mặt Lưu Khánh-Đàm:

– Đây, thưa thầy đoạn này khó hiểu quá, mong thầy chỉ dẫn cho.

Khánh-Đàm nhìn vào trang sách, bất giác ông giật mình, vì giữa trang sách có mẩu giấy viết: «Thưa thầy, tất cả cung nga, thái giám, mã phu, bộc phụ đều là người tai mắt của Thái-hậu cả. Con có nhiều điều muốn thỉnh giáo thầy. Vậy thầy có cách nào, để con được gặp riêng thầy không?».

Khánh-Đàm biết phía sau ông với Thái-tử, bọn cung nga, thái giám đang hướng mắt, vểnh tai nghe ngóng, ông vội nói:

– Đoạn này, lối văn cổ, quá tối nghĩa, Thái-tử không hiểu cũng phải. Nghĩa chính của nó như sau «Đất nước ta vốn thuộc vùng thấp nhiệt, chỗ nào cũng có đồng ruộng, ao hồ, nên ta cần luyện đoàn binh, mà không cần luyện trường binh» .

– Thưa thầy, thế sao thời đức Thái-tổ, Thái-tông, Khai-Quốc vương lại luyện cả trường binh, lẩn đoàn binh?

– Không có gì lạ cả. Bởi bấy giờ vương đang muốn chỉ ngọn cờ lên Bắc đòn lại cõi thổ. Chiến trường Quảng-Đông, Quảng-Tây, Vân-Nam là nơi ta có thể dùng trường binh. Để thần chú giải chi tiết đoạn này, hầu Thái-tử.

Nói rồi ông cầm bút viết:

«Rằm tháng sau, Thái-tử lấy cớ xem dân cho biết sự tình, rồi hành hương dến thờ Linh-Nhân hoàng thái hậu ở Dương-xá. Thăng Ba là một người có rất nhiều bí ẩn. Cao nhất là Hoàng-thượng, Hoàng-hậu, điện hạ, cho đến triều đình đều không biết lý lịch y ra sao. Khi điện hạ xuất cung, ắt y sẽ đánh xe để kiểm soát. Thần có cách tìm ra căn cước y. Khi đi giữa đường, điện hạ đổi ý, bắt y đưa đi hành hương dến Kiêu-kị, thờ công chúa Gia-Hưng thời Lĩnh-Nam. Lão thần xin sắp xếp mọi sự».

Thế rồi Lưu Khanh-Đàm chuyển qua giảng về chính sự Đại-Việt thời vua Thái-tổ, Thái-tông, Thánh-tông, Nhân-tông. Sau khi giảng xong, ông hỏi:

– Không chóng thì chầy, Thái-tử sẽ lên ngôi cửu ngũ. Vậy thần muốn nghe cái chí của Thái-tử.

Long-Xưởng ngồi ngay ngắn lại, chắp tay xá Khanh-Đàm:

– Thưa thầy, chí của con là muốn gây dựng lại sự nghiệp của các vị tiên vương. Muốn thế thì trước hết phải làm gì?

– Trước hết phải biết mình, biết người. Người đây là Tống. Không biết Thái-tử có thấy thế không?

– Thưa thầy, con thấy chính sự của ta an hay nguy, thịnh hay suy, đều tùy thuộc vào lẽ thịnh suy của Trung-quốc. Thầy đã giảng về chính sự, pháp độ của tiên đế. Bây giờ con xin thầy giảng cho nghe về những biến cố của Trung-quốc vào thời Tuyên-Hòa, Tĩnh-Khang. Những biến cố này quá mới, nên chưa chép thành sử sách.

– Thái-tử hỏi vậy thực phải.

Ông hớp một chung trà rồi cất tiếng sang sảng:

– Thời vua Thần-tông, vì nghe lời Vương An-Thạch, vua dồn toàn lực các đội quân tinh nhuệ đang đối diện với Liêu, Hạ sang đánh Đại-Việt. Nhà vua hy vọng chiếm Đại-Việt trong một vài tháng, rồi đem tù-hàng binh Việt hợp với các đội quân đó quay lên Bắc chống Liêu, đòi lại một phần ba lãnh thổ bị Liêu chiếm. Nhưng, như điện hạ biết, các đội quân đó bị quân Việt, bị lam chướng giết gần hết. Tin này đưa về Liêu, Hạ. Hai nước cùng đem quân vượt biên tràn sang đánh Tống. Các đại thần Tống không biết làm gì hơn là cắt đất cho Liêu, cho Hạ để được an thân. Trải qua đời vua Triết-tông (1086-1100) lãnh thổ Tống càng thu hẹp, triều đình càng suy đồi. Đến thời Huy-tông (1101-1125) thì mất nước. Vua bị bệnh tật liên miên, lại say mê đạo Lão, coi mọi việc đều là hư ảo. Chính sự càng suy đồi. Bấy giờ Liêu bị một bộ lạc trong nước hưng thịnh lên, đem quân đánh đổ, lập ra nước Kim. Kim chiếm tất cả lãnh thổ của Liêu, chiếm luôn lãnh thổ Tống cắt dâng cho Liêu, rồi đem quân đánh Tống. Khi quân Kim đang tiến như vũ bão, thì vua Huy-tông đóng cửa cung tĩnh tu. Niên hiệu Tuyên-Hòa thứ bẩy (Aát Ty, DL.1125), vua nhường ngôi cho Thái-tử Hằng, để đi tu.

Long-Xưởng cười thích thú:

– Dường như bấy giờ bên Đại-Việt là niên hiệu Thiên-phù Duệ-vũ thứ 6, đời đức Nhân-tông nhà ta thì phải?

– Khải điện-hạ đúng vậy. Thái-tử Hăng vừa khóc, vừa lên kế vị, tức vua Khâm-tông, lấy hiệu là Tĩnh-Khang. Khâm-tông tôn phong Huy-tông là Giáo-chủ đạo quân, Thái-thượng hoàng-đế. Năm này bọn Nùng Quỳnh, Mạc Thất-Nhân ở châu Quảng-nguyên bên ta làm phản. Đức Nhân-tông sai Lễ bộ thị lang Lê Bá-Ngọc mang quân đi đánh. Thắng. Bọn Nùng, Mạc bỏ chạy sang Ung-châu xin kiều ngụ. Quan trấn thủ Ung-châu của Tống vẫn còn ớn ta trong sáu vụ đánh sang vào thời các tiên đế, chỉ vì họ chưa chấp bọn phản loạn. Họ bắt chúng giao cho ta.

Long-Xưởng lại cười:

– Muôn đời, Trung-nguyên luôn dòm ngó các nước lân bang, thấy yếu là ép, thấy mạnh là lùi.

– Năm sau, niên hiệu Thiên-phù Duệ-vũ thứ bảy, bên Tống là Tĩnh-Khang nguyên niên (1126). Đức Nhân-tông nghe bên Tống hỗn loạn, có ý hợp với Kim đánh Tống, rồi chia hai thiên hạ. Ta lấy vùng Nam sông Trường-giang tức từ Trường-sa trở xuống. Phần còn lại nhường cho Kim.

Long-Xưởng thích quá suýt xoa:

– Tuyệt. Thưa thầy như vậy ta chỉ đòi lại phần đất bị Trung-nguyên chiếm, chứ ta đâu có lấn chiếm của họ?

– Điện-hạ luận đúng.

– Con có một thắc mắc là, vào thời Lĩnh-Nam vua Trưng từng chiếm lại được vùng này. Lại nữa vào thời đức Thái-tông, Khai-Quốc vương đã hợp táng vùng tộc Việt giúp Nùng Trí-Cao tái chiếm cõi thổ xưa. Sau đó bị bại. Thế mà vào thời đức Nhân-tông, khi ta đem quân phạt Tống. Sau khi diệt viện binh ở Hỏa-giáp, Hoài-hóa thượng tướng quân, Trực-tâm hầu Lý Đoan đã đề nghị với Trung-Thành vương rằng nhân thế thắng như chẻ tre, nên đem quân vượt Ngũ-lĩnh, chiếm Trường-sa, tái lập cõi thổ thời Lĩnh-Nam. Tại sao bấy giờ ta không ra quân, mà bây giờ lại muốn ra quân?

– Điện-hạ hỏi vậy thực phải. Bấy giờ ta không thể ra quân, vì ba lý do. Một là, binh lực Tống mạnh hơn bao giờ cả. Sở dĩ ta đánh sang mà thành công, vì ta xuất binh, tuyệt Tống không ngờ, không phòng. Ta cần rút về cõi thủ để chống lại cuộc phục thù của Tống. Hai là bấy giờ quốc sản của Tống giàu có, lương thực sung túc. Ba là các nước Liêu Hạ đang án binh bất động. Ta ra quân, thì mình ta phải đương với Tống.

Long-Xưởng cung tay:

– Đa tạ thầy. Bây giờ con thử trình bầy ba lý do mà đức Nhân-tông muốn xuất quân, để thầy bổ khuyết cho. Một là lãnh thổ Tống hiện giờ hẹp hơn thời vua Thần-tông nhiều. Hai là lương thực, quân dụng, binh lực Tống bây giờ thua thời Thần-tông xa. Ba là, bây giờ Tống đang bị Kim bức ở phía Bắc muốn nghẹt thở, nếu phía Nam mà ta ra quân thì sẽ thành công.

Khánh-Đàm mỉm cười, khi thấy người học trò của mình kiến giải thức sáng sủa. Ông giảng:

– Còn một điều nữa khiến đức Nhân-tông ra binh là... Thời Lĩnh-Nam, ta chiếm lại được cõi thổ, nhưng không giữ nổi, chỉ vì trong vùng tái chiếm, cứ ba người Hán mới có một người Việt. Người Hán nổi lên Bình man quy Hán. Nhưng nay, dân Trung-nguyên quá bất mãn với triều Tống. Vùng Tống nhượng cho Liêu, cho Kim, dân chúng ấm no, không có giặc cướp, lại chẳng có nạn tham quan ô lại. Khi họ chấp nhận sống dưới quyền cai trị của Kim được, thì họ cũng có thể sống dưới quyền cai trị

của ta. Nếu như ta tái chiếm cỗ thồ, họ sẽ không giúp Tống triều, mà ngược lại còn có thể theo ta, giúp ta. Ta cai trị dễ dàng.

– Thưa thầy, thế việc liên minh này tiến hành ra sao?

– Đức Nhân-tông nhân vụ Tống bắt туị phản loạn trao cho ta, người lấy cớ đó sai sứ mang tài vật sang cống để tạ ơn, nhưng thực ra là dó xét tình hình. (1)

Long-Xưởng hỏi:

– Thưa thầy, rồi sau đó ta có sai sứ sang Kim không? Tại sao việc Bắc tiến lại bãibỏ?

– Có đấy chứ. Đức Nhân-tông chuẩn bị sai sứ sang Kim. Nhưng sứ chưa lên đường, thì người bãng. Vụ phục hồi cỗ thồ từ đấy không ai nói đến nữa. Mà dù có người nêu ra, cũng chẳng ai nghe, vì quốc sản khánh kiệt, binh lực tan rã sau cuộc nội chiến Thân Lợi khởi binh diệt Anh-Vũ không thành. Rồi Thiên-tử binh bị giải tán.

Đến đó con Nhài, người đầy tớ trung thành của vú Loan mang theo, nó bưng vào một đĩa chim bồ câu quay, một đĩa chả mực. Long-Xưởng rót một chung rượu đậu nành, hai tay trân trọng dâng cho Khánh-Đàm:

– Xin thầy cạn chung .

Rồi gấp đùi bồ câu quay bỏ vào bát Khánh-Đàm.

Vào thời phong kiến xưa, hoàng-đế, hoàng hậu, thái-tử ban thưởng thức ăn cho các quan là sự thường. Nhưng thái độ cung kính đai hiền của Long-Xưởng rất hiếm. Khánh-Đàm cảm động vì học trò hiếu kính thì ít, mà mừng vì tương lai Đại-Việt có một vị hoàng-đế mẫn tiệp, biết nghe lời ngay, biết chiêu hiền, đai sỹ không kém gì vua Trưng xưa; không thua gì Khai-Quốc vương trước đây... thì nhiều.

Ông vừa ăn, vừa chỉ vào con Nhài:

– Con bé này là người thế nào? Dương như nó không phải là cung nga, nên thần không thấy nó trang phục như cung nữ?

– Thưa thầy nó là đứa con gái bất hạnh, rồi vú Loan mua về để hầu hạ Tăng Khoa. Khi vú nhập cung, thì mang nó theo.

Vương nói nhỏ:

– Trong Đông-cung này chỉ có vợ chồng vú Loan, đứa em sữa Tăng Khoa với nó là người thân tín của con.

– Tôi nghiệp, đứa con gái này lưng ong chân tay dài, bàn chân bàn tay như úp măng, da trắng, dáng đi nhẹ nhàng uyển chuyển... chỉ phải cái mặt rõ, bãng không thì là một tuyệt thế giai nhân.

Con Nhài cung tay:

– Tiểu tỳ đa tạ Thái-sư ban khen.

Nói rồi nó đứng hầu phia sau ông.

Lưu Khánh-Đàm tiếp:

– Năm Thiên-phù Khánh-thọ nguyên niên đời vua Nhân-tông (Đinh Mùi, DL. 1127). Bên Tống là năm Tĩnh-Khang thứ nhì, Kim Thái-tổ A Cốt Đà sai con thứ nhì tên Oát Ly Bất cùng với tướng Niêm-Hãn đem quân đánh Tống. Oát Ly Bất phá tan các đạo quân của Tống, tiến về vây Biện-kinh. Tháng năm, năm ấy Biện-kinh thất thủ. Người Kim cướp hết tài vật mấy nghìn năm tại Biện-kinh, bắt hai vua Tuyên-Hòa, Tĩnh-Khang, hoàng hậu, phi tần, cung nữ mang về Bắc. (2)

- Ban nãy thầy dạy rằng dân Tống chán ghét triều đình. Thế sao nay, võ lâm, hào kiệt còn giúp Triệu Cầu?
- Nguyên do như thế này: Kim đem hai vua về Bắc, làm nhục quá đáng. Họ bầy tiệc để chúa tôi vừa uống rượu vừa đem hai vua ra hành hạ. Họ đào một cái hố, chứa than quạt cho lửa hồng, lấy vỉ sắt đậy lên. Chúng bắt hai vua Tống mặc y phục da khỉ, đội mũ, đeo mặt nạ như khỉ, chân tay đeo lục lạc. Cuối cùng họ bỏ hai vua lên vỉ sắt. Chân hai vua bị nóng quá, nhảy chồm chồm lên, miệng rên la, lục lạc khua, giỗng hét hai con khỉ. Chúa tôi Kim vừa uống rượu, vừa reo hò khoan khoái.
- Con hiểu rồi.

Long-Xưởng đoán: Tin này đưa về Trung-nguyên, khiến cho hào kiệt, võ lâm, dân chúng nổi giận... Họ nổi giận vì tự ái, mà phật cờ, chứ không vì triều Tống.

– Đúng vậy. Trong các hào kiệt, tướng sĩ ấy, có năm người thuộc loại kiệt hiệt là Hàn Thế-Trung, Trương Tuấn, Ngô Giới, Ngô Lan, Nhạc Phi. Năm người đánh những trận long trời lở đất, chiếm lại được hầu hết các vùng ở phía Nam, Đông. Võ lâm Trung-nguyên gọi họ là Trường-giang ngũ kiệt.

– Trong năm người đó thì Nhạc Phi nổi tiếng hơn hết. Vậy tiểu sử ông ta ra sao?

– Ông ta tự là Băng-Cử, người đất Thang-âm, Tương-châu (Nay thuộc huyện An-dương, tỉnh Hà-Nam). Sinh niên-hiệu Sùng-ninh đời vua Huy-Tông nhà Tống (Quý Mùi, DL. 1103). Rất có hiểu với mẹ. Nhà nghèo, hiếu học, lầu thông Tả-thị Xuân-Thu, Tôn-Ngô binh pháp. Lớn lên, tòng quân theo Tông Trạch, đánh Kim. Sau làm tiên phong cho Trương Tuấn đánh Lý Thành. Có công đầu trong việc đánh quân Kim, tái chiếm vùng Giang-Hoài, được phong Vũ-an quân Tuyên-thừa sứ. Chính tay Tống Cao-tông viết lên lá cờ bốn chữ Tinh trung Nhạc Phi ban tặng. Nhờ phái Thiếu-lâm gửi giúp ba trăm đệ tử, Phi tiến quân đánh bại danh tướng Kim là Ngột Truật, đuổi Kim chạy dài, tái chiếm mười thành trong một tháng. Được phong hàm Thiếu-bảo, giữ chức Hà-Nam Bắc-lộ chiêu thảo sứ. Sau trận này, Phi mới biết rằng có tài dùng binh, mà không có tướng võ công cao, cũng khó khắc địch. Phi cùng Hàn Thế-Trung, Trương Tuấn, Ngô Giới, Ngô Lan tổ chức đại hội võ lâm ở Nam ngạn Trường-giang. Anh hùng võ lâm các gia, các phái nghe lời hiệu triệu của năm tướng, bỏ hết ty hiêm, sai tử đệ kết thành đội ngũ, theo giúp quân Tống. Trong dịp ngày, anh hùng võ lâm bầu Nhạc Phi làm minh chủ, rồi ban hành một tờ hịch mang tên Phá Hồ, phục cừu. Nội dung có ba điều quan trọng. Một là phục hồi Biện-kinh, để bảo tồn quốc thể. Hai là đánh thốc lên Bắc đem hai vua Tuyên-Hòa, Tĩnh-Khang về, để giữ chính thống. Ba là diệt hết bọn Hồ, tuyệt mầm hậu hoạn.

Long-Xưởng lắc đầu:

- Năm ông tướng này khí tiết có, tài dùng binh có, mưu lược có, nhưng thiếu cái mẫn tiệp. Chung cuộc chắc sẽ gặp những thất bại, chết đuối trên cạn.
- Điện hạ thử đoán xem, Thiệu-Hưng để sẽ hành động như thế nào?
- Con chắc cái ông vua Thiệu-Hưng, phải tính kế để cha, anh không thể trở về. Có lẽ ông ta phải chọn một trong các đường lối hành động sau: Một là cắt đất, chịu nhục tiến cống, nhường cho Kim miền Bắc, còn y thì giữ miền Nam. Hai là triệu Trường-giang ngũ kiệt về triều, trao cho những chức thực lớn, nhưng vô quyền. Trong năm tướng anh hùng trên, thì tên Nhạc Phi có tài cầm quân nhất, y sẽ vu cho Phi cái tội gì đó, rồi đem giết. Bốn tên còn lại, thì muốn vo tròn, b López bẹp thế nào chẳng được.

– Quả đúng như Thái-tử ước tính. Thiệu-Hưng để nghe tin này, vội vã ủy cho Tể-tướng Tân Cối sai sứ sang Kim nghị hòa. Điều kiện Tống đưa ra là: Tống nhường vùng Hoài-Bắc cho Kim. Hằng năm Tống nộp cho Kim ba nghìn tấm lụa, mười vạn lạng bạc, một vạn lạng vàng, hai mươi vạn thạch lúa. Khi sứ Tống sang Kim, thì đúng lúc Trường-giang ngũ hùng đang tiến quân như vũ bão, dân chúng ở những nơi bị Kim chiếm nổi dậy làm nội ứng. Vì vậy Kim chúa băng lòng điều kiện của Tống đưa ra liền. Sứ Tống trở về phục mệnh. Nhưng trong khi đó, quân của Nhạc lại đánh bại Kim Ngột-Truật, chiếm Yển-thành, đang tiến về Chu-tiên trấn, cách kinh đô cũ của Tống có 45 dặm (22,5 km). Phi tuyên cáo với sĩ dân là, sau khi chiếm Biện-kinh, sẽ vượt Hoàng-hà lên Bắc diệt Kim, ép Kim trả hai vua (Canh Thân, DL. 1140). Tể tướng Tân Cối thấy nếu để Nhạc Phi tái chiếm Biện-kinh, thì thế lực Kim tan rã,ắt Kim trả hai vua về, rồi rút khỏi Trung-nghuyên. Vì vậy, một ngày, y phát tới 12 tấm kim bài, bắt Nhạc Phi ngừng tiến quân, về triều phục mệnh. Nhạc Phi vâng chỉ ngưng tiến quân, khiến tướng sĩ, hào kiệt cùng phản đối. Nhạc Phi về triều, được trao cho chức Khu-mật viện phó sứ. Anh hùng thiên hạ khắp nơi thấy việc làm của Tân Cối, họ nhao nhao lên, đòi đem quân về triều giết gian tặc. Cối thấy uy tín Nhạc Phi quá lớn, càng kinh sợ. Y sai chân tay là Mặc Sĩ-Tiết đàm hạch Nhạc Phi rằng: Tại sao có kim bài gọi về, mà vẫn quân? Phải đợi đến lần thứ mười ba mới chịu tuân chỉ. Cối sai giam cha con Nhạc Phi ở chùa Đại-lý, rồi giả chiếu chỉ giết đi (Tân Dậu, DL. 1141).

– Thưa thầy, con nghĩ việc gọi Nhạc Phi về, rồi giết chết Nhạc Phi là ông vua Thiệu-Hưng chứ không phải Tân Cối.

Khánh-Đàm không ngờ học trò mình lại thông minh ngư vậy, ông hỏi:

– Xin điện hạ minh giải?

Long-Xưởng bật cười:

– Cái ông Nhạc Phi này có tài cầm quân nhưng là một thứ ngu trung, không xứng làm đại tướng. Chỉ nên cho làm chiến tướng mà thôi! Như thầy giảng, triều đình Nam Tống là do Triệu Cấu lập lên với hàng vạn quan chức... Nếu nay Nhạc Phi đem được hai vua về, thì ngôi vua của Cấu sẽ phải trả cho ông anh là vua Khâm-tông; quan chức sẽ thay đổi toàn diện. Trong lịch sử Trung-nghuyên, thì đất không hai mặt trời, nước không hai vua. Khi một vua lên ngôi, thì một vua phải phế, rồi bị giết. Đó là lẽ thường tình. Con nghĩ, khi cái ông vua Thiệu-hưng nghe tin Nhạc Phi thắng trận, rồi truyền hịch đi khækép nơi đòn đánh thốc lên Bắc đem hai vua Huy, Khâm về. Lại được tin anh hùng ứng nghĩa đông đảo, thì sợ hãi đến mất hồn mất vía. Chắc chắn ông ta phải giết Nhạc Phi để tự vệ. Dù ông ta có ngu, thì bọn văn quan ở tòa Trung- thư, Thượng-thư lệnh bàn ra, tính vào với Triệu Cấu, rồi cuối cùng đã giết cha con gã ngu trung Nhạc Phi.

Khánh-Đàm tránh né không muốn phê phán Thiệu-Hưng để vì ông nghĩ đến việc Anh-Vũ lấn quyền Đại-Định hoàng-đế, nhưng chính nhà vua ban chỉ sát hại công thần, tôn thất. Nếu bây giờ ông kết tội Thiệu-Hưng để thì có khác gì kết tội Đại-Định hoàng-đế. Ông nói lảng:

– Đó chẳng qua là Thái-tử lý luận.

Long-Xưởng lắc đầu:

– Được rồi, bây giờ con xin kiến giải, để thầy cho biết cao kiến.

– Thứ nhất Thiệu-hưng hoàng-đế là ông vua thông minh, có tính quyết đoán. Ông ta lại là người cần lao chính sự, không việc gì mà ông ta không ghé mắt vào; trong khi Tân Cối là một tể tướng không có nhiều quyền. Thứ hỏi như vậy làm sao y có thể giả mạo chiếu chỉ, bắt một tướng đang thăêng

trận thẽ như chẻ tre lui quân? Rồi Nhạc Phi lui quân, một việc rầm rộ như thế mà nhà vua không biết ư? Lại nữa, Nhạc Phi đang cầm quân nghiêng nước, bỗng bị cách chức đem về làm việc ở trong triều đến bẩy năm sau mới đem ra xử tội, rồi đem giết ở trong ngục. Gã Triệu Cầu có mù, có điếc đâu mà không biết? Sau đó con Phi là Vân cùng với tùy tướng của Phi, bị mang ra chợ giết; tài sản bị tịch thu. Triệu Cầu có bị bưng bít đến đâu, y cũng phải biết chứ? Việc này rõ ràng rằng, cái gã vua Tống chủ trương. Bởi cho đến lúc này, Cõi cũng vẫn là tể tướng, được trọng dụng, tước tới Quận-vương. Nếu Cõi giả chiếu chỉ thì nhà vua không giết y, ăn cũng cách chức y, chứ có đâu vẫn trọng dụng y?

(3)

Khánh-Đàm ngừng lại, thở dài, chép miệng:

- Chả phải Trường-giang ngũ kiệt thiếu mẫn tiệp đâu, mà chỉ vì cả nghìn năm nay các tướng bên Trung-nghuyên tuy tài ba, dũng cảm, nhưng họ không thoát ra ngoài Tả-thị Xuân-Thu, Lục-thao, Tam-lược, Tôn-Ngô binh pháp mà thôi. Kìa Hàn Tín dụng binh như thần, một tay dựng nghiệp cho triều Hán, rồi kết quả cả ba họ bị giết. Thời Đông-Hán, Nghiêm Tử-Lăng một tay dựng nghiệp cho vua Quang Vũ, kết quả bị Quang Vũ ném vào tù định giết. Rất may được anh hùng Lĩnh-Nam cứu ra.
- Thưa thầy, theo các thư tịch trên của Trung-nghuyên, thì một đấng minh quân cần những đức tính gì? Một tể tướng cần những đức tính gì? Một vị tướng cần những đức tính gì?
- Thái tử hỏi vậy thực phải. Ta luôn phải đối đầu với Trung-nghuyên, thì cần phải biết các ông vua, ông tể tướng, các ông tướng của họ được đào tạo như thế nào. Biết được cái sở học của họ, ta mới ước tính cái sở hành của họ mà đối phó. Có phải thế không?
- Thưa thầy vâng.

– Thần xin vì Thái-tử mà nói về những ông vua, những ông đại thần, những ông tướng của Trung-nghuyên đã. Trước hết là những ông vua. Phàm làm vua phải hội đủ tám đức là: Nhân, hiếu, thông, minh, kính, tắc, kiệm, học. Các bà hoàng hậu, các bà phi, khi sinh ra một hoàng nam, là phải dạy cho con mình hội đủ bằng ấy đức tính. Khi bắt đầu học chữ, đến lượt quan Thái-phó phải dạy Tứ-thư, Ngũ-kinh, và luyện cho hoàng tử sao có đủ các đức tính trên. Trong tám đức thì đức nhân, đức hiếu là quan trọng nhất.

Long-Xưởng à lên một tiếng:

– Con hiểu rồi! Con hiểu rồi! Trước đây mỗi khi đọc Bắc-sử, thấy một ông vua băng, dù ông vua đó bất nhân, bất hiếu, ngu đần đến mấy đi nữa, thì ông vua con đặt tôn hiệu cho vua cha, nhất định ít nhất phải có hai hay ba chữ trong tám chữ trên. Như Tống Thái-tổ có chữ «chí minh, đại hiếu hoàng-đế». Vua Chân-tông có chữ «văn minh, võ định, chương thánh, nguyên hiếu hoàng-đế». Vua Nhân-tông có chữ «thần văn, thánh võ, duệ triết, minh hiếu hoàng-đế». Vua Thần-tông có chữ «anh văn, liệt võ, khâm nhân, thánh hiếu hoàng-đế». Chỉ duy vua Thái-tông là không có chữ hiếu trong thụy hiệu mà thôi. Thưa thầy tại sao vậy?

– Thái-tử minh mẫn thực, đã nhận ra cái khác thường ấy. Khi vua Thái-tông tại vị, cũng như sau khi băng, Tống triều tranh né nói đến chữ hiếu. Nên toàn triều Tống, duy vua Thái-tông là không có chữ hiếu trong thụy hiệu. Bởi ông đã làm một việc đại bất hiếu, bỏ di chúc của mẹ để lại, không nhường ngôi cho em là Tân-vương Đinh-Mỹ mà nhường ngôi cho con là vua Chân-tông. Trái lại ông vu hăm cho em những tội tưởng tượng, đây đi xa, rồi giết chết.

– Thưa thầy, còn các quan văn, quan võ của Trung-nghuyên, thì họ phải có đức tính gì?

- Cũng cần tám đức. Tám đức của quan văn là: Trung, chính, minh, biện, thứ, dung, khoan, hậu. Còn tám đức của quan võ gồm: Liêm, quả, trí, tín, nhân, dũng, nghiêm, minh.
- Thưa thầy, vì được huấn luyện như vậy, nên quan văn, quan võ của họ thiếu cái mẫn tiệp. Con thì con cho rằng quan văn hay quan võ cũng cần có nhiều đức, nhưng căn bản là tinh, minh, mẫn, cán. Đến đó viên thái giám hầu cận vào cung tay:

– Khải Thái-tử, phủ thừa Thăng-long có tấu trình khẩn.

Nói rồi y trình cho Long-Xưởng một trục giấy. Long-Xưởng trao cho Lưu Khánh-Đàm. Lưu cầm lấy đọc. Long-Xưởng thấy ông mờ to mắt, ngồi bất động, thì biết có việc chẳng lành. Vương hỏi:

– Thưa thầy, việc gì đã xảy ra?

– Thái-tử thiêm sự, Hộ-bộ tham tri, trên đường dư Đông-cung triều trở về bị ám toán. Ông ta bị giết cùng với mã phu. Con ngựa cũng bị giết. Ngõ-tác giáo nghiệm cho biết, ông ta cùng với mã phu, ngựa bị giết vì Huyền-âm chưởng.

Hai thầy trò cùng kinh hãi nhau: Đức-Ý bị giết nhất định do việc ông ta trình bầy những lạm chi của cung Cảm-Thánh. Như vậy rõ ràng một trong các quan dự Đông-cung triều đã mật tấu với Thái-hậu, và Thái-hậu đã ra lệnh cho người đi giết ông ta để dằn mặt các quan.

Đến đây thầy Khánh-Đàm hơi mệt, Long-Xưởng vái một vái:

– Xin thầy tạm nghỉ, ngày khác con lại thỉnh thầy tú giáo.

Long-Xưởng truyền cho cung nữ chầu hầu:

– Người mời Nhu-mẫn đoan duệ phu nhân.

Lát sau, vú Loan bước vào hành lễ với Khánh Đàm:

– Tiểu tỳ xin tham kiến Thái-sư.

– Phu nhân không nên đa lễ.

Vú Loan trao cho Long-Xưởng năm bao thư, với năm cánh thiếp:

– Khải điện hạ, cỗ dâng Thái-sư, Thái-phó, chư vị Kinh-diên quan, tiểu tỳ đã kiểm soát kỹ rồi. Chỉ còn chờ điện hạ ký vào thiếp này là tiểu tỳ thân đem đến dinh các ngài ngay.

Long-Xưởng ký rồi nói với Khánh-Đàm:

– Thưa thầy! Hôm nay là ngày con thiết Đông-cung triều lần đầu tiên. Nhớ công ơn dạy dỗ của các thầy, con sai làm cỗ dâng các thầy, gọi là tỏ lòng hiếu kính. Vú của con thân dẫn cung nga, thái giám mang tới dinh các thầy.

Khánh-Đàm nói mấy câu cảm tạ, rồi lên xe ra về.

Một cỗ xe tứ mã chạy vào cổng phủ. Thân binh báo:

– Có công chúa Đoan-Nghi xin cầu kiến.

– Để ta ra đón công chúa.

Long-Xưởng với Tăng Khoa ra cổng cung. Đoan-Nghi thấy anh thì reo lên:

– Anh! Nghe nói hôm nay anh thiết Đông-cung triều. Em học xong vội đến thăm anh. Sao, có mệt lắm không?

Long-Xưởng nắm tay em:

– Mệt gì thì mệt, nhưng cứ gấp em là anh hết mệt ngay.

Thấy trên xe còn có một thiếu nữ, dáng điệu thanh nhã, mắt bồ câu, da trắng mịn, môi hồng tươi. Nhất là cái lưng tròn. Thực là một tuyệt thế giai nhân. Thiếu nữ ngồi cạnh Đoan-Nghi, hành lễ với Long-Xưởng. Long-Xưởng hỏi:

– Ai đây?

– Là chị Bùi Trang-Hòa, con của cậu em.

Dù là Thái-tử, tước phong tới vương, dù là ông vua con, dù thông minh tuyệt đỉnh, từng sống trong Hoàng-cung, đã thấy không biết bao nhiêu cung tần, mỹ nữ, nhưng lần đầu tiên Long-Xưởng thấy một người đẹp như Trang-Hòa. Tự nhiên vương cảm thấy luống cuống:

– Thì ra Bùi tiểu thư, ái nữ của quan Thái-tử thái bảo, Lại-bộ tham tri Bùi Kinh-An, lĩnh đai Cân-chính điện thuyết thư đấy. Bùi thiếu sư là thầy của anh, thì Trang-Hòa là người nhà cả. Em mời Bùi tiểu thư vào chơi. Em với Bùi tiểu thư ăn cơm trưa với anh nghe? Hôm nay có món ngon đặc biệt lắm.

– Mẹ giỏi thực. Em xin với mẹ rằng sau buổi học sẽ đi thăm anh. Mẹ bảo: Thế nào anh cũng giữ em lại ăn cơm trưa.

Đoan-Nghi để ngón chỏ lên môi, rồi hôn đến choết một cái, miệng mỉm cười, ánh mắt chiếu ra tia sáng lung linh:

– Anh! món ngon đặc biệt là món gì vậy?

– Cái gì mà mình chưa bao giờ được ăn, thì cũng là đặc biệt. Cái đặc biệt hôm nay là món ốc nấu giả ba ba. Em có nghe nói bao giờ không?

– Không! Món này gồm những gì?

– Lát nữa em hỏi vú Loan thì biết.

Vú Loan cũng ra đón Đoan-Nghi:

– Công chúa già lâm vừa đúng lúc. Các món ăn đã nấu xong.

Nhin món ăn bốc khói nghi ngút, Đoan-Nghi dùng đũa đảo bát giả ba ba, rồi hít hà:

– Chà, thơm ngon quá. Chị Trang-Hòa nấu ăn giỏi lắm. Chắc chị biết cái món này?

Trang-Hòa cũng cầm đũa đảo bát giả ba ba, rồi nói:

– Thơm quá, có mùi mè này, có mùi mắm tôm này. À, có chuối xanh này, có ốc này, có thịt lợn này, có bánh đa này. Món ngon thế này mà sao ngự trù chưa từng dâng cho Thái-tử nhỉ?

Vú Loan nhìn Long-Xưởng, nhìn Đoan-Nhu, nhìn Trang-Hòa như nhìn chính người con mình. Trong lòng người mẹ nuôi này tràn ngập yêu thương:

– Để nô tỳ nói cho công chúa, tiểu thư nghe. Nguyên sau khi đức Thái-tổ băng hà vì trúng độc, đức Thái-tông ban chỉ cấm dâng những món ăn bình dân trong nội cung, mà Ngự-y khó kiểm soát được. Oác, nghêu, sò, rùa v.v bị cấm ngặt. Nay Thái-tử được ra ở Đông-cung, thì không bị chi phôi luật trên nữa, nên nô tỳ mới dám dâng lên Thái-tử.

Bà chỉ vào con Nhài:

– Món ăn gì thì tiểu tỳ cũng dám tự hào cả. Còn món này, cũng như các món cá nướng, ca rán, chả cá thì con Nhài này nó làm giỏi bậc nhất. Nó còn có tài nấu tất cả các món ăn Trung-quốc mà không một đầu bếp Hoàng-cung nào sánh kịp.

Đoan-Nghi nhìn con Nhài:

– Àùi chà, sao lại có người từ dáng dấp cho chí cơ thể đều đêp thế này? Chỉ tiếc cái mặt rõ mà thôi.

Long-Xưởng thêm:

– Nhài lớn hơn anh mấy tuổi, cuộc đời nó thực bất hạnh. Nó cũng có học. Khi quan Thái-phó giảng sách cho anh anh cho nó đứng hầu bên cạnh, vốn có căn bản nên nó cũng hiểu được bấy phần.

Đoan-Nghi nắm lấy tay vú Loan, nói với Long-Xưởng:

– Anh ơi! Có cách nào đổi ngôn từ xưng hô được không? Vú nuôi anh, thì anh cũng như con vú. Giữa mẹ con, mà cứ Thái-tử, công chúa, nô tỳ thì mất cái thâm tình đi. Còn Trang-Hòa nữa! Chị ấy là con của thầy dạy anh, thì cũng như em của anh. Thế mà Hòa cứ phải gọi anh là Thái-tử, còn anh thì cứ gọi chị ấy là tiểu thư, nghe nó khách sáo làm sao ấy.

Long-Xưởng tát yêu cô em gái:

– Luật lệ từ đời đức Thái-tổ như vậy thì anh làm sao mà đổi được? Tuy lỗi xưng hô có cách biệt, nhưng tình giữa vú với anh, cũng thâm sâu như mẫu hậu. Anh nghĩ có khi vú yêu thương anh còn hơn Tăng Khoa nữa. Chỉ duy trường hợp Trang-Hòa thì không có trong luật lệ, chúng mình tha hồ định đoạt.

– Hay quá.

Đoan-Nghi reo: Từ nay Trang-Hòa cứ gọi anh là anh giống em. Còn anh cũng gọi Trang-Hòa là em. Được không?

– Anh đã bảo, em muốn là trời muôn mà.

Long-Xưởng hỏi Trang-Hòa:

– Em cũng học cùng với Đoan-Nghi đấy à?

– Vâng, chúng em học cùng thầy mấy năm rồi!

– Thế thầy là???

– Là bố em.

Chợt nhớ ra một truyện, Long-Xưởng bảo Đoan-Nghi, Trang-Hòa:

– Tổ mẫu chỉ cấm phi tần, cung nga, thái giám luyện võ trong Hoàng-thành, chứ không cấm luyện võ ở trong Kinh-thành. Phủ Đông-cung nằm ngoài Hoàng-thành, có nhiều phòng luyện võ từ đời đức Thái-tổ để lại. Vậy từ nay hai em đến đây để luyện võ với anh.

– Có ai nữa không?

– Có Tăng Khoa, con của vú Loan .

– Gia sư là ai vậy?

– Là tướng quân Tăng Quốc, chồng của vú Loan.

Đoan-Nghi nhìn vú Loan, than:

– Vú của anh, thì anh đem về Đông-cung báo hiểu được. Còn vú của em bây giờ đang sống ở Đăng-châu, nghe nói chồng đã chết, không biết tin tức ra sao? Lắm lúc nhớ vú, em khóc một mình hoài.

– Em muốn gặp lại vú cũng không khó. Để anh sai một cung nữ về Đăng-châu tìm vú lên cho em. Thế gia cảnh vú ra sao?

– Chồng vú là một thị vệ, tên Từ Nam, đã qua đời rồi. Vú chỉ có một người con gái bằng tuổi em tên Từ Thụy-Hương.

– Tại sao em không xin với Thần-phi, gọi vú về sống trong cung?

– Lúc hết sữa, mẹ em cũng giữ vú lại đấy chứ. Nhưng quan Ngự-sử đại phu đàn hặc rằng lý lịch vú không rõ ràng. Vì vậy vú đành khóc rồi về quê.

– Anh không hiểu!

– Nguyên do như thế này. Hồi còn trẻ, vú là một ca kỹ xinh đẹp nhất của Thăng-long tên Trần Lệ Mai. Nhiều người say mê cầu thân, nhưng vú từ chối, mà kết hôn với thị vệ Từ Nam. Một đêm, Từ Nam canh phòng cung Cảm-Thánh, bị gian nhân đánh một quyền vào lưng, mê man. Tuy Ngự-y Trần-thị Phương-Thanh cứu ông thoát chết, nhưng hai chân thành tê liệt. Trong thời gian này vú mang thai Thụy-Hương. Nhân vú khỏe mạnh, Thụy-Hương xinh đẹp, nên vú được tuyển làm nhũ mẫu cho em. Khi em đủ ba tuổi, hết hạn nuôi sữa, thì Từ Nam chết. Vú mới 23 tuổi, nhan sắc vú càng diễm lệ, nhiều người có địa vị xin cầu hôn, vú đều từ chối. Vú xin ở lại trong cung với em. Nhưng Ngự-y Trần-thị Phương-Thanh tâu rằng vú không phải là người trinh tinh, Thụy-Hương là con hoang, không phải là con Từ Nam. Theo bà Phương-Thanh, thì Từ Nam bị người ta đánh, khiến xương sống bị tổn thương, mà trở thành người giống thái giám, không thể có con. Quan Ngự-sử đại phu hặc rằng: Vú là người bất trinh, chồng bị liệt năm đó, mà đi lang chạ với tình nhân sinh con. Vì vậy mẹ em đành thưởng cho vú thực nhiều vàng bạc rồi đưa vú về quê sống.

– Em yên tâm, Đông-cung năm ngoài Hoàng-thàn, anh toàn quyền quyết định. Anh cam đoan chỉ ba ngày nữa sẽ đưa vú với con vú về Thăng-long gặp em.

Đoan-Nhhi nắm tay anh, ánh mắt sáng ngời:

– Cảm ơn anh trước. Ví thử vú lên đây, anh có thể để vú ở tạm trong Đông-cung không? Một mai em ra ở riêng, sẽ đem vú về phụng dưỡng.

Long-Xưởng béo má cô em gái, nhắc lại lần thứ ba:

– Ý em muốn là trời muỗi.

Ngay hôm ấy, Long-Xưởng phát lệnh chỉ, sai một cung nga lên đường đi Đăng-châu tìm vú Mai. Hai hôm sau, vú Mai với con gái tên Thụy-Hương được đưa về Thăng-long. Để làm vui lòng cô em gái, Long-Xưởng thân dẫn Đoan-Nghi ra cửa Đoan-phượng đón vú. Tuy hơn mười năm xa cách, Đoan-Nghi từ một cô bé mới biết nói, nay đã trở thành một thiếu nữ, nhưng vú Mai cũng nhận ra nàng. Thoáng nhìn vú, Long-Xưởng giật mình vì vương không ngờ vú lại xinh đẹp đến như thế. Hèn gì người ta không ghen ghét với vú. Con gái vú là Thụy-Hương, có một sắc đẹp huyền ảo, như có như không, khiến người ngoài nhìn nàng, có cảm tưởng như bị hút vào đôi mắt u uẩn. Lạ một điều vú Mai, Thụy-Hương đều đẹp nhưng hai người hai vẻ khác nhau.

Lễ nghi tất.

Long-Xưởng truyền đưa vú với con gái là Thụy-Hương vào ở trong Đông-cung. Ngay chiều hôm đó Long-Xưởng ban chỉ phong vú Mai làm Thạc-hòa Anh-văn phu nhân, lĩnh chức Kim-ốc bảo khố. Chức này phụ trách trông coi dinh thự, kho tàng, lưu giữ bảo vật của Đông-cung. Thụy-Hương được phong nghĩa muội của công chúa Đoan-Nghi.

Kể từ hôm ấy, hằng ngày, sau buổi học văn, thì Đoan-Nghi, Trang-Hòa tới Đông-cung luyện võ với Long-Xưởng, Tăng Khoa, Thụy-Hương. Tăng Quốc đóng vai gia sư để che dấu tai mắt của Thái-hậu, còn thực ra thì Long-Xưởng tự luyện võ công Mê-linh suốt ngày đêm, rồi dạy lại cho bốn người.

Một hôm, sau buổi luyện võ, Long-Xưởng nghĩ đến tháng sau sẽ ra ngoài thành, hành hương đền thờ công chúa Gia-Hưng Trần Quốc, đền thờ Linh-Nhân hoàng thái hậu, chắc có nhiều chuyện vui. Vương nói với em:

– Tháng sau, anh đi hành hương đền thờ cao tổ mẫu Linh-Nhân hoàng thái hậu ở Dương-xá. Anh muốn em với Trang-Hòa cùng đi. Em về xin phép mẹ, Trang-Hòa cũng xin phép Thái-bảo rồi đi với anh.

Đoan-Nghi reo lên:

- Thế mình có phải sắm lễ gì không?
- Có chứ.

Tháng sau ngày mười tư, Long-Xưởng tuyên chỉ cho thằng Ba:

– Này anh Ba. Ngày mai, ta muốn theo gương Khai-Quốc vương, giả dạng dân chúng, ra ngoài thành thăm dân cho biết sự tình. Ta phải dấu thân phận, không cho ai nhận ra chúng ta. Vậy anh cũng mặc y phục dân dã, theo hộ giá cho ta. Còn xe, nếu đi xe của Đông cung, e dân chúng nhận ra căn cước thì hỏng bét. Vậy anh lấy xe của vú Loan đưa ta đi.

- Khải Thái-tử, xin Thái-tử cho biết đại giá Thái-tử thăm những nơi nào?
- Vì xuất hành lần đầu, ta muốn đi Dương-xá hành hương đền thờ cao tổ mẫu là Linh-Nhân hoàng thái hậu.

Long-Xưởng lại ban chỉ cho vú Loan sắm sửa lễ vật để mang đi, rồi lấy xe đến cung Chiêu-Linh vấn an Hoàng-hậu. Vừa tới nơi, người cung nga hầu cận Hoàng-hậu đã nói nhỏ:

– Thái-tử vào ngay đi. Hoàng hậu đang se mình.

Long-Xưởng vào trong cung, lén tiếng:

- Thần nhi vẫn an mẫu hậu.
- Hài nhi đấy ư? Vào đây.

Long-Xưởng ngồi xuống cạnh dường. Thấy một cung nga ngồi trên chiếc ghế chầu hầu phía sau, Long-Xưởng hỏi:

– Cung nga này là ai vậy? Xin mẫu hậu cho y thị lui.

Hoàng hậu nói nhỏ:

– Cung nga nào đâu? Á-tỳ đấy mà. Từ hôm con sang Đông-cung, Á-tỳ nhớ con quá, bà ta xin với mẹ được sang Đông-cung hầu hạ con. Mẹ thấy cung nga ở đây thì nhiều, nhưng chỉ có Á-tỳ là chú ý chăm sóc, hầu hạ con kỹ nhất. Vì vậy mẹ cũng muốn đưa nó ta sang Đông-cung với con. Con có bằng lòng không?

Nguyên từ khi triều Lý lập lên, thì tất cả những người hầu hạ nhà vua, Hoàng-hậu, Phi tần nếu không là thái giám thì cũng là cung nữ. Thái giám thì hoặc là bẩm sinh, hoặc là tự nguyện tĩnh thân (tức là xẻ cái ấy đi). Còn cung nữ thì tuyển những thiếu nữ từ mười hai tới mươi lăm, xinh đẹp, không bệnh tật, hoặc con nhà giàu, hoặc con các chức quan nhỏ. Bởi các cung nữ này bất cứ lúc nào nhà vua hứng; cũng có thể dùng làm vợ. Tuy nhiên, Hoàng-hậu hay các bà phi cũng có quyền tự tuyển thêm người hầu hạ.

Nghe mẹ hỏi, Long-Xưởng nói với Á-tỳ:

– Bên Đông-cung, Thái-hậu tuyển cho cô gia nhiều cung nữ, bộc phụ. Nhưng những người đó đều là tai mắt của Thái-hậu, nên cô gia vẫn thiếu người trung thành ở cạnh. Nếu Á-tỳ sang đó, thì sẽ được ở dưới quyền vú Loan tức Nhu-mẫn Đoan-duệ phu nhân. Bên đó cô gia cũng có con Nhài, tuy xấu mặt, nhưng lợn dạ trung thành, hầu hạ cô gia rất tận tâm.

Á-tỳ cảm động, nàng bật lên tiếng khóc, rồi quỳ xuống tạ ơn Long-Xưởng. Long-Xưởng tuyên chỉ:

– Kể từ hôm nay, cô gia thăng Á-tỳ lên làm Á-Nương. Böyle giờ cô gia muốn thăm bệnh mẫu hậu. Vậy Á-Nương hãy lui ra ngoài chờ.

Á-Nương ra rồi Hoàng-hậu nói nhỏ:

– Từ hôm con thiết Đông-cung triều đến nay có gì khó khăn không?

Long-Xưởng cứ thực tình trình bầy. Hoàng-hậu ghé miệng vào tai Long-Xưởng nói thăm:

– Mẹ bị trúng Huyền-âm chưởng, lại bị bao vây, không thể liên lạc với ông ngoại. Nay con được thiết Đông-cung triều, được tiếp xúc với võ lâm trong nước. Con phải âm thầm báo cho các đại tôn sư võ học biết rằng: Thủ phạm dùng Huyền-âm chưởng gây ra biết bao nhiêu vụ án bấy lâu nay... chính là bọn chân tay của Thái-hậu. Như vậy họ sẽ tìm cách trừ chúng đi. Con lại tìm cách liên lạc với người của phái Sài-sơn, xin họ chữa tuyệt nọc Huyền-âm chưởng cho mẹ.

Long-Xưởng tâu nhỏ vừa đủ cho Hoàng-hậu nghe về việc mình đã tìm ra điều bí mật trong chiếc áo hồ cừu. Từ ngày ra Đông-cung, được quyền luyện võ, mình đã mời một võ quan, bản lĩnh bình thường là Tăng Quốc, làm gia sư để che mắt Thái-hậu. Trong khi mình luyện võ công Mê-linh, bí mật luyện nội công Âm-nhu, Mê-linh kiếm pháp. Ngoài ra mình còn luyện võ cho công chúa Đoan-Nghi, tiểu thư Trang-Hòa, con trai vú Loan là Tăng Khoa, và con gái vú Mai là Thụy-Hương.

Hoàng hậu hỏi:

– Khi con luyện võ như vậy, thì thằng Ba có biết không?

– Lúc đầu, nó có đến quan sát. Nó thấy Tăng Quốc dạy cho bọn con bản sự quá tầm thường. Nó lắc đầu bỏ đi.

Long-Xưởng xuất ra tập giấy chép nội công Âm-nhu, Long-biên kiếm pháp trao cho Hoàng-hậu:

– Đây, bí lục võ công Mê-linh đây, mẹ học thuộc rồi đốt đi. Những lúc vắng vẻ, mẹ tự luyện. Khi mẹ đã có đủ bản lãnh thằng bọn Nùng-sơn tam anh, Tô-lịch nhị tiên; mẹ con ta thình lình ra tay, để thoát khỏi cảnh tù giam lỏng này.

Long-Xưởng tiếp:

– Nay mai, con giả đi hành hương, rồi gặp Thái-sư Lưu Khánh-Đàm.

Hoàng-hậu rùng mình:

– Mẹ chỉ ngại một điều là cái thằng Ba lúc nào cũng theo sát con như bóng với hình, thì liệu con có thể bàn đại sự với Thái-sư không? Muốn diệt cái mầm mống ngoại thích nguy hiểm của họ Đỗ, họ Lê thì cần phải trừ khử bọn Nùng-sơn tam anh, Tô-lịch nhị tiên. Hễ trừ chúng rồi, thì mẹ mới làm chủ được Hoàng-cung. Làm chủ Hoàng-cung rồi, thì không còn cái triều đình gà mái gáy của Thái-hậu nữa. Khổ một điều là hiện các võ quan, thị vệ trong triều không ai địch nổi thằng Ba, thì còn hy vọng gì thằng thằng Hai, thằng Cả nữa? Aáy là chưa kể sư phụ chúng, bản lãnh cao thâm không biết đâu mà lường. Còn như đợi cho mẹ con ta đủ bản lĩnh thằng chúng thì e lâu quá.

Bà ngồi nhởn dậy, ghé miệng vào tai Long-Xưởng:

– Thái-hậu vốn thất học, lại tham dâm, trước kia người ỷ vào Anh-Vũ. Nay Anh-Vũ chết rồi, người ỷ vào bọn Nùng-sơn anh, Tô-lịch nhị tiên, mà không nghĩ đến năm Khu-mật viện. Böyle giờ con đã thiết Đông-cung triều, con phải chọn lấy những người thân tín nhất, thay dần bọn quan lại trong Khu-mật viện. Khi con nắm được Khu-mật viện thì bao nhiêu cơ mật quốc gia con sẽ biết hết. Trước đây, Khai-Quốc vương cũng từng ở trường hợp cô độc như con, khi lĩnh chức Phụ-quốc thái-úy, người khởi năm Khu-mật viện trước, rồi sau năm được cả.

Bà suy nghĩ một lát rồi tiếp:

– Khu-mật viện có ba ty. Ty Phòng-ngự do người của Bình-bộ đảm trách. Ty Nội-sát do người của Lại-bộ đảm trách. Ty Mật-sự thì do phụ hoàng cử. Hiện người đảm trách ty Mật-sự là Tô Hiến-Thành. Con lấy lý ông ta có công, trao thêm binh quyền, sai đi tuần cảnh ở Nam-thùy. Chồng của vú Loan là Tăng Quốc rất trung thành với con, ông ta mới được thăng lên tướng quân, con cưng ông ta thay Tô. Với Tăng Quốc, con ban chỉ cho ông được mật khải mọi sự với con. Như vậy, dần dần con tìm kiếm những người thân tín nắm hai ty kia.

Long-Xưởng như người mù được mở mắt, vương nói:

– Con sẽ cố gắng làm như ý chỉ của mẫu hậu.

– Có một việc, con cần theo dõi, là trước đây Chiêu-Hiếu thái-hậu định phế phụ hoàng con xuống, lập em bà là Đỗ Anh-Vũ lên thay. Bà sai mật sứ sang Tống cầu phong cho y. Nhưng Tống không chịu. Khi Chiêu-Hiếu thái hậu băng rồi, đến Cảm-Thánh thái hậu cũng muốn học theo thái-hậu Dương Văn-Nga thời Đinh, lấy ngôi vua của con, truyền cho người tình là Lê Hoàn. Nhưng chưa kịp thi hành thì Đỗ Anh-Vũ bị Côi-sơn song ưng giết. Mẹ nghe nói, trong cung Cảm-Thánh còn có một sứ đoàn Tống tiềm ẩn. Sư phụ của Nùng-sơn tam anh, Tô-lịch nhị tiên, chính là người của sứ đoàn. Mẹ cũng nghe nói, Anh-Vũ chết, Thái-hậu khóc lóc mấy ngày, rồi bà lại thông dâm với một tên trong sứ đoàn. Nghe đâu tên này là một mỹ nam tử, Thái-hậu sủng ái y còn muôn hơn Anh-Vũ nữa. Nếu như bà phế phụ hoàng con xuống, lập y lên thay, thì Tống triều sẽ phong vương cho y liền. Thế là ta mất nước. Bấy giờ Đại-Việt trở thành quận huyện của Tống. Nhưng, nhưng ta không thể nói với phụ hoàng. Vì nói với người, thì người cũng chỉ ừ hụ cho qua, rồi không chừng người còn hỏi Thái-hậu nữa. Bấy giờ Thái-hậu sẽ cho người ám sát mẹ.

Long-Xưởng rùng mình:

– Thần nhi sẽ cố gắng tìm cho ra tung tích tên tình nhân của Thái-hậu.

Hôm ấy, khi trời vừa bình minh, Long-Xưởng trang phục như một công tử con nhà giàu. Đoan-Nghi, Trang-Hòa, Thụy-Hương, Tăng Khoa trang phục như những công tử, tiểu thư khuê các. Thắng Ba thay quần áo như một mã phu, y đánh xe ngựa cho Long-Xưởng. Ngựa rời Đông-cung, xuất ra ở cửa Đại-hưng, rồi vòng sang phía Bắc sông Hồng, tới bến Tiêm-long.

Long-Xưởng cau mày:

– Này anh Ba, ta đi thăm dân, mà anh đưa ta đến bến Tiêm-long làm gì vậy?

– Khải Thái-tử, ta tới bến Tiêm-long nhờ Thủy-quân đưa qua sông cho an toàn.

– Như vậy thì lộ hết rồi còn gì nữa? Thôi, anh quay trở lại đi. Ta ra bến Long-biên dùng đò của dân mà qua sông.

Xe đổi chiều, hơn khắc sau tới bến Long-biên. Long-Xưởng đã nhiều lần theo phụ hoàng sang Kinh-Bắc duyệt binh. Những lần đi như vậy, thì xa giá nhà vua đi giữa đoàn thị vệ tiền hô, hậu ủng, nên chưa lần nào Xưởng được thấy cảnh dân chúng, xe, ngựa chen chúc nhau, đi lại tấp nập thế này. Thắng Ba cứ phải luôn mồm bắt chước tiếng ngựa hí, kêu lên «Tránh ra... tránh ra... E, e, e... Hí, hí, hí». Xe đến bến đò Long-biên. Thời Lý, bến đò từ thành Thăng-long lên Kinh-bắc có ba tên gọi. Tên chung là Long-biên, nhưng ít khi dân chúng dùng tên này. Dân chúng thường dùng tên Bắc-ngạn và Nam-ngạn. Bắc-ngạn để chỉ Bến phía Bắc (ngạn nghĩa là bờ), thuộc lộ Kinh-Bắc. Nam-ngạn để chỉ bến phía Nam, thuộc Thăng-long. Vì là bến đò chính, nằm trên trực giao thông của Trung-quốc, của

các lộ phía Bắc Thăng-long sang Đại-Việt, dẫn vào các lộ Nam Thăng-long, tới Chiêm-thành; nên bến lúc nào cũng có hàng mây trăm đò chở thuê.

Năm thiêu niên Long-Xưởng, Đoan-Nghi, Trang-Hòa, Thụy-Hương, Tăng Khoa ngồi trên xe ngắm những khách điếm, những tẩu lầu danh tiếng, mà y đã nghe bọn thị vệ, bọn cung nga, thái giám nhắc đến nhiều lần. Dọc hai bên đường dẫn tới bờ sông, nào khách điếm, nào nhà hàng, nào quán ăn, nào người bán hàng rong... cùng dành những cử chỉ thanh nhã, những lời ngọt ngào, những nụ cười thực tươi để chào mời khách. Riêng Trang-Hòa, Thụy-Hương, Tăng Khoa đã từng theo cha mẹ, qua lại bến đò này nhiều lần, nên thản nhiên ngắm nhìn.

Có đến bốn đứa trẻ, mặt mũi khôi ngô, da sạm đen, tay vin thành xe của Long-Xưởng, chân chạy theo, miệng không ngớt la lớn:

- Tiểu công tử! Mời tiểu công tử dừng bước xơi phở gà! Phở gà mái ghẹ có trứng non ngon lắm cơ!
- Tiểu công tử ! Xin tiểu công tử dừng bước xơi thịt chó. Bản hiệu có đủ mọi món: Chả chó, xáo chó, rựa mận, lòng chó. Sống ở trên đời ăn miếng dỗi chó, chết xuống Âm-phủ hỏi có hay không?

Nghe người ta mời ăn thịt chó, Đoan-Nghi kinh hãi:

- Anh ơi! Người ta ăn thịt chó thực đấy à?
- Thực chứ sao lại không thực.

Một bé gái tay bám thành xe, miệng gọi:

- Cậu ơi! Cậu mua mía luộc không? Một đồng hai xâu!

Khi xe tới bờ sông, thì đám người chạy theo xe mời ăn biết rằng vô ích, họ bỏ cuộc, lững thững đi bộ. Bây giờ đám nhà đò lại níu kéo mời khách:

- Công tử! Công tử đi đò của tôi, cam đoan thuyền không tròng trành. Hễ tròng trành không lấy tiền.
- Cậu ơi, cậu đi đò của tôi có xẩm hát hay lắm.

Long-Xưởng ban chỉ:

- Anh Ba, anh cho tôi đi con đò nào càng lớn càng tốt.

Thăng Ba xuống xe, mặc cả một lát, rồi trao cương xe cho đứa trẻ của nhà đò. Con đò khá lớn. Trên đò chở đến sáu con ngựa, với hơn trăm hành khách.

Khi đò bắt đầu rời bến, thì toán xẩm bắt đầu tấu nhạc. Tuy mang tiếng là xẩm, nhưng cả ba đều sáng. Họ là một cặp vợ chồng tuổi khoảng trên ba mươi, và một bé gái, chín mươi tuổi. Có lẽ đây là đứa con gái của họ. Người chồng cầm phách, người vợ vừa kéo nhị (đàn cò), vừa hát, đứa con gái bật trống cờm.

Long-Xưởng lắng tai nghe. Họ đang hát một bài tả cảnh mùa Xuân. Thuyền đến giữa sông thì bản nhạc dứt.

Long-Xưởng hỏi:

- Này ông bà! Ông bà có biết hát bài hát ả Đào không?

Người chồng phóng tia mắt nhìn Long-Xưởng, rồi nói:

- Đieu gì tôi cũng biết, bài gì tôi cũng thuộc. Nhưng, mỗi bài công tử cho mười đồng.
- Được, nếu hay tôi trả gấp đôi.
- Công tử muốn hát bài gì nào?

Long-Xưởng quay lại hỏi Trang-Hòa:

- Em muốn nghe bản gì nào?

Trang-Hòa vuốt tóc một cái, cử chỉ thực mềm mại, thực nhu nhã, ánh nắng chiếu vào khuôn mặt thanh tú của nàng, khiến mặt nàng trở thành tươi hồng, làm Long-Xưởng rung động thực mạnh. Nàng nói:

– Chúng tôi muốn ông hát một bài nói về trận công chúa Thiên-Ninh phá giặc Tống ở Cổ-pháp, rồi chỉ cờ tái chiếm Nhu-nghệ.

Mặt người đàn ông thoáng một nét kỳ dị, ông ta nhìn Trang-Hòa, trầm tư một chút rồi gật đầu:

– Thưa tiểu thư, bài này có sẵn, do một danh sĩ làm vào thời Anh-vũ Chiêu-Thắng (1076 – 1084) . Hôm nay gặp công tử với nhị vị tiểu thư đây, tôi xin hát để tạ lòng tri kỷ.

Nói rồi y trao phách cho bé gái, tay cầm dùi, tay đặt lên trống. Người đàn bà lấy chiếc đàn đáy để phía sau, tay vặn phím so dây. Người đàn ông đánh ba tiếng trống dạo, lập tức tiếng phách, tiếng đàn cùng vang lên. Người đàn bà ngâm sa mạc:

*Nực cười chau chấu đá xe,*

*Tưởng rắng chau ngã, ai dè xe nghiêng*

Long-Xưởng gật đầu tán thành, vì đây là hai câu ca dao, lầy làm mươi tiền.

Thời Chiêu-Thắng, mùa Xuân năm Đinh Ty,(4a)

Tống Thần-tông đem tướng sĩ Nam xâm.

Phong Quách Quỳ với Triệu Tiết, làm nguyên soái, cầm quân.

Đến Nhu-nghệ vượt sông, như thác đổ.

Nam-quốc sơn hà, Nam đế ở,(4b)

Bắc-cương địa giới, Bắc vương cư.

Lũ giặc kia, bay dám đến đây ư?

Trận Cổ-pháp phơi thây dư chục vạn.

Bọn Miêu Lý, Lưu Mân, Trương Thế-Cự,(4c)

Bị quần thoa, yểm thăm, đánh tan hoang.

Thương thay cái mộng họ Vương!(4d)

Long-Xưởng khen:

– Hay lắm! Không biết ba vị đây xưng hô thế nào?

Người đàn ông xá một xá:

– Tôi họ Đào, tên Duy. Vợ tôi họ Bùi tên Nhu-Yên. Còn con gái tôi tên Nhu-Nhu’.

Long-Xưởng móc túi lấy tiền thưởng cho ba người họ Đào, nhưng trong túi chỉ có vàng, bạc, mà không có tiền. Vương móc ra nén bạc một lượng, hai tay trịnh trọng trao cho Đào Duy:

– Xin tạ tiên sinh.

Giá một bài hát nhà xẩm đưa ra là mười đồng, mà Long-Xưởng trao cho một lượng bạc, làm cho Đào Duy kinh ngạc không nói lên lời. Bởi thời bấy giờ, một lượng ăn mười quan, mỗi quan ăn sáu trăm đồng. Như vậy Long-Xưởng trả gấp sáu trăm lần, một số tiền e cả đời Đào Duy cũng không kiếm nổi.

Y mở to mắt nhìn Long-Xưởng, rồi cung tay:

– Đa tạ nhã lượng của tiểu công tử.

Đến đây thì đò cập bến. Long-Xưởng cung tay nói một cách trịnh trọng:

– Hôm nay tôi đi hành hương đền thờ Linh-Nhân hoàng thái hậu. Tôi muốn thỉnh các vị cùng đi, nhờ các vị tấu nhạc dâng lên chầu người. Không biết các vị có hoan hỉ chấp nhận hay không?

Như-Yên chắp tay:

– Công tử đã có lòng đoái tưởng tới tài hèn của chúng tôi, chúng tôi xin cung kính tuân lệnh.

Xe rời đò. Long-Xưởng chỉ lên xe, nói với Đào Duy:

– Mời ba vị.

Vợ chồng Đào Duy ngồi vào ghế sau với Tăng Khoa, Thụy-Hương, để Như-Như ngồi ghế trước với Long-Xưởng, Đoan-Nghi, Trang-Hòa. Chiếc xe lăn bánh vượt qua khu phố ồn ào Bắc-ngạn, rồi bon bon trên con đường cái quan. Vì là lần đầu tiên ra ngoài thành, nên bất cứ cảnh nào, sự nào ở dọc đường đối với Long-Xưởng, Đoan-Nghi cũng lạ hết. Hai người luôn đặt câu hỏi với Đào Duy. Đào Duy là người kinh lịch, chỉ vài câu hỏi của Long-Xưởng, Đoan-Nghi, ông đã đoán ra đây là công tử, tiểu thư chưa từng ra khỏi nhà bao giờ, nên ông ta giảng giải rất chi tiết những thắc mắc của hai người.

Xe đi được khoảng mươi dặm thì thằng Ba hỏi:

– Thưa chủ nhân, phía trước kia có hai ngã rẽ. Một ngã đi Kiêu-ky, rồi tới Dương-xá, một ngã đi thằng Dương-xá. Không biết chủ nhân muốn chọn đường nào?

– Ta đi ngả Kiêu-ky.

Xe quẹo sang trái, rồi chạy trên con đường hẹp hơn. Thằng Ba chỉ về trước:

– Thưa chủ nhân, kia là đền Kiêu-ky, nghe nói rất linh thiêng, nhưng không biết đền ấy thờ vị thần thánh nào vậy?

– À, đền này thờ công chúa Gia-Hưng thời Lĩnh-Nam. Công chúa họ Trần, khuê danh Quốc, quê ở Thiên-trường. Ngài giữ chức đại đô đốc tại triều đình vua Trưng. Trong trận đánh Nam-hải, ngài cùng các công chúa Tử-Vân, Quế-Hoa, Quỳnh-Hoa đại phá thủy quân Hán trên biển Đông, giết chết đô đốc thủy quân Hán là Nam-an hầu Đoàn Chí. Thừa thắng, các ngài đổ bộ lên Tuyễn-châu, định đánh thằng về Lac-dương, lật đổ triều Hán. Vua Trưng phải sai đại tư mã Đào Kỳ đi gọi về. Niên hiệu Lĩnh-Nam thứ năm, mùa Xuân tháng giêng, công chúa còn đại phá thủy quân Hán trên hồ Lãng-bạc, khiến sau đó thủy quân Hán không còn khả năng tham chiến nữa. (5)

Khi xe sắp tới đền Kiêu-ky, Long-Xưởng ra lệnh:

– Người cho xe rẽ vào đền. Chúng ta muốn lễ công chúa, để tỏ lòng hiếu kính.

Thằng Ba phản đối:

– Thưa chủ nhân, trong chương trình, chủ nhân không cho biết trước, nên Nhu-mẫn Đoan-duệ phu nhân không sắm lễ công chúa.

– Thị người cứ đưa ta vào lễ công chúa, rồi ta trở lại bến đò Bắc-ngạn sắm lễ cao tổ mẫu sau.

Long-Xưởng nghĩ thầm:

– Chắc thằng Ba đã mật tấu với Thái-hậu. Thái-hậu dàn người tại Dương-xá, định làm gì ta đây! Nhưng ta đâu có đi Dương-xá! Quan Thái-sư đã tiên liệu trước rồi. Không biết người có mặt tại đền Kiêu-ky chưa? Ai sẽ là người đối phó với thằng Ba?

### **Ghi chú của thuật giả:**

(1) Việc này ĐVSKTT, Lý kỷ, Nhân-tông kỷ chép giản dị như sau:

*Bính Ngọ Thiên-phù Duệ-vũ thứ 7, Tống Khâm-tông Hắng Tĩnh-Khang nguyên niên...*

*... Tháng 11 nhuận, sai Lệnh-thư gia Nghiêm Thường, Ngự-khổ thư gia Từ Diên mang 10 voi thuần, kim, ngân, sừng tê, sừng nai, sang cống Tống để tạ ơn việc bắt Mạc Hiển. Sứ đến Quế-châu*

yết kiến Kinh-lược sứ. Kinh-lược sứ từ rằng «Năm nay tại Đông-kinh và các châu Kinh, Hồ, Lê đều đem binh đi đánh Kim, chưa biết lúc nào mới dứt. Đọc đường không còn ngựa trạm. Xin sứ giả đem lễ vật về».

Chỉ độc giả Anh-hùng Đông-a mới biết chi tiết việc này mà thôi.

(2) TS quyển 22, Huy-tông bản kỷ chép, về cái chết thê thảm của vua Huy-tông như sau:

... Năm Tĩnh-Khang thứ nhì (1127) tháng 2 ngày Đinh Mão, người Kim bắt vua về Bắc. Niên hiệu Thiệu-Hưng thứ 5 (Ất Mão, DL. 1135), tháng tư ngày Giáp Tý, vua băng ở thành Ngũ-quốc, thọ 54 tuổi. Niên hiệu Thiệu-Hưng thứ 7 (Đinh Tỵ, DL. 1237), tháng 9, ngày Giáp Tý, được tôn thụy hiệu là Thánh-văn, Nhân đức, Hiển hiếu hoàng-đế. Miếu hiệu Huy-tông. Niên hiệu Thiệu-Hưng thứ 12 (Nhâm Tuất, DL. 1142), tháng 8 ngày Aát Dậu, tử cung (quan tài đựng xác vua) được đưa về Lâm-an... Niên hiệu Thiệu-Hưng thứ 13 (Quý Hợi, DL. 1143), tháng giêng ngày Kỷ Hợi tôn thêm thụy hiệu là Thế thần, Hợp đạo, Tuần liệt, Tôn công, Thánh văn, Nhân đức, Huệ tử, Hiển hiếu hoàng-đế.

TS quyển 23, chép về cái chết của vua Khâm-tông như sau:

...Niên hiệu Tĩnh-Khang thứ nhì tháng 4, ngày Canh Thân, gió lớn làm cây gãy đá bay, người Kim bắt vua, hoàng hậu, hoàng thái tử về Bắc. Lại cướp hết các bảo vật như: Xe báu của vua, của hoàng hậu, đồ sứ, quần áo, mũ miện, lể khí, pháp khí, nhạc khí, giáo phòng nhạc khí, tể khí, bát bửu, cửu đỉnh, ngọc khuê, đồ thờ trời, đồng nhân, cổ khí, các báu vật ở cung Cảnh-linh, lầu Đại-thanh, gác Tam-quán thư, các sách của châu quận, bắt hết thái giám, cung nữ, thợ thủ công, ca nhạc sĩ đem đi.

Tháng năm, ngày Canh Dần, Khang-vương lên nối ngôi ở Nam-kinh, tôn hiệu cho vua là Hiếu-tử, Uyên-thánh hoàng-đế. Niên hiệu Thiệu-hưng thứ ba mươi mốt (Tân Tỵ, DL. 1161), tháng 5, ngày Tân Hợi vua băng ở Kim. Tháng 7 năm đó, ngày Kỷ Sửu, tôn thụy hiệu là Cung-văn, Thuận-đức, Nhân-hiếu hoàng-đế.

– Hai vua bị bắt rồi, con thứ của vua Huy-tông là Khang-vương Triệu Cấu, vượt Trường-giang xuống Nam-kinh, hô hào cản vương. Tuy Biện-kinh thất thủ, nhưng guồng máy cai trị của Tống ở miền Nam, miền Tây, miền Đông còn nguyên. Tướng sĩ, quan lại, hào kiệt, võ lâm tôn Triệu Cấu lên làm vua, lấy niên hiệu là Kiến-Viêm. Đúng lúc này đức Nhân-tông bên Đại-Việt lâm bệnh. Tháng 12, người triệu hạ thần vào nhận di chiếu rồi băng.

(3) Theo Tống-sử quyển 473 trang 13.743 tới trang 13.767, Liệt-truyện 232, Gian-thần 3, thì Tân Cối được Cao-tông cực kỳ tin dùng cho đến khi băng. Mãi tới đời con Cao-tông là là Hiếu-tông, niên hiệu Thuần-Hy thứ nhì (Aát Mùi, 1175) y mới chết. Thọ 66 tuổi. Trước khi chết, tước của y là Kiến-Khang quận vương. Khi y chết, nhà vua ban cho thụy hiệu là Hiếu-Trung. Đến mãi niên hiệu Khai-Hỷ thứ nhì, vẫn là vua Hiếu-tông (Bính Dần, 1206) tháng tư, mới ban chỉ đoạt vương tước. Nhưng hai năm sau, niên hiệu Gia-Định nguyên niên, cũng vẫn vua Hiếu-tông (Mậu Thìn, 1208) lại phục hồi danh dự, phong tước Tân-vương.

(4a) Chiêu-Thắng: Túc Anh-vũ Chiêu-Thắng (1076-1084), là niên hiệu của vua Lý Nhân-tông, từ tháng 4 mùa hạ năm Bính-Thìn (DL.1076), vua đặt niên hiệu này, sau trận đánh sang Ung-Liêm châu nhà Tống. Năm sau (Đinh Tỵ, DL 1077) vua Thần-tông nhà Tống sai Quách Quỳ, Triệu Tiết mang đại quân sang bảo thủ.

(4b) Hai câu này lấy ý trong bài thơ đánh Tống của Lý Thường-Kiệt:

Nam-quốc sơn hà Nam-đế cư,

### *Tiết nhiên định phận tại Thiên-thư.*

Nghĩa là: Nước Nam, thì vua Nam trị vì, điều này đã định tại Thiên-thư. Tác giả đổi đi đôi chút: Nước Nam do vua Nam cai trị, biên giới phía Bắc, vua Bắc ở. Bắc đây để chỉ vua Trung-quốc.

(4c) Cổ-pháp: Tên một châu thời Lý nay thuộc Hà-Bắc, nơi phát tích ra triều Lý. Lăng tẩm các vua Lý đều ở đây. Trong trận đánh mùa Xuân năm 1077, Quách Quỳ phá vỡ phòng tuyến Như-nguyệt rồi sai Vũ-kị thượng tướng quân Trương Thế-Cự, dẫn các tướng Miêu Lý, Lưu Mân ào ào tiến về Thăng-long, chỉ còn cách 25 cây số, là tới kinh đô Đại-Việt. Nhưng ba tướng bị công chúa Thiên-Ninh chỉ huy phòng tuyến này đánh bại, phải lui về Như-nguyệt. Sử gọi trận này là trận Cổ-pháp, Tống mất mười vạn binh. Lưu Mân tử trận.

(4d) Mộng họ Vương: Vương để chỉ Vương An-Thạch, tể tướng có tài kinh bang tế thế. Những cải cách của Thạch, chỉ trong chín năm, mà làm cho Tống giàu có súc tích. Nhưng vì bị phe bảo thủ công kích, Thạch chủ trương đánh Đại-Việt để bịt miệng phe đối lập. Nhưng mộng của y bị Linh-Nhân hoàng thái hậu phá vỡ! Xin đọc Nam-quốc sơn hà, 5 quyển, 2232 trang, của Yên-tử cư sĩ, do Đại-Nam, Hoa-kỳ xuất bản.

(5) Về hành trạng của công chúa Gia-hưng, Quế-hoa, Quỳnh-hoa, Tử-Vân, xin đọc Anh-hùng Lĩnh-Nam, Động-dình hồ ngoại sử, Cẩm-khé di hận, của Yên-tử cư-sĩ, do Nam-á Paris xuất bản.

Vua Trưng khởi nghĩa năm Kỷ-Hợi (39 sau Tây-lịch), lấy năm ấy làm niên hiệu Lĩnh-Nam thứ nhất. Ngài tuẫn quốc năm Quý-Mão (43 sau Tây-lịch), nên Long-Xưởng gọi năm này là niên hiệu Lĩnh-Nam thứ năm.

## Hồi thứ năm Vạn-tín hâu

Xe ngừng lại trước cổng ngôi đền, tường gạch lợp ngói. Một người đàn bà đứng tuổi, một thiếu niên khoảng mươi bẩy, mươi tám cùng chạy ra cúi đầu chào:

– Kính chào quý khách! Xin mời quý khách vào lễ bà.

Thiếu niên cầm lấy dây cương ngựa, buộc vào gốc cây. Long-Xưởng nhìn lên cổng, có bốn chữ:

*Trưng-vương đại công thần linh từ.*

(Đền thờ đại công thần linh thiêng của Trưng-vương)

Thăng Ba bưng mâm lễ vật đi theo Long-Xưởng, vào trong sân. Đây là một ngôi đền, có ba gian. Phía trước là một hàng hiên. Trên nóc hiên, gian giữa có chữ:

*Uy trấn Đông-hải*

(Oai trấn biển Đông)

Hai bên có đôi câu đối:

*Tô khấu tước bình, trực bả quần thoa đương kiêm kích,  
Trưng vương dực tài, hảo tương cân quắc hộ sơn hà.*

Thăng Ba hỏi:

- Thưa chủ nhân, đôi câu đối này nghĩa như thế nào? Xin chủ nhân giảng cho tiểu nhân.
- Vẽ trên có nghĩa: Dẹp giặc Tô Định, dùng quần thoa đương với kiêm, kích. Vẽ dưới nghĩa là: Phù vua Trưng, đem khăn yếm giữ non sông.

Thăng Ba trao lễ vật cho bà từ, với thiếu niên, rồi lùi ra ngoài coi xe. Bà từ tiếp lễ, đặt lên trên bệ thờ. Bà đánh lửa thắp hương. Liếc qua bát, đĩa, khay... đều bằng bạc, vành viền vàng. Nhìn mâm lễ vật, tuy không nhiều, nhưng toàn những loại thượng phẩm: Một con lợn sữa quay, miệng ngậm bông sen. Một con gà trống luộc, đặt trong tư thế quỳ, cổ ngửa lên, miệng ngậm bông hồng? Bốn con bồ câu quay, đặt theo tư thế đầu ra ngoài đĩa, giữa đặt một nhánh hoa đào nhỏ. Một mâm ngũ quả xếp cao. Hai chai rượu cúc, bốn bó hoa. Lại nữa có đến bốn người theo hầu, người nào y phục cũng sang trọng... bà từ biết rằng vị hai tiểu công tử, ba vị tiểu thư này, thân phận thực không nhỏ. Bà hỏi bằng giọng khách sáo:

- Không biết công tử, tiểu thư từ đâu tới? Công tử tiểu thư có cần người hát chầu không?

Long-Xưởng chỉ vào ba người họ Đào:

- Tôi đến từ Thăng-long. Tôi có mời ba vị này từ bến đò Long-biên theo để hát chầu ngài. Đào Duy, Như-Yên, Như-Như ngồi lên cái chiếu bên trái. Đào Duy đánh trống, Như-Yên vừa hát vừa kéo nhị, Như Như đánh đàn. Khi Long-Xưởng, Tăng Khoa, Đoan-Nghi, Trang-Hòa, Thụy-Hương vừa đứng vào giữa chiếu chắp hai tay lễ, thì âm nhạc nổi lên. Như-Yên cất tiếng ngâm sa mạc:

*Phấn son tô điểm sơn hà,  
Làm cho tỏ mặt đàn bà Lĩnh-Nam.*

*Vua Quang-Vũ khởi binh trăm vạn,*

*Đánh xuồng vùng Nam-hải (1) chiếm Thường-sơn (2)*

*Nam-an hầu Đoàn Chí, lĩnh đô đốc thủy quân,*

*Mang hạm đội, vượt sóng, ầm ầm như thác đổ.*

*Một trận biển Đông, Giao-long vân vũ,(3)  
 Chém bay đầu Đoàn Chí, bắt Sầm Anh. (4)  
 Đổ quân lên, quyết chiếm Lạc-dương,  
 Triều Đông-Hán chông chênh như trứng đổ.  
 Xuân phong Lãng-bạc, thiêu Yên-võ,(5)  
 Hạ hiếu Thân-phù, kích Trường-yên.(6)  
 Muôn nghìn năm thanh sử ghi tên,  
 Dùng yếm thắm, quần thoa đương kiếm kích.  
 Hôm nay, ngồi tướng uy linh nữ kiệt,  
 Lễ một mâm dâng trước anh hùng,  
 Đời đời gương sáng soi chung.*

Bọn Đào Duy tấu liên tiếp năm bản khác nhau, đại ý các bài ca đều thuật chiến công thời Lĩnh-Nam của vua Trưng cùng chư tướng. Sau khi hết tuần nhang, bà từ hạ lễ, xuống. Long-Xưởng móc trong túi ra một nén bạc, hai tay cung kính trao cho bà từ.

– Gọi là chút ít, gửi bà để mua sắm đèn nhang, dâng lên công chúa điện hạ.

Thời bấy giờ, dù người giàu có đến đâu, khi đi lễ chùa, đèn... cũng chỉ cúng đến một quan tiền là nhiều lắm. Đây Long-Xưởng cúng đến một nén bạc mười lượng, tức một trăm quan tiền, thế mà bà từ vẫn bình thản:

– Phúc đức quá.

Bà hạ lễ trên bàn thờ xuống, rồi dùng dao chặt đùi sau con lợn sữa quay, xếp vào hai cái đĩa; trong khi thiếu niêm chặt một nửa con gà trống luộc xếp vào cái đĩa khác. Cả hai đem bát đũa bầy ra. Bà nói với Long-Xưởng, với bọn Đào Duy:

– Mời các công tử, các tiểu thư với các vị thụ lộc Bà.

Long-Xưởng lên tiếng gọi thằng Ba:

– Này anh Ba, vào đây thụ lộc công chúa với chúng tôi.

Bỗng có tiếng ăn mày vọng vào:

*«Con cá nó sống vì nước,  
 Con người sống vì đồng tiền bát cơm,  
 Lậy ông đi qua, lậy bà đi lại,  
 Cho chút cơm thừa canh cặn,  
 Làm phúc cũng như làm giàu  
 Ngày sau con rể, con dâu đầy nhà».*

Người ăn mày đầu đội chiếc nón rách che khuất mặt, thành ra không biết y già hay trẻ? Long-Xưởng, Đoan-Nghi, Trang-Hòa từng nghe cung nga, thái giám nói nhiều về ăn mày. Đó là những người nghèo khổ cùng cực, ngủ đường ngủ chợ, quần áo không có mà mặc, cơm không có mà ăn. Nhưng cũng nhiều cao nhân, dị sĩ, thường giả dạng ăn mày để trừ gian, diệt bạo. Thời vua Thánh-tông, Nhân-tông từng có Long-biên ngũ hùng, Tây-hồ thất kiệt, thừa nhận thiếu phải đi ăn mày. Sau trở thành đại tướng làm nghiêng ngửa giang sơn Chiêm, Tống; khi tuần quốc, quốc sử ghi tên, dân chúng thờ kính. Hóa cho nên trong chuyến xuất hành này, Long-Xưởng ước mong gặp được những

người có lòng son với xã tắc, mà phải đi ăn mày. Vương cầm nửa con gà luộc chưa chặt, một con bồ câu quay, một nải chuối, với đĩa xôi, bỏ vào cái khay, hai tay trịnh trọng trao cho người ăn mày:

– Đây, lộc của công chúa đây, người ăn đi.

– Đa tạ hồng ân của công chúa, đa tạ tiểu công tử.

Đoan-Nghi hỏi:

– Này, ông nghèo lắm hả. Trời ơi! Quần áo sao mà rách thế kia! Sao mà khổ thế. Ông có nhà không?

– Thưa tiểu thư không.

– Nhà của anh tôi rộng lắm, ví thử anh tôi mời ông về ở chung, ông có bằng lòng không?

– Dạ, dạ. Xin đa tạ tiểu thư. Tôi không dám đâu. Giá tiểu thư có tiền, cho tôi mấy lượng bạc, tôi mua túp lều ở thì tốt quá.

Nói rồi ông ta xòe bàn tay ra chờ đợi.

Đoan-Nghi luống cuống:

– Tôi có bạc, nhưng để ở nhà. Làm sao bây giờ!

Nàng quay lại hỏi Trang-Hòa:

– Chị có mang bạc đi theo không?

Trang-Hòa trả lời bằng cái lắc đầu. Đoan-Nghi nhìn Thụy-Hương. Thụy-Hương móc trong túi ra một lượng bạc:

– Em chỉ mang theo có bấy nhiêu thôi.

Người ăn mày chỉ vào đôi xuyễn trên tay Đoan-Nghi:

– Không có bạc, thì tiểu thư cho tôi đôi xuyễn kia vậy.

Đoan-Nghi suy nghĩ một lát rồi tháo đôi xuyễn trao cho người ăn mày:

– Đôi xuyễn này, ông ngoại tôi cho tôi nhân sinh nhật chín tuổi. Đem cho ông thì phụ lòng người.

Nhưng tôi có đeo bên cạnh cũng chẳng ích gì. Tôi cho ông đấy.

Thắng Ba can thiệp:

– Tiểu thư. Bọn ăn xin vốn vô lại, không nên đem của quý cho chúng. Như vậy chiều về nhà, bà đánh đòn cho mà coi.

– Mẹ ta hiền lắm, chắc không đánh ta đâu. Nếu mẹ ta có đánh ta, thì ta chịu vậy. Bố thí cho kẻ khó, mới là từ bi. Ta bố thí rồi, trong lòng sẽ vui biết bao. Mẹ có đánh đòn đau đốn mấy ta cũng chịu được. Người không nên cản ta.

Người ăn mày cầm lấy đôi xuyễn bỏ vào túi, rồi vái Đoan-Nghi ba vái. Vái xong, y ngồi xuống cạnh cái cột đèn, tay bốc xôi, tay xé thịt gà ăn.

Y nói một mình:

– Ngon quá! Nhưng thiếu nước mắm. Ngày xưa, công chúa Gia-Hưng thích nước mắm lắm. Công chúa xơi món gì cũng phải có nước mắm chắt, thế mà nay người ta cúng ngài, lại quên mất cái gia vị này.

Thắng Ba hừ một tiếng, rồi mắng người ăn mày:

– Láo vừa thôi nghe! Thịt gà phải ăn với lá chanh, chấm với muối. Ai đời lại chấm nước mắm bao giờ!

Đã dỗi, còn lên mặt dạy đời! Cút!

Người ăn mày chửi đổng:

– Hồi ơi! Xưa nay, người ta chỉ biết chuyện cáo mượn oai hùm, chứ chưa từng nghe nói cút hùm cũng oai bao giờ!

Thắng Ba nổi cáu:

– Mi có cảm cái mõm mi đi không? Ông lại vả cho rụng răng bây giờ?

– Ôi! Sao chủ nhân thì phúc đức, mà tôi tớ lại hung dữ như chó điên vậy kia?

Thắng Ba lạng người tới vung tay tát người ăn mày một cái. Long-Xưởng quát:

– Không được đánh người.

Nhưng không kịp. Bốp một tiếng. Rõ ràng thắng Ba tát người ăn mày, mà thân hình nó lại bay tung về sau. Chính tay nó tát vào mặt nó, làm bốn cái răng cửa bị gãy. Hai môi nó sưng vù, máu ri rỉ chảy ra mép.

Trong khi Long-Xưởng kinh ngạc, thì bà từ với thiếu niên thản nhiên lau bàn thờ. Ba người họ Đào lơ đãng nhìn ra sân. Thắng Ba gầm lên:

– Hôm nay mi phải chết.

Rồi nó tung người lại, chân phóng cước vào ngực người ăn mày. Bốp một tiếng, tiếp theo tiếng vù . Thắng Ba bay bổng ra sân, rơi xuống đất đến huynh. Nó nằm ngửa mặt lên trời, hai chân, hai tay múa loạn xạ. Trong khi người ăn mày vẫn ngồi dựa cột đèn, tay cầm nửa con gà, tay bốc xôi ăn, như không có sự gì xảy ra.

Long-Xưởng từng học võ với mẫu hậu, vương đã được chứng kiến mẫu hậu đấu với thắng Ba ngang tay. Bây giờ thấy người ăn mày thủy chung không đứng dậy, cũng chẳng xuất chiêu, mà làm cho thắng Ba lạc bại, thì vương biết rằng đây là một kỳ nhân, dị sĩ, giả làm ăn mày. Vương chắp tay cung kính:

– Gia nhân của tôi có chút mạo phạm. Xin cao nhân dung thứ cho.

– Dung thứ! Tiểu công tử có thấy y hung hăng đánh tôi không? Y đánh tôi, chứ tôi có đánh y đâu mà bảo dung thứ?

– Tiểu bối xin tiền bối cho biết cao danh, quý tính?

Người ăn mày chưa kịp trả lời, thì thắng Ba đứng dậy nhìn y:

– Mi có giỏi hẵng đứng dậy cùng ta chiết chiêu, chứ ngồi như vậy là hèn nhát.

Nói rồi nó xuất chưởng đánh thắng vào đầu người ăn mày. Người ăn mày vẫn ngồi bất động, ngón tay chỏ chĩa ra. Bốp một tiếng, thắng Ba ôm tay nhăn nhó, đau đớn cực kỳ. Nhưng nó nhảy lùi lại ba bước, rồi cười đầy vẻ đắc thắng:

– Cho mi nếm mùi đau khổ của Huyền-âm độc chưởng. Chỉ cần một khắc nữa, mi sẽ đau đớn đến phải kêu cha gọi mẹ, rồi sau đấy công lực của mi mất hết, người mi sẽ mềm xèo như sợi bún. Ha! Ha! Mi có mau rập đầu lạy lão gia một trăm lạy, lão gia sẽ tha cho mi cái tội vô lễ hôm nay.

Nhưng tiếng cười của nó bị tắt ngãm ngay, vì nó cảm thấy chân khí bể tắc, hai bàn tay xám ngắt, sưng vù. Toàn thân nó đau đớn cùng cực. Rõ ràng nó bị trúng Huyền-âm nội lực. Nó cười ha hả:

– À thì ra mi cũng biết Huyền-âm nội lực. Mi dùng Huyền-âm nội lực xử dụng Huyền-âm chỉ! Nhưng đối với ta thì vô ích.

Nói dứt, nó móc trong túi ra một hộp thuốc, lấy ba viên bỏ vào miệng nhai ngấu nghiến rồi nuốt. Sau khi nuốt thuốc, nó thấy tay lại sưng lớn hơn, cảm giác đau đớn càng tăng. Nó nghiến răng, cúi gập người xuống để khỏi bật thành tiếng kêu, nhưng cuối cùng không tự chủ được, nó thét lên:

– Ái! Đau quá! Ái.

Bấy giờ người ăn mày mới mở cái nón ra. Đó là một người đàn ông, gương mặt khó có thể đoán được rằng ông ta còn trẻ hay già. Mặt ông đẹp như Phật Di-Lặc, tóc bạc như cước. Ông ta cung tay hành lễ với Long-Xưởng, Đoan-Nghi Trang-Hòa:

– Tiểu công tử. Tiểu thư! Của bối thí không bằng cung cách bối thí. Chỉ cần một cử chỉ của công tử ban lộc cho lão ban nấy, lão cũng biết công tử, tiểu thư có tâm Bồ-tát. Còn tiểu thư, không tiếc của, ban vàng, lại không sợ trách phạt, thì hời ơi lòng dạ tiểu thư còn rộng hơn biển Đông nữa.

Nói rồi lão đeo đôi xuyến vào tay Đoan-Nghi. Trong khi lão ăn mày nói, thì thằng Ba vẫn đau đớn lăn lộn trên nền điện. Lão ăn mày hướng thiếu niên giữ đèn ra lệnh:

– Quang-Anh, hỏi cung nó.

Thiếu niên dạ một tiếng rồi nói với thằng Ba:

– Mi có biết tại sao mi đau đớn như vậy không?

– Ái! Tôi không biết. Đau quá, giết tôi đi!

Quang-Anh chỉ vào lão ăn mày:

– Mi có biết sư phụ ta là ai không?

– Tôi cũng không biết. Ái! Giết...tôi đi.

– Ta cần biết một số tin tức. Nếu mi khai đây đủ, ta sẽ giải khai cái đau đớn cho mi.

– Ái! Tôi xin nói.

– Họ, tên thực của mi là gì?

– Tôi họ Đỗ, tên thực là Đỗ Anh-Hào.

– Năm nay mi bao nhiêu tuổi

– Hai mươi ba tuổi.

– Cha mi là ai?

– Là...ái...là Đỗ Anh-Vũ.

– Mẹ mi là ai?

– Tôi không biết!

– Mi không biết ư ? Như vậy là mi nói láo. Được, ta để cho mi đau đớn đến chết , xem mi có chịu nói hay không!

Thằng Ba tức Đỗ Anh-Hào run rẩy, lăn lộn một lúc, rồi không chịu được, nó rên:

– Ái! Đau chết mất. Tôi xin nói... mẹ tôi là...Cảm-Thánh hoàng thái hậu.

Quang-Anh điểm vào huyệt đại trùy của Anh-Hào, lập tức cảm giác đau đớn biến mất. Nhưng chân tay nó vẫn còn run.

Nghe Anh-Hào cung khai, Long-Xưởng kinh hoàng-đến nỗi tưởng rằng mình nằm mơ. Vương nghĩ thầm: Từ trước đến nay, mình được mẫu hậu cho biết việc Đỗ Anh-Vũ tư thông với Thái-hậu, chuyên quyền, giết hại trung thần, tàn sát tông thất... Chứ tuyệt không ngờ hai người lại có con với nhau. Phụ hoàng ta sinh năm Thiên-chương bảo-tự thứ tư (Bính-Thìn, DL. 1136) tính đến nay là 25 tuổi. Hai năm sau đức Thần-tông băng, như vậy thì đức Thần-tông vừa băng thì Anh-Vũ đã tư thông với Thái-hậu. Thái-hậu mang thai tên này ngay. Ỷ là con của Thái-hậu với Anh-Vũ, nên tên Anh-Hào mới coi thường cả phụ hoàng lẫn mẫu hậu ta.

– Mi có bao nhiêu anh em?

- Mười hai người. Tám chị em gái, bốn anh em trai. Nhưng chỉ mình tôi là con của Thái-hậu mà thôi.
- Trong cung Cảm-Thánh có ba người được Thái-hậu ban cho mỹ danh là Nùng-sơn tam anh. Mi đứng thứ ba, vậy còn hai người nữa là ai?
- Người đứng thứ nhất là sư thúc Vương Nhất. Người đứng thứ nhì là sư thúc Cao Phi. Cả hai đều là sư thúc của tôi, do thái sư phụ đưa vào cung giúp Thái-hậu.
- Còn hai cung nữ tên Cảm-Linh, Cảm-Chi?
- Họ là cháu gọi Thái-hậu bằng cô ruột tức con cô con cậu với tôi. Cảm-Linh là vợ Vương sư thúc. Cảm-Chi là vợ Cao sư thúc.
- Hai người này thuộc môn phái nào?
- Tôi không biết.
- Mi học võ với ai?
- Với phụ thân.
- Cha mi là đệ tử của Khánh-Hỷ đại sư thuộc phái Tiêu-sơn, thì làm sao biết Huyền-âm nội lực mà dạy mi?
- Bố tôi học Huyền-âm nội lực với thái sư phụ.
- Thái sư phụ tên là gì? Hiện ở đâu?
- Tôi không biết tên người. Người ẩn hiện bất thường. Tôi đã gặp người nhiều lần trong cung Cảm-Thánh.

Cách đây mươi tám năm. Khánh-Hỷ đại sư thủ tọa Vạn-Hạnh đường của phái Tiêu-sơn, trong khi vân du Thăng-long, ngài hành hương chùa Chiêu-thiền (chùa Láng) thì bị kẻ lạ mặt đánh lén một Huyền-âm chưởng. Ngài quắn quại, lăn lộn bốn mươi chín ngày rồi viên tịch. Trong khi ngài đau đớn cùng cực, các sư huynh, sư đệ hỏi ngài danh tính thủ phạm, ngài nghiến răng chịu đau, trả lời «Khi nghiệp quả đã đến, thì phải an phận mà nhận», rồi viên tịch. Vụ án một đệ nhất cao thủ của phái võ lớn nhất Đại-Việt bị ám toán, đã gây trấn động võ lâm Hoa-Việt. Hơn nữa, ngài bị ám toán ngay giữa Thăng-long, vào lúc đệ tử của ngài là Đỗ Anh-Vũ đang làm Thái-sư, quyền nghiêng thiên hạ, càng khiến cho võ lâm quan tâm. Phái Tiêu-sơn, cũng như triều đình cử không biết bao nhiêu cao thủ, quan lại điều tra, mà cho đến nay vẫn chưa tìm được tông tích thủ phạm. Hơn năm sau đến lượt chưởng môn phái Tản-viên là Đặng Phi-Sơn, cũng bị mất tích. Giang hồ đồn rằng ông bị gian nhân dùng Huyền-âm chưởng đả thương rồi bỏ mạng. Gần đây nhất, Nghi-Hòa sư thái, chưởng môn phái Mê-linh lại mất tích, có tin đồn bà bị trúng Huyền-âm chưởng qua đời, và gần nhất Văn Đức-Ý đi dự Đông-cung triều vể, bị giết với mã phu, ngựa. Böyle giờ này ra vụ Anh-Vũ luyện Huyền-âm công, rồi dạy con... Thái-hậu đem vào cung hai cặp vợ chồng đều là đại hành gia, sử dụng Huyền-âm nội lực.

Quang-Anh hỏi:

- Mi có biết tại sao, mi dùng Huyền-âm chưởng đánh sư phụ ta, mà chính mi lại bị trúng độc chưởng này không?
- Tôi không biết.

Anh-Hào hướng lão ăn mày rập đầu binh binh: Xin lão tiên sinh tha cho tiểu bối.

Đối với cuộc thảm sát của Quang-Anh, dường như lão ăn mày bỏ ngoài tai, lão cứ thản nhiên uống rượu, ăn thịt. Thấy Anh-Hào lậy mình, mặt lão vẫn lạnh như tiền.

Quang-Anh hỏi tiếp:

- Mi có biết tại sao, khi mi uống thuốc giải Huyền-âm độc chưởng của mi, không những cơn đau không giảm, mà còn đau hơn không?
- Tôi cũng không biết nữa. Xin thiếu hiệp nói cho tôi biết.
- Cũng được! Ta sẽ nói cho mi nghe. Nhưng mi phải nói rõ về Huyền-âm nội lực của mi, cho chủ nhân mi nghe đã.

Anh-Hào hướng vào Long-Xưởng nói với giọng kẻ cả, đầy tự hào:

- Thông thường khi người nào bị đánh bằng Huyền-âm nội lực, thì bất biết công lực cao hay thấp, chỉ cần hai chưởng chạm nhau, là độc chất chạy vào cơ thể, lan rất mau. Khoảng trên dưới một khắc, thì tay xám ngắt, sưng lớn, rồi đau đớn cùng cực, lăn lộn đến nỗi muôn tự tử cũng không còn sức. Dù có điểm huyệt, hay uống thuốc trấn thống, thì cao nhất là bẩy ngày, công lực mất hết, sức không còn, đến nỗi đi đứng cũng phải có người nâng đỡ. Nếu uống hai viên thuốc giải của bản môn thì không sao. Còn như chỉ uống một viên, thì không chết, nhưng công lực mất hết, phải luyện lại từ đầu. Từ đây, mỗi năm phải uống một viên nữa. Bằng không lại đau đớn sau 49 ngày cũng chết. Cách đây hai năm, Đỗ Anh-Hào đã dùng chưởng này đánh Hoàng-hậu, sau đó Thái-hậu kiềm chế bà. Chính vì vậy mà bà không dám ra mặt giúp nhà vua trong việc phục hồi quốc gia. Hôm qua trong lúc Long-Xưởng thần hôn định tĩnh, Hoàng-hậu đã khẩn khoản nhắc nó phải tìm người của phái Sài-sơn, hầu giải vĩnh viễn độc chưởng cho bà.

Long-Xưởng rùng mình hỏi:

- Huyền-âm nội lực phát xuất từ đâu?

Anh-Hào lắc đầu tỏ vẻ không biết. Y hỏi lại Quang-Anh:

- Thiếu hiệp có biết không? Nếu thiếu hiệp biết xin đừng tiếc công dạy bảo.

Quang-Anh cũng lắc đầu, y hỏi lão ăn mày:

- Sư phụ, đệ tử...

Lão ăn mày chỉ vào bà từ:

- À, cái vụ này thì ta không biết rõ. Mi hỏi sư mẫu ấy.

Câu nói của lão ăn mày khiến Long-Xưởng tìm ra được một chút ánh sáng:

- Mình đáng chết thực. Từ sáng đến giờ, những gì xảy ra, đều có thứ lớp. Lão ăn đã biết thân phận mình rồi. Rõ ràng có một bàn tay nào đó đã xếp đặt. Mình phải cẩn thận mới được: Lão ăn mày với bà từ là vợ chồng. Lão với vợ, đệ tử chuẩn bị sẵn để chờ mình, mà mình không biết. Như vậy vợ chồng lão là cao nhân đương thời đã biết rõ chân tướng mình, nên chờ đón mình tại đây với mục đích gì, mình chưa biết. Như vậy mình phải tỏ ra biết trọng hiền tài... Nếu như được lão trợ giúp thì có thể trị được đám cao thủ của cung Cảm-Thánh. Lại còn vợ chồng Đào Duy nữa, biết đâu họ không cùng hành sự? Nhưng ai xếp đặt? Chắc chắn những người này không phải của Thái-hậu rồi, vì những gì xảy ra đều bất lợi cho Thái-hậu cả. Họ là người của ông ngoại hay của quan Thái-sư Lưu Khánh-Đàm cũng nên. Dù họ là người của ai, thì rõ ràng họ làm lợi cho ta.

Bà từ nguýt chồng một cái, rồi nói mát:

- Xưa nay, lão già kia hăng tự hào là thông kim, bác cổ, mà nay cũng phải lùi sau lão nương một bước ư?

Lão ăn mày cười hề hề:

- Bao giờ tôi cũng thua bà. Ai mà hơn được bà kia chứ. Nhất bà, nhì trời, thứ ba thịt gà.

Lão lại cầm đùi gà chấm muối vừa ăn vừa uống rượu. Bà từ lắc đầu, nói với Long-Xưởng:

“... Nguyên vào thời Tân Thủy-Hoàng, sau khi thống nhất Trung-quốc, y muốn đánh chiếm Âu-lạc. Tể tướng Triệu Cao bàn rằng: Đất Việt xưa nay là nơi rồng nằm, hổ phục, vậy trước ta phải sai sứ sang dò xét phong thổ, binh lực, võ học của chúng đã. Thủy-Hoàng thuận đê nghị ấy. Y sai sứ sang bắt vua An-Dương (257 TTL- 207 TTL) cống một đội võ sĩ để làm thị vệ. Khi sứ Tân sang, vua An-Dương biết rằng võ học Trung-quốc đang thịnh thời, mà Thủy-Hoàng đòi cống võ sĩ, thì chỉ với mục đích tìm hiểu võ học của Âu-lạc mà thôi. Ngài sai quan Đại Tư-mã là tổ sư Lý Thân mang một đoàn đê tử sang Tân”.

Quang-Anh hỏi:

– Thưa sư mẫu, quê tổ ở đâu?

– Tổ quán ngoại ô Thăng-long... Khi sứ đoàn Âu-lạc tới Hàm-dương, Thủy-Hoàng sai tất cả những cao thủ bậc nhất Trung-quốc đấu với sứ đoàn trước sân rồng. Tổ ra lệnh cho chư đệ tử rằng: Ban ngày, khi đấu cứ đánh cầm chừng, để ngài với chín đại đệ tử ghi nhớ tất cả những chiêu thức của đối thủ. Đêm, tổ với các đệ tử mới diễn lại những chiêu thức đó, rồi tìm ra phá cách. Sau những trận long tranh, hổ đấu, tổ với chín đệ tử tìm ra rằng, tại Trung-quốc có chín phái võ, và tìm ra đầy đủ cách khắc chế. Cuối cùng chư đệ tử của tổ thắng tất cả những cao thủ bậc nhất của Tân.

Tuy mới luyện võ, nhưng giai đoạn lịch sử này Long-Xưởng từng đọc qua. Nay nghe bà từ kể, nó gật đầu tỏ vẻ thích thú. Bà từ hỏi:

– Tiểu công tử! Thị ra tiểu công tử cũng biết rõ chuyện này rồi ư?

– Thưa cao nhân, vẫn sinh đã đọc giai thoại này trong bộ Âu-lạc giản sử. Bộ này viết từ thời vua Trưng.

– Công tử thử kể tiếp, xem có giống như bản phả của chúng ta không nào!

– Dạ! Sau đó Tân Thủy-Hoàng phong cho ngài làm Tư-lệ hiệu-úy, cùng đệ tử cầm quân trấn vùng Lâm-thao, đánh Hung-nô. Trong khi ruồi ngựa trên vùng tuyết phủ phía Bắc Vạn-lý trường thành, ngài đã tìm được nguyên lý Âm thăng Dương, do vậy ngài viết ra nội công Âm-nhu, gồm 99 câu quyết. Ngài lại thu góp tất cả yếu quyết kiểm thuật Trung-quốc, rồi tìm ra các chiêu khắc chế, đặt trên căn bản dũng mãnh, sau thành pho Long-biên kiểm pháp. Đại đệ tử của ngài là Vũ Bảo-Trung thu thập nghiên cứu tất cả tinh yếu quyền, chưởng của Trung-quốc, rồi nghĩ ra các chiêu khắc chế. Đó là pho Thiết-kình phi chưởng, Âu-lạc chưởng pháp, còn có tên khác là Cổ-loa chưởng pháp. Sau khi bình Hung-nô, Thủy-Hoàng phong cho ngài tước Vạn-tín hầu, các đệ tử của ngài đều được phong tước bá, rồi cho hồi hương. Y xin ngài để lại một đệ tử làm Tổng-lĩnh thị vệ. Ngài để đệ nhị đệ tử là Trần Mạnh Chi ở lại. Mạnh-Chi lấy vợ Hán, thu dụng đệ tử rồi lập ra phái Trường-bạch. Ngài về nước được mấy năm, thì Hung-nô lại vượt Vạn-lý trường thành quấy rối Trung-quốc. Thủy-Hoàng sai sứ sang tìm ngài. Ngài không muốn vì bạo chúa mà lẩn mình vào chỗ chết, bèn trốn vào rừng. Vua An-Dương cáo với sứ rằng ngài qua đời rồi. Sứ về tâu lại, Thủy-Hoàng tin là là thực. Nhưng quan Tư-thiên giám coi Thiên-văn thấy tướng tinh của ngài vẫn còn, y tâu lại. Thủy-Hoàng sai sứ yêu sách: Chết rồi thì phải đem xác qua. Ngài biết rằng nếu mình xuất hiện, thì chẳng hóa ra vua An-Dương nói dối ư? Thủy-Hoàng có thể kiểm cớ gây chiến. Ngài họp chư đệ tử lại, dặn dò việc sau, rồi tự tử chết. Vua An-Dương sai ướp xác ngài, trao cho sứ của Tân. Thủy-Hoàng thấy ngài chết thực rồi, y sai làm một tượng bằng đồng đen giống ngài, trong bụng có máy, khiến chân

tay cử động được, rồi để lên ngựa cho ruồi trên Vạn-lý trường thành. Quân Hung-nô nhìn thấy, tưởng là ngài, bèn bỏ chạy. Về phía Âu-lạc, vua An-Dương sai lập đền thờ ngài. Nhưng khi Triệu Đà chiếm Âu-lạc, y phá đi. Đến đời Đường, Triệu Xương sang cai trị nước ta (803), đêm thường nằm mơ thấy cùng ngài bàn sách Xuân-Thu, Tả truyện. Y bèn hỏi tìm đến quê cũ của ngài, rồi cho lập đền thờ. Sau đó Cao Biền sang cai trị nước ta, y được ngài hiển linh giúp đánh quân Nam-chiếu, y lại sai tu bổ đền ngài.(7)

Thuật đến đây, Long-Xưởng cung tay:

– Bộ Âu-lạc giản sử chỉ chép đến đoạn vua An-Dương lập đền thờ. Còn những việc sau tiểu sinh biết là do thầy dạy giảng thêm. Tiểu sinh xin kính cẩn lắng nghe cao nhân bổ khuyết cho những thiếu sót. Bà từ nói với Long-Xưởng như mẹ nói với con:

– Công tử mới bằng này tuổi, mà kiến thức thực rộng bao la. Những điều công tử kể thuộc về quốc sử. Còn những bí ẩn của võ sử còn nhiều lắm. Tôi xin vì công tử mà kể.

Bà nhìn lên tượng công chúa Gia-Hưng, rồi tiếp:

– Sau khi Âu-lạc bị Triệu Đà chiếm. Các tướng của vua An-Dương không chịu phục. Họ đem bộ thuộc, gia đình quy dân lập ấp, mưu đồ phục quốc. Đệ tử của Trung-tín hầu Vũ Bảo-Trung lập ra phái Cửu-chân. Đệ tử của Cao-cảnh hầu Cao Nỗ lập ra phái Hoa-lư. Đệ tử của Phương-chính hầu Trần Tự-Minh lập ra phái Khúc-giang. Con cháu của tổ lập ra phái Long-biên. Khi con cháu Triệu Đà bị vong quốc, lập ra phái Quế-lâm. Đến hời Lĩnh-Nam, nước ta có các phái Tân-viên, Tây-vu, Khúc-giang, Quế-lâm, Hoa-lư, Cửu-chân, Long-biên. Các phái hợp nhau, cùng vua Trưng phất cờ khởi nghĩa, lập ra triều đình Lĩnh-Nam. Lĩnh-Nam bị Hán diệt, các đệ tử của ba phái Long-biên, Cửu-chân, Hoa-lư lập ra phái Mê-linh....cho tới nay.

Bà chỉ vào Anh-Hào:

– Trở lại với phái Trường-bạch bên Trung-quốc, đời đời cha truyền con nối. Tới thời Tây-Hán, vị chưởng môn sai đệ tử là Mao Đông-Các đi diệt trừ một ác bá. Không may, y bị tên ác bá bầy mưu gian bắt giam. Tên ác bá muốn có nội công Âm-nhu của phái Trường-bạch, y dùng năm loại côn trùng độc là rắn, rết, tằm, nhện, bò cạp cho cắn Đông-Các để y phải khai ra bí quyết luyện công. Không ngờ trong khi bị đau đớn cùng cực, y vận công chống độc, nội công Âm-nhu với ngũ độc hòa hợp với nhau thành một thứ độc công kinh thế hải tục. Đông-Các phá vỡ gông cùm, rồi tiêu diệt trọn vẹn kẻ thù, trở về phục mệnh sư phụ. Sau khi tìm hiểu độc công của đệ tử, vị chưởng môn phái Trường-bạch thấy rằng nếu người nào luyện nội công này, nó sẽ làm mất nhân tính đi, mà trở thành ác nhân, điên điên, khùng khùng. Ông bắt Mao Đông-Các phải chấm dứt luyện độc công. Y không tuân. Trong một lần theo sư phụ đi hành hiệp, y đánh trộm sư phụ một độc chưởng. Ông bị thương nặng, đau đớn khổn khổ, chết đi sống lại trong 49 ngày rồi chết. Sư phụ chết rồi, y dõi sư huynh, sư đệ đồng môn rằng sư phụ gác quy ẩn, trao cho y làm chưởng môn. Từ đấy y dạy độc công cho đệ tử phái Trường-bạch, cũng chính y tìm ra được thuốc giải. Đại đệ tử của y là Phan Sùng dùng độc chưởng đi khống chế võ lâm Trung-quốc giúp Cảnh-Thủy hoàng-đế trung hưng Hán nghiệp. Ai bị đánh trúng, phải bái y làm sư phụ, thì y cho thuốc giải. Thuốc giải này chỉ hiệu nghiệm một năm. Năm sau lại phải uống tiếp. Trong năm đó, nếu không trung thành với y, thì không có thuốc giải, nạn nhân sẽ đau đớn trong 49 ngày rồi chết. Thực là một thứ nội công ác độc nhưng vô song, vô đối.

Long-Xưởng hỏi:

– Thưa cao nhân, tại sao lại gọi là vô song, vô đối? Không lẽ luyện nội công này, thì trở thành anh hùng vô địch ư?

Bà từ mỉm cười:

– Công tử mới học võ, nên công tử chưa thể hiểu nổi cái ác liệt của nội công này. Bởi nó bao gồm cả chính lẩn tà, rất khó chống đỡ. Chính vì gốc nó là nội công Âm-nhu của phái Long-biên. Tà vì nó dùng nội công Âm-nhu đẩy ngũ độc vào cơ thể đối thủ. Bất cứ cao thủ nào, trong khi đấu với đệ tử phái này, chỉ cần chạm vào chưởng của chúng, là lập tức độc tố chạy vào kinh mạch, trong vòng một khắc thì đau đớn đến chết đi sống lại. Sau này chỉ có Thiền-công là chống được mà thôi.

Bà lắc đầu:

– Sau trận đánh trên đồi Vương-sơn, ở phía Nam Lạc-dương, Mao ĐÔng-Các cùng hai con gái bị giết; di thư của phái này bị Cửu-chân vương Đào Thế-Kiệt đốt cháy ở Kinh-châu. Võ lâm Hoa-Việt tưởng đâu Huyền-âm nội công bị tuyệt diệt. Nào ngờ, cặp vợ chồng Phan Anh, Trần Nghi-Gia còn sống, chúng truyền cho con. Trong trận đánh ở Nam-hải với công chúa Thánh-Thiên, tuy vợ chồng Phan Anh bị giết, mà Huyền-âm công vẫn lưu truyền. Nhưng các đời sau không biết chế thuốc giải, thành ra phái này không rộng lớn. Mãi tới thời vua Lý Thánh-tông, bọn ma đầu Hồng-thiết giáo Đại-Việt là Vũ Chương-Hào, Lê Phúc-Huynh, Đinh Kiếm-Thương chạy sang Trung-nguyên trao đổi võ công với bọn Trường-bạch, chúng mới chế được thuốc giải. Trong trận đánh ở Yên-dũng (1077), Trường-bạch song hùng bị bại dưới tay phò mã Thân Thiệu-Thái, hai người được Kinh-Nam vương xin ân xá cho, nhưng bắt phải ở lại Đại-Việt cho đến già, rồi chết. Bấy lâu nay võ lâm Hoa-Việt tưởng đâu võ công ác độc này tuyệt chủng. Cho đến khi đại sư Khánh-Hỷ, sư thái Nghi-Hoà, đại hiệp Phi-Sơn bị giết, bấy giờ võ lâm nổi lên cơn phong ba. Người người ra sức đi tìm thủ phạm, tìm bọn luyện độc chưởng này để tiêu diệt.

Bà chỉ vào tên Đỗ Anh-Hào:

– May mắn thay, hôm nay chúng ta đã tìm ra được một chút ánh sáng.

Long-Xưởng hỏi:

– Thưa cao nhân, giữa Chu-sa Nhật-Hồ độc công với Huyền-âm công khác nhau thế nào?

– Khác rất nhiều. Chu-sa Nhật-Hồ độc chưởng phát xuất từ Tây-vực. Đại ma đầu Nhật-Hồ lão nhân đem vào Đại-Việt dưới thời Thập-nhị sứ quân. Độc công này do hai tên khùng người Tây-vực phát minh ra có tên là Chu-sa hồng thiết tâm pháp, dùng 28 vị thuốc độc luyện công. Nội công này thuần dương, rất dễ trừ. Đến thời đức Lý Thái-tổ, phái Sài-sơn đã tìm ra thuốc giải vĩnh viễn, nên nó không còn là mối lo nữa. Vả phương pháp luyện cũng thất truyền sau khi ma đầu Đinh Kiếm-Thương tức sư Đại-Điên bị thánh tăng Từ Đạo-Hạnh giết.

Bà hất hàm cho Quang-Anh:

– Con tiếp tục hỏi cung nó đi.(8)

Quang-Anh hỏi Anh-Hào:

– Bây giờ mi sắp chết rồi. Để ta nói cho mi nghe, kéo mi chết, xuống Âm-phủ; Diêm-vương hỏi tại sao mi chết, mà mi không biết, e Diêm-vương mắng mi là phường hồ đồ rồi ra lệnh chém mi, thì mi lại chết một lần nữa. Sư phụ ta là đại danh y đương thời, nên lão nhân gia chỉ nhìn qua nước da, ánh mắt đã biết mi luyện nội công Âm-nhu, cùng Huyền-âm chưởng. Nên khi mi phát chiêu, lão nhân gia đã đẩy những gì mi đánh ra trở lại người mi.

- Nhưng tại sao... tại sao tôi đã uống thuốc giải mà vô hiệu?
- Ta đã nói hết đâu? Trong khi đỡ chiêu của mi, sư phụ ta còn đẩy vào người mi một viên thuốc nữa. Thành ra thuốc giải của mi vô dụng đã dành mà thuốc hợp với Huyền-âm công thành một thứ độc công vô cùng bá đạo, cho nên không những thuốc giải của mi vô hiệu, mà còn làm cho đau hơn. Bây giờ mi muốn sống, hay muốn đau đớn cùng cực rồi chết?
- Tôi...tôi muốn sống.
- Kể từ hôm nay, mi phải tuân theo ba điều.
- ?!?!?
- Một là mi phải đây kín miệng bình, không được tiết lộ những gì xảy ra hôm nay, dù với Thái-hậu.
- Tôi xin tuân. Còn điều thứ nhì?
- Mi phải tuyệt đối trung thành với chủ nhân mi. Bất cứ chủ nhân mi ra lệnh gì mi phải nhất nhất tuân theo.
- Tôi xin tuân ! Còn điều thứ ba ?!?
- Mi phải khai tất cả những bí mật trong cung Cảm-Thánh cho ta. Như vậy, cứ ngày trăng tròn, mi phải ra chùa Một-cột gặp sư phụ ta để lĩnh một viên thuốc giải. Nếu mi quên, thì sang ngày mười sáu, cơn đau sẽ hành hạ mi. Thôi, bây giờ mi ra ngoài kia, khai tất cả những bí ẩn trung cung Cảm-Thánh cho ta.

Đợi Quang-Anh với Đỗ Anh-Hào ra ngoài, bà từ mời bọn Long-Xưởng, ngồi xuống chiếc phản. Bà với lão ăn mày ngồi vào ngôi chủ vị tiếp khách. Vợ chồng Đào Duy, chắp tay đứng hầu.

Lão ăn mày nhìn Long-Xưởng:

– Thái-tử, lão phu đi ăn mày, khắp hang cùng ngõ hẻm đâu đâu cũng nghe người ta đồn rằng: Thái-tử Long-Xưởng tuổi tuy còn nhỏ, mà có phong thái như Khai-Quốc vương xưa. Nào văn chương quán thế, trí lự khác phàm. Tương lai có thể vừa là Khai-Quốc vương, vừa là vua Lý Thánh-tông. Hôm nay lão phu mới được gặp. Những gì Thái-tử nói từ nãy đến giờ, lão phu mới thấy tư cách Thái-tử còn hơn tiếng đồn nữa.

– Đa tạ tiên sinh quá khen. Xưởng này có làm được những công nghiệp như vua Thánh-tông, như Khai-Quốc vương hay không, còn nhờ vào sự dạy dỗ của những người như tiên sinh.

Hành tung của lão ăn mày, của bà từ, gợi cho ký ức giúp Long-Xưởng nhớ lại trong buổi thiết triều hai năm trước về việc Đỗ Anh-Vũ bị giết... Vương chắp tay hành lễ với người ăn mày và bà từ:

– Thì ta tiền bối có đại danh là Nam-phương thần y, họ Lê, tên Thúc-Cẩn, chưởng môn phái Sài-sơn đấy! Còn phu nhân đây hẳn là Ngô Lan-Chi, một cao thủ phái Mê-linh. Hèn gì, hành trạng khác thường. Tiểu sinh có mắt như mù. Xin hai vị đại xá cho.

Long-Xưởng chợt nhớ ra rằng: Ông ngoại của vương là sư huynh của Ngô Lan-Chi, vương nảy ra ý nhận họ, để cầu thân. Vương chắp tay hành lễ:

– Đệ tử xin bái kiến thái sư thúc.

Lan-Chi nắm tay Long-Xưởng:

– Thái tử chẳng nên đa lễ. Quan Thái-sư nhờ chúng ta giúp Thái-tử. Chúng ta chờ Thái-tử từ qua tới giờ. Giúp Thái-tử thì chúng ta sẵn sàng. Nhưng ta chỉ giúp cái chí của Thái-tử mà thôi. Vậy trước hết Thái-tử cho chúng ta biết cái chí của Thái-tử như thế nào?

Long-Xưởng ngồi ngay ngắn lại, chỉnh đốn y phục, rồi cung tay hướng vợ chồng Lê Thúc-Cẩn xá ba xá:

– Xưởng này trẻ người, non dạ, tư chất lại dâm độn, kiến thức chỉ trông vào thầy dạy là quan Thái-phó Hoàng Nghĩa-Hiền và di thư của tiền nhân để lại. Hôm nay, duyên may gặp gỡ tiên sinh cùng phu nhân. Phu nhân lại là chỗ đồng môn với ngoại tổ. Xưởng xin dãi bầy ước vọng, mong hai vị dạy cho những lời vàng ngọc.

Lê Thúc-Cẩn từng ngao du tứ phương trị bệnh cho dân chúng. Lão nghe nhiều, biết rộng, kinh lịch có thừa; thế mà hôm nay, ngồi trước một thiếu niên mười tuổi, nói năng như những bậc anh hùng cao niên khuất thân cầu hiền, lão kinh ngạc không ít.

Long-Xưởng tiếp:

– Bản triều do đức Thái-tổ, ứng lòng người, hợp lòng trời, lập nền chính thống. Đến đời đức Thái-tông, Thánh-tông, Nhân-tông, nhờ liệt tổ Đại-Việt phù hộ. Nhờ Khai-Quốc vương cùng anh hùng khuông phò... mà phía Nam bình Chiêm, mở rộng Nam-giới tới Hải-vân sơn, sáu lần chỉ ngọn cờ lên Bắc, khiến cho giang sơn Tống nghiêng ngửa, bỏ mộng xâm lăng. Bên trong, việc nội trị vững vàng, dân chúng ấm no, học phong mở rộng. Nhất là anh hùng võ lâm cùng triều đình như hai mà là một. Thúc-Cẩn, Chi-Lan cùng gật đầu tán thành những điều Long-Xưởng nói.

– Nhưng từ khi đức Thần-tông băng, nội cung thì bị cái nạn gà mái gáy, gây ra những vết nhơ, muôn đời không rửa sạch. Triều đình thì cường thẫn làm những chuyện bạo thiêu, nghịch địa, tàn sát tông thất, tru diệt trung thần, bạc đãi hiền tài, khinh rẻ võ lâm. Hóa cho nên nhân tài bị mai một với cỏ cây, võ lâm xa lánh, tông thất thù hận. Học phong suy đồi, sĩ dân không ham luyện võ. Những lúc Xưởng này đọc sách, thấy tổ tiên anh hùng như vậy, dân chúng ấm no như vậy... mà tiếc, mà buồn đến không cầm được nước mắt, ăn không ngon, ngủ không yên. Cho nên Xưởng này khuất thân cầu hiền, mong xây dựng lại cái thịnh thời đời vua Thái-tông, Thánh-tông, Nhân-tông. Mong tiên sinh với phu nhân đừng tiếc công dạy bảo.

Thúc-Cẩn mỉm cười:

– Dạy cho Thái-tử thì vợ chồng lão không dám. Tuy nhiên, nghe Thái-tử bầy tỏ cái chí, thì dù kẻ ngu phu, ngu phụ cũng phải cảm động, huống hồ vợ chồng lão phu. Nhưng Thái-tử ơi! Khổng-tử nói rằng: Trong một ấp mười nhà tất có người trung tín! Kìa, tại triều chẵng có Thái-sư Lưu Khánh-Đàm, ngồi trong màn mà quyết thắng ngoài ngàn dặm đó ư? Luận về chính sự Tống, Chiêm, cùng những kế sách cho dân giàu nước mạnh thì có Thái-phó Hoàng Nghĩa-Hiền. Lại còn những bậc trung thần như Vũ Tán-Đường, Bùi Kinh-An, Phí Công-Tín... Kể sao cho hết. Họ cũng muốn đem tài lương đóng ra giúp triều đình. Nhưng, họ đều bó chân, bó tay, vì hoàng-thượng thì không thể làm bất cứ việc gì trái với Thái-hậu. Trong khi Cảm-Thánh hoàng thái hậu chuyên quyền. Nay lão phu muốn giúp thái-tử làm những chuyện như thời vua Thái-tông, Thánh-tông, thì cần phải giải tán cái triều đình gà mái gáy bên cung Cảm-Thánh. Mà muốn giải tán cái triều đình gà mái gáy kia, thì cần phải gỡ cái vòng vây trong Hoàng-thành cho hoàng-thượng, cho hoàng-hậu, và nhất là gỡ cái lưới bao vây thái tử ở Đông-cung. Gỡ cái lưới này thì ngoài tầm tay của Thái-sư, Thái-phó. Chính vì lẽ đó mà Lưu Thái-sư mới xếp đặt để thái-tử gặp vợ chồng lão phu hôm nay. Lão phu xin vì thái-tử mà làm việc này.

Long-Xưởng như người mù được mở mắt, thái-tử lại xá ba xá:

– Xin tiên sinh dạy tiếp cho.

– Bọn xu phụ bên cung Cảm-thánh sở dĩ có, vì thái-hậu nắm quyền. Muốn lấy lại quyền thì phải có lực. Hai năm trước, sau vụ án Đỗ Anh-Vũ, hoàng-hậu đã làm, nhưng vì lực không đủ, lại làm gấp qua nênh thất bại. Nay thái-tử muốn làm, thì phải biết rõ nội tình cung Cảm-Thánh.

Ông chỉ ra ngoài xe, chỗ Đỗ Anh-Hào ngồi:

– Ta có tên họ Đỗ kia, y đang cung khai những gì ta cần biết. Khi ta biết rồi thì theo đó mà hành sự. Lát sau, Quang-Anh trở lại, y thuật lại những gì gã Đỗ Anh-Hào kể.

«...Trong cuộc chiến tranh thời Anh-vũ chiêu-thắng, có rất nhiều tướng Tống, cũng như cao thủ bị Đại-Việt bắt sống. Họ được Kinh-Nam vương với công chúa Huệ-Nhu xin cho khỏi họa sát thân. Linh-Nhân hoàng thái hậu trao họ cho vương giữ, đợi hết chiến tranh sẽ trả về Tống. Sau khi Tống Việt hòa tất cả binh tướng Tống đều được trao trả. Vương chỉ giữ lại sáu đại cao thủ đó là Trường-bạch song hùng, Hoa-sơn tứ đại thần kiêm. Theo ý vương, thì các tướng được trả về, không là mối lo cho Đại-Việt. Còn Trường-bạch song hùng, Hoa-sơn tứ đại thần kiêm là những cao thủ võ công kinh thế hãi tục. Trong môn phái, họ là những người duy nhất được học tuyệt nghệ. Nay họ bị nhục, họ sẽ truyền nghề cho đồ tử, đồ tôn, để chúng sang rửa nhục cho môn hộ. Vậy nếu như giữ họ lại Đại-Việt, họ chết rồi, thì tuyệt học hai phái này sẽ mất, mối lo đồ tử đồ tôn sang trả thù không còn nữa. Trường-bạch song hùng Mao Cung, Mao Kính bại dưới tay phò mã Thân Thiệu-Thái trong trận Yên-dũng, bị trúng Chu-sa độc chưởng, rồi bị bắt. Triều đình cũng như võ lâm Đại-Việt định giết chúng đi, để Huyền-âm công tuyệt chủng. Nhưng hai người được Kinh-Nam vương Trần Tự-Mai, công chúa Huệ-Nhu xin Thân phò mã tha mạng cho. Vương truyền giam lỏng hai người lại Thiên-trường. Hàng tháng chúng được trao thuốc giải. Họ lấy vợ Việt. Hai người vốn giỏi nghề trị độc, họ làm thầy lang chữa bệnh cho dân chúng, để sống cho qua ngày. Trường-bạch nhất hùng không có con trai. Trường-bạch nhị hùng sinh được một trai tên Mao Khiêm, lại cũng có tên Bình, nên đôi khi gọi là Mao Bình. Khi Mao Kính sắp qua đời, Mao Khiêm mới có năm tuổi, chưa tập võ. Y trăn trối, xin công chúa Huệ-Nhu rằng : Sau này Mao Khiêm lớn lên, công chúa thương tình dạy cho nó một ít bản sự. Từ đấy võ lâm Hoa-Việt tin rằng Huyền-âm công tuyệt tích.

Trường-bạch song hùng tuy giữ lời hứa không dạy Huyền-âm công cho ai. Nhưng trước khi chết, Mao Kính cảm thấy bồn chồn trong dạ, vì một pho võ công vô địch, lưu truyền hơn nghìn năm, bây giờ mai một đi thì thực là điều đáng tiếc. Vì vậy y dùng tất cả tàn lực, viết lại thành cuốn phổ, rồi trao cho vợ, trối rằng: Phái Trường-bạch nhà ta gốc từ tổ Vạn-tín hầu Lý Thân của Đại-Việt, nguyên thuộc chính phái. Đến đời tổ Mao Đông-Các, người hợp với ngũ độc thành Huyền-âm độc công. Bất cứ võ lâm chính hay tà nghe đến danh đều kinh hồn động phách. Đến anh em ta, cả hai đều thành anh hùng vô địch. Vì vua Tống Thần-tông với tể tướng Vương An-Thạch hậu lễ, lên núi cầu hiền, mà chúng ta hạ sơn. Bởi thất thế, chúng ta đành gửi xương ở đất Nam-man. Nếu nay ta chết đi, mà để tâm pháp này tuyệt chủng, thì thực có tội với liệt tổ. Vậy, sau khi ta qua đời, nàng phải ẩn nhẫn nuôi con. Đợi sau khi nó lớn, học được võ công Đông-a rồi, thì nàng cùng con xin cải táng đem xương ta về cố quốc. Khi về tới nơi, nàng tìm chỗ ẩn, trao tập phẩy này cho con. Đợi nó luyện thành bản lĩnh nghiêng trời lệch đất rồi hãy tìm đến tổng đường phái Trường-bạch mà nhận họ.

Vợ Mao Kính cho xây ngôi từ đường, thờ Trường-bạch song hùng ngay trên mồ hai người. Lúc sống, hai người, dùng tài trị độc cứu rất nhiều dân bản xứ thoát chết , nên sau khi chết, họ nhớ ơn. Những ngày sóc, ngày vọng, họ đem lễ đến miếu thờ, cúng bái rất đông.

Khi Mao Khiêm bẩy tuổi, cái tuổi bắt đầu được tập võ, thì Kinh-Nam vương với công chúa Huệ-Nhu đều hoảng cả rồi. Chiếu di chúc, con của vương là thế tử Vị-Hoàng, thương tình Mao Khiêm cũng thuộc hai giòng máu như mình. Thế-tử thu Khiêm làm đệ tử, và dốc túi truyền thụ võ công Hoa-sơn, Đông-a cho nó. Năm mươi tám tuổi, Mao Khiêm đã học được bẩy thành bản lãnh của sư phu, i thì sứ Tống sang đòi cải táng xương Trường-bạch song hùng về cõ quốc. Triều đình Đại-Việt xin phái Đông-a chu toàn việc đó. Mẹ con Mao Khiêm được theo sứ Tống hồi hương. Miếu thờ cũng bị phá hủy luôn.

Hoa-sơn tứ đại thần kiêm bị giam lỏng ở Thiên-trường. Họ được cấp đất, cấp nhà ở. Vì họ là đạo sĩ, nên họ rất giỏi việc trừ tà, bắt ma. Họ thu được cảm tình của dân chúng. Nhưng bốn người luôn tưởng nhớ môn hộ, tưởng nhớ có quốc. Họ lập ra hai cái đài, một cái mang tên Thế-lệ đoạn trường (Khóc đến đứt ruột ra), một cái tên Tiêu-hồn lạc phách (Hồn bị tan nát phách bị lạc mất). Ngày ngày lên đài, hướng mắt nhìn về Bắc, tưởng nhớ cõ quốc. Buồn quá bốn người mang Hoa-sơn tứ đại thần kỹ là Nội-công, Quyền-pháp, Chưởng-pháp, Kiếm-pháp, ra nghiên cứu, bổ khuyết, sáng chế thành bộ võ kinh, mang tên Vô-song vô đối, Trung-nguyên võ kinh, gọi tắt là Vô-Trung kinh. Nhưng bốn người không làm cách nào chuyển về Trung-thổ cho đồ tử, đồ tôn. Mãi tới khi công chúa Huệ-Nhu hoảng, sứ Tống sang điếu tang, họ mới làm một bài kệ ngắn, mật gửi sứ đoàn mang về cho phái Hoa-sơn. Nhưng từ khi Tứ đại thần kiêm bị bắt, tuyệt nghệ thất truyền, đồ tử đồ tôn của họ không có những tay kiệt hiệt, nên không dành được những chỗ đứng cao trong Tống triều. Mãi gần đây nhân hai vua Tống bị Kim bắt, mới có ba người là Ngô Giới, Ngô Lan, Lưu Kỳ phất cờ trung hưng, mà trở thành ba đại thần. Phái Hoa-sơn có ảnh hưởng lớn tại triều Nam Tống. Nhân dịp này, họ cử cao thủ theo sứ đoàn sang tìm nơi chôn Vô-Trung kinh.

Niên hiệu Thiệu-Minh thứ nhì (Kỷ Mùi, DL. 1139), bên Trung-nguyên là niên hiệu Thiệu-Hưng thứ 9, vua Thần-Tông băng, Thái-tử Thiên-tộ mới ba tuổi lên nối ngôi. Chiêu-Hiếu thái hậu họ Đỗ (Vợ Sùng-hiền hầu, mẹ vua Thần-tông, bà Đại-Định hoàng-đế, tức vua Anh-Tông) có ý muốn cướp ngôi vua cho em mình là Đỗ Anh-Vũ. Bà cử mật sứ sang xin Tống phong cho Anh-Vũ làm vua Đại-Việt. Thiệu-Hưng hoàng-đế đem việc này đình nghị. Các quan đều bàn không nêu, vì như vậy là dung dưỡng bọn gian thần tặc tử. Thiệu-Hưng để cử sứ sang phong cho Thái-tử Thiên-Tộ làm Giao-chỉ quận vương. Mao Khiêm được chỉ định theo làm thông dịch. Triều đình Tống ban mật dụ cho Mao Khiêm như sau:

«Phải hứa lơ mơ với Đỗ Anh-Vũ, khuyên y chuyên quyền, như vậy triều đình Việt sẽ chia năm sẻ bẩy. Bấy giờ mới xui y cướp ngôi. Tống nhân đó đem quân sang kéo cao ngọn cờ hưng diệt, kể tuyệt (phục hồi triều đình bị diệt, cho con cháu bị tuyệt kế tục ngôi vua), rồi chiếm Đại-Việt trả cái thù Quách Qùy, Triệu Tiết thất bại năm xưa».

Khiêm làm đúng như chỉ dụ. Sau khi sứ đoàn Tống về, Mao Khiêm trốn lại, ẩn trong dinh Đỗ Anh-Vũ, thu y làm đệ tử, và truyền Huyền-âm công cho y. Việc này đến tai Khánh-Hỷ đại sư. Ngài vội vã về Thăng-long khuyên đệ tử. Anh-Vũ không những không nghe, mà còn đánh lén đại sư một Huyền-âm chưởng. Nhưng công lực y thấp quá, bị đại sư bắt. Mao Khiêm xuất hiện cứu y. Hai người đấu với nhau trên trăm hiệp, thì Khánh-Hỷ bị trúng Huyền-âm chưởng. Trong lúc ngài đau đớn đến chết đi sống lại thì Mao Khiêm ra điều kiện: Nếu ngài trao tất cả năm tuyệt học phái Tiêu-sơn cho y, thì y sẽ trao thuốc giải. Bằng không, thì ngài sẽ đau đớn trong 49 ngày rồi chết. Ngài đành chịu chết, ch

không chịu phản môn phái. Sau đó Mao Khiêm tiếp tục khống chế chưởng môn phái Tân-viên là Đặng Phi-Sơn, chưởng môn phái Mê-linh là Nghi-Hòa sư thái, nhưng hai vị này cũng đành chịu chết. Hiện Mao đang tìm cách khống chế phái Sài-sơn nữa để có bí kíp võ công. Còn phái Đông-a thì không cần, vì y là đệ tử phái này, đã học được võ công rồi. Giữa lúc này Chiêu-Hiếu thái hậu khám phá ra cuộc vụng trộm giữa Anh-Vũ với con dâu mình là Cảm-Thánh thái hậu. Mao Khiêm bắt được dịp băng vàng, để gây công phẫn tại triều đình Đại-Việt bằng cách ám sát Chiêu-Hiếu thái hậu. Trong triều, ngoài dã, ai cũng bảo Anh-Vũ giết chị.

Để gây thêm vây cánh, Mao Khiêm thu thêm hai đệ tử nữa là Vương Nhất và Cao Nhị. Y lại xin Anh-Vũ hỏi hai người cháu gọi Thiên-Cảm thái hậu băng cô là Lê Cảm-Linh, Lê Cảm-Chi cho hai đệ tử mình. Thiên-Cảm thái hậu cho cả bốn người vào ở trong cung của bà. Để tỏ ra việc làm của mình, cũng đi theo chính đạo như Linh-Nhân hoàng thái hậu (Ỷ-Lan) thời trước, đã ban mỹ danh cho Long-biên ngũ hùng, Tây-hồ thất kiệt; bà ban cho Vương Nhất, Cao Nhị, Đỗ Anh-Hào mỹ danh Nùng-sơn tam anh, và Cảm-Linh, Cảm-Chi mỹ danh Tô-lịch nhị tiên.

Không may cho Anh-Vũ, giữa lúc y say quyền hành, định cướp ngôi, y bí mật nhờ Mao Khiêm lên đường về Tống tâu xin Thiệu-Hưng đế, phong vương cho y; thì Côi-sơn song ưng giết cả nhà Anh-Vũ. Trong đêm đó, Mao Khiêm thì đang ở bên Tống, còn các đệ tử của Mao đều ở trong cung Cảm-Thánh, băng không sẽ có cuộc long tranh, hổ đấu.

Khi lâm triều nghe trần tấu về việc Anh-Vũ bị giết, Cảm-Thánh thái hậu tuyệt không ngờ nhà vua với Hoàng-hậu lại ra tay kiềm chế hết các quan thuộc phe đảng Anh-Vũ. Bị bất ngờ, bà thất bại trong chốc lát. Trở về cung, lập tức bà điều động Nùng-sơn tam anh, Tô-lịch nhị tiên phản công. Các quan thuộc đảng Anh-Vũ được thả ra, mười tám võ sĩ của hoàng-hậu bị kiềm chế rồi bị giết. Nhà vua, hoàng-hậu bị giam lỏng. Hoàng-hậu bị trúng Huyền-âm chưởng, hoàn toàn khuất phục thái-hậu.

Giữa lúc đó thì Cao Khiêm trở về với một sứ đoàn. Chánh sứ cũng như phó sứ là hai đại thần, văn võ kiêm toàn, mưu trí trùm hoàn vũ. Cả hai người đều là cao thủ võ lâm danh trấn Hoa-hạ. Trong hai người này, thì phó sứ là một người nổi danh đệ nhất mỹ nam tử của Trung-nghuyên. Thái-hậu thấy y là quên ngay Anh-Vũ. Bà say mê y đến điên đảo thần hồn. Bất cứ y nói gì bà cũng nhất nhì nghe theo. Y cùng chánh sứ thấy lực lượng nhà vua quá yếu. Nếu như thái-hậu phế nhà vua, e rằng phe trung thành với nhà vua bị đè bẹp dễ dàng. Họ thiết kế phải làm sao cho phe nhà vua mạnh lên đôi chút, rồi mới xui thái-hậu truất phế. Thái-hậu truất phế nhà vua, thì quần thần chống đối. Dĩ nhiên bấy giờ sẽ có nội chiến. Đợi cho hai cọp cắn nhau, tinh lực quốc gia yếu đi. Tống chỉ việc đem một đạo quân nhỏ sang, là chiếm được Đại-Việt. Chính vì vậy mà hai năm qua, viên phó sứ kiềm chế Thái-hậu, khi thì băng tình cảm, khi thì băng thuyết phục, xui bà để cho nhà vua làm một số việc như chỉnh đốn học phong, khuyến khích nông tang, tái tổ chức mười hai hiệu Thiên-tử binh. Một mặt y i xui thái-hậu tổ chức trại-vệ, triều đình riêng, khiến công khố khánh kiệt, mà hình thành được hai lực lượng đối kháng nhau, bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra chiến tranh.

Bây giờ, thái-hậu cùng họ Lê của bà, họ Đỗ với dư đảng của Anh-Vũ; càng lộng quyền hơn trước. Mật sứ khuyên bà:

«Bà cũng như tông tộc họ Lê, họ Đỗ đều lâm thế cối cọp, không thể xuống được nữa. Cái gương thời tiền Hán, Lã hậu và họ Lã chuyên quyền, sau khi Lã hậu băng, tông thất nhà Hán, cùng quần thần tru diệt ba họ nhà hậu cũng như phe đảng. Một liều, ba bẩy cũng liều, bà nên vu cho nhà vua bị

bệnh, bắt đi tu. Sau đó bắt chước thái-hậu Dương Vân-Nga phế con trai là Đinh Toàn, nhường ngôi cho tình quân là Lê Hoàn; bà lập viên phó sứ lên làm vua. Bấy giờ Tống không cần bắn một mũi tên, đánh một chiêu võ, mà chiếm được Đại-Việt».

Hiện thái-hậu và phe đảng đang chuẩn bị làm việc đó vào cuối năm.

Nghe Quang-Anh thuật, Long-Xưởng cũng như vợ chồng Lê Thúc-Cẩn đều kinh hồn động phách. Lan-Chi than:

– Từ trước đến giờ, võ lâm Đại-Việt đã nghe biết những điều ô uế trong hoàng tộc, người người đều tưởng rằng đây chẳng qua là chuyện tối bại của một người đàn bà ngu độn, tham dâm mà thôi. Cho nên các tôn sư đều khuyên đệ tử đứng ngoài, không can thiệp vào. Bây giờ có ba điều không ai có thể bỏ qua. Một là, Mao Khiêm với đệ tử dùng Huyền-âm công sát hại Khánh-Hỷ đại sư, Nghi-Hòa sư thái, đại hiệp Đặng Phi-Sơn. Dường như Tống muốn có tất cả bí lục võ lâm Đại-Việt, rồi nghiên cứu ra phá cách, như vậy, thì vĩnh viễn Đại-Việt không giữ nổi nước nữa. Thâm thực, mà cũng độc thực. Hai là, chúng dùng mỹ nam tử lung lạc Cảm-Thánh thái hậu, dùng Huyền-âm độc chưởng kiềm chế hoàng-hậu...để mưu đồ đem quân Tống vào Đại-Việt. Ba là, sứ đoàn mật của Tống đã vào Đại-Việt từ lâu, mưu đồ chiếm nước. Nếu võ lâm không mau ra tay, thì cái họa mất nước khó tránh.

Bà hỏi chồng:

– Ông nghĩ sao?

– Ta không thể giúp nhà vua diệt phe thái-hậu, vì làm như thế, sẽ có nội chiến, vô tình trúng kế bọn Tống. Ta phải hành động thực khéo, giết chết hết bọn thây trò Mao Khiêm, tàn sát bọn sứ đoàn Tống với chân tay của thái-hậu. Như vậy bọn ngoại thích họ Lê, họ Đỗ như rắn mất đầu, chỉ cần một tờ chiếu chỉ, bắt đem chặt đầu là xong.

Bà than:

– Có một điều rất khó xử. Vì bản lĩnh Mao Khiêm cao thâm không biết đau mà lường. Đến Khánh-Hỷ, Nghi-Hòa, Đặng Phi-Sơn còn bị mất mạng về tay y thì ta không phải là địch thủ của y mất rồi. Hơn nữa, y là đệ tử của thế tử Vị-Hoàng, tức sư đệ của chưởng môn phái Đông-a Trần Tự-Kinh. Ví dù bản lãnh ta có cao hơn y, thì luật lệ võ lâm không cho ta giết y. Ta chỉ có thể cáo với phái Đông-a để họ tự thanh lý môn hộ mà thôi.

Ông tỏ vẻ cương quyết:

– Cái khó khăn nhất do ta không biết chánh, phó sứ Tống là ai? Sứ đoàn có bao nhiêu người? Ngay bây giờ trở về, thái-tử phải sử dụng Khu-mật viện, để tìm cho ra bọn chúng.

Long-Xưởng tỏ vẻ tự tin:

– Nhị vị yên tâm. Tiểu bối đã nắm chắc Khu-mật viện rồi.

– Thái tử nắm như thế nào?

Thúc-Cẩn hỏi: Liệu những người đó có tin được không?

– Trước kia Khu-mật viện do Đỗ Anh-Vũ kiêm nhiệm. Từ khi y chết rồi, thì Thái-sư Lưu Khánh-Đàm tạm thay thế. Nay tiểu bối đã xin phụ hoàng thăng Bảo-Ninh hầu Lý Long-Can lên chức Phiêu-kị thượng tướng quân, quản Khu-mật viện.

– Được đấy. Ông này vừa có tài, lại trung thành.

– Trong Khu-mật viện có ba ty. Ty Phòng-ngự do Bình-bộ đảm trách. Trước đây trưởng ty là Trung-vũ thượng tướng quân Chu Công-Chính vốn thuộc dư đảng của Đỗ Anh-Vũ. Tiểu bối đã tâu phụ

hoàng thăng cho y lên chức Tuyên-vũ trấn Thanh-hóa; lấy Long-nhương thượng tướng quân Lưu Khánh-Bình, con của Thái-sư Lưu Khánh-Đàm thay thế.

– Hay lắm. Từ nay bao nhiêu chính lệnh ban ra cho các đạo quân, lại là người thân tình của thái-tử. Như vậy ta nắm chắc quân các trấn trong tay. Còn ty Nội-sát. Ty này là tai, là mắt của Đại-Việt đây.

– Ty Nội-sát , trước kia do con trai Đỗ Anh-Vũ là Đỗ Anh-Hùng đảm trách. Sau khi y bị Côi-sơn song ưng giết chết, ty này do Lại-bộ thượng thư Đỗ An-Di, em của Đỗ thần phi kiêm nhiệm. Còn ty quan trọng nhất là ty Mật-sự, trước kia do Tô Hiến-Thành kiêm nhiệm. Tiểu bối mới tâu phụ hoàng thăng cho ông ta lên làm Long-thàn tiết độ sứ, và cử Tả-thiên ngưu-vệ thượng tướng quân Tăng Quốc lên thay. Tăng Quốc là chồng của nhũ mẫu. Như nhị vị tiền bối biết, những người ngồi ở Khu-mật viện bổng lộc không có, lại dễ bị mang họa. Nên nay Tô Hiến-Thành, Chu Công-Chính được thăng chức lớn, được cử vào những chức vụ béo bở, thì mừng lắm. Thái hậu không nhìn ra kế sách của tiểu bối, nên vui vẻ ra mặt.

– Tôi yên tâm.

Thúc-Cẩn tiếp: Cái việc quan trọng là giết tên Mao Khiêm , với diệt sứ đoàn. Sự đã như thế này, thì ta phải cáo với chưởng môn nhân năm đại môn phái, để hành động chung, hầu tránh hiềm khích với nhau.

Thế rồi ba người bàn định với nhau mãi đến chiều mới dứt. Thúc-Cần nói:

– Thái-tử cứ yên tâm về Đông-cung giữ kín mọi việc đã xảy ra. Vì chỉ cần lộ ra rằng ta biết rõ mưu gian của bọn ngoại thích họ Lê, họ Đỗ, thì lập tức chúng phải hành sự ngay. Như vậy, thì nội chiến e khó tránh. Còn tên Đỗ Anh-Hào, chúng tôi có cách kiềm chế nó.

Ông ghé miệng vào tai Long-Xưởng thì thăm một lúc. Không biết ông nói những gì, mà chỉ thấy Long-Xưởng mỉm cười, gật đầu liên tiếp. Cuối cùng ông trao cho Long-Xưởng cái bình nhỏ, trong đựng tám viên thuốc, dặn rằng:

– Đây là thuốc giải Huyền-âm chưởng. Thái-tử về dâng lên hoàng-hậu. Tuy hậu được trị bệnh, nhưng vẫn giả ngây, giả dại, sợ sệt thái-hậu để bà không đề phòng, ta mới dễ hành động.

### **Chú giải:**

(1) . *Nam-hải: Tên vùng đất về thời vua Trưng, nay gồm Một phần tỉnh Quảng-Tây, toàn tỉnh Quảng-Đông, đảo Hải-Nam. Bấy giờ vùng này do công chúa Thánh-Thiên trấn thủ.*

(2) . *Thường-sơn, tên một ngọn núi nhỏ, nơi diễn ra trận đánh kinh khủng giữa tướng Hán là Phiêu-ký đại tướng quân, tước Phù-lạc hầu Lưu Long với Đông-triều công chúa Lê Chân.*

(3) . *Giao-long: Các tướng Hán đánh nhau với công chúa Gia-hưng, hầu hết bị bại, họ tâu về triều rằng công chúa là con giao long tu nghìn năm ở biển Nam-hải.*

(4) *Sầm Anh, danh tướng Hán, lĩnh ấn Long-nhương đại tướng quân. Bị công chúa Gia-hưng bắt sống trong trận thủy chiến Nam-hải.*

(5) *Gió Xuân trong trận Lãng-bạc giúp công chúa Gia-Hưng đốt quân Mã Viện ở Yên-vũ vào đêm giao thừa Quý-Mão (43 sau Tây-lịch).*

(6) *Nắng hạ chiếu xuống cửa biển Thần-phù, công chúa Gia-Hưng đại phá quân Hán ở Trường-yên (Ninh-bình ngày nay).*

(7) Trải qua gần 1194 năm, với biết bao nhiêu thăng trầm của lịch sử, với biết bao nhiêu cuộc trùng tu, nay (1997) đền của Vạn-tín hẫu vẫn còn tại xã Thụy-hương, huyện Từ-liêm Hà-nội.

#### **Tài liệu Trung-quốc.**

- *Tư-mã Thiên, Sử-ký:*
- *Quyển 6, Tân Thủy-Hoàng bản kỷ.*
- *Quyển 112 Bình-tân hẫu Chủ-phụ liệt truyện.*
- *Quyển 113 Nam-Việt liệt truyện.*
- *Quyển 114 Đông-Việt liệt truyện.*

#### **Tài liệu Việt-Nam, chữ Hán.**

- *ĐVSKTT,*
- *KĐVSTGCM,*
- *Đại-Việt địa dư chí,*
- *Nam-Việt địa dư chí,*
- *Địa-dư chí,*
- *Hoàng-Việt địa dư,*
- *Nam sử lược biên,*
- *Thăng-long cổ tích khảo,*
- *Nhị Hoàng di ái lục,*
- *Long-biên bách nhị vịnh,*
- *Chư dư chí tạp biên,*
- *Thoái thực kỳ văn.*

#### **Tài liệu ViệtNam, chữ Quốc-ngữ.**

- *Anh-hùng Lĩnh-Nam.*
- *Đông-đình hồ ngoại sử:*
- *Cẩm-khé di hận.*

của Yên-tử cư-sĩ, do Nam-á Paris xuất bản

(8) Về những uẩn khúc này, xin đọc **Anh-hùng Lĩnh-Nam** 4 quyển, **Đông-đình hồ ngoại sử** 3 quyển, **Cẩm-khé di hận** 4 quyển, của Yên-tử cư sĩ do Nam-á Paris xuất bản.

## Văn tại trại hè Võ-nguôn 1996.

Sáng ngày 1 tháng 9.

Tiếng chim rồng hót véo von, đã đánh thức tôi. Nhìn đồng hồ, mới bẩy giờ. Sáu người cùng qua đêm với tôi tại căn nhà gỗ nhỏ, còn đang chìm trong giấc ngủ. Tôi bước ra sân. Ánh nắng ban mai phủ lên khắp rừng núi. Tôi thực hành một thức Khí-công, vận khí đi theo vòng Đại Chu-thiên đúng 36 lần, rồi thu công. Phóng mắt nhìn một vòng quanh trại, không khí sinh hoạt nhộn nhịp hăng hái.

Trong lúc ăn sáng, tôi chợt để ý rằng đa số những vị lớn tuổi, đều ngồi gần nhau, để truyện trò. Hầu hết là truyện văn hóa, rất ít người nói truyện làm ăn. Không thấy ai nói truyện chính trị. Quanh tôi là mấy người trẻ, Lâm Diễm-Hồng, Nguyễn Tâm-Huy, Nguyễn Lộc-Quy, Trần Quỳnh Kim-Ngân, Mai-thị Huyền-Trang, Hoàng-Lan. Hầu hết những người trẻ này đều ngang tuổi với các con tôi, nên trong câu chuyện họ trao đổi với nhau, tôi nắm được ý tưởng của họ, và hiểu họ.

Sau khi ăn sáng, một cháu gái trong đám nghe tôi kể truyện đêm qua đến bên tôi, nói sẽ vào tai:

– Có người tìm bác, khẩn lắm.

Tôi vội cáo lỗi đứng dậy, theo cô bé đó. Thì ra cũng vẫn nhóm trẻ hôm qua. Họ kéo tôi vào căn nhà gỗ, rồi xin tôi kể tiếp.

Một cháu trai, tuổi còn rất trẻ, có lẽ chưa tới 18, cháu hỏi tôi:

– Hôm qua, bác đã lướt qua truyện năm thiếu nữ khốn cùng, đến độ cha mẹ phải bán con; hai thiếu niên mà mẹ phải đi ở vú là Tăng Khoa, Từ Thụy-Hương. Tiếp theo bác thuật hành trạng của ba thiếu niên quyền quý là Thái-tử Long-Xưởng, công chúa Đoan-Nghi, tiểu thư Bùi Trang-Hòa. Rồi bác cho họ sống hòa hợp với nhau bằng tình thương yêu của tộc Việt. Bác hứa hôm nay, bác sẽ thuật cho bọn cháu nghe về ba thiếu niên thảo dã. Ba thiếu niên này, sẽ cùng mười thiếu niên trên hợp nhau, làm lên những đấng anh hùng. Vậy xin bác kể tiếp.

Tôi khoan thai kể:

– Trong mười ba thiếu niên này, thì Long-Xưởng, Đoan-Nghi, Trang-Hòa, Tăng Khoa, Thụy-Hương là những người thuộc cuối thời đại Tiêu-sơn. Họ là anh hùng Tiêu-sơn. Còn năm thiếu nữ khốn cùng, với ba thiếu niên mà bác sắp kể đây là những thiếu niên mở đầu cho thời đại Đông-A. Chính họ là những anh hùng Đông-A, dựng cờ bình Mông.

## Hồi thứ sáu

### Vạn dặm cầu hiên

Trời bắt đầu vào Thu, cái lạnh đã bắt đầu len lỏi trong không gian, những chiếc lá bàng vàng úa đâu tiên bay lượn theo gió rơi là tả xuống đất.

Trên con đường thiên lý, từ Thăng-long hướng về Thiên-trường, một chiếc xe song mã đang sải bước, tiếng nhạc ngựa rung nhịp nhàng. Người đánh xe là một đứa trẻ, tuổi khoảng mười một, mười hai. Cạnh nó, một đứa con trai, một đứa con gái nữa, tuổi suýt soát với nó. Thoáng nhìn, người ta cũng biết ba trẻ là anh em ruột, vì chúng có nhiều nét giống nhau. Ghế phía sau của ba đứa trẻ, là một đôi thiếu niên nam nữ ngồi ngắm trời. Đôi nam nữ đó, nam thì hùng vĩ, tuấn tú; nữ thì yếu điệu, ôn nhu, văn nhã.

Bỗng đứa con trai quay lại sau hỏi:

– Mẹ ơi! Con tỳ, con vị của con nó quấy rầy con quá, con đói đứt ruột ra rồi!

Thiếu phụ an ủi:

– Con chịu khó nhịn một lát nữa thôi, là ta tới khu ngã ba đường Thăng-long đi Trường-yên, Thiên-trường, ở đó có nhiều quán ăn, tha hồ cho con ăn.

Đứa bé gái bẹo tai đứa con trai:

– Cái anh Thủ-Huy này, mới ăn ban nãy, mà đã đói rồi, bộ trong bụng anh có con hổ hay sao, mà cứ ăn một lúc lại đòi ăn?

Đứa con trai ngồi cạnh thằng Thủ-Huy xen vào:

– Thì nam thực như hổ, nữ thực như miêu mà. Nó với anh đều là con trai, thì phải ăn như hổ cũng là sự thường thôi! Còn em là gái mà cũng ăn khỏe thì mới là điều lạ lùng. Có lẽ phải đổi câu nam thực như hổ, nữ thực như miêu thành nam thực như hổ, nữ thực như voi cho hợp.

– Hứ! Hai ông dạ dày lủng, cùng đói như nhau nên bênh nhau. Không chừng anh Thủ-Lý còn đói hơn anh Thủ-Huy nữa.

Bỗng có tiếng vó ngựa khua móng dồn dập, Thủ-Lý đứng lên nhìn về phía sau xe, rồi la lớn:

– Có hai con ngựa đuổi theo ba con ngựa.Ồ, ba người chạy trước thì hai người mặc y phục võ, một người là trẻ con. Còn hai người đuổi theo, thì một già một trẻ.

Trung niên nam tử lên tiếng:

– Bọn võ lâm à? Như vậy là có liên quan tới bọn giang hồ hắc đạo rồi. Ta đứng tọa thủ bàng quan, không nên dây với hùi chi cho bực mình.

Ba kị mã phi ngựa chạy, tới gần chiếc xe thì phải ghì cương cho ngựa chậm lại, vì đường hẹp, không đủ chỗ cho họ vượt qua. Hai kị mã phía sau đã đuổi kịp. Hai võ sĩ nói với đứa trẻ:

– Tình hình nguy lắm rồi, xin chủ nhân bỏ chạy trước đi để thuộc hạ cản đường, tử chiến với chúng.

Đứa trẻ vọt ngựa lên trước, rồi ra roi cho ngựa phi nước đại. Còn hai võ sĩ thì cầm ngang đoàn đao, gö cương cho ngựa dàn ra đường. Một người nói:

– Nghi-tàm song-ma! Hôm nay dù có thịt nát xương tan, ta cũng nhất quyết tử chiến với bọn mi.

Thiếu phụ trên xe ngựa trước nói nhỏ với chồng:

– Bọn Nghi-tàm song-ma dường như có tên là Vũ An, Vũ Minh thì phải. Chúng nó là hai cha con. Vậy tên già kia là Vũ An rồi. Còn tên trẻ là Vũ Minh. Không biết chúng đuổi theo đứa trẻ công tử kia với mục đích gì? Cướp của chăng?

Người chồng thở dài:

– Thời với thế! Ai đời giữa ngay thủ đô Thăng-long, mà bọn trộm cướp kết đảng, xưng là ma, là quỷ mà vẫn để yên được. Böyle giờ ngay trên đường cái quan, mà chúng hoành hành như rừng núi vậy. Vua, quan... chết hết cả rồi.

Nghi-tàm song-ma với hai võ sĩ đã bắt đầu giao chiến. Song-ma dùng côn nhị khúc múa như mây trôi, như sóng vỗ. Côn, đao chạm nhau kêu lên những tiếng loảng xoảng. Thiếu phụ hỏi chồng:

– Anh thấy thế nào?

– Kể về chiêu thức thì hai bên ngang nhau. Nhưng về nội lực thì Song-ma bỏ xa hai võ sĩ.

Ông quay lại bảo con:

– Thôi ta đi thôi!

Thủ-Huy ra roi cho ngựa vọt tới trước, tuy vậy nó vẫn còn tiếc rẻ, thỉnh thoảng lại quay đầu về sau quan sát chiến trường.

Xe chạy một lát, thì không còn nghe thấy tiếng vũ khí chạm nhau nữa. Hơn khắc sau, chợt đứa con gái chỉ về phía trước:

– Kìa, anh chàng công tử kia? Chắc anh ta gù ngựa chờ hai tùy tùng đấy.

Khi xe vượt qua con ngựa của công tử, thằng Thủ-Lý tội nghiệp, nhắc:

– Chạy thì chạy cho mau, chậm tí nữa chúng đuổi tới e mất mạng đấy. Hai gia nhân của anh giờ này chắc bị giết rồi.

Gã tiểu công tử tỏ ra cương cường:

– Nếu hai gia nhân bị giết rồi, thì tôi có chạy cũng vô ích, chúng sẽ đuổi kịp, vì vậy tôi không chạy nữa.

Chiếc xe ngựa lại bon bon lên đường. Xe chạy được khoảng ba khắc sau, thì đứa con gái chỉ tay về trước:

– Kìa ngã ba kia kia. Ủ, nhà cửa san sát, chắc có nhiều quán ăn, tha hồ cho anh Thủ-Lý, Thủ-Huy ăn nhé! Cười đi!

Hai đứa con trai ứng lời đứa con gái cùng nhau hì lên một tiếng. Đứa trẻ tên Thủ-Huy ghì cương cho xe chạy chậm lại. Xe đi giữa hai dãy nhà, toàn là quán ăn. Nó giật dây cương, hai con ngựa đứng lại trước một nhà hàng có bảng hiệu Quán Bích-động. Một thiếu niên tuổi khoảng mười lăm, mươi sáu chạy ra cầm lấy cương ngựa. trong khi đó chủ quán đơn đả đón khách.

Thiếu phụ chỉ lên lầu:

– Cho tôi một bàn ở trên lầu.

Chủ nhà hàng vui vẻ dẫn khách lên lầu.

Thiếu phụ hỏi:

– Này ông chủ! Mùa này là mùa rươi, ông cho tôi hai đĩa chả rươi, một con gà mái tơ luộc, hai bát canh cá rô nấu với cải bẹ xanh, một đĩa cà pháo mắm tôm. Cơm thì ông cho chúng tôi cơm gạo dự.

Chợt trung niên nam tử lắng tai chú ý nghe rồi nói:

– Đường như có người phi ngựa từ Thăng-long về phía này thì phải. Một con phi trước, hai con phi sau. Có lẽ hai người đuổi một người. Anh nghĩ bọn Nghi-tàm giết chết hai gia nhân, rồi đuổi theo gã tiểu công tử.

Câu nói vừa dứt thì ba con ngựa đã tới trước quán. Đúng như trung niên nam tử nói, kị mã chạy trước quả là gã tiểu công tử, còn hai người đuổi theo là Nghi-tàm song-ma.

Đường phố đông người, khiến ngựa không phi được, nên Song-ma đã bắt được gã thiếu niên công tử. Hai cha con kè hai bên ngựa của gã thiếu niên công tử. Vũ An túm lấy cổ áo thiếu niên, rồi cười ha hả:

– Xem mi có chạy được nữa không?

Đứa trẻ lắc mình một cái, y đã vuột khỏi tay Vũ An. Nhưng Vũ An lại chụp tiếp. Vũ Minh nắm lấy cương ngựa của tiểu công tử, rồi cùng Vũ An giật cương cho ngựa quay về hướng Thăng-long.

Thiếu phụ mỉm cười nhìn chồng, rồi lấy hai cái đũa trong ống, tay vung lên, hai cái đũa xé gió kêu lên hai tiếng vi vu. Một cái trúng huyệt Đại-trùy của Vũ Minh, một cái trúng huyệt Thiên-tông của Vũ An. Lập tức cả hai người cùng té liệt, ngồi như hai pho tượng trên ngựa. Đứa trẻ bị bắt chỉ sờ vùng vẩy là đã thoát khỏi tay Vũ An. Nó tỏ ra bình tĩnh cầm cương ngựa của mình, thong thả đi giữa phố đông đặc người, coi như không biết đến Song-ma đã bắt nó. Nó tiến tới tửu lâu Bích-động trao cương ngựa cho tửu bảo rồi khoan thai lên lâu, ngồi vào cái bàn cạnh cặp vợ chồng trẻ với ba đứa con. Nó liếc mắt nhìn năm người, khẽ gật đầu chào, miệng mỉm cười làm quen.

Thủ-Lý, Thủ-Huy cùng mỉm cười đáp lại.

Dưới đường, Vũ Minh lén tiếng:

– Bố ơi! Tại sao chân tay chúng mình lại tê liệt như thế này?

– Còn tại sao nữa? Chúng mình bị người ta ném ám khí điểm huyệt chứ còn làm sao nữa. Không biết kẻ nào đã ra tay ám toán mình. Nghĩ tức thực là tức.

Trên lâu, trung niên nam tử bảo vợ:

– Thôi, em dậy đỡ chúng như vậy đủ rồi, tha cho chúng đi.

Thiếu phụ mỉm cười, bà bốc hai hạt đậu lạc (phộng) rồi vung tay lên. Cả hai hạt đậu đều trúng huyệt Chí-dương của Song-ma. Lập tức cả hai lại cử động được như thường. Vừa cử động được, Song-ma cột ngựa vào gốc cây bên đường, rồi tung mình lên tửu lâu. Hai người tiến đến ngồi hai bên đứa trẻ. Đứa trẻ tỏ vẻ không sợ, nó hỏi:

– Này hai gã tướng cướp kia! Giữa ta với hai đứa bay vốn không quen biết, lại không thù, không oán. Hà cớ chúng bay cứ theo làm khó dễ ta hoài? Nếu như sư phụ ta biết,ắt người sẽ xé xác bọn mi ra, bấy giờ bọn mi có van xin cũng vô ích.

Vũ An cười khành khạch:

– Sư phụ mi là ai? Nói nghe thử? Nếu sư phụ mi đến đây, e ta sẽ bóp chết y như bóp một con dán mà thôi.

Vũ Minh cũng cười, y nói bằng giọng cực kỳ đều giǎ:

– Ví thử như sư phụ mi có là Ngọc-hoàng đại đế, nhưng hôm nay hai ông nội mi cho mi chầu Diêm-vương rồi, thì sư phụ mi cũng không biết tại sao mi chết. Chết do ai giết mà trả thù.

Đứa trẻ chỉ vào bàn của cặp vợ chồng và ba đứa con đang ăn:

– Ta có chết đi, thì còn năm người này sống. Họ sẽ nói cho sư phụ ta biết rằng ngày hôm nay hai tên Vũ An, Vũ Minh có biệt hiệu là Nghi-tàm song ma, đã hại ta.

Nói rồi nó nói với đứa trẻ tên Thủ-Huy:

– Có phải thế không huynh?

Thủ-Huy gật đầu:

– Đúng thế. Nhưng anh phải nói tên anh, cùng danh tính sư phụ anh ra cho các vị đây biết đi chứ!

– Ừ nhỉ! Hai tên cướp kia, bọn mi hãy nghe cho rõ nhé. Sư phụ ta gồm hai vị, một nam, một nữ. Hai vị có đại danh là Côi-sơn song-ưng. Còn ta ư, thì ta tên là Xương-Long.

Nghe đứa trẻ nói, cặp vợ chồng với ba đứa con cùng đứa mắt nhìn nhau, bất giác cả năm cùng cau mặt lại. Trong khi mặt Nghi-tàm song-ma tái xanh như tầu lá chuối. Bỗng lão già tức Vũ An cười rộ:

– Mi nói láo vừa thôi nghe. Nếu như mi là đệ tử của Song-ưng, thì tại sao mi chỉ biết ử dụng có mấy chiêu võ mèo càu của phái Mê-linh. Nội công của mi cũng là nội công Mê-linh? Lão gia đã già đời rồi, mi đừng hòng hù dọa. Ngay Song-ưng có mặt taiii đây, lão gia cũng xách cổ lên như xách cổ mi ban nãy. Thôi bây giờ mi hãy ngoan ngoãn đi theo lão gia, bằng không, lão gia phải xách cổ mi như xách cổ con chó tiền rưỡi bây giờ!

Cặp vợ chồng trung niên nghe Vũ An nói thì cau mặt lại, rồi đứa mắt cho đứa trẻ tên Thủ-Huy. Đứa trẻ bỏ chỗ ngồi, tiến đến bên Nghi-tàm song ma, thình lình nó vung tay tát vào mặt Vũ An hai cái. Nó ra tay cực kỳ thắn tốc, lại không có triệu chứng gì, nên gã Vũ An tránh không kịp. Bốp, bốp hai cái. Sau khi ra tay, thằng Huy trở về chỗ ngồi, cử chỉ tư thái ung dung.

Xương-Long để ý nhìn Thủ-Huy: Đôi mắt sáng lanh, con ngươi có hai lòng đen, như hai vòng tròn chồng lên nhau một nửa. Nó reo:

– Huynh dài hay thực. Này huynh! Huynh nên chụp bát canh lên đầu hắn, để làm trò hề mua vui cho thực khách.

Bị trúng đòn, Vũ An cảm thấy đau thấu tâm can, lão quát lên:

– Thằng ôn vật đánh trộm, lão gia phải bóp chết mi!

Nói rồi lão nhảy bổ đến xuất hai Ưng-trảo chụp Thủ-Huy. Thủ-Huy vung tay trái lên, cái xương chân gà từ tay nó bay trúng huyệt Kiên-ngung của lão Vũ An, lập tức người lão cứng đơ trong tư thế hai chân đứng trung bình tĩnh, hai tay dơ ra trước mặt của hai thức Ưng-trảo. Nó lại vung tay cái nữa, bát canh trước mặt nó bay lên, rồi chụp lên đầu lão Vũ An. Canh túa từ đỉnh đầu túa xuống tóc trông thực thảm thiết.

Thực khách trên tủu lâu cùng ngừng ăn xem trò náo nhiệt.

Vũ Minh tung người lên cao, tay phóng chưởng tấn công Thủ-Huy, chưởng phong bao trùm cả phòng ăn. Thủ-Huy tung đôi đũa lên. Đôi đũa xuyên qua chưởng của Vũ Minh, làm y cảm thấy hai bàn tay nhức nhối cực kỳ khó chịu. Y phải thu chưởng lại, rồi phát chiêu Ưng-trảo chụp nó. Thủ-Huy cũng ra chiêu Hổ-trảo trả đòn. Nó ra chiêu sau, mà lại tới trước. Nếu Vũ Minh không thu tay về thì hai mắt sẽ bị móc ra. Y vội biến trảo thành cái gạt, gạt tay Thủ-Huy. Nhưng y gạt hụt, vì Thủ-Huy đã thu chiêu, rồi thè lưỡi ra nhát y. Vũ Minh phóng tới chụp Thủ-Huy, Thủ-Huy lại trầm người xuống tránh, rồi túm vạt áo đối thủ giật mạnh; áo rách mất vạt trước, để lộ lồng ngực lồng lá đen xì. Sau khi xé rách vạt áo đối thủ, Thủ-Huy cười ha hả chạy vòng quanh bàn tủu lâu. Thực khách cùng vỗ tay cười khoái trá.

Thiếu phụ, mẹ của Thủ-Huyi nhăn mặt mắng con:

– Cái thằng hư quá! Dây dưa với tụi hùi làm chi không biết nữa, bữa ăn mất cả ngon. Có giải quyết mau đi không!

Nghe mẹ mắng, Thủ-Huyi lên tiếng hỏi:

– Mẹ ơi! Giết nó hay tha?

– Nó đánh nhau với con, chứ không phải mẹ. Tha hay không là tùy con.

Thủ-Huyi nói với Vũ Minh:

– Này! Nghi-tàm song-ma, thôi nghe, chơi như vậy đủ rồi! Ngừng đi! bằng không mẹ tao đánh đòn tao.

Nói rồi nó phóng một chỉ nhanh không thể tưởng tượng nổi, véo một tiếng, Vũ Minh đã bị điểm trúng huyệt Hoàn-khiêu, toàn thân y tê liệt, đứng như trời trồng. Còn Thủ-Huyi thì vè bàn ngồi tĩnh ăn uống.

Năm người đã ăn uống xong.

Thiếu phụ gọi túu bảo tính tiền, thì túu bảo chỉ vào thiếu niên công tử:

– Vị này đã trả rồi.

Thủ-Lý cầm tay Xương-Long:

– Cảm ơn anh. Hậu hội hữu kỳ.

Năm người xuống lầu. Khi qua chỗ hai gã họ Vũ, người thiếu phụ cầm lấy cái bát ăn cơm bóp mạnh, cái bát vỡ ra làm những mảnh nhỏ. Bà nhặt những mảnh nhỏ bỏ vào bàn tay rồi bóp thành bột, chứng tỏ bà có nội lực siêu phàm. Bà nhìn Nghi-tàm song-ma mỉm cười, tay khoằm khoằm ướm thử lên đầu Vũ Minh như định bóp.

– Này Nghi-tàm tiểu ma, nếu ta nhả kinh lực, bóp thực mạnh, thì cái gì sẽ xảy ra nhỉ?

Vũ Minh bở vía, y nói bằng giọng run run:

– Trường hợp này lợ là phải nói. Cái đầu lão gia sẽ lung năm lỗ, dĩ nhiên lão gia sẽ chết.

Vũ An tỏ vẻ biết điều hơn. Y xuống nước:

– Phu nhân, xin phu nhân thương tình tha cho cái mạng kiến ruồi này. Nó là con trai độc nhất của tiểu nhân.

Thiếu phụ vỗ nhẹ lưng Song-ma, mỗi người một cái rồi nói:

– Được! Lần đầu ta tha chết cho. Nay ta tạm phóng vào người bọn mi một chiêu chưởng bằng nội lực bức mạch. Vậy nội trong mười ngày, cha con mi phải tới trang Thiên-trường tạ tội, bằng không tất cả mạch máu sẽ vỡ ra mà chết. Nghe không?

Song-ma run run:

– Xin tuân lệnh phu nhân.

Năm người khoan thai xuống lầu.

Xương-Long vội chạy theo năm người, rồi nắm lấy tay Thủ-Huyi:

– È! Anh bạn. Anh bạn cao danh quý tính là gì vậy? Có thể cho Xương-Long này biết được không?

– Tôi họ Trần tên Thủ-Huyi.

Nó chỉ vào người anh nó:

– Anh tôi tên là Trần Lý.

Nó chỉ cô em gái:

– Em gái tôi tên Kim-Ngân.

Nó định giới thiệu bối mẹ, thì thiếu phụ lắc đầu tỏ ý không cho nó tiết lộ danh tính.

Trần -Lý hỏi:

– Nay anh Xương-Long, ban nãy anh nói anh là đệ tử của Côi-sơn song ưng, thế mà dường như nội công của anh lại là nội công Mê-linh, bản sự của anh lại quá bình thường. Tại sao thế?

Xương-Long xịu mặt xuống:

– Bình thường thì còn khá. Đệ chưa từng gặp Côi-sơn song ưng bao giờ. Đệ đang đi tìm Song-ưng để xin thụ giáo mà chưa thấy lão nhân gia.

Trung niên nam tử hỏi Xương-Long:

– Trong thiên hạ thiếu gì người biết võ, tại sao cháu lại đi tìm Song-ưng?

– Thưa, tại vì cháu nghe người ta nói rằng muốn làm lên sự nghiệp hiển hách, thì phải có tài kiêm văn võ, nên cháu xin với cha mẹ cháu cho cháu học võ. Nhưng bà nội cháu, cha mẹ cháu không cho cháu học. Thày dạy văn của cháu nói rằng, nếu bà nội cháu cấm, thì không ai dám dạy cháu đâu; trừ phi cháu tìm được Côi-sơn song-ưng hoặc đại hiệp Trần Tự-Hấp của phái Đông-A; vì các vị này không... không sợ bà nội cháu. Như vậy, chỉ các vị này mới có thể thu nhận cháu làm đệ tử.

– Phàm khi học võ thì phải tìm minh sư. Cháu đã biết gì về Côi-sơn song-ưng, về đại hiệp Tự-Hấp nào?

Xương-Long sửa y phục lại cho ngay ngắn, cử chỉ này tỏ ra nó kính trọng Song-ưng, Tự-Hấp vô cùng:

– Cháu đã nghe nhiều người nói về Song-ưng. Cả hai vị đều là đệ nhất danh nhân đương thời, võ công cao thâm không biết đâu mà lường. Cả hai vị không biết thuộc môn phái nào. Còn đại hiệp Tự-Hấp với phu nhân đều thuộc phái Đông-A. Cũng có người bảo Côi-sơn song ưng chính là ông bà Trần Tự-Hấp. Côi-sơn nam-hiệp Trần Tự-Hấp là cháu bốn đời Kinh-Nam vương Trần Tự-Mai với công chúa Huệ-Nhu. Vương với công chúa còn có biệt hiệu là Ưng-sơn song-hiệp. Hai ngài là những nhân vật khét tiếng về thời vua Tống Nhân-tông, Anh-tông, Thần-tông bên Trung-nghuyên; tương đương với bên Đại-Việt là đời đức Thái-tổ, Thái-tông, Thánh-tông, Nhân-tông.

Thủ-Huy khen:

– Giỏi, về võ công thì anh mù tịt, nhưng kiến thức anh rộng nhỉ. Tôi biết Côi-sơn song ưng không phải là người thuộc phái Đông-A. Nhưng thôi! Ban nãy anh nói về Ưng-sơn song hiệp. Thế anh có biết các đời kế tiếp của Ưng-sơn song hiệp không? Nếu anh nói đúng, tôi sẽ cùng anh đi tìm Côi-sơn song-ưng, hoặc đại hiệp Tự-Hấp.

Mắt Xương-Long sáng ngời, nó chắp tay vái Thủ-Huy:

– Đa tạ anh trước. Cứ như bộ Anh-vũ chiêu thắng thực lục, thì khi về già, Kinh-Nam vương với công chúa Huệ-Nhu ẩn ở Thiên-trường với ba thế tử là Vị-Hoàng, Thiên-Trường, Linh-Cơ và quận chúa Minh-Thúy. Trước khi hoăng, vương có di chúc cho các con, các cháu ba điều: Một là phải học văn luyện võ cho hơn đời. Hai là lấy tiêu dao với cỏ cây, hành hiệp cứu khốn phò nguy. Ba là tuyệt đối xa lánh công danh.

– Giỏi! Rồi sao?

– Ngài Vị-Hoàng sinh ngài Tự-Quang, ngài Tự-Quang sinh ngài Tự-Kinh. Ngài Tự-Kinh sinh ra ngài Tự-Hấp, tức Côi-sơn nam hiệp.

Thiếu phụ lắc đầu:

- Cháu nói chỉ đúng một nửa. Ông Tự-Hấp không phải Côi-sơn nam hiệp. Thê cháu có nghe biết Côi-sơn nữ hiệp là ai không?
- Dạ, cháu nghe nói nữ hiệp là con của đại hiệp Bùi Kính-Thiên trong phái Đông-A nhũ danh Bùi Anh-Hoa.

Thiếu phụ lắc đầu:

- Kiến thức của cháu khá rộng, nhưng về tên của Côi-sơn nam hiệp thì không phải là Trần Tự-Hấp, và dĩ nhiên tên của nữ hiệp cũng không phải là Bùi Anh-Hoa. Côi-sơn song ưng với ông bà Trần Tự-Hấp, Bùi Anh-Hoa là bốn người khác nhau.(1)

Thiếu phụ đưa mắt cho Thủ-Huy:

- Xương-Long đáp trúng hết. Duy tên của Côi-sơn song-ưng thì sai. Tuy nhiên con cũng phải giữ lời hứa đấy nhé.
- Dạ. Con sẽ cùng anh đi tìm Côi-sơn song-ưng hay ít ra là ông bà Trần Tự-Hấp.

Thiếu phụ hỏi Xương-Long:

- Cháu chưa biết Song-ưng mà đã tìm, thì giả như cháu gặp Song-ưng đi nữa, vị tất Song-ưng thu cháu làm đệ tử. Lại còn ông bà Trần Tự-Hấp của phái Đông-a nữa, ta nghe nói ông bà không muốn nhận đệ tử nữa thì phải.

Mặt Xương-Long xịu xuống gần như muốn khóc, thiếu phụ thương tình hỏi:

- Thê cháu có biết các vị ấy ở đâu không?
- Không! Cháu hỏi dò mãi, mà chả ai biết hai ông bà ấy ở đâu? Sau cháu nghe đồn rằng: Song-ưng, cũng như ông bà Tự-Hấp đều là cao thủ phái Đông-A. Mà tổng đường phái Đông-A ở Thiên-trường, nên cháu mới lấy ngựa đi Thiên-trường để hỏi tin tức. Không may giữa đường gặp bọn Nghi-tàm song ma, chúng muốn bắt cóc cháu để đòi bối mẹ cháu đem vàng chuộc.
- Bối mẹ cháu là ai? Phải chăng là tể tướng, thượng thư? Đúng rồi, ta thấy cháu cõi con ngựa hùng vĩ, yên cương nạm bạc, lại có hai võ sĩ theo hộ vệ, thì bối mẹ cháu phải có lý lịch lớn lắm.

Xương-Long luống cuống:

- Bối mẹ cháu là thương gia ở Thăng-long. Còn ngựa, thì cháu mượn của một thế tử, con ông thân vương, chứ bối mẹ cháu đâu có ngựa đẹp thế này.

Thiếu phụ béo tai Xương-Long:

- Cháu mới gặp chúng ta lần đầu ở giữa đường, mà cháu dám nói thực ra hết, thê cháu không sợ ư? Này cháu! Böyle giờ ta cũng muốn có vàng tiêu, chúng ta sắp bắt cóc cháu đấy. Cháu có sợ không? Chúng ta dữ hơn Nghi-tàm song ma nhiều, ta nói cho mà biết.

Xương-Long chắp tay vái dài:

- Phu nhân dạy quá lời, chử ngu tối như cháu, mà cháu chỉ liếc qua cũng biết phu nhân là người diệt kẻ ác, chử không thể là kẻ ác được. Xin phu nhân cho cháu biết cao danh quý tính?
- Ủ! Ta cho cháu biết cũng chẳng sao. Phu quân ta họ Trần tên Kế-Vy.

Xương-Long chắp tay:

- Cháu xin bái kiến Trần tiên sinh và phu nhân.

Trần Lý nắm lấy tay Xương-Long:

– Gia đình chúng tôi cũng đi Thiên-trường, vậy anh có muốn đi cùng không? Tôi nói cho anh biết, nhà của ông bà Tự-Hấp cũng ở gần nhà tôi. Nếu anh muốn tôi dẫn đường, thì anh phải trả công tôi thực nhiều tiền.

Xương-Long móc tay vào trong túi, nó chỉ còn hai chỉ bạc. Chợt nhớ ra điều gì, nó cởi chiếc giây chuyền trên cổ có móc một tượng Phật Quán-thế-âm bằng ngọc đỏ chói ra trao cho Trần Lý:

– Tôi có nhiều vàng ngọc, nhưng đều để ở Thăng-long. Trên mình tôi chỉ có vật này. Nó là báu vật bố tôi cho tôi nhân ngày sinh nhật mười tuổi. Tôi xin biếu anh.

Trần Lý lắc đầu:

– Tượng Phật này là kỷ niệm đẹp của anh, tôi đâu nỡ nhận. Anh có cái gì khác không?

– Hay là đợi sau này về Thăng-long, tôi sẽ biếu anh. Tôi có nhiều vàng ngọc lắm.

– Lời nói xuông thì lấy gì làm bằng? Ví thử tôi dẫn anh đi tìm Song-ưng, khi thấy rồi anh lại chối biến, thì bấy giờ tôi làm gì được anh?

Xương-Long quỳnh quá, nó ngửa mặt lên nhìn trời, rồi chắp tay khấn:

– Trời xanh chứng cho Xương-Long. Hôm nay Xương-Long nhờ anh Trần Lý dẫn đi tìm Côi-sơn song-ưng. Nếu như tìm thấy Song-ưng thì sau này Xương-Long có gì, xin tặng cho anh Trần Lý hết.(2)

Thủ-Huy bảo Xương-Long:

– Để tôi cởi chung ngựa với anh cho vui.

Nói rồi nó quát lên một tiếng, phi thân ngồi trên lưng ngựa. Xương-Long cũng vọt mình lên theo rồi ra roi cho ngựa phi nước đại. Trần Lý thay em, cầm cương đánh xe ngựa cho bố mẹ với Kim-Ngân theo sau.

Xe ngựa chạy không nhanh cho lắm, nên phút chốc hai trẻ đã bỏ xa chiếc xe song mã. Hơn giờ sau, ngựa của hai trẻ đã tới một khu đầm sen. Xương-Long gö cương cho ngựa dừng lại, rồi hỏi:

– Này anh Thủ-Huy, phải chăng anh học võ với song thân? Tôi thấy Nghi-tàm song-ma võ công cao thâm là thế mà anh thêng chúng dễ dàng quá. Vậy chắc võ công bá phụ, bá mẫu phải cao thâm lắm nhỉ?

Thủ-Huy không trả lời câu hỏi của Xương-Long, mà hỏi ngược lại:

– Tại sao anh biết võ công của Nghi-tàm song-ma cao thâm?

– Dễ hiểu quá! Bố tôi bỏ biết bao nhiêu tiền ra mới mua được hai võ sĩ kiệt hiệt, thế mà chỉ đấu với Song-ma có trăm hiệp là lạc bại. Hai người bị chúng đánh đến nỗi phải bỏ chạy bán mạng. Trong khi anh chỉ đánh có mấy chiêu, đã biến Song-ma thành trò cười cho thiên hạ. Phải chi tôi có người bạn như anh ở bên cạnh thì hay biết mấy!

Thủ-Huy liếc nhìn Xương-Long, thấy trên mặt nó hiện ra những nét chân thành, thì cảm động:

– Vậy thế này, tôi với anh kết nghĩa anh em, sau khi kết nghĩa, chúng ta sẽ luôn ở cạnh nhau.

Xương-Long mừng chiết kẽ, nó nắm tay Thủ-Huy chỉ về ngôi làng ven đường:

– Kìa, dường như trong làng có chùa đình chi thì phải. Chúng ta vào đó làm lễ kết bạn, để có sự chứng kiến của thần, Phật.

Hai đứa nhảy lên ngựa chạy vào làng, đến trước ngôi đền thì gö cương đứng lại. Xương-Long hỏi:

– Không biết đền này thờ ai?

Thủ-Huy chỉ lên bức đại tự:

– Đây không phải là đền thờ, mà là chùa và tháp Phổ-minh. Anh em chúng tôi thường ra đây chơi, nên biết rất rõ.

Nghe đến tên Phổ-minh, mắt Xương-Long sáng lên:

– À, di tích này tôi biết rồi. Chùa được xây vào niên hiệu Thuận-thiên thứ 19 (1028). Nguyên vào thời gian này Dực-thánh vương, Vũ-đức vương, Đông-chinh vương khởi loạn; Ngô-quốc quận vương Trần Tự-Mai cùng công chúa Huệ-Nhu đem anh hùng Trung-nguyên về giúp Khai-quốc vương dẹp loạn. Nhân đó vương cho xây chùa để cầu phúc cho thân mẫu. Đến niên hiệu Anh-vũ Chiêu-thắng thứ nhì (1076), hai thánh tăng Minh-Không, Đạo-Hạnh vân du Trung-quốc, giúp vua Tống trừ tà, được vua ban thưởng vàng bạc, hai vị từ chối không nhận; chỉ xin được vào kho lụa một ít đồng đen đem về đúc chuông. Vua đồng ý. Hai ngài làm phép lấy hết kho đồng đem về đúc An-Nam tứ đại thần khí. Vạc Phổ-minh này là một.

Thủ-Huy tỏ vẻ khâm phục:

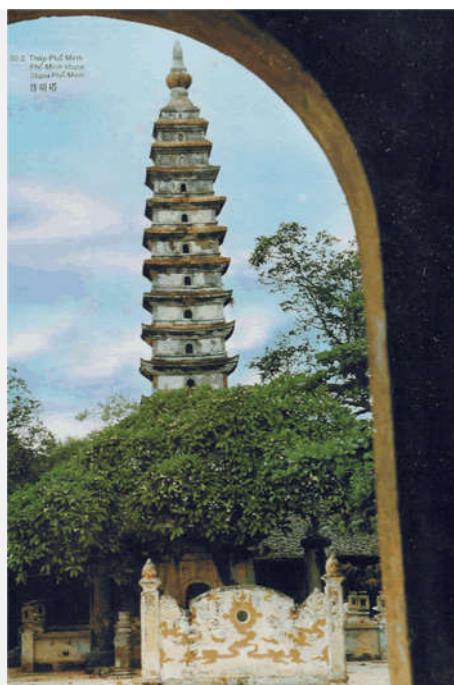
– Kiến thức anh rộng thực.(3)

Một tiểu sa di chạy ra chắp tay vái dài:

– A-di -đà Phật xin mời hai thí chủ vào lễ Phật.



Chùa Phổ-minh, nơi Long-Xưởng, Thủ-Huy vào lễ, rồi kết huynh đệ, nay vẫn còn. Hiện tọa lạc ở Bắc ngoại ô thành phố Nam-định.



Tháp Phổ-minh, cạnh chùa

Hai trẻ vào bảo điện quỳ gối lễ Phật, trong khi tiểu sa di đánh chuông. Xương-Long khấn:

– «Hôm nay là ngày 21 tháng 10, xin chín phương trời, mười phương Phật chứng giám cho lễ kết nghĩa của chúng con. Chúng con là Lý Long-Xưởng và Trần Thủ-Huy, tuy không cùng cha mẹ sinh ra, nhưng xin kết làm anh em. Chúng con xin thề rằng có phúc cùng hưởng, có họa cùng chịu. Kẻ nào ăn ở hai lòng, thì sẽ bị chết dưới muôn nghìn mũi tên».

Sau khi lễ tám lỗ, hai trẻ cùng giao bái, rồi so ngày sinh, Long-Xưởng lớn hơn Thủ-Huy một tuổi.

Thủ-Huy chắp tay vái:

– Đại ca.

Long-Xưởng đáp lễ:

– Nhị đệ.

Thủ-Huy hỏi:

– Thì ra đại ca họ Lý, tên Long-Xưởng chứ không phải tên là Xương-Long à?

– Đúng vậy. Ngu huynh phải đảo ngược tên đi, để bọn trộm cướp không truy lùng lý lịch mà hại ngu huynh. Nhưng... nhưng khi thề, thì phải thề cho đúng, đức Phật mới chứng cho chứ. Tuy vậy điều bí mật này nhị đệ chỉ nên để trong tâm mà thôi, còn bề ngoài thì nhị đệ cứ gọi ta là Xương-Long.

– Được chứ.

Thấy Long-Xưởng cứ nhìn vào mặt mình hoài, Thủ-Huy hỏi:

– Đại ca! Mắt đệ có gì lạ không mà đại ca nhìn hoài?

– Ta nhìn hai lòng đen trong con mắt đệ. Người thường thì mỗi con ngươi có một lòng đen tròn hay bầu dục. Còn ở đệ, mỗi con ngươi có hai lòng đen chồng lên nhau một nửa. Sách tướng nói rằng, mắt có hai lòng đen là đại quý tướng.

Sau lần đi hành hương đền thờ công-chúa Gia-Hưng ở Kiêu-kỵ trở về, thì thằng Ba túc Đỗ Anh-Hào sợ Long-Xưởng như sợ cọp. Tất cả những biến cố trong cung Cảm-Thánh, nó phải báo cho Long-Xưởng biết. Vợ chồng Đào Duy được Lê Thúc-Cẩn đem vào ở trong Đông-cung, cùng Quang-Anh để giúp đỡ, bảo vệ cho Long-Xưởng. Hằng ngày, Thủ-Huy công khai tự luyện nội công Âm-nhu, võ công Mê-linh, rồi dạy lại cho Đoan-Nghi, Trang-Hòa, Thụy-Hương, Tăng Khoa. Thái-phó Hoàng Nghĩa-Hiền nghe tin này, ông khuyên Long-Xưởng:

– Việc thái-tử luyện võ, thần biết rằng thái-tử dự bị sau này đối phó với Nùng-sơn tam anh, Tô-lịch nhị tiên. Bọn chúng là những cao thủ bậc nhất thiên hạ, muốn có bản lĩnh thăng chúng thì phải luyện tập rất lâu mới thành. Biết rằng lâu mới thành thì thái tử phải dẫu kín. Bất cứ trường hợp nào dù nguy nan đến đâu, thái-tử cũng phải làm như mình chưa luyện võ. Một mai khi thành rồi, thì mình ra tay thành linh, mới thành công. Còn như bây giờ việc chuẩn bị tới tai thái-hậu thì thái-hậu sẽ không ngần ngại gì mà ngầm giết thái-tử.

Cho nên, hiện giờ nội công Âm-nhu, Mê-linh kiểm pháp của Long-Xưởng tương đối đã có thể sử dụng được nhưng Long-Xưởng vẫn giả ngây giả dại.

Nhắc lại, nhờ có Anh-Hào cung cấp tin tức. Sau khi nắm vững tất cả tình hình trong cung Cảm-Thánh, Lê Thúc-Cẩn bắt Đỗ Anh-Hào tuyển thêm một số Phụng-quốc vệ cho Đông-cung, để ông có dịp đem vào ba mươi đệ tử thay thế. Số Phụng-quốc vệ cũ trả về cho Đàm Dĩ-Mông. Từ đấy Đông-cung không sợ bị thái-hậu khống chế nữa.

Ngô Lan-Chi bàn:

– Như chương trình của Thái-sư đưa ra. Chúng ta có ba việc phải làm. Thứ nhất là tổ chức đại hội Lộc-hà, giỗ Bắec-Bình vương Đào-Kỳ với vương phi Phương-Dung vào ngày rằm tháng tám. Thứ nhì, tổ chức kỳ thi võ, tuyển nhân tài, bổ dụng làm võ tướng. Thứ ba là tìm cho ra tung tích bọn sứ đoàn Tống, tiêu diệt bọn Mao Khiêm. Mặc dù thái-tử đã gửi thư đến các chưởng môn nhân. Các Tuyên-vũ sứ, An-vũ sứ đã sức thư đến từng làng, từng xã về việc này. Tuy nhiên, các đại tôn sư vốn cao ngạo. Ta phải theo gương Khai-Quốc vương xưa, thân đi mời các gia, các phái. Vậy thái-tử nên đi Thiên-trường mời phái Đông-A, với các gia, các bang ở Nam Thăng-long; còn trượng phu tôi thì lên Tân-linh mời phái Tân-viên, rồi về Kinh-Bắc mời phái Tiêu-sơn. Tôi sẽ mời sư phụ với phái Mê-linh. Còn phái Sài-sơn nhà mình thì chúng tôi đã thông tri cho chư đệ tử rồi.

Vì vậy Long-Xưởng cải trang làm một công tử nhà giàu, đem hai Phụng-quốc vệ thân tín hộ vệ. Nào ngờ cuộc chuẩn bị bí mật như vậy, mà sao đến nỗi bọn giặc cướp vặt ở Nghi-tàm cũng biết, chúng đón đường định bắt Long-Xưởng, chưa rõ với mục đích gì? Giữa lúc Song-ma đánh bại hai Phụng-quốc vệ, định bắt Long-Xưởng, thì gặp vợ chồng Trần Kế-Vy với hai con là Thủ-Lý, Thủ-Huy ra tay giải cứu. Thủ-Huy còn kết nghĩa với Long-Xưởng.

Hai trẻ đem mấy chỉ bạc cúng dàng rồi lại lên ngựa ra đi. Khoảng hơn khắc sau, chúng đã tới bờ sông. Xương-Long hỏi:

– Sông này là sông gì vậy?

– Nó là sông Hồng-hà. Qua bên kia sông khoảng hơn khắc sẽ tới nhà đệ.

Thủ-Huy chỉ sang bên kia sông nói với Xương-Long:

– Bên kia sông là trang Thiên-trường, nhà đệ ở trong đó. Tổng đàn phái Đông-A cũng ở đấy.

Có một con đò lớn đậu ở bên sông, bên sườn ghi chữ Thập-bát Nhất-liễu. Chủ nhà đò là một lão già. Lão cung cung kính kính cúi rạp người xuống:

– Kính mời hai vị xuống đò, chúng tôi xin đưa sang sông.

Thủ-Huy thấy con đò lớn quá, khác hẳn với những con đò mà trước đây nó đã cùng cha mẹ qua sông. Nó hỏi:

– Này ông chủ đò, sao đò lớn quá vậy? Dường như ông mới tới đây làm ăn thì phải?

– Thưa công tử vâng. Mời hai công tử xuống cho.

Không nghi ngờ, Thủ-Huy, Xương-Long bước xuống. Đò chỉ có hai người khách duy nhất là Xương-Long với Thủ-Huy. Trong lòng con đò có cái án thư, hai chiếc ghế chạm trổ rất tinh vi, một cái lư hương bốc khói thơm ngát. Hai tỳ nữ bưng hoa quả, pha trà mời khách.

Xương-Long chưa kinh lịch giang hồ, nó ăn trái cây, uống nước trà rất tự nhiên. Còn Thủ-Huy, nó từng theo cha mẹ qua lại giang hồ nhiều, thấy con đò sang trọng quá đáng, nó đã kinh ngạc rồi. Bây giờ lại thấy trong đò có chén sứ bít vàng, đĩa với dao bạc, tỳ nữ xinh đẹp hầu hạ, nó sinh nghi, không ăn trái cây, mà hỏi chủ đò:

– Này ông chủ đò, ông đến đây từ bao giờ vậy? Ủa sao đò không sang ngang, mà lai xuôi giòng thế kia?

Chủ đò trả lời lơ mơ:

– Trước hết đò phải xuôi giòng, rồi mới sang ngang được chứ!

Thủ-Huy quát lên:

– Quay lái cho đò sang ngang ngay!

Mặc Thủ-Huy quát, con đò dương buồm lên, rồi vọt mình cõi sóng xuôi về hướng Đông. Thủ-Huy tung mình về phía lái, nó phóng chỉ điểm huyệt người lái đò, người lái đò trúng chỉ ngã lăn ra. Thủ-Huy cướp lấy tay lái kéo mạnh, con đò quay mũi hướng sang bên kia sông. Lão chủ đò thấy Thủ-Huy còn nhỏ mà võ công đã cao cường thì kinh ngạc không ít. Lão kêu lên tiếng ủa, rồi tung mình đến chụp cần lái từ tay Thủ-Huy. Thủ-Huy buông tay lái, phóng hai quyền vào thái dương lão. Lão nghiêng đầu tránh khỏi rồi phát chiêu chưởng tấn công Thủ-Huy.

Trong khi đó, một người lực lưỡng khác từ ngoài nhảy vào cầm lái tay lái. Con thuyền lại lướt sóng chạy về hướng Đông.

Lão chủ đò với Thủ-Huy tiếp tục giao đấu. Đấu được hơn năm chục hiệp, thì Thủ-Huy đã mệt nhoài. Nó đánh bậy hai chiêu rồi nhảy lùi lại hô lớn:

– Ngừng tay!

Nó vừa nói, vừa thở hổn hển:

– Nhất định người không phải là chủ đò bình thường, vì... vì ta thấy võ công người cao thâm gấp bội ta. Trong khi giao đấu rõ ràng người chỉ đánh lầy lè, bằng không, chỉ hai chiêu là ta đã mất mạng rồi. Như vậy là người không có ác ý. Người là ai?

Nó đổi cách xưng hô:

– Tại hạ thua tiền bối rồi, vậy tiền bối muôn mổ, muốn băm vằm thế nào tại hạ cũng không ân hận. Nhưng trước khi giết tiểu bối, xin tiền bối hứa cho ba điều.

Lão già cũng đổi cách xưng hô:

– Được! Thiếu hiệp cứ nói.

Thủ-Huy chỉ vào Xương-Long:

– Yêu cầu thứ nhất của tiểu bối thực giản dị: Đây là người bạn mới kết nghĩa của tiểu bối. Sau khi giết tiểu bối rồi, thì tiền bối không được làm khó dễ anh ấy.

– Được, lão bộc này xin hứa! Còn yêu cầu thứ nhì?

Thấy lão đổi cách xưng hô tự nhận là lão bộc, tức tên đầy tớ già, Thủ-Huy kinh ngạc không ít. Nó tiếp:

– Yêu cầu thứ nhì là, xin tiền bối cho biết cao danh quý tính?

Lão già chủ đò cười:

– Lão bộc đi làm đầy tớ cho người, thì làm gì có danh mà cao, có tính mà quý? Lão có biệt danh chủ đặt cho là Thập-bát nhất liễu bộc, nghĩa là tên đầy tớ thứ 18 tên Liễu, thường được bạn hữu gọi là Nhất-Liễu. Vì vậy con đò của lão cũng mang tên Thập-bát Nhất-Liễu.

Thủ-Huy chỉ vào Xương-Long:

– Sau khi tiểu bối chết rồi, Nhất-Liễu tiên sinh đưa anh ấy về Thăng-long với gia đình.

Nhất-Liễu cười:

– Thưa thiếu hiệp, lão bộc này đem đò đón bạn của thiếu hiệp ở bến sông Vị-hoàng, cũng chỉ với mục đích đưa bạn của thiếu hiệp về Thăng-long mà thôi. Nếu như thiếu hiệp có thể khuyên người bạn chịu về Thăng-long, thì lão phu sẽ cung cung, kính kính hầu hạ, chứ quyết không dám vô lễ với cả hai vị.

Xương-Long xua tay:

– Không! Muôn ngàn lần không. Ta phải đi tìm cho bằng được Côi-sơn song-ưng, với phái Đông-A đã, bằng không nhất định ta không về nhà đâu.

Thủ-Huy vẫy tay cho Xương-Long:

– Xương-Long đaii ca. Phàm muốn làm anh hùng thì phải biết lúc nào nên tiến, lúc nào nên thoái; như loài rồng, lúc to thì bằng trời đất, khi nhỏ thì bằng hạt bụi. Hôm nay tiểu đệ đấu võ bị bại dưới tay người ta rồi, thì mình đành thu nhỏ cái tự ái lại, nhường người ta cho đúng với đạo Trung-dung. Đệ cam đoan, sau khi về tới Thăng-long, đệ sẽ dẫn đại ca đi tìm Côi-sơn song-ưng với ông bà Trần Tự-Hấp.

– Được rồi, ta bằng lòng về Thăng-long. Nhưng này lão kia, người bắt ta để làm gì vậy?

Lão chủ đò mỗi lúc một tỏ ra khách khí:

– Lão bộc có một vị bẽ trên rất hâm mộ công tử, nên người ra lệnh cho lão phu đi mời công tử về làm thượng khách tại trang của người ít ngày mà thôi.

– Ta không tin.

– Công tử không tin, thì tiểu nhân đành chịu, chứ biết làm sao bây giờ?

Xương-Long vẫn cương quyết:

– Dù sư đệ ta thua người, nhưng ta nhất quyết không về Thăng-long đâu. Người muốn giết ta thì cứ giết đi.

Con thuyền Nhất-Liễu vẫn cõi sóng lao đi vùn vụt.

Chợt mặt lão cau lại tỏ vẻ suy nghĩ, rồi lại lắc đầu. Lão hỏi Thủ-Huy:

– Này thiếu hiệp, thiếu hiệp kết bạn với công tử gia đây lâu chưa? Trong trường hợp nào? Tại đâu?

Thủ-Huy cứ sự thực kể cho Nhất-Liễu nghe. Nhất-Liễu khen ngợi:

– Tuy mới kết bạn chưa quá một ngày, mà công tử đã vì nghĩa khí hy sinh cho nghĩa huynh. Công tử nhất định chết thay cho nghĩa huynh sống. Thực là trung nghĩa hiếm có.

Lão ngược mắt nhìn trời rồi hỏi:

– Lão bộc này lớn gan, giám hỏi: Công tử học nghệ với ai, mà mới tí tuổi đâu, đã có bản lĩnh cao thâm khôn lường?

– Hời ơi! Tôi đã bại dưới tay tiền bối thì đâu dám đem tên sư phụ ra. Phen này về gặp người, thì e phải đeo cái mặt mo mất.

Mặt lão Nhất-Liễu cau lại thực khó coi, rồi lão nói một mình:

– Chiêu Đông-hải lưu phong sao giữa chừng lại chuyển sang trái được kể cũng lạ! Chiêu Aùc- ngưu nan độ sao lại chuyển xuống dưới nhỉ? Chiêu chỉ điểm vào gã lái đò thì rõ ràng là Linh-Nam chỉ chính tông. Còn lại thì toàn võ công Hoa-sơn.

Lão hỏi:

– Thiếu hiệp! Thiếu hiệp có thể chiết với lão bộc này ít chiêu nữa không? Cam đoan chỉ trong mười chiêu, lão nô này sẽ tìm ra môn hộ thiếu hiệp ngay.

Thủ-Huy mỉm cười:

– Vậy thì chúng ta đánh cuộc, tiền bối nghĩ sao?

– Xin thiếu hiệp ra cho đầu đề.

Xương-Long xen vào:

– Bây giờ thế này! Lão đấu với sư đệ ta mười chiêu. Nếu trong mười chiêu, mà lão không tìm ra môn hộ sư đệ ta, thì lão phải thả chúng ta ra, để ta đi tìm Côi-sơn song-ưng với ông bà Trần Tự-Hấp. Còn ngược lại, lão tìm ra, thì ta phải theo lão về Thăng-long.

Nhất-Liễu tỏ vẻ tin tưởng:

– Được! Tiểu nhân nhận lời.

Lão cung tay nói với Thủ-Huy:

– Xin thiếu hiệp xuất chiêu cho.

Thủ-Huy nghĩ thầm:

– Lão đã không có ác ý, thì dù lão có ra những chiêu ác độc, ta cũng không cần đỡ. Ta cứ đánh lung tung, không ra chiêu thức gì cả, thì có trời mà tìm.

Nghĩ vậy nó cung tay, rồi đẩy thẳng về trước, giống như hành lễ. Nhất-Liễu vòng tay gạt, rồi nói:

– Đây là chiêu Linh-thứu thỉnh kinh của phái Thiếu-lâm, ai cũng biết cả; thiếu hiệp chẳng nên đa lễ.

Xương-Long đếm:

– Chiêu thứ nhất.

Thủ-Huy lại vòng tay phải lên cao, rồi tay trái chặt ngang, đẩy về trước. Nhất-Liễu bật cười:

– Đây là chiêu Ngưu-tẩu như phi của phái Tân-viên biến ra.

Xương-Long đếm:

– Hai chiêu.

Cứ như thế, Thủ-Huy đánh bẩy chiêu của bẩy môn phái khác nhau. Nhất-Liễu kinh hãi nghĩ thầm:

– Người này bác học quá, ta mà nhân nhượng thì bại mất.

Nghĩ vậy, y vận đến bẩy thành công lực rồi đánh ra một chưởng như vũ bão. Thủ-Huy kinh hãi, nó nghĩ rất nhanh:

– Lão này khôn bỏ mẹ. Lão ra chiêu trầm trọng để ta phải dùng hết công lực, như vậy lão sẽ biết môn hộ của ta, chứ có đâu lão muốn giết ta? Đã vậy ta đánh mấy chiêu không ra ngô, ra khoai gì, cho lão hết biết đường mà dò.

Nghĩ vậy nó nhắm mắt lại, hai tay đánh bừa về trước như chó bơi. Nhất-Liễu thấy chưởng phong mình ụp xuống mà Thủ-Huy lại ra chiêu quái dị, sợ nó bị tổn thương lão vội thu chiêu về, rồi nhảy lùi lại. Thủ-Huy được thế, nó lại vờ ngã lăn ra, hai chân đá lung tung. Thế là đã đủ mười chiêu.

Xương-Long đứng ngoài la lớn:

– Ngừng tay. Đủ mười chiêu rồi.

Thủ-Huy vọt người dậy như con cá kình, nó cười ha hả:

– Tiền bối thua rồi. Đủ mười chiêu, mà tiền bối không tìm ra môn hộ của tiểu bối. Vậy tiền bối phải cho quay thuyền lại đi chứ?

Mặt Nhất-Liễu buồn rười rượi:

– Thiếu hiệp quá thông minh, lại quá bác học, nên lão nô này bị bại. Nhưng thiếu hiệp ơi! Nếu như trong ba ngày mà lão không mời được công tử gia đây về Thăng-long, thì chủ nhân lão nô sẽ giết cả nhà lão nô. Vậy mong công tử cứu mệnh cho.

Thủ-Huy bàn với Xương-Long:

– Đại ca! Vụ này đại ca định sao? Đệ không có chủ trương gì cả.

Xương-Long cương quyết:

– Bây giờ lão phải ra lệnh quay thuyền lại, rồi đệ dẫn ta đi tìm Côi-sơn song-ưng với ông bà Trần Tự-Hấp. Sau đó ta với đệ sẽ đến trang của chủ nhân lão làm tân khách. Có điều mọi việc phải hoàn tất trong ba ngày, bằng không thì cả nhà lão Nhất-Liễu sẽ bị giết.

Xương-Long tuy không biết võ, nhưng khi ra lệnh thì cử chỉ đường bệ, lời nói rất uy nghiêm. Nó bảo Thủ-Huy:

– Hiền đệ với ta lên trên sàn thuyền ngắm cảnh đi.

Nói rồi nó nắm tay Thủ-Huy bỏ khoang thuyền, bước lên cầu thang. Gió sông Hồng riu riu thổi, hai trẻ đứng trên sàn thuyền nhìn về phía hạ lưu. Lão Nhất-Liễu cũng đã lên theo. Lão ra lệnh cho gã cầm lái :

– Thắng Cu, mi quay thuyền trở lại bến Vị-hoàng cho ta.

Gã lái thuyền tên Cu, hơi bẽ ngỡ một chút, mặt y hiện ra vẻ bất đắc dĩ. Y lắc đầu liền hai cái như phản đối rồi bẻ tay lái, tay giật giây kéo buồm. Con thuyền từ từ chậm dần, rồi quay mũi về bên trái. Giữa lúc đó, một con thuyền đinh cực lớn từ phía trước đang vùn vụt lao tới. Gã lái thuyền đinh thấy con thuyền Nhất-Liễu đang chuyển mình, chặn phía trước thì cầm loa hét lớn:

– Thuyền nào kia, mau quẹo gấp, bằng không thì đụng nhau bây giờ. Trời ơi! Lái gì mà ẩu quá vậy?

Quát rồi, y bẻ mạnh tay lái cho mũi thuyền đinh ép sát vào bờ phải.

Lão Nhất-Liễu cũng thấy cái nguy của hai con thuyền có thể đụng nhau, lão giúp gã lái kéo mạnh tay lái. Con thuyền hơi nghiêng đi, rồi quay mũi thực gấp. Hai con thuyền cùng nghiêng, rồi cùng đi song song, suýt đụng nhau, chỉ cách nhau có hơn tấc, làm người cả hai bên thuyền kêu thét lên. Gã thuyền trưởng chiếc thuyền đinh văng tục:

– Con bà nó, tí nữa thì hai thuyền vỡ đôi.

Giọng nói của gã có lẽ không phải người vùng Thiên-trường, nghe ấm ớ kỳ lạ.

Dường như chưa hết tức, gã chỉ mặt thắng Cu:

– Cũng may không đụng nhau, bằng không thì ông bóp chết mi.

– Bóp cái mả cha mi.

Thắng Cu cũng gân cổ lên chửi lại: Mày nhát gan như thỏ thì mới sợ như vậy, chứ ông nội mi lái, thì ông nội mi phải biết tính toán chứ! Đụng thế chó nào được.

Gã thuyền trưởng thuyền đinh vung tay lên, hai mũi phi tiễn xé gió hướng vào cổ, ngực thắng Cu. Dường như thắng Cu không biết võ, nó vẫn ngồi im. Thủ-Huy xẹt mình tới, vung tay bắt hai mũi phi tiễn, rồi nghiêng mình xá gã thuyền trưởng:

– Tiên sinh đã cao niên, mà sao hỏa tính còn cao quá vậy? Anh lái thuyền của chúng tôi nếu có lỗi, thì lỗi ấy đã qua rồi! Tôi đâu lấy gì làm nặng cho lầm, mà tiên sinh phải trừ phạt bằng hai mũi phi tiễn này. Tiểu bối xin hoàn trả tiên sinh đây.

Nói rồi nó vung tay lên. Hai mũi phi tiễn hướng người gã thuyền trưởng xé gió bay tới. Gã nghe tiếng gió rít thì biết kinh lực của Thủ-Huy rất mạnh. Gã vội xoạc cẳng vung tay bắt. Nhưng thình lình phi tiễn đổi chiều, trúng vào hai sợi giây buồm, hai sợi giây đứt đến phút cùng một tiếng. Lập tức con thuyền đinh quay ngang. Trong khi đó con thuyền Nhất-Liễu rẽ sóng trôi nhanh vun vút.

Thắng Cu còn cố ngoái cổ lại chửi:

– Con bà mi, hôm nay cho mi biết tay các ông.

Gã thuyền trưởng thuyền đinh quát lén một tiếng, lập tức có ba người nữa từ trong khoang bước ra, dương cung bắn sang thuyền Nhất-Liễu. Ba mũi tên trúng vào hai lá của cánh buồm. Hai cánh buồm bốc cháy. Thì ra ba mũi tên có mang theo hai miếng dẻ tẩm dầu. Thoáng một cái, cánh buồm đã cháy loang ra đỏ rực. Con thuyền Nhất-Liễu từ từ dừng lại. Con thuyền đinh đã đuổi kịp con thuyền Nhất-Liễu. Gã thuyền trưởng cười ha hả:

– Chúng bay có chạy đằng trời. Phen này ông sẽ lột da đầu bọn bay.

### ***Ghi chú của thuật giả:***

(1) Để biết về hành trạng của Ưng-sơn song hiệp, xin xem Anh-linh thắn võ tộc Việt (Xuân-thu Hoa-kỳ xuất bản 1993) và Nam-quốc sơn-hà (Đại-Nam Hoa-kỳ xuất bản 1996) của Yên-tử cư-sĩ.

Về bộ Anh-vũ chiêu-thắng thực lục, tức bộ thông sử chép từ thời vua Lý Thái-tổ đến khi Triệu Tiết, Quách-Quỳ đem quân đánh Đại-Việt bị bại (1010-1077), nay thất truyền. Dường như bộ này Trương Phụ, Mộc Thạch đem về Kim-lăng năm 1407. Khi bát quốc đánh Kim-lăng, thì người Nhật cướp mang về. Sau này tôi nhờ học giả Trần Kinh-Hòa, trưởng ban sử học Đông Nam Á đại học Soka Nhật-bản, và chính tôi đã lục lợi hết mọi thư viện của Nhật-bản mà cũng không tìm ra dấu vết. Nếu các thức giả VN tại Nhật đọc được những giòng này, thử tìm khắp các thư viện xem. Biết đâu? Nếu quả như tìm không thấy, thì nó đã bị tiêu hủy rồi. Hồi ơi! Đau đớn biết bao!

(2) Từ ngữ sau này có gì Xương-Long muốn nói là tiền bạc, nhưng có ai ngờ Xương-Long khẩn phải giờ linh, mà từ ngữ có gì có nghĩa là tất cả tài sản của Xương-Long. Tài sản của Xương-Long sau này chính là giang sơn Đại-Việt. Ngôi vua Đại-Việt từ họ Lý, Xương-Long trao cho họ Trần kể từ đây.

(3) Về hành trạng hai thánh tăng Minh-Không, Đạo-Hạnh, hóa phép lấy hết kho đồng của Tống xin xem Nam-quốc sơn-hà hồi thứ 44, của Yên-tử cư-sĩ, do Đại-Nam, Hoa-kỳ xuất bản 1996.

## Hồi thứ bảy

### Viễn lụy thâm cơ

Khi hai con thuyền kè mạn vào nhau, thì từ bên con thuyền định, ba tiên thủ ban nãy, cùng gã thuyền trưởng, tay cầm trường kiếm tung mình qua con thuyền Nhất-Liễu. Bốn người này đều mặc quần đen, áo đạo sĩ giống nhau, nhưng mang bốn màu khác nhau: Trắng, đen, xanh, hồng. Gã thuyền trưởng mặc áo trắng.

Lão Nhất-Liễu rút trung bọc ra một chiếc tù và rồi thổi lên tu tu. Lập tức trong các khoang thuyền của lão xuất hiện hai đội võ sĩ đồng phục, một tay cầm mộc che thân, một tay cầm đao, mau chóng dàn ra trên sàn thuyền.

Đối với Thủ-Huy, Xương-Long, lão Nhất-Liễu tỏ ra lễ phép, lịch sự bao nhiêu thì đối với đám người trên thuyền định, lão tỏ ra hách dịch bấy nhiêu. Lão quát:

– Các người là ai? Tại sao con thuyền lớn như thế kia mà lại không có bảng tên?

Gã đạo sĩ mặc áo trắng cười nhạt:

– Hừ! Thuyền ta có bảng tên hay không, cũng không đến cái bản mặt như mi hỏi đến.

Một người đứng trên đài chỉ huy, thân thể hùng vĩ. Tuổi y tuy lớn, nhưng mặt đẹp, cằm vuông, tư thái phong lưu. Thực là một mỹ nam tử, trông gã như cây ngọc trước gió.

Gã chỉ vào mặt viên lái thuyền với Thủ-Huy:

– Này lão già Nhất-Liễu kia, ai thì lão có thể ra oai được, chứ đối với ta thì mi đừng hòng. Ta truyền lệnh cho mi phải đem nộp hai tên này để ta trừng phạt, bằng không thì ta sẽ làm thịt hết bọn mi.

Thủ-Huy bàn với Nhất-Liễu:

– Tiền bối, dường như bọn này chủ tâm gây với ta từ trước thì phải, chứ không hoàn toàn do việc lái thuyền đâu. Vì lão thuyền trưởng biết tên tiền bối. Mình phải có cách nào để khỏi đổ máu thì hay hơn.

Từ trong khoang thuyền định, một trung niên nam tử, trong y phục đạo sĩ khoan thai bước ra. Đạo sĩ thản nhiên nhìn hai bên tranh cãi, giống như người ngoài cuộc vậy.

Nhất-Liễu nói với Thủ-Huy:

– Đúng như thiếp hiệp bàn. Lão sẽ có cách đổi phó.

Lão bước ra đứng đối diện với đám người thuyền định:

– Tại hạ là Thập-bát Nhất-Liễu xin được biết cao danh quý tính của chư vị?

– Ta là ta!

Gã đạo sĩ áo trắng chỉ mặt Nhất-Liễu: Cái bản mặt như mi, không đủ tư cách hỏi tên ta. Nếu mi muốn dễ dàng xưng hô, thì cứ gọi ta là Ngọc-hoàng Đại-đế cũng được.

Nói vừa dứt thì y xẹt tới, vung tay chụp thẳng Cu, rồi tung mình trở lại. Thân pháp, thủ pháp của y nhanh không thể tưởng tượng được. Nhất-Liễu quát lên:

– Để người lại!

Rồi ra chiêu Ưng-trảo chụp đối thủ. Đạo sĩ áo trắng trầm người xuống tránh, vung tay trái đẩy về sau một chưởng. Nhất-Liễu vội biến trảo thành chưởng đỡ. Bùng một tiếng, người Nhất-Liễu lảo đảo bật lui lại sau ba bước. Lão ọe một tiếng, rồi nhổ ra một búng máu. Đạo sĩ áo trắng cười nhạt:

– Ta mới vận có ba thành công lực.

Nhất-Liễu biết đối thủ nói thực, lão vẩy tay một cái, hai đội võ sĩ đồng phục cùng múa đao tấn công gã thuyền trưởng thuyền định. Lập tức gã áo trắng cùng ba võ sĩ áo đen, xanh, hồng vung kiếm nhảy ra cản lại. Tuy chỉ có bốn người, một người phải đấu với năm, nhưng đội võ sĩ áo đen vẫn có vẻ thắng thế. Thoáng một cái, hai mươi võ sĩ của Nhất-Liễu bị đánh bay xuống sông, bơi lóp ngóp, nhưng không có người nào bị giết cả.

Thủ-Huy nhận ra bọn võ sĩ thuyền định sử dụng võ công Hoa-sơn bên Trung-nghuyên.

Đạo sĩ áo trắng tung mình đến bên Xương-Long, rồi phát chiêu Long-trảo chụp vương. Nhất-Liễu, Thủ-Huy quát lên:

– Ngừng tay!

Cả hai người cùng phát chưởng tấn công y, để y phải thu tay về tự cứu mình. Nhưng gã vận công chịu chưởng của Thủ-Huy, còn tay trái gạt chưởng của Nhất-Liễu. Bình, bình hai tiếng. Nhất-Liễu bật tung lại sau, lưng lão đụng vào cánh cửa buồng lái đến rầm một tiếng. Còn Thủ-Huy thì cảm thấy trời long đất lở.

Đạo sĩ áo trắng để tay lên đầu Xương-Long rồi cười nhạt:

– Hà! Hà, Hiển-Trung vương. Không ngờ hôm nay người lại lọt vào tay ta. Phàm thức thời mới là tuấn kiệt. Vương gia mau ra lệnh cho gã đô đốc Nhất-Liễu với đám quân tôm tép của y ngoan ngoãn đầu hàng. Bằng không ta nhả kinh lực thì đâu vương gia sẽ vỡ liền.

Sợ Xương-Long bướng bỉnh, thì uổng mạng vô ích, Thủ-Huy lên tiếng:

– Đại ca! Đừng chết đuối trong lỗ chân trâu. Chúng ta chưa biết họ là ai, thì hãy tạm túng quyền. Khổng-tử còn phải chịu đói ở nước Trần mà.

Quả Long-Xưởng định bướng thực, nhưng nghe lời Thủ-Huy, vương vội nói với Nhất-Liễu:

– Nhất-Liễu tiên sinh! Thì ra tiên sinh là đô đốc Lý Thần, chỉ huy hạm đội Âu-Cơ đấy. Tiên sinh nói dối ta từ sớm tới giờ. Kể ra gan đô đốc cũng lớn thực.

– Điện hạ minh giám, thần đã xưng tên với điện hạ rồi mà.

Long-Xưởng tinh ngộ, nghĩ thầm:

– Ừ nhỉ! Hắn chẳng xưng là Thập bát tử nô đó sao? Thập bát tử là chữ Lý. Nô là thần tử. Thì ra lão đã xưng là thần tử họ Lý nhà mình.

Long-Xưởng tuyên chỉ:

– Đô đốc hãy lệnh cho tùy tòng không được vọng động.

Thủ-Huy kinh ngạc hỏi Xương-Long:

– Đại ca! Cái gì là Hiển-Trung vương? Đại ca là thân vương đó sao?

Gã mặt đẹp cười nhạt:

– Này chú bé nhà quê kia ơi! Chú đã kết huynh đệ với thái-tử Lý Long-Xưởng, tước phong Hiển-Trung vương, con trai đầu lòng của vua Giao-chỉ mà chú không biết. Hôm nay y lọt vào tay ta, nhưng ta không giết y đâu. Có điều ta phải giữ y làm món hàng. Nếu chú biết điều thì ngoan ngoãn đi theo hầu hạ y, ta sẽ dành cho chú chút ít lợi lộc. Còn như chú cứ dở mẩy chiêu võ mèo càu của chú ra, thì ta sẽ giết y, chứ không giết chú đâu.

Bỗng y ngây người ra, chau mày tỏ vẻ đắn đo suy nghĩ, rồi nói một mình:

– Chiêu Vân-hoành Tân-linh sao lại trầm trọng như vậy nhỉ? Rõ ràng chiêu số thì là chiêu số Hoa-sơn, nhưng sao nội công lại không hoàn toàn giống nội công Hoa-sơn?

Y quay lại hỏi Thủ-Huy:

– Này chú bé, phải chăng sư phụ chú là người của phái Hoa-sơn bên Trung-nghuyên? Cao danh quý tính của chú là gì? Sư thừa là ai?

Thủ-Huy nghĩ rất nhanh:

– Từ gã thuyền trưởng cho đến bọn võ sĩ đều dùng võ công Hoa-sơn bên Trung-quốc. Tiếng nói của y lại lơ lớ, thì có lẽ chúng là khách thương người Hoa đây. Y tưởng ta là người phái Hoa-sơn, thì ta cứ nhận bừa, để y làm lần chơi cho bõ ghét.

Nghĩ vậy nó trả lời:

– Hoa-sơn thì đã sao. Tôi họ Trần tên Thủ-Huy. Tôi không có sư phụ. Tôi học võ với ông nội tôi. Đám thủ hạ của Nhất-Liễu đã được vớt lên thuyền.

Từ đâu đến cuối, đạo sĩ không nói, không răng, bây giờ y mới lên tiếng:

– Phải chăng chú em là đồ tử đồ tôn của Hoa-sơn tứ đại thần kiêm?

Thủ-Huy biết Hoa-sơn tứ đại thần kiêm là bốn cao thủ bậc nhất của Trung-nghuyên gần trăm năm trước. Vào thời vua Lý Nhân-tông bên Đại-Việt, bên Trung-nghuyên là đời vua Tống Thần-tông. Bấy giờ vua Thần-tông nhà Tống dùng Tân-pháp của Vương An-Thạch, làm cho Trung-nghuyên trở thành hùng mạnh, quốc sản dư thừa. Nhà vua có ý đánh chiếm ba nước hùng mạnh xung quanh. Bắc là Liêu, Tây là Hạ, Nam là Đại-Việt. Vì Liêu ép Tống cắt đất, cống vàng lụa. Hạ thì bất không chịu xưng thần, đem quân phạm cảnh. Đại-Việt thì nhiều lần xuất quân vượt biên ép Tống. Đúng ra nhà vua đợi cho Tân-pháp thi hành trên mười lăm năm, rồi mới ra binh. Nhưng trong chín năm thi hành, Tân-pháp bị các Nho-thần, danh sĩ chống đối quá. Vương An-Thạch bàn với nhà vua đem quân đánh chiếm Đại-Việt, để dằn mặt cái mầm chống đối nội bộ. Cuộc chiến bị cực kỳ tinh vi, trong đó có việc nhà vua khuất thân thỉnh tất cả các đại tôn sư võ lâm Trung-quốc theo giúp; rồi cử Quách Quỳ làm chánh tướng, Triệu Tiết làm phó tướng, đem 40 vạn chính binh, 60 vạn bảo binh, dân phu đánh Đại-Việt. Các danh môn đều cử những đại cao thủ theo trong quân. Phái Thiếu-lâm gửi Thập đại thần tăng, phái Trường-bạch cử Trường-bạch song hùng, phái Liêu-Đông cử Liêu-Đông tam ma, phái Hoa-sơn cử Tứ đại thần kiêm. Nhưng các cao thủ đều bị võ lâm Đại-Việt đánh bại. Liêu-Đông tam ma bị giết. Thập đại thần tăng bị hai Bồ-tát Minh-Không, Đạo-Hạnh, tiên nương Bảo-Hòa bắt sống ở Nhu-nghynet. Trường-bạch song hùng bị phò mã Thân Thiệu-Thái với công chúa Bình-Dương bắt ở Yên-dũng. Hoa-sơn tứ đại thần kiêm bị Mộc-tôn, Viên-Chiếu hòa thượng cầm tù ở Kháo-túc. Sau chiến tranh, duy Thập đại thần tăng được tha về. Còn Hoa-sơn tứ đại thần kiêm với Trường-bạch song hùng bị Kinh-Nam vương cầm tù cả đời ở Thiên-trường (Xin đọc Nam-quốc sơn hà của Yên-tử cư sĩ do Đại-Nam Hoa-kỳ xuất bản).

Tuy biết vậy nhưng Thủ-Huy vẫn làm bộ như không biết:

– Đạo sư lảm cầm rồi. Tại sao là người phái Hoa-sơn lại cứ phải là đồ tử đồ tôn của Hoa-sơn tứ đại thần kiêm?

Đạo sĩ càng tỏ ra khách khí:

– Nếu đúng chú là đệ tử phái Hoa-sơn, thì chú có biết chiêu này không?

Nói rồi y rút kiếm đánh liền hai chiêu Độc-tích Hoa-sơn, Thương-tùng nghênh khách. Thủ-Huy mỉm cười, nó nghĩ thăm:

– Đây là bài kiểm trấn môn của phái Hoa-sơn. Đổi với ai thì nó huyền ảo, chứ đổi với ta thì không có gì là lạ cả. Ừ, sao chiêu thức y đánh ra lại chỉ biến hóa có hai bậc, trong khi thực sự biến đến bốn bậc? Đã vậy, ta đánh hai chiêu tiếp hai chiêu Độc tích Hoa-sơn với Thương tùng nghênh khách với đầy đủ biến hóa cho lão điên đầu chơi.

Nó cung tay hướng tên thủ hạ mặc áo trắng của đạo sĩ:

– Xin đại huynh cho mượn kiếm?

Gã áo trắng đưa mắt nhìn đạo sĩ như hỏi ý kiến. Đạo-sĩ gật đầu. Gã trao kiếm cho Thủ-Huy.

Thủ-Huy rút kiếm đánh hai chiêu Sơn đầu tùy phong và chiêu Lạc-nhận thu phân, hai chiêu biến thành bốn, tức biến hóa bậc hai, rồi miệng đọc quyết:

<i>Khí trầm đơn điền, Tâm hư bất động, Tự Tốn chuyển Càn. Tự Càn hưu Khảm.</i>	(Khí về đơn điền, Lòng để trống không, Từ Tốn sang Càn, Từ Càn về Khảm)
--	--

Trong khi kiếm biến từ bốn thành mười sáu, mười sáu thành hai trăm năm mươi sáu, tức biến hóa bậc ba, bậc bốn; đoạn nó thu kiếm đứng nhìn đạo sĩ, như muốn hỏi xem đạo sĩ có biết hai chiêu đó không?

Mặt vị đạo sĩ nhợt nhạt, trông thực nghiêm trọng, tay y vung kiếm đánh lại hai chiêu Sơn đầu tùy phong và Lạc nhận thu phân, nhưng chỉ biến thành mười sáu chứ không biến thêm được nữa.

Y hỏi lại Thủ-Huy:

– Tiểu công tử! Tiểu công tử có thể diễn lại hai chiêu vừa rồi cho bần đạo xem một lần nữa không? Thấy đạo sĩ đổi cách xưng hô, từ gọi nó là chú em đổi sang tiểu công tử; Thủ-Huy đưa kiếm lên, từ từ diễn lại hai chiêu trên. Miệng giảng giải:

– Trời ơi! Đạo trưởng đứng im mà vận khí thì sao kiếm chiêu có lực mà biến hóa được? Trong khi phát chiêu, thì chân phải đổi phương vị chứ!

Đạo sĩ, gã mặt đẹp, cùng đám tùy tùng mở to mắt ra quan sát, tay mút kiếm theo Thủ-Huy, chân đổi phương vị. Sau khi diễn xong biến hóa của hai chiêu Sơn đầu tùy phong, Lạc nhận thu phân, nó thu kiếm lại mỉm cười liếc nhìn: Trên sàn thuyền ngoài đạo sĩ thủ lĩnh, gã mặt đẹp, còn có ba trung niên đạo sĩ, ba trung niên đạo cô.

Đạo sĩ thủ lĩnh hỏi:

– Chỉ mấy chiêu đó thôi, chưa thể coi như thiếu hiệp là người phái Hoa-sơn. Xin thiếu hiệp biểu diễn thêm ít chiêu nữa.

Thấy đạo sĩ đổi cách xưng hô, y đang gọi nó là chú em, chuyển sang tiểu công tử, rồi bây giờ là thiếu hiệp, giọng nói càng tỏ vẻ khách khí, Thủ-Huy cũng dùng lời lẽ ôn tồn:

– Cái đó thì không khó!

Trong khi nó nghĩ thầm:

– Bọn này là người phái Hoa-sơn, nhưng dường như chúng không học được bài kiểm trấn môn. Vậy ta biểu diễn hết bài này cho chúng lé mắt chơi. Ta không đọc kiếm quyết thì làm sao chúng học được?

Nói rồi tay nó bắt kiếm quyết, chân bước theo phương vị Tiên-thiên bát quái, kiếm quay tròn, ánh sáng lấp lánh như sao sa. Từ đạo sĩ, gã thuyền trưởng cho tới bọn võ sĩ đều ngây người ra mà nhìn. Sau khi đánh hết 72 lộ Hoa-sơn kiếm, Thủ-Huy ngừng laii, bái tổ, rồi tra kiếm vào vỏ đeo cách một tiếng.

Nó giảng:

– Bài kiếm trấn môn của bản phái có bẩy mươi hai lộ. Căn bản biến hóa là Thái-cực sinh Lưỡng-nghi tức Aâm, Dương, đó là biến hóa bậc một. Vì vậy 72 lộ thành 144 chiêu.

Đạo-sĩ nhìn gã mặt đẹp gật đầu liên tiếp. Thủ-Huy lại nói tiếp:

– Khi tay ra các lộ biến hóa thành Lưỡng-nghi, thì chân phải chuyển từ Càn là thuần dương sang Khôn là thuần âm. Bằng không thì chân khí tuyệt, chân khí tuyệt thì kiếm chiêu trở thành chậm chạp. Chậm chạp thì không còn là Hoa-sơn thần kiếm nữa.

Đạo sĩ hỏi:

– Rồi sao?

– Thì Lưỡng-nghi sinh Tứ-tượng. Dương biến thành Thái-dương, Thiếu-dương. Aâm biến thành Thái-âm, Thiếu-âm. Như vậy 144 chiêu thành 288 chiêu. Cuối cùng Tứ-tượng sinh Bát-quái thành 576 chiêu. Bát quái biến hóa với tám quẻ Càn, Khảm, Cấn, Trấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, vô cùng, thành 4.608 chiêu. Trong phép biến hóa thì có khi tam hư thất thực, thành 13.824, có khi thất hư tam thực...số chiêu thành 32.256. Cộng chung có 46.080. Nhưng cái khó khăn là làm thế nào đang hư lại biến ra thực? Làm thế nào để nối các chiêu lại với nhau?

Đạo-sĩ run run hỏi:

– Thiếu hiệp! Thì ra thiếu hiệp là truyền nhân của phái Hoa-sơn. Xin thiếu hiệp đọc cho bần đạo nghe bài quyết biến hóa với bài kiếm trấn môn này. Nguyên không bao giờ quên.

Thủ-Huy thấy trêu bọn Hoa-sơn như vậy cũng đủ rồi, nó đáp:

– Dĩ nhiên là được. Rõ ràng đạo sư với chư vị đây cùng là người đồng môn với tiểu bối. Đã đồng môn sao lại ý lớn hiếp nhỏ? Sao lại làm khó dễ nhau?

– Tại sao thiếu hiệp biết ta là người phái Hoa-sơn?

– Có gì mà không hiểu.

Thủ-Huy chỉ vào đạo sĩ : Phái Hoa-sơn đặt tổng đường trên Hoa-nhạc. Hoa-nhạc là một trong Ngũ-nhạc. Cho nên đời nào cũng có năm người vai vế tối cao mang tên Ngũ-nhạc. Người chưởng môn là Trung-nhạc Tung-sơn, luôn luôn mặc áo vàng. Đạo-sư chính là chưởng môn phái này.

Nó chỉ vào bốn đạo sĩ áo trắng, đen, xanh, hồng:

– Đạo-sư với bốn vị này hiện diện tại đây, thì ra phái Hoa-sơn kéo hết Ngũ-nhạc, tinh hoa sang Đại-Việt, ăn có mưu đồ lớn chứ không bình thường đâu. Vị mặc áo trắng chắc là Tây-nhạc Hoa-sơn. Vị mặc áo đen là Bắc-nhạc Hăng-sơn. Vị mặc áo xanh là Đông-nhạc Thái-sơn. Còn vị mặc áo hồng kia chắc là Nam-nhạc Hành-sơn.

Không thấy đạo sĩ áo vàng nói gì, biết rằng mình đoán đúng. Nó chỉ vào ba đạo sĩ trung niên:

– Trong dãy Hoa-sơn có ba ngọn cao nhất là ba ngọn trống, mang tên Liên-hoa, Tiên-nhân, Lạc-nhận, gọi chung là Hoa-nhạc tam-phong. Cho nên ba người có vai vế cao mang tên này. Chắc là ba vị.

Nó chỉ vào ba đạo cô:

– Ngoài ra, dãy Hoa-sơn còn có ba ngọn nhỏ hơn, là Vân-đài, Công-chúa, Mao-nữ, gọi chung là Hoa-nhạc tam nương, hay ba ngọn mái. Ba vị đây chắc mang tên này. Vị mặc áo tím tên là Vân-Đài, vị mặc áo trắng tên là Công-Chúa, vị mặc áo xanh tên là Mao-Nữ.

Nghe Thủ-Huy nói, Long-Xưởng chợt để ý đến đạo cô Vân-Đài. Bà này đứng ở phía sau mấy đạo sĩ. Mặt bà ta hơi xạm đen, da dăn deo, nhưng da cổ, bàn tay thì trắng ngắn, mịn như mỡ. Nhất là cái lưng ong tuyệt đẹp. Nhìn chung dáng dấp của bà, rất quen thuộc, rất thân ái, mà trong nhất thời Long-Xưởng không nhớ đã gặp bà ta ở đâu?

Đạo-sĩ áo vàng đưa mắt nhìn gã mặt đẹp, rồi đánh trống lảng:

- Thôi thì cứ coi bọn bần đạo là người phái Hoa-sơn, tức cùng môn hộ với thiếu hiệp đi.
- Bây giờ đạo sư đã nhận là người phái Hoa-sơn rồi phải không? Đã cùng môn hộ sao các vị lại ý lớn hiếp nhỏ. Như vậy coi có được không?
- Thì ngôn ngữ Việt chả có câu đánh nhau vỡ đầu rồi mới nhận họ đó sao?
- Thôi cũng được. Nhưng xin đạo sư cho tiểu bối biết cao danh quý tính đã!
- Bần đạo họ Ngô, tên Giới, đạo hiệu là Trung-nhạc Tung-sơn.

Nhất-Liễu cũng như đám tùy tùng của lão cùng bật lên tiếng ủa đầy vẻ thán phục. Thủ-Huy cung tay vái:

– Thị ra đạo sư nguyên là một trong Trường-giang ngũ hùng đấy, hèn chi tư thái khác phàm. Ngô Giới kinh ngạc vô cùng, vì muôn ngàn lần y không thể tưởng tượng được rằng, một đứa trẻ ở xứ Nam-man này mà lại có thể biết tiếng tăm của y. Y hỏi lại:

– Tiểu công tử biết gì về Trường-giang ngũ hùng?

Thủ-Huy cũng đổi cách xưng hô:

– Dĩ nhiên là tiểu bối biết, lại biết rất nhiều, rất kỹ nữa. Này Ngô đạo sư, nếu như tiểu bối nói ra được hết hành trạng của Trường-giang ngũ hùng, thì đạo sư không được làm khó dễ đại ca của tiểu bối nữa. Đạo sư nghĩ sao?

Đoán chắc Thủ-Huy không thể biết thêm gì về Trường-giang ngũ hùng, Ngô Giới gật đầu:

– Được, bần đạo xin hứa.

Thủ-Huy mỉm cười:

– Trường-giang ngũ hùng gồm năm người là Ngô Giới, Ngô Lân, Hàn Thế-Trung, Nhạc Phi và Trương Tuấn.

Ngô Giới kinh ngạc đến ngây người ra. Y hỏi:

- Thiếu-hiép biết gì về ta nào? Thiếu-hiép hãy nói nghe thử!
- Đạo sư tự là Tân-Khanh, quê ở Lũng-can. Thùa nhỏ cực thông minh, bất cứ sách nào, chỉ liếc qua là đã hiểu được đại lược. Đạo sư cùng em là Ngô Lân được Thiên-Hư đạo sư chưởng môn phái Hoa-sơn thu làm đệ tử. Năm mươi chín tuổi, cùng em trai, đã nổi tiếng văn chương quán thế, võ công vô địch, lầu thông Lục-thao tam lược, Tôn Ngô binh pháp. Lúc đầu, hai anh em bỏ tiền nhà cùng em tổ chức đội hương binh. Khi hai vua Huy-tông, Khâm-tông của Tống triều bị Kim bắt đem về Bắc, thì con Huy-tông là Triệu Cấu vượt Trường-giang, chạy xuống Nam lập lại triều Tống; thường gọi là triều Nam Tống. Nhưng sĩ dân, võ lâm thiên hạ khổ vì các vua triều Tống hôn ám, quan lại tham nhũng, nên không ai theo Cấu. Do vậy, y bị tướng Kim là Ngột -Truật đuổi cho chạy bán mạng, vô sở bất chí.(1)

Thủ-Huy biết rằng Ngô là danh tướng của triều Nam Tống, nên nó gọi tên tục của Thiệu-Hưng hoàng-đế Tống ra, để cho y tức giận. Thế mà y với thủ hạ không hề phản ứng.

Nó tiếp:

– Sau dân Tống nghe tin, Kim đem hai vua làm trò giải trí như: Đeo lục lạc trên người, bắt ngồi trên vỉ sắt, rồi đốt lửa dưới vỉ; trong khi hai vua bị nóng quá nhảy lên chơi chơi, thì chúa tôi Kim ngồi uống rượu ăn thịt, cười khoái trá.

Thủ-Huy nói đến đây, thì Ngô Giới cùng với đám tùy tùng nghiến răng ken két, tỏ ra phẫn hận cùng cực.

Thủ-Huy tiếp:

– Tin này đưa đưa về Trung-nghuyên, khiến anh hùng, sĩ dân Tống cực kỳ phẫn uất. Nhân đó đạo sư với em là Ngô Lân phất cờ cần vương. Niên hiệu Thiên-thuận thứ tư (Tân Hợi, 1131) hai vị đánh bại Kim Ngột-Truật một trận, đuổi y chạy dài đến hơn trăm dặm.

Ngô Giới cười:

– Thiếu hiệp ơi! Thiếu hiệp nhớ sai rồi. Năm đó là niên hiệu Thiệu-hưng nguyên niêm, chứ đâu phải Thiên-thuận thứ tư?

Long-Xưởng cãi dùm Thủ-Huy:

– Tiểu đệ của cô gia nói đúng. Năm đó là niên hiệu Thiên-thuận thứ tư, đời vua Thần-tông bần triều, bên Trung-nghuyên là niên hiệu Thiệu-hưng nguyên niêm.

Ngô Giới là thứ anh hùng hào sảng, y gật đầu:

– Được! Thiếu-hiệp nói đúng. Thiếu-hiệp tiếp đi.

– Niên hiệu Thiên-chương Bảo-tượng thứ nhì, đời vua Thần-tông bần triều (Giáp Dần, 1134), hai vị hợp quân với Hàn Thế-Trung, Trương Tuấn, Nhạc Phi, phá quân Kim năm trận, oai rúng Trung-nghuyên. Nhờ vậy anh hùng sĩ dân thiên hạ mới quy phục triều Nam Tống. Từ đấy năm vị được võ lâm Trung-nghuyên đặt cho mỹ danh là Trường-giang ngũ hùng hay ngũ kiệt. Thưa đạo sư có đúng thế không?

Ngô Giới gật đầu:

– Tất cả những gì thiếu hiệp nói đều đúng hết. Nhưng bần đạo có một thắc mắc là: Những kiến thức của thiếu hiệp về Trung-nghuyên, do ai truyền cho?

Thủ-Huy cười:

– Trời ơi! Đạo sư lại không biết gì về anh em tiểu bối rồi. Từ nay đến giờ tiểu bối đã bầy tỏ kiến thức về đạo sư. Như vậy có nghĩa là những điều đó, hầu hết người Việt đều biết.

Ngô Giới càng tỏ ra khách khí, không dám coi thường hai đứa trẻ này nữa. Y cung tay:

– Thiếu hiệp, nếu thiếu hiệp nói ra được chức tước của bần đạo, thì bần đạo mới phục.

Thủ-Huy nghĩ thầm:

– Bọn này quyết không phải là khách thương, cũng không thể là trộm cướp. Chúng được cầm đầu bởi một đại hào kiệt Trung-quốc, thì có lẽ chúng là sứ đoàn của Tống đây. Y là sứ thần, nên thường có giọng trích thượng, mục hạ vô nhân. Ta phải dọa cho chúng sợ con cháu thánh Gióng mới được.

Nghĩ vậy, nó chắp tay vái Ngô:

– Đạo sư ơi! Điều này dễ quá. Niên hiệu Thiệu-minh thứ nhì (Kỷ Mùi, 1131), đời vua Thần-tông bên Đại-Việt...

Thấy bọn người bên thuyền định ngơ ngác ngác, nó làm bộ không thèm biết đến niên hiệu của Tống, coi như Tống không phải là chính thống, mà Kim mới là chính thống; nhân tiện đề cao Long-Xưởng, nó hỏi:

– Đại ca! Năm ấy bên Trung-nghuyên là niên hiệu gì của Kim đại đế nhỉ? Đại ca có nhớ không?

Hiểu ý Thủ-Huy, Long-Xưởng nghĩ rất nhanh:

– Phụ hoàng ta đang nhận sắc phong của Tống. Tương lai ta cũng phải nhận sắc phong của chúng, mà bọn này là sứ đoàn, ta không thể làm nhục toàn thể nước Tống.

Nghĩ vậy Long-Xưởng đáp:

– Năm đó là niên hiệu Thiệu-hưng thứ chín.

– Cảm ơn đại ca. Năm đó Tống với Kim nghị hòa, triều đình nghị công trong việc trung hưng, thì hai vị họ Ngô đứng đầu. Đạo-sư được phong Đặc-tiến, Khai-phủ nghị đồng tam tư, lĩnh Tứ-xuyên tuyên vũ sứ. Nhưng năm đó, cha con Nhạc Phi bị bắt giam ở chùa Đại-lý vì cái tội tụ họp quần hào Trung-nghuyên cắt máu ăn thè; định đánh thốc lên Bắc đem hai vua Huy-tông, Khâm-tông về. Mà...hời ơi, Ngô đạo sư cũng có dự vào vụ này.

Nó cười lớn:

– Về tài dùng binh thì đạo sư cũng như Trường-giang ngũ kiệt khó ai sánh bằng. Nhưng về kiến thức, cũng như minh mẫn thì bình thường thôi. Rất may mà đầu đạo sư không bị chặt; thây không bị đem phơi nắng, phơi mưa cho ruồi bâu, cho quạ rỉa. Vợ, con gái, nàng hầu chưa bị đem làm trò giải trí cho binh lính.

Mặt Ngô Giới tái đi:

– Thì ra tiểu thiếu hiệp là người minh mẫn đấy. Ta, Ngô Giới xin rửa tai nghe điều mà huynh đệ bảo ta u mê.

Thủ-Huy chọc cho Ngô Giới nổi giận, nó thích lăm, miệng cười khúc khích:

– Có gì đâu mà đạo sư phải giận. Tôi xin vì đạo sư mà nói: Cái gã Triệu Cầu kia, tài không hơn cha là vua Huy-Tông, đức không hơn anh là vua Khâm-Tông. Chỉ vì cha, anh bị Kim bắt đi, sĩ dân thiên hạ nhân cái nhục mất nước phò tá y, mà y được lên làm vua. Nay Trường-giang ngũ kiệt định đánh thốc lên Bắc đem hai vua cha, anh về, thì cái gã Triệu Cầu kia sẽ còn ngồi trên ngai vàng được không? Dĩ nhiên là không. Vì vậy y phải theo lời Tân Cối mà nghị hòa. Nghị hòa xong, yên phía ngoài rồi, y mới củng cố ngai vàng. Trước hết y bắt giam cha con Nhạc Phi, để những kẻ nào còn muốn bàn chuyện đem hai vua về coi đó làm cái gương.

Nó quay lại nhìn Ngô Giới, thấy mặt y tái xanh, nó hỏi:

– Có đúng thế không?

Thấy Ngô Giới im lặng, nó tiếp:

– Vì vậy đạo sư vội giả chết ở Tiên-nhân quan, lén ẩn ở núi Hoa-sơn, đi tu lấy đạo hiệu là Trung-nhạc Tung-sơn tửu; dù tuổi mới có bốn mươi bẩy. Hai năm sau Nhạc Phi bị gã Triệu Cầu tức Thiệu-Hưng giết ở chùa Đại-lý. Hai tướng có công không kém Phi là con Phi tên Vân, cùng với danh tướng Trương Mẫn bị đem chém ở chợ; tài sản bị tịch thu. Vợ, tôi tớ bị đem cho binh lính giải trí lúc xa nhà... May mắn đó chết thực đáng kiếp, đáng tội. Đó là cái tội ngu trung. Thấy hoàn cảnh Nhạc Phi, đạo sư rét quá, vội tiêu dao mây nước. Gã vua Thiệu-Hưng biết đạo sư giả chết, nhưng cũng vờ than khóc, rồi ban cho ba mươi vạn đồng tiền, truy phong tước Thái-sư.

Nhất-Liễu hỏi Ngô Giới:

– Này Ngô Tuyên-vũ sứ, thì ra người sang Đại-Việt ta với mưu đồ tư riêng, chứ không phải là sứ thần của Thiệu-Hưng hoàng đế phải không? Người đã nhập cảnh bất hợp pháp, lại còn vô phép với Thái-tử nữa. Người to gan thực.

Ngô Giới móc trong túi ra tấm thẻ bài:

– Này Lý đô đốc, người hãy đọc đi.

Nhất-Liễu chỉ liếc qua, ông cũng biết đó là thẻ bài của cung Cảm-Thánh. Tuy nhiên ông vẫn cầm lên đọc: Ngô Giới, Thiên-sứ. Bất cứ văn võ bách quan, thấy Thiên-sứ đều phải kính trọng. Kẻ nào làm trái với lệnh bài này, sẽ bị xử tử toàn gia.

Ngô Giới chỉ gã mặt đẹp giới thiệu:

– Bần đạo xin giới thiệu với các vị đây là sư đệ của bần đạo. Y họ Lưu tên Kỳ.

Long-Xưởng nghĩ thầm:

– Thì ra Ngô Giới là chánh sứ, tên Lưu Kỳ là phó sứ. Theo cung từ của Đỗ Anh-Hào, thì tên Lưu Kỳ này chính là tình nhân của thái-hậu đây. Y với thái-hậu đang chuẩn bị phế phụ hoàng ta xuống, rồi tôn y lên làm vua đây.

Nghĩ vậy vương ung dung:

– À, thì ra Phiêu-ky thượng tướng tướng quân, Hoài-Nam hầu, lĩnh Giang-hoài tiết độ sứ Lưu Kỳ, tự là Tín-Thúc đấy? Cô gia nghe nói, trong trận đánh khủng khiếp với Kim Ngôt-Truật, người bị bại, rồi mửa ra máu mà chết. Thiệu-Hưng để truy phong cho người tới Khai-phủ nghị đồng tam tư, thụy là Vũ Mục, lại ban cho gia đình 300 lượng bạc, gấm 300 tấm, để phủ tuất. Sao người vẫn sống nhăn?

Chỉ một câu nói của Long-Xưởng: Nêu ra tên tự, chức, tước, chức tước truy phong, tên thụy, số vàng, số gấm phủ tuất của Lưu Kỳ; không sai một ly, làm cho y phát rét.

Long Xưởng nhìn Lưu, rồi gật đầu:

– Khắp Trung-nguyên đều đồn rằng người là một đệ nhất mỹ nam tử của Nam Tống. Lòng dạ người lại trung chính, có tài cầm quân, võ công cao siêu không biết đâu mà lường. Nhưng chỉ vì người nói nồng thô lỗ cộc cằn, lại ỷ vào công trạng mà nghịch với Hàn Thế-Trung, nên hoạn lộ người đầy chông gai. Chắc vì vậy, mà người cũng như Ngô Tuyên-vũ sứ đây giả chết. Đúng không?

– Đúng thì đúng, có sao đâu.

Thủ-Huy thấy Nhất-Liễu tần ngần, nó biết rằng ông này không làm gì hơn được, bởi cái lệnh bài kia.

Nó vội cứu ông:

– Này Ngô đạo sư. Tiểu bối đã nói rõ hành trạng của đạo sư rồi. Vậy đạo sư không được làm khó dễ đại ca của tiểu bối nữa nghe.

Ngô Giới nhìn Nhất-Liễu:

– Được! Ta bần đạo xin hứa.

Thủ-Huy được thể nó tiếp:

– Nghĩ tình cảnh đạo sư với em đạo sư là Ngô Lân của đạo sư, thực đáng thương. Bởi hai vị được anh hùng Trung-nguyên tặng cho mỹ danh là Hoa-sơn thần kiếm. Nhưng hai vị chỉ có hư danh, mà không có thực.

– Thiếu hiệp! Ta lấy lẽ mà xưng hô với thiếu hiệp, ha cớ thiếu hiệp lại nhục mạ ta?

– Tiểu bối đâu dám. Này đạo sư! Tiểu bối xin nhắc lại: Hai vị tuy được tôn là Hoa-sơn thần kiếm. Nhưng chỉ có hư danh mà thôi. Vì từ thời vua Thần-tông triều Tống đến giờ, Hoa-sơn tứ đại thần kỵ đã bị mai một. Phái Hoa-sơn không còn được coi là Thái-sơn Bắc-dầu võ lâm Trung-nghuyên nữa. Nghe đối đáp giữa Ngô Giới với Thủ-Huy, những gì mà Thái-sư Lưu Khánh-Đàm giảng về các biến cố ở Trung-nghuyên, những gì Khu-mật viện trình lên, cũng như bản cung khai của Đỗ Anh-Hào, hiện lên trong ký ức Long-Xưởng. Vương tự nhủ thầm:

– Cái tên Ngô Giới này là một hào kiệt, nhân thế nước nước loạn ly, dân chúng bị ngoại xâm tàn sát, mà khởi binh. Muốn khởi binh, thì phải có chính nghĩa để quy tụ anh hùng. Cái chính nghĩa lớn nhất bấy giờ, là việc hai vua Huy-tông, Khâm-tông bị bắt đem về Bắc làm nhục. Nhưng, khi thành công, thì người hưởng là Triệu Cẩu, tức Thiệu-Hưng... vì lo sợ cha, anh trở về, sẽ bị mất ngôi, nên không muốn tiến quân nữa. Cẩu bàn với Tể tướng Trần Cối sao giữ được ngôi vua. Cối bàn chuyện nghị hòa, chia đất với Kim. Dĩ nhiên, giữa lúc thế quân Tống như chẻ tre, mà nghị hòa thì các tướng phản đối. Cẩu bèn giết người cầm quân giỏi nhất là Nhạc Phi, để dằn mặt các tướng khác. Vì vậy Ngô Giới phải cáo bệnh, rồi giả chết để an thân... Nhưng sao y lại được thái-hậu cấp thẻ bài là sứ của Tống? Sao y lại thành đạo sĩ? Không biết có phải y là người cầm đầu sứ đoàn trước đây cùng sang với Mao Khiêm, tiêm ẩn; mục đích gây cho Đại-Việt có nội chiến, rồi Tống đem quân sang chiếm hay không? Y tuy là chánh sứ, nhưng lại bị phó sứ Lưu Kỳ lấn áp, vì Kỳ ỷ là tình nhân của thái-hậu? Y với thái-hậu, đang chuẩn bị phế phụ hoàng ta xuống, rồi lên làm vua, trong khi Ngô Giới lại không đồng ý? Ta phải dò cho ra mới được. Tên Ngô Giới tuy có hành vi bất thiện với ta, nhưng đối với Trung-quốc, y là một thứ anh hùng. Người như thế ta phải thu phục lấy nhân tâm, rồi kết thân, hơn là gây hấn. Còn tên Lưu Kỳ, ta phải tìm cách giết y đi, để không còn là mối lo nữa.

Mặt Ngô Giới tái xanh, y hừ một tiếng:

– Thiếu-hiệp căn cứ vào đâu mà nói những lời huyền hoặc như vậy?

Thủ-Huy càng dọa già, nó nói với Long-Xưởng:

– Đại ca! Có đúng không? Chuyện này đến đứa con nít như tiểu đệ mà còn biết, thì dĩ nhiên võ lâm thiên hạ đều biết. Thế mà Ngô đạo sư lại còn cố dấu diếm.

Thủ-Huy tưởng mình nói đùa với Long-Xưởng để chọc giận Ngô Giới, nó nào ngờ những uẩn khúc này Long-Xưởng cũng biết.

Long-Xưởng trả lời:

– Này Ngô Tuyên-vũ sứ!

Một lần nữa Ngô Giới kinh hãi, vì Long-Xưởng lại gọi y bằng chức tước cuối cùng của y tại triều Tống. Y lắng tai nghe:

– Cô gia thử nói xem có đúng không nghe.... Kể từ khi tổ Trần Đoàn của quý phái giúp Tống Thái-tổ chiếm được Trung-nghuyên, thì phái Hoa-sơn trở thành nơi phát tích ra Tống triều. Phái Hoa-sơn thời này nổi tiếng nhờ pho nội công dương cương áp đảo cả Dịch-cân kinh của Thiếu-lâm, Thái-cực công của Võ-đang. Lại có pho chưởng biến hóa ảo diệu nữa, mà được thiên hạ tôn là Thiên-hạ nhị đại thần kỵ. Nhưng quý phái vẫn phải nhường phái Côn-luân về kiêm pháp. Đến thời vua Tống Nhân-tông, nhờ Hoa-sơn tứ lão chế ra pho kiêm pháp lấy mau thăng chậm, lấy động chế tĩnh, khiến kiêm pháp Hoa-sơn vượt xa kiêm pháp Côn-luân. Vào thời này học trò Đông-sơn lão nhân là Địch Thanh trở thành võ trạng. Thế là Hoa-sơn có Thiên-hạ tam đại thần kỵ.

Long-Xưởng ngừng lại hỏi Ngô Giới:

– Có đúng thế không.

!!!

– Khi Nùng Trí Cao khởi binh. Hoa-sơn tam lão Tây, Nam, Bắc đều bị võ lâm Đại-Việt giết. Đông-sơn lão nhân uất ức, vì bị công chúa Bình-Dương dùng Mê-linh kiếm pháp đả bại trong đại hội Lộc-hà, vì ba sư đệ Nam, Bắc, Tây lão nhân bị chết. Lão nhân gác kiếm quy ẩn, tìm phương pháp khắc chế Long-biên kiếm pháp của Đại-Việt, tuy không thành nhưng cũng chế ra pho kiếm khí, biến hóa thần diệu, võ lâm Trung-nguyên đều phải cúi đầu bái phục. Từ đấy Hoa-sơn có Thiên hạ tứ đại thần kỵ. Thấy Long-Xưởng nói vanh vách nhưng uẩn khúc của phái Hoa-sơn, Thủ-Huy kinh ngạc không ít. Nó hỏi Ngô Giới:

– Đại ca của tôi nói có đúng không?

– Đúng thì đã sao?

Long-Xưởng tự nhủ:

– Tên Ngô Giới đúng là người cầm đầu sứ đoàn Tống, đi theo tên Mao Khiêm rồi. Còn cái tên Lưu Kỳ ắt là phó sứ. Ta phải nói huých toẹt âm mưu của chúng ra, cho chúng bở vía.

Nghĩ vậy vương làm bộ nói với Thủ-Huy, nhưng thực ra để dọa Ngô Giới:

– Nay nhị đệ. Đến đời vua Tống Thần-tông, Hoa-sơn lại nổi danh với Hoa-sơn tứ đại thần kiếm. Bốn vị theo Quách Qùy, Triệu Tiết mang quân sang đánh Đại-Việt. Trong trận Như-nguyệt, bốn vị bị Mộc-tồn, Viên-Chiếu bồ tát bắt sống. May sao, công chúa Huệ-Nhu nghĩ tình đồng Môn, nhờ Kinh-Nam vương xin linh bốn vị, rồi đem về an trí ở Thiên-trường, đợi hết chiến tranh, sẽ trả cho Tống triều. Nhưng khi hết chiến tranh, bốn vị vẫn bị lưu lại cho đến chết. Đó là nói cho có vẻ mỹ tự, chứ thực sự ra bốn vị ấy bị giam lỏng ở Thiên-trường. Vì vậy, Thiên-hạ tứ đại thần kỵ bị mai một. Phái Hoa-sơn từ đấy chỉ còn hư danh.

Long-Xưởng nhìn lên bầu trời trong xanh, thái độ như một ông vua con, coi thường Ngô Giới:

– Vì bốn thần kỵ bị mất, mà Tuyên-vũ sứ cùng các cao thủ Hoa-sơn mới nghĩ đến làm sao phục hồi lại ngôi vị Thái-sơn Bắc-đầu cho phái mình. Các vị bèn gửi người sang Đại-Việt, yết kiến đại hiệp Trần Tự-Kinh, xin nghĩ tình công chúa Huệ-Nhu, mà cho sao chép bốn cuốn phẩy của bốn thần kỵ. Nhưng cô gia dám quyết rắng đại hiệp Tự-Kinh sẽ từ chối.

Thấy Ngô Giới im lặng, chứng tỏ lời mình đúng. Long-Xưởng cười mỉa mai:

– Giữa lúc đó thì Mao Khiêm từ Đại-Việt về Tống. Các vị tìm y để hỏi xem y có được học Hoa-sơn tứ đại thần kỵ không? Khi thảo luận với y, các vị mới bật ngửa ra rắng bản lĩnh võ công Hoa-sơn của y được thế tử Vị-Hoàng dạy cho cũng không hơn các vị. Y cũng tiết lộ rắng, trong những ngày bị giam lỏng ở Đại-Việt, Hoa-sơn tứ đại thần kiếm ngày đêm thương nhớ cỗ hương thường hướng về phương Bắc. Bốn vị ấy làm hai cái đài. Một cái gọi là «Thế lệ đoạn trường» (khóc đến đứt ruột ra). Một cái là «Tiêu hồn lạc phách» (mất hồn, lạc phách). Ngày ngày bốn vị ấy lên đó, ngồi hướng mặt về Bắc, mắt mờ lè, tưởng nhớ cỗ quốc, tưởng nhớ quê hương, ân hận vì tuyệt học của Hoa-sơn không truyền lại cho hậu thế được.

Thấy từ Ngô Giới cho tới Lưu Kỳ, tùy tùng đều cúi đầu xuống, như cùng thông cảm mối hận thiên thu của bốn vị tổ Hoa-sơn. Long-Xưởng tiếp:

– Trong những ngày ấy, bốn vị cùng đem Thiên-hạ tứ đại thần kĩ nghiên cứu lại, bổ khuyết những sở hở, thêm vào những kinh nghiệm, những phát minh. Hóa cho nên Thiên-hạ tứ đại thần kĩ trở thành một bộ võ kinh mới, vô địch thiên hạ; chỉ thua có bộ Vạn-pháp quy nguyên của Đại-Việt mà thôi. Bốn vị đạo sư đặt tên bộ võ kinh mới là Vô song, vô đối Trung-nghuyên võ kinh. Gọi tắt là Vô Trung kinh.

Ngô Giới tỏ vẻ khâm phục:

– Kiến thức vương gia thực mênh mông.

– Đa tạ Tuyên-vũ sứ quá khen. Để cô gia tiếp. Bốn vị nghĩ rằng: Một mai mình qua đời rồi, Vô-song vô đối Trung-nghuyên võ kinh bị mai một đi, thì thực là thiên cổ trường hận. Bốn vị ấy mới tìm một nơi nào đó dấu bộ võ kinh này, chờ có dịp sẽ chuyển về Trung-thổ. Hay ít ra cũng báo cho đồ tử đồ tôn biết nơi dấu, để sau này tìm kiếm. Bốn vị nghĩ ra một phương pháp, là làm một bài ca khuyết gửi về cho phái Hoa-sơn như sau:

«Vô-trung, vô đối,

Trung-thổ võ kinh.

Nam-phương tuyệt tích,

Bắc phương u minh.

Thùy khả tâm đắc,

Bình Man, Địch, Nhung».

(*Bộ võ kinh của Trung-quốc, không có võ công nào sánh bằng, không có võ công nào địch lại, ai mà tìm được, thì có thể dùng nó chiến thắng các nước Man, Địch, Nhung*). (2)

Thấy mặt Ngô Giới thực khó coi, Long-Xưởng tiếp:

– Nhưng phái Đông-a canh phòng quá kỹ. Bốn vị gần như tuyệt vọng. May đâu, nhân dịp Kinh-Nam vương phi là Trưởng-đại công chúa Huệ-Nhu hoảng, Tống triều cũng như phái Hoa-sơn cử sứ giả sang điếu tang. Trong khi phái Đông-a tang gia bối rối, bốn vị đã mật truyền bài ca khuyết trên cho đại diện phái Hoa-sơn, cùng nói rõ nơi cất võ kinh. Từ đấy, phái Hoa-sơn tìm đủ cách, để sang Đại-Việt tìm bộ Vô-Trung kinh, mà không ai có gan, bởi muốn tìm bộ kinh trên thì phải đột nhập tổng đường phái Đông-a. Mà bắc thang lên trời thì dễ, chứ đột nhập tổng đường phái này thì khó. Có phải thế không?

Mặt Ngô Giới càng tái xanh hơn.

– Tuyệt vọng quá, hóa liều, Tuyên-vũ sứ nghĩ đến việc đội lốt khách thương sang Đại-Việt, hầu dò dẫm, ăn cắp võ phẩ. Tuyên-vũ sứ biết rằng một mình phái Hoa-sơn qua Đại-Việt, không khéo sẽ bỏ thân ở đây mất. Nên Tuyên-vũ sứ đột nhập hoàng cung, mật thú tội khi quân giả chết với vua Tống, rồi tình nguyện làm mật sứ theo Mao Khiêm. Đạo sư tưởng ræng mình hành sự giống như Yên-vương Triệu Nguyên-Nghiêm xưa kia, để lỡ ra khi ăn cắp võ kinh bị lộ, còn nhờ triều đình Đại-Việt can thiệp với phái Đông-a tha mạng cho. (3)

Bị Long-Xưởng nói toẹt âm mưu ra, Ngô Giới kinh hãi vô cùng. Y chống chế:

– Thái-tử chỉ nghe đồn nhảm. Bần đạo sang Đại-Việt với mật chỉ khác...

Long-Xưởng cau mặt lại, nói gằn từng tiếng:

– Này Ngô Tuyên-vũ sứ, giữa chúng ta đều là người có địa vị cả, việc gì mà phải chối quanh? Nếu như Tuyên-vũ sứ còn giữ được Hoa-sơn tú đại thần kỹ, thì tại sao vừa rồi Tuyên-vũ sứ thấy nhị đệ của cô gia đánh vài chiêu kiếm Hoa-sơn, mà Tuyên-vũ sứ phải ngây người ra xin y diễn lại để học?

Long-Xưởng chỉ vào bốn sư đệ của Ngô Giới:

– Hoa-sơn có tú đại thần kỹ, nên đời đời chọn lấy năm đệ tử ngộ tính cực cao, để truyền tuyệt nghệ. Năm người đó luôn mang tên của Ngũ-nhạc: Trung-nhạc Tung-sơn, Tây-nhạc Hoa-sơn, Bắc-nhạc Hành-sơn, Đông-nhạc Thái-sơn, Nam-nhạc Hằng-sơn. Vì trong Dịch-lý, thì Trung-ương thuộc mẫu vàng, Đông thuộc mẫu xanh, Tây thuộc mẫu trắng, Nam thuộc màu đỏ, Bắc thuộc mẫu đen. Nên cứ nhìn y phục thì biết đạo hiệu, cùng địa vị trong môn phái. Thời vua Tống Nhân-tông quý phái có Hoa-sơn ngũ lão, thời vua Thần-tông có Hoa-sơn ngũ đại thần kiêm, nhưng chỉ có bốn vị sang Đại-Việt rồi bị bắt. Còn một vị sớm vãng du tiên cảnh. Nay giờ, Tuyên-vũ sứ với bốn vị đạo sư đây thuộc vai vế cao nhất của Hoa-sơn. Bởi cô gia thấy bản lĩnh, phong thái của năm đạo sư thực siêu phàm. Năm vị đang cầm vận mệnh quý phái. Thế mà quý phái kéo tất cả vào Đại-Việt, thì cái việc sang đây của đạo sư ăn phải quan trọng lắm.

Nghe Long-Xưởng phân tích sự kiện, mặt Ngô Giới tái xanh. Y chõng chẽ:

– Chưa hắn thế...

Y quay lại nói với Thủ-Huy:

– Những gì đại ca của thiếu hiệp nói hoàn toàn sai.

Thủ-Huy cười:

– Khổ quá, Ngô đạo sư là người dùng binh giỏi, thì phải biết mình, biết người chứ? Trong khi anh em tiểu bối chỉ là hai đứa trẻ chưa ráo máu đầu, tự biết mình, lại biết rõ về đạo sư. Đạo sư không biết gì về anh em tiểu bối thì chớ, mà lại còn giả ngây, giả ngô nữa.

Nó nhắc lại những gì đã nói ban nãy về việc Trường-giang ngũ kiệt bị vua Tống tìm cách hại, để không ai dám nhắc đến việc đem hai vua Huy-Tông, Khâm-Tông từ Kim về rồi hỏi lại:

– Có đúng thế không?

Thấy Ngô Giới im lặng, nó tiếp:

– Ban nãy tiểu bối đã nói rồi, mà đạo sư lại quên, hay cố tình quên. Vậy tiểu bối xin nhắc lại một lần nữa: Vì thấy Nhạc Phi bị bắt, đạo sư vội giả chết ở Tiên-nhân quan, lén ẩn ở núi Hoa-sơn, đi tu lấy đạo hiệu là Trung-nhạc Tung-sơn tử; dù tuổi mới có bốn mươi bẩy. Hai năm sau Nhạc Phi bị gã Triệu Cầu tức Thiệu-Hưng giết ở chùa Đại-lý. Hai tướng có công không kém Phi là con Phi tên Vân, cùng với danh tướng Trương Mẫn bị đem chém ở chợ; tài sản bị tịch thu. Vợ, tôi tớ bị đem cho binh lính giải trí lúc xa nhà... May mắn đó chết thực đáng kiếp, đáng tội. Đó là cái tội ngu trung. Thấy hoàn cảnh Nhạc Phi, đạo sư rét quá, vội tiêu dao mây nước. Gã vua Thiệu-Hưng biết đạo sư giả chết, nhưng cũng vờ than khóc, rồi ban cho ba mươi vạn đồng tiền, truy phong tước Thái-sư.

Đến đây nó cười:

– Này Ngô đạo sư. Đã hai lần tiểu bối nói rõ hành trạng của đạo sư rồi. Vậy đạo sư không được làm khó dễ đại ca của tiểu bối nữa nghe.

Ngô Giới nhìn Nhất-Liễu:

– Được! Ta bắn đạo xin hứa.

Y đổi cách xưng hô:

– Nhưng sự thề đã như thế này, thì ta xin mời Hiển-Trung vương, thiếu hiệp với đô đốc Nhất-Liễu du ngoạn núi Hoa-sơn ít lâu. không biết thiếu hiệp có vui lòng không?

Thủ-Huy cau mặt:

– Ít lâu? Ít lâu là mấy tháng?

– Chóng hay chầy là tùy ở thiếu hiệp.

???

Ngô Giới chỉ khoang lớn của thuyền định:

– Nào mời các vị vào trong khoang thuyền, chúng ta uống chung trà, bàn chuyện đại sự.

Sự không đừng được, Long-Xưởng nói với Thủ-Huy, Nhất-Liễu:

– Nhị đệ! Đô đốc! Chúng ta hãy cùng làm khách của Tuyên-vũ sứ.

Nói rồi vương theo sau Ngô Giới, cử chỉ đường bệ, tư thái ung dung, làm Ngô kinh ngạc không ít, trong lòng viên tướng Tống nhu thầm:

– Thiếu niên này đởm lược thực phi phàm. Rõ ràng y bị ta uy hiếp, có thể mất mạng, mà vẫn bình tĩnh, ngôn từ ôn hòa. Thực khó mà kiểm được người thứ nhì. Nay mai y lên làm vua Giao-chỉ thì là điều rất nguy hại cho Trung-nguyên.

Phân ngôi chủ khách xong. Ngô Giới mở lời trước thái độ của y tỏ ra hòa nhã:

– Có gì đâu! Đúng như Hiển-trung vương nói. Mục đích chuyến đi của bần đạo là tìm lại Vô-Trung võ kinh. Nhưng nay tìm không được, mà thiếu hiệp lại thuộc lòng bộ này, thì thiếu hiệp là bộ võ phỗ sống. Vì vậy, bần đạo mời thiếu hiệp du ngoạn Hoa-sơn, rồi viết lại cho bần đạo, thế thôi.

Thủ-Huy thấy y lại đổi thái độ thì mỉm cười:

– Không lẽ chỉ có vậy sao? Tiểu bối không tin. Nay Ngô đạo sư, ít nhất đạo sư có đến hai hay ba mục đích khác nhau trong vụ này.

Ngô Giới tái mặt, y nói với Long-Xưởng:

– Nhị đệ của vương gia thực là xuất chúng. Sau này vương gia lên ngôi rồi, mà đặt y vào chức tể tướng, thì không một gian nhân nào qua mắt được y. Nay vương gia, bần đạo biết vương gia rời Thăng-long đi Thiên-trường để mời Đông-a ngũ tuyệt tham dự đại hội Lộc-hà. Mà đại hội Lộc-hà chỉ với mục đích chỉnh đốn lại kỷ cương, nêu cao chủ đạo tộc Việt. Nhưng nếu như đại hội thành công, các gia, các phái đồng tâm trợ giúp triều đình, thì ít ra có hai giòng họ ngoại thích bị tru di tam tộc. Vương gia có biết việc đó không?

– Ta quyết nêu cao đức từ bi hỷ xả của đức Thể-tôn, đại nghĩa bốn nghìn năm chủ đạo của tộc Việt, thì sao lại có thể tàn sát ngoại thích nhỉ?

– Vương gia nghĩ thế, sẽ làm thế. Nhưng bọn họ Đỗ của Chiêu-Hiếu thái hậu, họ Lê của Cảm-Thánh thái hậu lại không nghĩ thế.

– Nghĩa là???

– Chúng chỉ nghĩ đến việc cũ là chúng đã tàn sát tông thất quá nhiều. Khi quyền rời khỏi tay Thái-hậu, bấy giờ phụ hoàng hoặc vương gia cầm quyền thì chúng sẽ không còn đất mà chôn. Trước cái thế một mất, một còn, chúng phải ép, phải xin thái-hậu hạ vương gia. Nhưng vương gia là người anh minh, hành sự quang minh lối lạc, thái-hậu không thể phế vương gia được. Nay biết tin vương gia âm thầm đi Thiên-trường, thái-hậu sai Nghi-tàm song ma đón đường bắt cóc vương gia giam lại ít ngày. Bấy giờ...

Ý mỉm cười nhìn Thủ-Huy:

– Cái gì sẽ xảy ra, thiếu hiệp có biết không?

**Ghi chú của thuật giả:**

(1) Đoạn này tôi thuật theo *Tống-sử*, quyển 366, trang 11 399, Lưu KỲ, Ngô Giới, Ngô Lân liệt truyện.

(2) Man là các nước phuong Nam Trung-quốc, để chỉ Đại-Việt, Đại-lý, Xiêm-la, Chiêm-thành, Chân-lạp, Lão-qua. Nhung là các nước phuong Tây Trung-quốc, để chỉ Tây-hạ, Tây-liêu, Thổ-phồn, Thanh-hải, Tây-tạng. Địch là các nước phía Bắc Trung-quốc để chỉ các nước Cao-ly, Kim, Liêu, Mông-cổ v.v.

(3) Việc Định-vương Triệu Nguyên-Nghiêm cầm đầu một sứ đoàn mật sang Đại-Việt, xảy ra vào thời vua Lý Thái-tổ. Xin đọc Anh-hùng Tiêu-sơn, 3 quyển, 910 trang của Yên-tử cursive. Về già Nguyên-Nghiêm được cải phong là Yên-vương.

**Hồi thứ tám**  
**Trường hận thiên thu.**

Thủ-Huy thở dài:

– Triều đình thấy thái-tử đột nhiên mất tích, ắt tâu xin hoàng thượng lập người khác. Mà phụ hoàng của đại ca chỉ là cục bột luộc. Thái hậu bất cẩn triều đình, bà tự quyết định, bà không ngại ngùng gì mà không đểet một người em nhỏ nhất của đại ca, mới hai, hay ba tuổi lên thay thế. Sau đó bà tha hồ thao túng. Bọn ngoại thích tha hồ hành hành. Cứ cái đà đó, quyền hành trong tay chúng, rồi một mai hoàng thượng băng hà, chúng sẽ cướp ngôi.

Ngô Giới mỉm cười:

– Thiếu hiệp thực là thần đồng. Bần đạo biết thái-hậu không muốn hại con, hại cháu mình. Người cũng không muốn ngôi vua về họ khác. Nhưng cái thế nó như vậy, thì bà đành nhắm mắt đưa chân. Bần đạo xin dẫn sứ Trung-quốc, ít nhất đã có hai hay ba việc tương tự xảy ra rồi.

Gì chứ Bắc sứ thì Long-Xưởng được Thái-phó giảng rất kỹ, vương vãi tay cho Ngô Giới im lặng, rồi nói:

– Cái gương thứ nhất là khi Cao-tổ nhà Hán băng hà, Lã thái hậu chuyên quyền. Bà hại cả con, lẫn cháu, tàn sát tôn thất. Bà dự định cướp ngôi của cháu, trao cho họ Lã. Khi bà băng rồi, thì hoàng tộc nhà Hán, cùng bách quan xúm vào tru diệt ba họ bà. Gần đây, Võ Tắc-Thiên cũng chuyên quyền, cũng tàn sát tôn thất, cũng hại con, hại cháu, cũng định cướp ngôi đem về cho họ mình... Rồi khi bà băng, ba họ bà cũng bị giết sạch.

Ngô Giới càng tỏ vẻ kính phục Long-Xưởng:

– Đúng vậy! Với hai cái gương lớn đó, thái-hậu đành ra tay, để cứu ba họ nhà mình, ba họ của người tình Đỗ Anh-Vũ. Bà sai Nghi-tàm song ma đón đường bắt cóc vương gia. Hiểu cháu không ai băng bà. Bà biết vương gia quá thông minh, không dễ gì Nghi-tàm song ma thành công. Nên chi bà cẩn thận hơn. Bà sai đô đốc chỉ huy hạm đội Aâu-Cơ đón vương gia ở bến Vị-hoàng. Quả nhiên ông ta thành công.

Y nhìn Nhất-Liễu cười, rồi chỉ vào Lưu Kỳ:

– Đô đốc ! Giữa lúc đô đốc thành công, thì bọn bần đạo xuất hiện. Bởi bần đạo cũng đón đường mời vương gia. Cho nên bần đạo phục ở đây từ hai hôm nay rồi. Bần đạo ra quân chỉ với mục đích đón vương gia, thảo luận về ích lợi chung của Tống-Việt. Bần đạo tuyệt không ngờ mình lại gặp thêm một may mắn thứ nhì, là mời thêm được nghĩa đệ của vương gia nữa. Rõ thực cổ nhân nói: Chủ ý trồng hoa, hoa chẳng mọc, vô tình tiếp liễu, liễu xanh um.

Y nhìn Thủ-Huy:

– Khi thấy vương gia thoát được tay Nghi-tàm song ma, bần đạo cứ tưởng chúng bị mắc mưu vương gia. Bây giờ bần đạo mới biết, không rõ cơ duyên nào mà vương gia lại kết huynh đệ với thiếu hiệp đây. Chắc khi Song-ma đón đường vương gia, thì bị thiếu hiệp đây đánh cho mất mạng. Có phải thế không?

Biết Ngô Giới hiểu lầm, nhưng Thủ-Huy cũng cười:

– Bọn ma quỷ đó bị tiểu bối dùng làm trò cười ở trong một túu lâu.

Long-Xưởng thấy Ngô Giới chỉ nhẫn mạnh vào việc thái-hậu sợ một mai bà băng hà, hay ta năm được quyền sẽ giết cả họ Đỗ Anh-Vũ, họ thái-hậu. Y không đả động gì đến việc thái-hậu tư thông với Lưu Kỳ, đang chuẩn bị phế phụ hoàng xuống, lập y lên làm vua, rồi phụ thuộc Tống. Trong lòng người thiểu niên này nảy ra một kế:

– Chúng đã dẫu ta việc này, thì ta cũng làm như không biết để dễ đối phó. Giữa Ngô với Lưu có hai mục đích khác nhau. Ngô Giới làm chánh sứ, chưởng môn phái Hoa-sơn, có nhiều đệ tử, có nhiều quyền hành, thì chủ tâm là tìm võ kinh. Trong khi Kỳ, không quyền, không lực lại muốn làm Giao-chỉ quận vương. Hiện bao nhiêu người trên thuyền này đều là thuộc hạ của Ngô... mà Lưu chỉ có một mình. Ngược lại Lưu ý là tình nhân của Thái-hậu, y lên mặt với Ngô. Ta phải chia rẽ hai tên này mới được.

Long-Xưởng nghĩ đến tích cũ: Xưa Khai-Quốc gặp Yên-vương Triệu Nguyên-Nghiêm, rồi nhún nhường đôi chút, để kết thân với nhau, việc này đem lại cho Tống-Việt 80 năm thanh bình. Nghĩ vậy Long-Xưởng ngồi ngay ngắn lại, rồi nói như một Thiên-tử giữa triều đình:

– Nay Ngô tuyên-vũ sứ. Tuyên-vũ sứ sang Đại-Việt này bề ngoài thì là mật sứ, mà bề trong để tìm võ kinh. Cái gã vua Thiệu-Hưng đã chẳng từ tốn gì thì Tuyên-vũ sứ chỉ nên dồn nỗ lực vào việc tìm võ kinh, để đưa phái Hoa-sơn trở lại địa vị Thái-sơn Bắc-đầu. Cô gia đang có đôi điều khó khăn, Tuyên-vũ sứ cũng có những nan giải. Tại sao chúng ta không hợp với nhau, cùng dựa vào nhau mà hành sự?

Ngô Giới cung tay vái Long-Xưởng, Thủ-Huy:

– Trí tuệ vương gia thực vô cùng! Như vương gia luận: Ba món hàng bầy bán, bần đạo đã ra giá. Giá không cao lắm. Mong vương gia, thiếu hiệp cho biết tôn ý?

Từ đâu đến cuối Nhất-Liễu không nói một lời, bây giờ y mới lên tiếng:

– Ba món hàng mà Tuyên-vũ sứ bầy bán là những món gì?

Ngô Giới không trả lời Nhất-Liễu. Y mỉm cười bí hiểm, đưa mắt nhìn Thủ-Huy, Long-Xưởng.

– Đại ca!

Thủ-Huy đáp không suy nghĩ: Đệ chỉ có thể trả giá được một món hàng mà thôi. Đệ đồng ý chép lại tất cả võ công Hoa-sơn đệ học được cho Ngô đạo sư trong vòng một tuần (Tuần thời xưa là 10 ngày). Còn hai món kia để đại ca định liệu, bởi nó ngoài tầm tay của đệ.

Long-Xưởng thử người ra suy nghĩ. Khoảng hơn trăm tiếng đập tim sau Vương cũng chưa quyết định.

Ngô Giới thúc:

– Vương gia còn suy nghĩ gì nữa? Đại phàm một đẳng minh quân, thì phải quyết đoán cho mau lẹ, chứ đâu lại trì nghi như vậy.

Những lời đối đáp giữa Ngô Giới, Long-Xưởng, Thủ-Huy bao hàm ý tứ cao xa quá, ngoài sự suy tư của Nhất-Liễu, khiến y tự nhủ:

– Ngô Giới là một đại hào kiệt Trung-nghuyên, tuổi trên năm mươi, thì y trông rộng nhìn xa là chuyện bình thường rồi. Nhưng thái-tử với người em kết nghĩa này, mới bấy nhiêu tuổi, mà đã vượt xa mình. Hèn gì thái-hậu với hàng trăm đại thần, đã phải mất biết bao nhiêu tâm huyết để đối phó.

– Được rồi! Cô gia đồng ý mua. Vậy Tuyên-vũ sứ cho xem hàng đi.

– Một là, với địa vị của thái-tử, vương gia ban chỉ cho toàn thể gia thuộc của bần đạo, của Lưu sư đệ và con cháu Nhạc Phi được vào ẩn cư tại trấn Nghệ-an. Lại xin được cấp đất, được sinh sống như dân Việt. Việc này phải tuyệt đối giữ bí mật, không thể cho triều Tống biết.

Long-Xưởng nghĩ thầm:

– Nhạc Phi bị giết cả nhà, làm gì còn ai mà vào Đại-Việt ẩn thân? Bọn Ngô Giới là những người cầm đầu phái Hoa-sơn. Phái này đang đắc thế tại triều Thiệu-Hưng, thì chúng kéo gia thuộc sang đây ẩn thân là điều vô lý? A, chắc y muốn đem các cao thủ vào Nghệ-an, để chuẩn bị cho cuộc phế lập đây. Khi phụ hoàng ta bị phế, có thể quan quân từ Thanh-nghệ, Trường-yên kéo về cứu già, nên chúng mưu đem người vào mai phục sẵn đây. Muôn ngàn lần ta không mắc mưu chúng. Aâu là ta cứ ừ cho chúng vào, rồi tình lính đem giáp sĩ kiềm chế hết. Bấy giờ xem ai tài trí hơn ai?

Nghĩ vậy Long-Xưởng đáp:

– Cô gia thuận với giá ấy.

– Ba là, nếu như sau này, hào kiệt Trung-nguyên đem được vua Tĩnh-Khang về, mà Thiệu-Hưng hoàng-đế không chịu trả ngôi vua cho anh, đương nhiên giữa hai bên sẽ có chiến tranh. Vương gia phải theo về Tĩnh-Khang hoàng-đế, và đem quân ép phía sau Thiệu-Hưng.

– Được.

– Vậy chúng ta phải thi hành ngay từ hôm nay.

Bây giờ Nhất-Liễu mới hiểu ba món hàng mà Ngô Giới đưa ra là ba điều kiện: Thủ-Huy phải chép võ kinh Hoa-sơn cho Ngô Giới. Hiện Ngô Giới muốn suất lĩnh hào kiệt Trung-nguyên đánh thốc lên Bắc đem vua Tĩnh-Khang về, ngặt vì y sợ làm như vậy, lỡ thất bại thì Thiệu-Hưng đế sẽ tàn sát gia thuộc y. Cho nên y phải đem gia thuộc sang kiều ngụ ở Đại-Việt trước. Y lại sợ khi đem vua Tĩnh-Khang về, Thiệu-Hưng đế không chịu trả ngôi vua cho anh, rồi có chiến tranh. Y xin thái-tử hứa sẽ giúp hai vua, không được giúp Thiệu-Hưng. Cứ như ý Ngô Giới, y không nói đến vua Tuyên-Hòa, như vậy thì ông này chết rồi đây.

Long-Xưởng nghĩ ra một chuyện, vương hỏi Ngô Giới:

– Này Ngô Tuyên-vũ sứ, chúng ta đã thỏa thuận với nhau rồi, thì Tuyên-vũ sứ cũng không nên dấu diếm cô gia điều gì nữa. Thế Mao Khiêm hiện ở đâu?

Ngô Giới giật bắn người lên. Việc y với Lưu Kỳ, Mao Khiêm sang tiềm ẩn tại Đại-Việt từ mấy năm nay. Y tưởng chỉ Thái-hậu biết. Không ngờ bây giờ Long-Xưởng hỏi thẳng vào vấn đề. Y đáp lơ mơ:

– Y ẩn hiện không chừng. Nếu muốn, vương gia cứ theo dõi bọn Nùng-sơn tam anh, Tô-lịch nhị tiên là tìm ra tung tích y ngay. Chứ bần đạo thì không thể trả lời vương gia được.

Long-Xưởng nhủ thầm:

– Tất cả những ưu tư của mẫu hậu, của mình, của Thái-sư Lưu Khánh-Đàm, của Thái-phó Hoàng Nghĩa-Hiền có ba. Một là, tìm thiếu niên có tài, có đức hạnh phong làm Thiên-nhân cho mình. Hai là, cố tìm ra căn cước bọn mật sứ Tống ẩn ở Đại-Việt. Ba là, tìm tung tích tên Mao Khiêm. Chuyến đi của mình chỉ với mục đích mời phái Đông-A tham dự đại hội Lộc-hà, cùng cho đệ tử ứng tuyển võ, bổ vào các chức võ quan. Không ngờ mình lại gặp nhị đệ Thủ-Huy. Y thừa khả năng làm Thiên-nhân. Mình lại tìm ra đây đủ tung tích sứ đoàn. Cũng nhờ sứ đoàn mà mình biết rõ cái nguy mà thái-hậu đã chăng lưới xung quanh họ Lý, xung quanh mình.

Ngô Giới nắm lấy tay Thủ-Huy:

– Trần thiếu hiệp, sự việc đã sáng cả rồi. Vậy xin thiếu hiệp cho bần đạo biết ba điều. Một là, cao danh, quý tính của phụ thân, cùng nội tổ của thiếu hiệp. Hai là, thiếu hiệp thuộc chi nào của bản phái? Ba là, thiếu hiệp kết huynh đệ với Hiển-Trung vương từ bao giờ, trong trường hợp nào?

Thủ-Huy nghĩ thầm:

– Y đã nhận mình là người đồng môn, mà còn định bắt mình về núi Hoa-sơn, thì y chẳng tử tế gì. Đã vậy mình bịa ra cho y điên đâu chơi.

Nghĩ vậy nó nói:

– Ban nãy tiểu bối đã nói với đạo sư rồi mà! Tiểu bối họ Trần, thì dĩ nhiên bối tiểu bối, ông tiểu bối cũng họ Trần. Bố tiểu bối tên Kế-Vy. Kế là mưu mạo, vi là nhỏ bé. Còn ông nội tiểu bối ư? Người có tên là Chữ-Sách. Ông tiểu bối cũng như bố tiểu bối làm nghề đánh cá, cầy cấy, nên võ lâm không ai biết tên cả. Còn tiểu bối thuộc chi nào của bản phái thì tiểu bối không biết. Đạo sư muốn biết thì cứ về quê tiểu bối mà hỏi các người.

– Như vậy nội tổ, phụ thân của thiếu hiệp không phải là người của võ lâm Đại-Việt sao?

– Tiểu bối không biết. Khi ông tiểu bối dạy võ công cho tiểu bối, thì tiểu bối chỉ biết tập. Tiểu bối không hề hỏi, mà ông tiểu bối cũng không hề nói người thuộc phái nào. Tiểu bối đoán là phái Hoa-sơn. Vì vậy tiểu bối xưng là đệ tử phái Hoa-sơn .

Long-Xưởng biết Thủ-Huy đùa bọn Ngô Giới, y cũng tung hỏa mù khiến cho Ngô Giới càng hoang mang thêm:

– Này Tuyên-vũ sứ. Không biết bằng cách nào đó tiền nhân của nhị đệ lại có bộ Vô-Trung kinh, rồi luyện thành. Cô gia sợ bốn vị Hoa-sơn tứ đại thần kiêm của quý phái, cắt võ kinh đâu đó, tổ phụ của nhị đệ tìm được rồi luyện thành. Vì vậy Tuyên-vũ sứ có tìm kiếm cũng vô ích. Tuyên-vũ sứ muốn có bộ này, thì một là phải dùng lực, hai là dùng tình. Trước hết là dùng lực. Tuyên-vũ sứ nghĩ xem, nhị đệ mới ty tuổi, thời gian luyện tập không làm bao, mà y đã có bản lĩnh đáng kể. Cứ đó mà suy, thì bản lĩnh nội tổ, phụ thân của y sẽ cao thâm đến mức nào? Liệu Tuyên-vũ sứ có thể dùng võ công áp chế các người để lấy võ kinh không?

Ngô Giới trả lời bằng cái lắc đầu.

– Đã không dùng lực được, thì phải dùng tình. Dùng tình thì phải nhờ đến nhị đệ của cô gia.

Ngô Giới gật đầu công nhận lý luận của Long-Xưởng. Y hỏi Thủ-Huy:

– Thế thiếu hiệp kết bạn với Hiển-Trung vương từ bao giờ? Trong trường hợp nào?

Thủ-Huy chưa kịp trả lời, thì một thuyền phu chạy vào cung tay với Ngô Giới:

– Thưa đạo sư, có năm chiếc thuyền đánh cá dàn ngang qua sông, bọn đệ tử dùng loa bảo chúng tránh ra, mà chúng không chịu tránh. Xin đạo sư định liệu.

– Chúng ta cần dấu thân phận. Không nên gây sự với người. Cho thuyền chạy chậm lại.

Nói rồi y đứng dậy lên sàn thuyền. Bọn Long-Xưởng cũng lên theo. Lão Nhất-Liễu không thấy con thuyền của mình với đám thủ hạ đâu, lão hỏi:

– Ngô Tuyên-vũ sứ...

Lão chưa nói hết câu, thì Lưu Kỳ đã cướp lời:

– Lý đô đốc khỏi bận tâm. Tại hạ đã trói họ lại, rồi cho neo thuyền giữa sông. Trong năm ngày nữa họ mới chết đói, chứ chưa chết ngay đâu. Vì thuyền của đô đốc là chiến thuyền, thì dân thuyền đâu dám lại gần? Lý đô đốc đừng chửi tại hạ rằng tàn nhẫn. Tại hạ phải làm ác, chẳng qua cũng vì tự bảo

vệ tính mệnh mà thôi. Nhược bằng tại hạ tha cho họ về, thì hạm đội Âu-Cơ được tin đô đốc của họ bị bắt, họ sẽ đuổi theo làm thịt cả bọn tại hạ.

Năm con thuyền đánh cá nhỏ đang dàn ra kéo lưới. Trên mỗi con thuyền chỉ có một thiếu nữ. Năm thiếu nữ trang phục giống nhau, quần mầu đen, còn áo thì năm mầu khác nhau: vàng, trắng, đen, xanh, hồng. Các thiếu nữ này tay kéo dây lưới, tay kéo dây điều khiển cánh buồm, chân để lên cần lái. Trong năm con thuyền, con thì nghiêng đi gần muốn lật, con thì quay tròn, con thì vọt tới, con thì cất cao mũi lên... Cả năm con dập dềnh trên sóng, thế mà năm cô gái vẫn đứng vững.

Ngô Giới nói với Lưu Kỳ:

– Sư đệ xem kia, tại sao lại có sự trùng hợp lạ lùng thế này nhỉ? Họ trang phục giống như Ngũ-nhạc của chúng ta. Hay họ là người của bản phái?

– Có thể. Vì trong bản đồ, tổ sư ghi lại rằng chỗ người bị giam lỏng cũng gần đây thôi. Đó là một con sông nhỏ, nhánh của con sông này. Biết đâu họ chả là đồ tử đồ tôn của bốn ngài. Chúng ta phải cẩn thận.

Ngô lại than một mình:

– Người Việt giỏi thủy tính thế kia, hèn chi mỗi lần Trung-thổ thủy chiến với họ đều thất bại cả.

Lưu Kỳ cầm loa hướng vào năm con thuyền đánh cá gọi lớn:

– Xin các vị tránh ra, bằng không thuyền tôi đụng phải thì nguy lắm.

Thiếu nữ áo trắng hướng mặt lên cười lớn:

– Làm sao mà đụng được nhỉ ? Ông có giỏi thì cho thuyền ông đụng thuyền tôi thử coi, xem thuyền ai vỡ nào?

Lưu Kỳ ra lệnh cho tài công:

– Người cho thuyền mình đụng thuyền thị cho thị hết bướng.

Tài công kéo tay lái cho thuyền quẹo sang trái. Khi thuyền định sắp đụng phải thuyền của thiếu nữ áo trắng, thì cô giật mạnh tay buồm một cái, con thuyền của cô vọt ra xa đến hơn trượng. Cô lại ngửa mặt lên cười:

– Uùi cha! Thủ đụng cái nữa coi?

Tài công lại kéo tay lái. Hai con thuyền gần như đụng vào nhau. Thiếu nữ áo trắng lại giật tay buồm.

Con thuyền nhỏ vọt về phía trước, thành ra thuyền của cô bây giờ lại ở bên phải thuyền định. Cô cười:

– Ôi! Lái dở như vậy, mà cũng đòi đe dọa người? Có ai dám xuống đây chơi với chị không nào?

Bị khiêu khích, Lưu Kỳ vốn tính nóng như lửa. Y bảo đạo sĩ mặc áo trắng, tức Tây-nhạc Hoa-sơn tử:

– Sư đệ, người cũng mặc áo trắng như thị. Người nhảy xuống thuyền thị, điểm huyệt, rồi bắt lên đây cho thị biết tay anh hùng.

Tây-nhạc dạ một tiếng rồi tung mình nhảy xuống thuyền cô gái áo trắng. Khi y rơi gần tới thuyền cô, thì cô vung tay lên. Cái lưới tỏa ra như nơm chụp lấy y. Y nắm gọn trong lưới. Cô giật lưới một cái, y rơi vào giữa lòng đò đến rầm một tiếng. Lạ một điều y rơi không mạnh, mà nắm bất động. Cô gái reo lên:

– A ha! Được con cá trắng lớn quá.

Nói rồi cô giật mạnh tay buồm. Con thuyền của cô vùn vụt lao về phía trước.

Ngô Giới ra lệnh:

– Kéo buồm lên! Chèo thực mau, đuổi theo!

Trong khi từ Ngô Giới cùng đám đệ tử đang chú ý vào biển cõi, thì Thủ-Huy nói sẽ vào tai Nhất-Liễu, Long-Xưởng:

– Đại ca, Lý đô đốc! Thế bắt buộc chúng phải đuổi theo để cứu người. Chúng ta chờ dịp nhảy xuống nước, rồi bơi vào bờ thoát thân.

Hai người gật đầu, cùng chạy lại mạn thuyền bên phải, giả xem trò náo nhiệt.

Bốn con thuyền đánh cá còn lại dàn hàng dọc chạy song song bên hông thuyền đình. Cả bốn con thuyền đều vang lên tiếng âm nhạc hòa tấu rất êm tai.

Ngô Giới kinh ngạc vô cùng, khi thấy bốn cô gái, điều khiển cho thuyền chạy theo thuyền mình, mà tay vẫn đánh đàn bầu. Y hỏi Long-Xưởng:

– Vương gia! Vương gia có biết tại sao, cả bốn cô chỉ đánh có một loại đàn, mà lại có tiếng trống, tiếng phách, tiếng tiêu hòa tấu rất nhịp nhàng thế kiakhông?

Khi biển cõi mới xảy ra Long-Xưởng nghĩ thăm:

– Năm cô gái, không phải là thuyền chài bình thường, mà là người trong võ lâm dàn ra cảnh này để trêu bạn Ngô Giới, hầu cứu mình đây. Nghị đệ thông minh hơn mình nhiều, ngay từ đầu, y đã biết liền, nên dặn mình với Nhất-Liễu nhảy xuống sông tẩu thoát.

Bây giờ nghe Ngô Giới hỏi, Long-Xưởng chỉ xuống ba chiếc thuyền:

– Đạo sư ngạc nhiên ư? Kìa đạo sư thử nhìn lên chóp cột buồm xem, có phải ở đó người ta đã gắn vào bẩy ống tiêu không? Mũi ba chiếc thuyền đều hơi bằng, ở giữa khoét một lỗ, bịt da, sóng vỗ vào thành tiếng trống. Còn chân ba thiếu nữ đẹp vào cái cần. Cái cần đánh xuống cái phách thành tiếng phách. Có điều, năm cô phải điều khiển sao cho thuyền quay phải, quay trái để gió hắt vào làm cho tiêu, sóng vỗ vào đầu thuyền... thành tiếng tiêu, tiếng trống hợp với tiếng phách, tiếng đàn mới là điều đáng phục..

Trong khi hai người đối đáp nhau thì con thuyền đình vùn vụt đuổi theo con thuyền của cô gái áo trắng. Dường như cô gái cố ý trêu chọc, nên khi thuyền đình chạy nhanh, cô cũng điều khiển cho thuyền đi nhanh. Khi thuyền đình chạy chậm, cô lại ghì cánh buồm cho thuyền chạy chậm. Bên hông phải thuyền đình, bốn chiếc thuyền của bốn cô gái áo vàng, đen, xanh, hồng vẫn chạy song song. Nhưng thuyền cô gái áo vàng thì cách xa thuyền đình đến mười trượng.

Lưu Kỳ bảo ba đạo sĩ Bắc, Đông, Nam-nhạc:

– Bốn con nhỏ này với con nhỏ áo trắng chắc cùng bọn. Vậy ba sư đệ thình lình nhảy xuống bắt sống chúng. Trong khi nhảy xuống, tay rút kiếm sẵn. Hễ thấy chúng tung lưới thì dùng kiếm lia đứt lưới. Ba đạo sĩ rút kiếm, rồi tung mình nhảy xuống. Ba cô gái đang tấu nhạc, thấy ba người nhảy xuống thì co chân lại một cái. Ba con thuyền vọt ra xa, thành ra ba đạo sĩ Hoa-sơn rơi tòm xuống sông. Ba người vội dắt kiếm vào hông, bơi lóp ngóp. Nhanh như chớp, ba thiếu nữ cùng nhởm dậy, tung ba cái lưới chụp lấy ba người. Cả ba cô chỉ sẽ giật tay một cái, ba đạo sĩ Hoa-sơn lại rơi vào giữa lòng thuyền, nằm bất động.

Ba cô gái cùng hướng lên thuyền đình mà cười:

– Lại bắt được ba con cá nữa.

Ngô Giới kinh hãi quát lên:

– Trời ơi! Võ công để đâu, mà chịu cho lưới chụp lên mình như chụp con thỏ vậy? Đem cung tên ra.

Cô gái áo vàng lái thuyền lại gần thuyền đình, chỉ vào Long-Xưởng, Thủ-Huy, Nhất-Liễu:

– Ba con cá kia, có dám nhảy xuống đây không? Bản cô nương chỉ tung lưới là bắt gọn, mang về làm thịt bán.

Cô dứt lời thì Thủ-Huy ôm Long-Xưởng, cùng Nhất-Liễu tung mình nhảy xuống. Ba người đáp nhẹ nhàng vào giữa thuyền. Bốn thiếu nữ cùng reo lên. Cô áo vàng chỉ vào Long-Xưởng:

– Ôi! Có con rồng vàng nhảy vào thuyền tôi.

Cô lại tát yêu Thủ-Huy rồi cười:

– Có con chó con dễ thương đáo để... nó nhảy vào thuyền chị.

Cô chỉ vào Nhất-Liễu:

– Lại có cẩu con cá voi nhảy theo con rồng.

Bốn cô cùng giật dây buồm, bốn con thuyền vọt về trước như tên bắn. Phút chốc thuyền các cô đã đuổi kịp thuyền cô gái áo trắng, nhưng cách xa thuyền Ngô Giới ba tầm tên. Kỳ diệu là trong khi bốn cô nói, giật dây buồm, tung lưới, mà tiếng đàm, tiếng trống vẫn không bị loạn nhịp.

Thế là năm con thuyền của năm cô gái dàn hàng ngang phăng phăng vọt sóng phía trước. Phía sau, bọn Ngô-Giới hò hét thuyền phu chèo thực gấp đuổi theo. Tiếng đàm, tiếng trống, tiếng phách, tiếng tiêu vong lại điệu nhạc khoan thai như mây trời, êm đềm như tiếng suối chảy đêm khuya.

Khi đến ngã ba một nhánh sông nhỏ. Năm con thuyền con dàn hàng một quẹo vào. Lưu Kỳ ra lệnh cho tài công cứ đuổi theo. Càng vào trong, sông càng hẹp. Đuổi khoảng hơn giờ, thì con sông nhỏ vòng sang trái. Lưu Kỳ thấy thuyền mình gần bắt kịp năm con thuyền nhỏ, y càng thúc thuyền phu chèo cho mau. Thình lình con thuyền rung động mạnh, rồi mắc kẹt không nhúc nhích nữa. Trong khi đó năm thuyền nhỏ mất hút vào cuối giòng. Chỉ còn tiếng trống, tiếng đàm, tiếng tiêu dùi đặt vọng lại.

Ngô Giới kinh hoàng hỏi Lưu Kỳ:

– Sư đệ! Làm sao bây giờ? Chúng ta bị mắc mưu rồi. Bốn sư đệ của chúng ta, bản lĩnh biết là đường nào, mà bị bắt như bốn con thỏ. Thuyền bị kẹt không đi được nữa. Khổ một điệu, ta không biết đối thủ là ai? Chúng đưa ta vào đây làm gì?

Lưu Kỳ cũng luống cuống ra mặt:

– Ví dù thuyền ta không mắc cạn, thì cũng không quay mũi trở lại được, con lạch này hẹp quá, mà thuyền ta thì lại dài.

– Nhất định bọn này có liên quan tới thằng bé Thủ-Huy.

Ngô Giới thêm: Nếu chúng là người của lão Nhất-Liễu, hay gã Long-Xưởng, thì chúng đã dàn cả hạm đội bao vây ta. Chỉ còn thằng bé Thủ-Huy là đáng nghi mà thôi.

Một đệ tử nói:

– Sư phụ! Đệ tử thấy cô gái áo vàng tát yêu Thủ-Huy, rồi gọi nó là con chó dễ thương, và xưng chị. Như vậy có thể thị là sư tỷ, chị gái, của nó.

Lưu Kỳ cau mày:

– Chúng ta đón đường bắt Long-Xưởng, trời không biết, đất không hay, làm sao nó có thể thông báo cho người thân, để dàn bốn cô gái, rồi đưa chúng ta tới hoàn cảnh này?

Võn thông minh tuyệt đỉnh, lại kinh lịch giang hồ, Ngô Giới an ủi mọi người:

– Khi chúng bầy mưu đưa chúng ta vào đây, ăn chúng có chủ trương. Khi có chủ trương, thì trước sau gì chúng cũng trở lại. Ta phải chuẩn bị đối phó với chúng.

Ngô Giới phóng mắt nhìn lên hai bên bờ, đây là khu rừng hoang, cây mọc chằng chịt, xanh rì. Đâu đó vang lên tiếng ve não nuột. Thấp thoáng phía bờ Nam, có một ngôi miếu, hay đèn gì đó ẩn hiện trong rừng cây.

Nhưng, chờ hơn giờ cũng không thấy biển cõi gì lạ, trong khi giòng sông mỗi lúc một cạn, lòng chỉ còn chút ít nước chảy mà thôi. Chiếc thuyền nằm giữa lòng con sông, mà như nằm trên bãi đất vậy. Đâu đó có tiếng tiêu réo rắt vọng lại, rồi hai đứa mục đồng cõi trâu lững thững tiến tới bờ sông. Đó là một đứa con trai, một đứa con gái, tuổi khoảng mười ba, mười bốn. Đứa con trai, mặt mũi coi rất khôi ngô; đứa con gái, rất xinh đẹp.

Hai trẻ mục đồng đã trông thấy con thuyền. Chúng ngừng thổi tiêu, ra roi cho trâu chạy lại bờ sông. Đứa con gái tỏ ra kinh ngạc:

– Chà sao lại có chiếc thuyền lớn đến thế kia?

– Chắc là thuyền buôn. Tại sao thuyền buôn lại vào con sông nhỏ này nhỉ?

Lưu Kỳ hỏi hai trẻ chăn trâu:

– Các cháu có biết khi nào nước lại lên không?

Đứa con trai lắc đầu:

– Các ông là ai? Các ông nói tiếng Việt lơ lớ thì các ông là thuyền của bọn cướp Tầu-phù Xạ-phang, hay thuyền buôn Tầu-ô?

– Không, chúng ta không phải cướp đâu. Chúng ta là thuyền buôn, bị lạc vào đây.

Đứa con gái chỉ vào cái miếu thờ gần đó:

– Ông nói điêu rồi. Tôi thấy ông mặc quần áo giống hình bốn ông tướng cướp phù thủy thờ trong miếu kia, thì chắc ông cũng là phù thủy ăn cướp.

Nghe đứa con gái nói, Ngô Giới trấn động toàn thân:

– Sư đệ, chúng ta mất biết bao công lao để dò la tung tích miếu thờ bốn vị tổ sư, mà không thấy.

Biết đâu cái miếu kia chẳng là chỗ đó?

Lưu Kỳ không trả lời sư huynh. Y làm bộ kinh ngạc hỏi hai trẻ:

– Trong miếu kia thờ bốn người nào? Tên họ là gì?

Đứa con gái lắc đầu:

– Tôi không biết. Bà nội tôi kể rằng: Tám mươi năm trước, bọn Tầu sang cướp nước tôi, chúng bị giết đến mấy chục vạn. Vua nước tôi sai tướng đi đánh, bắt sống nhiều lắm. Về sau, họ được thả về nước. Duy có sáu người bị giữ lại ở làng này. Hai người làm thầy lang, chuyên trị độc như rắn cắn, ong đốt, bong gân, gãy xương.

Nghe đứa trẻ nói, Ngô Giới run lên:

– Đúng rồi! Hai người làm thầy lang chữa độc chắc là Trường-bạch song hùng rồi. Vì phái Trường-bạch chuyên về độc công, thì họ chữa độc rất giỏi là lẽ thường.

– Thế còn bốn người nữa. Họ làm nghề gì?

Ngô Giới hỏi: Họ có lấy vợ không?

– Bốn người làm thầy phù thủy, bắt ma, trừ tà hay lăm. Họ không lấy vợ. Về già họ chết, dân làng nhớ ơn, chôn họ, lại làm miếu thờ nữa. Trước kia có hai miếu. Một miếu ở bên này sông, một miếu ở bên kia sông. Nay chỉ còn miếu bên này thôi. Miếu bên kia phá đi rồi.

– Tại sao miếu lại bị phá?

Đứa con trai kể:

– Trong hai ông lang, thì một ông lấy vợ làng tôi, có con. Hồi hơn hai chục năm trước, vợ với con ông í cải mả, đem xương hai ông í về Tàu. Nên miếu bị phá đi. Böyle giờ chỉ còn cái miếu thờ bốn ông phù thủy thôi.

Nghe đứa con gái kể, Ngô Giới muốn đứng tim. Y thở hổn hển, nói nhỏ với Lưu Kỳ:

– Đúng rồi, miếu này là nơi thờ bốn vị tổ sư đấy. Còn miếu bị phá là nơi thờ Trường-bạch song hùng. Không sai đâu! Chúng ta có nên lội bùn xuống quan sát chăng?

– Sư huynh! Không vội. Mục đích của chúng ta là đi tìm lại di hài bốn tổ thì ít, mà tìm Vô-Trung võ kinh thì nhiều. Hãy đợi thoát khỏi kẹt thuyền đã, rồi chúng ta âm thầm trở lại sau. Nếu như nay ta xuống, lỡ ra bị lộ tông tích, thì nguy lắm, vì tổng đàn phái Đông-A không xa chỗ này làm bao.

Ngô Giới công nhận lý luận của Lưu Kỳ:

– Sư đệ minh mẫn hơn ta nhiều.

Y hỏi hai trẻ mục đồng:

– Này các cháu, bao giờ thì nước lên? Trước nay, đã có thuyền nào bị mắc kẹt như thế này chưa?

Đứa con trai trả lời:

– Trước các ông đã có nhiều thuyền buôn mắc cạn rồi. Cháu biết rõ khi nào nước lên, cháu mách cho họ. Lại giúp họ đem thuyền ra khỏi con sông nhỏ này nữa.

Thấy nó đổi cách xưng hô, trước xưng là tôi, bây giờ lại xưng là cháu. Ngô Giới cũng ngọt ngào:

– Cháu nói lạ, khi nước lên, thì thuyền hết mắc cạn, tự nhiên họ rời đây dễ dàng, chứ việc gì phải nhờ các cháu giúp?

Đứa con gái cười rất tươi:

– Ông nói! Khi nước lên, thuyền hết mắc cạn, nhưng làm sao cho thuyền lùi ra sông cái? Khúc sông này hẹp quá làm sao ông chèo được? Chèo vướng vào những cụm đài bi lớn thế kia, thì sao thuyền nhúc nhích? Vả ông chèo ngược thì thuyền lùi, nhưng bánh lái ở trước thì làm sao mà lái? Vì vậy phải nhờ chúng cháu giúp.

– Ừ nhỉ!

Ngô Giới tiếp: Ta thua các cháu. Này, các cháu. Các cháu giúp chúng ta lui ra khỏi đây bằng cách nào?

– Dùng trâu kéo.

Đứa con trai giảng: Như thuyền của ông phải dùng tới tám con trâu, mỗi bờ bốn con mới kéo nổi.

Lưu Kỳ nóng nảy:

– Cháu nói cho chúng ta biết khi nào nước lên đi! Cháu có thể cho ta mượn trâu không?

– Ông nói dễ nghe nhỉ? Ông muốn cháu chỉ dẫn, rồi cho mượn trâu, ông phải trả tiền. Không thì thôi.

Nói dứt, nó cùng đứa con gái đưa tiễn lên miệng thổi, rồi thúc chân vào bụng trâu rời bờ sông.

Ngô Giới vội gọi:

– Này cháu ơi. Cháu giúp bắn đao, bắn đao tặng bạc cho cháu này.

Nói rồi, y móc túi lấy ra một nén bạc tung lên. Nén bạc chui tột vào túi áo đứa con trai kinh ngạc, cầm nén bạc ra nhìn, rồi cười:

– Ừ, ông là Tâu buôn thực. Ông giàu có, nên mới cho cháu nhiều thế này.

Nó nói lớn:

– Hôm nay là ngày có bẩy con nước, nên buổi sáng nước tuy rút đi, mà chiều thì lại lên cao lắm, có khi ngập tới bờ đê lận. Các ông chịu khó chờ. Từ sau Ngọ, nước bắt đầu lên.(1)

Ngô Giới hỏi:

– Hai cháu! Hai cháu có thể cho bắn đao biết tên không?

Đứa con trai chỉ vào đứa con gái:

– Nó là con Hĩm. Còn cháu là thằng Cu.

Con Hĩm hỏi:

– Này ông, ông có phải là thầy phù thủy không? Ông có biết bắt ma không?

– Bắn đao là đạo sư thì việc bắt tà, bắt ma, bắn đao phải biết chứ. Cháu cần gì nào?

– Trong miếu kia có bốn con ma. Thỉnh thoảng nó hiện lên trong đêm. Không may cho ai, gặp nó là nó làm cho mê man đến sáng mới tỉnh dậy.

Ngô Giới nghĩ thầm:

– Chắc là bọn võ lâm qua lại miếu này. Khi gặp dân chúng, họ điểm huyệt đấy thôi.

Nghĩ vậy y hứa:

– Bắn đao sẽ bắt hết tà cho các cháu xem.

Thằng Cu chỉ về phía trước:

– Bây giờ các ông chờ ở đây, chúng cháu về làng gọi thêm sáu đứa mang trâu ra, đợi nước lên sẽ kéo thuyền cho ông.

Hai đứa đưa ống sáo lên miệng tấu một bản nhạc, âm thanh dịu dặt, nhẹ như mây trời trong khi hai con trâu đủng đỉnh tiến vào lùm cây xanh ngắt.

Ngô Giới than:

– Cái bọn đứng sau năm đứa con gái bầy kẽ bắt bốn người của mình, chắc chúng không dừng lại ở đây đâu. Trước sau gì chúng sẽ trở lại. Ta phải chuẩn bị đối phó ngay thì vừa.

Lưu Kỳ nghiến hai hàm răng vào nhau:

– Không biết bọn chúng là ai? Nếu chúng là quan quân, thì chỉ cần đưa thẻ bài ra, là giải quyết xong. Nhược bằng chúng thuộc võ lâm Đại-Việt thì khó đối phó đấy.

Có tiếng ồn ào, tiếng chân đi, tiếng trâu rống ở đầu giòng sông. Ngô Giới phóng mắt nhìn: Đó là một đoàn người vừa đi vừa nói chuyện rì rầm. Cạnh họ, hơn chục chiếc xe do trâu kéo. Trên xe chở đầy những khúc gỗ, tre. Người nào cũng đeo dao dài, võ, dây. Dường như họ không nhìn thấy thuyền của bọn Ngô Giới, thản nhiên cười nói. Lát sau họ khuất vào các bụi cây, rồi có tiếng chặt gỗ, chặt tre, tiếng chầy đóng chan chát. Khoảng hơn giờ sau tiếng động không còn nữa.

– Sư huynh!

Lưu Kỳ tỏ vẻ lo lắng: Đệ thấy cái đám người, dắt trâu, đẩy xe vừa đi qua, ẩn tàng một điều gì kỳ bí quá. Bởi con thuyền của chúng mình lớn thế này, mà sao chúng lờ đi như không biết, thì hẳn chúng cố tâm. Cố tâm thì có thể chúng mưu đồ gì chăng?

– Ta cũng nghĩ như sư đệ. Tạm thời ta hãy cho mọi người ăn cơm, rồi chờ nước lên đã. Ngô Giới ra lệnh cho tùy tùng cứ thản nhiên nấu ăn, chờ nước lên. Nhưng, sang giờ Mùi (13-15 giờ), mà lòng sông vẫn cạn.

Lưu Kỳ than:

– Sư huynh, đệ sợ hai đứa con nít này lấy bạc, rồi bỏ đi mất. Mình chờ ở đây mất côngtoi. Chi bằng mình lên bờ thám thính xem sao?

Lòng Ngô Giới rối như tơ vò. Y gọi Hoa-nhạc tam phong là Liên-Hoa, Tiên-Nhân, Lạc-Nhận:

– Ba sư đệ hãy lên bờ xem đám người ban nãy đang làm gì ồn ào ở đầu sông. Nhớ không nên sử dụng võ công.

Hoa-nhạc tam-phong đeo kiếm vào lưng, tung mình lên cao, rồi đáp xuống bờ sông, tiến về đầu giòng.

Ngô Giới cùng Lưu Kỳ ngồi ăn cơm mà trong dạ bồn chồn không ít. Mặt trời bắt đầu nghiêng bóng về Tây, nhưng thủy chung mực nước sông vẫn không lên cao tí nào cả, mà Hoa-nhạc tam-phong vẫn chưa trở về.

– Chúng ta thử lên đầu giòng sông xem sao?

Ngô Giới cũng cảm thấy dường như có biến cố gì qua cái vụ đám người dẫn trâu, kéo xe, Hoa-nhạc tam-phong đi mãi chưa về. Y nói với Lưu Kỳ:

– Quả thực là kỳ bí! Ta đồ chừng kẻ dàn năm cô gái bắt Tứ-nhạc, với hai đứa trẻ chăn trâu, bọn nhà quê đánh xe ban nãy đều là một. Chúng chơi cái trò ú tim này với mục đích khủng hoảng tinh thần chúng ta đây. Ta quyết định: Tất cả đổ bộ lên xem sự thể Hoa-nhạc tam-phong ra sao.

Tấm ván bắc cầu được đẩy lên bờ, Lưu Kỳ ra lệnh cho Hoa-nhạc tam-nương:

– Ta để đám thuyền phu đầu bếp, tài công lại cho ba sư muội giữ thuyền. Bất cứ biến cố gì xảy ra, các sư muội cũng không được lên bờ. Nếu có gì nguy hiểm thì các sư muội đốt pháo thăng thiên lên báo hiệu cho ta.

Ngô Giới, Lưu Kỳ dẫn đầu đoàn đệ tử đổ bộ. Đoàn người đi khoảng hơn dặm thì tới chỗ con sông uốn khúc. Ngôi miếu mà thằng Cu bảo trong đó thờ bốn con ma, lộ ra trọn vẹn. Một đệ tử kêu lên tiếng ái chà rồi chỉ vào khu vườn quanh miếu thờ:

– Sư phụ. Sao...Sao giống tổ đường của bản phái quá.

Ngô Giới, Lưu Kỳ cùng bật lên tiếng kinh ngạc. Thế là cả đoàn người cùng bỏ không tìm bọn Hoa-nhạc tam-phong nữa, mà cùng tung mình chạy lại phía miếu.

Miếu không lớn lắm, dài, rộng vuông vức khoảng ba trượng, cửa hướng về Bắc. Hai bên phải, trái sân miếu, đều có chiếc đài xây bằng gạch cao hơn trượng (2 mét ngày nay). Đài có tám bậc lên. Trên mỗi đài có bốn cái ghế đá. Đài bên phải có chữ Thế lệ đoạn trường. Đài bên trái có chữ Tiêu hồn lạc phách. Sân miếu miếu tròn, tạo thành hình Thái-cực. Trong sân lát hai thứ gạch. Một thứ màu đỏ, một thứ màu đen. Hai thứ gạch tạo thành hình Âm, Dương Lưỡng-nghi. Xung quanh sân miếu có tám bụi trúc. Mỗi bụi đều trồng hai thứ trúc vàng, xanh lẩn lộn. Thứ xanh xen lẩn thứ vàng, khiến tám bụi trúc hiện hình tám quẻ Càn, Khảm, Cấn, Trấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Phía sau miếu là bốn ngôi mộ, xây bằng gạch màu đỏ, theo bốn hình uốn như tổ tò vò, nằm song song nhau.

Nhin kiến trúc ngôi miếu, cùng tám bụi trúc, giống hệt ngôi tổ đường trên núi Hoa-sơn; Ngô Giới, Lưu Kỳ muốn ngộp thở. Đám đệ tử cũng ngây người ra mà nhìn. Lưu Kỳ run run nói:

– Nhất định ngôi miếu này là nơi thờ bốn vị tổ sư Hoa-sơn thần kiêm thời xưa rồi. Phía sau là mộ các người. Ta quyết phải vào trong xem sự thực ra sao.

Y rảo bước tới sân, nhìn lên bức đại tự trước miếu, bằng đồng, khắc chữ rất sắc sảo:

*Vô Trung, thanh hư miếu*

*Hai bên có đối câu đối:*

*Hoa-sơn, Bắc-vọng tâm vô huyết,*

*Tần-lĩnh, Nam-cư phúc đoạn trường.*

(Tưởng núi Hoa-sơn, nhìn về phương Bắc, huyết trong tim đã khô kiệt.

Sống ở phương Nam, nhớ cõi hương, ruột trong bụng đút ra).(2)

Lưu Kỳ tiến tới cửa miếu. Cửa không khoá. Y sẽ đẩy cửa, hai cánh cửa kêu đến kẹt một tiếng, rồi mở tung ra. Ngay cửa miếu là cái bàn thờ, dài, rộng khoảng gần trượng. Trên bàn thờ có cái đỉnh hương bằng đồng, hai bên là hai cái chân nến cũng bằng đồng, tạc giống hình con hạc, ngừa cổ lên. Kế tiếp là giá bằng gỗ sơn son thiếp vàng, trên gác bốn thanh kiếm. Sau giá kiếm là tượng bốn đạo sĩ, y phục bốn màu trắng, đen, xanh, hồng trong tư thế ngồi luyện công.

Từ Ngô Giới cho tới những đệ tử thấp nhất đều cảm động đến nỗi chân tay run lèn bần bật; Giới nói với Lưu Kỳ:

– Chuyến đi của chúng ta chỉ với mục đích tìm bộ Vô-Trung kinh. Muốn tìm Vô-Trung kinh, thì phải tìm ra di tích bốn vị tổ sư. Trong mật thư các tổ gửi về nói rõ: Nếu sau này các tổ qua đời rồi, Vô-Trung kinh sẽ cất ở trong miếu thờ. Böyle giờ ta phải tìm cho ra.

Lưu Kỳ cầm một thanh kiếm trên giá thờ lên xem, thuận tay y rút ra khỏi vỏ. Aùnh thép tỏa ra lạnh toát, y nhìn chuôi kiếm có khắc chữ Đông-nhạc Hoa-sơn. Y bật thành tiếng kêu:

– Không phải kiếm thờ bình thường, mà là di kiếm của tổ để lại.

Y cầm ba thanh kiếm còn lại, rút ra khỏi vỏ, thì quả nhiên ba thanh còn lại là Bắc-nhạc Hành-sơn, Đông-nhạc Thái-sơn và Nam-nhạc Hằng-sơn.

Ngay trước tượng Tứ đại thần kiêm có chiếc tráp. Ngô Giới chỉ tráp:

– Trong tất cả đền, miếu của Đại-Việt, đều có một cuốn phẩy chép hành trạng của vị thần được thờ. Cuốn phẩy chép thần tích của tứ tổ chắc đựng trong cái tráp kia.

Lưu Kỳ mở tráp ra, quả trong có một tập sách mỏng, ngoài bìa viết chữ triện: **Tống-triều, Hoa-sơn tứ linh thần phẩy**

Y đọc qua, thì thấy nội dung thuật tiểu sử bốn vị tổ không sai với sự thực làm bao. Duy một điều y chú ý là bốn tổ sư quá thọ. Cả bốn người đều tiêu dao vào tuổi trên chín mươi.

Y vừa bỏ cuốn phẩy vào tráp, rồi bàn với Ngô Giới:

– Sư huynh. Trong mật thư gửi về, tổ dặn võ kinh dấu ở đâu?

– Khi tổ viết thư thì các ngài mới có bẩy chục tuổi. Cứ như cuốn phẩy này thì hai mươi năm sau các tổ mới du tiên cảnh. Trong thư chỉ thuật việc các ngài soạn võ kinh, và dặn sau khi các ngài tiêu dao tiên cảnh hãy sai người sang tìm ở miếu thờ. Ta có ba thắc mắc. Một là, với bản lĩnh nghiêng trời lệch đất của Tứ-tổ, các ngài không bị giam trong tù, mà tại sao lại không trốn đi? Hai là, trong khi còn tại thế, các tổ biết mình sắp ra đi, hẳn sẽ đem võ kinh dấu tại nơi nào đó, chứ có đâu giữ bên mình cho đến chết? Ví dù các ngài giữ bên mình, thì khi qua đời võ kinh sẽ về tay dân chúng quanh vùng. Vậy thì võ kinh không có ở trong miếu này. Ba là, miếu, với mộ của Tứ-tổ hẳn lập sau khi Tứ-

tổ quy tiên, thì người lập sẽ là dân xung quanh đây. Vậy ta phải khéo léo hỏi dân làng này, may tìm ra manh mối.

Ngô Giới trầm tư, chưa có ý kiến gì, thì một đệ tử vào cung tay:

– Thưa sư phụ, thằng Cu, con Hĩm cùng sáu đứa trẻ nữa dẫn trâu tới tìm ta.

Ngô Giới Lưu Kỳ chạy ra sân. Thằng Cu lớn tiếng:

– Này ông đạo, chúng cháu trả lại bạc cho ông đây.

Ngô Giới kinh ngạc:

– Sao, cháu chê ít à?

– Bố mẹ cháu dạy rằng, phàm người ta nhờ mình việc gì mà mình nhận tiền, thì có làm mới được lấy công. Còn như mình không làm được, thì phải trả người ta.

– Thì cháu chưa làm mà!

– Đúng thế! Cháu đi tìm thêm sáu đứa nữa, đem trâu kéo thuyền cho ông. Nhưng khi chúng cháu tới, thì các ông đã đem thuyền đi mất rồi.

– Sao?

Ngô Giới hoảng hốt: Thuyền của chúng ta vẫn còn đậu ở ấy mà.

Con Hĩm lắc đầu:

– Đâu có. Chúng cháu trở lại, thì không thấy thuyền của các ông đâu cả.

Kinh hoảng, Ngô Giới, Lưu Kỳ tung mình, dùng khinh công chạy trở lại chỗ con thuyền mắc cạn, thì chỉ thấy con sông uốn khúc, nước ngập tới bờ đê, chảy cuồn cuộn, đục ngầu như mầu máu. Còn con thuyền thì biến mất.

Lưu Kỳ ngẩn người ra suy nghĩ. Y hỏi Ngô Giới:

– Sư huynh? Cái gì đã xảy ra? Chúng ta rời thuyền mới hơn giờ, mà đã có biến cố gì xảy ra? Trên thuyền ngoài Hoa-nhạc tam nương võ công cao cường, còn tới hơn mươi người nữa. Ai mà có bản lĩnh khống chế bằng ấy người một lúc, rồi cướp thuyền đem đi?

Ngô Giới cũng nghĩ không ra. Y chỉ dòng sông:

– Nếu thuyền bị cướp, thì ăn kẻ cướp mang thuyền ra sông cái. Vậy chúng ta, cứ theo bờ sông con đi ngược trở ra, may có thể tìm được vết tích gì chăng?

Thế là Ngô Giới, Lưu Kỳ đi trước, một đoàn đệ tử lách thêch theo sau. Vượt qua chỗ con sông uốn khúc, thì thấy phía trước, đầy những gỗ, tre, đất gạch để ngăn ngang.

Cả đoàn lội bộ, gần nửa giờ thì tới bờ sông Hồng. Vừa nhìn ra sông, bất giác cả bọn cùng reo lên: Con thuyền của họ đang xuôi dòng trôi về hướng Đông. Trên mui không một bóng người, chỉ thấy thấp thoáng có người ngồi ở vị trí lái thuyền.

Lưu Kỳ kinh hãi:

– Như vậy là chúng ta bị cướp mất thuyền rồi.

Ngô Giới giải thích cho Lưu Kỳ:

– Có thể như thế này. Bọn người đánh xe, dắt trâu ban nãy, đã đóng cọc, đắp đất ngăn không cho nước dâng vào chỗ thuyền mắc cạn. Vì vậy qua giờ Mùi, mà ta vẫn không thấy nước lên. Khi chúng ta rời thuyền ra đi, thì chúng tôi phá đập cho nước vào, rồi đánh úp, kiềm chế người của chúng ta. Sau đó, chúng tôi đẩy thuyền ngược chiều nước, đem thuyền ra đi.

Ngô Giới dậm chân than:

– Ta hiểu rồi! Chúng ta bị lọt vào tay một thế lực nào đó, người nhiều, võ công cao siêu, trí tuệ vô biên. Bởi vậy họ biết việc ta bắt Long-Xưởng. Họ nhanh chóng dàn năm cô gái cứu bọn chúng, bắt Tứ-nhạc của ta trên sông, rồi đưa chúng ta vào nhánh sông nhỏ, làm kẹt thuyền. Sau đó họ cho người đắp đập ngăn nước, bắt Hoa-nhạc tam phong. Cũng người của họ thình lình bắt Hoa-nhạc tam nương, phá đập đem thuyền ra đây.

Lưu Kỳ bút rút, y vãng tục:

– Con bà nó! Nghĩ lại vừa ức, vừa đau. Úc vì không biết đối thủ là ai? Ý đồ ra sao? Đau vì không được đánh một chiêu võ, mà trước sau mười đại cao thủ bị bắt như bắt ba ba trong rọ vây!

Trời đã nhá nhem tối, muỗi rừng từng đàn bay lại, bu xung quanh đám người lạ mà đốt. Đám đệ tử cứ phải rung động chân tay để muỗi không bám vào người. Một đệ tử than:

– Sư phụ. Chúng ta phải trở lại miếu tú tổ hay vào làng kiếm nhà dân mua gạo nấu cơm, rồi qua đêm. Chứ ở đây vừa đói, vừa muỗi, thì không ai chịu nổi.

Một con đò mũi sơn trắng, trên cánh buồm có vẽ hình con cá chép, cạnh chữ Hồng-hà cực lớn. Thuyền từ hướng Đông chạy ngược chiều với con thuyền của Ngô Giới. Trên mũi thuyền có hai chữ Thiên-an. Một đệ tử nói:

– Sư phụ, thuyền kia là thuyền chở thuê của bang Hồng-hà. Ta gọi chúng lại, mướn chúng chở ta về bến Vy-hoàng. Ở đó là huyện lỵ Thiên-trường, có khách điếm. Chứ ở đây giữa rừng này, không tìm đâu ra chỗ trú ngụ.

Ngô Giới gật đầu ưng thuận. Tên đệ tử đó chạy ra mé sông vẫy tay gọi:

– Thuyền kia! Mau ngừng lại. Chúng tôi cần chở một số người về huyện lỵ Thiên-trường.

Cánh buồm bị kéo ngang, lập tức con thuyền Thiên-an từ từ ngừng lại. Tài công cho thuyền áp sát gần bờ. Một thiếu nữ, hai thiếu niên xuất hiện trên sàn. Thiếu nữ hỏi:

– Tiểu nữ là Ninh-Quy, phụ trách tiếp tân trên con thuyền Thiên-an này. Quý khách có bao nhiêu người? Hành lý bao nhiêu cân? Có thú vật không?

– Chúng tôi chỉ có hai mươi hai người, không hành lý, không thú vật.

– Thuyền của thiểm bang có đầu bếp nấu ăn cho quý khách. Quý khách có cần xơi cơm, uống rượu không?

– Nếu vậy thì tốt quá.

– Tiền chở mỗi người là mươi đồng. Mỗi bữa ăn hạng nhất là năm mươi đồng. Còn rượu thì mỗi cân là hai đồng.

– Chúng tôi đồng ý.

Hai thiếu niên cầm sào chõng xuống lòng sông. Con đò ghé mũi vào bờ. Cái cầu gỗ được bắc lên bờ. Ngô Giới dặn mọi người bằng tiếng Hàng-châu:

– Tuy là thuyền chở thuê, nhưng tất cả phải cẩn thận. Từ thức ăn, thức uống, cho đến chỗ ngủi.

Lưu Kỳ vốn nóng tính. Y xuống thuyền đầu tiên. Tiếp theo là các đệ tử. Ngô Giới xuống cuối cùng. Cô gái mở cửa khoang thuyền rồi đi trước dẫn đường. Trong khoang thuyền đã có bẩy người khách ngồi đó từ bao giờ. Họ lãnh đậm, ngồi dựa lưng vào vách thuyền ngủ gà, ngủ gật.

Cô gái liếc nhìn qua, đã biết Ngô Giới là người thủ lĩnh. Cô cung tay:

– Thưa đạo sư, trên thiểm thuyền có gà, tôm, cá; mực. Xin đạo sư cùng các vị chờ vài khắc, sẽ có cơm dâng các vị.

Thuyền bắt đầu quay mũi, buồm kéo lên.

Cả bọn Ngô Giới trải qua một ngày mệt mỏi, cho nên vừa xuống thuyền, là nhắm mắt dưỡng thần. Phải hơn khắc sau cô gái, trở lại với hai cô nữa. Ba cô bụng ba mâm, trên mỗi mâm có hai đĩa thịt gà luộc, với một cái bát con đựng muối tiêu, lá chanh thái nhỏ như sợi tóc, hai đĩa cá kho, hai đĩa chả mực, hai đĩa tôm càng bóc vỏ rim thịt ba rọi, một liễn cơm lớn, một bát canh rau ngót nấu với cá rô. Một thanh niên bưng ra hũ rượu lớn.

Bốn người đem bát đũa bầy thành năm mâm. Ninh-Quy chắp tay:

– Xin mời đạo sư cùng các vị xơi cơm.

Bọn Ngô Giới cùng nhau ăn uống, cười nói để cố quên đi những nguy hiểm, những lo âu đang chờ đón.

Cơm vừa xong, thì có tiếng tù và thổi tu tu vọng lại. Ninh-Quy nói với khách:

– Xin quý khách đâu ngồi yên đó. Vì thuyền sắp đến huyện lỵ Thiên-trường, nên quan quân kiểm soát trước khi cho thuyền cập bến.

Bọn Ngô Giới cùng nhìn ra ngoài cửa sổ, trời đã tối hẳn. Một con thuyền nhỏ, trên chở năm người lính thủy binh, với một viên quan võ. Thuyền áp sát vào con thuyền Thiên-an.

Viên quan còn trẻ. Y hỏi Ninh-Quy:

– Thế nào, người đẹp. Hôm nay thuyền có đông khách không?

– Cũng khá. Xin anh vào xét qua, rồi em sẽ cho cập bến.

Viên quan với năm người lính vào trong khoang thuyền. Vừa thấy bọn Ngô Giới y đã kêu lên:

– Các người là ai, mà lại đeo kiếm thế này? Các người có biết rằng phép nước rất nghiêm, cấm không ai được mang vũ khí. Ngay Phụng-quốc vệ, Thiên-tử binh muốn lấy vũ khí trong kho ra, cũng phải có chiếu chỉ của đức vua.

Ngô Giới xuất thẻ bài, trao cho viên quan:

– Chúng ta là Thiên-sứ không phải tuân theo luật lệ của vua Giao-chỉ.

Viên quan đem thẻ bài lại sát ngọn đuốc, đọc qua rồi cau mặt:

– Các người phải theo ta về huyện lỵ, để Tuyên-vũ sứ định liệu.

Lưu Kỳ quát:

– Người không được vô phép. Lấy lý do gì, người bắt chúng ta nào?

– Thứ nhất, xưa nay sứ thần dù Tống, dù Chiêm, dù Chân, dù Xiêm, tới biên giới, sẽ có quan tiếp dẫn sứ dẫn quân hộ tống về Thăng-long. Đây các người đi dân thuyền, thì tin sao được? Thứ nhì, nếu sứ thần muốn đi đâu, sẽ có quan quân hộ vệ, đây các người quần áo lôi thôi lêch thêch hành lý không có. Ba là, chỉ khâm sai của triều đình, khi ra ngoài mới mang lệnh bài của Đông-cung, của Khu-mật viện, chứ có đâu thẻ bài của thái-hậu? Thái-hậu không thể ban phát lệnh bài. Đây là lệnh bài giả.

Ngô Giới nói với các đệ tử:

– thôi được. Chúng ta hãy theo họ tới huyện lỵ. Chứ lý luận với mấy người này cũng vô ích.

Viên quan ra lệnh:

– Các người phải để chúng ta thu vũ khí, trước khi cho thuyền cập bến.

Luật lệ phái Hoa-sơn từ khi mới lập ra đến giờ là: Bất cứ trường hợp nào, đâu có thể chặt, chứ không để mất kiểm. Vì vậy nghe viên quan đòi thu vũ khí, cả bọn cùng rút kiếm ra khỏi vỏ, tỏ ý muốn ăn tươi nuốt sống viên quan. Viên quan vẫn bình tĩnh:

– Các người định dùng vũ ư? Như vậy là các người làm loạn rồi. Các người nhớ rằng, đây là trấn Thiên-trường, chưa từng có giặc cướp nào nỗi lên mà sống được.

Lưu Kỳ biết rằng tình thế hôm nay phải dùng vũ công, bằng không sẽ bị làm nhục. Y đưa mắt cho một đệ tử. Tên đệ tử này lặng người tối. Thấp thoáng một cái y đã điểm huyệt viên quan với năm người lính. Tuy bị điểm huyệt, mà sáu người vẫn bình tĩnh như thường. Viên quan hỏi Ninh-Quy:

– Ninh-Quy, em cứ đưa bọn cướp này vào bờ, xem chúng có chạy thoát không?

Ninh-Quy nói với Ngô giới:

– Trời ơi! Quý khách dám đụng đến quan quân ư? Tôi không dám đưa quý khách vào bờ đâu. Vì tôi đưa quý khách vào, thì e bị chặt đầu.

Lưu Kỳ ý mình là tình nhân của thái-hậu. Y bàn:

– Sự đã ra thế này, chúng ta hãy dùng thuyền này về Thăng-long, rồi ta xin chỉ dụ của thái-hậu, đem đại binh xuống đây, tìm vũ kinh, cũng như cứu Tứ-nhạc, Tam-phong Tam-nương. Chứ đổ bộ bây giờ thì ta không địch nổi hiệu binh Thiên-trường.

Ngô Giới ra lệnh cho Ninh-Quy:

– Tiểu cô nương. Phiền tiểu cô nương cho chúng tôi về Thăng-long, bao nhiêu tiền tôi cũng xin trả.

Ninh-Quy lắc đầu liên tiếp:

– Thưa đạo trưởng, cháu cũng muốn đưa đạo trưởng cùng quý cao đồ đi để có nhiều tiền. Nhưng, đêm tối thế này làm sao nhìn thấy sông, nước mà đi? Nếu đạo trưởng muốn thì sáng mai, cháu xin đưa đạo trưởng đi thực sớm.

Thình lình có tiếng quát:

– Con thuyền Thiên-an sao không áp vào bến, mà lại đậu giữa lối ra vào thế kia?

Ninh-Quy nói với Ngô Giới:

– Thuyền quan quân đi tuần sông. Xin đạo sư lên lý luận với họ.

Ngô Giới, Lưu Kỳ, cùng lên trên mui thuyền quan sát, không thấy có gì khác lạ cả. Hai người còn đang ngơ ngác tìm xem người hạch sách là ai. Khi quay lại, thì chỉ còn kịp thấy bầy người khách, viên quan, năm người lính, Ninh Quy, với sáu người nhà đò, mỗi người xót một đệ tử rồi nhảy úm xuống sông lặn mất tích. Trong khi đó, con thuyền không người điều khiển trôi lênh láng trên sông.

Lưu Kỳ vội lại cầm lái, thì bánh lái đã bị đánh gãy từ bao giờ. Y gầm lên:

– Tổ bà nó! Không biết bọn khốn nạn nào bầy ra vụ này. Đồ hèn hạ.

Ngô Giới than:

– Cái bọn bầy mưu này, thực không tầm thường. Nó đã tính trước, chúng ta có hai chục đệ tử, thì chúng cho đúng hai chục người hành sự. Này nhé, bầy người khách, bầy người nhà đò, năm người lính một viên quan...Bây giờ một liều ba bầy cũng liều. Chúng ta cùng xuống con thuyền nhỏ của bọn quan binh, chèo vào bờ rồi sẽ liệu.

Hai người xuống con đò nhỏ, con đò chòng chành muôn lật. Dù sao hai người cũng là đại tôn sư võ học, biết khinh thân giữ thăng bằng, nên con thuyền cũng không đến nỗi bị lật. Con đò nhỏ rời mạn con thuyền lớn, từ từ hướng vào bờ.

Thình lình, cách, cách, cách ba tiếng, đáy con đò thủng một lỗ bằng miệng cái đĩa lớn, nước ào ào vọt lên. Rồi cách, cách hai tiếng nữa, con đò bị vỡ làm bốn mảnh. Hai người vốn là dân miền Bắc Trung-nghuyên, chưa từng tập bơi lội. Bây giờ con đò chìm, thì chỉ còn biết bám vào tấm ván. Nhưng người thì nặng, mà ván thì nhỏ, nên cả hai bị chìm nghỉm. Cả hai cùng dẫy dựa, người vừa nổi lên, thì bị một cái lưới chụp xuống đầu. Rồi hai cái, ba cái. Thế là cả hai bị nǎm thẳng căng trong mấy cái lưới, dù võ công cao đến đâu cũng không thoát ra được. Trong khi hơi thở đã tận. Cả hai uống đầy một bụng nước, rồi ngất đi không biết gì nữa.

### **Ghi chú của thuật giả:**

(1) Miền đồng bằng sông Hồng, nước lên xuống mỗi ngày một lần. Ngày nào nước lên cao, ngày nào nước lên thấp, lên đến độ nào rồi xuống (ròng); lúc nào lên, lúc nào đứng, lúc nào xuống... trẻ con vào tuổi lên bẩy, lên tám đã biết. Đó là cách chiêm nghiệm rất thực tế. Ngô vương Quyền, vua Lê Đại-Hành, Hưng-Đạo vương phá quân Bắc ở Bạch-đằng; vua Quang-Trung phá quân Xiêm-la ở Rạch-gầm đều lợi dụng con nước lên xuống mà thắng trận. Cách tính con nước rất phức tạp. Tôi sẽ trình bày phần cuối bộ Anh-hùng Đông-A, trong trận Bạch-đằng.

(2) Hoa-sơn, tên dãy núi, tại huyện Hoa-âm, tỉnh Thiểm-tây, còn có tên là Thái-hoa sơn. Hoa-sơn là ngọn núi đứng về phía Tây của năm ngọn núi được tôn là Ngũ-nhạc. Hoa-sơn có ba ngọn núi chính. Ngọn đứng giữa là Liên-hoa phong. Ngọn ở phía Đông gọi là Tiên-nhân chưởng. Ngọn phía Nam tên là Lạc-nhận phong. Văn nhân Trung-quốc gọi chung ba ngọn này là Hoa-nhạc tam-phong. Ngoài ra, còn có ba ngọn nhỏ nữa, mang tên Vân-dài, Công-chúa, Mao-nữ gọi chung là Hoa-nhạc tam nương. Núi Hoa-sơn là nơi phát tích ra võ phái Hoa-sơn. Võ phái này được lập ra từ đời nhà Đường. Trong thời Ngũ-đại, đạo sĩ Trần Đoàn giúp đỡ anh em Triệu Khuông-Duẫn, Triệu Khuông-Nghĩa lúc hàn vi. Sau Khuông-Duẫn trở thành Thái-tổ, Khuông-Nghĩa trở thành Thái-tông nhà Tống, thì phái này trở thành phái lớn nhất Trung-quốc. Chính vì vậy mà các vua nhà Tống đều sùng Lão-giáo. Các bà hoàng hậu, phi tần đều được phong tước mang tên như những nữ đạo sĩ.

Tần-linh, còn có tên là Tần-sơn, Chung-Nam sơn. Núi khởi từ huyện Thiên-thủy, tỉnh Cam-túc, gồm nhiều ngọn nối tiếp nhau chạy dài về hướng Đông, tới Thiểm-huyện, tỉnh Hà-Nam. Ngọn chính là ngọn nằm tại huyện Trường-an, tỉnh Thiểm-tây. Chữ Tần-linh trong đôi câu đối trên lấy ý trong thơ của Hàn Dũ. Hàn là nhà văn lớn đời Đường, nhân dâng biểu can vua không nên sùng bái Phật-giáo, ông bị đầy. Trên đường đi đầy, qua núi Tần-linh, đường bị tuyết phủ đi không được. Ông làm bài thơ, trong đó có hai câu tuyệt tút:

Vân hoành Tần-linh, gia hà tại.  
Tuyết ủng Nam-quan, mã bất tiền.  
(Mây trôi ngang qua núi Tần, nhà ta ở đâu?  
Tuyết lấp cửa Nam, ngựa không đi được).

Độc giả nào từng đọc nhiều thơ văn Trung-quốc, nên du lịch dài theo núi này một lần vào mùa Xuân sẽ cảm thấy...không tiếc tiền. Lấy máy bay đi Trường-an, rồi thuê xe...làm một vòng, khoảng bốn tới bảy ngày.

*Trong truyện Kiều Nguyễn Du, đoạn Kiều ở với Tử Hải nhớ nhà có câu:  
Đoái thương muôn dặm tử phẫn,  
Hồn quê theo ngọn mây Tân xa xa.*

## Hồi thứ chín

### Thiên la thập bát thức

Trong đại sảnh đường phái Đông-A.

Chưởng môn nhân Trần Tự-Kinh ngồi ở ngôi chủ vị tiếp khách. Hiển-Trung vương Lý Long-Xưởng ngồi ở ngôi vị đệ nhất, kế tiếp là đô đốc Lý Long-Thần, tức Nhất-Liễu. Đông-A ngũ tuyệt cùng các phu nhân, các đệ tử đời thứ nhì, theo thứ bậc ngồi dưới. Một người, tuy là đệ tử rất thấp đời thứ ba, được đặt ngồi ngang với Long-Xưởng là Trần Thủ-Huy. Vì Huy là em kết nghĩa của vương.

Đây là một sảnh đường lớn nhất của môn phái. Tường xây bằng đá, nền lát gạch. Cửa vào hai bên hông, theo hướng Nam, Bắc. Bàn thờ, bài vị thờ tổ đặt tại đầu Đông. Các hàng ghế đặt dài từ đầu Tây, hướng về bàn thờ. Ngay trước bàn thờ có cái hồ nhỏ, theo hình bát quái, đường kính khoảng bốn trượng, trong hồ đầy cá chép vàng lững lờ bơi lội.

Long-Xưởng chắp tay vái cử tạ, rồi tiếp:

– Vãn sinh đã trình bày cái chí nông cạn rồi. Xin chư vị cho biết tôn ý? Không biết chư vị sẽ giúp vãn sinh được những gì?

Đệ nhị nhân trong Đông-A ngũ tuyệt là Vũ Tử-Mẫn, được tôn là cái túi khôn của Đại-Việt; đưa mắt nhìn sự phụ để hỏi ý kiến. Tự-Kinh gật đầu. Tử-Mẫn hướng vào Long-Xưởng:

– Chí của điện hạ thực không nhỏ. Nếu được thi hành, thì Đại-Việt có cơ phục hồi phong khí đời các tiên đế. Từ thời đức Thái-tổ, phái Đông-A đã góp không ít công lao vào việc trấn Bắc, bình Nam. Nhưng từ ngày bọn Quách Quỳ, Triệu Tiết bị bại, phải rút quân (1077), phái Đông-A lại trở về với môn quy là tiêu dao với cỏ cây, hành hiệp giúp đời. Việc nội trị để cho triều đình. Vì vậy chúng tôi không giúp gì cho điện hạ được cả.

Long-Xưởng đứng dậy cung tay:

– Thưa Nhị-hiệp! Không biết môn quy của quý phái thế nào? Nhưng vào thời đức Thái-tổ ngoài Quốc-mẫu Thanh-Mai ra, còn có các đệ tử như Quốc-công Ngô An-Ngữ lĩnh Trường-yên tiết độ sứ. Các vị Đoàn Thông, Vũ Minh, Phạm Tuy từng lĩnh đô đốc, kẻ được phong hầu, người được phong công. Đến thời đức Nhân-tông tất cả các đô đốc đều là người quý phái. Quốc dân thiên hạ vẫn nói rằng: Quốc gia an nguy thất phu hữu trách. Mọi an nguy của Đại-Việt đều do phái Đông-A trợ thủ. Thế mà nay Nhị-hiệp lại nói rằng, môn quy quý phái không cho đệ tử lĩnh trách nhiệm của trượng phu, thì vãn sinh không hiểu nổi.

– Môn quy của thiểm phái thay đổi luôn luôn. Việc thiểm phái cho đệ tử xuất chính, vốn có từ trước. Sau khi tổ Tự-An quy tiên, thì tổ Tự-Mai (Kinh-Namvương) tổ chức đại hội để xét lại một số điều lệ. Trong những điều lệ thay đổi đó có khoản tuyệt đối xa lánh công danh.

Long-Xưởng ngồi nhấp nháy mỉm cười:

– Điều này vãn sinh biết. Vãn sinh thử nói ra xem, nếu có gì sai, xin đại hiệp chỉnh cho. Trong đại hội đó quyết định ba điều quan trọng: Một là, đệ tử phải học văn luyện võ. Luyện võ để có sức khỏe, mà học văn. Học văn để có kiến thức nghiên cứu, phát huy những điều mới lạ cho võ. Hai là, lấy hành hiệp giúp đời, trong bốn lý: Đệ nhất lý là bảo vệ xã tắc. Đệ nhị lý là cứu khốn phò nguy. Đệ tam lý là tru diệt bọn sâu dân, mọt nước. Đệ tứ lý là trừ gian, diệt bạo. Ba là, lấy tiêu dao với cỏ cây làm nguồn vui, tuyệt đối xa lánh công danh.

Nghe Long-Xưởng nói, Vũ Tử-Mẫn nhủ thầm:

– Chết thực, từ trước đến giờ, nghe thiên hạ đồn thái-tử Long-Xưởng là một thần đồng, ta cho rằng quá đáng. Ban nãy, y vào đây ta cứ tưởng y là con nít, thì những phương lược y trình bày để chỉnh đốn lại đất nước là của Thái-sư Lưu Khánh-Đàm; nên ta thử y. Böyle giờ y ứng khẩu đối đáp với ta thế này, thì y là một thiên tài thực. Ta hãy thử y ít câu nữa xem sao.

Nghĩ vậy ông nói:

– Đúng như điện hạ nói. Chúng tôi quyết vui với cỏ cây, mà không vướng vào vòng công danh, tham dự vào việc triều chính hầu giúp điện hạ thi hành cái chí.

Long-Xưởng chắp tay đứng dậy vái cử tạ một lần rồi cười:

– Đại hiệp hiểu lầm rồi. Văn sinh không có ý định như thế. Không phải vậy. Muôn ngàn lần không phải vậy. Văn sinh tới đây xin quý phái trợ giúp, đâu phải đem mẩy đấu gạo, mẩy đồng bạc ra để thỉnh các vị làm quan! Văn sinh đến đây để nhờ các vị giúp sức bảo vệ xã tắc mà!

Tự-Kinh là người đạo đức, ông không muốn thử Long-Xưởng như Vũ Tử-Mẫn. Ông hỏi:

– Theo lão phu, từ khi vua Thần-tông băng, thì hậu cung bị cái nạn gà mái gáy, trong triều bị cái nạn ngoại thích hoành hành. Muốn trừ cái nạn này, chỉ cần hoàng-thượng hay điện hạ truyền một chỉ, đem tận số chúng ra xử tử là xong. Việc gì phải nhờ đến võ lâm?

– Thưa lão đại hiệp, sự việc không giản dị như vậy đâu. Tình hình xã tắc sắp nguy trong sớm tối, nếu lão đại hiệp không ra tay thì nước sẽ mất không biết lúc nào. Mà người làm mất nước lại chính là cao đồ của quý phái, nên võ lâm không ai dám ra tay giết y. Bởi tục ngữ có câu: Đánh chó phải nể chủ nhà.

Tự-Hấp kinh hãi:

– Đệ tử bản môn? Y tên gì?

– Thưa, y tên Mao Khiêm.

Cả sảnh đường cùng bật lên tiếng ồ lớn.

Tự-Hấp hỏi:

– Thiểm phái quả có một đệ tử tên Mao Khiêm. Nhưng y về Tống từ lâu rồi, không có tin tức gì. Điện-hạ nói mất nước, ý chỉ việc Mao Khiêm làm gian tế cho Tống chăng?

– Thưa đại hiệp không. Mao Khiêm không làm gian tế cho Tống, mà y công khai đưa giặc Tống vào trong nước từ mấy năm nay rồi!

– Thế quân Tống đã nhập biên ư? Do tướng nào chỉ huy?

– Thưa, giặc Tống không phải ở Ung, Liêm, Dung, Nghi, Bạch châu, hay ở Nhu-nguyệt, Cổ-pháp, mà chúng đã đến Thăng-long. Không phải chúng ở ngoài thành Thăng-long, mà chúng nằm ở trong Hoàng-thành. Xã tắc nguy như trứng chồng trên đá, một sớm, một tối sẽ trở thành quận huyện của Tống. Đau đớn thay giặc Tống lại do cao đồ của quý phái là Mao Bình đưa vào.

Từ mấy năm nay, theo lệnh của chưởng môn Trần Tự-Kinh, Đông-A ngũ tuyệt dẫn đệ tử qua lại giang hồ trừ gian diệt bạo. Đệ ngũ tuyệt là Trần Tử-Giác, trong khi hành hiệp ở Thăng-long, thì gặp Lê Thúc-Cẩn. Thúc-Cẩn báo cho ông tất cả những tin tức về Cảm-Thánh thái hậu chuyên quyền, về việc Mao Khiêm làm gian tế cho Tống. Cảm-Thánh thái hậu dấu sứ đoàn trong cung, chuẩn bị phế nhà vua xuống, gây nội chiến, rồi Tống mang quân sang.

Tử-Giác kinh hoảng, một mặt sai người báo cho sư phụ biết. Một mặt truyền lệnh cho các đệ tử tung người khắp Thăng-long theo dõi tình hình. Tự-Kinh nhận được hung tin, ông sai chim ưng mang thư đi triệu hồi tất cả các con, và năm đệ tử khẩn trở về, để bàn định phương sách đối phó.

Tin này đến với vợ chồng Trần Tự-Hấp, giữa lúc ông bà đang dẫn hai con là Trần Thủ-Lý và Trần Thủ-Huy hành hiệp ở Kinh-Bắc. Ông bà vội vã dẫn con về phục mệnh. Trên đường từ Thăng-long xuôi Nam, ông bà gặp Nghi-tàm song ma đang đuổi bắt Long-Xưởng. Đúng ra, ông bà phóng chưởng đập chết chúng, để trừ đi hai tên ma đầu. Nhưng, vì không biết rõ Long-Xưởng là ai? Tại sao Song-ma lại muốn bắt cóc, nên bà cho con biến Song-ma thành trò cười, rồi phóng hai chiêu Bức-mạch vào người chúng, bắt chúng phải về Thiên-trường cung khai sự thực.

Trong khi giao tiếp với Long-Xưởng, ông bà thấy ở thiếu niên này tỏa ra khí phách phi thường, lại muốn tìm mình để theo học. Bà đồng ý cho Thủ-Huy đi chung ngựa với Long-Xưởng, hầu dò lý lịch y. Nhưng khi ông bà về đến nhà, thì không thấy Long-Xưởng, Thủ-Huy đâu. Bà tức tốc sai năm con nuôi là Hoàng-Anh, Bạch-Hạc, Huyền-Mi, Thanh-Tước, Hồng-Yến đi tìm. Vì khắp trấn Thiên-trường, chỗ nào cũng có tai mắt của phái Đông-A, nên không khó khăn, năm thiếu nữ tìm ngay ra tung tích hai trẻ. Nào việc Long-Xưởng, Thủ-Huy kết nghĩa. Nào việc hai người xuống một du thuyền của đô đốc Nhất-Liễu, và thuyền đang xuôi ra biển. Năm người cũng thu được tin có con thuyền của bọn khách thương Tống, luẩn quẩn quanh Thiên-trường từ hơn tuần qua, không rõ với mục đích gì?

Nghe năm con nuôi báo tin, Tự-Hấp biết ngay, đó không phải là thuyền buôn, mà bọn này là đệ tử phái Hoa-sơn sang tìm võ kinh. Vì từ lâu đã có nhiều đệ tử Hoa-sơn giả làm khách thương đến tìm bộ Vô-trung võ kinh, đã bị phái Đông-A đánh đuổi hoặc giết chết. Ông báo cho phụ thân cùng anh em, chư đệ tử biết.

Tự-Kinh sai Vũ Tử-Mẫn lập kế, sai năm cô con nuôi của Tự-Hấp bắt cả bọn Hoa-sơn đem về tổng đàn, rồi giam trong lao xá.

Nhắc lại, sau khi Thủ-Huy cùng Long-Xưởng, Nhất-Liễu nhảy xuống thuyền của Hoàng-Anh; Thủ-Huy mới nói thực cho Long-Xưởng biết phụ thân mình chính là Trần Tự-Hấp, mẫu thân mình là Bùi Anh-Hoa. Nghe Thủ-Huy kể, Long-Xưởng mừng run lên được. Huy giới thiệu với Long-Xưởng năm cô gái dàn thuyền bắt bọn Hoa-sơn, là năm người chị nuôi của mình. Trong mấy năm qua, năm người được phái Đông-A dạy văn, luyện võ, rồi theo bố mẹ nuôi, cùng các sư thúc qua lại giang hồ hành hiệp, được võ lâm tặng cho mỹ danh là Vy-xuyên ngũ tiên.

Khi Vy-xuyên ngũ tiên dẫn Long-Xưởng, Thủ-Huy gặp Tự-Hấp, ông bà mới biết thiếu niên mà mình gặp gỡ giữa đường chính là thái-tử Lý Long-Xưởng, tước phong Hiển-Trung vương. Ông bà vội báo cho phụ thân biết, rồi sai đánh trống họp đệ tử ở đại sảnh đường dùng lễ tiếp thiếu niên này.

Bây giờ nghe Long-Xưởng nói: Giặc Tống đã ở trong Hoàng-thành Thăng-long, và lại do đệ tử phái Đông-A là Mao Khiêm đưa vào, Tự-Kinh vội chắp tay:

– Nếu quả Mao Khiêm đã gây ra những điều tai hại cho xã tắc, cho võ lâm, lão phu xin chịu lỗi. Nay lão phu tuổi đã cao, ít qua lại giang hồ, nên không biết Mao Khiêm đã gây ra những gì bất lợi cho đất nước. Mong điện hạ giải thêm chi tiết, thì lão phu mới hiểu rõ, để còn trừ y.

Long-Xưởng thứ tự tường thuật: Nào Mao Kính âm thầm chép võ công Trường-bạch mật trao cho vợ. Mao Khiêm được thế tử Vị-Hoàng thu làm đệ tử, rồi y theo sứ Tống cải táng Trường-bạch song hùng về Trung-nguyên. Triều đình Tống sai y làm thông dịch theo sứ đoàn. Khi sứ đoàn về, y trốn lại tiêm

ẩn trong phủ Đỗ Anh-Vũ, dạy Huyền-âm nội lực cho y. Nào y dùng độc chưởng khống chế các chưởng môn nhân, để lấy bí lục các phái, đem về cho Tống triều, để Tống triều nghiên cứu phá cách. Còn việc y giết Khánh-Hỷ đại sư, thì Long-Xưởng nói tréo đi là do Anh-Vũ ám toán. Mao còn dạy năm đệ tử là Nùng-sơn tam anh, Tô-lịch nhị tiên. Nào y đưa bọn Ngô Giới, Lưu Kỳ ẩn trong cung Cảm-thánh. Nào bọn Ngô, Lưu với y giúp thái-hậu tổ chức cung Cảm-Thanh thành triều đình riêng với đầy đủ chức quan. Nào y với bọn Ngô khuyên thái-hậu lập những đội Phụng-quốc vệ như một quân đội riêng. Nào bọn Ngô, Lưu với Mao Bình chỉ còn chờ dịp phế nhà vua xuống, đưa Lưu Kỳ lên làm vua... Nào là khi Long-Xưởng đi Thiên-trường, thì thái-hậu sai Nghi-tàm song ma, sai Nhất-Liễu đón đường hại. Nào bọn Ngô, Lưu bắt Long-Xưởng với Thủ-Huy. Tất cả những việc đó có nghĩa là thái-hậu với bọn Ngô, Lưu công khai hành sự, coi Đại-Việt như giang sơn Tống vậy.

Nghe Long-Xưởng với Thủ-Huy trình bày, Tự-Kinh hỏi các con, các đệ tử:

– Bây giờ chúng ta phải làm gì? Các con nghĩ, chúng ta phải đổi phó vụ này ra sao?

Con thứ của Tự-Kinh là Tự-Duy bàn:

– Thưa bố, con nghĩ mình phải phân vụ này ra làm ba. Một là đổi phó với Mao Khiêm, Ngô Giới, Lưu Kỳ. Đổi với Mao, thì chúng ta phải thanh lý môn hộ. Còn bọn Hoa-sơn, chúng sang đây với mục đích tìm bộ Vô-Trung võ kinh. Vụ này chúng ta đã giải quyết xong. Ba là, vụ thái-hậu chuyên quyền, vụ này ta không nên can thiệp vào.

Tử-Mẫn xua tay tỏ ý phản đối:

– Ta không thể...

Đến đó đệ tử vào báo:

– Có chưởng môn phái Tiêu-sơn là Pháp-Dung đại sư, chưởng môn phái Mê-linh là Nghi-Ninh sư thái, chưởng môn phái Tản-viên là Tôn Đức-Hòa, chưởng môn phái Sài-sơn là Lê Thúc-Cẩn, xin cầu kiến.

Tự-Kinh đứng lên vẫy hai con và năm đệ tử:

– Quý khách tới đây cũng không ngoài việc Mao Khiêm, Ngô Giới, Lưu Kỳ. Chúng ta phải ra đón quý khách.

Long-Xưởng đứng dậy:

– Văn sinh cũng xin được ra đón các vị đạo cao, đức trọng này, để tỏ lòng ngưỡng mộ.

Tới cổng trang, Tự-Kinh cung tay:

– Không biết trận gió nào thổi, mà cả bốn vị đại tôn sư lại giá lâm tê trang thế này!

Bốn vị đều chắp tay đáp lễ. Lê Thúc-Cẩn chỉ vào Long-Xưởng:

– Thưa lão đại hiệp, trận gió đưa chúng tôi tới cầu kiến đại hiệp là điện hạ đây.

Lễ nghi tất.

Phân ngôi chủ khách xong. Long-Xưởng nghĩ thăm:

– Chắc chắn các vị tôn sư tới đây là do lời mời của Lê Thúc-Cẩn rồi. Hắn ông đã thông tri cho các vị biết những gì Đỗ Anh-Hào cung khai. Còn những tin tức ta mới thu lượm trong chuyến đi vừa rồi, thì các vị này chưa biết. Vậy ta phải tường thuật chi tiết, rồi trao hết trách nhiệm cho họ. Có như vậy họ mới chịu ra tay.

– Kính thưa các vị đại tôn sư. Xưởng này là đứa trẻ tóc còn đỏ, kiến thức không làm bao. Nhưng vì cái họa mất nước trong sớm tối, nên lớn mật xin các vị cho phép được trình bày tất cả nguy cơ mất nước đó.

Đại sư Pháp-Dung cung tay đáp lẽ:

– Xin điện hạ cứ nói.

Long-Xưởng theo thứ tự trình bày diễn tiến những gì đã xảy ra. Rồi nhấn mạnh đến vụ án Khánh-Hỷ đại sư, Nghi-Hòa sư thái, đại hiệp Đặng Phi-Sơn bị gian nhân hãm hại:

– Khi vụ án xảy ra, thì triều đình không biết hung thủ là ai. Cho đến nay, vẫn sinh mới biết là do ác nhân Đỗ Anh-Vũ ám toán.

– Điện hạ lầm rồi.

Pháp-Dung đại sư lắc đầu: Anh-Vũ là đệ tử tục gia của bản phái. Võ công của y bình thường. Y không đủ công lực dồn độc tố vào người sư huynh Khánh-Hỷ, dù đánh trộm. Bằng cớ là, khi hoàng-thượng khám phá ra vụ y tư thông với Cảm-Thánh hoàng thái hậu, người truyền chỉ cho Chiêu-hòa vương Lý Long-Vũ bắt y. Y đấu với vương được vài chục hiệp thì bị bại. Lại nữa, khi Trí-Minh vương, Bảo-Minh hầu v.v. tổ chức binh biến, y bị phò mã Dương Tự-Minh đánh có ba chiêu thì bị bắt. Với công lực như thế, y không đủ khả năng đả thương một thủ tọa Vạn-Hạnh đường.

Mọi người đều gật đầu, công nhận kiến giải của Pháp-Dung đại sư có lý. Pháp-Dung tiếp:

– Người đả thương sư huynh Khánh-Hỷ không hẳn với mục giết người. Nếu như sát nhân chủ tâm giết sư huynh, thì sau khi sư huynh bị trúng độc chưởng, công lực không còn, đau đớn cùng cực, y chỉ việc búng tay một cái, người đã viên tịch rồi.

Đại-sư chỉ vào Lê Thúc-Cẩn: Hồi ấy, khi được tin báo sư huynh bị trúng Huyền-âm độc chưởng. Bần tăng sai đệ tử đem người về chùa Tiêu-sơn, rồi sai đệ tử thỉnh Lê tiên sinh, xin điều trị. Nhưng bấy giờ Lê tiên sinh đang vân du Xiêm-quốc, mà các đệ tử thì không ai biết trị cái độc công này cả. Khi Lê tiên sinh trở về tìm ra được thuốc giải, thì sư huynh bần tăng đã viên tịch. Trước khi viên tịch, sư huynh mới tiết lộ cho bần tăng biết rằng: Sát nhân dùng võ công Đông-A, để xử dụng Huyền-âm nội lực. Y ra điều kiện cho sư huynh, nếu người trao cho y toàn bộ pho Thiền-công của bản phái, thì y sẽ trao cho thuốc giải. Nhưng sư huynh bần tăng đành chọn cái chết, chứ không chịu phản lại môn hộ.

Lê Thúc-Cẩn tiếp lời Pháp-Dung:

– Từ hai chục năm nay, trong võ lâm đã xảy ra không biết bao nhiêu nghi án, do Huyền-âm độc tố gây ra. Nào Chiêu-Hiếu thái hậu, nào Lê-Thiên hoàng hậu, nào Lý Sơn...Nhưng đó là những vụ án trong Hoàng-cung. Đến vụ án Khánh-Hỷ đại sư, Nghi-Hòa sư thái, đại hiệp Đặng Phi-Sơn thì thực là điều không bao giờ võ lâm có thể tưởng tượng nổi. Vì đại sư là thủ tọa Vạn-hạnh đường, nội công cao thâm không biết đâu mà lường. Hai vị chưởng môn phái Mê-linh, Tân-viên, công lực đâu có thấp? Như vậy công lực sát nhân phải cao thâm khôn lường??? Tôi nghĩ chỉ tên Mao Khiêm mới có công lực này.

Nghi-Ninh sư thái đưa mắt nhìn Pháp-Dung, Lê Thúc-Cẩn, Tôn Đức-Hòa:

– Cái tin phái Hoa-sơn đem đại lực lượng sang Đại-Việt, đích thân Trung-nhạc Tung-sơn đạo sư Ngô Giới chưởng môn nhân cầm đầu, liệu có đúng không? Bần ni thấy trung gian có gì khó hiểu. Bởi hai năm trước, phái Hoa-sơn tổ chức giỗ tổ.Đạo sư có đạt thư mời anh hùng võ lâm Hoa, Việt, Xiêm, Cao-ly, Đại-lý...Bần ni đã được tiếp xúc với Hoa-nhạc tam nương. Họ là những người đạo cao, đức trọng, võ công cao thâm không biết đâu mà lường. Bần ni đã kết bạn với các vị đó. Không lẽ, nay vì mấy đấu gạo, mà Ngô đạo sư cùng Tam-nương bỏ núi Hoa-sơn sang Đại-Việt, làm chuyện bất chính?

Pháp-Dung đại sư cũng than:

– Năm đó, bần tăng có kết bạn với Trung-nhạc Tung-sơn Ngô Giới, bần đạo thấy đạo sư quả đã chán thế tục. Không lẽ nay lại đi làm mật sứ cho Tống?

Long-Xưởng quả quyết:

– Các vị đã kết bạn với các cao thủ Hoa-sơn, và nhận xét về họ như vậy, vẫn sinh không dám nói rằng các vị sai lầm. Nhưng sự thực là sự thực. Lát nữa đây các vị sẽ thấy lời của vẫn sinh là đúng.

Tôn Đức-Hòa than:

– Nếu quả sự việc đã như vậy, thì chúng ta không thể khoanh tay đứng nhìn được nữa rồi. Công việc chúng ta là phải gạt bỏ tình riêng ra ngoài. Ta có hai việc phải làm là giết bọn Ngô Giới, Lưu Kỳ, Mao Khiêm, cùng diệt cái triều đình gà mái gáy kia. Để hành động thống nhất, ta phải bầu lấy một vị làm minh chủ.

Nghi-Ninh sư thái chỉ Tự-Kinh:

– Trong vụ này, thì phái Đông-A liên hệ nhiều nhất. Vậy xin đại hiệp Tự-Kinh đứng làm minh chủ cho.

Pháp-Dung, Lê Thúc-Cẩn, Tôn Đức-Hòa cùng họa theo:

– Đúng vậy. Vả trong chúng ta đây, thì Trần đại hiệp là người cao niên nhất.

Tự-Kinh đành nhận trách nhiệm. Ông gọi Vũ Tử-Mẫn:

– Chư vị đả tín nhiệm chúng ta. Vậy con hãy trình bày kế hoạch lên để các vị cho biết tôn ý.

– Kính thưa các vị. Ta không thể tách vụ diệt sứ đoàn Tống, bọn gian Mao Khiêm với triều đình gà mái gáy ra được. Hai vụ khác nhau mà là một.

Mọi người công nhận lý luận của Tử-Mẫn. Tử-Mẫn tiếp:

– Cái triều đình gà mái gáy này thực không tầm thường. Trước đây đã có ba cuộc lật đổ, mà không thành. Đầu tiên, Chiêu-Hòa vương ra tay trừ Đỗ Anh-Vũ, rồi bị giết cả nhà, vì thái-hậu che chở cho y. Sau biến cố đó, Anh-Vũ củng cố thêm thế lực, thành ra Trí-Minh vương phải hợp với bọn Vũ Đái, lực lượng hùng mạnh hơn y, mới thành công. Nhưng thành công, mà không đồng tâm, nhất trí, rồi cũng bị giết. Đến đây, thái-hậu công khai nắm quyền. Rồi mấy năm trước, chính Hoàng-hậu, với điện hạ được phái Mê-linh đứng sau, được Côi-sơn song ưng giúp đỡ. Cũng thành công, nhưng chỉ biết mình, mà không biết người; tức không biết đến bọn sứ đoàn ẩn trong cung Cảm-Thánh. Rút cuộc thành công nửa chừng.

Nghi-Ninh sư thái thở dài:

– Bây giờ chúng ta cùng ra tay cứu nước. Vậy cái gì nên làm trước? Cái gì nên làm sau? Ta phải hành động thế nào để tránh đổ máu?

Tử-Mẫn hỏi Long-Xưởng:

– Liệu thái-hậu có thể ra lệnh cho Thiên-tử binh, cũng như các đạo binh địa phương không?

– Không! Thái-hậu chỉ có thể điều động năm đội Phụng-quốc vệ trực thuộc mà thôi. Còn muốn điều động Thiên-tử binh, cũng như các đạo binh địa phương thì phải do phụ hoàng, hoặc vẫn sinh ban chỉ trực tiếp cho quản Khu-mật viện. Quản Khu-mật viện là Bảo-Ninh hầu Lý Long-Can , trưởng ty Phòng-ngự là Long-nhương thượng tướng quân Lưu Khánh-Bình sẽ làm lệnh. Lệnh xuất quân phải do hai người này ký, chứ một người thì tướng chỉ huy các hiệu binh cũng không tuân.

– Vậy bây giờ thế nào.

Tử-Mẫn tiếp: Một mặt chúng ta gửi cao thủ về giúp thái-tử. Thái-tử dùng các cao thủ làm chủ Hoàng-thành, cùng kiềm chế bọn quan theo cung Cảm-Thanh, và gia đình chúng. Một mặt ta dụ hổ ly sơn, sao cho năm đội Phụng-quốc vệ rời xa Thăng-long. Khi chúng rời Thăng-long, ta kiềm chế vợ con chúng. Ở xa Thăng-long chúng được tin các gian thần theo phe Cảm-Thánh bị bắt hết, vợ con bị kiềm chế, ăn chúng phải đầu hàng.

Mọi người công nhận mưu của Tử-Mẫn thực thần diệu.

Tử-Mẫn hướng Long-Xưởng:

– Thái-tử trở về, lờ đi như không biết vụ thái-hậu sai Nghi-tàm song ma, Nhất-Liễu đón đường bắt thái-tử. Thái-tử làm như sợ thái-hậu, muốn lấy lòng thái-hậu. Thái-tử ban chỉ sai chư tăng chùa Chiêu-thiền làm chay cầu siêu cho Đỗ Anh-Vũ và gia quyến y. Lấy lý đó, phái Tiêu-sơn âm thầm đem về hơn trăm cao thủ, mà thái-hậu không nghi ngờ gì cả. Đúng đêm hành sự, thì thái-tử thỉnh chư tăng tới Đông-cung để cúng dàng cơm chay. Khi khởi sự thì chư tăng ra tay bắt hết bọn Phụng-quốc vệ canh gác Đông-cung, cùng bọn gian thần theo cung Cảm-Thánh.

Pháp-Dung mỉm cười gật đầu vui vẻ:

– Điều này rất dễ. Bởi từ trước đến giờ mỗi khi chùa Chiêu-thiền lập đàn tràng, thường mời ít ra hơn trăm tăng chúng về trợ giúp.  
– Bây giờ tới phái Mê-linh.

Tử-Mẫn hướng Nghi-Ninh sư thái: Nhân đền thờ vua Trưng mới được xây. Phái Mê-linh gửi trăm cao thủ, chia ra làm hai chục toán, kéo về Thăng-long, đi quyên giáo, lấy tiền đúc tượng mười hai nữ đại công thần. Ẩn thân tại các ni am. Khi khởi sự thì cùng nhập Hoàng-thành trợ giúp hoàng-hậu, chiếm cung Cảm-Thánh, kiềm chế gia thuộc bọn gian thần.(1)

Nghi-Ninh sư thái hỏi:

– Đệ tử Mê-linh hầu hết đều dùng kiếm. Trong khi đi quyên giáo, không lẽ cũng mang kiếm theo?  
– Sư thái hỏi thực phải. Kiếm đó, thái-tử sẽ đem vào cung từ trước.

Tử-Mẫn hướng vào Lê Thúc-Cẩn:

– Bây giờ tới phái Sài-sơn. Phái Sài-sơn gửi hơn trăm cao thủ, giả làm thầy thuốc, về Thăng-long, bán thuốc rong. Đúng giờ khởi sự thì ào vào điện Uy-viễn, bắt hết bọn Phụng-quốc vệ canh phòng, rồi bảo vệ các quan tại đây.

Lê Thúc-Cẩn phì cười:

– Điều này hơi khó, vì chỉ có người Hoa mới bán thuốc rong, chứ đệ tử bản phái chưa từng làm việc này. Thôi được chúng tôi xin cố gắng.  
– Còn đệ tử phái Tản-viên, Tôn đại hiệp gửi càng nhiều cao thủ càng tốt. Tất cả giả làm tiểu phu, đẩy xe chở củi về Thăng-long bán. Tôi, tôi ẩn ở bờ hồ Tây. Khi khởi sự, thì chia nhau ra kiềm chế tất cả gia thuộc bọn Phụng-quốc vệ thuộc cung Cảm-Thánh.

Pháp-Dung đại sư tỏ vẻ lo lắng:

– Thưa Nhị-tuyệt, hiện thái-hậu có năm trăm Phụng-quốc vệ, bọn này được chỉ huy bởi Mao Khiêm. Theo như bần tăng biết thì bản lĩnh Mao Khiêm cao thâm không biết đâu mà lường, cạnh y còn các cao thủ bậc nhất Hoa-sơn. Bần tăng e khi chúng ta khởi sự, thì chúng sẽ tiến chiếm cung Long-thụy, uy hiếp Hoàng-thượng, để người ban chỉ gọi Thiên-tử binh về thì ta khó mà thành công. Đại hiệp

phải làm thế nào, để có thể khiếu cho Mao Khiêm với Phụng-quốc vê rời Thăng-long thì mới hy vọng thành công.

Tự-Hấp đáp thay cho sư đệ:

– Đại sư yên tâm. Việc đối phó với Mao Khiêm và năm đội Phụng-quốc vê, thì phái Đông-A xin lĩnh trách nhiệm. Tại hạ sẽ tìm cách cho đem Mao Khiêm với năm đội Phụng-quốc vê về Thiên-trường. Anh em tại hạ sẽ thanh lý môn hộ. Còn bọn Hoa-sơn thì không cần.

\_?!?!

– Chúng tôi mới bắt được một bọn khách thương người Hoa. Chúng dùng thuyền, xâm nhập địa phận bản phái. Thẩm vấn sơ khởi, chúng khai là người phái Hoa-sơn. Để tại hạ sai đưa chúng vào đây, hầu các vị cùng thẩm cung.

– Đại hiệp nói chung là người phái Hoa-sơn?!?

– Vâng!

Tự-Hấp lên tiếng:

– Mấy đưa con gái của bồ đà? Mau ra mắt các bậc tôn trưởng.

Vỷ-xuyên ngũ tiên cùng dạ ran, rồi tiến lên hành lễ.

Tự-Hấp hỏi:

– Đám khách thương xưng là người của phái Hoa-sơn đàu, các con mời họ vào đây.

Các tôn sư võ học không ai lạ gì Tự-Hấp, bất cứ trường hợp nào ông cũng dùng lời lẽ khách khí. Rõ ràng đám người bị bắt, bị cầm tù, bị thẩm vấn, mà ông dùng chữ khách thay cho tù, mời thay cho giải, tương kiến thay cho thấy mặt.

– Dạ.

Hoàng-Anh hô:

– Mời Hoa-nhạc tam nương vào.

Một nữ đệ tử dẫn ba đạo cô, đều bị trùm bằng cái mũ vải đen, tay bị trói dính thành một phiến. Lối trói của phái Đông-A rất đặc biệt: Cánh tay, cùi chỏ, cườm tay trái của người thứ nhất, bị cột dính vào cánh tay, cùi chỏ, cườm tay phải của người thứ nhì. Cũng như vậy, cánh tay, cùi chỏ, cườm tay trái của người thứ nhì cột dính vào tay phải người thứ ba. Cả ba người im lặng không nói lời nào. Rõ ràng họ bị điểm á huyệt.

Bạch-Hạc hô:

– Mời Hoa-nhạc tam phong vào.

Một nam đệ tử dẫn ba đạo sĩ vào. Họ cũng bị trùm đầu, bị trói dính chùm với nhau. Cả ba không nói một câu nào. Mặt họ cúi gầm xuống.

Huyền-Mi hô:

– Mời Ngũ-nhạc đại lĩnh vào.

Mười đệ tử khiêng năm cái cũi. Mỗi cái giam một đạo sĩ, quần áo ướt như chuột, ngồi ủ rũ ở trong, đều cũng bị trùm. Tiếp theo một cái cũi nữa, trong giam Lưu Kỳ.

Tôn Đức-Hòa kinh ngạc hỏi Tự-Kinh:

– Lão đại hiệp! Tại hạ nghe, Ngũ-lĩnh, Tam-phong, Tam-nương của phái Hoa-sơn, bản lĩnh cao thâm không biết đâu mà lường. Đại hiệp làm cách nào mà bắt được họ? Những người trùm đầu này có thực là người của phái Hoa-sơn không?

Tự-Kinh trả lời bằng cái lắc đầu:

– Già này có biết gì đâu?

Ông hỏi Vy-xuyên ngũ tiên:

– Các cháu ngoan của ông! Ai đã bắt những người này? Bắt bằng cách nào? Họ là ai?

Hoàng-Anh cười khích, tay chỉ vào Long-Xưởng, Tự-Huy:

– Thưa ông! Hôm qua, chị em chúng con đang đi đánh cá, thì dân trong trang báo rắng có bọn cướp Tâu-ô, nhập vào địa giới nhà mình. Năm đứa chúng con theo dõi chúng, thì thấy chúng bắt cóc Hiển-Trung vương với tiểu sư đệ định đem về Tâu. Bọn con phải ra tay giải thoát, rồi bắt chúng giiam lại chờ giải lên quan. Sáng nay con đã thưa với mẹ. Mẹ bảo chúng con thảm cung. Không những chúng bướng bỉnh, che dấu lý lịch, mà còn làm phách. Chúng lớn lối tự xưng những cái gì là Hoa-nhạc tam nương, Hoa-nhạc tam phong, Ngũ-nhạc đại linh.

Nàng chỉ vào Ngô Giới với Lưu Kỳ:

– Còn hai người này, dường như họ điên thì phải. Họ xưng là Thiên-sứ. Một người tự xưng là Đặc-kiến Khai-phủ nghị đồng tam tư, lĩnh Tứ-xuyên tuyên vũ sứ. Một người tự xưng Hoài-Nam hầu Giang-hoài tiết độ sứ.

Năm cô gái vừa nói, vừa cười, vừa đem bọn tù nhân ra làm trò cười. Tự-Kinh cũng cười theo. Nhưng trong cái đùa đó của năm cô gái, họ tìm thấy một sự thật: Không biết bằng cách nào đó, bọn này đã bị các cô bắt.

Nguyên đại hiệp Tự-Kinh tuổi đã cao, tính tình ông trở thành vui vẻ dễ dãi với con cháu. Vì vậy bọn Vy-xuyên tứ tiên luôn tìm những lời nói làm cho ông bật cười, nên ông cực kỳ yêu thương năm đứa cháu nuôi này. Giữa ông cháu, luôn luôn có tiếng cười, giọng nói tự nhiên, riết rõi thành quen.

Liếc nhìn mười hai người, bất động, mà không nói được câu nào. Tự-Kinh biết họ bị đám cháu mình điểm huyệt. Ông chĩa ngón tay chỏ điểm liên tiếp năm chỉ. Năm tiếng véo rít lên ghê tai, lập tức Ngũ-đại linh rùng mình một cái chân tay hoạt động được như thường.

Tuy bị bắt, bị giiam trong cũi, đầu bị trùm kín, nhưng Lưu Kỳ vẫn hống hách:

– Năm con tiện tỳ kia, chúng ta là Thiên-sứ, mà bọn mi dám làm nhục chúng ta ư? Bọn mi có mau mở cũi cho ta ra, rồi rập đầu tạ tội không? Bằng như mi chậm trễ, thái-hậu sẽ đem quân san bằng cả làng này, giết hết bọn bay, cho đến con chó, con mèo cũng không tha.

Trong Vy-xuyên ngũ tiên, thì Huyền-Mi là cô gái nhanh miệng nhất. Cô cười khích khích:

– Này ông! Ông nói sao nghe lạ tai dữ? Bất quá bọn ông là những tên cướp Tâu-ô, bị năm đứa con gái chúng tôi bắt như bắt ba ba trong rọ. Ông là cái gì, mà thái-hậu phải đem quân trả thù cho ông? Lại nữa, thái-hậu thì phải ở trong cung, ngày đêm dạy dỗ hoàng tử, công chúa, chứ thái-hậu đâu có cầm quân, mà ông đem người ta hăm dọa?

Nguyên sau khi Ngô Giới, Lưu Kỳ bị đám thuyền, bị lưới chụp lên đầu, bị dìm dưới nước cho đến khi mê man, rồi không biết gì nữa. Khi hai người tỉnh dậy, thì thấy mình cùng Ngũ-nhạc đại linh, với Lưu Kỳ bị giiam trong sáu cái cũi đồng. Phía sau là Hoa-nhạc tam phong, Hoa-nhạc tam nương. Kẻ thì bị trói, người thì bị đóng gông. Y hỏi Tam-phong, Tam-nương lý do bị bắt, thì cả sáu người đều hiện ra vẻ thẹn thùng, trả lời ấp úng, như bắt đắc dĩ. Suốt đêm, mười hai người không được nằm, bị muỗi đốt, ngủ không được. Không cần bàn luận, Ngô Giới cũng biết rằng mình bị phái Đông-A ra tay. Vì nội trong trấn Thiên-trường không có thể lực nào đủ khả năng làm những việc như vậy.

Bây giờ, Ngô cùng tùy tùng bị trùm vải lên đầu, bị điểm huyệt, bị đưa vào sảnh đường không biết để làm gì? Chết thì Ngô không sợ, Ngô chỉ sợ bị làm nhục mà thôi. Ngô đang suy nghĩ, tìm kẽ an toàn, thì Lưu Kỳ đã đưa ra lời phách lối. Ngô Giới biết gã sư đệ Lưu Kỳ chỉ có bộ vó đẹp trai, hữu dụng vô mưu, nóng nảy. Nếu để ý đấu khẩu với năm cô gái này, thì chỉ làm trò cười cho mấy trăm người hiện diện mà thôi.

Ngô ôn tồn hỏi năm cô gái:

– Các người là ai, mà dùng thủ đoạn hèn hạ bắt chúng ta thế này? Nam nhi đại trượng phu, làm gì cũng phải quang minh chính đại. Nếu các người là anh hùng thì hãy mở cữi, dùng bắn lịnh chân thực thắng chúng ta, thì chúng ta mới phục.

Huyền-Mi cười khúc khích:

– Đường như ông đang lên đồng thì phải. Ông tỉnh lại đi chứ? Bắt các ông là năm chị em chúng tôi. Chúng tôi là con gái mà sao ông lại bảo chúng tôi là nam nhi đại trượng phu!

Chợt nghĩ được một kẽ, Long-Xưởng móc tín bài, đưa cho Thủ-Huy:

– Phiền nhị đệ sai một gia nhân, đem tín bài này triệu viên huyện lệnh Thiên-trường cùng đội Hinh-binh tới đây chờ chỉ dụ của huynh.

Thủ-Huy cầm tín bài ra ngoài.

Tự-Kinh ra lệnh:

– Các cháu mở khăn trùm đầu cho họ.

Khăn được mở ra. Tất cả các đại tôn sư cùng bật lên tiếng ô kinh ngạc.

Tôn Đức-Hòa hỏi Đông-nhạc Thái-sơn:

– Đông-nhạc đạo sư! Sao người ra nông nỗi này?

Nghi-Ninh sư thái hỏi Hoa-nhạc tam nương:

– Hời ơi! Thì ra Vân-Đài, Công-Chúa, Mao-Nữ tiên tử! Các vị đã làm gì, để bị bắt trói. Khổ không?

Lê Thúc-Cẩn cũng than cho Hoa-nhạc tam phong:

– Ôi! Liên-Hoa, Tiên-Nhân, Lạc-Nhạn đạo sư? Khổ quá, các vị là những đạo sĩ đạo cao đức trọng, mà sao lại đi ăn cướp rồi bị bắt, bị cầm tù?

Pháp-Dung đại sư đứng dậy, ông vuốt tay giải huyệt cho Ngũ-nhạc đại lĩnh:

– Chư vị đạo sư! Chỗ thanh cao, sao các vị không ở, mà lại sang đây làm việc bắt chính này?

Liếc nhìn qua cử tọa, Ngô Giới thấy đủ mặt các chưởng môn nhân đại môn phái Đại-Việt, mà y đã quen biết năm trước. Duy chưởng môn phái Đông-A là y chưa biết mà thôi. Tuy nhiên, cứ tình hình này, y đoán ra rằng trong mấy trăm người ngồi đó, ắt có Trần Tự-Kinh. Y chỉ tay vào năm đại tôn sư:

– Thì ra các người là chưởng môn của năm đại môn phái Đại-Việt đấy. Các người dùng thủ đoạn hèn hạ bắt chúng ta, mà cũng dám tự hào là đại tôn sư chẳng? Bần đạo cảm thấy nhục nhã, vì trong quá khứ đã kết thân với các người.

Tôn Đức Hòa chỉ vào Vy-xuyên ngũ tiên:

– Thưa Ngô đạo sư, đây là tổng đường phái Đông-A. Anh em chúng tôi là khách. Còn người bắt các vị là năm tiểu cô nương này. Năm vị cô nương vốn là đệ tử đời thứ ba của phái Đông-A.

Ông chỉ vào Tự-Kinh:

– Vị này là chưởng môn nhân phái Đông-A. Đạo sư muốn khiếu nại, thì xin khiếu nại với người.

Hoàng-Anh hỏi Ngô Giới:

- Ngô đạo sư, chị em tôi bắt các vị bằng võ công Đông-A chính tông. Chúng tôi không hề dùng ám khí, cũng chẳng dùng độc dược, mà đạo sư bảo là ám muội ư?
- Dùng lưới cá bắt người, lặn dưới nước dìm người, cũng là võ công ư?
- Đúng vậy! Đại-Việt chúng tôi có môn Quy-tức công túc phép nín thở như loài rùa do công chúa Gia-Hưng thời Lĩnh-Nam chế ra. Với bản lĩnh này, chúng tôi có thể lặn dưới nước hằng giờ. Xưa công chúa Gia-Hưng đã thăng danh tướng Hán là Phù-lạc hầu Lưu Long, giết Nam-an hầu đại đốc Đoàn Chí. Ngày nay, chúng tôi lại dùng để thăng Ngô đạo sư với sư đệ của người là Lưu Kỳ, thì cũng là sự thường thôi.

Nàng mỉm cười, tay chỉ vào những dụng cụ đánh cá treo trên tường cùng với các vũ khí khác:

- Tổ tiên chúng tôi làm nghề đánh cá mưu sinh, cho nên chúng tôi sử dụng thành thạo vỏ, lưới, chài, cùp, rọng, te, lờ, đó... riết rồi thành môn võ công. Võ công tung chài bắt các vị của chị em tôi có tên Đông-A Thiên-la thập bát thức. Pho võ công này do thái sư phụ của chúng tôi đã tốn không biết bao nhiêu tâm huyết, phối hợp nội công, quyền, chưởng, chỉ, và phép điểm huyệt chế ra.

Tự-Hấp chỉ Vy-xuyên tú tiên:

- Các con hãy nói rõ, các con dùng chiêu thức gì mời các vị đây, để chư vị tôn sư xét xử xem có đúng không?

Bạch-Hạc chỉ vào Tây-nhạc Hoa-sơn:

- Thưa bối, vị này dùng thức khinh thân Thần-điêu xung thiên nhảy xuống thuyền của con, tay ra chiêu Ưng-trảo định bắt con. Con dùng chài ra chiêu Cầm-ngư vô ảnh, thì bắt được.

Huyền-Mi chỉ vào Đông-nhạc Thái-sơn, Nam-nhạc Hăng-sơn, Bắc-nhạc Hành-sơn:

- Ba vị này dùng thức khinh thân Thần-điêu tróc kê, tung mình nhảy xuống thuyền của con với Thanh-Tước, Hồng-Yến. Bọn con cho thuyền vọt ra xa, ba vị rơi xuống sông. Chúng con tung chài ra chiêu Võng ngư thủy để, thì bắt được ba vị.

Nghe Huyền-Mi thuật, Nghi- Ninh sư thái hỏi Tự-Kinh:

- Trần đại hiệp, thì ra thế. Không biết đại hiệp có thể nhờ các tiểu cô nương đây diễn thử vài chiêu, cho bần ni được mở rộng nhãn giới chăng?

Tự-Kinh bảo Vy-xuyên ngũ tiên:

- Các con hãy diễn lại các chiêu đó , để chư vị tôn sư đây chỉ cho những chỗ khiếm khuyết. Nhất là để các vị tôn sư Hoa-sơn khỏi ấm ức trong lòng.

Bạch-Hạc gọi một nam đệ tử:

- Thanh-An sư đệ, phiền sư đệ ra giúp ta một tay.

Nói rồi nàng lùi lại, tay cầm cái chài trên tay. Hai người hướng vào cử tạ hành lễ. Thình lình Thanh-An vọt người lên cao, tay rút kiếm đưa ngang, tay ra chiêu Ưng-trảo chụp Bạch-Hạc. Bạch-Hạc từ Tốn-vị bước sang vị trí Địa-sơn-khiêm của Đoài-vị, tay phải vung lên, tay trái bắt quyết, cái chài tỏa ra như hình trụ, rồi chụp xuống đầu Thanh-An ở Ly-vị. Thanh-An bị cuốn tròn trong cái lưới, không cử động được.

Bạch-Hạc hỏi Tây-nhạc Hoa-sơn:

- Thưa đạo sư. Có phải những viên chì trên cái chài cùng đánh vào các huyệt ủy-trung, phong-thị, túc-tam-lý, hoàn-khiêu, kiên-ngung, thiên-tông của đạo sư không?

Mặt Tây-nhạc Hoa-sơn tái đi. Y đáp bằng âm thanh nhỏ như tơ:

– Quả đúng như cô nương nói.

Bạch-Hạc giải huyệt cho Thanh-An. Nghi-Ninh sư thái than:

– Bây giờ bần ni mới hiểu, tại sao mấy vị tiểu cô nương này lại bắt được những cao thủ bậc nhất của Hoa-sơn, chỉ trong một chiêu. Thì ra các vị tiểu cô nương dùng một thứ võ công mới, quá tinh diệu, khiến đối thủ bị bất ngờ.

– Đúng như sư thái nói.

Nghe đối đáp giữa Tự-Kinh với Nghi-Ninh, bọn Ngô Giới mới hiểu tại sao, bốn sư đệ mình võ công cái thế, mà khi bị lưới chụp, không phản ứng được gì.

Từ đầu đến cuối Thủ-Huy ngồi yên, bây giờ nó mới lên tiếng hỏi Hoa-nhạc tam phong và Hoa-nhạc tam nương:

– Tam vị đạo sư, tam vị đạo cô. Về việc các vị bị bắt, các vị có phục không? Nếu các vị không phục thì tiểu bối xin nói ra đây!

Nói rồi nó nhìn Vy-xuyên ngũ tiên, bất giác tất cả cùng cười khúc khích.

Vân-Đài tiên tử nỗi giận phùng phùng, tay chỉ vào mặt Thủ-Huy:

– Thắng ôn con kia! Cô nương mà thoát khỏi nơi đây, thì...thì... quyết lột da đầu mi mới hả giận.

Nghe Vân-Đài nói, Nghi-Ninh sư thái kinh ngạc vô cùng, vì năm trước đây bà đã từng nói chuyện với vị đạo cô này. Tiếng nói của vị đạo cô tuy trong trẻo, nhưng cũng bình thường thôi, thế mà mới hơn năm qua, bây giờ tiếng nói trở thành trong trẻo, êm dịu hiếm có. Bất giác sư thái mở to mắt ra nhìn kỹ Hoa-nhạc tam nương: Khuôn mặt thì mường tượng giống nhau, nhưng sao thân thể mảnh khảnh, thon đẹp thế kia? Không lẽ, họ mới luyện một thức nội công gì mới chăng?

Tự-Hấp hỏi Vân-Đài:

– Đạo cô đã đi tu sao còn giận dỗi? Không biết tiểu hài nhi đã làm gì vô lễ với đạo cô? Xin đạo cô cứ nói ra, chúng tôi quyết trị tội y.

Vân-Đài giận run lên bần bật:

– Nó...Nó...

Đạo cô Công-Chúa vội cản:

– Sư tỷ, chẳng nên nói ra, xấu...xấu hổ đến chết được.

Nghe đạo cô Vân-Đài nói, Long-Xưởng rúng động tâm an, bởi tiếng nói của đạo cô rất quen thuộc, rất thân ái, mà vương từng được nghe, được tiếp xúc nhiều lần. Nhưng trong nhất thời vương không nhớ ra.

Thủ-Huy dọa già:

– Nếu ba vị đạo cô còn giận hờn thì tiểu bối xin thuật rõ bằng cách nào tiểu bối lại mời được ba vị đến đây.

Lập tức Vân-Đài quát lên:

– Im ngay! Cấm nói.

Đạo cô Mao Nữ nắn nỉ bằng lời ôn tồn:

– Thiếu hiệp, xin thiếu hiệp đừng kể ra, xấu hổ chết đi được. Chúng ta nguyện quên hết cái việc ấy.

Nghe Mao Nữ nói, Long-Xưởng lại kinh ngạc vô cùng, vì tiếng nói của đạo cô này cũng như của Vân-Đài, vừa êm dịu, vừa ngọt ngào vừa thân ái, vừa quen thuộc.

Bà Anh-Hoa nghe đối đáp giữa con trai với ba đạo cô, thì biết Thủ-Huy đã làm điều gì quái đản lăm, mới khiến cho Vân-Đài nổi nóng, và Công-Chúa, Mao-Nữ đều sợ hãi không muốn kể ra.

Nguyên sau khi bọn Ngô Giới, Lưu Kỳ đem các đệ tử lên bờ, giao thuyền cho Hoa-nhạc tam nương giữ thuyền. Vy-xuyên ngũ tiên bàn với Thủ-Huy tìm cách bắt ba người. Thủ-Huy hiến kế: Lột quần áo, mũ của ba đạo sư Hành-sơn, Thái-sơn, Hăng-sơn, rồi cho ba cao thủ mặc vào, giả nằm trên ba chiếc thuyền nhỏ, che mặt, thả trôi trên sông. Khi thuyền nhỏ qua chỗ đậu của thuyền đình, Hoa-nhạc tam nương trông thấy ắt nhảy xuống cứu các sư huynh. Bấy giờ ba cao thủ chuyển mình một cái, thuyền nhỏ sẽ lập úp. Ta bắt Tam-nương dễ dàng. Quả nhiên Tam-nương trúng kế. Tuy võ công ba người cao thâm, nhưng cả ba không biết bơi, bị dìm xuống nước đầy bụng, rồi bị bắt. Vy-xuyên ngũ tiên đem Tam-nương về nhà giam, cứu tinh. Song đầu tóc, y phục Tam-nương ướt như chuột, trông thực thảm. Ba người năn nỉ xin Ngũ-tiên sai người ra thuyền lấy y phục để thay. Ngũ-tiên sai Thủ-Huy đi. Trên đường từ thuyền về nhà giam, khi qua mấy bụi mọc mèo, tính trẻ con nỗi dậy, Thủ-Huy hái mấy chục quả, bóp nát, rồi bỏ vào trong ba bọc quần áo. Tam-nương nào biết gì về cái loại quả quái ác này. Ba người thay y phục được nửa khắc thì ngứa ngáy cực kỳ chịu. Càng gãi, càng ngứa. Ngứa quá, ba người gãi đến nỗi y phục rách bươm, thân thể lõa lồ. Thủ-Huy còn nhỏ, nó chưa có ý thức gì về vấn đề nam nữ. Nó đứng nhìn ba đạo cô trần truồng, vừa gãi vừa nhảy chồm chồm như khỉ đột. Nó thích chí cười khúc khích. Cũng may lúc đó Hoàng-Anh trở lại nhà tù thẩm vấn Tam-nương. Thấy tình trạng Tam-nương thảm thiết như vậy, thì biết ngay đây là kiệt tác của cậu em. Nàng quát mắng Thủ-Huy, rồi sai lấy thuốc giải cho Tam-nương, cùng sai giữ y phục, giặt thực sạch phẩn độc. Cho nên khi Ngô Giới, Lưu Kỳ hỏi về nguyên do bị bắt, Tam-nương nghĩ đến hoàn cảnh lõa lồ, mà sượng sùng không dám nói.

Bây giờ nghe Thủ-Huy dọa kể tình cảnh ấy ra trước mặt bao nhiêu người thì xấu hổ đến chết được. Vân-Đài vội xuống nước:

– Tôi phục! Tôi xin chịu thua! Thiếu hiệp không cần nói ra...vô ích.

Một lần nữa Ngô Giới lại thắc mắc không biết ba sư muội bị bắt trong trường hợp nào. Bí ẩn, càng thêm bí ẩn.

Hoàng-Anh lại chỉ Ngô Giới, Lưu Kỳ:

– Còn hai vị, chúng tôi đường đường, chính chính dùng Qui-tức công xử dụng võ công bản môn đấu với các vị ở dưới nước, rồi dùng Thiên-la thập bát thức bắt các vị. Như thế mà bảo rằng thủ đoạn hèn hạ ư?

Lê Thúc-Cẩn là người rất thân với Trần Tự-Hấp. Ông nắm lấy tay bạn:

– Không ngờ lão bá lại chế ra pho võ công tinh diệu như vậy. Xin đại ca cho diễn lại từ đầu đến cuối, để đệ được chiêm ngưỡng một pho võ công tuyệt kỹ của Đại-Việt.

Tự-Hấp bảo Hồng-Yến:

– Con diễn một lượt pho Thiên-la thập bát thức, để sư bá chỉ bảo thêm cho.

Hồng-Yến bái tổ, rồi cầm lấy cái chài, tay trái vung lên, cái chài xòe lớn ra ở Khôn-vị, rồi chuyển sang Địa-trạch-lâm úp chụp xuống; trong khi chân nàng từ Càn-vị xích sang Thiên-phong-cấu. Miệng nàng hô:

– Càn-la trấn thiên (Lưới từ phương Nam trấn trời).

Tay nàng hơi co lại, cái chài uốn một vòng, tỏa ngược trở lên ở Đoài-vị, rồi lại chụp xuống ở Địa-sơn-khiêm. Trong khi chân nàng bước vào Ly-vị, xê dịch sang Sơn-thủy-mông. Miệng hô:

– Khinh-la cầm ngạc (lưới nhỏ bắt cá sấu).

Cứ như thế, Hồng-Yến diễn hết 18 thức, rồi từ 18 biến ra 1152. Các tôn sư Đại-Việt mải mê quan sát đến xuất thần. Trong khi Ngô Giới rùng mình nghĩ thầm:

– Hời ơi! Trước đây mình Đại-Việt có Long-biên kiêm pháp của phái Mê-linh, Phục-ngưu thần chưởng của phái Tản-viên, Phong-ba đại lăng của phái Đông-A danh trấn thiên hạ. Gần đây lại có Cổ-loa tâm pháp dùng Bức-mạch chưởng khiến anh hùng Hoa-Việt nghe đến tên là kinh hồn động phách. Bây giờ Tự-Kinh chế ra Thiên-la thập bát thức, tổng hợp phép điểm huyệt, Cổ-loa tâm pháp, Tiên-thiên bát quái; biến hóa kỳ diệu, không một chút sơ hở. Hèn gì năm thiếu nữ này võ công bình thường, mà bắt các cao thủ của mình chỉ trong một chiêu.

Lưu Kỳ thì than thầm:

– Không biết Tự-Kinh có chủ ý gì, mà các chiêu thức đều khắc chế với võ công Trung-nguyên? Nếu pho này truyền rộng ra, thì anh hùng võ lâm Tung-nguyên không thể dương danh ở Nam phương được nữa.

Một đệ tử từ ngoài vào cung tay hành lễ với Long-Xưởng:

– Khai điện hạ. Có quan huyện Thiên-trường xin cầu kiến.

– Cho vào.

Viên huyện lệnh dẫn theo mấy bộ khoái, đội Hình-bin, vào quỳ gối:

– Thần Trần Dung, lĩnh huyện lệnh Thiên-trường, xin đợi chỉ dụ của điện hạ.

Long-Xưởng chỉ đám Hoa-sơn:

– Có bọn này, không rõ căn cước, chúng là người Tâu, can tội trộm, cướp, bắt cóc. Lát nữa cô gia sẽ xử tội chúng. Vậy khanh hãy cùng Hình-bin ngồi chờ.

– Tuân chỉ điện hạ.

Tự-Kinh xá bốn chưởng môn nhân Tản-viên, Mê-linh, Sài-sơn, Tiêu-sơn:

– Thưa chư vị võ lâm đồng đạo. Trong quá khứ, giữa phái Hoa-sơn với phái Đông-A có qua lại, thân mật với nhau. Đáng lẽ Ngô đạo sư với các vị cao thủ sang đây, thì chúng tôi phải lấy lễ mà tiếp. Nhưng nay các vị ấy phạm pháp, thành ra tôi không thể để tình riêng lên phép nước, mà trao các vị cho thái-tử, để thái-tử xử theo luật Đại-Việt.

Long-Xưởng hướng Tự-Kinh:

– Lão tiên sinh, theo bộ Hình-thư của bản triều, khi hoàng-đế hoặc thái-tử xử án, thì án đó trở thành chung thẩm, và cho thi hành ngay lập tức. Vãn sinh xin lão tiên sinh cho mượn sảnh đường này trong mấy giờ, để làm công đường xử đám tội nhân này.

– Xin điện hạ cứ tự tiện.

Long-Xưởng hô lớn:

– Thiết lập công đường.

Viên huyện lệnh Thiên-trường cùng với đội Hình-bin xuất hiện. Mỗi tên Hình-bin cầm một hình cụ: Kìm, kẹp, roi, dùi. Lại có cả cái lò than. Rất thành thạo, chúng quạt lửa đốt lò nung dùi, kìm.

Trần Dung chỉ vào mấy cái kìm kẹp giải thích với bọn người Hoa-sơn:

– Nếu như các người cứng đầu, cứng cổ, không chịu khai sự thực, thì bản chức sẽ dùng kìm vặt răng, dùng kẹp mà kẹp ngón tay. Bằng như dùng kìm, kẹp không xong thì sẽ dùng dùi nung đùi này xiên thịt...

Long-Xưởng tuyên lệnh:

– Phiên tòa khai mạc, cô gia làm chánh thẩm, phụ thẩm là đô đốc Lý Thần. Huyện lệnh Trần Dung làm lục sự. Trần Thủ-Huy, cùng Vị-xuyên ngũ tiên, đội trưởng với năm thủy binh bến đò huyện ly Thiêng-trường, các đò phu trên con thuyền Thiên-an, hai trẻ chăn trâu tên Cu, Hím... nhất thiết làm nhân chứng. Phiên tòa bắt đầu.

Long-Xưởng hỏi Ngô Giới:

– Ngô Đạo sư, dù thế nào chăng nữa, đạo sư cũng là đại thần triều Tống, là chưởng môn phái Hoa-sơn. Đạo-sư phải nhận bằng này đi: Một là, các vị nhập cảnh Đại-Việt ngoài luật lệ. Theo hình thư bản triều thì bị lưu đầy mười năm. Các vị lại đi một đoàn tới mấy chục người. Như vậy, các vị phạm tội Gian nhân hiệp đảng. Theo Hình-thư thì bị tội trảm.

Lưu Kỳ quát lên:

– Chúng ta là Thiên-sứ sang kinh lược Giao-chỉ, mà người dám bảo là nhập cảnh ngoài luật lệ ư?

Long-Xưởng hỏi Trần Dung:

– Huyện quan! Cái gã này tự xưng là Lưu Kỳ, lĩnh Giang-hoài Tiết-độ sứ. Y còn xưng là Thiên-sứ nữa, chả biết có đúng hay không? Trong khi đó y luôn hống hách. Huyện quan có cách nào phân biệt chân, giả chăng?

Huyện quan biết Long-Xưởng muốn mình dọa Lưu Kỳ, khiến gã nhụt chí, y cười:

– Khải điện hạ không khó. Điện hạ để hạ thần dùng dao rạch trên mặt y hình hai con rùa, rồi lấy vôi với bồ hóng bôi lên, thì chỗ rạch sẽ nổi lên như những sợi bún. Lại gọt đầu, bôi vôi, thì tóc không mọc ra nữa. Sau đó ta bỏ y vào cái cũi rồi khiêng đi các trấn, đánh trống, hỏi dân chúng xem ai biết lý lịch y sẽ thưởng cho một nén vàng... như vậy là tìm ra chân tướng y ngay.

Lưu Kỳ chỉ vào mặt Long-Xưởng quát lớn:

– Thắng nhóc con kia. Ông mà ra khỏi đây ông sẽ bóp chết mi, chứ mi định làm nhục ông nội mi ư?

Long-Xưởng hất hàm ra lệnh cho Trần Dung:

– Thôi đành vậy, huyện quan cứ làm đi.

Thủ-Huy đê nghị:

– Tâu điện hạ! Nhưng võ công y cao thâm quá. Muốn rạch mặt y thì phải làm cho y mê man đi đă. Bây giờ đê đành dìm y xuống nước. Đợi y uống nước no, ngập hơi rồi rạch mặt, thì mới vẽ hình rùa, rắn được.

– Được! Nhị đê làm đi.

Thủ-Huy vẩy tay gọi hai Hình-bin:

– Phiền hai huynh khiêng cũi dìm xuống cái hồ cá này, để y uống nước.

Hai Hình-bin dạ lên một tiếng, tiễn lên khiêng cái cũi giam Lưu Kỳ. Lưu Kỳ vẫn hống hách. Y nói với Tự-Hấp:

– Tự-Hấp, người tự thị là anh hùng, mà làm nhục ta thế này ư? Võ đạo phái Đông-A là như thế đó?

Tự-Hấp biết Long-Xưởng chỉ muốn dọa Lưu Kỳ, nên ông nói lảng:

– Xin Lưu huynh hiểu cho. Phái Đông-A nhà tôi gồm toàn ngoan dân Đại-Việt. Chúng tôi không thể, và không có quyền can thiệp vào việc xử án của thái-tử.

Hai hình binh từ từ hạ đòn gánh xuống. Cái cùi chìm dần xuống nước. Lưu Kỳ hét lên:

– Ta nhất định không khuất phục tên ôn con.

Thủ-Huy cười:

– Một trọng tội mà dám xưng ta với thái-tử ư? Mi không khuất phục thì ta cho mi sống với cá.

– Ta nhất định không khuất phục. Thủ xem mi làm gì được ta...

Chử nào chưa ra khỏi miệng, thì cái cùi đã chìm xuống nước. Nước trong tiểu hồ rất trong. Ai cũng nhìn rõ Lưu Kỳ nín thở, vùng vẫy. Khoảng nửa khắc y ngập hơi, uống hai ba hớp nước, dãy dưa trong cái cùi. Độ chừng y uống đã đầy bụng, Thủ-Huy vẩy tay. Hai hình binh nâng đòn gánh lên, Lưu Kỳ thở hổn hển, chân tay run run. Hai tay y chỉ vào Thủ-Huy:

– Ta nhất định không khuất phục hai tên lỏi con. Chúng bay có giỏi thì giết ta đi.

Thủ-Huy đưa mắt cho hai Hình-bin. Cái cùi được đưa về chỗ cũ. Long-Xưởng thấy từ đầu đến cuối bọn Ngô Giới im lặng nhìn Lưu Kỳ bị làm nhục, mà không lên tiếng can gián; thì biết rằng cả bọn Hoa-sơn đều không ưa y.

Long-Xưởng nhìn Thủ-Huy lắc đầu. Thủ-Huy nạt:

– Mi dùng lời lẽ đại bất kính với một trù quân của Đại-Việt. Ta là thần dân Đại-Việt, ta bất chấp đạo lý võ lâm. Ta có cách trị mi.

Nói rồi nó chạy ra sân. Lát sau nó trở lại, trên tay cầm một con rắn nhỏ như cái đũa, mầu sắc óng ánh. Nó đưa con rắn tới trước cùi Lưu Kỳ:

– Đây là con rắn lục. Loại rắn này bắt cứ ai bị nó cắn, thì chỉ cần một giờ sau thì sẽ chết. Ta cho nó đợp mi mẩy miếng xem mi có còn vô phép nữa hay không?

Nói rồi nó tung con rắn vào trong cùi. Lưu Kỳ vung tay bắt, nhưng vì cùi chật hẹp, tay bị vướng. Con rắn rơi trúng cổ y, lập tức nó cắn một miếng, rồi chui tuột vào trong áo. Lưu Kỳ kinh hãi chụp con rắn, thì nó lại chui ra ngoài tay áo. Y phủi áo, thì nó chui tót vào ống quần. Y cảm thấy hạ bộ bị đau nháy một cái, thì biết rằng con rắn đã cắn y miếng nữa. Mặt y tái xanh. Y nghĩ thầm: Nếu ta còn cứng đầu, cứng cổ thì uống mạng vô ích. Y vội xuống nước:

– Tôi xin khuất phục.

Thủ-Huy hỏi lại:

– Người nói sao?

Lưu Kỳ đành hướng Long-Xưởng:

– Thần xin khuất phục. Xin điện hạ ban thuốc giải.

Long-Xưởng hỏi Thủ-Huy:

– Nhị đệ! Nhị đệ trao thuốc giải cho bị cáo Lưu Kỳ.

Thủ-Huy đáp lơ mơ:

– Đại-ca! Rắn lục cắn phải ba giờ sau mới chết. Hơn nữa Lưu tiết độ sứ nội công cao thâm, thì phải hơn ngày mới chết mà.

Long-Xưởng gọi lớn:

– Này bị cáo Lưu Kỳ nghe đây!

– Thần xin nghe.

- Thể lệ bang giao Tống-Việt từ mấy trăm năm nay là: Khi sứ đoàn tới biên giới, thì nghỉ ở nhà khách. Biên cương đại thần cho chạy ngựa trạm về Thăng-long. Triều đình sẽ sai quan tiếp dẫn sứ, đem thiết kị lên đón. Bấy giờ sứ thần phải đưa điệp văn, trong đó ghi họ tên, chức vụ của sứ đoàn. Có đúng thế không? Đây các bị cáo cùng đồ tử đồ tôn nhập cảnh, mà triều đình Đại-Việt không ai biết gì, thì thực là vô lý. Nếu như các bị cáo là sứ thần, thế thì có gì làm bằng không?
- Thần có mật chỉ của Thiệu-Hưng hoàng-đế, nhưng...nhưng để ở trong Hoàng-cung, thành Thăng-long.
- Khi không có gì làm bằng, thì tòa không coi như bị cáo là thường dân. Các bị cáo sang Đại-Việt với chủ tâm ăn cắp bộ Vô song, vô đối Trung-nghuyên võ kinh. Đó là một tội trộm. Khi các vị vào Vô-trung thanh hư miếu, các vị ăn cắp bốn thanh kiếm thờ, đó là hai tội trộm. Theo Hình-thư bản triều, tội trộm võ kinh, thuộc loại gia trọng, bị bị chặt một tay. Ăn cắp đồ thờ thì bị Cung-hình (Thiến). Nghe Long-Xưởng kết tội, Trần Dung định lên tiếng, nhưng Long-Xưởng phất tay ra lệnh bảo im lặng.

Long-Xưởng ngừng lại một lát rồi tiếp:

- Huống hồ các bị cáo lại bang bạn, chống lệnh đô đốc thủy quân tuần giang, hành hung đội tuần kiểm huyện lỵ Thiên-trường. Hơn nữa còn bắt cóc đô đốc chỉ huy hạm đội Âu-cơ, bắt cóc nghĩa đệ Thủ-Huy, bắt cóc cô gia, định mang về Trung-nghuyên. Theo Hình-thư bản triều, thì các bị cáo lãnh tội lăng trì, toàn gia bị chém ngang lưng. Các bị cáo có chối cãi gì không?

Ngô Giới chống chế:

- Chúng tôi là sứ thần của Thiệu-Hưng hoàng-đế nhà Đại-Tống. Chúng tôi có mang theo mật chỉ, nhưng tất cả đều để ở Thăng-long. Xin điện hạ dung cho chúng tôi ít ngày, chúng tôi sai người về lấy. Hoặc giả cho chúng tôi được đối chất với thái-hậu thì sẽ rõ ngay gian. Trong khi trì nghi, xin cho chúng tôi được hưởng quyền ân giảm.

Long-Xưởng tuyên án:

- Trong khi chưa minh chứng được thân phận thì các bị cáo vẫn phải giam cầm như bọn trộm cướp, chứ không được đối xử như mật sứ. Tòa tuyên án trao các can phạm huyện lệnh Thiên-trường. Nội trong ba ngày các bị cáo không minh chứng được thân phận, thì các chánh phạm sẽ bị chặt tay, bị cung hình. Còn nếu trong ba tháng, các bị cáo không chứng minh được thân phận mình, thì án lăng trì mới thi hành.

Tự-Kinh phân trần với đám Hoa-sơn:

- Ngô đạo sư! Hiển-Trung vương vừa tuyên án. Nếu như Ngô đạo sư có gì minh chứng rằng đạo sư là Tống-sứ thì đạo sư sẽ được tiếp đón trọng thể. Bằng không, vương gia đây sẽ cho thi hành, thì lão phu cũng đành chịu thua.

Long-Xưởng nói với Vy-xuyên ngũ tiên:

- Xin ngũ vị tỷ tỷ đem mấy người này giam lại, huyện lệnh sẽ tới lĩnh sau.

Lại chỉ vào Lưu Kỳ với tên đạo sĩ tài công:

- Hai tên này cực kỳ lỗ mäng, y từng vô lễ với cô gia. Ngày mai thì cung hình tên tài công. Tiếp sau đó là tên Lưu Kỳ.

Lưu Kỳ năn nỉ:

- Xin điện hạ ban thuốc giải!

Thủ-Huy cười:

- Thưa đại ca, thuốc giải đê để đâu, quên mất rồi. Xin đại ca để đê về thư phòng tìm xem, may ra còn.

Nói rồi nó huýt sao một tiếng, con rắn vọt mình lên cao, Thủ-Huy bắt lấy bỏ vào túi.

Bọn Ngô Giới định phân trần, thì cũi đã bị khiêng ra khỏi sảnh đường. Long-Xưởng ban chỉ cho Trần Dung với Hình-binh, trở về nhiệm sở.

Khi bọn Ngô Giới bị đem ra khỏi rồi thì Tự-Hấp bảo Thủ-Huy:

- Con mau lấy thuốc giải cứu gã họ Lưu. Bằng chậm trễ, e y chết mất.
- Dạ!

Vũ Tử-Mẫn hướng Long-Xưởng chắp tay:

- Trí tuệ điện hạ thực siêu phàm. Tên nhà quê này đang tìm cách đưa Mao Khiêm với năm đội Phụng-quốc vệ cung Cảm-Thánh rời Thăng-long, mà không biết phải làm sao. Thế mà điện hạ đã nghĩ ra. Tử-Mẫn này xin bái phục.

Đại-sư Pháp-Dung kinh ngạc hỏi:

- Đại hiệp nói sao?

Lê Thúc-Cẩn gật đầu năm sáu lần:

- Tại hạ đoán ra rồi. Để tại hạ nói thử xem có đúng hay không nghe!

Long-Xưởng gật đầu:

- Xin tiên sinh kiến giải?

– Không ai có quyền điều động bọn Phụng-quốc vệ cung Cảm-Thánh, ngoài thái-hậu. Thái-hậu dùng bọn này chỉ với mục đích uy hiếp hoàng-thượng, hoàng-hậu, cùng bảo vệ cái triều đình gà mái gáy. Böyle giờ ta bắt được bọn Hoa-sơn, giam tại tổng đường phái Đông-A. Bọn Hoa-sơn sống hay chết, thái-hậu cũng nhắm mắt, không cần biết tới. Duy gã Lưu Kỳ, chỉ cần nghe tin gã bị cầm tù là thái-hậu đã ôlông lộn lên rồi. Nay nghe tin gã sắp bị thiến, thì bắt kể ngày đêm, thái-hậu điều động cả năm đội Phụng-quốc vệ về Thiên-trường cứu gã ngay. Cho nên ban nãy thái-tử kết án người của phái Hoa-sơn bị Cung-hình, thì tôi biết rằng đây là mưu của thái-tử. Vì trong bộ Hình-thư của bản triều, không có hình phạt này. Trần Dung không hiểu ý điện hạ, y định lên tiếng, nhưng điện hạ ra hiệu bảo y im lặng.

Cử tọa nghe Thúc-Cẩn giải đoán đều bật cười.

Vũ Tử-Mẫn hỏi Long-Xưởng:

- Theo ý điện hạ, thì ta báo tin bọn Hoa-sơn bị bắt cho thái-hậu bằng cách nào?
- Lượng tiểu phi quân tử. Vô độc bất truet phu. Văn sinh đã tuyên án tất cả bọn Hoa-sơn đều bị án lăng trì, bị cung hình, bị chặt một tay. Tạm thời thi hành cung hình trước. Một tháng sau sẽ chặt tay, và ba tháng sau mới lăng trì. Khi sắp khởi sự, ta đem một đạo sĩ Hoa-sơn thiến quách đi. Thiến xong, ta băng bó cẩn thận, để y không bị chết. Ta giả sơ xuất cho y trốn thoát. Y sẽ chẳng ngại ngùng gì mà không về Thăng-long yết kiến thái-hậu, cầu cứu với thái-hậu, xin người ra quân cứu đồng bọn.

Tôn Đức-Hòa nhăn mặt:

- Thiến người như vậy e phạm đến đức hiếu sinh của trời đất chăng?

Cao Tử-Đức phì cười:

– Tôn huynh ơi! Bọn đạo sĩ có cái ấy thực, nhưng chúng đi tu, thì nào có xử dụng tới? Nay ta thiến đi, không chừng chúng tu hành dễ dàng hơn, có khi thành tiên cũng nên.

Cử tọa nghe Cao Tử-Đức bàn đều bật cười.

Vũ Tử-Mẫn đứng lên tóm lược:

– Bây giờ các vị đâu về đó chuẩn bị. Hôm nay là ngày mùng ba. Đúng ngày mười tư thì ta thả tên đạo sĩ bị thiến. Ngày rằm thì khởi sự.

### **Ghi chú của thuật giả:**

(1) Thời Lĩnh-Nam có 162 anh hùng cùng nổi dậy theo vua Trưng. Trong số 162 anh hùng ấy thì 12 nữ tướng được coi như đại công thần. Mười hai nữ đại công thần triều đình vua Trưng là:

1. Minh-tử hoàng thái hậu Hoàng Thiếu-Hoa.
2. Tể tướng Nguyễn Phương-Dung.
3. Tư-đồ, công chúa Nguyệt-Đức Phùng Vĩnh-Hoa.
4. Bình-Ngô đại tướng quân, công chúa Nguyễn Thành-Thiên.
5. Đại đô đốc, công chúa Gia-Hưng Trần Quốc.
6. Chinh-Bắc đại tướng quân, công chúa Phật-Nguyệt.
7. Trần-viễn đại tướng quân, công-chúa Tây-vu Hồ Đề.
8. Trần-Đông tướng quân, công chúa Đông-Triều Lê Chân.
9. Uy-viễn đại tướng quân, công chúa Bát-Nàn Vũ Trinh-Thục.
10. Long-nhương đại tướng quân, công chúa Yên-lãng Trần Năng.
11. Ninh-viễn đại tướng quân Công chúa Đăng-châu Đào Phương-Dung.
12. Tổng trấn Luy-lâu, công chúa Khâu-Ni Quách-A.

Xin đọc **Anh-hùng Lĩnh-Nam, Động-đình hồ ngoại sử, Cẩm-khê di hận** của Yên-tử cư sĩ do Nam-á Paris xuất bản.

## Văn tại trại hè Võ-nguồn 1996.

Chiều ngày 1 tháng 9 .

Tôi làm thầy đồ kể chuyện đã được ba buổi. Số thính giả tăng lên bốn người nữa. Một cháu gái, dường như đã có chồng, vì tôi thấy trên ngón tay cháu đeo nhẫn. Cháu hỏi:

– Cảm-Thánh hoàng thái hậu khởi từ việc cầm quyền rồi chuyên quyền, rồi tiến tới dâm dật. Lại từ dâm dật tiến xa hơn là muốn cướp ngôi vua của con cho tình nhân Đỗ Anh-Vũ. Anh-Vũ chết, bà lại muốn cướp ngôi vua của con cho Lưu Kỳ. Thưa bác, thế trong lịch sử Việt-Nam, trước Cảm-Thánh thái hậu đã có bà thái hậu nào dơ bẩn như vậy chưa?

– Chưa! Trước hết phải phân cái đốn mạt của Cảm-Thánh ra làm bốn. Một là cầm quyền, hai là chuyên quyền, ba là dâm dật, bốn là cướp ngôi vua của con cho tình nhân. Cuối thời Đinh đã có Thái-hậu Dương Vân-Nga, vợ vua Đinh Tiên-hoàng. Bà cầm quyền, chuyên quyền, rồi cướp ngôi vua của con, cho tình nhân là Lê Hoàn, tức vua Lê Đại-hành. Khi lên ngôi vua, Lê Hoàn phong cho bà làm Đại-thắng hoàng-hậu. Giữa thời Lý, có Linh-Nhân hoàng thái hậu (Ỷ-Lan). Bà cầm quyền, làm cho dân giàu, nước mạnh. Bắc đánh Tống, phá tan cuộc cách mạng về kinh tế, quân sự của Vương An-Thạch. Đến con dâu bà là Chiêu-Hiếu thái hậu cũng cầm quyền, chuyên quyền, muốn cướp ngôi của cháu cho em ruột là ác nhân Đỗ Anh-Vũ. Rồi cháu dâu bà là Cảm-Thánh thái hậu....

Một cháu trai, tuổi có lẽ trên ba mươi hỏi:

– Như thầy giảng, con thấy nữ nhân thường làm cho đất nước suy vi, thế sao con thấy trong những tác phẩm của thầy, thầy thường đề cao đàn bà quá đáng?

– Tôi không hề đặc biệt đề cao, mà tự lịch sử ta có nhiều nữ anh hùng. Cháu cho rằng đàn bà làm cho đất nước suy vi ư? Trong lịch sử Việt-Nam, số nữ nhân làm hại nước chỉ bằng một phần mười các nữ anh hùng. Về nữ nhân hại nước, thì triều Lý có các bà Chiêu-Hiếu vợ Sùng-hiền hầu; Cảm-Thánh vợ vua Thần-tông, Chiêu-Thiên vợ vua Anh-tông, và sau này vợ vua Cao-tông nữa! So với các nữ đại anh hùng thì nhiều vô cùng. Ta hãy kể những vị có đại huân công, được thờ kính: Công chúa Hồng-Châu em vua Lý Thái-tổ. Con vua Lý Thái-tổ có công chúa An-Quốc, Lĩnh-Nam Bảo-Hòa. Con vua Lý Thái-tông có công-chúa Bình-Dương, Kim-Thành, Trường-Ninh. Con vua Lý Thánh-tông có các công chúa Thiên-Thành, Động-Thiên, Thiên-Ninh. Con vua Lý Anh-tông có công chúa Đoan-Nghi. Ngoài ra còn các nữ tướng khét tiếng đương thời như Thân Bảo-Hòa thời vua Thánh-tông. Trần Thanh-Nguyên, Nguyễn-thị Trinh-Dung, Lê Ngọc-Nam, Vũ Thanh-Thảo, Trần Ngọc-Huệ, và mười hai nữ tướng tuấn quốc trong thời gian kháng Tống. Cháu đừng vì một cái lá vàng rơi, mà kết luận rằng trong rừng toàn lá vàng.

... Bây giờ bác cháu ta trở lại với anh hùng Lý Long-Xưởng, Trần Lý, Trần Thủ-Huy, Tô Trung-Tử, Phùng Tá-Chu, Lý Đoan-Nghi trong việc bảo vệ đất nước.

Hồi thứ mười  
**Phong trân mài một lưỡi gươm,  
Những phường giá áo, túi cơm sá gì?**  
(Đoạn-trường tân thanh)

Tại đế đô Thăng-long, nước Đại-Việt.

Hôm ấy là ngày rằm tháng chín, trăng sáng vắng vặc. Mặc dù trong không gian có đôi ba ngọn gió heo may hiu hắt đem cái lạnh len lỏi khắp phố phường. Bấy giờ đang là lúc thịnh thời của Đại-Đinh hoàng-đế, biên cương không giặc, trong nước vô sự, nên thông thường rằm là ngày trai thanh, gái lịch dắt nhau đi chơi dưới trăng. Nhưng hôm nay, đường phố vắng lặng.

Đế đô im lìm, không ai dám ra khỏi nhà. Người người đều cảm thấy như có một biến cố bất ngờ sắp đến, vì những cuộc chuyển quân rầm rộ từ trưa đến chiều. Ngày hôm qua, năm đội Phụng-quốc vệ được lệnh tập trung. Ai cũng biết Phụng-quốc vệ không phải là các đạo binh của triều đình, mà là những đội thị vệ riêng của Cảm-Thánh hoàng thái hậu. Đám quân này được tuyển từ bọn vong mạng, bọn du thủ, du thực, bọn tù tội được ân xá. Đây là lần đầu tiên chúng ra trận. Với trên năm trăm người, chúng chuẩn bị cực kỳ ồn ào, suốt từ trưa, đến chiều, qua đêm. Cho đến sáng hôm nay cũng chưa xong. Chúng gọi nhau ơi ới, từ biệt gia đình, từ biệt bạn bè để lên đường... đã làm cho Thăng-long náo loạn suốt một ngày, một đêm. Hôm nay, sang giờ Ngọ thì đám này tập hợp ở cửa Quảng-phúc. Sau đó di chuyển đến bến Tiềm-long, rồi hạm đội Aâu-Cơ chở đi. Người dân thì thăm:Dường như có giặc ở trấn Thiên-trường.

Trong khi ngoài thành ồn ào như vậy, mà tại Hoàng-thành, Đại-Đinh hoàng-đế không biết gì. Hôm nay nhà vua ngự cơm chiều tại cung Chiêu-Linh với hoàng-hậu. Nhà vua chợt nhận thấy bọn thái giám, bọn Phụng-quốc vệ cung Chiêu-Linh biến đâu mất. Xung quanh nhà vua, xuất hiện cả trăm cung nga lạ mặt, mà nhà vua chưa từng thấy bao giờ. Tuy nhiên, vì nhà vua được đào tạo thành cục bộ, vô tư, nên ngài cũng không thắc mắc gì.

Khi trời chập choạng tối, thì cung nga báo:

– Có Tả-thiên ngưu vệ thượng tướng quân Tăng Quốc, trưởng ty Mật-sự thuộc Khu-mật viện xin cầu kiến.

Không đợi chỉ nhà vua, hoàng-hậu vẫy tay:

– Cho vào.

Tăng Quốc tâu:

– Thái-tử, cùng hai đại thần là Thái-sư Lưu Khánh-Đàm, Thái-phó Hoàng Nghĩa-Hiền; thỉnh bệ hạ giá lâm điện Uy-viễn để nghe tâu về tình hình xã tắc khẩn cấp.

Hoàng đế kinh ngạc, khi thấy hoàng-hậu cũng mặc võ phục, nai nịt, lưng đeo bảo kiếm, để tháp tùng. Nhà vua hỏi:

– Cái gì sắp xảy ra?

Hoàng-hậu đáp:

– Bệ hạ cứ đến đó, sẽ biết.

Nhà vua cùng hoàng-hậu lên xe. Hai bên có bốn chục cung nga, lưng đeo bảo kiếm hộ vệ. Liếc mắt nhìn về cung Long-thụy, tẩm cung của nhà vua, có đội võ sĩ do nghĩa đệ của Long-Xưởng là Tăng

Khoa với Đào Như-Như, đứa con gái của Nhạc-quan Đông-cung chỉ huy. Xa xa, quanh cung Cảm-Thánh có ba đội võ sĩ, do Bùi Trang-Hòa, cháu gọi Thần-phi Bùi Chiêu-Dương bằng cô chỉ huy. Nhà vua hơi chót dạ, ngài nhìn về phía điện Càn-nghuyên, lại cũng có võ sĩ dàn ra do nghĩa muội của công chúa Đoan-Nghi là Từ Thụy-Hương canh phòng. Tại điện Uy-viễn có rất nhiều người. Người nào cũng mang vũ khí do công chúa Đoan-Nghi với Thiện-nhân Trần Thủ-Huy thống lĩnh,

Xe ngừng lại.

Lễ quan hô:

– Hoàng-thượng giá lâm.

Lễ nghi tất.

Nhà vua đưa mắt nhìn: Các đại thần hiện diện đầy đủ.

Thái-tử Long-Xưởng tâu:

– Theo hội điển sự lệ từ thời đức Thái-tổ thì, Lưu thái sư, Hoàng thái phó đều là thầy của phụ hoàng, được hưởng vinh huân: Khi vào chầu được ngồi ghế, không phải quỳ gối, tâu không phải xưng tên. Nhưng vì ác nhân Đỗ Anh-Vũ lộng quyền, áp chế phụ hoàng, mà không thi hành. Hôm nay thần nhe xin phụ hoàng chuẩn tấu cho hai vị lão thần được hưởng huân dự đó.

– Hoàng-nhi đã lớn khôn, trí lự lại siêu phàm. Hoàng nhi thấy gì cần chỉnh đốn thì cứ làm. Trẫm chuẩn tấu.

Long-Xưởng kéo ghế:

– Xin kính mời nhị vị ân sư an toạ.

Thái-sư Lưu Khánh-Đàm, Thái-phó Hoàng Nghĩa-Hiền nói lời cảm tạ, rồi ngồi xuống.

Long-Xưởng tiếp tục kéo ghế mời tất cả Kinh-diên quan ngồi, và cũng gọi bằng thầy, thay vì gọi bằng chức tước.

Hồi chiều, các đại thần thầy sứ giả của Đông-cung tới triệu hồi phải vào điện Uy-viễn, là trụ sở của Khu-mật viện, dự cuộc thiết đại triều khẩn cấp; thì biết là có sự. Khi tới nơi, họ không thấy có Phụng-quốc vệ canh phòng, mà toàn võ sĩ, lưng đeo kiếm; họ lại đoán thêm là có biến cố.

Rồi bấy giờ, thái-tử tâu xin cho thi hành hội điển sự lệ từ thời đức Thái-tổ, đối với hai đại thần, họ lại kinh ngạc nữa. Vì từ lâu, mỗi khi họ tâu xin thi hành lệ này, thì bị thái-hậu bác ngay. Hơn nữa, từ sau khi Anh-Vũ bị Côi-sơn song-ưng giết, thái-hậu truy phong cho y tước vương, bắt kiêng chữ Anh-Vũ trong ngôn từ, trong văn kiện. Khi nói đến y thì phải gọi là đại vương. Thế mà bấy giờ, thái-tử công khai gọi y là ác nhân, thì biết rằng cái triều đình gà mái gáy đã xụp đổ.

Thái-sư Lưu Khánh-Đàm tâu:

– Thần tuân chỉ thái-tử, xin thiết đại triều khẩn cấp, để tâu lên bệ hạ, cùng thông báo với chư đại thần biết: Từ hai năm nay triều đình Tống, có dã tâm chiếm Đại-Việt ta, đặt thành quận huyện. Họ âm thầm đưa người vào tiềm ẩn ở Thăng-long, ở trong Hoàng-thành. Họ định dùng năm đội Phụng-quốc vệ đóng cửa thành, mưu thí bệ hạ, thí thái-tử, tàn sát hết tôn thất, đại thần, rồi tôn một đại thần Tống lên làm vua. Họ muốn bắt chước việc Lê Hoàn cướp ngôi của ấu quân Đinh triều xưa: Hoàn tư thông với thái-hậu Dương Vân-Nga. Dương thái hậu phế con mình xuống, rồi họp quần thần tôn người tình lén làm vua.

Mặt nhà vua tái xanh. Một số các đại thần cũng run lật bật. Nhà vua hỏi:

– Người tình của thái-hậu là Anh-Vũ chết rồi mà? Sao lại có người tình nào nữa? Böyle giờ phải làm gì? Trong thành này ngoài năm đội Phụng-quốc vệ ra, trẫm không có đạo quân nào cả. Mười hiệu Thiên-tử binh hiện do Thái-bảo Tô Hiển-Thành đã điều động đi tuần thú ở phương Nam rồi.

Khánh-Đàm tiếp:

– Nhưng rất may, nhờ phúc trạch của tiên đế, nhờ hồng phúc của bệ hạ, thái-tử cùng anh hùng võ lâm đã khám phá kịp thời, và đã dẹp yên.

Nhà vua cùng chư đại than thở ra, như thoát khỏi án tử hình. Nhà vua hỏi:

– Hoàng nhi hãy tâu rõ ngọn nguồn vụ này cho trẫm nghe.

Long-Xưởng chỉ Bảo-Ninh hầu:

– Hoàng thúc quản Khu-mật viện. Xin hoàng thúc tâu lên phụ hoàng.

Bảo-Ninh hầu bước ra quỳ gối:

– Thần Lý Long-Căn, Phiêu-kị thượng tướng quân, lĩnh Uy-viễn đại học sĩ, quản Khu-mật viện, tước Bảo-Ninh hầu kính tâu.

– Khanh bình thân.

– Đa tạ bệ hạ.

Long-Căn đứng dậy tâu chi tiết. Từ việc Trường-bạch song hùng, Hoa-sơn tứ đại thần kiêm bị bắt, bị Kinh-Nam vương giam lỏng ở Thiên-trường. Họ tiếc võ công bị mai một, nên lén chép để lại. Mao Khiêm theo Tống sứ cải táng hài cốt Song-hùng đem về Trung-nguyên. Việc Cảm-Thánh thái hậu định truất nhà vua xuống, tôn Đỗ Anh-Vũ lên làm vua. Bà gửi sứ sang Tống xin phong cho Đỗ Anh-Vũ làm Giao-chỉ quận vương. Tống không chuẩn, ngược lại Tống sai sứ sang phong cho nhà vua. Dịp này Tống cho Mao Khiêm theo làm thông dịch và hướng đạo. Lúc sứ Tống về, Mao ở lại, dạy độc công cho Anh-Vũ. Mao sai các đệ tử là Nùng-sơn tam anh, Tô-lịch nhị tiên dùng độc công khống chế các tôn sư võ học, các gia, các phái, các đại thần. Người người đều răm rắp tuân theo lệnh y. Y xui Anh-Vũ chuyên quyền để gây cho Đại-Việt hỗn loạn. Giữa lúc đó thì Anh-Vũ bị Côi-sơn song ưng giết. Mao Khiêm tâu về Trung-nguyên, lập tức Tống sai một đoàn mật sứ, do Ngô Giới cầm đầu, Lưu Kỳ làm phó sang. Bề trong, họ dùng cái mỹ nam tử của Lưu Kỳ, hy vọng giữa lúc thái-hậu mất Anh-Vũ, thì Lưu Kỳ có thể thay thế y. Quả nhiên thái-hậu say mê y ngay. Y nói gì, thái-hậu cũng nghe. Sứ đoàn với y, bề ngoài thì giúp thái-hậu, để tạo cho Đại-Việt có hai lực lượng đối nghịch nhau. Vì vậy mới có triều đình gà má gáy. Họ xui thái-hậu tuyển cho cung Cảm-Thánh năm đội Phụng-quốc vệ. Kỳ thực họ sẽ dùng lực lượng này để thình lình thí nhà vua, giết tôn thất, rồi Thái-hậu họp triều đình gà mái gáy tôn Lưu Kỳ lên làm vua. Thế là Tống không cần đem quân sang, mà chiếm được Đại-Việt, đặt làm quận huyện dễ dàng.

Tiếp theo thái-tử Long-Xưởng tâu trình về việc đại tôn sư năm phái họp nhau dẹp loạn. Hiện tất cả các đại thần theo cung Cảm-Thánh đều bị giam lại, gia thuộc bị kiềm chế. Mấy toán Phụng-quốc vệ canh phòng cung Cảm-Thánh, cung Chiêu-Linh, Đông-cung, Khu-mật viện đều bị bắt. Bọn Nùng-sơn tam anh, Tô-lịch nhị tiên cùng Mao Khiêm đang mang năm đội Phụng-quốc vệ đi Thiên-trường. Phái Đông-a sẽ đánh tan năm đội này.

Cuối cùng thái-tử kết luận:

– Sáu tháng trước, thần nhỉ âm thầm nhờ các võ phái, mỗi võ phái huấn luyện cho một trăm thị vệ, tổ chức thành đội ngũ. Hiện họ vẫn trang phục theo võ sĩ. Nội ngày mai, thần nhỉ sẽ mở kho của

Phụng-quốc vệ phát quân phục cho họ. Ngoài ra, sáng nay thần-nhi đã ban chỉ cho Khu-mật viện đem các hiệu Thiên-tử binh Ngự-long, Thần-điện, Long-dực, Bổng-nhật về trấn ở ngoại ô Thăng-long.

Lạ-bộ thượng thư Đỗ An-Di hỏi:

– Khải điện hạ, cuộc dẹp loạn của điện hạ quả thực tuyệt mật, không phải đánh một chiêu võ không phải bắn một mũi tên, không đổ một giọt máu mà thành công. Nếu Khai-Quốc vương sống lại cũng phải khen. Tuy nhiên, năm đội Phụng-quốc vệ trên đường đi Thiên-trường, liệu phái Đông-a có dẹp được chúng không? Liệu có xảy ra cuộc chém giết nhau không?

– Thượng thư an tâm.

Thái-sư Lưu Khánh-Đàm an ủi: Phụng-quốc vệ gồm năm trăm người, nhưng toàn là một loại đầu trâu mặt ngựa, đầu trộm đuôi cướp thì địch sao lại ba trăm đệ tử của phái Đông-a, võ công cao thâm, lại có tổ chức chặt chẽ? Vả đại hiệp Vũ Tử-Mẫn đã có phương pháp đối phó với bọn này rồi.

Đến đó một võ quan bước vào quỳ tâu:

– Thần Lưu Khánh-Bình, Long-nhương thượng tướng quân, trưởng ty Phòng-ngự Khu-mật viện kính tâu.

Nhà vua ban chỉ:

– Khanh bình thân.

– Tâu, chim ưng từ trấn Thiên-trường báo về, sáng nay, thái-hậu ban chỉ sai hạm đội Aâu-Cơ phái năm chiến thuyền chở Phụng-quốc vệ đi Thiên-trường. Khi chiến thuyền vừa tới nơi, thì người của phái Đông-a đã chờ sẵn từ bao giờ. Họ lặn xuống đục thuyền. Hơn trăm Phụng-quốc vệ bị chết đuối. Còn bốn trăm bị bắt sống. Tuy nhiên, phái này không thấy Mao Khiêm, Nùng-sơn tam anh, Tô-lịch nhị tiên đâu. Hiện tù binh gửi cho Tuyên-vũ sứ Thiên-trường giam lại, chờ triều đình phát lạc.

Nhà vua hỏi Long-Xưởng:

– Xưởng nhi. Con định sao?

Long-Xưởng tuyên chỉ:

– Tướng quân làm chỉ truyền lệnh cho trấn Thiên-trường cạo đầu, sơn vôi chúng, thích chữ Quốc-tặc vào mặt, rồi phân cho các hiệu binh ở biên giới để làm lao dịch.

Khánh-Bình lùi khỏi điện, thì Tăng Quốc vào quỳ gối:

– Thần, Tả-thiên ngưu vệ thượng tướng quân Tăng Quốc kính tâu: Cung Cảm-Thánh có 102 viên quan thì 54 là của triều đình, 48 viên hoàn toàn của cung Cảm-Thánh. Tất cả đã bị bắt. Xin bệ hạ ban chỉ về những người này?

Nhà vua không có chủ trương gì, ngài hỏi Long-Xưởng:

– Ta phải làm gì đây?

– Tâu, đối với các quan của triều đình a dua, không tuân phép nước, thì tạm giam rồi chiểu luật xử tội. Còn bọn quan được tuyển ngoài luật lệ thì là giặc cướp, hãy đem xử tử tận số.

Long-Xưởng hỏi Tăng Quốc:

– Bọn Phụng-quốc vệ còn tại Thăng-long bị bắt bao nhiêu tên?

– Khải điện hạ, mười tám tên.

– Bọn đàn ông giả thái giám, bọn cung nga trong cung Cảm-Thánh bị bắt bao nhiêu tên?

- Tâu, hầu hết chúng theo năm đội Phụng-quốc vệ đi Thiên-trường, chỉ còn lại có mười hai tên thuộc cung Chiêu-Linh và Đông-cung bị bắt mà thôi.
- Đem tất cả bọn chúng xử tử ngay.

Tăng Quốc lùi khỏi điện Uy-viễn.

Nhà vua hỏi:

- Thái-hậu hiện ở đâu?

– Thần nhi đang cho tìm. Khi thần nhi dùng võ sĩ phái Mê-linh chiếm cung Cảm-Thánh thì không thấy thái-hậu. Tra hỏi cung nga, thái giám, thì chúng nói rằng người giả làm một nữ Phụng-quốc vệ, đích thân đi Thiên-trường cứu Lưu Kỳ. Để thần nhi sai chim ưng truyền chỉ cho Tuyên-vũ sứ Thiên-trường, tìm xem người có bị bắt cùng đám tù binh không?

Nhà vua chỉ biết ăn với ngủ, chưa từng thức khuya, lại không quen giải quyết những vấn đề khó khăn, nên đã mệt mỏi. Ngài ngáp dài liên tiếp ba lần, rồi tuyên chỉ:

- Thôi, mọi sự trẫm ủy thác cho Lưu thái sư, Hoàng thái phó phù tá Xưởng nhi. Trẫm hồi cung.

Biết cha không ai bằng con, Long-Xưởng tuyên chỉ:

- Hoàng-thượng gi hoàng hồi cung.

Bãi triều.

Thình lình có tiếng quát:

- Khoan!

Rồi bốn người trên nóc điện đáp xuống như bốn con đại bàng. Một người dùng Ưng-trảo chụp Đại-Định hoàng-đế. Nhà vua bị khống chế liền. Người đó là Cao Nhị. Một người dùng Hổ-trảo chụp Khánh-Đàm. Ông bị điểm huyệt, ngồi bất động. Người đó là Vương Nhất. Một người dùng Long-trảo bắt Long-Xưởng. Y chính là Đỗ Anh-Hào. Còn người bịt mặt đứng lược trận.

Hoàng-hậu quát lên một tiếng, bà rút kiếm tung ra liên tiếp năm chiêu hiểm độc, tấn công Cao Nhị, khiến y phải lui lại, rút kiếm nghênh chiến. Y kinh ngạc vô cùng, vì hai năm trước, trong khi hậu giao chiến với Đỗ Anh-Hào, y chỉ ra một chiêu đã khiến hậu lạc bại. Thế mà bây giờ kiếm thuật của bà lại tinh diệu đến như vậy.

Về phía Long-Xưởng, tuy bị bất ngờ, nhưng vương cũng kịp trâm người tránh khỏi thế chụp của Anh-Hào. Vương phát chiêu Loa-thành nguyệt chiểu, đẩy thẳng vào ngực y.

Từ hơn hai năm nay, Anh-Hào vẫn coi Long-Xưởng như đứa con nít, học chưa quá ba cái múa. Y từng bắt Long-Xưởng như bắt ốc. Bây giờ y bị Long-Xưởng phản công, mà chưởng lực lại không có chút kinh lực nào. Y thu chiêu về gạt tay Long-Xưởng. Xùy một tiếng, Anh-Hào cảm thấy kinh lực của mình mất tăm, mất tích. Trong khi đó Long-Xưởng phát chiêu Kình-ngư thăng thiên, đánh vào hông trái y. Kinh hoàng, Anh-Hào lộn người về sau ba vòng để tránh chiêu chưởng ác liệt. Nhưng y vừa đứng xuống, thì Long-Xưởng phát chiêu Hải-triều lăng lăng, một chiêu võ trấn môn của phái Mê-linh. Hơn nghìn năm trước, vì con gái nhẹ dạ, vua An-Dương bị Triệu Đà đánh bại mà đưa đến mất nước. Sau khi giết con gái để tạ tội với quốc dân; uất khí bốc lên, ngài ngẫm nghĩ đến năm giai đoạn của quá khứ, rồi chế ra chiêu Hải-triều lăng lăng, kết tụ tinh hoa cuộc đời, phát tiết nỗi uất hận. Năm giai đoạn đó gồm: Giai đoạn một, là thời niên thiếu cùng Phượng-chính hầu Trần Tự-Minh, Cao-cảnh hầu Cao Nỗ, Vạn-tín hầu Lý Thân, Trung-tín hầu Vũ Bảo-Trung kết bạn. Giai đoạn hai, ngài cùng bốn sư đệ khởi nghĩa đánh vua Hùng. Giai đoạn ba, lên làm vua, lập ra triều đình Âu-lạc. Giai đoạn bốn giết

tướng Tân là Đồ Thư, đốt năm mươi vạn quân Tân ở Ma-Tân lĩnh. Giai đoạn năm, bị lừa trong cuộc hôn nhân My-Châu, Trọng-Thủy mà mất nước.

Phàm xử dụng chiêu này thì khi phát lớp thứ nhất, bắt buộc phải phát tiếp các lớp sau. Kình lực lớp thứ nhì mạnh gấp đôi lớp thứ nhất. Lớp thứ ba mạnh gấp đôi lớp thứ nhì. Lớp thứ tư mạnh gấp đôi lớp thứ ba. Lớp thứ năm mạnh gấp đôi lớp thứ tư.

Bị bất ngờ, thấy chiêu chưởng hung dữ, Anh-Hào quát lên một tiếng, y tung người lên cao, rồi dáng xuống một chưởng. Long-Xưởng chuyển thân một cái, phát lớp thứ nhì. Hai chưởng gặp nhau, xùy một tiếng. Anh-Hào bay tung ra xa đến hơn hai trượng. Long-Xưởng phát lớp thứ ba, lớp này vương vận dương kình, mạnh gấp hai lớp thứ nhì. Chưởng phong phát ra ào ào. Anh-Hào hét lên be be, y biết rằng nếu mình đỡ chiêu này thì sẽ nát thây ra mà chết. Y nhảy lùi liền ba bước, rồi đưa cả hai chưởng lên đỡ. Bình, người y bật lại sau, trúng bức tường đến ầm một tiếng. Miệng y mửa ra một búng máu. Long-Xưởng không dừng lại được, vương phát lớp thứ tư. Mọi người thét lên, vì nếu lớp đó trúng người Anh-Hào, thì người y sẽ vỡ làm bẩy tám mảnh. Anh-Hào lăn mình xuống đất, rồi nấp vào phía sau cái chậu cảnh lớn. Choang, cái chậu vỡ tan tành. Long-Xưởng phát lớp thứ năm. Có tiếng thái-hậu ở đâu đó thét lên:

– Không được giết con ta.

Nhưng không kịp nữa, Long-Xưởng đã nhả kình lực. Người bịt mặt chĩa ngón tay chỏ, cách không điểm vào huyệt đại-trùy Long-Xưởng. Bị đánh trộm phía sau, Long-Xưởng té liệt toàn thân, ngã lăn xuống thêm điện.

Người bịt mặt lại lách thân một cái, tay như dài thêm ra. Y đã đoạt kiếm của hoàng-hậu, rồi điểm huyệt bà. Hậu ngã ngồi ngay cạnh nhà vua.

Tuy bị điểm huyệt, Long-Xưởng vẫn tinh táo, vương hô lớn:

– Võ sĩ đâu! Bắt gian tế.

Đám võ sĩ Sài-sơn gác ngoài điện chưa kịp cứu giá thì tên bịt mặt hô lớn:

– Thỉnh thánh giá thái-hậu.

Thái-hậu từ ngoài bước vào, hai bên có Cảm-Linh, Cảm-Chi hộ giá. Mặt thái-hậu lạnh như tiền. Bà vừa ngồi lên ngai của nhà vua, thì võ sĩ thuộc phái Sài-sơn từ ngoài tràn vào. Họ cùng rút kiếm tấn công Nùng-sơn tam anh, Tô-lịch nhị tiên.

Vương Nhất dí kiếm vào cổ nhà vua. Y cười gằn:

– Xin bệ hạ tuyên chỉ cho đám võ sĩ lui ra ngoài, bằng không thần xin dâng một nhát kiếm, thì cái gì sẽ xảy ra, bệ hạ tự hiểu lấy.

Nhà vua cuống lên:

– Các vị võ sĩ mau lui ra.

Các võ sĩ đều dừng lại.

Thái-hậu chỉ vào mặt Long-Xưởng:

– Thì ra mi! Từ mấy năm nay, ta chỉ để phòng con mẹ mi, mà tuyệt không nghi ngờ mi, thành ra nồng nỗi này. Trước đây hai năm, ta thấy mi sử dụng mấy chiêu võ mèo cào của bọn Mê-linh, ta những tưởng mi học ở con mẹ mi. Böyle giờ, với bản lĩnh mi vừa sử dụng, thì ta mới biết rằng không phải. Ta hỏi mi: Đứa nào đã dạy võ công Mê-linh cho mi? Những chiêu này, cái mụ ni sư già Nghị-Ninh cũng không biết, thì thị không thể dạy cho mi được.

Long-Xưởng không trả lời.

Thái-hậu nghiến răng:

– Tan nát hết rồi. Đã tan vỡ, thì ta cho tan vỡ luôn. Thắng cha mi, con mẹ mi, cả mi nữa đều phải chết. Cơ đồ họ Lý cũng tan nát luôn.

Tuy bị kiềm chế, nhưng Long-Xưởng vẫn quật cường, vương hướng vào thái-hậu:

– Tổ mẫu! Khi đức Thần-tông còn tại thế, người đãi tổ mẫu không bạc. Thế mà, khi người băng rồi, thì tổ mẫu lại mưu đem ngôi vua truyền cho ác nhân Anh-Vũ. Anh-Vũ chết, tổ mẫu lại muốn đem ngôi vua truyền cho gã Lưu Kỳ. Phụ hoàng làm vua, hay người nào trong hoàng tộc làm vua, thì sự nghiệp của năm vị tiên đế, của cõi nghiệp Tiêu-sơn vẫn còn. Dù cõi nghiệp Tiêu-sơn có mất chăng nữa, bất cứ giòng họ nào thuộc Đại-Việt lên làm vua, thì giang sơn của vua Hùng, vua Trưng vẫn còn. Tổ mẫu không thể, không nên trao cho Tống.

Bỗp. Thái-hậu tát Long-Xưởng một cái, bàn tay bà cảm thấy đau nhức vô cùng. Tay trái xoa tay phải, bà văng tục:

– Câm cái mõm chó lại. Việc làm của mi, thì mi cho rằng mi có lý. Việc làm của ta, ta cũng cho rằng ta có lý. Mi không đủ tư cách bàn luận.

Bà chỉ vào bụng:

– Thắng cha mà còn chui ở trong cái lỗ này ra, thì mi không đủ tư cách lời đối lời với ta.

Bà nhìn Thái-sư Lưu Khánh-Đàm:

– Còn thắng già này! Suốt hai năm nay, mi xui dục thắng nhóc con bí mật hành sự để chống ta. Hôm nay mi phải chết. Những chuẩn bị của mi thực hoàn hảo. Chắc mi tự hỏi: Ngoài thành có võ sĩ canh gác, điện này có võ sĩ canh gác, thế mà sao chúng ta lọt được vào đây phải không?

\_?!?!?

– Được ta nói cho mi biết, để trước khi chết, mi khỏi ân hận. Mi tưởng, mi là Thái-sư thì cái gì mi cũng biết. Mi nào ngờ đến chuyện: Có một con đường hầm từ ngoài cửa Đan-phượng đi vào điện Càn-nguyên. Từ điện Càn-nguyên có đường hầm thông sang điện bày. Lại cũng có con đường từ điện này thông ra hồ Tây. Các đường hầm được Khai-Quốc vương kiến tạo, sau thời chư vương nổi loạn. Mục đích là dùng đường này để phòng khi bị phản, thì hoàng-đế dùng để thoát thân. Nên chỉ mình hoàng-đế được biết mà thôi.

Bà chỉ tay vào mặt nhà vua:

– Đức Nhân-tông băng, mật truyền cho đức Thần-tông. Đức Thần-tông băng, thì thắng ngốc này còn bẽ ngửa, nên ngài di chúc cho ta. Đáng lẽ khi nó lớn thì ta truyền cho nó. Nhưng nó dâm quá, ta không truyền.

Bà thở dài:

– Hôm qua, được tin bọn Đông-a làm phản, ta tức tốc triệu tập Phụng-quốc vệ dẹp loạn. Sáng nay, ta cho năm đội Phụng-quốc vệ đi băng đường thủy về Thiên-trường an dinh hạ trại. Còn bọn ta. Chúng ta bí mật đi băng đường bộ. Khi chúng ta đến đến Thiên-trường mới biết tên nhà quê Trần Tự-Kinh đã đục thuyền bắt hết Phụng-quốc vệ. Ta linh cảm thấy mình đã trúng kế diệu hổ ly sơn, nên vội vã trở về. Ta tới nơi, thì các cổng thành Thắng-long đóng cửa. Ta bèn dùng đường hầm tái chiếm điện Càn-nguyên, rồi từ điện Càn-nguyên ta đến.

Nghe thái-hậu nói, Lưu Khánh-Đàm phát run, bởi võ sĩ canh phòng điện Càn-nguyên do Từ Thụy-Hương chỉ huy có tới trên ba trăm. Nếu bọn tùy tùng của thái-hậu muốn thắng chúng, ắt phải có cuộc long tranh, hổ đấu ... thế sao bà lại đến đây bí mật đến nỗi ông bị bất ngờ?

Cảm-Linh đoán ra cái thắc mắc của Lưu thái-sư, thị cười nhạt:

– Thắng già chưa chết kia! Mi tưởng bọn võ sĩ canh gác điện Càn-nguyên, Uy-viễn trung thành với mi ư? Mi lầm rồi! Bọn chúng thấy thái-hậu là quỳ gối tỏ lòng trung thành, và bảo mật khẩu cho chúng ta. Cho nên chúng ta vào đây dễ dàng.

Thái-hậu cười nhạt hỏi Khánh-Đàm:

– Mi còn muốn nói gì nữa không?

Lưu Khánh-Đàm lắc đầu:

– Thần là tôi triều Lý, thờ trải ba đời vua. Nay vì sự nghiệp của năm vị tiên đế mà chết, thì cũng thỏa lòng. Thái-hậu cứ giết thần đi.

– Được ta sẽ cho mi chết.

Bà xỉa xói vào mặt nhà vua, tay chỉ vào hoàng-hậu, miệng cong cớn, chu tréo:

– Ta đẻ ra mi, ta biết mi là một thằng khờ, một thằng đần. Chả đần, mà hai phen mi nghe lời con diều tha, quả mổ này phản ta. Thì ra mi chui đầu vào cái trong váy của nó, rồi nó bảo gì mi cũng nghe.

Có lẽ cổ kim, Đông, Tây, Cảm-Thánh thái hậu là người vãng tục bằng những lời đâu đường xó chợ với một hoàng-đế như vậy trước mặt quần thần.

– Thôi được, dù gì thì mi cũng do ta đẻ ra. Ta cho mi chọn hai con đường.

– Thần nhi chờ chỉ dụ của mẫu hậu.

– Đạo lý trong thiên hạ, không bao giờ được giết vua. Vì vậy bây giờ ta không thể giết mi ngay. Muốn giết mi, ta phế mi xuống làm Si-vương, Ngu-vương hay Đần-vương...rồi lập đứa con út mi lên thay. Cổ kim, chưa từng một vua bị phế mà được sống. Vì vậy sau đó ta sẽ xử giảo một vương si ngốc, với con vợ mi, cùng thằng Long-Xưởng này.

Nhà vua run run:

– Xin mẫu hậu nới tay.

– Thôi được! Vậy mi hãy làm ngay ba việc. Một là mi tự nhận bị lú lẩn, điên khùng, nghe lời bọn nhà quê ở phái Đông-a làm việc bất hiếu, bất đạo, nên không đương nổi việc lớn. Vì không đương nổi việc lớn, mi học theo vua Nghiêng nhường ngôi cho vua Thuấn. Vua Thuấn nhường ngôi cho vua Vũ. Mi nhường ngôi cho một đấng nhân từ nhất lịch sử cổ kim, anh tuấn nhất thiên hạ, lại có tài nghiêng trời lệch đất là quan Tiết-độ sứ Thiên-triều... Lưu Kỳ. Hai là, sau đó mi cạo đầu vào chùa Chân-giáo làm sư. Ba là, mi ban chỉ tru di tam tộc nhà con vợ mi, xử trảm con vợ mi với thằng Long-Xưởng. Giết cả nhà tên Lưu Khánh-Đàm.

Nhà vua năn nỉ:

– Thần nhi chịu thoái vị nhường ngôi. Xin mẫu hậu cho thần nhi đem tất cả của cải, vợ con theo. Thần nhi chỉ xin làm một anh nhà giàu, về Cổ-pháp trông coi lăng tẩm tiên đế.

– Được! Ta đồng ý. Nhưng mi phải giết con vợ mi, với thằng nhóc Long-Xưởng. Việc này, mi không cần ban chỉ. Mi chỉ cần gật đầu một cái, thì những người của ta sẽ giết chúng ngay tại đây.(1)

Nhà vua liếc nhìn hoàng-hậu, Long-Xưởng, rồi lắp bắp, nói không thành tiếng:

– Sự đã như thế này, thì trẫm không còn con đường nào khác. Khanh với Xưởng nhi đừng oán trẫm nhé. Sau khi khanh chết, trẫm sẽ làm chay thực lớn cho khanh mau siêu thoát.

Thái-hậu cười lớn hướng Tô-lịch nhị tiên:

– Cảm-Linh giết con vợ nó. Cảm-Chi giết thằng lỏi lát cá. Thi hành.

Hai người dạ một tiếng rồi rút kiếm khỏi vỏ. Nhà vua, các quan cùng nhầm mắt lại không dám nhìn thảm cảnh mẹ chồng giết nàng dâu, bà giết cháu.

Thình lình có tiếng nói rất êm đềm:

– Khoan!

Rồi bảy bóng người xẹt đến, tiếp theo hai tiếng cách cách, hai tiếng bình, bình. Hai thanh kiếm của Cảm-Linh, Cảm-Chi vọt lên cắm vào cây xà điện. Cảm-Linh, Cảm-Chi bay tung đến trước mặt nhà vua, nắm đùi đùi như hai cây chuối, không biết sống chết ra sao. Đỗ Anh-Hào thì bị bay tung ra cửa điện. Đám võ sĩ Sài-sơn điểm huyệt y, rồi để trước mặt Long-Xưởng.

Trong bảy người đó, có một thiếu niên tiến đến giải huyệt cho hoàng-hậu, Long-Xưởng. Hoàng-hậu, Long-Xưởng đứng dậy, nhặt kiếm đứng cạnh nhà vua.

Nói thì chậm, chừ bóng người xẹt đến, kiếm bay tung, Tô-lịch nhị tiên với Anh-Hào bị đánh văng đi, chỉ loáng một cái.

Bảy người xuất hiện là đại-sư Pháp-Dung, sư thái Nghi-Ninh; đại hiệp Lê Thúc-Cẩn, Tôn Đức-Hòa, Đoan-Nghi, Thủ-Lý, Thủ-Huy.

Đoan-Nghi cảm động, nắm lấy tay Thủ-Huy:

– Anh Thủ-Huy! Hay quá. Chúng ta đến cứu mẫu hậu, anh Long-Xưởng vừa đúng lúc.

Người bịt mặt cười nhạt:

– Thì ra chưởng môn bốn đại môn phái của Giao-chỉ đấy. Các vị tự hào là danh môn chính phái, mà ra tay ám toán ba đệ tử của tại hạ. Được! Bốn đại môn phái cùng bọn Đông-a đều tham dự vào việc phản nghịch hôm nay, thì trước sau gì tại hạ cũng phải đem quân đến tiêu diệt. Không ngờ ma đưa lối, quỷ đưa đường, bốn vị tự đến đây nộp mạng.

Nói dứt, y vung tay phóng ba chỉ, hướng Tô-lịch nhị tiên, Đỗ Anh-Hào. Được giải huyệt, ba người vọt lên cao, rồi đứng sau y.

Tôn Đức-Hòa hỏi:

– Phải chăng các hạ vừa sử dụng Lĩnh-Nam chỉ?

– Đúng thế! Lĩnh-Nam chỉ là một trong năm tuyệt kỹ trấn môn của phái Tân-viên. Vừa rồi tại hạ đã múa búa trước cửa Lỗ Ban, đọc Hiếu-kinh trước nhà Khổng-tử, rất mong Tôn đại hiệp chỉ cho những chỗ sơ hở.

Nghe người bịt mặt hỏi, Tôn Đức-Hòa rùng mình:

– Ngũ đại tuyệt kỹ của bản phái chỉ chưởng môn mới được học đủ. Muốn học tuyệt kỹ thì công lực phải cao thâm tới mức thượng thừa. Năm năm trước, không may sư phụ của tại hạ quy tiên quá nhanh, mà các đệ tử thì tuổi còn nhỏ, chưa ai đủ công lực luyện. Vì vậy tại hạ rất xấu hổ, không luyện được tuyệt kỹ nào cả.

Thình lình người bịt mặt xé dịch một cái, nhanh như điện chớp, y đã tới cạnh Long-Xưởng. Tay y như dài ra, y chụp vương. Rõ ràng người bịt mặt đang đối thoại với Tôn Đức-Hòa mà y ra tay như sét nổ, vạn vạn lần Long-Xưởng không ngờ tới. Vương không kịp vận công, cũng chẳng kịp tránh né, đành

nhắm mắt chịu chết. Pháp-Dung, Thúc-Cẩn cùng quát lên một tiếng, rồi cùng xuất chưởng đánh vào hai bên hông người bịt mặt, để y phải thu chiêu về tự cứu mình. Chưởng phong của hai đệ nhất cao nhân mạnh như bài sơn đảo hải tấn công vào hai bên, người bịt mặt vội bỏ Long-Xưởng, hai tay cùng phát chiêu đỡ. Àm, ầm, cả ba cùng bật lui lại phía sau.

Pháp-Dung, Thúc-Cẩn cùng cảm thấy khí huyết đảo lộn cực kỳ khó chịu. Cả hai biết rằng công lực đối thủ cao hơn mình nhiều. Bàn tay hai người lạnh buốt. Cái lạnh theo kinh mạch chạy lên cùi chỏ... Quá kinh hãi, cả hai phải nhảy lùi lại phía sau ngồi vận công.

Người bịt mặt như không coi Pháp-Dung, Thúc-Cẩn ra gì. Y nói:

– Ta mới vận có năm thành công lực.

Y quay lại tiếp tục nói truyện với Tôn Đức-Hòa:

– Đại hiệp thân làm chưởng môn một phái lớn nhất trời Nam, mà không dám nói sự thực. Tại hạ xin hỏi: Dù sư phụ của đại hiệp có chết bất đắc kỳ tử, thì cũng còn bí lục, đại hiệp có thể tự luyện chứ? Vậy đại hiệp đã luyện được tuyệt kỹ nào?

\_!!!

– Tạ hạ biết đại hiệp cố che dấu một sự thực, không dám nói ra. Được! Để tại hạ nói ra cho thiên hạ biết: Khi sư phụ đại hiệp chết, thì bí lục bị người ta đoạt mất thành ra phái Tân-viên nổi tiếng nhất trời Nam, nay trở thành hữu danh vô thực. Có đúng thế không?

– Quả đúng như tiên bối nói! Tại hạ xin hỏi tiên bối, tiên bối có biết hung thủ sát hại tiên sư là ai không?

– Tại hạ không biết. Dù có biết tại hạ cũng không nói cho đại hiệp nghe. Xin hỏi đại hiệp câu này: Luật lệ phái Tân-viên đặt ra từ Sơn-Tinh là, bất biêt người nào trong thiên hạ, nếu biết sử dụng tuyệt kỹ trấn môn, mà thắng chưởng môn bằng tuyệt kỹ, thì sẽ được lên thay thế, có đúng không?

Tôn Đức-Hòa run run:

– Quả... quả đúng vậy.

Người bịt mặt chỉ Vương Nhất:

– Người là đại đệ tử của ta. Người hãy dùng năm đại tuyệt kỹ trấn môn của phái Tân-viên thắng Tôn đại hiệp rồi lên làm chưởng môn. Người hãy nói cho mọi người biết, năm đại tuyệt kỹ đó là những môn võ công nào?

Vương Nhất cung cung kính kính dạ một tiếng, rồi bước ra:

– Tôn đại hiệp. Xưa kia vua Hùng thứ 88, sai lập võ đài tuyển phò mã. Sơn-Tinh nhờ pho Phục-ngưu thần chưởng 18 chiêu, thắng anh hùng thiên hạ mà được kết hôn với công chúa. Phục ngưu thần chưởng trở thành đệ nhất tuyệt kỹ trấn môn. Có đúng thế không?(2)

– Đúng vậy!

– Về sau, Vạn-tín hầu Lý Thân giúp vua An-Dương đánh vua Hùng. Hầu dùng Long-biên kiếm pháp đấu với Sơn-Tinh ba ngày ba đêm mới thắng được. Tuy thắng đối thủ, nhưng người cũng phải công nhận rằng Phục-ngưu thần chưởng là pho võ công tuyệt hảo. Sở dĩ hầu thắng đối thủ vì Long-biên kiếm pháp dùng nội công âm nhu. Nhu chế cương là lẽ đương nhiên. Hầu đề nghị hai bên trao đổi võ công. Hai đại tôn sư hợp nhau, chế ra Phục-ngưu thần chưởng Âm-nhu . Thành ra từ đấy phái Tân-viên có hai tuyệt kỹ trấn môn.

Vương Nhất hỏi Tôn Đức-Hòa:

– Nay đại hiệp làm chưởng môn, đại hiệp có biết xử dụng hai tuyệt kỹ trấn môn này không? Tại hạ dám quyết người không biết. Để tại hạ biểu diễn cho người xem.

Nói rồi Vương Nhất thứ tự biểu diễn đủ 18 chiêu Phục-ngưu thần chưởng, cứ một chiêu âm một chiêu dương, từ chiêu thứ nhất là Thanh-ngưu nhập điền đến chiêu thứ mười tám là Ngưu ngọa ư sơn, miệng giảng về biến hóa. Rồi hỏi:

– Tôn đại hiệp! Tại hạ diễn có sai chỗ nào không?

– Không!

– Đến thời Lĩnh-Nam, Khất đại phu Trần Đại-Sinh cùng Bắc-bình vương Đào Kỳ, áp dụng cách vận công bằng kinh mạch vào khí công, rồi chẽ ra Lĩnh-Nam chỉ. Lĩnh-Nam chỉ trở thành đệ tam tuyệt kỹ trấn môn của phái Tân-viên. Có đúng không?

Tôn Đức-Hòa run run:

– Đúng!

– Nay đại hiệp làm chưởng môn, thì chắc đại hiệp thành thạo Lĩnh-Nam chỉ pháp lắm thì phải. Xin đại hiệp xử dụng cho tại hạ mở rộng tầm con mắt. Đại hiệp nghĩ sao?

– !!!

– Đại hiệp im lặng, tức là không biết xử dụng. Thôi được để tại hạ biểu diễn cho đại hiệp xem.

Vương Nhất chĩa ngón tay chỏ hướng cái bình hoa để trên án thư, phóng một chỉ. Choang! Cái bình bằng bạc bay tung đi.

Vương cười:

– Khất đại-phu thu Yên-lãng công chúa Trần Năng làm đệ tử. Trong trận đánh đồi Vương-sơn, công chúa được Tăng-giả Nan-đà truyền Vô-ngã tướng Thiền-công cho. Vô-ngã tướng Thiền-công là nội công vô thượng. Bởi nó vừa có âm, lại vừa có dương. Khi giao chiến với đối thủ, đối thủ dùng nội công tấn công mình, thì bản thân mình sẽ hấp thụ nội công đó vào cơ thể mình, do vậy công lực mình tăng. Công chúa áp dụng vào việc xử dụng Phục-ngưu thần chưởng, khiến thần chưởng thành một chưởng mới. Từ đấy về sau, Vô-ngã tướng Thiền-công trở thành đệ tứ tuyệt kỹ của phái Tân-viên. Nhưng tại hạ dám quyết tiền bối chưa luyện được thứ Thiền-công thượng thừa này.

Y lại nhìn Long-Xưởng, rồi tiếp:

– Gần đây, Bố-đại hòa thượng dùng Vô-ngã tướng Thiền-công để hợp cả Phục-ngưu thần chưởng Âm lẫn Nhu làm một, rồi chẽ ra Mục-ngưu Thiền-chưởng, truyền cho phò mã Thân Thiệu-Thái. Khi ngài dậy phò mã, công chúa Bảo-Hòa cũng hiện diện. Tuy công chúa luyện cả nội công Âm-nhu, Dương-cương, nhưng công chúa không trấn nhiếp được thần chí, nên khi tay trái phát Phục-ngưu thần chưởng dương, tay phải phát Phục-ngưu thần chưởng âm mà không thành. Hóa cho nên chiêu trái bẩy phần dương, ba phần âm. Trong khi tay phải ba phần dương, bẩy phần âm. Chưởng này trở thành chưởng pháp có sát thủ bậc nhất thế gian. Bởi khi đánh trúng ai, thì âm dương hỗn tương công phá, khiến cho thịt nát, xương tan, hồn phách bay phơi phới. Đối thủ không chết ngay thì cũng dần dần hóa ra tàn tật. Trong đại hội Lộc-hà, công chúa xử dụng, hạ một lúc bốn trưởng lão Hồng-thiết giáo. Võ lâm dù chính, dù tà đều kinh hô động phách đặt tên là Tán-cốt Lạc-phách Tiêu-hồn chưởng thường gọi tắt là Tán-lạc-hồn chưởng. Đây là đệ ngũ tuyệt kỹ trấn môn của phái Tân-viên. Tiền bối là chưởng môn phái Tân-viên, xin tiền bối dùng Ngũ-đại tuyệt kỹ tứ giáo cho mấy chiêu. Nào, xin mời!

Nghe Vương Nhất nói tất cả những uẩn khúc của Ngũ-đại tuyệt kỹ phái Tản-viên, Tôn Đức-Hòa kinh hãi đến đờ người ra.

Người bịt mặt nói:

– Nay Tôn đại hiệp. Nếu như hôm nay, Tôn đại hiệp không dùng Ngũ-đại tuyệt kỹ trấn môn khắc phục được tên đệ tử của tại hạ cũng không sao. Sau này tại hạ sẽ sai y lên Tản-lĩnh lễ thánh Tản, rồi thân truyền năm tuyệt kỹ lại cho Tôn đại hiệp.

Tôn Đức-Hòa biết người bịt mặt ra điều kiện: Nếu như ông cũng như phái Tản-viên không can thiệp vào việc giúp Thái-tử Long-Xưởng thì sau này Vương Nhất sẽ truyền Ngũ-đại tuyệt kỹ trở lại cho ông. Còn như ông không tuân, thì Vương Nhất sẽ dùng võ công Tản-viên thắng ông, rồi đoạt chức chưởng môn ngay tại đây.

Nguyên từ khi sư phụ của Tôn Đức-Hòa là Đặng Phi-Sơn bị mất tích, tuyệt kỹ trấn môn bị thất truyền, đệ tử phái Tản-viên dần dần phiêu bạt đi các nơi. Năm trước, các đệ tử đại hội trên Tản-lĩnh cùng thề rằng: Nếu như ai tìm lại được Ngũ-đại tuyệt kỹ, thì sẽ được tôn làm chưởng môn. Họ tạm bầu Tôn Đức-Hòa lên nắm chức chưởng môn để môn phái không bị tan vỡ. Bây giờ nghe giọng điệu Vương Nhất, dường như y có bộ phổ chép Ngũ-đại tuyệt kỹ, mà y còn luyện thành nữa. Nếu như Tôn đấu với y, thì cái bại cầm chắc trong tay. Nhưng y không dồn Tôn vào đường cùng, mà y chỉ yêu cầu Tôn đứng ngoài cuộc tranh chấp giữa Cảm-Thánh thái hậu với nhà vua mà thôi. Y còn hứa sau này sẽ lên núi Tản truyền Ngũ-đại tuyệt kỹ cho nữa. Nghe Vương hứa, Tôn mừng không bút nào tả xiết.

Tôn cung tay:

– Tại hạ cung kính nghe lời Vương đại hiệp.

Người bịt mặt cười:

– Kẻ thức thời mới là người tuấn kiệt. Tôn đại hiệp, người bước sang đây với chúng ta đi.

Tôn Đức-Hòa không do dự, ông bước sang đứng cạnh Vương Nhất. Phái Tản-viên đang là trợ thủ của Long-Xưởng, bây giờ biến thành lực lượng đối nghịch.

Pháp-Dung, Thúc-Cẩn đã vận công trực cái lạnh từ chưởng của người bịt mặt truyền vào tay. Cả hai đứng dậy, mà trong lòng còn kinh hãi. Cả hai nghĩ thầm:

– Không biết tên này là ai, mà công lực cao đến như vậy? Trong chưởng của y bao hàm một nội công chính đại quang minh của phái Đông-a pha lẫn Huyền-âm hàn băng của phái Trường-bạch bên Trung-nguyên. Nếu như vừa rồi, y vận đủ mười thành công lực, thì mình đã chết rồi!

Long-Xưởng thấy hai đại tôn sư mới lĩnh một chưởng nhẹ nhàng của người bịt mặt, mà phải ngồi vận công hơn hai khắc mới hóa giải xong. Bây giờ Tôn Đức-Hòa lại theo y, thì kinh hãi:

– Hời ơi! Khi khởi sự, ta tin tưởng vào Tôn Đức-Hòa cũng như phái Tản-viên làm lực lượng chính trợ thủ. Bây giờ chứng thức này thì nguy quá rồi. Họ quay lưng lại phía kẻ thù, đối diện với ta!

Người bịt mặt chỉ Cảm-Linh, nói với sư thái Nghi-Ninh:

– Sư thái. Tại hạ xin giới thiệu với sư thái, đây là vợ của Vương Nhất, tên Cảm-Linh. Cảm-Linh có học qua võ công Mê-linh. Cảm-Linh muốn thưa truyện với sư thái.

Cảm-Linh chắp tay hướng sư thái Nghi-Ninh vái ba vái.

– Thưa sư thái! Dường như môn quy của quý phái định rằng, một người biết sử dụng võ công Mê-linh, nguyện cả đời theo chí hướng của vua Trưng, không phải là phường đầu trộm đuôi cướp, trốn chúa, lộn chồng... thì đương nhiên là đệ tử của Mê-linh. Không biết có phải vậy chăng?

- Quả đúng như vương phu nhân nói.
- Tiểu bối được sư phụ dạy ít bản sự của quý phái. Tiểu bối xin trình bầy, để xin sư thái chỉnh đốn cho những chỗ khiếm khuyết.

Cảm-Linh khoan thai nói:

- Sau khi vua Trưng tuẫn quốc, thì các phái Cửu-chân, Long-biên, Hoa-lư hợp làm một, gọi là phái Mê-linh. Vào thời vua Thái-tổ, khi công chúa Bình-Dương lên làm chưởng môn, thì phái Mê-linh cực thịnh. Ngoài tuyệt học ra, còn có ba pho chưởng tinh diệu, khắc chế võ công Trung-nghuyên, đó là Cửu-chân chưởng, Thiết-kình phi chưởng, Loa-thành chưởng. Vẫn bối xin trình bầy Cửu-chân chưởng trước.

Cảm-Linh bái tổ, rồi diễn từng chiêu, miệng giảng giải chi tiết biến hóa. Nghi-Ninh nhìn Cảm-Linh trình diễn, bất giác bà rùng mình, vì không những thị trình bầy đầy đủ những chiêu bà biết, mà còn diễn cả những chiêu bà không biết nữa. Sau khi diễn xong ba pho Cửu-chân chưởng, Cảm-Linh ngừng lại hỏi:

- Thưa sư thái. Phái Mê-linh là hậu duệ của vua Trưng. Tại hạ nghe nói, một chưởng môn thì bắt buộc phải thông ba tuyệt kỹ trấn môn. Một là Long-biên kiếm pháp. Hai là nội công Âm-nhu. Hai tuyệt kỹ này do tổ sư là Vạn-tín hầu Lý Thân sáng chế. Đến đời chưởng môn gần đây, công chúa Bình-Dương, học được Vô-ngã tướng Thiền-công, rồi biến đổi đi thành một nội công mới, gọi là Không-minh tâm pháp. Từ đấy phái Long-biên có ba tuyệt kỹ trấn môn. Không biết, trong ba tuyệt kỹ đó, sư thái thông được mấy tuyệt kỹ?

- A-di-dà Phật. Vương phu nhân, võ công mà phu nhân sử dụng, quả thực là võ công Mê-linh chính tông. Bần ni có một thắc mắc là phu nhân học võ công ấy ở đâu? Phu nhân có thể cho bần ni biết chăng?

Cảm-Linh chỉ vào người bịt mặt:

- Bạch sư thái, tiểu bối học từ sư phụ.

Người bịt mặt nói với vẻ tự hào:

- Sư thái. Dường như từ khi sư thái Nghi-Hòa viên tịch đến giờ, thì võ công trấn môn của quý phái bị thất truyền. Có đúng thế không? Nếu sư thái muốn phục hồi lại tuyệt kỹ của tiền nhân, thì cũng dễ thôi. Chỉ cần sư thái đứng tọa thủ bàng quan trong vụ tranh chấp của nội cung Lý triều là đủ. Sư thái ơi, sư thái theo giúp thằng bé con Long-Xưởng đã chẳng ích gì, mà còn nguy hại nữa. Sao bàng sư thái theo gương Tôn đại hiệp, ôm gối ngồi cao, vừa được hưởng thanh nhàn, vừa có lợi cho môn phái. Sư thái quyết định đi thôi. Sư thái là chưởng môn, mà không luyện được tuyệt kỹ của tiền nhân, thì có xứng đáng không?

Trong khi người bịt mặt, Vương Nhất, Cảm-Linh đối thoại với Tôn Đức-Hòa, Nghi-Ninh, thì Long-Xưởng hỏi sỹ Thủ-Huy:

- Không biết cái tên bịt mặt kia là ai mà thông thái đến như vậy? Không lẽ y có thể luyện thành tất cả các tuyệt kỹ của Đại-Việt ta?

- Đệ không rõ, xin đại ca hỏi huynh trưởng của đệ.

Long-Xưởng lại hỏi Thủ-Lý. Thủ-Lý dùng lăng-không truyền ngữ giảng giải:

- Điện hạ lầm rồi. Bản lĩnh của y cao thâm thì đúng. Chứ còn thông thái thì không. Này nhé, y sử dụng Linh-Nam chỉ bằng nội lực Đông-a chứ không phải nội lực Tân-viên? Tôn đại hiệp quá súc

động, nên không nhận ra. Đệ giám chắc y chỉ luyện thành có Lĩnh-Nam chỉ mà thôi. Y không thể nào luyện thành võ công Tản-viên với Mê-linh một lúc. Bởi vì hai hệ thống đó trái ngược nhau. Đệ nghi y là thủ phạm giết sư thái Nghi-Hòa, đại hiệp Đặng Phi-Sơn, hai năm trước rồi đoạt các cuốn phổ chép tuyệt kỹ. Sau đó y truyền cho Vương Nhất, Cảm-Linh. Hỏi rằng với hai năm, thì vợ chồng Vương Nhất chỉ có đủ khả năng học thuộc các chiêu thức ngoại công, rồi múa như vũ công, chứ chưa thể luyện nội công đến trình độ sử dụng được. Khi thấy gã bịt mặt, rồi Vương Nhất sử dụng được Lĩnh-Nam chỉ, vợ chồng Vương Nhất biểu diễn các tuyệt kỹ, thì Tôn Đức-Hòa, cũng như Nghi-Ninh sư thái tưởng đâu chúng luyện thành cả, rồi sợ bóng sợ gió chúng.

– Vậy ta phải làm sao?

– Điện hạ đã luyện tới năm năm nội công Âm-nhu với Không-minh tâm pháp rồi phải không? Hai năm gần đây điện hạ cũng luyện xong Mê-linh kiếm pháp rồi phải không? Vậy, lát nữa điện hạ với Thủ-Huy công khai thách hai vợ chồng Vương Nhất đấu, sau đó hạ chúng. Nhưng phải cẩn thận, bằng không sẽ bị trúng Huyền-âm chưởng thì nguy.

– Đệ cũng sợ có bấy nhiêu mà thôi.

– Điện hạ ơi, điện hạ quên rồi! Điện hạ có nhớ hôm đại đến Thiên-trường, phụ thân đệ đã truyền phương pháp phản Chu-sa chưởng do tổ của đệ là Tự-An chế ra. Nay điện hạ cũng có thể dùng để trị Huyền-âm được.

Long-Xưởng hỏi:

– Không biết cái tên bịt mặt là ai? Ban nay y dùng Lĩnh-Nam chỉ pháp đánh đệ mà thành công. Đệ muốn lột cái mặt nạ của y ra, thì phải làm thế nào?

– Căn bản võ công của y là võ công Đông-a và Huyền-âm nội lực. Vậy điện hạ dùng nội công Âm-nhu sử dụng Mê-linh kiếm pháp thì trị được y. Điện hạ phải nhớ một điều, phàm sử dụng Mê-linh kiếm pháp, thì phải ra tay trước. Khi mình đắc thế, đối thủ mất căn bản thì không nhân nhượng, đánh liên tiếp hết chiêu nọ tới chiêu kia như mây trôi, như sóng vỗ mới được.

Mấy lời của Thủ-Lý làm cho Long-Xưởng như người mê chợt tỉnh ngủ. Vương chú ý quan sát đối thủ. Nhắc lại, người bịt mặt vừa dụ, vừa dọa Nghi-Ninh sư thái. Nhưng bà không phải là người dễ khống chế. Bà cười nhạt:

– Bần ni học được nhiều hay ít bản sự của môn phái, không liên quan gì tới thí chủ. Bây giờ bần ni mới biết, chính thí chủ là thủ phạm sát hại Khánh-Hỷ đại sư, Nghi-Hòa sư thái và đại hiệp Đặng Phi-Sơn, rồi cướp bí lục võ công. A-di-dà Phật. Bần ni lớn mật dám xin thí cho biết cao danh quý tính đã?

– Điều này có bắt...

Tiếng buộc chưa ra khỏi miệng y, thì thấp thoáng một cái, chỉ thấy Long-Xưởng nhô lên, thụp xuống, tay vương rút kiếm, rồi tra kiếm vào vỏ đeo cách một tiếng. Người bịt mặt nhảy lùi lại, nhưng không kịp nữa, khăn đã rơi xuống. Thấy bộ mặt y, mọi người đều kêu lên tiếng kinh hãi: Hắn chỉ có một mắt, mắt chõ lõi, chõ lõm, môi trên bị khuyết một miếng, môi dưới lại vêu ra.

Người bịt mặt bị Long-Xưởng ra tay bất ngờ, vừa sợ, vừa tức. Y chỉ Long-Xưởng:

– Thắng oắt con. Ta...ta... sẽ lột da đầu mi.

Thủ-Lý bước đến trước quái nhân, tay chỉ vào mặt y:

– Thị ra người là Mao Khiêm.

Rồi chàng với mọi người:

– Thưa các vị, quái nhân này chính là Mao Khiêm. Y là khí đồ của phái Đông-a nhà tôi.

Chàng lại nói với quái nhân bằng giọng trịch thượng:

– Mao tiền bối! Xưa kia, cha, bác của tiền bối nức tiếng là Trường-bạch song hùng. Chỉ vì ham miếng đinh chung, mà theo bọn Quách Quỳ, Triệu Tiết sang đánh Đại-Việt. Trong trận Yên-dũng, Song-hùng bị phò mã Thân Thiệu-Thái bắt sống. Đức tăng tổ khảo (bốn đời trên= kí) của tiểu bối là Kinh-Nam vương, xin với Linh-Nhân hoàng thái hậu, rồi đem về cưu mang ở Thiên-trường. Người còn cưới vợ Việt cho Song-hùng nữa, nên mới có tiền bối. Đến đời cao tổ khảo, người thương tình tiền bối cõi cút, dạy văn, luyện võ cho. Trong người tiền bối có hai giọng máu Việt-Hoa. Đáng lẽ tiền bối phải hành xử như Kinh-Nam vương với công chúa Huệ-Nhu, sao dung hòa giữa Hoa-Việt; thì tiền bối lại đi làm tể tác cho Tống, mưu biến Đại-Việt thành quận huyện của Trung-quốc. Đạo lý ở chỗ nào? Xin tiền bối dạy cho một lời!

– Thắng oắt con kia!

Mặt Mao Khiêm sát khí dâng dâng: Mấy chục năm qua, ta nắm gai nêm mật, đóng cửa luyện võ, lập chí quyết phù tá Tống thiên tử chiếm bằng được đất Giao-chỉ, bắt tất cả đàn ông đem thiến, để trả mối hận trải hai đời của họ Mao nhà ta!

\_?!?!

– Khi ta theo sứ Tống, đem hài cốt cha ta về Trung-nghuyên, mẹ ta đã khuyên ta luôn luôn nhớ công ơn họ Trần, công ơn của người Việt. Nhưng khi luyện Huyền-âm công, ta tìm thấy trong di thư, phụ thân ta trăn trối phải giết tuyệt giòng giống Việt trả thù cho người. Vì bọn Việt giả nhân, giả nghĩa cưu mang người, chứ thực ra là cầm tù trọn đời. Bởi vậy, ta mới đem tất cả hình, thể, sông núi, tình hình võ phái của Giao-chỉ tâu lên Tống thiên tử. Ta lại bẻ kiếm, tuyệt tình với phái Đông-a. Khi ta theo sứ đoàn Tống sang Giao-chỉ lần đầu, thì gặp Côi-sơn song ưng.

Y nghĩ rằng kèn kẹt: Vì gặp Song-ưng, mà khuôn mặt ta mới thành thế này. Giam cha ta trọn đời là Trần Tự-Mai. Làm cho mặt ta ba phần giống người, bảy phần giống quỷ, là Côi-sơn song ưng. Vì vậy ta nhất quyết, nhất quyết đem quân Tống sang giết tận số bọn Việt, để trả mối thù hai đời.

Mao Khiêm hỏi Thủ-Lý:

– Mi thuộc chi nào? Giòng nào của Trần Tự-Mai?

– Tiểu bối thuộc chi một, giòng chính. Phụ thân của tiểu bối là Tự-Hấp.

– À, thì ra thế. Mi có biết rằng ta ngang vai với ông nội mi không? Thế mà mi thấy ta lại không rập đầu hành lễ. Đồ mất dạy!

– Mao tiền bối. Người hãy nghe đây!

Thủ-Lý đáp bằng giọng kẻ cả như chủ nói với tôi tớ: Khi theo di hài của Trường-bạch song hùng về Trung-nghuyên, tiền bối phát thê rằng: Trọn đời không làm lợi cho Đại-Việt thì cũng không làm hại. Nếu sai lời, thì sẽ mù một mắt, mặt biến thành quỷ. Thế mà khi về Trung-quốc, tiền bối làm ngược lại. Như vậy là tiền bối không còn tư cách của một đệ tử Đông-a, nên tiểu bối không coi người là thái sư thúc nữa. Dĩ nhiên khi thấy tiền bối, thì tiểu bối không phải hành lễ.

Thủ-Lý nói chậm lại, bằng giọng ngọt ngào:

– Tiền bối thề, rồi phản lại lời thề, nên Côi-sơn song ưng mới thực hiện lời thề của tiền bối khi xưa, mà biến bộ mặt mỹ nam tử của tiền bối, thành bộ mặt như thế này. Thế sao, hao vây, sự đời như thế, đâu có gì là lạ?

Long-Xưởng xá Thủ-Lý:

- Cảm ơn đại ca đã đem chính đạo ra dạy dỗ một tên ma đầu.
- Này Mao Khiêm!

Long-Xưởng chỉ ra ngoài: Bất quá mi chỉ có năm tên đệ tử với mi là sáu. Trong khi ta có bốn đại tôn sư với hơn ba trăm võ sĩ. Mi chịu trói đi thôi, hay đợi ta phải ra tay?

### **Ghi chú của thuật giả.**

(1) Chân-giáo là ngôi chùa nằm trong Hoàng-thành Thăng-long, nay thuộc quận Ba-đinh, Hà-nội.  
Chùa được xây dựng vào niên hiệu Thuận-Thiên thứ mười lăm (1024) đời vua Lý Thái-tổ.

Đúng là tiền oan, nghiệp chướng. Cảm-Thánh thái hậu ép vua Lý Anh-Tông đi tu ở chùa Chân-giáo, nhường ngôi vua cho tình quân Lưu Kỳ. Việc không thành bây giờ, nhưng sau này Trần Thủ-Độ thành công. Có lẽ việc này gợi ý cho con của Trần Thủ-Huy là Trần Thủ-Độ ép vua Lý Huệ-Tông đi tu ở chùa Chân-giáo, nhường ngôi cho công chúa Chiêu-Thánh. Công chúa Chiêu-Thánh lên làm vua, tức Lý Chiêu-Hoàng. Chiêu-Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh. Tháng tám, niên hiệu Kiến-Trung thứ nhì (1226). Trần Thủ-Độ buộc vua Lý Huệ-Tông thắt cổ tự tử ở vườn sau chùa.

Đó là việc sau, sẽ thuật ở bộ này, quyển 5.

(2) Huyền sử nói, triều đại Hồng-bàng trải 88 đời vua. Nhưng chỉ ghi lại được đế hiệu của 18 đời.  
Xin đọc **Anh-hùng Lĩnh-Nam** quyển 4 của Yên-tử cư-sĩ do Nam-á Paris xuất bản.